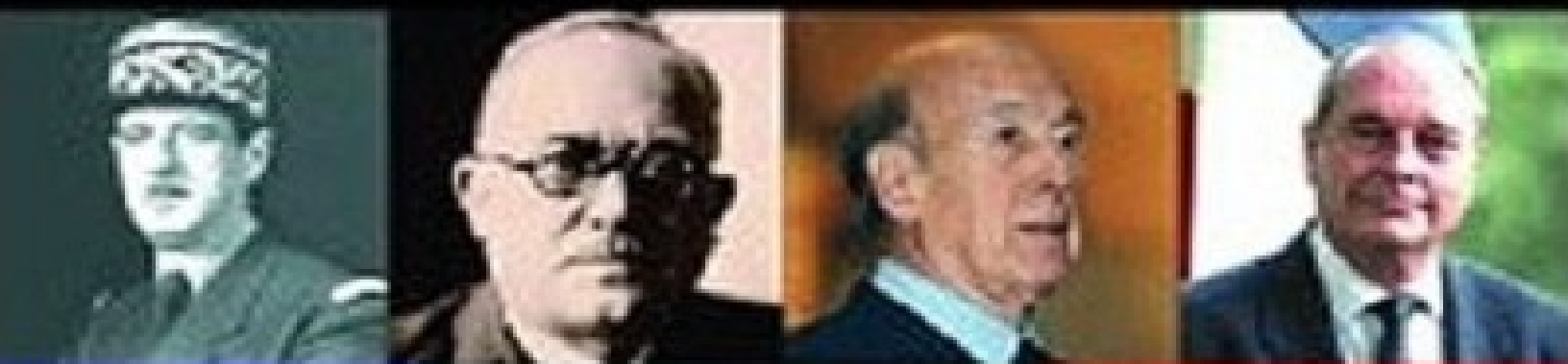


Serge BERSTEIN

Chân dung các NGUYỄN THỦ PHÁP



Chef de l'État

Table of Contents

[Chân dung các nguyên thủ Pháp](#)

[Lời giới thiệu](#)

[Lời giới thiệu](#)

[Cuộc Kiếm Tìm Người Đứng Đầu Nền Cộng Hòa \(1848 - 1879\)](#)

[- 1 - Louis-napole'on Bonaparte: Nền Cộng Hòa Và Ông Hoàng](#)

[- 2 - Ngài Thiers, Một Tổng Thống Nghịch Lý Cho Một Nền Cộng Hòa Lâm Thời](#)

[- 3 - Trong Khi Chờ Đợi Đức Vua...nguyên Soái Mac-Mahon Xuất Hiện](#)

[Thời Của Hoa Cúc?](#)

[- 4 - Jules Gre'vy: Vị Tổng Thống Cộng Hòa Đầu Tiên!](#)

[- 5 - Sadi Carnot, Hiện Thân Của Nhà Nước Cộng Hòa](#)

[- 6 - Casimir-périer Không Thể Chung Sống](#)

[- 7 - fe'lix Faure, "tổng Thống Mặt Trời"](#)

[- 8 - Émile Loubet, Đỉnh Cao Của Thời Kỳ Vàng Son](#)

[- 9 - Armand Fallières, Nhà Hiền Triết Của Điện Élysée](#)

[- 10 - Raymond Poincaré, Tổng Thống Của Liên Minh Thần Thánh](#)

[- 11 - Paul Deschanel, Giấc Mơ Không Thành](#)

[- 12 - Alexandre Millerand, Hoặc Sự Ham Muốn Quyền Lực](#)

[- 13 - Gaston Doumergue, Tài Năng Hùng Biện Cánh Tả Ủng Hộ Đường Lối Chính Trị Của Cánh Hữu](#)

[- 14 - Paul Doumer, Vị Tổng Thống Xấu Số](#)

[- 15 - Albert Lebrun, Kê Thúc Những Ảo Tưởng](#)

[- 16 - Vincent Auriol, Vị Tổng Thống Bất Hạnh Của Lực Lượng Thứ Ba](#)

[- 17 - René Coty, Buổi Chiều Tàn Của Một Chế Độ](#)

[NỀN QUÂN CHỦ CỘNG HÒA](#)

[- 18 - Charles De Gaulle, Khẳng Định Vai Trò Tổng Thống](#)

[- 19 - Georges Pompidou, Hay Sự Kế Thừa Bị Ngắt Quãng](#)

[- 20 - Valéry Giscard D'estaing, Nhà Quân Chủ Tự Do](#)

[- 21 - Francois Mitterrand, Nhà Quân Chủ Xã Hội](#)

- 22 - Jacques Chirac: Người Cuối Cùng Của Nhiệm Kỳ 7 Năm

Kết Luận. Năm 2002, Nền Cộng Hòa Đệ Lục?

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

SERGE BERSTEIN

CHÂN DUNG CÁC NGUYÊN THỦ PHÁP

Bản quyền tiếng Việt © Công ty Sách Alpha

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

LỜI GIỚI THIỆU

(cho bản tiếng Việt)

Cộng hòa Pháp là một nước dân chủ theo thể chế Cộng hòa Tổng thống Trung ương tập quyền. Trong khu vực cũng như trên thế giới, nước Pháp luôn có vị trí rất đặc biệt: là một trong các quốc gia sáng lập Liên minh châu Âu EU, là thành viên sáng lập của tổ chức NATO và Liên Hiệp Quốc, một trong năm thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc. Ngoài việc nắm giữ vai trò quan trọng trong hệ thống kinh tế - chính trị toàn cầu, Pháp còn là một trong những cái nôi của văn minh thế giới, có tầm ảnh hưởng văn hóa rộng lớn, và là quê hương của các triết gia Khai sáng.

Mặc dù là một trong những dân tộc được “khai sáng” đầu tiên của nhân loại với những triết gia và lý thuyết gia về chính trị như Montesquieu và Rousseau, từng trải qua cuộc Cách mạng Tư sản đầu tiên trên thế giới năm 1789, nhưng con đường tiến đến nền Cộng hòa Pháp không hề dễ dàng, đơn giản. Chế độ chính trị Pháp trước năm 1789 là một chính thể Quân chủ thể truyền chuyên chế, mọi quyền lực đều nằm trong tay Nhà Vua. Ngày 3/9/1791, Bản Hiến pháp đầu tiên được Quốc hội Pháp thông qua đã mở đầu một thời đại mới: Thời đại Hiến trị thành văn, thời đại mà Quyền lực Nhà nước được qui định rõ ràng trong văn bản chính thức.

Giữ vai trò trung tâm trong hệ thống chính trị Cộng hòa Pháp là các Tổng thống. So với các nước châu Âu khác, chức vụ Tổng thống ở Pháp có lịch sử tồn tại lâu đời hơn cả và là một vị trí có nhiều quyền lực thực sự, có quyền chọn Thủ tướng và thành viên chính phủ.

Trong số hơn 20 vị nguyên thủ của quốc gia rộng lớn này, có nhiều Tổng thống rất nổi tiếng, vang danh lịch sử nước Pháp và thế giới như: Louis-Napoléon Bonaparte (1848-1852) (tự phong làm Hoàng Đế năm 1852, cai trị đến năm 1870 thì nền Cộng hòa thành lập); Charles de Gaulle, người giải phóng nước Pháp khỏi ách phát xít, lập nên nền Cộng hòa đệ Ngũ; Georges Pompidou (1969-1974); Valéry Giscard d'Estaing (1974-1981); François Mitterrand (1981-1995); Jacques Chirac (1995-2002)... Nhưng cũng có những Tổng thống hầu như vô danh, không mấy ai biết đến.

Trải qua hơn hai thế kỷ với nhiều biến động thăng trầm diễn ra trong phạm vi nước Pháp do các tranh chấp quyền lực nội bộ, các chế độ chính trị khác nhau đã liên tiếp được thiết lập trên đất Pháp, mỗi chế độ được thể hiện bằng một Hiến pháp qui định chức năng của các cơ cấu nắm giữ Quyền lực Nhà nước.

* * *

Thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức với Việt Nam từ ngày 12/4/1973 nhưng thực ra, nước Pháp có một mối quan hệ, gắn bó và ràng buộc với dân tộc Việt Nam từ hơn 150 năm trước. Những mối quan hệ về lịch sử dẫn tới những mối quan hệ về văn hoá, chính trị... và ngày nay, trên đất nước Việt Nam, trong suy nghĩ của con người, trong đời sống văn hóa văn học nghệ thuật cũng như các thể chế chính trị vẫn mang những dư âm và ảnh hưởng của nền văn hóa Pháp.

Chính vì lẽ ấy, việc tìm hiểu, nghiên cứu lịch sử, văn hóa và dân tộc Pháp có vai trò quan trọng đối với người Việt Nam. Cuốn Chân dung các Nguyên thủ Pháp (Chef de L'Etat) mà AlphaBooks xuất bản cũng phần nào thể hiện mối quan tâm đó. Với cuốn sách này, lần đầu tiên, chân dung toàn bộ 22 nguyên thủ Pháp - những bức chân dung không thể thiếu trong bức tranh lịch sử nước Pháp - được giới thiệu chi tiết, sống động đến các độc giả Việt Nam.

Chúng tôi tin rằng cuốn sách sẽ mang lại những thông tin hữu ích và hấp dẫn, những bài học về cuộc đời, sự nghiệp của những người đứng đầu nước Pháp và qua đó, giúp độc giả hiểu sâu sắc

hơn những đặc điểm văn hoá, lịch sử và chính trị của nước đất Pháp, con người Pháp.

Xin trân trọng giới thiệu với các độc giả.

Tháng 12/2006

NGUYỄN CẢNH BÌNH

LỜI GIỚI THIỆU

Năm 2002, người dân Pháp tham gia bỏ phiếu bầu ra vị Tổng thống thứ 23 của nền Cộng hòa. Đây là hoạt động chính trị quan trọng nhất vì từ năm 1958 theo tinh thần Hiến pháp của nền Cộng hòa đệ Ngũ, Tổng thống trở thành hiện thân của đất nước, đồng thời là người đứng đầu cơ quan hành pháp, nói cách khác là hiện thân cao nhất của hệ thống thể chế của nước Pháp. Tuy nhiên, qua thực tế năm nền Cộng hòa và sau các xung đột đối kháng liên tiếp, người ta vẫn chưa đưa ra được một ý nghĩa thật sự phù hợp với vị trí này, một vị trí mà người ta vẫn gọi là “quan toà tối cao”.

Ngay từ khi ra đời, nền Cộng hòa Pháp đã gặp phải khó khăn nan giải trong việc xác định vị trí và vai trò của người đứng đầu Nhà nước, hiện thân của nước Pháp dưới con mắt của dân Pháp và nước ngoài. Làm sao một thể chế chính trị mà ngay khi ra đời đã là một phản đề của chế độ quân chủ lại có thể đặt vào vị trí tối cao của đất nước một người thay thế quân vương, một người chỉ mang tính tạm thời, được chỉ định không phải theo luật thần thánh mà do người dân bầu chọn và là đại diện cho họ? Tuy nhiên, văn hóa chính trị theo đa số của nước Pháp những năm thuộc thế kỷ XIX, XX, vốn mang nặng dấu ấn của cuộc cách mạng được định nghĩa là “nhằm chặt đầu một vị vua để thách thức châu Âu”, chỉ có thể chấp nhận một người đứng đầu tối cao. Theo hướng đó, cơ quan hành pháp buộc phải có quyền hạn thực thi luật này dưới sự kiểm tra của những người đại diện của một dân tộc có chủ quyền. Và nếu cơ quan hành pháp có bất cứ biểu hiện nào vượt quá giới hạn này thì sẽ được xem là có biểu hiện “quân chủ chuyên chế”, lạm dụng quyền lực cá nhân, vốn là phản đề của nền Cộng hòa.

Chính vì thế, sự cảnh giác đối với một cơ quan hành pháp thực sự hùng mạnh đã trở thành truyền thống của nền Cộng hòa kể từ sau cuộc Cách mạng Pháp. Khi hạ lệnh treo cổ Vua Louis XVI, các đại biểu hội nghị quốc ước đã loại trừ nguyên tắc hợp thức hóa quyền hành dựa trên luật thánh thần để thay thế bằng nguyên tắc khác phù hợp hơn với văn hóa của họ, nhưng lại không thuận với tinh thần mong muốn tự do của người dân, đó là nguyên tắc độc tài tập thể của các nhà lập pháp thông qua Hội đồng Cứu thế - nhóm của những dân biểu được các Thượng nghị sĩ của phe mình chỉ định và có trách nhiệm đảm bảo chủ quyền lãnh thổ trong thời gian có chiến tranh. Trong Hiến pháp năm 1795 của nền Cộng hòa đệ Nhất, ta có thể thấy biểu hiện không chấp nhận nền Chuyên chế quân chủ và sự độc tài tập thể qua việc định rõ ranh giới tuyệt đối giữa cơ quan lập pháp và hành pháp cũng như việc phân định quyền lực rõ ràng trong từng cơ quan này. Đứng đầu nền Cộng hòa là Hội đồng Tổng thống gồm 5 thành viên, được gọi là Nội các chấp chính do Quốc hội lập hiến bầu ra và 1/5 số thành viên được bầu mới lại hàng năm. Có một trò chơi cân bằng lực lượng phức tạp giữa hai hội đồng, Hội đồng 500 Nghị sĩ đề nghị một danh sách gồm ứng viên cho mỗi chỗ trống của Nội các chấp chính, và Hội đồng Phái cự chọn trong danh sách đó một người, đảm bảo rằng đó là những người đại diện cho toàn thể nhân dân khi người dân làm chủ (hay chí ít là của bộ phận dân chúng tham gia bầu cử bởi vì dân phải đóng khoản thuế bầu cử khi tham gia bỏ phiếu). Là bộ phận đứng đầu Nhà nước và Chính phủ, trên lý thuyết, 5 thành viên của Nội các chấp chính có phạm vi quyền lực đáng kể nhưng thực tế lại khó sử dụng những quyền hành đó vì mỗi khi cần đưa ra quyết định thì phải có ít nhất 3 phiếu thuận. Cơ chế này dẫn đến hậu quả là những mảnh khoe, thủ thuật, kéo bè kéo cánh, phát triển trong khi tập thể 5 thành viên của Nội các chấp chính phải cùng tồn tại với hai hội đồng lập pháp (mà giữa hai hội đồng này vốn đã có sự phân chia quyền lực). Kết quả là một chế độ bất lực và hỗn loạn ra đời phó mặc nền Cộng hòa đệ Nhất cho những trận đánh của một vị tướng ham mê chiến thắng.

Ra đời và thành hình theo cách đó nên trong suốt hai thế kỷ XIX, XX, nền Cộng hòa bị giằng xé giữa hai hình thái trái ngược nhau mà không hình thái nào thực sự thỏa mãn ý nguyện của dân chúng: hình thái chính trị thứ nhất với một Tổng thống là đại diện quốc gia nhưng không có thực quyền, quyền lực thật sự được giao cho các Nghị sĩ do dân bầu ra và chính phủ do đa số Quốc hội chọn ra; hình thái thứ hai là có một Tổng thống thực quyền, là người đứng đầu Nhà

nước và Chính phủ, có những quyền hành quan trọng, đảm nhiệm đồng thời chức năng đại diện và chỉ đạo, có khả năng duy trì trật tự và lãnh đạo đất nước, nhưng lại có nguy cơ lạm dụng phần nào chủ quyền dân tộc để phục vụ lợi ích riêng của mình. Hình thái thứ nhất làm người ta nuối tiếc một quyền lực thực sự hiệu quả, có tính giám hộ và là cái có cho những lời chỉ trích nền Cộng hòa từ phía những người quân chủ khi họ ví nền Cộng hòa như hình ảnh “một người phụ nữ không đầu”; Hình thái thứ hai lại khơi dậy sự phản đối chống lại chuyên chế độc quyền, hình ảnh gợi nhớ đến chế độ quân chủ.

Nền Cộng hòa đệ Nhị lưu ý để không phạm phải cùng một sai lầm của nền Cộng hòa đệ Nhất bằng cách làm tê liệt bộ máy hành pháp. Lo lắng làm sao để đảm bảo trật tự xã hội đã khiến họ cần tìm ra một người đứng đầu có khả năng làm được điều đó. Vì vậy, họ đã giao cho Tổng thống quyền hành thật sự của một người đứng đầu cơ quan hành pháp và đã chọn Louis-Napoléon Bonaparte, người thừa kế ngai vàng của vương quyền để đóng vai này. Tuy nhiên, ông đã đóng quá tốt vai của mình. Sau ba năm cầm quyền, ông đã đặt dấu chấm hết cho nền Cộng hòa bằng cuộc đảo chính ngày 2/12/1851 và thiết lập quyền hành riêng trước khi tái thiết Đế chế... Sự sụp đổ của Đế chế đệ Nhị ngày 4/9/1870 kéo theo sự tuyên bố chế độ Cộng hòa một cách bất ngờ nhưng Quốc hội được bầu vào tháng 2/1871, sau đó đã vội vàng soạn thảo bản Hiến pháp, thì chủ yếu lại do những người quân chủ lập nên. Với mong muốn tái thiết nền quân chủ, Quốc hội này đã tạo lập nên vị trí Tổng thống mà thực chất ẩn sau đó là những quyền lực của một quân vương. Điều đó giải thích tại sao vị Tổng thống đầu tiên thực thi quyền hành của mình trong khuôn khổ Hiến pháp mới, thống chế Mac-Mahon đã hành xử như một vị nhiếp chính. Và cũng chính vì vậy mà mọi cố gắng của phe Cộng hòa, vốn là một bộ phận cơ bản của chế độ chính trị mà họ đang xây dựng, đều nhằm vào việc tước bỏ của Tổng thống những quyền lực mang tính quân chủ mà Hiến pháp đã trao cho ông. Vì vậy, lịch sử của nền Cộng hòa đệ Tam là câu chuyện về sự suy thoái liên tiếp quyền lực của Tổng thống, điều mà đa số các Tổng thống thời kỳ đó chấp nhận, chỉ một vài Tổng thống phản kháng nhưng vô ích. Kế thừa quan điểm đó, nền Cộng hòa đệ Tứ bộc lộ trong bản Hiến pháp của mình sự cảnh giác với quyền lực cá nhân, thực chất chỉ là một sự tiếp tục truyền thống của nền Cộng hòa đệ Tam.

Nền Cộng hòa đệ Ngũ mở ra một giai đoạn mới cắt đứt hoàn toàn với những nền Cộng hòa trước. Tướng De Gaulle, người sáng lập chế độ mới, chưa bao giờ che giấu quan điểm ủng hộ một quyền hành pháp mạnh do Tổng thống đảm nhiệm. Nội dung bản Hiến pháp của nền Cộng hòa đệ Ngũ phản ánh rõ quan điểm này, tuy nhiên, cũng đã được các đảng phái chính trị cùng kết hợp soạn thảo sửa đổi những nội dung gợi nhắc đến quyền lực cá nhân. Nhưng thực tế áp dụng hiến pháp và việc sửa đổi hiến pháp vào mùa thu năm 1962 cũng đã nhanh chóng vượt quá giới hạn mỏng manh của những điều luật cho phép người đứng đầu Nhà nước là người điều hành duy nhất đời sống chính trị nước Pháp. Kết quả là đặc quyền của Tổng thống được tiếp tục duy trì và mở rộng dưới thời của Tướng De Gaulle và những người kế nhiệm ông.

Tuy nhiên, những thể chế qui định quyền lực của Tổng thống có vẻ như đã bị thay đổi về cơ bản kể từ khi xảy ra tình trạng chung sống chính trị năm 1986, lúc đó vốn chỉ được coi như một giải pháp tình thế tạm thời nhưng đã được lặp lại nhiều lần và tồn tại suốt 9 năm trên chính trường giai đoạn từ năm 1986 đến năm 2002, sau đó là việc khôi phục vào năm 2001 thời hạn nhiệm kỳ Tổng thống là 5 năm thay vì 7 năm. Những thay đổi này tạo nên hình thái chính thể tay đôi cho vị trí đứng đầu Nhà nước, hình thành sự phân đôi quyền hành pháp giữa một bên là Tổng thống - trọng tài với vai trò mang tính đại diện và một bên là Thủ tướng đứng đầu chính phủ thuộc về đa số của Nghị viện, đảm nhiệm vai trò “xác định và dẫn dắt hoạt động chính trường của đất nước”, theo điều 20 Hiến pháp của nền Cộng hòa đệ Tứ. Mặt khác, việc đồng nhất thời hạn nhiệm kỳ Tổng thống theo thời hạn bầu cử cơ quan lập pháp đã làm mất đi tính đặc trưng của việc bầu cử Tổng thống vốn đã được xác định từ năm 1965. Điều có thể nhận thấy rõ ràng là từ sau những lần sửa đổi như vậy, Tổng thống thứ 23 của nước Cộng hòa Pháp sẽ đảm nhiệm những chức năng đã được đổi mới (có thể là hạn chế hơn). Liệu có phải ông sẽ là người khởi đầu của nền Cộng hòa đệ Lục mà hiện chúng ta (người Pháp - ND) đang chớm bước vào ngưỡng cửa của nó, theo như các nhà báo và giáo sư luật vẫn đua nhau khẳng định?

Sau những tìm hiểu về quyền lực được qui định theo thể chế của 22 vị Tổng thống của nền Cộng hòa, chúng ta nhận thấy sau đó là lịch sử của 22 con người đã đảm nhiệm theo những cách khác nhau vai trò của mình dựa trên cá tính, kỳ vọng và tham vọng của từng người. Tính xảo quyệt của kẻ mưu phản như của Louis-Napoléon Bonaparte, sự đơn giản và tính thẳng thắn của người miền Nam của Fallières, tính nghiêm khắc tuân thủ luật pháp và những hi vọng thầm kín của Raymond Poincaré, thiên hướng thích độc quyền của Mitterrand, sự kín đáo đến gần như tự giấu mình của Lebrun và Coty, sự tỏa sáng của Charles De Gaulle... mỗi người mỗi cách, tất cả dệt nên một bản tiểu sử của 22 người Pháp đã từng là hiện thân của đất nước trong vài năm, vài tháng hoặc vài tuần. Điều đó càng cho thấy lịch sử của thể chế Tổng thống không thể tách rời lịch sử của những nhân vật nắm giữ chức vụ quan trọng và tế nhị này.

CUỘC KIẾM TÌM NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU NỀN CỘNG HÒA (1848 - 1879)

Tháng 2/1848, cuộc cách mạng đột ngột của người dân Paris đã phá bỏ nền Quân chủ tháng Bảy, kết thúc giai đoạn thử nghiệm chế độ Quân chủ hiến định tại nước Pháp. Trong không khí sục sôi và bối rối, các nhà báo và nghị sĩ đối lập đã lập danh sách các Bộ trưởng cho một chính phủ tạm thời của nền Cộng hòa đệ Nhị trong khi không ai biết chế độ mới sẽ như thế nào, sẽ được lãnh đạo ra sao. Kinh nghiệm duy nhất về chế độ Cộng hòa mà nước Pháp đã từng trải qua là nền Cộng hòa đệ Nhất ra đời tháng 9/1792 nhưng phải 3 năm sau mới có Hiến pháp và thực chất chỉ là để trấn an giai cấp tư sản và tầng lớp nông dân đang khao khát ổn định và trật tự. Đối với phần lớn người dân Pháp lúc đó, nền Cộng hòa mới chỉ được biết đến qua một thời kỳ của nổi kinh hoàng, tiếp sau đó là thời kỳ hỗn loạn của Nội các chấp chính và kết thúc bằng chế độ độc tài quân sự kiểu Napoléon. Không có hình thái chính trị nào có thể thỏa nguyện ước của dân chúng lúc đó - những người vừa mong muốn phát triển thành tựu của tư tưởng cuộc cách mạng 1789, vừa muốn phát triển nền kinh tế hưng thịnh qua sự phát triển của giai cấp tư sản, không thực hiện giải phóng ruộng đất vừa sợ hãi sự nổi dậy của nông dân hoặc nổi loạn ở thành thị lại vừa sợ mất tự do của chính mình.

Để xác định bản chất của nền Cộng hòa và hình thức dẫn dắt nền Cộng hòa đó và nhằm thỏa mãn những mong muốn nêu trên một cách toàn diện nhất, những nhà sáng lập nền Cộng hòa đệ Nhị và đệ Tam đã từng bước kế tiếp nhau áp dụng chế độ Cộng hòa. Sự lựa chọn của họ nhằm mục tiêu chủ yếu là gây dựng một chế độ chính trị với một Tổng thống có quyền lực rộng lớn đủ để lãnh đạo một đất nước vốn đã bất ổn từ cuộc cách mạng 1848, từ sự thất bại và biến động xã hội năm 1871 một cách cương quyết và cứng rắn. Khả năng thứ nhất là lựa chọn hi sinh tự do để đổi lấy trật tự. Khả năng thứ hai là sẽ xảy ra một cuộc khủng hoảng mà kết thúc bằng việc xem xét lại vai trò của Tổng thống được qui định trong Hiến pháp, Tổng thống có thể phải chịu lép vế trước Nghị viện. Nền Cộng hòa đệ Nhị bị vị Quân vương-Tổng thống lái thành Đế chế đệ Nhị, âm mưu của nền Cộng hòa đệ Tam muốn gột giũa Tổng thống thành một nhà quân chủ tương lai sẽ toàn quyền trị vì và lãnh đạo, hai trải nghiệm đó đã làm tiền đề về lâu dài cho ý tưởng về một Tổng thống mạnh trong nền Cộng hòa. Kể từ những năm 1880, truyền thống nền Cộng hòa đã coi như là có sự đối kháng cơ bản giữa nền Cộng hòa và người đứng đầu cơ quan hành pháp mạnh, và chỉ những Tổng thống chịu giữ vai trò mang tính đại diện hình thức và không có ý định mở rộng quyền lực của mình mới xứng đáng được công nhận là những nhà Cộng hòa.



LOUIS - NAPOLEÓN BONAPARTE
(20/4/1808 - 9/1/1873)

- 1 - LOUIS-NAPOLÉON BONAPARTE: NỀN CỘNG HÒA VÀ ÔNG HOÀNG

(10 tháng 12 năm 1848 - 2 tháng 12 năm 1851)

“Các ngài có chắc rằng trong số tất cả những người sẽ nối tiếp kế vị chức vụ Tổng thống với nhiệm kỳ 4 năm này thì không một ai có tham vọng ở mãi vị trí đó không? Nếu đó là con cháu của một trong những dòng họ đã từng cai trị nước Pháp, và con người này thực tế chưa từng bao giờ vứt bỏ hoàn toàn những thứ mà ông ta gọi là quyền lợi của mình? Và nếu nền kinh tế của đất nước đang trong tình trạng trì trệ, dân chúng đang đói khổ, người đó biết rằng trách nhiệm trước sự nghèo đói và thất vọng này thuộc về chính những người đang ngầm có kế hoạch chống lại tự do của ông ta sau những lời hứa của mình. Trong hoàn cảnh đó, các ngài thử trả lời xem liệu con người tham vọng đó có lật đổ được nền Cộng hòa không?”

Chúng ta đang ở vào thời điểm ngày 8/10/1848, Quốc hội Lập hiến, được bầu ra sau ngày lật đổ vua Louis-Philippe, đang thảo luận bản Hiến pháp của nền Cộng hòa đệ Nhị lúc đó không còn ở giai đoạn tốt đẹp đặc trưng của thời kỳ đầu nữa. Các vấn đề xã hội đã gây rạn nứt giữa những nhà Cộng hòa trung lập chiếm đa số tại Quốc hội và tầng lớp công nhân mà việc kiếm miếng cơm manh áo hàng ngày đã trở thành vấn đề ám ảnh.

Tháng Sáu năm đó, Quốc hội đã quyết định chấm dứt hoạt động của những phân xưởng quốc gia (một tập hợp những xí nghiệp xây dựng các công trình công cộng do Chính phủ đầu tư nhằm giải quyết việc làm cho người thất nghiệp). Những phân xưởng này đã từng giúp công nhân không bị chết đói. Trước quyết định này, người lao động Paris đã nổi dậy phản đối. Tướng Cavaignac, một người Cộng hòa đã đàn áp cuộc biểu tình “những ngày tháng Sáu” này trong biển máu. Với hành động này, nền Cộng hòa đã chính thức tự tước bỏ đi điểm tựa của mình vào dân chúng. Từ thời điểm đó, nền Cộng hòa dần chuyển sang phe tả và những người theo chủ nghĩa quân chủ, những người đã từng khiếp sợ sau cuộc Cách mạng tháng Hai nay bắt đầu lấy lại hi vọng. Những người này tập hợp trong Đảng Trật tự Xã hội, được chỉ đạo một cách chắc chắn từ những cựu Bộ trưởng của chế độ Quân chủ tháng Bảy như Thiers, Molé, Broglie, Barrot, họ đang chờ thời cơ của mình. Giữa những nhà quân chủ và những người Cộng hòa trung lập, sau cuộc thăm sát dân chúng “những ngày tháng Sáu” thì chỉ có một lực lượng có thể thay thế được, đó là quân đội. Nhưng người ta vẫn chưa biết quân đội sẽ theo Cavaignac và phe Cộng hòa trung lập hay tướng Changarnier và những người thuộc Đảng này.

Chính trong hoàn cảnh đó, Quốc hội tiến hành thảo luận đề ra những thể chế cho nền Cộng hòa và đặc biệt về khả năng đặt vào vị trí đứng đầu nền Cộng hòa một vị Tổng thống theo kiểu Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Nghị sĩ Cộng hòa Jules Grévy (người sau này trở thành Tổng thống của nền Cộng hòa đệ Tam) vừa đưa ra lời cảnh báo tới đồng nghiệp của mình, phần đông những người này ủng hộ việc bầu Tổng thống theo hình thức phổ thông đầu phiếu. Trong suốt bài diễn văn này, mọi cặp mắt đổ dồn về phía người đàn ông có gương mặt gầy gò, vừa khẽ xoắn ria mép vừa quan sát cuộc tranh luận với cặp mắt lơ đãng, không biểu hiện một chút xúc động hay một chút hứng thú nào, đó là ông hoàng Louis-Napoléon Bonaparte. Ông hoàn toàn không có ý ngắt lời Grévy. Chẳng phải ông đang tỏ rõ mình là người Cộng hòa một cách rõ ràng sao? Vả lại, một người khác sẽ trả lời giúp ông. Quốc hội có vẻ xáo động do lời cảnh báo của Grévy khi thấy bước lên trước bục thuyết trình là con người có khả năng hùng biện hay nhất của phe Cộng hòa trung tâm, nhà thơ Alphonse de Lamartine, người cha đỡ đầu của nền Cộng hòa, như là người khơi mào cho Chính phủ lâm thời. Tài hùng biện của ông sẽ làm xoay chuyển Quốc hội: “Chúng ta sợ rằng sự cuồng tín vào người thừa kế dòng họ sẽ đưa đất nước vào tình trạng nguy hiểm [...] Và đây, tôi khẳng định rằng những nhóm người, những bọn phiến loạn đã từng âm mưu chiếm đoạt địa vị sẽ chỉ tự lừa dối mình trong hi vọng hão huyền. Tôi khẳng định rằng để lại có một biến cố ngày 18 tháng Tư năm nay trong hoàn cảnh hiện nay cần có hai điều kiện: có trong quá khứ nhiều năm trường đen tối và trong tương lai nhiều chiến thắng Marengo. [...]”

Người ta có thể bỏ độc một cốc nước nhưng không thể bỏ độc cả một dòng sông. Đây đúng là một cuộc hội họp đáng ngờ một quốc gia không thể bị biến chất do nó rộng lớn như đại dương vậy [...] Tôi tin vào độ chín của một quốc gia vốn đã có 55 năm hoạt động chính trị để tập quen với tự do”.

Vẫn ở tư thế bất động, Louis-Napoléon Bonaparte chứng kiến việc Quốc hội quyết định cần có một Tổng thống cho nền Cộng hòa và người đó sẽ được bầu theo hình thức phổ thông đầu phiếu. Nhưng thế vẫn chưa hết. Ngày hôm sau, ngày 8/10, một Nghị sĩ cánh hữu là Thouret, đưa ra đề nghị những đại diện của các dòng tộc đã từng cai trị nước Pháp không được quyền tham gia cuộc tranh cử Tổng thống.

Trong buổi tranh luận này, một diễn giả đã quay về phía ông Hoàng chất vấn: “Về con người có thể gây tác động đến những âm mưu thiết lập vương quyền, người đó đang ở đây, ông ta cần phải giải thích!”.

Chịu sức ép từ nhiều phía, Louis-Napoléon Bonaparte quyết định bước lên bục phát biểu. Trong tâm trạng bối rối, vừa nói vừa tìm từ diễn đạt, ông ta đã đưa ra một lời tuyên bố thật thảm hại: “Thưa các đại biểu công dân, tôi không lên đây để phản đối những sửa đổi của ngài Thouret. Chắc chắn rằng tôi đã xứng đáng được hưởng lại quyền của một công dân và không còn có bất cứ tham vọng khác nào. Tôi cũng không lên đây để bày tỏ sự khiếu nại của tôi đối với những điều vu khống hay âm mưu mà người ta gán cho tôi. Nhưng nhân danh 300.000 cử tri đã bầu tôi mà tôi lên đây để tố cáo và lên án cái âm mưu ngấp nghé vương quyền mà người ta gán cho tôi”. Sự tuyên bố rút lui thận trọng, lời lên án một cách chính thức mọi âm mưu chiếm đoạt vương quyền, lại thêm vẻ mặt đáng thương của một kẻ “ngấp nghé” đã gây cười nhiều hơn là lo lắng. Giữa lúc đó, ông Thouret đã rút lại đề nghị sửa đổi của mình. Quốc hội thì không còn quan tâm đến nhân vật đáng thương vốn là hậu duệ của một hoàng đế vĩ đại.

“Kẻ đàn độn bị dắt mũi”

Charles-Louis-Napoléon Bonaparte (tên gọi này do chính Hoàng đế Bonaparte chọn) sinh ngày 20 tháng 4 năm 1808 tại Paris. Theo hộ tịch, ông là con trai của Louis Bonaparte, em út của Hoàng đế Bonaparte, Vua Hà Lan - và Hoàng hậu Hortense con gái với người chồng đầu của Hoàng hậu Joséphine. Nhưng gia đình Vua Louis đã trải qua nhiều giông bão đến mức sống ly thân, trừ giai đoạn hòa giải ngắn và Hoàng hậu thì đã có nhiều nhân tình đến mức nhiều nghi ngờ về tính hợp pháp của Louis-Napoléon còn lưu mãi về sau. Sau khi đế chế sụp đổ, Hoàng hậu Hortense chính thức rời bỏ vĩnh viễn chồng mình và đến sống lưu vong tại Thụy Sĩ với người con út Louis-Napoléon trong khi người con trai cả là Napoléon-Louis sống cùng bố. Hoàng tử Louis đã sống thời tuổi trẻ của mình tại Thụy Sĩ, nơi ông đã vào quân đội và thậm chí đã trở thành Thiếu úy trong quân đội Thụy Sĩ sau đó ông rong ruổi khắp châu Âu. Năm 1830, người ta thấy ông xuất hiện ở Italia và cùng người anh trai tham gia hoạt động chống lại Giáo hoàng Grégoire XVI, những người Romagnol nổi loạn. Sau cuộc thập tự này, người anh cả là Napoléon-Louis chết vì bệnh sỏi. Hai năm sau, Công tước Reichstadt, con trai của Napoléon và Hoàng hậu Marie-Louise, là người thừa kế ngôi vị, cũng qua đời. Từ đó, Louis-Napoléon được đưa lên vị trí người thừa kế và ngay lập tức đã có vụ tai tiếng với người trưởng họ Joseph - anh cả của Napoléon và là cựu Hoàng đế của Tây Ban Nha. Joseph đã hoài công khi lưu ý với Louis rằng danh hiệu của ông ta không hợp lệ chừng nào ông ta còn sống. Nhưng Louis không bận lòng đến lời này cũng như những lời khuyên phải thận trọng của những thành viên khác trong gia đình như Lucien, vua cũ của Westphalie JeRoma và con trai ông.

Được một vài người thân thích khích lệ trong đó phải kể đến Persigny, một sĩ quan đã bị đuổi khỏi quân đội năm 1832 do có những tư tưởng Cộng hòa, sau đó từ năm 1834 đã trở thành một trong những người ủng hộ trung thành của Louis-Napoléon, người thừa kế đã hai lần thử thực hiện những cuộc viễn chinh tại Pháp. Năm 1836, ông cố gắng đánh đuổi quân đồn trú tại

Strasbourg nhưng thất bại thảm hại. Lo sợ có thể dẫn đến cảnh tử vì đạo, Chính phủ của Louis-Philippe đã trục xuất ông sang châu Mỹ. Năm 1840, một lần nữa cố gắng thực hiện ý đồ của mình nhưng lại thất bại, lần này là tại Boulogne. Ông đã bị bắt và bị kết án chung thân và giam tại pháo đài Ham. Tại đây, ông đọc rất nhiều và đã viết một vài cuốn sách. Vì việc này, ông đã tự hào rằng đã từng sống ở “Trường Đại học Ham” để hoàn thiện vốn văn hóa của mình.

Năm 1846, ông trốn sang Anh và hai năm sau, ông biết một cuộc nổi dậy ở Paris vừa lật đổ vua Louis-Philippe. Ngay lập tức, ông trở lại Pháp và sẵn sàng nắm lấy thời cơ của mình. Nhưng chính phủ nghi ngờ sự có mặt của ông nên ông phải trở lại nước Anh. Tại Pháp, một nhóm nhỏ những người ủng hộ ông, đứng đầu là Persigny, đã không ngồi yên và thực hiện một đợt tuyên truyền mạnh mẽ ủng hộ ông hoàng của mình. Trước ngày diễn ra cuộc thăm sát Những ngày tháng Sáu, ông đã có được ghế cử tri trong vòng bầu cử địa phương. Bốn tỉnh của nước Pháp đã bầu cho ông, và với sự dẫn dắt của Persigny, một ngọn lửa ủng hộ dòng họ Bonaparte đã lan khắp nước Pháp: diễu hành, báo chí ngợi ca và ủng hộ người kế vị. Từng đó đủ để Quốc hội phản đối và phủ nhận kết quả bỏ phiếu. Ông hoàng để cơn sốt đó lắng xuống và chờ đến tháng Chín ra tranh cử lại một lần nữa và được năm tỉnh bầu. Quốc hội do không thể phủ nhận giá trị của bầu cử phổ thông đầu phiếu đã phải thừa nhận kết quả bầu cử lần này. Louis-Napoléon bắt đầu tìm cách xóa bỏ sự hằn thù của các nghị sĩ trong Quốc hội bằng cách tạo dựng trong mắt họ một hình ảnh mới về bản thân mình. Người cùng thời miêu tả người kế vị là một người có ngoại hình rất xấu với một cái đầu quá to, ngực lép, chân ngắn, khuôn mặt như bị hàng rìa nặng nề nuốt mất, nhất là cặp mắt vô hồn với một vẻ lơ đãng thâm căn. Những từ miêu tả kém tính ca ngợi nhất xuất hiện ngày càng nhiều: “kẻ ngu xuẩn bị dắt mũi”, nói như Thiers hay “một loại ngu dần”, theo cách nói của Lammenais. Đó là người được Đảng Trật tự Xã hội chọn làm ứng cử viên cho cuộc bầu cử Tổng thống Cộng hòa vào tháng 11/1848.

5 triệu phiếu bầu cho người kế vị dòng họ Bonaparte

Sự lựa chọn này có thể gây ngạc nhiên khi người ta biết được sự đánh giá đáng thương về người kế vị từ phía những người lãnh đạo Đảng Trật tự Xã hội. Chúng ta sẽ còn ngạc nhiên hơn nữa khi biết rằng đó là ý kiến của ông Thiers, người vốn nổi tiếng là không thể bị đánh ngã. Chúng ta có thể hiểu rõ hơn sự lựa chọn này khi nhớ lại những mục đích của Đảng này và nhân cách của những thành viên trong Đảng.

Đảng Trật tự Xã hội luôn nghĩ đến việc đặt dấu chấm hết cho một nền Cộng hòa yếu ớt đã tồn tại quá lâu. Hiện nay, khi dân chúng không còn là chỗ dựa cho nền Cộng hòa nữa thì việc cần làm là loại bỏ những người Cộng hòa ôn hòa đang chiếm vị trí cao trong xã hội: vì vậy cần bầu ra một ứng cử viên là một người bảo thủ kỳ cựu. Trong Đảng không thiếu những người như vậy và chính Thiers cũng mơ rằng một lúc nào đó mình sẽ được bầu vào vị trí này. Nhưng những sự kiện vừa diễn ra trong thời ngự trị của Louis-Philippe còn quá mới để mà một trong số các vị Bộ trưởng của thời Louis-Philippe, với một chút may mắn, được ủng hộ rộng khắp nhằm được bầu vào vị trí người cầm quyền hành pháp của nền Cộng hòa. Mặt khác, Thiers nhanh chóng nhận thấy rằng nếu người dân Pháp hoàn toàn không biết về tính cách và con người của ông hoàng Louis thì họ lại thấy cái tên của ông ta rất thân thuộc, thân thuộc với hầu hết các tầng lớp trong xã hội. Không một ứng cử viên nào khác tỏ ra thích hợp hơn con người lu mờ này. Đảng đã quyết định tận dụng tính quần chúng của cái tên của ông ta rồi sau đó sẽ điều khiển ông ta theo ý của mình.

Và từ đó đã bắt đầu các cuộc thảo luận không ngừng giữa Louis-Napoléon và những người lãnh đạo Đảng. Trong những cuộc thảo luận đó, Louis-Napoléon biết cách tỏ ra mình là một người mềm tính, phục tùng và dễ thương. Từ đó ông tổ chức một chiến dịch, phần lớn do chính ông điều hành, mang tính chuyên nghiệp trong việc lấy lòng cử tri. Mỗi cử tri đều có thể tìm thấy lợi ích của mình; từ những người công giáo được hứa hẹn “sẽ được tự do tế lễ và tự do giảng đạo” cho đến những người công nhân như nhìn thấy hình ảnh một “nền Cộng hòa rộng lượng”;

hay những người chủ sở hữu tài sản với lời hứa “bảo vệ quyền sở hữu... là đảm bảo độc lập và tự do sở hữu, cơ sở không thể thiếu cho tự do công dân”; cũng như vậy với quân đội, nông dân...

Đối thủ có trọng lượng nhất là tướng Cavaignac, người thuộc phe Cộng hòa ôn hòa. Ông là người được gắn liền với nền Cộng hòa, và là người “cứu vớt trật tự” trong cuộc đàn áp “Những ngày tháng Sáu”. Ông hi vọng có được sự ủng hộ của phe Bảo thủ nếu phe này không trao số phiếu của mình cho đối thủ của ông. Nhưng những ký ức về “Những ngày tháng Sáu” lấy mất của Cavaignac sự ủng hộ ở những thành phố có tầng lớp công nhân đông đảo. Điều này tạo cơ hội chiến thắng cho Ledru-Rollin, ứng cử viên của những người “miền núi”, những người Cộng hòa cấp tiến, và cơ hội cho Raspail, đại diện của Đảng Xã hội. Cuộc bầu cử ngày 10/12/1848 mang lại chiến thắng cho người cháu của Hoàng đế Bonaparte với 5,5 triệu phiếu bầu từ mọi miền của nước Pháp: Tư sản thủ cựu bầu cho người theo Đảng Trật tự Xã hội, đối thủ của nền Cộng hòa; nông dân với những kỷ niệm sống động về vị Hoàng đế trong quá khứ, công nhân do thất vọng với nền Cộng hòa đã bầu cho người mang cái tên gọi cho họ nhớ đến thời kỳ Cách mạng 1789. Những đối thủ của ông ta không chỉ thất bại mà còn hoàn toàn bị đè bẹp. Cavaignac, người đứng cao nhất cũng chỉ có 1,5 triệu phiếu bầu; Ledru-Rollin được 370.000 phiếu; Raspail được 36.000 phiếu và Lamartine, không phải là ứng cử viên được 17.000 phiếu.

Được bầu theo phổ thông đầu phiếu, vị “Quân vương-Tổng thống” này liệu có làm như Thiers mong muốn, làm một tù binh của Đảng Trật tự Xã hội không? Trong một năm, người ta nghĩ là có thể.

Cuộc đảo chính tháng 10/1849

Vào thời điểm Louis-Napoléon lên nắm quyền, Hiến pháp thừa nhận những đặc quyền nào cho Tổng thống? Tổng thống mới đắc cử là người nắm quyền hành pháp: Tổng thống có quân đội nhưng không thể điều hành nó nhân danh cá nhân; được quyền bổ nhiệm và bãi miễn các Bộ trưởng và viên chức, ký hiệp ước và tuyên bố chiến tranh, nhưng chỉ có thể thực thi những quyền hạn này nếu có sự đồng thuận của Quốc hội. Tổng thống chịu trách nhiệm về những hành vi của chính phủ của mình, nhưng trách nhiệm này không được thực thi trước Quốc hội và Quốc hội không thể lật đổ Tổng thống. Đối lại, Tổng thống không thể can thiệp vào Quốc hội ngay cả khi có sự phản bội nghiêm trọng, không thể giải tán, đình hoãn hoạt động hay thu ngắn nhiệm kỳ hoạt động của Quốc hội. Trong trường hợp có sự phản bội nghiêm trọng, phải có sự thừa nhận của một tòa án tối cao.

Một bản Hiến pháp như vậy làm cho quyền lực của hai cơ quan pháp quyền quá xa cách nhau, cơ quan hành pháp và lập pháp không có quyền can thiệp lẫn nhau. Điều đó có thể dẫn đến một tình huống nguy hiểm: trong trường hợp nảy sinh mâu thuẫn giữa hai cơ quan này thì giải pháp duy nhất là đảo chính và chúng ta sẽ còn nghe nói nhiều đến điều này trong sự tồn tại ngắn ngủi của nền Cộng hòa đệ Nhị. Tuy vậy, những tháng đầu tiên Tổng thống mới hành xử theo như lời hứa với Thiers. Tổng thống tỏ ra là người phục vụ ngoan ngoãn của Đảng Trật tự Xã hội. Ông hoàn toàn bị cách biệt. Ngoài một vài người thân cận như Persigny, ông không thể trông cậy vào bất cứ một lực lượng nào khác trong nước Pháp: không một lực lượng chính trị nào hỏi đến ông, hầu hết tất cả đều rất cảnh giác với ông, còn Đảng Trật tự Xã hội thì sử dụng ông. Quân đội lưỡng lự trong việc lựa chọn Cavaignac hay Changarnier, nếu danh tiếng của một vị quân vương gần gũi với quân lính và đội ngũ hạ sĩ quan thì giới quan chức đang mơ ước tạo lập sự nghiệp lại hoàn toàn không muốn gắn mình với một người có một vị trí mong manh như ông. Chính vì lẽ đó mà Louis-Napoléon tỏ ra thận trọng. Ông yêu cầu Odilon Barrot - một người của chế độ Quân chủ tháng Bảy, người được đa số Quốc hội tin cậy - thành lập một bộ và bằng cách không can thiệp vào công việc của bộ, ông để Odilon Barrot điều hành. Vậy là khi đã lên được vị trí tối cao, ông kiên nhẫn chờ đợi thời cơ để mình có thể tồn tại ở vị trí đó vĩnh viễn trong lúc tạm nén những tham vọng của mình và để những nhân vật còn lại tự tìm hiểu nhau. Bằng chứng xác thực nhất cho chính sách của ông là cuộc viễn chinh Roma.

Năm 1848, một cuộc cách mạng đã đuổi Giáo hoàng Pie IX ra khỏi giáo phận của ông. Giáo hoàng đã kêu gọi sự trợ giúp của các quốc gia Công giáo. Trong cuộc bầu cử, Louis-Napoléon đã cam kết chính thức với những người Công giáo thuộc Đảng Trật tự Xã hội rằng ông sẽ duy trì quyền thế tục của Giáo hoàng. Hơn nữa vị Quân vương - Tổng thống lo ngại rằng Áo sẽ nhân dịp này mượn cớ giành lại quyền thế tục của Giáo hoàng, sẽ can thiệp vào Italia và thiết lập tại đất nước này chế độ bảo hộ. Với hai lý do đó, ông đã quyết định cử sang Roma một đội quân viễn chinh do tướng Oudinot cầm đầu. Nhưng nhiều nghị sĩ tại Hội đồng lập hiến, vốn phản đối quyền thế tục đã tỏ ra phần nộ khi thấy Cộng hòa Pháp can thiệp chống lại Cộng hòa Italia. Để trấn an họ, Oudinot đã giải thích mục đích của cuộc viễn chinh là nhằm hòa giải những người Cộng hòa và Giáo hoàng. Tuy nhiên, những người Cộng hòa Italia đã đáp lại sự “hòa giải của Pháp” bằng quân đội. Với lý do nhằm bảo vệ danh dự quân đội Pháp, Louis-Napoléon đã gửi tới Oudinot một lá thư quân sự nói rằng Oudinot là đại diện cho những người bảo vệ sự vinh quang của Tổ quốc. Thật là một động thái tuyên truyền khéo léo mà những người công giáo của Quốc hội không thể không thừa nhận vì nó có lý lẽ chính đáng. Thêm nữa, cuộc bầu cử Quốc hội lập pháp ngày 13/5/1849 đã loại bỏ mọi lo lắng của Tổng thống về cuộc viễn chinh Roma: Đảng Trật tự Xã hội đã chiến thắng trong cuộc bầu cử này. Ngày 3/7/1849, tướng Oudinot chiếm Roma. Bất chấp nhiều cố gắng của Louis-Napoléon nhằm hướng Giáo hoàng theo thể ôn hòa nhưng sự trở lại của Giáo hoàng Pie IX vẫn được dọn đường bằng cuộc trấn áp đầy bạo lực.

Nhưng Louis-Napoléon còn có những mối lo khác. Chiến thắng của Đảng Trật tự Xã hội trong cuộc bầu cử Quốc hội đã đặt ông ở thế mặt đối mặt với những người thuộc Đảng này, những người đã bầu ông là ứng cử viên cho họ. Nhưng họ lại không đồng ý để ông cầm quyền lãnh đạo theo cách không phục vụ lợi ích của họ. Vì vậy, Tổng thống và đa số Quốc hội chỉ thống nhất do cùng lo ngại trước một mối nguy hiểm chung, đó là sự nổi dậy của dân chúng. Chừng nào mối nguy hiểm này qua đi thì họ sẽ tách rời nhau.

Những cuộc bầu cử một mặt ghi nhận chiến thắng của Đảng Trật tự Xã hội, mặt khác đánh dấu những tiến bộ lớn của phe Cộng hòa cấp tiến, phe Dân chủ xã hội ủng hộ Ledru-Rollin. Những người này, do phản đối quyết liệt cuộc viễn chinh Roma, đã quyết định kêu gọi sự ủng hộ của quần chúng. Ngày 13/7/1849, một cuộc biểu tình đã diễn ra ở Paris. Những nhóm quân do Changarnier, người chỉ huy Vệ quốc quân điều khiển đã giải tán cuộc biểu tình và buộc Ledru-Rollin và các tướng “người miền núi” phải rời khỏi nước Pháp. Tổng thống và Quốc hội đã kết hợp thống nhất nhằm ngăn chặn mối nguy hiểm này: báo chí bị bịt miệng, các cuộc hội họp bị cấm đoán và Chính phủ đã nhận được những quyền lực ngoại lệ để đấu tranh chống lại những người Cộng hòa cấp tiến.

Nếu Tổng thống và đa số Quốc hội nhất trí với nhau trong việc chống lại những người Cộng hòa để tiến hành cuộc viễn chinh Roma và sau đó là dẹp tan bạo loạn của dân chúng thì họ lại bất đồng với nhau trong nhận định về những sự việc này. Phe đa số trong Quốc hội tỏ rõ thái độ hài lòng, thỏa mãn (điều đó được tuyên truyền qua Thiers) về việc thiết lập chế độ chuyên chế tại Roma. Về phần mình, Tổng thống vì cho rằng “danh dự chính trị” của cuộc viễn chinh đã bị nhao bóng bởi các cuộc đàn áp nên đã gửi thông điệp đến Quốc hội để tỏ rõ ý kiến của mình. Nhưng Odile Barrot, do ngại sự phản đối của các Nghị sĩ nên đã từ chối đọc thông điệp đó trước Quốc hội. Louis-Napoléon nhân chuyện này đã thực hiện một hành động táo bạo: ông đã giải tán Bộ của Odile Barrot. Đây có thực là một cú táo bạo? Không đến mức như vậy! Tổng thống không phải không biết rằng Quốc hội vốn vẫn cho là Odile Barrot là người quá ôn hòa và không muốn nâng đỡ ông ta.

Cú thực sự táo bạo nằm ở một hành động khác. Đó là việc lẽ ra thay Odile Barrot bằng một trong những thủ lĩnh của Đảng Trật tự Xã hội thì Tổng thống lại gọi đến một người ở vị trí thứ yếu, đó là tướng Hautpoul. Ngày 31/10/1849, Hautpoul (với sự trợ giúp đặc lực của một người đầy quý kể tên là Morny, em cùng mẹ khác cha của Tổng thống) đã thành lập cho Tổng thống Bộ của những quan chức cấp cao. Từ đó, Tổng thống nền Cộng hòa thực sự điều hành theo một chính sách riêng của mình.

Tổng thống của tầng lớp bình dân, Quốc hội của tầng lớp quý tộc

Từ ngày Louis-Napoléon thành lập Bộ của những quan chức cấp cao tận tụy với mình (sau này còn thêm những người khác), thì hai đường lối chính trị được tạo ra tồn tại song song, đi theo hai đường hướng khác nhau và không có mục đích chung. Chính sách của Quốc hội là chính sách của phe cánh hữu, thực sự mang tính phản động nhằm mục tiêu bảo tồn phân cấp xã hội và buộc dân chúng phải phục tùng.

Chính sách này đã làm tiền đề cho sự ra đời của hai bộ luật đặc trưng: Luật Falloux ngày 15/3/1850, theo đó tăng lữ được quyền tự do giảng dạy và nắm quyền kiểm soát cao nhất trong bộ máy giáo dục của nhà nước; và luật ngày 31/5/1850, để đáp lại việc bầu nhà tiểu thuyết Eugène Sue vào ghế nghị sĩ phe Xã hội, đã quyết định “sửa đổi hình thức phổ thông đầu phiếu”. Những người phản chính trị (những người thuộc cánh tả) và tất cả những ai không có một chỗ ở ổn định ít nhất trong ba năm (đa số là công nhân, thời đó họ thường xuyên phải thay đổi chỗ ở) sẽ không được tham gia bỏ phiếu.

Tổng thống thông qua những biện pháp này mà không ngờ vực gì, tuy nhiên nhưng ông để Quốc hội gánh trách nhiệm và chịu tiếng không mang tính quần chúng từ việc ra hai bộ luật này. Thật vậy, chúng ta thấy rằng ông đã không sử dụng quyền được qui định trong hiến pháp theo đó ông có quyền cùng với các nghị sĩ thực hiện những thay đổi nhỏ với những luật quá phản động; ông cũng không sử dụng quyền đòi hỏi phải xem xét lại những luật này. Đó là bởi chính sách riêng của Quân vương - Tổng thống được đi theo một hướng hoàn toàn khác. Chính sách đó nhằm mục tiêu thiết lập trước hết trong nước một “đảng của Tổng thống” và sau đó buộc Đảng Trật tự Xã hội duy trì quyền lực của Tổng thống và Tổng thống sẽ không bị ngay lập tức bầu lại sau khi hết nhiệm kỳ 4 năm. Trong phạm vi nước Pháp, việc này không quá khó vì ông đi lại rất nhiều. Trong những lần đó ông không bỏ lỡ một dịp nào để nói trực tiếp với công chúng về sự quan tâm, lo lắng chân thành của ông đối với họ, không qua các Đại biểu quốc hội. Bằng cách đó, một hình ảnh mới về vị Tổng thống đã được dựng lên: một người gần gũi với quần chúng, quan tâm đến các vấn đề của họ, tách biệt với Quốc hội của những thân hào quyền thế vốn phản động và thù nghịch với mọi hoạt động của quần chúng. Tuy nhiên, Quốc hội cũng không non nớt đến nỗi không nhận ra chính sách đó. Nhưng để chống lại ông, họ lại không thể đưa ra một đề nghị thay thế do chính những mâu thuẫn nặng nề giữa các phe phái trong Đảng Trật tự Xã hội.

“Vương quyền đã được thiết lập!”

Mặt khác, đa số thành viên Đảng Trật tự Xã hội đang bị ru ngủ trong sự an toàn giả tạo từ những lời đảm bảo của Tướng Changarnier, người được cử làm chỉ huy đội quân ở Paris và nắm giữ toàn bộ lực lượng quân sự của thủ đô. Vào thời gian Quốc hội Hợp hiến, ông đã không ngừng đề nghị cùng Quân vương thực hiện đảo chính tái thiết Vương quyền. Do vấp phải sự từ chối của Tổng thống, người lúc đó không muốn đồng lõa với một nhân vật nhiều quyền lực và thiếu tin cậy, nên Changarnier đã ra mặt chống lại Tổng thống và tuyên bố với đa số rằng ông đủ mạnh để một ngày hạ gục Louis-Bonaparte.

Đầu năm 1851, ta có thể thấy rằng trong nước Pháp có một sự chia rẽ ý kiến nghiêm trọng, một bên cho rằng Tổng thống là người rất quần chúng, bên kia cho rằng ông ta bị cô lập về mặt chính trị. Tuy nhiên, đây sẽ là năm đánh dấu những ảnh hưởng qua lại giữa Tổng thống và Quốc hội. Và những mâu thuẫn đó sẽ kết thúc bằng cuộc đảo chính của Tổng thống, chính thức đặt dấu chấm hết cho một nền Cộng hòa mới được thử nghiệm. Sự có mặt của Tướng Changarnier đứng đầu các lực lượng quân sự ở thủ đô gây một mối nguy hiểm thường trực đến Tổng thống. Nhưng rất khó để thoát khỏi vị tướng-nghị sĩ hùng mạnh và vốn có sự ủng hộ mạnh mẽ từ đa số Nghị sĩ quốc hội này. Chính vì vậy, Louis-Napoléon đã hành động với một sự thận trọng mềm mỏng và nham hiểm. Ông chậm rãi rình những sai lầm của Changarnier, đợi cho đến lúc ông này tự vướng vào rắc rối để rồi sẽ thoát khỏi ông ta một cách an toàn.

Tháng 10/1850, Quân vương-Tổng thống đi kiểm tra hàng ngũ duyệt binh ở trại Satory. Bộ trưởng chiến tranh, Tướng Hautpoul, đã thông báo rằng Tổng thống sẽ đón nhận với ân huệ chiếu cố sự tung hô của quân đội. Nhưng Changarnier đã ra lệnh cấm mọi lời tung hô đón tiếp với lý do trái nguyên tắc quân sự. Các sĩ quan dưới quyền, tùy vào việc nghe theo Hautpoul hay Changarnier đã cho phép hoặc cấm quân sĩ của mình tung hô đón tiếp Tổng thống. Ngày hôm đó người ta đã nghe thấy những tiếng hô “Napoléon muôn năm” và cả “Hoàng đế muôn năm!”.

Sự đối đầu chính thức được mở ra giữa Tổng thống và Quốc hội. Changarnier chuẩn bị một âm mưu thực sự để lật đổ Tổng thống. Về phía mình, Tổng thống nghĩ đến việc cách chức Changarnier. Nhưng cuối cùng cả hai đều lưỡng lự. Tổng thống ra lệnh chuyển trợ lý của Changarnier, Tướng Neumayer, người đã ra lệnh cho binh sĩ không được tung hô chào đón Tổng thống. Changarnier phản ứng lại bằng một nhật lệnh trong đó ông viện dẫn rằng quân lệnh cấm binh sĩ có những hành động biểu tình. Tổng thống nuốt nổi nhục này một cách bình tĩnh. Nhưng đầu năm 1851, ông ta đột nhiên ra lệnh cách chức Changarnier. Phe đa số trong Quốc hội mất quá nhiều thời gian để tìm ra cách trả đũa và ngập trong một biển lớn những cuộc tranh luận để rồi kết thúc bằng cách phản ứng không gì khác ngoài một bài phát biểu hùng hồn của Thiers: “Hiện nay nhà nước có chỉ hai quyền lực, quyền hành pháp và quyền lập pháp. Nếu Quốc hội nhường một bước ngày hôm nay [...] thì chỉ còn một [...] việc phải đến sẽ đến [...] Vương quyền đã được thiết lập!”

Vậy là Quốc hội đã chịu nhường bước. Rút gươm ra khỏi phe đa số tại Quốc hội, vị Quân vương - Tổng thống đã phó mặc họ tự khu xử.

“Tôi chỉ thấy một sự ì trệ”

Tuy nhiên, vị Quân vương-Tổng thống dự tính giải quyết mâu thuẫn giữa ông và phe đa số trong Quốc hội một cách hòa bình. Có thể do ông nghĩ rằng mọi diễn biến xung quanh đều đang thuận lợi. Thật vậy, từ khắp đất nước đều có những dấu hiệu củng cố cho điều này: phe Dân chủ-xã hội, Cộng hòa cấp tiến không ngừng đạt được những tiến bộ trong chiến dịch bầu cử bất chấp những cố gắng của các Tỉnh trưởng vốn được trang bị những đặc quyền qui định từ những bộ luật năm 1849. Khẩu hiệu và tuyên truyền rộng khắp đã giúp họ giành kết quả trong những chiến dịch tranh cử, giống như chiến dịch tranh cử đã mang lại đa số ghế trong Quốc hội lập hiến cho Đảng Trật tự Xã hội năm 1849. Và sẽ là hợp lý khi cho rằng chiến dịch bầu cử năm 1852 này sẽ mang lại cho họ đa số trong Quốc hội dù rằng luật phổ thông đầu phiếu chặt chẽ hơn. Như vậy, mọi thành tựu của Đảng Trật tự Xã hội từ năm 1848 có nguy cơ sẽ bị xem xét lại.

Lo lắng như vậy nên vị Quân vương-Tổng thống hành động một cách khéo léo. Nếu chiến dịch bầu cử có nguy cơ đảo lộn phe đa số trong Quốc hội thì theo qui định của Hiến pháp, ông sẽ phải kết thúc nhiệm kỳ của mình mà không thể tái tranh cử. Vậy phải tránh nguy cơ nào? Hiểu rất rõ điều này và ý thức được vị thế của mình trong lòng người dân Pháp nên Louis-Napoléon tuyên bố rằng để trật tự được duy trì trong khi diễn ra cuộc bầu cử vào năm 1852, Quốc hội hủy bỏ điều lệ hiến pháp qui định Tổng thống không được tái tranh cử trước thời hạn 4 năm.

Nhưng sẽ không có gì được hợp pháp khi không được Quốc hội thông qua. Ngay trong Quốc hội, nhiều người thuộc phe đa số dù không có cảm tình đặc biệt gì với Louis-Napoléon cũng thừa nhận rằng đòi hỏi của ông không phải không có lý. Hơn nữa, Tổng thống không chỉ dừng lại ở việc nói lý lẽ mà ông còn sử dụng cả biện pháp đe dọa. Nếu Quốc hội không chịu khuất phục, ông có thể sẽ kêu gọi sự ủng hộ của dân chúng. Trong bài diễn văn tại Lyon vào tháng 6/1851, ông đã đập tan chính sách phản động của Quốc hội: “Từ ba năm nay, người ta có thể nhận thấy rằng tôi chỉ đứng hàng thứ yếu mỗi khi phải tổ chức trấn áp ổn định trật tự bằng các phương pháp đàn áp bạo lực. Nhưng mỗi khi tôi muốn làm điều tốt đẹp, thực hiện thuế đất, áp dụng những giải pháp để cải thiện số phận người dân thì tôi chỉ gặp phải một sự ì trệ”.

Và khi nói bóng gió đến cuộc tranh luận tới của Quốc hội về việc sửa đổi Hiến pháp, ông đã kết

luận bằng lời đe dọa rõ ràng: “Nếu người dân Pháp nhận thấy rằng người ta không có quyền quyết định số phận của họ mà không tính đến họ thì chỉ cần nói ra điều đó; tôi có đủ dũng cảm và nghị lực dành cho họ”. Nhưng để sửa đổi Hiến pháp có hiệu lực cần có sự đồng ý của ba phần tư Đại biểu quốc hội, cho dù họ đồng ý vì sợ hãi hay do thực sự tin tưởng. Ngày 19/7/1851, khi kiểm phiếu, có 446 Nghị sĩ đồng ý sửa đổi, 278 phản đối. Như vậy còn thiếu 100 phiếu thuận nữa để có đa số. Louis-Napoléon đã sẵn sàng thực hiện cuộc đảo chính.

Một Tổng thống dân chủ, một Quốc hội phản động?

Để thực hiện cuộc đảo chính như trù tính, Tổng thống có thể sử dụng vô số kinh nghiệm về mưu phản mà ông tích lũy được trong suốt thời tuổi trẻ của mình. Ông biết rõ rằng không được xem nhẹ bất cứ yếu tố chuẩn bị nào, cả về quân sự cũng như tâm lí. Sau khi Quốc hội từ chối thông qua sửa đổi Hiến pháp, không còn ai nghi ngờ khả năng Tổng thống sẽ kêu gọi sự ủng hộ của dân chúng nhưng Quốc hội vẫn không có khả năng thoát khỏi sự ì trệ của mình. Và lại nếu muốn thì họ sẽ dựa vào đâu? Vào dân chúng chăng? chính sách phản động của họ đã đẩy họ xa rời dân chúng. Hơn nữa, Louis-Napoléon, sau khi để họ tự khôi phục lại đã dùng mọi cố gắng để cắt đứt mối quan hệ của Quốc hội với dân chúng và không bỏ lỡ cơ hội nào để làm mất uy tín của các Nghị sĩ quốc hội.

Tháng 10/1851, Quân vương-Tổng thống đã đề nghị Quốc hội bãi bỏ luật ngày 31 tháng 5 năm 1850, nghĩa là khôi phục lại quyền bầu cử cho tất cả mọi người dân. Dù nhận thức được tình hình nhưng Quốc hội vẫn không thể xoay chuyển gì được. Và ngày 12/12, chỉ với 7 phiếu đa số, họ đã từ chối bãi bỏ luật này. Với người dân cả nước, sự thể đã rõ ràng: Tổng thống là người dân chủ và Quốc hội thì phản động. Quốc hội liệu chí ít cũng có thể nhờ cậy vào quân đội, người bảo vệ trung thành truyền thống của bộ máy cầm quyền? Changarnier tuyên bố rằng ông ta có thể dẫn dắt quân đội đến bất kỳ đâu mà ông ta muốn. Nhưng Quốc hội bắt đầu nghi ngờ những lời khoát lác của ông ta. Tháng 11/1851, Quốc hội thảo luận dự thảo luật theo đó cho phép Chủ tịch quốc hội quyền triệu tập quân đội trong trường hợp cần thiết. Một dự thảo luật gây nguy hiểm cho Tổng thống đến mức mà ông đã trù tính phải thúc đẩy nhanh mọi việc trong trường hợp dự thảo luật này được thông qua. Thorigny, Bộ trưởng thân cận Tổng thống, không lưỡng lự cảnh báo với Quốc hội rằng Chính phủ của ông đã “sẵn sàng cho bất cứ việc gì”.

Lời đe dọa này đã phát huy tác dụng. Quốc hội do quá lo sợ một cuộc chính biến sẽ xảy ra ngay tức thì nên đành hủy bỏ dự thảo luật và như vậy tự tước bỏ biện pháp bảo vệ chính mình. Khi Quốc hội làm những việc chứng tỏ sự bất lực của mình thì Tổng thống tiến hành chuẩn bị cho cuộc đảo chính. Ông sử dụng vị trí “nhạc trưởng” đối với người anh em cùng cha khác mẹ của mình, Bá tước Morny, một người nổi tiếng là máu lạnh và thẳng tay. Tập hợp quanh ông ta là một bộ tham mưu mà thành phần không thể thiếu là Persigny, Rouher, người tỉnh Orléan vốn thân cận với Quân vương và nắm nhiều vị trí trong bộ và cảnh sát trưởng Cartier.

Thêm vào những nhân vật ít mang tính đại diện đó cần phải có những người chủ chốt. Tổng thống không phải không biết rằng một số đông thành viên Đảng Trật tự Xã hội sẽ liên kết với ông nếu cuộc đảo chính thành công. Nhưng ông chỉ có thể dùng đến họ để hoàn tất cuộc chính biến mà thôi. Điều mà ông cần đó là những người của quân đội. Trong năm 1851, Tổng thống đã tìm kiếm những người này và đặt họ vào những vị trí chủ chốt. Đó là Magnan, một trong những người đồng mưu cũ của ông trong sự kiện Boulogne trước đây, một sĩ quan nghèo túng và nợ chồng chất, được giao việc chỉ huy quân đội ở Paris. Tướng De Saint-Arnaud, người vừa ghi dấu ở Châu Phi, người nổi tiếng là sẵn sàng thực hiện mọi phiêu lưu để thành công, được giao chức Bộ trưởng chiến tranh. Mọi nhân tố đã được sắp đặt sẵn sàng. Ngày 2/12/1851, kỉ niệm ngày lên ngôi của Napoléon đệ Nhất và kỉ niệm chiến thắng Austerlitz, Quân vương-Tổng thống sẽ chuyển sang bước thực hiện đảo chính.

Cuộc đảo chính ngày 2/9/1851

Tối ngày 2/12, Tổng thống tổ chức một buổi tiệc long trọng tại Điện Élysée. Khoảng 11 giờ

đêm, ông rút vào phòng làm việc của mình và gặp gỡ những người đồng mưu chủ chốt. Tại đây, mỗi người xem xét lại những việc mình phải làm trong cuộc đảo chính. Khoảng nửa đêm, Maupas, cảnh sát trưởng mới đã cho bắt 78 nhân vật được cho là có thể là những người chủ chốt kháng trả cuộc đảo chính: Tướng Changarnier và Cavaignac, Nghị sĩ Thiers có mặt trong số đó. Khắp Paris, người ta cho dán áp-phích báo cho dân chúng biết Louis-Napoléon thực hiện cuộc đảo chính chủ yếu nhằm chống lại một Quốc hội không thuộc về người dân:

“Nhân danh dân chúng Pháp,

Tổng thống ra sắc lệnh:

Điều 1. - Giải tán Quốc hội.

Điều 2. - Thiết lập lại hình thức bầu cử phổ thông đầu phiếu. Bãi bỏ luật 31/5.

Điều 3. - Toàn bộ người dân Pháp được triệu tập đến các đại hội tuyển cử từ ngày 14 đến 21 tháng Mười hai tới”.

Người dân Paris đón nhận tin về cuộc đảo chính không một chút xúc động. Họ thậm chí còn biểu lộ sự hài lòng khi biết rằng một vài Nghị sĩ tham gia cuộc đàn áp Những ngày tháng Sáu đã bị bắt giam. Một vài kháng cự lẻ tẻ của nghị sĩ Cộng hòa không kéo dài được bao lâu, người dân từ chối tham chiến cho một nền Cộng hòa vốn đã trở nên xa lạ với họ từ sự kiện Những ngày tháng Sáu. Hơn nữa, ngày 4/12, trên một số đại lộ, quân đội đã bắn vào đám đông khi thấy xuất hiện những tiếng kêu chống đối. Phản ứng mạnh mẽ này tương phản rõ rệt với thái độ bị động của người dân Paris đến mức người ta tự hỏi liệu đây có phải là một hành động hăm dọa do Morny quyết định một cách lạnh lùng để trấn áp mọi phản kháng có thể xảy ra tiếp theo. Tại các tỉnh, một số phong trào phản kháng diễn ra mạnh và nguy hiểm hơn tại vùng núi Massif Central và vùng Tây Nam. Tại những nơi đó, quân đội cũng lập tức trấn áp. Ngày 21/12/1851, theo hình thức phổ thông đầu phiếu, người dân đã bỏ phiếu thừa nhận cuộc đảo chính với 7,5 triệu phiếu thuận, 650000 phiếu chống, và từ đó trao quyền thành lập Hiến pháp mới cho Tổng thống. Hiến pháp này đảm bảo cho Louis-Napoléon Bonaparte, Tổng thống trong 10 năm, có quyền lực thực sự và ngay sau đó, ông chỉ việc thay cách gọi Tổng thống bằng Hoàng đế để bản Hiến pháp đó trở thành bản Hiến pháp của Đế chế II.

Ngày 2/12 đánh dấu nền Cộng hòa đệ Nhị bị chính vị Tổng thống Cộng hòa đầu tiên bóp nghẹt! Trong suốt cuộc đo sức giữa ông và những người được bầu là đại diện dân tộc, Tổng thống luôn thể hiện là người được bầu ra qua hình thức phổ thông đầu phiếu ngày 10/12/1848, chủ yếu là nhờ vào danh phận của ông, để rồi một năm sau đó ông làm phân tán hơn 700 Nghị sĩ Quốc hội. Hai mươi năm sau, những nhà sáng lập nền Cộng hòa đệ Tam vẫn sẽ còn rút ra từ kinh nghiệm này bài học về sự thận trọng sâu sắc trong bầu cử Tổng thống theo hình thức phổ thông đầu phiếu và trong việc chọn Tổng thống là người do giới quý tộc thể bầu ra.

Nhưng nếu nền Cộng hòa đệ Nhị đã phải chịu khuất phục trước vị Tổng thống của mình, người được củng cố sức mạnh hơn nữa qua phổ thông đầu phiếu thì nó lại bị diệt vong do chính những lỗi lầm nội tại. Ngay từ cuộc Cách mạng tháng Hai, nó đã cho thấy sự bất tin của nền Cộng hòa vào dân chúng lớn đến mức nào. Khi thực hiện cuộc tàn sát Những ngày tháng Sáu, nền Cộng hòa đã đã chính thức tự cắt đứt mối liên hệ với quần chúng, mà đó lại là chỗ dựa vững chắc cơ bản cho chế độ Cộng hòa. Từ đó trở đi, nền Cộng hòa bị phó mặc cho một kẻ tham vọng. Sự ngẫu nhiên muốn rằng con người này, vốn là người thừa kế của dòng họ trị vì sẽ được bầu làm Tổng thống nhờ vào ân huệ của một trong những đảng phái mạnh nhất. Nhưng Tổng thống, người không khéo léo, không nổi tiếng và không được dân chúng biết đến nhiều như một Changarnier hay một Cavaignac lại không đời nào bỏ lỡ cơ hội giành lấy một nền Cộng hòa không có khả năng phòng vệ. Thêm nữa, trong mọi tình huống, nhân dân, lực lượng duy nhất có thể chống lại quân đội lại không cảm thấy có liên quan đến những tính toán lợi lộc đang gây đối đầu giữa những kẻ gây ra cuộc đàn áp Những ngày tháng Sáu.



ADOLPHE THIERS
(16/4/1797 – 3/9/1877)

- 2 - NGÀI THIERS, MỘT TỔNG THỐNG NGHỊCH LÝ CHO MỘT NỀN CỘNG HÒA LÂM THỜI

(17 tháng 2 năm 1871 - 24 tháng 5 năm 1873)

Ngày 17/2/1871, tại Nhà hát lớn của Bordeaux, trang trí theo phong cách thế kỉ XVIII, Quốc hội, mới được bầu ra trước đó ít ngày trong hoàn cảnh nước Pháp bị quân Phổ chiếm đóng đã bầu Adolphe Thiers là “người đứng đầu cơ quan hành pháp của Cộng hòa Pháp”. Do các Nghị sĩ Cộng hòa tại Paris thành lập ngày 4/9/1870 tiếp sau tuyên bố thất thủ tại Sedan và tuyên bố cầm tù Napoléon III, nền Cộng hòa lúc đó chỉ là một chế độ lâm thời. Ngày 31/8 cùng năm, theo yêu cầu của Thiers, Quốc hội đã trao cho ông danh hiệu “Tổng thống nước Cộng hòa” thay vì cách gọi “Trưởng phụ trách hay Người đứng đầu” (cách gọi mà theo ông là không xứng đáng với vị trí của ông vì nó giống cách gọi dành cho người bếp trưởng). Xét về hình thức, mọi việc có vẻ rõ ràng. Nhưng trong thực tế thì vẫn còn đầy những điểm mập mờ, nước đôi. Nước Cộng hòa chỉ là cái tên tạm thời cho một thể chế chưa định hình. Cuộc bầu cử tháng 2/1871 diễn ra xung quanh sự lựa chọn chủ hòa hay chủ chiến. Cử tri đã lựa chọn chủ yếu những người theo phái Bảo hoàng hoặc phái Bonaparte, những người chủ hòa và gạt bỏ những người phái Cộng hòa mà một bộ phận nhỏ do Gambetta đứng đầu bảo vệ đến cùng chính sách chủ chiến. Trong hoàn cảnh ra đời như vậy, đa số Quốc hội là phe bảo hoàng, những người chỉ có duy nhất một suy nghĩ là khôi phục chế độ Quân chủ và Adolphe Thiers được coi là một người trung thành của những hoàng tử Orléans. Tuy vậy, Quốc hội quân chủ này, phần lớn nhờ vào những động thái của cá nhân Adolphe Thiers lại sẽ xây dựng được một chế độ Cộng hòa ổn định nhất kể từ trước tới thời điểm đó, một chế độ mà tuổi thọ đáng kể của nó đã đáng được coi như một ngoại lệ thực sự của nước Pháp kể từ khi chế độ Quân chủ chuyên chế sụp đổ.

Một quá khứ quân chủ

Tháng 9/1821, Adolphe Thiers, một luật sư 24 tuổi đã “khăn gói” lên Paris tạo lập sự nghiệp. Vốn là đứa con ngoài giá thú trong một gia đình tiểu tư sản, từ bé Thiers đã mang nặng mặc cảm về thân phận mình trong một xã hội quý tộc thời Phục hưng. Anh đã có được một học bổng cho phép theo đuổi con đường học hành. Khi đến Paris, anh nhận thấy rằng con đường duy nhất có thể dẫn anh đến thành công là chính trường, trong hàng ngũ những người thuộc Đảng Tự do, một đảng mang đậm dấu ấn những tư tưởng thời cách mạng 1789 đang đấu tranh chống lại sự phục hưng chế độ Quân chủ và bảo vệ quyền lợi giai cấp tư sản. Khi còn làm báo, anh đã là biên tập viên tờ Constitutionnel (Lập hiến) và đã tạo lập danh tiếng của mình trong giới tự do khi cho xuất bản cuốn Lịch sử Cách mạng Pháp năm 1827. Năm 1830, dưới sự che chở của Talleyrand, cùng với Carrel và Mignet, Thiers đã thành lập tờ Le National (Quốc gia) tuyên truyền cho Công tước Orléans, anh họ của vua Charles X, người làm ra vẽ một hoàng tử tư sản chấp nhận di sản thời Cách mạng. Thiers giữ vị trí chủ chốt trong cuộc cách mạng 1830. Đầu tiên, ông đã thảo luận phản đối của báo giới Paris chống lại những mệnh lệnh của phe Bảo hoàng đòi xem xét lại các quyền tự do qui định trong Hiến chương năm 1815, đòi giải tán Nghị viện, tước bỏ quyền bầu cử của tầng lớp tư sản buôn bán. Tiếp theo ông vận động cho việc cử Công tước Orléans làm Quan phụ chính và sau lên ngôi dưới tên Louis-Philippe đệ Nhất.

Dưới thời Quân chủ tháng Bảy, Thiers là một nhân vật quan trọng hàng đầu. Cố vấn chính phủ, Nghị sĩ vùng Aix-en-Provence, ngay sau đó là Phó tổng trưởng phụ trách tài chính và là Bộ trưởng Bộ Nội vụ năm 1832 và từ năm 1834 đến 1836 đó là những chức vụ mà khi đảm nhiệm ông luôn đảm bảo theo sát cả phe Cộng hòa lẫn phe chính thống. Năm 1836 ông trở thành Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao; năm 1840, ông đã bị mất quyền do có chính sách hiếu chiến với Anh quốc, một đối thủ cạnh tranh của Pháp tại Ai Cập. Vua và các Nghị sĩ đã lo lắng về chính sách hiếu chiến này. Hơn nữa, Louis-Philippe, do rất hám quyền lực

không thể chấp nhận Thiers, người mang học thuyết hình thành thời Phục hưng chủ trương “vua lên ngôi nhưng không thực thống trị”. Và vì vậy, từ năm 1840 đến 1848, dưới danh nghĩa điều hành của Thống chế Soult, người gọi Thiers là “một tên quèn”, chính là Guizot đã điều hành đất nước cùng với sự kết hợp hoàn hảo của nhà vua, người vốn có đồng quan điểm chính trị với ông. Tuy nhiên, Thiers cố nén giận và nuôi mối hận với Louis-Philippe và Guizot. Một thời gian sau, ông mới trả thù: Ngày 23/2/1848, khi cuộc nổi dậy lan khắp Paris, Louis-Philippe đã đề nghị Thiers giữ chức Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và chấp nhận, dù không, muốn việc bổ nhiệm những Bộ trưởng khác theo ý của Thiers. Tuy nhiên, nhà vua đã từ chối bản kế hoạch của Thiers mà sau này đã được Thiers dùng lại vào năm 1871: cho quân đội và cơ quan quyền lực công sơ tán khỏi Paris, trao thủ đô cho phía nổi dậy để sau đó chiếm lại bằng quân đội và để tránh cam bẫy của công sự mà quân nổi dậy dựng lên trên đường phố. Sự thoái vị của nhà vua đã lấy đi quyền lực có được muộn màng của Thiers. Nhưng sự nghiệp chính trị của ông vẫn còn rất dài.

“Các ngài đừng nói đến danh dự nữa”: đàm phán khó khăn với nước Đức chiến thắng

Nền Cộng hòa đệ Nhị được thành lập, những biến động xã hội trong những tuần đầu tiên tạo cơ hội cho Thiers trở lại vị trí hàng đầu trên chính trường. Sau việc đàn áp đẫm máu những cuộc biểu tình Những ngày tháng Sáu, ông trở thành một trong những người có uy quyền nhất của Ủy ban đường phố ở tỉnh Poitiers, nơi có mặt những thủ lĩnh của Đảng Trật tự Xã hội. Ông thuộc hàng ngũ những người bảo thủ chống lại nền Cộng hòa xã hội và giữ vai trò chủ chốt trong việc lựa chọn Louis-Napoléon Bonaparte làm ứng cử viên của Đảng Trật tự Xã hội vào ghế Tổng thống nước Cộng hòa. Ông đã nghĩ rằng sự non yếu của vị quân vương này sẽ tạo điều kiện dễ dàng để biến ông ta trở thành món đồ chơi trong tay mình. Nhưng ông đã phải nhanh chóng xuống nước. Ngay từ cuối năm 1849, ông đã cắt đứt quan hệ và trở thành đối đầu với Tổng thống. Sự chống đối này mạnh đến mức vào cuộc đảo chính năm 1851, ông đã bị bắt và phải lưu vong tại Thụy Sĩ. Nhờ có lệnh ân xá, ông đã được trở lại nước Pháp và không tham gia đời sống chính trị cho đến năm 1863, khi ông được bầu là đại biểu quốc hội của phe đối lập tự do tại Paris. Một năm sau đó, ông đọc trước bộ máy lập pháp bài phát biểu gây tiếng vang lẫy lừng về “những quyền tự do thiết yếu” và nó đã trở thành Hiến chương của chủ nghĩa tự do chống lại chủ nghĩa độc tài quân phiệt Bonaparte. Sau sự việc này, ông đã tập hợp được sau mình những người theo chủ nghĩa quân chủ và những người Cộng hòa trung lập. Là người phản đối quyết liệt đường lối chính sách của vương triều, ông đã phê phán không thương tiếc chính sách đối ngoại của Napoléon III. Ông lên án cuộc viễn chinh Mexico, chống lại việc ủng hộ quân Phổ trong cuộc chiến Áo-Phổ và nhất là việc tuyên chiến với quân Phổ năm 1870. Sự phản đối cuối cùng này đã tạo nên những làn sóng hận thù dồn dập đổ lên người ông trong không khí sô-vanh sục sôi vào thời gian đó tại Pháp. Ba tuần sau, thất bại tại Sedan đã tạo lý lẽ hậu nghiệm cho ông. Được đánh giá là nhà tiên tri trên chính trường, sự sáng suốt và đầu óc thực tế của ông được xem như phẩm chất của một nhà lãnh đạo có năng lực, tháng 2/1871, ông được 26 tỉnh bầu làm Đại biểu tại Quốc hội và chỉ vài ngày sau đó là Tổng thống của nước Cộng hòa lâm thời thành lập ngày 4/9 tại Paris.

Cách thức mà Thiers chủ trương lãnh đạo đất nước gây những lo ngại đầu tiên cho những đại biểu quân chủ trong Quốc hội và họ đặt câu hỏi về quan điểm chính trị thực sự của Thiers. Họ đã ngạc nhiên khi nhận thấy rằng rất nhiều các Bộ trưởng là người của phe Cộng hòa (Jules Favre, Jules Simon và Ernest Picard), đó là chưa kể đến 2 sĩ quan thuộc bộ Chiến tranh và Hải quân cũng là những người theo tư tưởng Cộng hòa. Phe đa số của Quốc hội chỉ cảm thấy thực sự được đại diện qua sự có mặt của Nam tước Larcy, liệu hai người vùng Orléans liệu có thể được coi là những người bảo hoàng không khi họ được nhận xét là trung thành với Thiers hơn là với những hoàng tử Orléans? Có phải Bộ trưởng tài chính Pouyer-Quertier được đánh giá là có khả năng trở thành người Cộng hòa dưới chế độ Cộng hòa hoặc người quân chủ dưới chế độ Quân chủ hơn là một người theo Bonaparte? Quốc hội nhần trán suy nghĩ, nhưng làm gì để chống lại Thiers khi ông chính là người đang rời Bordeaux để đi đàm phán hòa bình với Hoàng

tử của Bismarck?

Thật vậy, những cuộc thương thuyết đã bắt đầu từ ngày 21/2. Dù có mặt Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Jules Favre, Thiers vẫn là người trực tiếp đàm phán. Từng bước và bướng bỉnh, dù biết rằng mình không có phương thức gì để chống lại kẻ chiến thắng, ông vẫn cố gắng nhân nhượng ít nhất có thể được. Ông biết rằng Alsace đã mất rồi thì trận đánh ở Metz chỉ là tượng trưng. Mọi cố gắng nỗ lực đàm phán sẽ dành cho Belfort, tỉnh chỉ bị mất sau đình chiến và người dân Pháp nhìn đó như một biểu tượng cho ý chí chiến đấu của dân tộc. Nhưng cố gắng chủ yếu vẫn là về vấn đề bồi thường chiến tranh. Vốn là nhà tư sản dè xèn, ông đấu tranh để có thể giảm thiểu khoản bồi thường này với lí lẽ rất đặc trưng của mình: “Các tỉnh đã mất chúng ta có thể giành lại lúc này hay lúc khác nhưng hàng tỷ quan ra đi sẽ không bao giờ trở lại”. Về hai điểm này, đối với người Pháp thì chẳng gì gây mất mát lớn bằng việc mất Alsace Lorraine nhưng đối với Thiers thì điểm đàm phán thứ hai là quan trọng nhất. Thiers có thể khoe khoang là đã đạt được thành công trong đàm phán; để đổi lấy sự hài lòng của quân Phổ được tiến vào Paris trong vài giờ, Bismarck đã để lại Belfort: đối với ông trận chiến sẽ chẳng có nghĩa lí gì nếu để lỡ cơ hội được thấy người dân Paris cảm thấy thế nào khi đối mặt với thực tế này?

Số tiền bồi thường được rút từ 6 tỷ theo mức đề nghị của Bismarck xuống còn 5 tỷ. Khi đó, Thiers nhận được lời đảm bảo của Chủ ngân hàng Alphonse de Rothschild rằng nước Pháp hoàn toàn có thể trả khoản tiền này nếu Nhà nước phát hành công trái. Còn đối với những điều khoản khác thì Thiers chấp nhận một cách không thoải mái: quân Phổ sẽ ở lại Pháp cho đến khi khoản bồi thường được thanh toán hết (nhiều nhất là 5 năm), ông định tính sao cho việc này kết thúc nhanh nhất có thể được; còn vấn đề Alsace-Lorraine, đó là cái giá của một cuộc chiến tranh mà việc phát động và thất bại đều do những người khác chịu trách nhiệm chứ không phải ông.

Khi đặt chân đến Bordeaux để đàm phán sáng ngày 28/2, Thiers chỉ có một suy nghĩ: kí kết được hiệp ước hòa bình với quân Phổ nhanh nhất có thể vì ông cho rằng nền hòa bình này là điều tốt nhất mà nước Pháp có thể hi vọng. Với những Đại biểu quốc hội của Alsace và Lorraine phản đối việc thỏa hiệp “đáng xấu hổ” này, Thiers phản bác lại: “Nếu có ai đó phải cảm thấy xấu hổ thì đó chính là những người của tất cả các thời kỳ từ trước tới nay, ở mọi tầng lớp đã phạm những sai lầm dẫn đến tình trạng này”. Người ta không thể thoát khỏi trách nhiệm một cách hay hơn: Thiers thuận theo thoả ước này vì ông cho rằng người ta không thể qui trách nhiệm cho ông được. Còn lại sự phản đối của những người Cộng hòa không nhân nhượng, ông Gambetta nóng nảy, ông Hugo có tài hùng biện, ông Edgar Quinet liêm khiết, họ cũng không phải chịu trách nhiệm hơn Thiers về thất bại trước quân Phổ nhưng cũng không chấp nhận thoả hiệp của Thiers. Đây là một lời kêu gọi hãy sáng suốt và thận trọng trước những kẻ “mị dân”, được nhìn nhận từ phe Bảo thủ trong Quốc hội: “Làm sao các ngài dám nói đến lòng tự trọng trước những người dân này? Sự thật là họ cũng tự trọng không kém các ngài nhưng họ biết đặt nó sang bên để không mạo hiểm mất nước chỉ vì cố bảo vệ cái tính quần chúng sai lầm mà các ngài đang xun xoe ca ngợi ở đây (...Các ngài hãy nghe sự thật; nếu các ngài không muốn nghe và không muốn tin, các ngài có thể ca ngợi tương lai của đất nước nhưng chỉ là vô ích; các ngài sẽ mất nước ngay vào thời điểm mà các ngài đang ca ngợi nó!”).

Quốc hội lắng nghe Thiers và chấp nhận kế hoạch của ông: các Nghị sĩ của Alsace và Lorraine rời phòng họp và thật có lợi cho Thiers vì Gambetta, người đại diện cho vùng Bas-Rhin cũng ra đi cùng họ và mang cùng với ông ra khỏi Quốc hội sự phản đối mạnh mẽ chính sách mà Tổng thống đang theo đuổi cùng với sự ủng hộ của Quốc hội. Theo gương Gambetta, những Nghị sĩ phe Cực tả cũng từ chức.

Thiers ngày càng nhận thấy rằng không ở đâu để phát huy tốt những kế hoạch của ông hơn là một chính thể Cộng hòa. Còn hơn cả với thể chế Quân chủ, chế độ Cộng hòa có thể thỏa mãn cơn khát quyền lực của ông, với điều kiện là nền Cộng hòa đó không bị phe cánh tả thao túng. Được những người ôn hòa ủng hộ, Thiers mơ ước tái lập nền Cộng hòa năm 1848 như của Đảng Trật tự Xã hội, tất nhiên lần này nhất quyết không để xuất hiện một Bonaparte mới nữa.

So với trước đây, ông cũng sẽ phải thực hiện việc đàn áp như sự kiện Những ngày tháng Sáu và sẽ phải đàn áp cuộc nổi dậy của dân chúng: ngày 18/3/1871 nổ ra cuộc nổi dậy của Công xã.

“Lời nói của một người chính trực”: hiệp ước Bordeaux

Vào thời điểm xảy ra cuộc nổi dậy, người “đứng đầu cơ quan hành pháp” vừa được đảm bảo về sự ủng hộ của một Quốc hội lúc đó đang quan tâm đến vấn đề chọn hình thái chính trị nào. Câu hỏi đầu tiên đặt ra là các cơ quan quyền lực sẽ được đặt ở đâu; Louis Blanc, người theo phe Xã hội đề nghị chuyển Quốc hội về Paris. Nhưng đề nghị này ngay lập tức bị bác bỏ vì Quốc hội sợ rằng như vậy chẳng khác gì phó mặc số phận của mình cho những cuộc bạo động của dân chúng và luôn phải chịu sức ép đó như những Quốc hội cách mạng trước đây. Đó là điều gây sợ hãi cho những nhà bảo thủ vùng nông thôn lúc đó đang chiếm đa số trong Quốc hội.

Họ muốn chuyển đến một thành phố cách xa Paris và sẽ xây dựng tại đó thủ đô mới, một thủ đô không còn bóng dáng những chiến lũy trên đường phố của những cuộc nổi dậy, nó sẽ nằm ở trung tâm của nước Pháp nông nghiệp và quân chủ: Bourges, Orléans hoặc ít ra là ở Fontainebleau. Nhưng Thiers nhìn thấy ở đó mối hiểm họa: tách khỏi dân chúng Paris, đồng nghĩa với việc khuyến khích sự phát triển phong trào ly khai của dân thành thị, từ đó sẽ nảy sinh một thể lực cách mạng mới cạnh tranh do các Nghị sĩ Cộng hòa mới từ chức tại Quốc hội hậu thuẫn. Thiers đã thành công trong việc áp đặt cho Quốc hội một giải pháp trung hạn: dời về Versailles để vừa có thể rút lui an toàn khi có nổi dậy vừa không mất Paris, điều đương nhiên làm các nhà Cộng hòa an tâm.

Một vấn đề khác mà Thiers còn dè dặt, đó là chọn hình thái chính trị nào cho chế độ mới? Ông không đủ tự tin để một lần nữa đối chọi với phe đa số trong Quốc hội; việc tổ chức cơ cấu lại bộ máy nhà nước được đặt ra một cách cấp bách và cần phải tránh sao cho đa số Quốc hội thúc ép ông tái lập chế độ Quân chủ, bởi vì như vậy sẽ buộc ông phải tự lộ mình trước thời điểm dự tính của ông. Vì vậy, trước khi rời Bordeaux về Versailles, ông đã đề nghị Quốc hội điều mà người ta gọi là “Hiệp định Bordeaux”: “Chúng tôi sẽ chỉ quan tâm đến việc tổ chức lại đất nước... Khi đất nước đã được tổ chức ổn định rồi chúng tôi sẽ đến nói với các ngài rằng: đất nước khi được các ngài giao cho chúng tôi vốn đang cảnh đầu rơi máu chảy, thương vong khắp nơi, chỉ còn thoi thóp sống; nay chúng tôi đã làm nó sống trở lại; bây giờ là thời điểm tạo cho nó một thể chế chính trị ổn định, và tôi hứa với các ngài trên danh dự của tôi là không một vấn đề nào trong số những vấn đề còn phải để lại chưa giải quyết ngay hôm nay lại sẽ bị làm sai lệch đi do sự bất trung thành của chúng tôi”. Phe đa số mừng rỡ rít: họ tin rằng một khi đất nước đã thoát khỏi khó khăn thì Thiers sẽ rút lui và để cho một người khác làm công việc tái lập nền Quân chủ. Chắc chắn rằng, nhìn từ một số khía cạnh nào đó, bài phát biểu của Thiers cũng đã gây lo lắng cho họ. Chẳng phải ông đã tuyên bố với phe thiểu số trong Quốc hội: “Nếu chúng ta thành công trong việc tổ chức lại đất nước, nó sẽ được xây dựng theo chế độ Cộng hòa và phục vụ lợi ích của chế độ này?”. Tuy nhiên, phe đa số do thấy thỏa mãn với lời hứa của Thiers nên đã chấp nhận Hiệp ước Bordeaux. Khi đạt được kết quả duy trì tạm thời chế độ Cộng hòa, Thiers đã tạo được thế mạnh trong cán cân lực lượng: thế mạnh của một sự đã rồi.

“Tôi sẽ không thương xót”: cuộc đàn áp Công xã

Phe đa số của Quốc hội không bận tâm đến tính trung thực của Thiers trong việc giữ lời hứa của ông; họ chỉ mong ông giải thoát họ khỏi mối nguy hiểm cận kề, đó là Công xã.

Người dân Paris, là những người đã chống lại kẻ thù, bảo vệ thủ đô đã coi việc ký kết đình chiến của Bộ Quốc phòng là một sự phản bội. Hiệp ước hòa bình của Thiers cũng không được chào đón gì hơn, nhất là họ không thể chấp nhận việc Chính phủ lại cho phép quân Phổ tiến vào Paris. Về điểm này, Thiers đã liên tiếp ra những quyết định thiếu khôn ngoan khi ra lệnh hủy bỏ lệnh gia hạn thanh toán nợ, hủy bỏ lương của vệ quốc quân trong khi đó là nguồn sinh kế duy nhất của phần lớn những gia đình người dân Paris. Bị đẩy đến đường cùng, người dân

Paris đã di dời khỏi những quận phía Tây, nơi quân Phổ sẽ tiến vào chiếm đóng, 200 khẩu pháo lấy được trong thời gian vây hãm với lý do là mang cất giấu chúng đến khu bình dân Monmartre và Belleville. Những khẩu pháo này làm giới thương nhân và các chủ nhà băng lo lắng nên họ giục Thiers mau chóng lấy lại chúng để thiết lập lại lòng tin. Trước tình thế đó, một người như Thiers không thể đứng vững: ngày 18/3 ông ra lệnh cho một đội quân đi tìm mang về những khẩu pháo này. Ông cho rằng dân chúng sẽ phải khuất phục? Giả thuyết này là huyền hoặc: kỉ niệm của Những ngày tháng Sáu vẫn còn in đậm trong trí nhớ của ông. Cũng có thể là bằng cách lặp lại cách xử lý của Đảng Trật tự Xã hội, ông hi vọng tạo ra cuộc nổi dậy mà sau đó ông sẽ đàn áp nó. Và như vậy ông sẽ thoát khỏi quyền cầm cổ của “nền Cộng hòa đỏ”, sẽ là người cứu tinh của Đảng Trật tự Xã hội sau khi đã là cứu tinh của nước Pháp, và như vậy sẽ là người duy nhất xứng đáng được giao trọng trách thiết lập chế độ chính trị cho đất nước.

Khi cuộc bạo loạn xảy ra, kế hoạch của ông đã sẵn sàng: đó chính là kế hoạch mà ông đã bị Louis-Philippe từ chối năm 1848. Ông ra lệnh cho quân đội rút khỏi Paris; còn bản thân ông và chính phủ rời thủ đô về Versailles để thành phố lại cho những người nổi dậy. Những người này, nổi dậy do phản ứng vô thức của những người bị đẩy vào đường cùng của nghèo đói và giận dữ vì thua trận đã mau chóng rơi vào thế lưỡng lự. Những biện pháp “cách mạng” mà họ sử dụng còn rất dè dặt. Khi đã rút về Versailles, Thiers hoàn toàn có thể thực thi ý định “khuất phục Paris” mà ông đặt ra trước khi cuộc nổi dậy xảy đến. Vì thiếu quân nên đây là một cơ hội tốt để yêu cầu Bismarck trả lại những tù binh trong chiến tranh. Với đội quân mới thiết lập này, ông đã ngay lập tức đánh tan ý nghĩ trốn thoát mới manh nha của người dân Paris. Ngay sau đó, ông bắt đầu thiết lập căn cứ thứ hai tại Paris ngay trong khi nhà riêng cũ của ông tại thủ đô, một số công trình có tính biểu tượng của Paris như cột Vendôme với tượng của Napoléon trên đỉnh vẫn đang bị những người nổi dậy đập phá theo lệnh của Công xã. Ngày 21/5, những đội quân của Tướng Gallifet vào Paris, một cuộc nội chiến không chút thương xót bắt đầu và kéo dài trong một tuần sau đó.

Từ trên đỉnh của Montretout, với chiếc ống nhòm trong tay, Thiers theo dõi những đợt tấn công đầu tiên và trở về Versailles ăn tối một cách vui nhộn. Tuần lễ “đắm máu” được đánh dấu bằng một loạt các hành động tàn sát dã man: Gallifet ra lệnh cho lính không cần bắt tù binh và số các cuộc hành quyết ngày càng tăng; những người nổi dậy đáp trả bằng việc bắn chết con tin, nhất là các giáo sĩ. “Tôi sẽ không nương tay!” Thiers gào lên, “Chúng sẽ phải đền tội đến nơi đến chốn và luật pháp sẽ không nương nhẹ”.

Sau chiến thắng này, mặc dù Thiers đã có tính toán sẽ kiềm chế những người ủng hộ mình, nhưng ông vẫn ra lệnh hành quyết: hơn 20000 cuộc hành quyết chớp nhoáng diễn ra đã đánh dấu chiến thắng của trật tự xã hội trước “bọn kẻ cướp và bất lương” trong xã hội, một cuộc đàn áp dã man và sự sợ hãi mà nó tạo ra cũng lớn tương xứng. Hòa bình được thiết lập, cuộc nổi dậy bị đè bẹp, Thiers có thể xem như đã hoàn thành những hành động tiền đề cho những dự định của ông. Tuy nhiên, trước khi bộc lộ rõ ý đồ của mình và đặt ra câu hỏi về chế độ chính trị cần thiết lập, ông còn phải tận dụng quyền lực của mình để thực hiện thành công công cuộc tái thiết mà ông đã cam kết.

Nền độc tài của Ngài Thiers

Trở thành vị cứu tinh của tầng lớp tư sản, Ngài Thiers cuối cùng cũng có thể tận hưởng niềm vui trọn vẹn khi có một quyền lực không thể chối cãi. Khi bầu ông làm người đứng đầu bộ máy hành pháp, Quốc hội đang lúng túng không hề nghĩ đến việc hạn chế quyền lực của ông, và Thiers, lóa mắt bởi vàng hào quang từ chiến thắng vừa qua của mình, đã thực thi quyền hành của mình một cách khá độc tài. Phe Quân chủ, vẫn vừa gây sức ép vừa xun xoe nhằm mong chờ sự tái thiết nền Quân chủ; phe Cộng hòa cư xử một cách nể nang dù biết việc ông đàn áp Công xã vì họ nghĩ rằng trong lời phát biểu của mình, Thiers đã dùng những từ ngữ cho thấy ý muốn duy trì nền Cộng hòa. Quyền lực của Thiers như vậy được dựng lên trong vị trí nước đôi, nhưng chính cái thế nước đôi này tạo nên sức mạnh cho ông, và chừng nào ông còn duy trì được nó, chừng đó quyền lực của ông còn bền vững. Thiers sử dụng quyền lực đầu tiên vào công cuộc tái

thiết mà ông đã cam kết. Đầu tiên là việc giải phóng những vùng lãnh thổ đã bị mất. Ngay từ năm 1871, đợt công trái đầu tiên được phát hành đã cho phép nước Pháp thanh toán 2 tỷ quan đầu tiên trong khoản nợ bồi thường chiến tranh. Năm 1872, đợt phát hành công trái thứ hai, lần này Thiers đã có thời gian chứng tỏ rằng dưới sự lãnh đạo của chính phủ của ông, trật tự đã được thiết lập.

Tầng lớp tư sản, được trấn an sau vụ đàn áp Công xã, đã chi một khoản tiền gấp 14 lần giá trị đợt phát hành công trái thứ hai. Nhờ đó, nước Pháp đã thanh toán xong khoản nợ 3 tỷ quan còn lại. Điều này đặt ra cho ngành tài chính nhà nước gánh nặng lớn nhưng lại cho phép nhanh chóng giải phóng những vùng đất bị chiếm đóng. Ngày 15/3/1873, Thiers ký với Đức bản hiệp ước về việc quân Đức rút hoàn toàn khỏi nước Pháp. Song song với công cuộc khắc phục hậu quả chiến tranh đó là việc đảm bảo an ninh trong nước trong tương lai. Sau cuộc tàn sát năm 1870, nhiệm vụ đặt ra bây giờ là cải cách quân đội. Với hình thức cải cách đưa ra, Thiers đã vấp phải sự phản đối của đa số trong Quốc hội, nhưng cuối cùng ông cũng đã áp đặt được quan điểm của mình: qui định thời hạn nghĩa vụ quân sự bắt buộc là 5 năm, có nhiều trường hợp được miễn. Việc cơ cấu tổ chức lại cơ quan tài chính cũng được đặt ra cấp bách, càng cấp bách hơn sau khi phát hành công trái thành công. Trong việc này, Thiers cũng đã vấp phải sự phản đối của Quốc hội và một lần nữa ông lại chiến thắng trong việc áp đặt quan điểm của mình. Trong khi Quốc hội đề nghị đánh thuế thu nhập, Thiers, vốn là người đại biểu hoàn hảo của tầng lớp tư sản đã gạt bỏ và buộc Quốc hội thừa nhận rằng những nguồn thu cần thiết sẽ được lấy từ nguồn thuế gián tiếp được áp cho tất cả công dân Pháp nhằm tránh nguy cơ dồn gánh nặng tài chính lên vai những người có thu nhập cao.

Sở dĩ Thiers có thể tiến hành chính sách khá độc tài đó là vì những quyết định của ông cuối cùng đều đi theo tinh thần của chính sách dẫn đến vụ tàn sát Công xã và bởi vì những chính sách đó không thật sự làm tổn thương phe nào thuộc đa số trong Quốc hội. Nhưng đồng thời phe đa số này vẫn gây sức ép để người đứng đầu cơ quan hành pháp phải sớm thiết lập nền Quân chủ.

Tổng thống của một nền Cộng hòa lâm thời

Ngay từ mùa xuân năm 1871, Thiers đã tốn nhiều công sức để đối phó lại sức ép của phe đa số mà không làm lộ kế hoạch của mình, đó là điều tất yếu gây nên sự thất bại của ông. Đầu tiên là cuộc tranh cãi về tính hợp lệ của việc bầu Công tước Aumale và Joinville, con trai của Louis-Philippe vào ghế Nghị sĩ quốc hội. Thiers không dám từ chối các hoàng tử Orléans nhưng “ông như đang đi trên dây”, như ông nói với một người thân cận. Vì vậy, để làm hài lòng phe đa số, ông đã bãi bỏ luật cho lưu đày những hoàng tử có gốc gác thuộc về một dòng họ đã trị vì đất nước; và khi đạt được thành công này, ông đã đón vào Versailles Công tước Aumale, sau đó là người ngấp nghé ngôi vua Orléans, Bá tước Paris do Công tước Broglie hộ tống, người được coi như người lãnh đạo của phe đa số trong Quốc hội, cũng là người mà Thiers không ưa gì. Làm ra vẻ không nản lòng vì thất bại, Thiers buộc phải làm mặt vui vẻ với những người mà từ hôm đó ông ta coi như kẻ thù. Lại một ông vua nữa! Lại phải thuyết phục trước sự ngập ngừng, không dứt khoát của nhà vua, của các cận thần của ông ta, của gia đình ông ta trong khi Thiers đã có dưới tay mình một Quốc hội hoàn toàn trong khả năng điều khiển của mình! Thay đổi này Thiers không muốn một chút nào. Nhưng phải làm sao để ngăn chặn nó?

Ngay từ tháng 8/1871, Quốc hội, dù vẫn khẳng định sự tin tưởng vào Thiers, cũng đã muốn đề ra những giới hạn trong quyền lực của ông. Ngày 31/8, Quốc hội đã thay đổi tên gọi chức danh của Thiers “Tổng thống nước Cộng hòa”, chức danh này không có ý nghĩa gì vì thực tế nền Cộng hòa vẫn đang chỉ là tạm thời. Quốc hội vừa cam chịu sử dụng từ ngữ, cách nói đối nghịch vừa thận trọng nhắc rằng Thiers chịu trách nhiệm trước Quốc hội và ông phải thông qua Quốc hội, và sẽ chỉ có Quốc hội được sử dụng quyền lập hiến, biểu tượng chính của quyền tối cao. Rõ ràng là Tổng thống mới, vì cho rằng không Hiến pháp nào hạn chế theo pháp luật khả năng

thực thi quyền lực của ông nên đã tự mở rộng quyền lớn nhất có thể được. Cũng bởi vì trong khi chờ đợi tái thiết nền Quân chủ, Quốc hội đã để cơ hội cho Thiers sử dụng danh tiếng và quyền lực của mình để sắp đặt nền Cộng hòa.

Việc khôi phục chế độ Quân chủ gặp nhiều khó khăn. Mọi người đều nhận thấy rằng nó chỉ có thể thực hiện được khi đạt được sau một sự thỏa thuận: bởi vì Bá tước Chambord, người kế vị hợp pháp không có con nên người kế thừa ông ta sẽ là Bá tước Paris, người kế vị thuộc dòng họ Orléans. Nhưng Chambord lại không mong muốn một sự khôi phục nền Quân chủ một cách mập mờ, không muốn một ngai vàng chỉ mang tính hình thức, và để chứng tỏ những đòi hỏi của mình, ông đã bày tỏ trong một thông cáo khi trở về nước Pháp rằng ông sẽ không chấp nhận bất cứ một điều kiện nào cho việc khôi phục vương quyền. Chính ông sẽ đưa ra các điều kiện của mình và sẽ thực hiện đàm phán với người đứng đầu.

Phe Bảo hoàng rung rờ, phe Cộng hòa mừng rỡ và Thiers cũng thầm tận hưởng niềm vui này. Việc khôi phục vương quyền vì vậy đã bị lùi lại, không ai trong số những người bảo hoàng, trừ một số rất ít những người quá khích cho rằng những điều kiện của Chambord là chấp nhận được. Trong khi phe quân chủ lo tính đến những phương kế gây bất ổn cho nền Cộng hòa lâm thời để đợi đến khi Chambord không còn và dòng tộc Orléans kế vị thì Thiers lo tính đến việc tận dụng sự khủng hoảng này của phe Bảo hoàng để sớm củng cố nền Cộng hòa.

“Nền Cộng hòa đang tồn tại, chúng ta không nên để mất cơ hội tuyên bố sự tồn tại này”

Cho đến năm 1872, Thiers vẫn làm mọi người nghi ngờ tính chân thật trong nhận định của ông về vấn đề thể chế chính trị. Bằng một cách đưa đẩy khéo léo, ông đã làm hết sức để trấn an tất cả mọi người. Đối với những người theo phe Bảo hoàng, ông viện dẫn Hiệp định Bordeaux cho phép ông giữ quan điểm trung lập tối đa và căn cứ vào những gì ông đã làm trong quá khứ thì mọi nghi ngờ rằng ông theo chủ nghĩa Cộng hòa đều tan biến. Đối với những người Cộng hòa, ông đưa ra lời thách thức: “Các ông muốn thử xây dựng nền Cộng hòa một cách chân chính, các ông có lý, cần phải làm một cách chân chính. Không nên giả vờ diễn kịch là ta đang thử xây dựng một thể chế mà thực ra là vẫn ngấm ngầm muốn nó thất bại...”.

Thành thật với tất cả mọi người, nhưng ông Thiers vẫn làm những người quân chủ lo ngại qua những lời tâm sự riêng của ông: “Ngai vàng thì chỉ có một, không thể nào mà ba người cùng ngồi vào đó được” hoặc “Nền Cộng hòa là thể chế nhà nước gây chia rẽ ít nhất giữa chúng ta”. Ông quên không thêm vào rằng ông cho rằng nền Cộng hòa là thể chế duy nhất có thể thỏa mãn tham vọng vô bờ bến của ông, một thể chế mà ở đó, trước quyền lực của những nghị sĩ đại biểu được bầu luôn là những người thuộc giới tư sản, ông có thể dựng lên cho mình quyền lực của một quân vương mà như đối với Louis-Philippe trước đây, người đó sẽ bị quyến rũ bởi quyền lực cá nhân.

Tháng 11/1872, ông cuối cùng cũng lộ mặt nạ khi tuyên bố ủng hộ nền Cộng hòa và đưa ra những nội dung nhằm mục đích thuyết phục tầng lớp tư sản: “Nền Cộng hòa đang tồn tại, nó là chính phủ hợp pháp của đất nước: thiết lập một thể chế khác đồng nghĩa với việc châm ngòi cho một cuộc cách mạng mới và đó là điều nguy hiểm nhất trong những điều nguy hiểm. Đã đến lúc chúng ta tuyên bố nền Cộng hòa và chúng ta hãy xây dựng một nền Cộng hòa như chúng ta mong muốn như chúng ta thấy cần thiết. Mọi chính phủ đều cần phải bảo thủ (duy trì trật tự xã hội), không một xã hội nào lại có thể tồn tại nếu không có một chính phủ như vậy. Nền Cộng hòa sẽ bảo thủ hoặc sẽ không có nền Cộng hòa”.

Brogie sừng sốt, phe Bảo hoàng coi như Thiers đã phá vỡ hiệp ước Bordeaux. Phe đa số trong Quốc hội quyết định sẽ từ bỏ ông và nhất định sẽ ngăn chặn không cho ông phá hoại thêm. Bởi vì nếu giai cấp tư sản càng nhìn nhận thấy ở ông người cầm đầu cho giai cấp của mình thì phe đa số trong Quốc hội lại càng lo lắng về lý thuyết về tính “bảo thủ” của nền Cộng hòa như Thiers đã từng tuyên bố. Có vẻ như lý thuyết đó của ông là nhằm thu hút những người Orléans đi theo Thiers vì họ, do đã quá mệt mỏi vì sự tranh cãi giữa những người được quyền kế vị, sẽ

sẵn sàng chấp nhận một nền Cộng hòa mang lại cho họ những đảm bảo về trật tự xã hội và chủ nghĩa tự do chính trị. Nhằm ngăn chặn nhanh chóng những động thái đó của Thiers, những người đứng đầu phe đa số trong Quốc hội chọn giải pháp sẽ giữ im lặng để sau đó tước bỏ quyền lực của ông.

Quốc hội loại bỏ Tổng thống

Sở dĩ Thiers chấp nhận đánh bài ngửa như vậy là vì ông cho rằng Quốc hội sẽ không dám loại bỏ ông do không có được người thay thế vị trí đó. Đó chính là điều ông nói với Jules Simon vào tháng 3/1873 khi ông này lưu ý với Thiers rằng trách nhiệm của Thiers đã được hoàn thành, ông giờ đây có thể trao trả vị trí mà mình đang ngồi :

- Nhưng họ không có một người nào.
- Họ có thống chế Mac-Mahon.
- Mà với ông này, tôi có thể trả lời rằng ông ta sẽ không bao giờ chấp nhận.

Tuy nhiên, hai ngày trước đó, Quốc hội đã ra quyết định rằng Thiers chỉ có thể liên lạc với Quốc hội bằng thông điệp, còn nếu ông muốn trực tiếp can thiệp thì ông phải báo trước 24 giờ. Thiers phản đối nhưng vô ích, Quốc hội quyết không chịu nhượng bước. Từ đó bắt đầu cuộc chạy đua giữa phe đa số trong Quốc hội muốn hi sinh vị Tổng thống và ngài Tổng thống luôn tin tưởng vào vị trí vững chắc và vai trò cần thiết của mình: đó là vì ngày có càng nhiều người trong phe đa số tin theo quan niệm về tính chất của nền Cộng hòa bảo thủ như Thiers đề ra. Đối với Broglie , thời gian đã rất gấp. Ngày 18/5/1873, trong khi Thiers đang thay thế các Bộ trưởng thuộc phe Quân chủ bằng những đồng minh mới của nền Cộng hòa thì Broglie triệu tập cuộc họp các nhà lãnh đạo của phe đa số trong Quốc hội: ông muốn chỉ ra lợi ích thật sự trong chiến thắng của phe Cộng hòa trong cuộc bầu cử tới đây, và rằng hẳn đó phải là kết quả của chính sách của Thiers. Từ đó, ông đã làm cho đa số Quốc hội chống lại việc bầu thống chế Mac-Mahon thay cho Thiers - người đứng đầu cơ quan hành pháp. Ngày 24/5/1873, Broglie chất vấn Thiers và mời ông “tuyên bố trong chính phủ một chính sách thật sự bảo thủ”. Sự hăng hái của Broglie trong bài phát biểu làm Thiers ngạc nhiên, nhưng ông còn ngạc nhiên hơn nữa khi biết rằng Quốc hội đã bỏ phiếu cho chương trình nghị sự bất tín nhiệm với 344/360 phiếu.

Thiers đã bị đánh bại. Ngày 23, sau bài diễn văn của Broglie, Thiers đã yêu cầu Quốc hội nghe mình trình bày trực tiếp theo đúng quyền lợi hợp pháp của ông. Ngày 24, người đứng đầu bộ máy hành pháp đã cất tiếng. Trong bài phát biểu này, ông đã đưa ra những lời ca tụng khéo léo trong biệc hoàn thành sự nghiệp từ sự kiện Bordeaux nhờ vào sự thống nhất mà ông đã tạo ra xung quanh mình, ông cũng kết tội Broglie đã phá vỡ một cách có chủ ý sự thống nhất này về vấn đề chọn hình thái chính trị. Và Thiers, khi không còn gì để mất, đã tuyên bố công khai quan điểm của mình ủng hộ chế độ Cộng hòa: “Tôi có ý kiến riêng về vấn đề nền Cộng hòa. Tôi đã quyết định và các ngài hiểu tại sao. Bởi vì một chế độ Quân chủ về mặt thực tế là không thể tồn tại... Hơn nữa trong đa số dân chúng, xin các ngài đừng nhằm lẫn nền Cộng hòa chiếm số áp đảo!”

Chuyển từ thế phòng thủ sang tấn công, Thiers dành lời chất vấn sau cho Broglie: “Tôi ái ngại cho ông ta! Về mặt đại diện cho đa số, ông ta sẽ không hơn chúng ta; nhưng ông ta sẽ chỉ là một kẻ tay chân, tôi sẽ nói với ông ta là công cụ của ai... của một người che chở mà Bá tước đã qua đời của Broglie đã từng chối bỏ với sự kính tởm: ông ta sẽ là tay chân của Quốc vương!” Nỗ lực này thất bại: Quốc hội đã quyết; họ nghe Thiers phát biểu trong im lặng nhưng lại để cho Chủ tịch Quốc hội Buffet, người đã bị Broglie phỉnh phờ, yêu cầu Thiers rời khỏi đó trước khi phiên họp bắt đầu lại. Vào buổi chiều, khi đã theo dõi kịp thời kết quả bỏ phiếu Thiers đã nghĩ đến việc tiếp tục cuộc chiến vì không có điều luật nào buộc ông phải chấp nhận như vậy. Nhưng bà Thiers đã không nghe ông: “Người ta đã xúc phạm, lăng nhục ông, họ sẽ phải đẩy sự bạc bẽo thành sự cô lập và ông sẽ phải đã chịu như vậy!”.

“Chỉ có bà là người đứng mà thôi”, Thiers nói lại và thảo đơn từ chức. Vị Tổng thống đầu tiên của nền Cộng hòa thứ 3 đã bị Quốc hội loại bỏ như vậy khi chính Quốc hội này đã đưa ông lên chiếc ghế quyền lực một cách vẻ vang trước đó hai năm. Vậy có thể tóm lược những hành động của ông như thế nào?

Nhìn lại thành quả của một kỳ Tổng thống ngắn ngủi: Nền Cộng hòa đã trở thành một thể chế chính đáng

Năm 1871, Thiers được bầu vào vị trí người đứng đầu cơ quan hành pháp do đa số người của phe Bảo hoàng hi vọng tận dụng thể được lòng dân chúng của ông để tái thiết chế độ Quân chủ tại Pháp; quá khứ đã từng là người phục vụ trung thành của các hoàng tử Orléans của Thiers làm họ yên lòng. Tuy nhiên, dần dần Thiers đã thay đổi ý kiến. Ông muốn áp đặt cho nền Cộng hòa mà trước đây ông đã từng kinh sợ một đa số Quốc hội cũng không ưa gì nó, và bằng cách tận dụng sự chia rẽ của phe Bảo hoàng, ông có thời gian để xây dựng một chính phủ của mình và từ đó chuyển nó thành “chính phủ hợp pháp của đất nước”.

Đối với nền Cộng hòa thì ông còn làm được hơn thế: ông đã cho nó một diện mạo mới tạo niềm tin đối với những người tư sản từ trước đó luôn nhìn nhận nền Cộng hòa dưới hình ảnh của chế độ 1893, với những hình ảnh của Những ngày tháng Sáu hoặc của Công xã. Bằng cách trấn an tầng lớp tư sản, vốn là một tầng lớp xã hội lãnh đạo, và khiến họ chấp nhận chế độ Cộng hòa, Thiers đã tự đảm bảo tương lai của ông. Không phải vô tình mà Thiers khẳng định quan điểm ủng hộ nền Cộng hòa. Khi khẳng định một lần nữa niềm tin của ông vào một “nền Cộng hòa bảo thủ”, ông đã rời ghế Tổng thống và trở thành thủ lĩnh đảng Cộng hòa, tách ông khỏi những Đảng viên cấp tiến vốn làm giai cấp tư sản rất lo lắng. Bù nhìn của giai cấp này là Léon Gambetta, đã ngay lập tức không có tham vọng nào khác ngoài việc trở thành phó cho Thiers. Chính nhân vật này sẽ dẫn dắt cuộc đấu tranh thắm lạng của phe Cộng hòa chống lại nền Quân chủ của những người chiến thắng ngày 24/5/1873. Ông qua đời bốn năm sau đó, thọ 80 tuổi, giữa lúc ông đang dẫn dắt cuộc đấu tranh của phe Cộng hòa đến chiến thắng.

Có thể giải thích sự thay đổi này của vị cựu Bộ trưởng của vua Louis-Philippe như thế nào? Tham vọng ư? Có thể. Dưới chế độ Cộng hòa, Thiers là người đứng đầu trong khi ông đã chỉ có thể là một Bộ trưởng của nhà vua dưới chế độ Quân chủ. Và nếu chỉ đơn giản cho là do ông là người ham muốn được đóng một vai trò năng động, ông cũng đã gặp phải nhiều cuộc tranh đấu gây hao tâm tổn trí. Nhưng điều chủ yếu là Thiers, đi trước thời của mình đã hiểu rằng chính thể này không quan tâm đến những lợi ích cơ bản của tầng lớp tư sản mà ông đại diện, rằng vào thời điểm mà ông có thể tuyên bố một cách xứng đáng sự ra đời của nó, khi những nguyên tắc của cuộc cách mạng 1789 được tôn trọng và những người tư sản bảo vệ hình ảnh của ông có thể điều hành nền Cộng hòa “bảo thủ”. Hình thức này của nền Cộng hòa làm hài lòng dân chúng. Chỉ còn phụ thuộc vào việc nó sẽ sử dụng tầng lớp tư sản vào việc phục vụ đồng thời những lợi ích của nó. Như vậy, Adolphe Thiers đã tạo dựng trong dân chúng hình ảnh của nền Cộng hòa Bảo thủ, đó cũng là tính chất của nền Cộng hòa đệ Tam. Nhưng vào thời điểm ông từ chức, ông mới chỉ tạo lập nó trên pháp lý vì ông đã nhường chỗ cho phe Bảo hoàng. Còn một việc nữa cần phải làm đó là xác định vị trí của Tổng thống trong nền Cộng hòa vì dù sao Thiers cũng chỉ làm Tổng thống không chính thức. Việc không phân định rõ vị trí đứng đầu nhà nước hay đứng đầu chính phủ của ông cũng đã có thể dẫn đến việc có một Tổng thống theo kiểu Mỹ, nếu việc từ chức của ông, giả sử tiềm ẩn phần nào nguyên tắc qui định Tổng thống phải chịu trách nhiệm trước Quốc hội thì đã phần nào khẳng định tính chất của chế độ Đại nghị mới.



- 3 - TRONG KHI CHỜ ĐỢI ĐỨC VUA...NGUYỄN SOÁI MAC-MAHON XUẤT HIỆN

(24 tháng 5 năm 1873 đến 30 tháng 01 năm 1879)

Ngày 24/5/1873, sau khi lật đổ chính quyền của Thiers, Quốc hội đã đưa Nguyên soái Mac-Mahon, người vốn không có đối thủ, lên làm Tổng thống của nền Cộng hòa với 390 phiếu thuận trong tổng số 721 phiếu. Từ 6 ngày trước đó, phe đa số đã quyết định đưa Mac-Mahon lên nắm quyền nhưng không thông báo cho nhân vật chính này, người đã nhiều lần khẳng định sự trung thành của mình với chính quyền Thiers. Tuy nhiên, chính gia đình Mac-Mahon đã thuyết phục người lính già này không tham dự vào phiên họp ngày 24/5. Và trong khi phiên họp diễn ra với sự vắng mặt của Thiers, Nguyên soái Mac-Mahon đã đến thăm cựu Tổng thống để thuyết phục ông rút lại đơn xin từ chức. Còn Thiers, vì biết rõ ý định của Quốc hội nên muốn đặt phe đa số vào thế bí bằng cách thuyết phục Mac-Mahon từ chối vị trí mà Quốc hội sẽ dành cho Nguyên soái: “Ngôi vị Tổng thống quả là một địa ngục, tôi sẽ không trở lại vị trí đó đâu. Và cả ông nữa, vị Nguyên soái đáng kính của ta, đừng có dấn thân vào chốn đó. Hiện nay quyền lực đang là một cái tổ ong bò vẽ mà với bản tính quân nhân của mình, chắc hẳn ông sẽ không giữ nổi bình tĩnh trong vòng 48 giờ đâu”.

Không hiểu được hàm ý chính trị sâu xa của Tổng thống, Nguyên soái Mac-Mahon nghĩ rằng Thiers đã thực sự chán ngán và từ bỏ quyền lực, nên tối ngày 24/5, khi văn phòng Quốc hội vừa thông báo Mac-Mahon được bầu làm Tổng thống thì giới thân cận của vị Nguyên soái này đã không mấy khó khăn thuyết phục ông rằng điều cần làm là ông không được né tránh trọng trách này.

Mac-Mahon trước tiên là một người lính

Nhân vật mà những người thuộc phe Bảo hoàng vừa đưa lên làm Tổng thống chắc hẳn là người ít phù hợp nhất để đảm nhận vị trí này. Ông tự hào là một người lính mà sự nghiệp chỉ có được nhờ vào lòng dũng cảm chứ không phải là nhờ vào những mưu mô chính trị. Ông bắt đầu binh nghiệp của mình dưới nền Quân chủ tháng Bảy và lòng can đảm, tinh thần dũng cảm của ông đã được tôn vinh tại Algérie. Tiếng tăm về lòng dũng cảm của ông bắt đầu từ cuộc chiến tranh trên bán đảo Crimée (Ukraina). Nền Đế chế đã tạo điều kiện đưa vị tướng lĩnh quân đội hăng hái và nhiệt tình này đạt được mọi đỉnh cao. Đầu tiên là ngôi vị Công tước Magenta sau chiến tranh với Italia năm 1859, rồi đến chức Nguyên soái nước Pháp, và ở vị trí này, Mac-Mahon đã đạt được mọi tước hiệu danh phẩm cao quý. Năm 1861, ông đảm nhận vai trò đại sứ đặc mệnh bên cạnh vua Guillaume nước Phổ. Năm 1864, Mac-Mahon giữ vị trí Toàn quyền ở Algérie. Năm 1870 thì ông thôi chức Toàn quyền trở về chỉ huy quân đội ở vùng Alsace. Tuy nhiên, quân của Mac-Mahon đã thua và thủ thế ở vùng lòng chảo Sedan, nơi trận chiến kết thúc ngày 1/9 khi Mac-Mahon bị bắt làm tù binh với vết thương nhẹ ở đùi.

Bị giữ làm tù binh ở Đức cho đến mùa xuân năm 1871, Mac-Mahon trở về Pháp để chỉ huy quân đội Versailles đang tập trung nhằm trấn áp phong trào Công xã Paris. Nhưng Mac-Mahon lo sợ rằng những thất bại trước đó sẽ làm tổn hại nghiêm trọng đến danh dự của mình. Và ông rất nhạy cảm với nhận xét này của Thiers: “Hết rồi... hết tất cả rồi!”.

Đứng đầu nền Cộng hòa là một người theo chủ nghĩa chính thống

Nguyên soái Mac-Mahon đã làm tất cả hài lòng khi ông là người chiến thắng trong cuộc đàn áp Công xã Paris, và ông rất có thể sẽ trở thành người giương cao ngọn cờ của phe đa số - những người muốn loại Thiers ra khỏi cuộc chơi của họ - bởi vì những tư tưởng chính trị của ông chỉ

biến ông thành kẻ phục vụ những nhà quân chủ mà thôi.

Trên thực tế, Nguyên soái Mac-Mahon được biết đến như một người theo chủ nghĩa chính thống. Hơn nữa, chủ nghĩa chính thống đối với ông là một truyền thống gia đình hơn là một tư tưởng chính trị. Mac-Mahon sinh năm 1808 trong một gia đình luôn lưu giữ một cách trung thành những hồi ức về các thế hệ các lãnh chúa Bourbon, những hồi ức đầu tiên của Mac-Mahon bắt đầu từ thời kỳ Vương quyền phục hưng mà cha mẹ ông đã đón nhận như một sự giải phóng. Kể từ khi Louis-Philippe lên ngôi, Mac-Mahon đã nghĩ đến việc từ bỏ quân đội; nhưng gia đình ông ngăn cản ông làm việc đó: vậy là ông phục vụ cho “vị hoàng đế của những rào cản” và nhanh chóng trở thành người được những người con của hoàng đế che chở và bảo vệ. Trong cuộc Cách mạng 1848, ông là sĩ quan cận vệ của Công tước Nemours và thích nghi rất nhanh với chế độ mới. Cần phải làm gì trước sự sụp đổ của Louis-Philippe? Một lần nữa, ông lại nghĩ đến việc rút lui khỏi quân đội, nhưng Cavaignac, Bộ trưởng chiến tranh đã kêu gọi ông ra phục vụ: ngài Bộ trưởng cần ông để giữ gìn an ninh trật tự.

Vì vậy, Mac-Mahon đã chấp nhận phục vụ nền Cộng hòa cũng giống như ông đã từng phục vụ nền Quân chủ tháng Bảy... Cuối cùng, mọi việc đã được giải quyết giống như trước kia: an ninh quốc gia yêu cầu cần có Mac-Mahon đứng ra bảo vệ. Từ năm 1858, Mac-Mahon trở thành Thượng nghị sĩ để chế. Người ta cho rằng Mac-Mahon chấp nhận phục vụ nền Cộng hòa để Tam với tư cách là một trong những người bảo vệ an ninh trật tự giống như ông đã từng phục vụ nền Cộng hòa đệ Nhị. Việc không can dự vào chính trị cũng như những tư tưởng theo chủ nghĩa chính thống này ở Mac-Mahon có thể dung hòa được với mọi chế độ chính trị rất khác nhau và điều này đã nhanh chóng gây được sự chú ý của Công tước Broglie khi phe đa số trong Quốc hội muốn tìm người thay thế Thiers. Trước đó, những người theo chủ nghĩa chính thống đã từ chối chỉ định vị Tổng thống mà Broglie mong muốn: Công tước Aumale, Đại biểu quốc hội và là con trai của Louis-Philippe; những người này sợ rằng nếu bầu vị Công tước đó lên ngôi Tổng thống thì trước những khó khăn của triều đình, dòng quý tộc hoàng gia ở Orléans, dù đã có những cam kết trước đó vẫn sẽ tìm cách giành lại quyền lực từ tay dòng tộc con trưởng.

Một ứng cử viên khác cho chức Tổng thống: tướng Changarnier. Nhưng với tính cách độc đoán, vị Tướng già 80 tuổi này làm người ta sợ rằng đến một lúc nào đó, ông sẽ không chấp nhận rút lui vào hậu trường để nhường chỗ cho người khác. Mac-Mahon thì khác, ông sẽ phục vụ tận tâm và trung thành “nền Cộng hòa lâm thời” và sẽ cũng rút lui một cách đàng hoàng trước người thay thế ông sau này khi ông được yêu cầu làm điều đó, và trong thời gian chờ đợi, ông sẽ để cho phe đa số tha hồ tự giải quyết các vấn đề liên quan đến chế độ mà không can thiệp vào những cuộc xung đột cãi vã giữa các Đại biểu trong Hạ viện. Chính vì lý do đó mà sau khi đã phục vụ 3 chế độ cách mạng, Mac-Mahon lại trở thành thủ lĩnh của chế độ chính trị thứ tư. Hơn thế, thời gian làm Tổng thống sau này của Mac-Mahon còn là điều quan trọng giúp người ta thấy rõ vị thế của Tổng thống trong các thể chế chính trị của nền Cộng hòa.

“Thiết lập lại Trật tự Đạo đức”

Tối ngày 24/5, khi Công tước Broglie đến thăm Tổng thống mới tại nhà riêng, ông thấy Tổng thống đang ngồi cùng với Chủ tịch Quốc hội, ngài Buffet. Hai người vừa soạn thảo xong lá thư chấp nhận chức vụ Tổng thống của Mac-Mahon sẽ gửi cho các Đại biểu Quốc hội đã bầu ông:

“Kính thưa các quý vị đại biểu,

Tôi xin tuân theo quyết định của Hạ viện, cơ quan đại diện cho chủ quyền quốc gia, và xin nhận nhiệm vụ được giao là giữ vai trò Tổng thống của nền Cộng hòa. Đây là một trách nhiệm nặng nề dành cho lòng yêu nước của tôi. Nhưng với sự giúp đỡ của Chúa và sự tận tâm của quân đội chúng ta - một đội quân của pháp luật, với sự trợ giúp của tất cả những con người chân chính, chúng ta sẽ cùng nhau tiếp tục sự nghiệp giải phóng lãnh thổ và thiết lập lại trật tự đạo đức ở đất nước chúng ta, chúng ta sẽ gìn giữ nền hòa bình trong lãnh thổ và giữ vững những nguyên tắc cơ bản của xã hội chúng ta. Tôi xin nói tất cả những lời đó với quý vị với danh dự của một

con người trung thực, chân chính và danh dự của một người lính”.

Broglie cảm thấy rất phẫn chấn: người ta không thể đưa ra những nguyên tắc lãnh đạo nào tốt hơn thế cho phe đa số trong Quốc hội và ông sẽ điều khiển để bức thông điệp đó không chỉ được gửi tới từng Đại biểu quốc hội mà còn được dán ở khắp nơi trên nước Pháp. Theo cách đó, một chính phủ của “Trật tự Đạo đức” sẽ bắt đầu dưới sự bảo hộ của Mac-Mahon.

Công tước Broglie, vị nguyên thủ giấu mặt

Ngày 25/5/1873, chính phủ “Trật tự Đạo đức”, như những người Cộng hòa vẫn nói đùa, đã được thành lập. Theo luật pháp, Mac-Mahon sẽ điều hành và lãnh đạo bộ máy này, nhưng việc Tổng thống còn thiếu kinh nghiệm chính trị cộng thêm với điều luật mà Quốc hội thông qua vào tháng 3 đã hạn chế khả năng can thiệp của Tổng thống khiến cho việc thành lập chính phủ phải dựa trên sự hợp tác chặt chẽ của các nhà lãnh đạo trong phe đa số của Quốc hội. Cho nên, chính Broglie đã thành lập chính phủ này theo yêu cầu của Mac-Mahon; ông là người điều khiển chính với chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và chức năng là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao. Cuối cùng, tất cả thống nhất là Broglie sẽ chịu trách nhiệm bảo vệ chế độ chính trị trước Quốc hội bởi vì, khác với Mac-Mahon, Broglie hoàn toàn tự do trước cơ quan đại diện này. Như vậy, việc Quốc hội vẫn không tin tưởng vào Tổng thống giống như trường hợp của Thiers trước đây đã làm nảy sinh một vấn đề cơ bản mà người ở vị trí quyền lực tối cao sẽ gặp phải trong suốt nền Cộng hòa đệ Tam: sự khác xa nhau giữa lý thuyết (Tổng thống phải là vị nguyên thủ có thực quyền tối cao) và thực tế (Tổng thống buộc phải nhường phần lớn quyền lực cho một người khác ban đầu xuất hiện với tư cách là trợ lý của Tổng thống); sự khác nhau giữa lý thuyết và thực tế này xảy ra trước khi logic của sự phát triển khiến cho Tổng thống thực sự là người có quyền lực tối cao; vai trò cá nhân của Mac-Mahon trong logic phát triển này là không thể phủ nhận được.

Kể từ năm 1873, Broglie là người lãnh đạo thực sự của đất nước, ngay cả khi Mac-Mahon điều hành Hội đồng Bộ trưởng và luôn tìm cách nắm được mọi thông tin. Nếu quả thực Mac-Mahon là người quyết định cuối cùng thì chính Công tước Broglie là người đã chuẩn bị sẵn những quyết định trước đó.

“Dưới tên gọi Cộng hòa, thực chất là một nền quân chủ”

Thiers đã bị đẩy đi, Mac-Mahon trung thành đã có vị trí của mình, Broglie đang nắm quyền lực, trong tình cảnh ấy, những người bảo hoàng thực sự là chủ cuộc chơi. Họ định thừa cơ hội này để cố gắng một lần nữa giành lại nền Quân chủ phục chế. Ngay bản thân Mac-Mahon cũng không ngần ngại tuyên bố một cách công khai rằng việc Bá tước Chambord lên ngôi là “khát khao cháy bỏng nhất” mà ông chưa bao giờ nói đến. Nhưng vào năm 1871 lại nảy sinh vấn đề gây tranh cãi gay gắt về quốc kỳ, vì thế, vị thế của Chambord cũng không làm thay đổi được gì.

Một lần nữa, phe Quân chủ lại cử một phái đoàn đến để thuyết phục “Người kế vị ngai vàng” từ chối “lá cờ của Henri IV”. Phái đoàn này có thể vận dụng những lời khuyên của Tổng thống, người đã từ chối việc đích thân mình viết cho Chambord để không đi ngược với cam kết mà ông đã hứa trước đó là giữ quan điểm trung lập. Tổng thống muốn Chambord biết rằng không thể áp đặt quân đội phải chấp nhận một lá cờ nào khác ngoài quốc kỳ tam tài. Thay vào những lời lẽ bóng bẩy của các nhà sáng tạo ngôn ngữ lịch sử: “Chỉ cần nhìn thấy lá quốc kỳ màu trắng thì những tay súng sẽ tự bỏ đi”, Mac-Mahon tuyên bố rằng: “Quân đội sẽ quyết sống chết với lá cờ tam tài; nếu lá cờ bị vò nát thì chúng ta sẽ đứng trước nguy cơ xảy ra những xung đột khủng khiếp”. Nhưng Chambord không có ý định bắt đầu ngôi vị cai trị đang rất gần của mình bằng những gì mà vị Bá tước này cho là một hành động thấp hèn. Khi Chesnelong, người dẫn đầu phái đoàn Quân chủ đến thuyết phục Chambord vung về kế lại chuyển đi của mình cho bạn bè trong chính giới rằng Bá tước Chambord sẵn sàng nhượng bộ thì vị Bá tước đã đưa ra một lời cải chính gay gắt, lời phủ nhận này có thể cắt đứt mọi cầu nối và làm cho việc phục chế nền quân chủ mà chính Bá tước sẽ là người hưởng lợi trở thành một điều không thể: “Một khi

những hiểu lầm ngày càng chồng chất làm lu mờ chính sách của ta trước bầu trời rộng mở thì ta phải cảm ơn xứ sở này, đất nước này vì tất cả sự thật được phơi bày, nơi ta có thể không được biết đến và không là gì cả... Hôm nay người ta yêu cầu ta hãy vứt bỏ danh dự của mình... Ta không thể đồng ý bắt đầu một vương triều mới bằng một hành động đê hèn... Ta muốn luôn là chính mình. Nếu ngày hôm nay ta mềm yếu nhượng bộ, ngày mai ta sẽ hoàn toàn bất lực (...) Bản thân ta không là gì cả, nguyên tắc sống của ta mới là tất cả. Nước Pháp sẽ nhìn thấy kết cục những thử thách của mình khi nước Pháp muốn hiểu nguyên tắc đó của ta”.

Những người Cộng hòa do Thiers và Gambetta dẫn dắt thì mừng quýnh bởi chừng nào việc phục chế nền Quân chủ bị chậm lại thì chừng đó nền Cộng hòa còn giữ được. Phe Bảo hoàng bị giáng một đòn mạnh. Việc họ đặt niềm tin vào những người con của Hoàng gia đang theo đuổi chính sách của phe đa số đã khiến cho tình đoàn kết thống nhất giữa các gia đình vương tôn vốn rất khó khăn mới xây dựng được nay lại bị đe dọa nghiêm trọng. Vì vậy, cần phải chờ cho Chambord biến khỏi chính trường, nhưng là chờ đợi trong khi vẫn để mọi điều diễn ra theo chiều hướng thuận lợi như hiện nay. Chính Hoàng tử Joinville, con trai của Louis Philippe đã áp đặt quan điểm của mình cho phe đa số: “Nước Pháp có Nguyên soái; cần phải giữ gìn và bảo vệ Nguyên soái, bản thân ta và tất cả chúng ta đều phải là những người theo và ủng hộ Mac-Mahon”. Quan điểm này đã chiến thắng dù cho một số người, ví dụ như Công tước Broglie, ngay lúc đó đã hiểu rằng tính không nhượng bộ của Chambord đã đặt cơ hội phục hồi nền Quân chủ vào thế hoàn toàn tiêu cực và nguy hiểm. Trong hoàn cảnh đó, giải pháp tối ưu chính là giải pháp mà Thiers đã chủ trương theo đuổi và Broglie đã gọi tên giải pháp đó như sau: “Biến Mac-Mahon trở thành một vị nguyên thủ lâm thời thực sự dưới chức danh Tổng thống và biến nước Pháp đang núp dưới cái tên Cộng hòa trở thành một nền Quân chủ không có Vua mà thôi”. Nhưng vì mưu đồ chính trị này rất ít có cơ hội thành công nên phe đa số đã quyết định cải biến vị trí nguyên thủ quốc gia lâm thời. Vì vậy, dù lúc đó chưa có một văn bản nào qui định về chế độ chính trị của nước Pháp, ngày 18/11/1873, theo yêu cầu của Broglie, Quốc hội vẫn quyết định kéo dài thời hạn quyền lực của Nguyên soái Mac-Mahon bằng việc thông qua luật “nhiệm kỳ 7 năm”.

Trong khi các cuộc tranh luận đang diễn ra ở Quốc hội thì Tổng thống lại có viên sĩ quan tùy tùng của Bá tước Chambord đến thăm và báo với ông rằng người kế vị ngai vàng đang ở Versailles, muốn gặp Tổng thống để bàn bạc và đưa ra những điều kiện để Nguyên soái có thể nhường lại quyền lực của mình cho Chambord, bất chấp ý kiến của Quốc hội. Mac-Mahon rất hoảng hốt đã từ chối thẳng thừng cuộc gặp với Bá tước vì cho rằng như thế là người ta đã ép ông phản bội lại lòng tin của Quốc hội đối với ông. Một lần nữa, “người lính trung thành” lại đặt nghĩa vụ của mình lên trên những tham vọng chính trị cá nhân, còn Chambord vô cùng thất vọng, sau này khi rời khỏi nước Pháp sang lưu vong hẳn ở Áo, vị Bá tước đã chua chát nói về Mac-Mahon: “Ta cứ tưởng rằng mình đã gặp được viên sĩ quan quân đội hàng đầu của nước Pháp, nhưng không ngờ ta chỉ gặp một tên “cóm” chỉ huy mà thôi”.

Trở thành người đứng đầu nền Cộng hòa với nhiệm kỳ 7 năm, Mac-Mahon sau đó đã tham gia tích cực vào việc củng cố thể chế chính trị này. Cũng trong khoảng thời gian đó, với chính sách mà mình theo đuổi, Broglie đã vô hình chung giúp những người Cộng hòa đứng lên dù đó không phải là điều Công tước mong muốn.

Quân chủ hóa xã hội, Cộng hòa hóa dư luận

Dù không hề ảo tưởng về ý thức và tinh thần của Nguyên soái, những người Cộng hòa lúc đầu vẫn tỏ ra sẵn sàng chấp nhận Mac-Mahon: “Có ông ta thì chúng ta vẫn còn nền Cộng hòa”. Đó là một nền Cộng hòa khá lạ lùng mà sau này Công tước Broglie đã nhanh chóng chỉ ra cho những người Cộng hòa thấy bằng việc áp dụng chính sách Trật tự Đạo đức, cái làm nên ngọn cờ tiên phong trong chiến dịch rầm rộ chống lại những người Cộng hòa, nhằm hất họ ra khỏi vị trí hành động và nhằm chuẩn bị điều kiện cho nền Quân chủ phục chế. Xét một cách tổng thể, những thành viên Cộng hòa đã bị thanh trừ khỏi các cấp chính quyền, một đạo luật thì qui định Chính phủ có quyền chỉ định chức Thị trưởng cho các địa phương còn những chức danh Cộng

hòa trong Toà thị chính lại do một đạo luật khác qui định. Không có bất cứ một dấu tích nào của nền Cộng hòa được thể hiện trong các văn bản nhà nước.

Chính phủ kiểm duyệt gắt gao việc in ấn và phát hành báo chí. Ngược lại, mỗi quan tâm của Chính phủ là làm thế nào truyền bá lại vào tư tưởng của quần chúng Pháp những khái niệm đã biến mất như việc tôn thờ và kính trọng giới chính quyền đã được tạo lập, tầng lớp thống trị và giáo hội có quyền lực trong xã hội. Giới tầng lớp được các nhà lãnh đạo của phe đa số nhìn nhận như một trợ thủ đắc lực và tầng lớp này cũng dành được mọi sự quan tâm của Chính phủ; những người biểu tình chống lại tầng lớp tầng lớp bị truy đuổi, việc chôn cất dân thường bị cấm đoán, và “báo chí có tâm” thì nhận được sự trợ giúp từ các cấp chính quyền. Phe đa số và các tổ chức đã giúp đỡ nhiệt tình cho việc khánh thành Nhà thờ Sacré-Coeur với tuyên bố rằng đó là “vì lợi ích công chúng”; sự trợ giúp của Chính phủ chủ yếu dành cho những cuộc hành hương ở Lourdes, Chartres và Paray-le-Monial, và tất cả cùng hát: “Hãy cứu lấy thành Roma và nước Pháp nhân danh Sacré-Coeur”. Vài năm sau đó, những người Cộng hòa thắng thế đã bắt giới tầng lớp phải trả giá đắt cho những mối quan hệ liên lụy trước đó của mình.

Trong khi công tác tuyên truyền đang lan rộng thì chính quyền Cộng hòa không ngừng có những tiến triển tích cực ở trong nước, đặc biệt là nhờ vào những hoạt động không mệt mỏi của Gambetta. Cuộc bầu cử chính quyền các cấp năm 1874 là một thắng lợi của nền Cộng hòa. Và ngay sau đó, phe đa số đã chia rẽ rất nhanh; những người theo chủ nghĩa chính thống, mặc dù trước đó đã thông qua luật về nhiệm kỳ 7 năm của Tổng thống, mặc dù không dám nói ra nhưng vẫn thầm trách Broglie và Mac-Mahon về thất bại của người kế vị ngai vàng Chambord; nhất là phái giữa trong Quốc hội - những người ủng hộ dòng Orléans - đang lo sợ về một nguy cơ mới mà người ta nghĩ rằng nó đã biến mất: chủ nghĩa Bonaparte. Rouher, vị “Hoàng đế đệ Nhị”, cái tên đệm mà mọi người đặt cho ông, đã tụ tập những người đi theo và ủng hộ nền Đế chế vào Đảng “Kêu gọi dân chúng” và bắt đầu một hoạt động tuyên truyền tích cực nhằm ủng hộ cho con trai của Napoléon III, vị Thái tử vương triều. Trước nguy cơ xuất hiện một chế độ độc tài mới, những thành viên thuộc phái trung tâm trong Quốc hội vốn nghiêng về chủ nghĩa tự do hơn là chủ nghĩa quân chủ đã tính ngay thấy mối nguy hiểm mà nước Pháp đang phải đối đầu, đó là tính bất bênh không ổn định của chế độ lâm thời. Rất nhiều người đã ngã theo lối nghĩ của Broglie rằng thà duy trì một nền Cộng hòa bảo thủ, trong đó Tổng thống nắm mọi quyền hành của một vị vua cai trị theo hiến pháp và được sự trợ giúp của Thượng viện, cơ quan đại diện cho quyền lợi của phe Bảo thủ và có trách nhiệm ngăn chặn mọi động thái kích động của Hạ viện - cơ quan được thành lập do bầu cử - còn hơn là để xuất hiện một nền chính trị chuyên chế. Nhưng sự hiện hữu của phe đa số trong chính phủ “Trật tự Đạo đức” đã ngăn cản phái giữa nêu ý kiến của mình.

Tháng 5/1874, khi Công tước Broglie trình bày trước Quốc hội chương trình Thượng viện của mình, lập tức một liên minh chính trị giữa những người Cộng hòa, người theo chủ nghĩa chính thống và những người theo chủ nghĩa Bonaparte đã lật đổ chính phủ: phe đa số trong chính phủ “Trật tự Đạo đức” đã tan tác; nền Cộng hòa được giải cứu.

Sửa đổi Hiến pháp của Wallon, bản khai sinh nền Cộng hòa đệ Tam

Quốc hội của những đại biểu quân chủ ra đời sau cuộc bầu cử năm 1871 đã không thể tìm ra một vị vua và chính họ lập ra nền Cộng hòa. Kể từ sau thất bại của Broglie, rất nhiều đại biểu phe trung hữu bắt đầu ngã sang cánh trung-tả, bao gồm những người Cộng hòa ôn hòa theo tư tưởng của Thiers. Léon Gambetta đã từ bỏ tư tưởng không nhượng bộ của mình và sự lớn mạnh của Gambetta đã thúc đẩy việc thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng này. Phe đa số dễ dàng tan rã trong cuộc bỏ phiếu về những sửa đổi Hiến pháp: những sửa đổi nào có chứa từ “Cộng hòa” đều bị loại bỏ nhưng với số phiếu ngày càng ít; rõ ràng, việc tiến hành lật đổ phe đa số là không thể chậm trễ. Và cũng đã đến cái ngày Đại biểu Quốc hội Wallon, người công giáo theo chủ nghĩa tự do, vừa hôm qua thôi hầy còn là người của phái Orléans, đã đưa ra cho Quốc hội

thống nhất với đa số đối với sửa đổi hiến pháp có thể được coi là bản khai sinh nền Cộng hòa đệ Tam: “Tổng thống nền Cộng hòa được bầu theo đa số phiếu trong Thượng nghị viện và Hạ nghị viện của Quốc hội. Tổng thống được bầu với nhiệm kỳ 7 năm và có thể được tái cử”. Vậy là chức vị Tổng thống cá nhân của Mac-Mahon được thay bằng khái niệm mới về một vị Tổng thống vô danh, có thể được tái cử và những điều kiện bầu cử được chỉ ra trong một văn bản có giá trị liên tục. Và điều sửa đổi này của Wallon đã đánh dấu bước thắng lợi hoàn toàn của nền Cộng hòa sau 4 năm tồn tại một cách bấp bênh.

Phe Cộng hòa đã giành được thắng lợi, công việc còn lại chỉ là phải qui hoạch và xây dựng chế độ mới. Hiến pháp năm 1875 đã đáp ứng đòi hỏi này. Nhưng vì hiến pháp phải do Quốc hội phê duyệt và sửa đổi cuối cùng nên bản hiến pháp phải chịu sự chi phối của các thành phần khác nhau trong Quốc hội. Có nghĩa là bản hiến pháp được thông qua phải là kết quả của một thỏa thuận giữa những người thuộc phái Orléans luôn theo dõi sát sao xem hiến pháp có phù hợp với một nền Quân chủ mà họ vẫn chưa hết hi vọng sẽ phục hồi sau này không - với phái trung-tả gồm những người đã từ bỏ ý định về một sự phục hồi nền Quân chủ nhưng ít nhất vẫn muốn các quyền lợi của phe Bảo thủ mà họ đại diện được bảo vệ, và những người Cộng hòa ôn hòa luôn có tham vọng vĩnh cửu hóa chế độ Cộng hòa, tất cả được tiến hành trên cơ sở những nhượng bộ về thể chế. Bên cạnh Hạ nghị viện được thành lập sau cuộc bầu cử phổ thông đầu phiếu trực tiếp, một Thượng viện cũng được thành lập tương tự với một bộ phận nhỏ gồm 75 Thượng nghị sĩ không thể bị bãi miễn, lúc đầu do Quốc hội bầu ra và sau đó được các Nghị sĩ trúng cử bầu bổ sung, và một phần lớn gồm 225 nghị sĩ do Ban bầu cử gồm chủ yếu là đại diện các Hội đồng thành phố và tỉnh bầu ra, nghĩa là các Thượng nghị sĩ được bầu ở nơi quyền lực thuộc về những người bảo thủ địa phương. Tuy vậy, Thượng nghị viện cũng sẽ được hưởng những quyền lực tương tự như Hạ nghị viện (thông qua các luật và ngân sách, giám sát hoạt động của các bộ) và có thể làm tê liệt những ý kiến do các đại biểu được bầu bằng hình thức phổ thông đầu phiếu đưa ra.

Mối quan tâm của phe đa số cũng được thể hiện qua một điều khoản khác trong Hiến pháp. Điều khoản này qui định Hiến pháp có thể được sửa đổi bởi một thủ tục rất dễ dàng và do hai Viện thông qua tại Hội nghị nhóm họp các đại biểu, qui định này được đưa ra bất kể những phản ứng của phe Cộng hòa - những người cho rằng điều đó có thể tạo điều kiện cho việc phục hồi nền Quân chủ - vài năm sau đó, để đề phòng nguy cơ nói trên, các đại biểu đã quyết định rằng thể chế Cộng hòa không thể bị đem ra làm đối tượng của việc sửa đổi Hiến pháp.

Quyền của Tổng thống trong Hiến pháp năm 1875

Trước hết, bản Hiến pháp năm 1875, vốn vẫn giữ nguyên tư tưởng bảo thủ và chủ nghĩa Quân chủ, đã qui định mọi quyền lực của Tổng thống nền Cộng hòa. Những quyền lực này đã đi ngược với mối quan tâm của hai phái chính trị: những người theo chủ nghĩa chính thống luôn muốn trang bị cho Tổng thống những quyền mà sau này có thể chuyển giao cho Vua nếu nền Quân chủ được phục hồi, và những thành viên của phe trung hữu muốn biến Tổng thống thành con người của những kẻ có thể lực chứ không phải do bầu cử phổ thông đầu phiếu vì họ sợ rằng sẽ lại phải chứng kiến những biến cố như trong nền Cộng hòa đệ Nhị. Điều này cũng giải thích vì sao Tổng thống không do dân chúng bầu ra như năm 1848 mà do hai Viện nhóm họp tại Hội nghị. Tổng thống chỉ đạo và điều khiển những buổi lễ trọng thể của quốc gia, cất cử người đảm nhận những vị trí quân sự và dân sự, Tổng thống là vị lãnh đạo tối cao của quân đội. Về mặt tư pháp, Tổng thống có quyền ân xá. Tổng thống cũng là người đảm bảo chính sách đối ngoại của nước Pháp vì Tổng thống là người đàm phán, phê chuẩn các hiệp ước và giám sát luôn quá trình áp dụng các hiệp ước đó (nhưng trong trường hợp này, hai Viện phải phê chuẩn).

Liên quan đến chính sách đối ngoại, Tổng thống cũng có những quyền rất quan trọng: chỉ Tổng thống mới có quyền đưa ra các dự luật (quyền này mang tính cạnh tranh với hai Viện) và trong trường hợp không đồng ý với một trong hai Viện, Tổng thống có thể đề nghị Viện đó xem xét thảo luận lại về một dự luật. Tổng thống có quyền triệu tập hai Viện họp, có quyền hoãn lại

cuộc họp sau một tháng nhưng nhiều nhất là hai lần trong vòng một kỳ họp. Và cuối cùng, một điều khoản quan trọng trong Hiến pháp nữa đó là Tổng thống có thể liên hệ với những nhân vật quan trọng để làm cho cuộc bầu cử thất bại, vì Tổng thống có quyền giải tán Hạ nghị viện sau khi có sự đồng ý của Thượng nghị viện. Những người theo chủ nghĩa chính thống đã lên tiếng phản đối việc Tổng thống buộc phải tham khảo ý kiến của Thượng nghị viện thì mới có thể quyết định giải tán Hạ nghị viện. Nhưng phe trung hữu trong Quốc hội, đại diện cho những người có thể lực và vẫn còn nhớ thái độ của Charles X khi một mình quyết định giải tán Hạ nghị viện năm 1830, thì không phản ứng gì trước quyết định trên.

Tuy nhiên, các bên đều dễ dàng đi đến thống nhất quyết định rằng Tổng thống sẽ không phải chịu trách nhiệm trước hai Viện: về phía những người thuộc chủ nghĩa chính thống, họ không thể chấp nhận việc một vị Vua phải sử dụng đến uy tín của mình để phân bua, giải thích những việc làm của mình trước hai Viện; còn phe trung hữu thì muốn rằng thực quyền phải được trao cho một vị Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng được giới quý tộc tin tưởng. Như vậy, điều khoản miễn trách này đã khoát trách nhiệm lên một nhân vật mà Hiến pháp không hề đề cập. Vì vậy, phải lấy thực tế hoạt động của chế độ đại nghị để giải quyết những vấn đề chưa được qui định trong Hiến pháp. Và như vậy, sau hai năm, quyền lực của Mac-Mahon mới được xác định một cách hợp pháp. Tuy nhiên, chính sách của Tổng thống lại đặt Hiến pháp trước thách thức. Sau khi hết nhiệm kỳ của Mac-Mahon, những hậu quả do thái độ ứng xử và hành động trước đó của Tổng thống mang lại đã cho thấy rõ trong thực tế những mặt hạn chế của chức danh Tổng thống.

Mac-Mahon trở thành người tiên phong gương cao ngạo cò của Đảng Bảo thủ như thế nào?

Sau thất bại của Broglie, Mac-Mahon đã thành lập một chính phủ gồm những kỹ thuật viên do người bạn cũ của ông là tướng Cissey điều khiển. Sau đó, đến lượt phe đa số thành lập một chính phủ Buffet mờ nhạt nhưng kể từ sau khi bỏ phiếu thông qua luật hiến pháp thì đời sống chính trị dường như đã chỉ còn mối quan tâm duy nhất đó là viễn cảnh phân chia Quốc hội đang đến rất gần khi mà nó đã hoàn thành nhiệm vụ của mình. Đảng sau những lời phát biểu trước công chúng, mỗi đảng phái đều đang chuẩn bị cho cuộc bầu cử sắp tới, ngầm hi vọng có thể thao túng nền Cộng hòa non trẻ vừa mới thành lập. Những người Cộng hòa hi vọng sẽ thắng trong cuộc bầu cử và họ đặt niềm tin vào hoạt động kép của hai thủ lĩnh của mình, hai người trước đây từng là đối thủ của nhau nhưng nay đã hòa hợp trở lại, đó là Thiers và Gambetta. Gambetta trong một bài diễn văn rất hùng hồn đã công bố sự xuất hiện của những tầng lớp xã hội mới: “những tầng lớp xã hội mới xuất hiện từ sau cuộc Cách mạng Pháp và bầu cử, đã hòa hợp với tầng lớp tiến bộ của xã hội cũ, như vậy, cuối cùng chúng ta sẽ có thể kết thúc cuộc cách mạng vĩ đại bắt đầu diễn ra từ năm 1789 bằng một liên minh chặt chẽ và ngày càng rộng khắp giữa tầng lớp tư sản và tầng lớp vô sản”. Là đại diện cho tầng lớp tư sản đó, Adolphe Thiers là gương mặt đáng tin cậy của đảng Cộng hòa, Đảng có phương châm mà người ta thường nhắc đến: “Nền Cộng hòa hoặc sẽ là bảo thủ hoặc sẽ không còn là nó nữa”.

Đối lại Đảng Cộng hòa, phe đa số cũng xuất hiện trước cử tri với bản tổng kết những kết quả to lớn mà mình đã đạt được từ năm 1871, với uy tín lẫy lừng của Mac-Mahon nhưng đồng thời cũng thể hiện khiếm khuyết nặng nề của phe này, đó là việc chia rẽ nội bộ. Và để tránh điều này, phe đa số sau đó đã nhấn mạnh và đưa lên vị trí ưu tiên trong chiến thuật của mình hình ảnh Nguyên soái - Tổng thống Mac-Mahon. Phe này đã tư vấn Mac-Mahon ký vào một lời kêu gọi “sự đoàn kết của những người luôn đặt sự bảo vệ trật tự xã hội, sự tuân thủ pháp luật, sự tận tụy hết lòng vì Tổ quốc lên trên những hời ức quá khứ, những ham muốn và những mục tiêu của đảng mình”. Điều đó đã làm cho Tổng thống trở thành người gương cao ngạo cò tiên phong của Đảng Bảo thủ và khiến đảng này bị thất bại trong cuộc bầu cử. Và cuộc bầu cử 2/1876 đã đem lại thắng lợi cho những đại biểu Cộng hòa khi phái này trở thành đảng chiếm đa số ghế trong Hạ viện.

Jules Simon, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng: khủng hoảng thể chế bắt đầu

Cuộc bầu cử năm 1876 đã buộc người ta phải lựa chọn giữa hai quan niệm về chức danh Tổng thống nền Cộng hòa, một vị trí mà theo qui định của Hiến pháp đã bị đặt dưới ảnh hưởng kép của những người theo chủ nghĩa chính thống luôn muốn có một Tổng thống nắm trong tay nhiều quyền lực và những cựu thành viên của phái Orléans vẫn luôn rất gắn bó với chế độ đại nghị. Hai quan niệm này chỉ có thể cùng tồn tại nếu phe đa số trong Quốc hội và Tổng thống hoàn toàn thống nhất với nhau, còn nếu có xung đột xảy ra thì người ta buộc phải chọn một trong hai quan điểm đã nêu. Liệu Tổng thống có phải là vị nguyên thủ thực sự nắm quyền hành pháp không hay đó chỉ là một nhân vật có tính chất trang trí, còn thực quyền thì lại trao cho một Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng được Quốc hội tin tưởng?

Vấn đề này chưa được đặt ra ngay lập tức khi Mac-Mahon đã tìm được một cách cho phép ông vẫn tôn trọng được ý kiến quần chúng trong cuộc bầu cử mà không mất đi niềm tin của mình. Ông chỉ định một người bạn của Thiers là Dufaure lên nắm quyền, Dufaure vốn là người gia nhập muộn vào Đảng Cộng hòa và là người đại diện cho cánh ôn hòa nhất trong Đảng Cộng hòa. Dufaure muốn lãnh đạo trong hòa khí với Hạ nghị viện của những người Cộng hòa, Thượng nghị viện của phe bảo thủ và với Tổng thống không kém bảo thủ. Nhưng đó là điều không thể và Dufaure đã trở nên suy yếu dần: Mac-Mahon không tin tưởng chính sách của Dufaure, ông tức giận khi thấy người lãnh đạo mới này, vì chịu sức ép của Quốc hội mà hi sinh những tính trưởng đã phục vụ rất trung thành cho chính phủ “Trật tự Đạo đức”; về phần mình, phe đa số mới trong Quốc hội cũng nổi cáu trước tính nhút nhát của Dufaure và thái độ ẻo lả của Tổng thống quá rõ ràng của ông ta. Tháng 12/1876, Dufaure rút khỏi chính trường và Mac-Mahon lại gọi Jules Simon lên thay. Jules Simon, một người Cộng hòa ôn hòa nhưng lại đối đầu với Gambetta, là kẻ đáng sợ nhất đối với những lãnh tụ phe đa số dù rằng thiên hướng chính trị của Jules Simon đang ngày càng chuyển rõ sang ôn hòa. Tuy nhiên, khác với Dufaure, Jules Simon là Đảng viên Cộng hòa đã từ lâu và nhân vật này không muốn phải đóng vai trò lá chắn giữa Tổng thống và Quốc hội giống như người tiền nhiệm của mình đã chấp nhận: “Nội các mà các ngài đang có trong tay là một nội các và luôn muốn là một nội các theo chế độ nghị viện. Cho nên nhiệm vụ của chúng ta chỉ còn là việc làm theo những gì mà vị quan chức cao nhất của nền Cộng hòa chỉ ra, vị lãnh đạo này trong mọi điều kiện luôn cố gắng tuân theo nguyên tắc của một chính phủ hành động theo hiến pháp”. Với lời tuyên bố trên trước Hạ nghị viện, Jules Simon vừa vẽ ra chính sách lý tưởng của mình vừa đồng thời gửi thông điệp đến Tổng thống rằng ông ta chỉ chấp nhận điều hành đất nước trong trường hợp hoàn toàn thống nhất với Tổng thống và Quốc hội: từ đó, khủng hoảng là điều không thể tránh khỏi.

Cuộc khủng hoảng ngày 16/5/1877

Giữa Tổng thống và Quốc hội có một vấn đề tạo hố sâu ngăn cách, đó là vấn đề tôn giáo. Bản thân Jules Simon đã từng cấm đoán việc thông qua một đơn kiến nghị đòi ngăn chặn chính sách chống tầng lớp tăng lữ của chính phủ Italia và điều này đã bị những tín đồ Thiên chúa giáo trong Hạ nghị viện lên án kịch liệt. Jules Simon đã trả lời một cách ôn hòa và kiên quyết và chỉ ra sự thái quá của một “thiểu số” các tín đồ Thiên chúa giáo, đồng thời tuyên bố rằng nước Pháp sẽ không can thiệp vào các vấn đề hoàn toàn riêng tư của Italia. Tổng thống Pháp khen ngợi Jules Simon về bài diễn văn, nhưng phe đa số của những người Cộng hòa, với chất kết dính duy nhất là việc chống lại chủ nghĩa tăng lữ, thì hi vọng Chính phủ sẽ xem xét một cách nghiêm khắc những người theo chủ nghĩa tăng lữ. Và ngay từ ngày 4/5/1876, Gambetta cũng đã bước lên diễn đàn phát biểu một bài diễn văn hùng hồn, ông nói: “Một người Thiên chúa giáo mà có lòng yêu nước, điều này thật hiếm có biết bao!” và ông kết thúc bài diễn văn của mình bằng một câu nói nổi tiếng sau đó đã trở thành một lời kêu gọi liên kết của phe Cộng hòa: “Chủ nghĩa tăng lữ, đó là kẻ thù!”

Sau đó, một chương trình nghị sự đã được thông qua, chương trình này lên án những âm mưu của thế lực ủng hộ quyền lực Giáo hoàng. Sau khi đọc bản báo cáo các cuộc tranh luận, Tổng thống vô cùng tức giận. Tổng thống không còn là người ngây thơ về chính trị như người ta vẫn thường đồn đại nữa, ông hiểu rằng việc chỉ trích chủ nghĩa tăng lữ chính là việc kết tội chính sách của Trật tự Đạo đức; nhất là ông không thể chấp nhận việc Jules Simon bỏ qua mà không

phản bác câu nói của Gambetta khi ông này nghi ngờ chủ nghĩa yêu nước của những người theo Thiên chúa giáo, câu nói mà Tổng thống cho rằng đã nhằm thẳng vào ông. Tổng thống tìm cách thoát ra khỏi tình huống khó xử đó. Nhưng Broglie thì hiểu rằng cắt đứt quan hệ với chính phủ Trật tự Đạo đức có nghĩa là sẽ đối đầu với Hạ nghị viện, sẽ buộc phải tiến hành giải tán và như vậy sẽ phải chấp nhận cuộc bầu cử để giải quyết vấn đề tôn giáo theo chiều hướng không có lợi cho phe Bảo thủ. Vì vậy, Broglie đã khuyên Mac-Mahon hãy kiên nhẫn chờ thời. Ngày 15/5, thời cơ đã đến; Hạ nghị viện sau khi bãi bỏ một đạo luật của thời kỳ Trật tự Đạo đức, đã báo cáo lên các thẩm phán nhân dân thông tin về những vi phạm pháp luật về báo chí mà Chính phủ của Broglie đã trao cho toà hình sự trước đó. Jules Simon đã phớt lờ đạo luật mà không can thiệp vào việc này. Ngày hôm sau, 16/5, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nhìn thấy trên bàn của mình một bức thư của Tổng thống:

“Thưa Ngài Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng,

Tôi vừa mới đọc được trong Công báo bản báo cáo về phiên họp hôm qua. Tôi đã rất ngạc nhiên khi thấy rằng cả Ngài và Ngài Bộ trưởng Bộ Tư pháp đều không ai đứng trên diễn đàn để nêu lên và nhấn mạnh những lý do chính có thể đã gây nên việc bãi bỏ đạo luật về báo chí đã được thông qua cách đây gần hai năm [...]

Mọi người có thể đã rất ngạc nhiên khi thấy Hạ viện thông qua một vài điều khoản của một đạo luật địa phương trong những phiên họp vừa qua - đạo luật mà ngay chính bản thân ngài, trong cuộc họp với Hội đồng Bộ trưởng, đã thừa nhận tính nguy hiểm của nó [...] dù Ngài Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã không tham gia thảo luận trong phiên họp này.

Thái độ này của người đứng đầu nội các khiến người ta tự hỏi liệu người đó có dùng ảnh hưởng cần thiết đối với Hạ nghị viện để áp đặt quan điểm của mình hay không.

Việc này cần phải được giải thích; bởi vì, nếu tôi không phải chịu trách nhiệm trước Quốc hội như Ngài thì tôi lại phải có trách nhiệm với nước Pháp, điều mà hiện nay, hơn lúc nào hết, tôi đang phải quan tâm...”

Với lá thư trên, Tổng thống muốn khẳng định rằng nhân danh trách nhiệm của mình với nước Pháp, Tổng thống có quyền khiển trách một Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng được Hạ nghị viện tin dùng. Jules Simon và các Bộ trưởng trong nội các của ông từ chức ngay lập tức và Mac-Mahon đã bổ nhiệm vào vị trí Bộ trưởng một nhân vật mới là Công tước Broglie, người này chắc chắn sẽ chỉ đối đầu với phe đa số của Đảng Cộng hòa trong Hạ viện. Ngày 18/5, Broglie đọc trước Hạ nghị viện bức thông điệp của Tổng thống. Trong bức thông điệp này, Tổng thống đã tuyên bố rằng hai Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng với tham vọng lãnh đạo cùng với những người Cộng hòa ôn hòa đều đã phải chịu kết cục thất bại trước những thành viên của Đảng Cấp tiến; rằng trong những điều kiện này, một chính phủ bền vững, ổn định chỉ có thể được hình thành nếu những Đảng viên Đảng Cấp tiến được mời ra nắm quyền để thực hiện những ý tưởng của họ: “Thế nhưng, Tổng thống đã tuyên bố, lương tâm của tôi cũng như lòng yêu nước trong tôi đều không cho phép tôi gắn mình với chiến thắng của những ý tưởng đó, dù chỉ là từ xa và trong tương lai mà thôi. Tôi không tin rằng những ý tưởng đó hợp với thời đại ngày nay cũng như sau này. Nếu ở vào thời đại nào đó mà những ý tưởng trên được coi là có giá trị thì nó cũng sẽ chỉ tạo nên sự lộn xộn và suy yếu của nước Pháp mà thôi. Bản thân tôi không muốn thử áp dụng những ý tưởng đó và cũng không khuyến khích những người kế cận tôi áp dụng nó. Chừng nào tôi còn là người nắm quyền, chừng đó tôi còn sử dụng khả năng mình có, với tất cả những hạn chế do pháp luật qui định về quyền Tổng thống, để chống lại những gì mà tôi cho là làm tổn hại đến quốc gia”.

Mac-Mahon đã sử dụng những điều khoản trong Hiến pháp qui định Tổng thống là vị lãnh đạo nắm quyền hành pháp để đòi hỏi quyền được đưa ra chính sách riêng của mình và chống lại chính sách của Hạ nghị viện nếu Tổng thống thấy chính sách đó là nguy hiểm và có hại. Đối với Hiến pháp vừa mới được thông qua, chẳng có gì cần nói ngoài việc bản Hiến pháp rất đúng

luật, nhưng khi Tổng thống khiến người ta nghi ngờ về những tư tưởng Cộng hòa của ông ta và khi Tổng thống đối đầu với phe đa số Cộng hòa trong Hạ nghị viện thì vấn đề lại trở nên khác đi. Khi Tổng thống đòi hỏi một số quyền của mình thì người ta nhận thấy đó là một cố gắng cuối cùng để cáo giác nền Cộng hòa theo nguyên vọng của phe Quân chủ giấu mặt. Đây là điều tối quan trọng trong cuộc khủng hoảng ngày 16/5 và những hậu quả của nó.

Cuộc bầu cử năm 1877: “Cần phải nhượng bộ hoặc từ chức”

Sau khi đọc trước Hạ nghị viện bức thông điệp của Tổng thống, Broglie lại cho đọc một sắc lệnh về việc hoãn họp Quốc hội sau 1 tháng. Khoảng thời gian này sẽ cho phép Chính phủ có thể chuẩn bị cho cuộc bầu cử sẽ diễn ra sau khi giải tán Hạ nghị viện. Và thực tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, cựu thành viên của chủ nghĩa Bonaparte, ông Fourtou, đã cách chức hơn 200 công chức là người Cộng hòa và thay thế họ bằng những người theo chủ nghĩa Bonaparte vốn đã quen với việc xử lý đám đông bằng những cú đấm và giúp cho những ứng cử viên là quan chức thắng cử.

Về phần mình, những người Cộng hòa bắt đầu tập hợp và tổ chức công việc. Ý thức rõ về vai trò của cuộc bầu cử, những người này chủ trương không coi nhẹ bất cứ điều gì để có thể giành thắng lợi và đảm bảo quyền của Hạ nghị viện trong nền Cộng hòa. 363 Đại biểu Cộng hòa trong Hạ nghị viện đã nhóm họp bất chấp sắc lệnh hoãn họp và công bố bản tuyên ngôn do một người bạn của Gambetta là Eugène Spuller soạn thảo: “Nước Pháp muốn có nền Cộng hòa, nước Pháp đã tuyên bố như vậy ngày 20/2/1876, và nước Pháp còn tiếp tục khẳng định điều đó... Chúng tôi kêu gọi các bạn hãy lên tiếng thể hiện quan điểm và sự lựa chọn của mình giữa một bên là chính sách phản động đầy mạo hiểm sẽ phá huỷ một cách tàn nhẫn những gì mà chúng ta đã vất vả mới giành được từ 6 năm nay, và một bên là chính sách khôn ngoan và kiên quyết, vì hòa bình và phát triển mà các bạn đã thấy... Nền Cộng hòa sẽ ra đời từ những hòm phiếu nhân dân và lớn mạnh hơn bao giờ hết”. Và vào ngày 16/6/1877, khi Hạ nghị viện tụ họp một lần nữa thì các bên đều đã sẵn sàng cho cuộc chiến. Fourtou tuyên bố trước phe đối lập: “Chúng tôi không có cùng niềm tin với các ngài và các ngài cũng không có cùng niềm tin với chúng tôi...”. Hạ nghị viện đã đáp trả bằng cách thông qua một chương trình nghị sự trước những đòi hỏi của Mac-Mahon nhằm khẳng định nguyên vọng của mình là Hiến pháp phải được áp dụng theo chế độ đại nghị: “Xét thấy Chính phủ [...] đã được huy động để giải quyết các vụ việc trái với luật đã được các kỳ Quốc hội thông qua - đạo luật đóng vai trò là nguyên tắc hành động của Chính phủ theo chế độ đại nghị, đồng thời cũng thấy rằng Chính phủ chỉ đại diện cho liên minh chính trị giữa các đảng thù địch với nền Cộng hòa, một liên minh được dẫn dắt bởi những người khởi xướng các hoạt động biểu tình của giới tăng lữ đã bị Hạ nghị viện lên án [...], Hạ nghị viện tuyên bố Chính phủ không được sự tín nhiệm của các Đại biểu quốc hội đại diện cho quốc gia...”.

Ngày 25/6/1877, được sự đồng ý của Thượng nghị viện, Mac-Mahon đã giải tán Hạ nghị viện: chiến dịch tranh cử quan trọng nhất trong lịch sử nền Cộng hòa bắt đầu. Tướng Mac-Mahon liên tục gửi đi những thông điệp, thay đổi cách xử lý việc ứng cử của quan chức (“Chính phủ của tôi sẽ chỉ ra trong số các ứng cử viên những ai tôi có thể trông cậy được”), ông cũng xuất hiện ở hầu hết các vùng của Pháp với một niềm hạnh phúc không giống nhau ở từng nơi: nếu chuyển đến thăm nơi hành hương Saint-Anne d'Auray của vùng Bretagne là một thắng lợi thì ở Bordeaux lại là cảnh những gã ranh con đu mình trên những cây đèn đường hay bủa kín lấy xe của Mac-Mahon mà hét lên: “Nền Cộng hòa muôn năm!”. Khi đó, những người Cộng hòa vốn tỏ ra chỉ đối đầu với Chính phủ và còn nể nang Tổng thống thì nay vội thoát ra khỏi vỏ bọc ôn hòa của họ. Ở Lille, Gambetta đã đọc một bài diễn văn cáo giác Mac-Mahon: “Khi hàng nghìn người Pháp phải lên tiếng thì sẽ không ai, dù ở vị trí nào, bậc nào trong nấc thang chính trị, có thể chống lại được. Một khi nước Pháp muốn nói lên tiếng nói độc lập chủ quyền của mình thì xin các ngài hãy tin điều này: cần phải nhượng bộ hoặc từ chức”.

Chính phủ truy cứu Gambetta vì những lời lăng mạ Tổng thống, điều này đã khiến những gì ông nói được lan truyền rộng rãi và hơn nữa còn làm hại thanh danh của Nguyên soái. Không gì có thể có lợi hơn thế cho những người Cộng hòa. Nếu thắng cuộc, phe Cộng hòa đã có nhân vật để

thay thế Tổng thống, nhân vật đó chỉ có thể là người biết trấn an tầng lớp tư sản thương nhân: Adolphe Thiers. Người này thực sự là thủ lĩnh của Đảng Cộng hòa, đã có những cố gắng lớn và là ứng cử viên tại hòm phiếu ở quận IX của Paris. Ông đang chuẩn bị một bản tuyên ngôn để đọc trước cử tri. Tham gia vào cuộc bầu cử lần này, ông muốn phục thù cho thất bại ngày 24/5/1873.

Mac-Mahon chịu nhượng bộ

Điều kiện thuận lợi trên đã không phát huy tác dụng với Thiers: một tháng trước khi diễn ra cuộc bầu cử, Thiers chết vì chứng sung huyết. Bị mất đi người tiên phong, những người Cộng hòa rất lo lắng: họ sẽ lấy ai thay thế Thiers? Họ sẽ thay Thiers bằng Gambetta, một người quá gần gũi và quen thuộc với quần chúng ư? Như vậy chẳng phải là họ mạo hiểm làm cho tầng lớp tư sản khiếp sợ vì tầng lớp này luôn thấy Gambetta là một tông đồ của cuộc Cách mạng xã hội? Cẩn trọng hơn, họ chọn nhân vật máu lạnh Jules Grévy, người mà Thiers tin tưởng từ năm 1871. Sự lựa chọn này kết thúc một cách tốt đẹp: cuộc bầu cử đã đem lại chiến thắng cho 315 Đảng viên Cộng hòa và 199 đảng viên đảng bảo thủ. Dĩ nhiên là phe đa số Đảng Cộng hòa đã giảm đi nhưng chắc chắn nó vẫn còn là đảng chiếm đa số ghế trong Hạ nghị viện.

Bị đánh bại, Mac-Mahon sẽ chấp nhận nhượng bộ hay từ chức? Ông ta sẽ lần lượt làm từng bước một. Trước khi nhượng bộ, ông còn cố lần chần né tránh. Broglie chỉ quyết định từ chức hai tuần sau cuộc họp của Hạ nghị viện mới. Vì vậy, Tổng thống đã chỉ định một trong những người thân cận của mình là Tướng Rochebouet ra lãnh đạo chính phủ, vị Tướng này thành lập một chính phủ gồm những người không có chân trong Quốc hội. Nhưng Quốc hội từ chối không quan hệ với vị Tướng này. Mac-Mahon không biết phải giải quyết vấn đề như thế nào: Broglie, vị cố vấn mà Tổng thống vẫn nghe lời nhất thì khuyên ông nên từ chức nếu không muốn trở thành thứ đồ chơi trong tay những người Cộng hòa; nhưng Công tước Audiffret-Pasquier, Chủ tịch Thượng nghị viện thì lại khuyên Tổng thống nên nhượng bộ và ông này tuyên bố rằng Thượng nghị viện sẽ không tán thành việc giải tán Hạ nghị viện một lần nữa.

Đã nhiều lần, Mac-Mahon định làm theo ý kiến của Broglie và định dứt khỏi quyền lực. Nhưng Tổng thống bị giới cận thần gồm những người theo chủ nghĩa chính thống và những sĩ quan quân đội ngăn cản vì những người này lo sợ hậu quả sẽ xảy ra nếu Tổng thống từ chức nhường lại lãnh địa của mình cho phe Cộng hòa. Cuối cùng, Mac-Mahon triệu tập Đảng viên Cộng hòa ôn hòa nhất mà người ta có thể tìm thấy, đó là Dufaure. Nhưng nhân vật này, do đã quá thấu hiểu sự tình nhờ những sự kiện vừa xảy ra, nên không muốn một lần nữa dấn thân làm mồi cho những sự chỉ trích và trách cứ mà trước đây người ta đã làm với mình, không muốn mình bị coi là hình nộm của Tổng thống nên trước khi nhận lời, Dufaure đặt ra một số điều kiện. Chính phủ mới được thành lập sẽ chỉ gồm Dufaure và những người Cộng hòa mà bản thân ông sẽ chọn, chính phủ sẽ hoàn toàn độc lập với Điện Élysée và Tổng thống sẽ phải chấp nhận ký một bức thông điệp công khai trong đó Tổng thống khẳng định sẽ một mực tôn trọng những qui định của Quốc hội. Vậy là Nguyên soái đã nhượng bộ, và theo sự dẫn dắt của Dufaure, ông đi từ sự phục tùng này sang sự nhượng bộ khác: trước tiên ông sẽ phải xa rời viên Cảnh sát trưởng Voisin, rồi sau đó là một số người cộng tác thân cận của mình như Hầu tước Harcourt vì người ta cho rằng vị Hầu tước này đã khởi xướng cho Tổng thống chính sách chống lại nền Cộng hòa; cuối cùng, Tổng thống sẽ phải chấp nhận ký vào một bức thông điệp nổi tiếng có sửa đổi chút ít để khỏi quá làm mất thể diện: "Hiến pháp năm 1875 đã lập ra một nền Cộng hòa đại nghị với điều khoản miễn trách cho tôi trong khi nó lại đòi hỏi sự đồng trách nhiệm của các Bộ trưởng. Vì vậy mà nghĩa vụ và quyền lợi của chúng ta được thiết lập lần lượt. Sự độc lập của các Bộ trưởng là điều kiện để qui trách nhiệm cho họ. Những nguyên tắc được rút ra từ Hiến pháp này là những nguyên tắc điều hành của tôi".

Do vậy Dufaure rất bằng lòng về mọi phương diện: về mặt chính trị, Tổng thống hầu như không còn quyền lực. Bộ trưởng Bộ Nội vụ Marcère đã miêu tả thái độ của Tổng thống cho Hội đồng

Bộ trưởng đầu tiên được thành lập sau khi thành lập chính phủ của Dufaure: “Nguyên soái bước vào. Ông đỏ mặt, rất xúc động và gần như cảm thấy nhục nhã; ông giống như một tên lính phải hạ vũ khí. Ông nói một vài lời ngắn gọn và không giấu nổi việc ông đã phải cố gắng kìm nén như thế nào trước mặt chúng tôi. Ông nói ông phải thành lập một chính phủ không như mong muốn mà bị bắt buộc, rằng đáng ra ông đã có thể rút lui cùng với những người cùng ông làm nên ngày 16/5; nhưng sở dĩ ông không làm như vậy là vì cảm thấy đó là một nghĩa vụ; ông đồng ý rằng sự hiện hữu của mình với tư cách lãnh đạo chính phủ là cần thiết cho nước Pháp trên phương diện ngoại giao [...] giọng ông rất xúc động [...] gương mặt ông run lên”.

Mac-Mahon từ chức

Nếu Mac-Mahon đã từng chấp nhận ở lại vị trí Tổng thống là bởi vì Thượng nghị viện với phe đa số thuộc Đảng Bảo thủ cũng có những phương tiện hành động như Hạ nghị viện nên có thể giúp Nguyên soái đưa ra những lý lẽ đủ mạnh trước Chính phủ. Thực tế, Chính phủ cảm thấy bị buộc phải nhượng nhẹ với Mac-Mahon và đặc biệt là để cho Tổng thống theo dõi một cách sát sao những sự vụ trong quân đội; Tổng thống đã yêu cầu cử Tướng Borel, sĩ quan tùy tùng cũ của mình làm Bộ trưởng Bộ Chiến tranh cho dù Dufaure không dám phản đối việc này. Đường như đã có vài tháng đình chiến chính trị giữa Tổng thống và phe đa số vì một sự kiện diễn ra: ngày 1/5/1878, Mac-Mahon được khánh thành Cuộc triển lãm Quốc tế Paris và tổ chức những buổi lễ xa hoa tại Điện Élysée, nơi tụ họp những vị vua chúa châu Âu; đặc biệt, Tổng thống được điều khiển những cuộc duyệt binh hoành tráng. Nhưng đó là những đốm lửa cuối cùng của Mac-Mahon ở cương vị Tổng thống.

Ngay sau khi cuộc triển lãm kết thúc thì cuộc hưu chiến chính trị cũng đến hồi kết. Tháng 1/1879 đã diễn ra cuộc bầu cử bầu lại một phần ba số đại biểu trong Thượng nghị viện; những bước tiến lớn của Đảng Cộng hòa trong các chiến dịch tranh cử được minh chứng bằng kết quả bầu cử cấp quận năm 1877 và bầu cử cấp xã năm 1878 và điều này đã có tiếng vang lớn đến cuộc bầu cử Thượng nghị viện; thắng lợi của những người Cộng hòa khiến cho trước đây họ chỉ chiếm thiểu số trong Thượng nghị viện thì nay họ đã có 60 phiếu đa số. Hiện tại, Mac-Mahon không còn quyền lực về chính trị, và những người Cộng hòa biết rất rõ điều đó, họ bèn từ bỏ những nhượng nhẹ, nể nang mà họ vẫn buộc phải dành cho Tổng thống cho đến tận thời điểm đó. Dưới sức ép của Hạ nghị viện, Dufaure yêu cầu tướng Borel phải từ chức, nhưng Nguyên soái ngay lập tức lại thay Borel bằng một Tướng tin cẩn khác của mình. Bị vượt quyền, Tổng thống phải ký sắc lệnh cách chức rất nhiều quan chức cấp cao đã từng giúp đỡ các nhân vật của ngày 16/5 và phải hi sinh nhiều tổng kiểm sát trưởng, trưởng khu giáo dục, tỉnh trưởng, quan chức cấp cao trong ngành tài chính, những người đã từng phục vụ chính phủ của ông vài tháng trước đó. Nhưng ngày 28/1/1879, Bộ trưởng mới phụ trách Bộ Chiến tranh yêu cầu Tổng thống ký một sắc lệnh quyết định chuyển 5 Tư lệnh quân đội và cho nghỉ việc 5 người khác thì Mac-Mahon rất giận dữ và từ chối ký. Các Bộ trưởng đều đã có vị trí của mình, còn Mac-Mahon vì không muốn chấp nhận sự nhượng bộ cuối cùng này nên đành phải dùng giải pháp “từ chức”. Ngày 30/1, Tổng thống gửi cho các Chủ tịch Thượng nghị viện và Hạ nghị viện bức thông điệp sau:

“Thưa Ngài Chủ tịch,

Ngay từ khi khai mạc phiên họp này, Chính phủ đã trình lên quý Ngài chương trình về các dự luật của mình, những dự luật này, vì để làm hài lòng dư luận, nên có thể sẽ được thông qua mà không nguy hại gì cho an ninh quốc gia và việc điều hành đất nước. Không kể đến mọi ý kiến cá nhân khác, tôi đã đồng ý với chương trình trên, bởi vì tôi không bỏ qua bất cứ một nguyên tắc nào mà lương tâm mình bảo mình phải trung thành với nó.

Hôm nay, vì tin rằng sẽ được đa số các đại biểu của hai Viện ủng hộ, Chính phủ yêu cầu tôi phải thực hiện một số biện pháp đối với các tướng lĩnh quân đội mà tôi cho rằng những biện pháp đó đã xâm hại đến danh dự và an ninh của quân đội cũng như của quốc gia. Tôi không thể nhượng bộ chuyện này.

Với lời từ chối này, Chính phủ sẽ ngãng ra. Thực ra thì bất kỳ một chính phủ nào được hình thành từ những thành viên của hai Viện đều sẽ áp đặt những điều kiện tương tự với tôi.

Cho nên tôi tin rằng mình cần phải rút ngắn nhiệm kỳ mà Hạ nghị viện đã tin tưởng trao trách nhiệm cho tôi. Tôi xin đệ đơn từ chức Tổng thống nền Cộng hòa.

Khi từ bỏ quyền lực, tôi muốn khẳng định rằng trong suốt 53 năm phục vụ đất nước mình với tư cách là một người lính, và một công dân, tôi chưa bao giờ để mình bị chi phối bởi bất cứ thứ tình cảm nào khác ngoài ý thức về danh dự và nghĩa vụ cũng như một lòng tận tụy với Tổ quốc...".

Một nhân vật bù nhìn trong vai trò vật trang trí

Vậy là, gần hai năm sau sự kiện ngày 16/5, Mac-Mahon đã rút ra những bài học logic về thất bại của mình. Nhưng vào thời điểm rút lui khỏi vị trí Tổng thống, người từng theo chủ nghĩa Quân chủ này, dù không muốn, đã vô hình chung cho người ta thấy rõ những đặc tính của chức danh Tổng thống trong suốt giai đoạn tồn tại của nền Cộng hòa đệ Tam. Trong hai cách hiểu về vai trò Tổng thống mà Hiến pháp năm 1875 đưa ra thì cuộc khủng hoảng ngày 16/5 đã khiến người ta thấy cách hiểu có giá trị thực tế là: Tổng thống chỉ như một nhân vật để trang trí và bị tước mọi thực quyền. Chắc chắn nếu như Mac-Mahon bị buộc phải nhường bộ thì đó là bởi vì phe đa số của những người Cộng hòa hoàn toàn có quyền nghi ngờ chính sách ủng hộ chủ nghĩa Quân chủ của Tổng thống. Nhưng khi Mac-Mahon ra đi, những người Cộng hòa kế nhiệm ông được thừa hưởng từ Tổng thống một thứ quyền lực mà thực tế 4 năm qua đã cắt xén mất. Từ nay trở đi, Tổng thống nền Cộng hòa có thể đưa ra một chính sách khác với chính sách của phe đa số trong Quốc hội, Tổng thống cũng có thể điều hành chính phủ một cách thực sự dù điều đó không đúng hoàn toàn với câu chữ trong Hiến pháp. Sử dụng những vũ khí hợp pháp mà pháp luật trao cho có nghĩa là Tổng thống lựa chọn các Bộ trưởng, chỉ định hoặc tự mình cách chức các quan chức hay sĩ quan, yêu cầu hai Viện tiến hành thảo luận lại các dự luật; còn nếu hành động như Mac-Mahon có nghĩa là đã hành động như một kẻ đi ngược với nền Cộng hòa.

Cũng theo logic trên thì thấy rằng sử dụng quyền giải tán Quốc hội như Mac-Mahon đã làm ngày 16/5 có nghĩa là đưa ra một chính sách cá nhân; và nếu như vậy thì quyền giải tán Hạ nghị viện sẽ bị bỏ xó, dù đó là một vũ khí cơ bản của Tổng thống, một đối trọng không thể thiếu để chống lại quyền lực tuyệt đối của Quốc hội theo tinh thần của Hội đồng lập hiến năm 1875. Sau ngày 16/5, không một Tổng thống nào của nền Cộng hòa đệ Tam còn dám giải tán Hạ nghị viện.

Từ đó, các vị Tổng thống đều sẽ xóa đi dấu ấn của mình đằng sau vị trí Tổng thống. Sẽ không có gì là thái quá khi nói rằng chính sự kiện ngày 16/5 chứ không phải là Hiến pháp năm 1875 đã tạo nên chức danh Tổng thống trong giai đoạn nền Cộng hòa đệ Tam.

THỜI CỦA HOA CÚC?

(1879 - 1958)

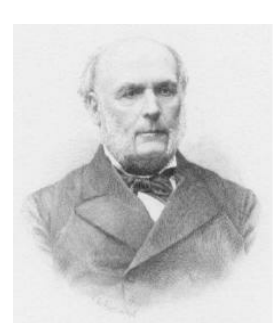
Trong suốt gần 80 năm nền Cộng hòa sống trên di sản thể chế do cuộc khủng hoảng 16/5 để lại (trừ những năm gián đoạn từ năm 1940 - 1946 khi nước Pháp bị chiếm đóng, chế độ độc tài Vichy và các chính phủ lâm thời nối tiếp nhau đã bỏ qua các qui tắc của nền chính trị dân chủ ở Pháp). Điều này có nghĩa là Tổng thống của nền Cộng hòa tuy vẫn giữ vai trò đại diện chính trị nhưng chỉ còn là Tổng thống trên danh nghĩa. Sự thất bại trong cuộc chiến cộng với việc Mac-Mahon từ chức đưa chức vụ Tổng thống đến gần với vai trò mà phe Cộng hòa, lúc đó đang chiếm đa số trong cả hai Viện, dành cho ông ta. Vai trò của Tổng thống trong tình thế như vậy được Tướng De Gaulle gọi một cách cay nghiệt là "khai mạc những bông hoa cúc". Và trên thực tế, đúng là dù Tổng thống có là Chủ tọa của Hội đồng Bộ trưởng thì cũng không còn là người lãnh đạo nền Cộng hòa nữa. Những quyền quan trọng mà bản Hiến pháp năm 1875 trao cho Tổng thống từ nay sẽ do chủ tịch của Hội đồng Bộ trưởng đảm nhiệm. Nhân vật này không tồn tại về mặt thể chế nhưng lại đảm nhiệm những vai trò chính trị mà thực tế không còn cho phép Tổng thống thực hiện nữa, chẳng hạn như thành lập chính phủ thông qua việc chỉ định các vị Bộ trưởng dựa trên hai tiêu chí là năng lực (có thể có) và khả năng thích nghi của họ để có thể thành lập một đa số tại nghị viện dưới thời Cộng hòa đệ Tam, tại Hạ nghị viện dưới thời Cộng hòa đệ Tứ; xác lập và lãnh đạo chính sách của quốc gia, bảo vệ hoạt động của chính phủ trước hai Viện... Về phần mình, Tổng thống phải từ chối sử dụng những vũ khí mà các văn bản hiến pháp đã dành cho mình vì sợ bị kết tội phá hoại nền Cộng hòa. Các quyền này là: quyền giải tán nghị viện, quyền yêu cầu thảo luận lại một lần nữa các dự thảo luật đã được thảo luận tại nghị viện nếu như Tổng thống không đồng ý với nội dung của các dự thảo đó. Dưới con mắt của người dân Pháp, một Tổng thống tốt là người vượt lên trên các vấn đề chính trị, đại diện cho đất nước một cách hoàn thiện, làm vinh danh đất nước bằng sự oai vệ, bằng tài hùng biện, thậm chí là bằng sự lịch lãm của mình. Nói cách khác là khi người ta được bầu vào Viện công tố tối cao, người ta phải rời bỏ chính trường năng động để đi vào trường danh vọng không quyền lực.

Trong tình hình như vậy, nhắc đến hàng loạt đời Tổng thống Pháp từ Jules Grévy đến René Coty (dân chúng Pháp đã quên phần lớn các nhân vật này) có vẻ như là một việc làm đẹp đẽ nhưng vô nghĩa. Vấn đề là ở chỗ, trong chính trị, có được sự trùng hợp giữa một bên là vẻ bề ngoài mang tính đại diện và một bên là thực tế không hề dễ dàng. Bị bó buộc bởi sức nặng của hoàn cảnh, rồi truyền thống chính trị sau ngày 16/5, bởi sự khiêm tốn đến mức xóa nhòa chính mình, các vị Tổng thống của nền Cộng hòa không phải vì thế mà không có vai trò quan trọng gì. Về điểm này, tính cách riêng của từng người là một yếu tố quan trọng không thể bỏ qua. Bên cạnh những Tổng thống như Sadi Carnot hay Albert Lebrun muốn tự giới hạn mình bởi những đặc quyền mà truyền thống Cộng hòa trao cho họ thì có những Tổng thống khác như Casimir-Périer hay Alexandre Millerand muốn tìm lại những quyền lực mà bản Hiến pháp đã thừa nhận cho họ. Những vị Tổng thống này đã cố gắng tới mức phải chịu nhiều thua thiệt. Bỏ ngoài tai sự mỉa mai chua cay của Clemenceau, người khuyến cáo là cần phải dồn phiếu một cách có hệ thống cho một nhân vật không tầm cỡ làm Tổng thống, người sẽ để mặc cho nghị viện lãnh đạo, các vị Tổng thống của Cộng hòa đệ Tam và đệ Tứ không hề là những con rối: nhiều người trong số họ đã biết sử dụng những lợi thế mà hệ thống chính trị Pháp dành cho mình một cách kín đáo và khéo léo.

Trước hết, đó là quyền chỉ định Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Không giống như ở Anh, nơi có chế độ lưỡng đảng trong đó thủ lĩnh của phe đa số đương nhiên chiếm cương vị Thủ tướng. Ở Pháp, trong một chế độ đa đảng, quyền chỉ định Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng không hề mang tính chất thủ tục. Điều này được thể hiện qua việc Jules Grévy muốn tách nhân vật có cá tính mạnh như Gambetta xa rời quyền lực càng lâu càng tốt; việc Vincent Auriol đã chỉ định Antoin Pinay vào chức vụ Thủ tướng Chính phủ vào tháng 3/1952, hay René Coty bổ nhiệm Guy

Mollet vào chức vụ Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng chứ không bổ nhiệm Pierre Mendès France vào năm 1956. Đó là những hành động chính trị quan trọng kéo theo nhiều hệ quả lớn. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng thường đảm nhiệm vai trò của mình trong một khoảng thời gian ngắn, Tổng thống có thời gian làm việc rất dài cho phép ông hiểu biết rất rõ các vấn đề cần giải quyết và do đó, họ trở thành người cố vấn quý giá và kín đáo cho người đứng đầu chính phủ ngay cả khi những người này chẳng buồn nghe những lời khuyên ấy. Cuối cùng, Tổng thống là biểu tượng và đại diện cho cả đất nước. Điều này làm Tổng thống có vai trò quốc tế nếu như ông này muốn và điều khiển nó trong các cuộc công du chính thức ở nước ngoài hay tiếp đón các nguyên thủ quốc gia. Điều này đem lại cho Tổng thống vai trò thực sự trong chính sách ngoại giao. Tổng thống còn là người ký kết các điều ước quốc tế nhân danh nước Pháp, bổ nhiệm đại sứ ở nước ngoài, đôi khi Tổng thống có thể áp đặt sự lựa chọn của mình. Ông ta không phải là kẻ chỉ khoanh tay đứng xem trong lĩnh vực ngoại giao và trên thực tế, Jules Grévy hay Poincaré đều biết giữ một vai trò quan trọng và đôi khi chính yếu trong lĩnh vực này.

Như vậy, người ta không thể cười nhạo một cách dễ dàng, như thường vẫn thấy dưới thời Cộng hòa đệ Ngũ, những vị Tổng thống thời này. Đó thực ra là những nhân vật thường có một nhân cách lớn và họ luôn cố gắng, đặc biệt với những người mạnh nhất trong số họ, phục vụ đất nước mà cuộc bầu cử đã chọn họ làm đại diện cho đất nước ấy, trong khuôn khổ gò bó của truyền thống Cộng hòa. Nhất là trong hoàn cảnh đất nước ấy lại không trao cho họ những phương tiện hành động cần phải có để hoàn thành nhiệm vụ trên cương vị của họ.



FRANÇOIS PAUL JULES GRÉVY
(15/8/1813 - 9/9/1891)

- 4 - JULES GRE'VY: VỊ TỔNG THỐNG CỘNG HÒA ĐẦU TIÊN!

(30 tháng 01 năm 1879 - 3 tháng 12 năm 1887)

Jules Grévy là người Pháp thứ tư mang danh hiệu Tổng thống nền Cộng hòa nhưng ông là người Cộng hòa đầu tiên nắm giữ cương vị này. Tổng thống của nền Cộng hòa đệ Nhị là một người rắp tâm lên làm Hoàng đế. Còn Quốc hội đầu tiên của nền Cộng hòa đệ Tam muốn đưa một người lên làm vua nước Pháp. Trong lúc chờ đợi tìm ra người thích hợp, Quốc hội đã bổ nhiệm một Tổng thống đến từ vùng Orléan và khi ông này bộc lộ dù là một cách muộn màng khuynh hướng Cộng hòa, nghị viện đã bổ nhiệm một vị Nguyên soái theo phái chính thống vào vị trí này. Những người theo phái Cộng hòa, chiếm đa số ở hai Viện, và vừa đẩy Mac Mahon khỏi vị trí Tổng thống đã có thể đưa một người trong phe của mình vào Viện công tố tối cao. Ngày 30/1/1879, hai Viện đã nhóm họp ở Versailles sau khi đã nghe bản từ chức của Mac Mahon. Kết quả bầu cử 563 phiếu thuận trên 713 phiếu bầu đã đưa nhân vật lãnh đạo phe Cộng hòa Jules Grévy lên nắm quyền Tổng thống.

“Tôi sẽ không bao giờ đi ngược lại ý chí quốc gia”

Vẻ bề ngoài của vị Tổng thống này là một lợi thế của ông: một dáng vẻ đầy tư thế với bộ râu ngắn ôm trọn những đường nét hài hòa trên khuôn mặt. Grévy là người tiêu biểu của tầng lớp tư sản, đạo mạo, nghiêm túc, là người giàu có nhờ công việc làm ăn của chính mình, tôn trọng luật pháp, cần kiệm và cương nghị. Ai có thể tốt hơn trong việc đại diện cho những người Cộng hòa vốn gắn bó với việc làm yên lòng tầng lớp tư sản Pháp hơn Grévy? Sinh ở Mont-sous-Vaudrey (Jura) ngày 15/8/1807, Jules Grévy xuất thân từ một gia đình nông thôn trong vùng, nằm giữa Dole và Poligny. Cách mạng 1848 làm ông trở thành một thành viên đại diện cho phe Cộng hòa. Vốn ôn hòa, ông muốn xây dựng một nền Cộng hòa đủ sức làm nhân dân yên lòng. Trong lĩnh vực lập hiến, ông muốn xây dựng một nền Cộng hòa không có Tổng thống... Dưới thời Đế chế đệ Nhị, vai trò của ông hết sức mờ nhạt. Chỉ đến năm 1868 vai trò này mới thay đổi khi ông là thành viên của Đoàn lập pháp. Được bầu lại vào năm 1871, Grévy hợp tác với Thiers và với phái Orléans. Với vị trí người hòa giải, ông được bầu làm Chủ tịch Quốc hội. Nghị viện Cộng hòa năm 1876 chọn ông làm Chủ tịch một lần nữa cùng với người đồng cấp Thiers. Sau khi Thiers mất năm 1877, Grévy trở thành thủ lĩnh phe Cộng hòa. Sau khi Mac Mahon từ chức, việc bầu Grévy vào chức Tổng thống đã được bàn định từ lâu; chính vì thế việc Grévy trở thành Tổng thống không làm bất cứ ai ngạc nhiên, thậm chí đến cả ông cũng vậy.

Được bầu làm Tổng thống trong những điều kiện như thế, Grévy không thể làm gì khác hơn là đảm nhiệm cương vị của mình theo đúng những gì phe Cộng hòa mong đợi, phe vừa buộc vị Nguyên soái già nua phải từ chức. Ngay từ khi nhậm chức, ông đã rút được kinh nghiệm từ bài học này và đưa nó thành học thuyết mà các nhà làm luật gọi một cách châm biếm là “Hiến pháp Grévy”. “Thần phục một cách chân thành luật pháp của chế độ nghị viện, tôi sẽ không bao giờ đi ngược lại ý chí của quốc gia do các cơ quan hiến pháp thể hiện”.

Nền chính trị Pháp là nền chính trị của Jules Grévy

Liệu tuyên bố trên có đồng nghĩa với việc người lãnh đạo nhà nước thừa nhận rằng phe chiếm đa số trong Nghị viện là người lãnh đạo nền chính trị Pháp và rằng Tổng thống phải từ bỏ những vũ khí mà bản Hiến pháp trao cho ông ta? Liệu Tổng thống còn có thể biến thành một cực đối trọng của Nghị viện trong trường hợp cần thiết như Hiến pháp đã định hay không? Liệu có phải Grévy cam chịu trở thành một Tổng thống bù nhìn? Phe Cộng hòa cho là như vậy và chưa bao giờ họ thấy ở ông hình ảnh của một nhà làm luật đáng kính cả. Đó là bởi vì Grévy đã biết khéo léo giấu kín tính tình độc đoán và niềm say mê quyền lực ở ông, điều làm phe Cộng hòa rất lo ngại như trường hợp của thành viên Viện Dự luật Gambetta.

Nhưng trong suốt 9 năm làm Tổng thống (ông được tái đắc cử năm 1855), Grévy đã có ảnh hưởng kín đáo nhưng sâu sắc. Ông chấp nhận không đưa ra một chính sách của riêng mình nhưng lại sử dụng hai trong các quyền của Tổng thống, như sau này Poincaré sẽ làm, và làm cho hai quyền ấy được chấp nhận rộng rãi nhất có thể được: ông coi mình như người đảm bảo của chính sách ngoại giao của Pháp và từ vị trí ấy ông không ngần ngại can thiệp vào các sự vụ quốc tế nhân danh quyền lợi quốc gia mà ông cho rằng mình là người đại diện. Ông có quyền lựa chọn Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và trong một chế độ đa đảng, ông có thể sử dụng quyền này để đòi đưa một nhân vật mà ông thấy hài lòng và người đó không nhất thiết cứ phải là thủ lĩnh của phe đa số. Điều này đã có thể là một sự bắt buộc nếu như nước Pháp muốn bắt chước mô hình của Anh theo hệ thống lưỡng đảng. Như vậy, từ năm 1879 đến 1887, nền chính trị Pháp trong một chừng mực nào đấy đã là nền chính trị của Jules Grévy ngay cả khi nó được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng chịu trách nhiệm trước Nghị viện. Sử dụng quyền của Tổng thống đã được công nhận là chỉ định Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Grévy sẽ đặc biệt chú ý để không chọn những người quá nổi bật khiến ông ta bị nấp bóng. Nỗi lo lắng lớn nhất của ông trong thời gian đầu làm Tổng thống là tách một nhân vật tầm cỡ ra xa quyền lực: Léon Gambetta.

Chủ tịch đầu tiên của Hội đồng Bộ trưởng do Grévy chọn là người nổi tiếng trung thực: Waddington, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao dưới thời Mac Mahon và là người được Grévy giữ lại để làm an lòng các nước châu Âu. Nhưng người được Tổng thống yêu quý lại là Charles de Freycinet. Ông này là người mềm mỏng và khiêm tốn, biết xóa nhòa sự hiện diện của mình và tỏ ra rất chú ý đến công việc chung bằng cách nhận trách nhiệm về các hành động quyền lực. Khi một "người cánh tả" trở nên cần thiết cho mình, Grévy đã sử dụng Jules Ferry, người đã trở nên bảo thủ trong lĩnh vực xã hội dưới thời Công xã nhưng nổi tiếng bởi quyết tâm chống chủ nghĩa tăng lữ một cách sâu sắc. Một vài năm sau, khi Jaurès yêu cầu Grévy phải nói rõ các mục tiêu của mình, Grévy nói:

- Mục tiêu của tôi là xây dựng loài người không có Chúa và không có Vua.
- Nhưng không phải là không có ông chủ, Jaurès đã thêm vào.

Grévy đã lãnh đạo đất nước với nhóm cộng sự là những người mềm mỏng và có cùng niềm tin với ông. Tuy nhiên, năm 1881, ông phải buộc lòng viện tới Gambetta. Nhưng cựu thành viên Viện Dự luật đã già trước tuổi và mệt mỏi; quyền lực của ông đã suy giảm sau những cuộc tranh đấu liên miên tại Nghị viện. "Nội các lớn" mà ông thành lập với những nhân vật mờ nhạt chỉ kéo dài được 3 tháng. Vài tháng sau, ông này mất và Grévy có thể một lần nữa mời Freycinet rồi Jules Ferry ra giúp sức. Các đời Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng lâm thời kế tiếp nhau thực hiện một nền chính trị mà Grévy mong muốn đều có tính cách yếu hơn Grévy. Như vậy, ông đã giữ một vai trò hi hữu trong giai đoạn lịch sử này đó là trong số những người quyết định nền chính trị Pháp, ông là người duy nhất có lợi thế to lớn mà dưới thời Cộng hòa đệ Tam và đệ Tứ tất cả các nhà lãnh đạo nhà nước Pháp mơ ước có được: liên tục tại quyền.

Về mặt chính trị, bản tổng kết thời kỳ làm Tổng thống của Grévy sẽ như thế nào? Có thể nói là những người Cộng hòa đã sắp xếp lại nền Cộng hòa với nhiều cải cách như luật giáo dục qui định phổ cập giáo dục tiểu học bắt buộc cho trẻ em từ 6 đến 13 tuổi; giáo dục phải miễn phí và trung lập về mặt tôn giáo; áp dụng luật đương thời chống lại các giáo đoàn; thiết lập tự do hội họp và tự do báo chí; cho phép thành lập hội đoàn nghề nghiệp; quyền cho Hội đồng thành phố được bầu Thị trưởng; bỏ chức Thượng nghị sĩ suốt đời, phát triển hệ thống xe lửa Pháp với mục tiêu chính yếu là giải tỏa nông thôn và mở cửa nông thôn cho tiến bộ và như thế là làm cho nền Cộng hòa tiến bộ. Đây là các chương trình của giới tư sản Cộng hòa, chống chủ nghĩa tăng lữ, tự do, tin vào tiến bộ và văn hóa được tiến hành dưới sự lãnh đạo tư sản của Tổng thống Grévy.

Grévy liên kết với Bismarck chống lại tư tưởng phục thù

Ảnh hưởng của Grévy lên chính sách đối ngoại chắc chắn còn rõ nét hơn nữa. Sử dụng các đặc

quyền mà Hiến pháp trao cho mình, Tổng thống không ngừng can thiệp vào việc lựa chọn các đại sứ của Pháp ở nước ngoài và vào chính sách đối ngoại. Ông không giấu giếm đã tuyên bố rằng ông muốn có một chính sách đối ngoại hòa bình. Ông cho rằng nước Pháp không được lợi lộc gì trong một cuộc chiến mới với nước Đức; cần phải bỏ hi vọng chiếm lại Alsace-Lorraine; cần phải giữ mối quan hệ hòa hảo với kẻ chiến thắng. Quan điểm này khá kỳ lạ ở thời kỳ đó khi “phục thù” là chủ đề phổ biến nhất trong nền chính trị Pháp thời đó, một chủ đề đáng được nhấn mạnh; nhất là khi đó không chỉ là một quan điểm mang tính nguyên tắc. Phần lớn quyền lực của Grévy dựa trên niềm tin mà ông cho rằng mình có được ở châu Âu. Một trong những người ủng hộ Tổng thống Pháp mạnh mẽ nhất là thủ tướng Đức Bismarck. Nhưng ông này ủng hộ Grévy không phải để Grévy được lòng các nghị viên Pháp, mà thực ra, niềm tin mà Thủ tướng Đức trao cho Tổng thống Pháp là vì chế độ mà ông đại diện chứ không phải là sự khôn ngoan của ông. Ý tưởng lớn của Bismarck, một ý tưởng theo thời gian đã trở thành một sự ám ảnh, là tránh một sự trả thù nào đó từ nước Pháp khi nước Pháp bị cô lập. Vì thế, ông lo lắng rằng, sau khi Thiers đổ, khả năng nước Pháp có quay lại chế độ Quân chủ. Thủ tướng Đức lo rằng nền Quân chủ với một chính phủ mạnh sẽ kéo nước Pháp vào con đường “phục thù”. Về điểm này, chiến thắng của nền Cộng hòa (tức là theo quan điểm của Bismarck là chiến thắng của một chính phủ bất lực) làm ông ta yên tâm nhất là khi nền Cộng hòa được những kẻ cơ hội chủ nghĩa lãnh đạo, những người này cam tâm với tình trạng hiện tại, chứ không phải những người cấp tiến như Clemenceau. Những người theo Clemenceau luôn dán mắt vào “đường kẻ xanh của dãy núi Vosges”.

Nhưng năm 1885, những người cấp tiến đã thắng trong cuộc bầu cử và theo lời khuyến cáo của Clemenceau, một trong những người có uy tín nhất trong số họ là Tướng Boulanger đã trở thành Bộ trưởng Bộ Chiến tranh. Ông này đã biết lấy lòng quân đội bằng những biện pháp nâng cao đời sống quân nhân nhưng nhất là với sự kiên quyết mà ông thể hiện trong vụ Schnaebelé (Cảnh sát trưởng của Pháp, bị quân Đức bắt cóc ở Pagny-sur-Moselle vì bị tình nghi là gián điệp) đã biến ông thành “vị Tướng báo thù” trong mắt dư luận. Nhưng với Grévy và những thành viên trong chính phủ của ông, Boulanger đã tỏ ra hờ hênh và thiếu trách nhiệm và đó là sự nguy hiểm với nước Pháp. Grévy đã nhấn mạnh vào điểm yếu này để Boulanger bị gạt khỏi quyền lực nhất là khi ông này đang ngày càng được lòng những người đối nghịch với chính quyền đương thời.

Vì những lý do này mà Boulanger bắt đầu trở thành người lãnh đạo của những người bất mãn. Sau khi chính phủ được sắp xếp lại, Boulanger đã bị tách ra khỏi quyền lực và được bổ nhiệm về Clermont-Ferrand, nơi người ta hi vọng là ông sẽ bị rơi vào quên lãng. Ngày Boulanger ra đi, một cuộc biểu tình của quần chúng đã nổ ra ở nhà ga Lyon nhằm ngăn cản chuyến lưu đày. Cuộc biểu tình này cho thấy sự suy giảm lòng tin mà sau vài năm cầm quyền, nền Cộng hòa cơ hội chủ nghĩa phải hứng chịu trong một số lĩnh vực. Điều này được thể hiện qua việc phong trào quốc gia chủ nghĩa lên cao. Phong trào này mơ ước có một người mạnh mẽ đứng đầu nền Cộng hòa. Đối diện với cuộc khủng hoảng này, Grévy đã biết tỏ ra là người bình tĩnh và từ chối không nhượng bộ bất kỳ yêu cầu nào của những người theo chủ nghĩa Sô-vanh hiện đang kích động.

Như vậy là với Jules Grévy, chế độ Tổng thống của nền Cộng hòa đã mất đi một vài đặc điểm cố hữu của nó. Từ nay, người ta phải công nhận là về mặt nguyên tắc, Tổng thống để người đứng đầu chính phủ, người được ông lựa chọn, nhưng có sự tin tưởng của Nghị viện, quyết định nền chính trị Pháp. Nhưng Tổng thống về mặt luật pháp vẫn là người đứng đầu quyền lực hành pháp và hoạt động như một người hướng dẫn, một vị trọng tài. Nếu tính cách của Tổng thống mạnh, đặc biệt là mạnh hơn tính cách của người đứng đầu chính phủ, thì không gì có thể ngăn được việc Hội đồng Bộ trưởng quan tâm hơn đến ý kiến của Tổng thống với điều kiện là một vị Bộ trưởng phải có trách nhiệm ký nháy vào tất cả các văn bản được thảo ra theo cảm hứng của ông.

Một nhà tư sản ở Điện Élysée

Như vậy, thái độ của Grévy sẽ định ra cách ứng xử của các nhà chính trị Pháp mong muốn đóng vai trò nổi trội: vì sợ bị tách ra khỏi quyền lực bởi Tổng thống quá độc đoán, họ sẽ ủng hộ một Tổng thống kém nổi trội, mang tính chất trang trí nhiều hơn là hiệu quả. Jules Grévy cũng đã mở đầu cho một truyền thống mới trong phong cách của Tổng thống. Mong muốn đóng một vai trò thực tế mà không bị bao trùm bởi cái bóng của các nhà lãnh đạo phái Cộng hòa. Grévy đã hiểu rằng sự khiêm tốn trong phong cách sống và ngoại hình của mình là điều không thể thiếu được trong sự thành công của các dự án mà ông đưa ra; chắc chắn là sở thích của một nhà tư sản nghiêm túc và cần kiệm sẽ thuận lợi cho toan tính chính trị của ông.

Với Grévy, Điện Élysée đã mất đi tính chất hào nhoáng mà Ngài đại quý tộc Mac-Mahon đã mang lại trong thời gian trước đó: rất ít các buổi tiếp tân, không có những chuyến du lịch; giới tư sản đã thay thế giới quý tộc trong lâu đài Tổng thống tráng lệ. Giới quý tộc trả thù bằng cách đưa ra nhiều giai thoại về tính bủn xỉn của Grévy. Henri Rochefort, nhà tranh luận đang tìm lý do cho một trận khẩu chiến đã thuật lại câu chuyện này: một chàng trai bị bắt khi anh ta đang ăn trộm bánh mì. Khi được thả ra anh ta tiết lộ rằng mình vừa ra về sau bữa ăn tối ở điện Élysée! Khiêm tốn, cẩn trọng, quan tâm đến hiệu quả nhiều hơn là những chuyện vặt vãnh, an ninh hơn là danh vọng, thực tế hơn là những lời đao to búa lớn: ở Grévy, giới tư sản Pháp thế kỷ XIX thừa nhận ông là người trong giới của họ; ông ta có nhiều phẩm chất nhưng cũng có nhiều điểm xấu và thậm chí có một số tật. Đáng chú ý là quyền lực thực tế mà Grévy có, nhưng trong bóng tối, bị xóa đi bởi cuộc khủng hoảng nghiêm trọng đầu tiên mà nền Cộng hòa gặp phải trong những năm 1886 - 1887.

“Tai hại thay khi có một thằng con rể!": Vụ tai tiếng huân chương

Tháng 9/1887, cảnh sát phát hiện một ổ buôn bán huân chương. Bà chủ của ổ này là Limouzin có quan hệ với tướng Caffarel, Phó tham mưu trưởng quân đội Pháp. Cả hai bị bắt và vụ việc liên quan tới nhiều nhân vật quan trọng trong đó có Nghị sĩ Daniel Wilson, con rể của Jules Grévy. Tai tiếng của nhân vật này càng làm cho vụ việc trở nên không có gì ngạc nhiên. Sau khi sống bê tha dưới thời Cộng hòa đệ Nhị, Wilson dần thân vào chính trường. Được bầu là Nghị sĩ, chuyên gia về các vấn đề tài chính và đặc biệt nổi tiếng là một Nghị sĩ mảnh khảnh, Wilson đã dính líu đến tất cả các vụ móc nối bí mật, liên quan đến tất cả các vụ việc ít nhiều mờ ám.

Năm 1881, Wilson làm một phi vụ đặc biệt khi cưới cô Grévy. Ông Tổng thống, vốn là một người cha yếu đuối nay lại là một người bố vợ biết thông cảm đã đưa con rể vào Điện Élysée làm việc. Do đó Wilson đã biết được các bí mật của Hội đồng Bộ trưởng. Ông ta có ảnh hưởng trực tiếp đến những người cao cấp nhất của Nhà nước, nhiều người tỏ ra không lo lắng về đường quan lộ của mình khi làm mất lòng một nhân vật rất gần gũi với Tổng thống. Đây thực sự là một cơ hội tuyệt vời để làm giàu đối với một nhân vật vốn không ngại bất cứ việc gì! Vậy là hết rồi thời của những vụ làm ăn con con, những phi vụ nực cười! Wilson bắt đầu dùng ảnh hưởng để làm ăn ngang tầm vị trí mới của mình. Wilson cần nhiều phòng làm việc, một bộ phận của Élysée sẽ cung cấp cho ông ta. Wilson cần người giúp ư? Chỉ cần lấy trộm đám nhân viên của Phủ Tổng thống. Nhanh vuốt của Grévy là tài sản lớn của Wilson; các đơn đặt hàng của nhà nước cho phép các tờ báo và nhà in mà Wilson gợi ý làm ăn phát đạt; những chiếc Huân chương bác đầu bội tinh được phân phát một cách tự do để làm phần thưởng cho lòng yêu nước của các nhà cung cấp đủ yêu nước để thể hiện mình chiều lòng con rể của Tổng thống.

Khi vụ việc bị phát giác, vụ tai tiếng nổ ra trên diện rộng. Báo chí và dư luận xúc động và yêu cầu Grévy không được bênh vực con rể. Tổng thống mời Wilson ra khỏi Điện Élysée. Nhưng theo nguyện vọng của phe đối lập, vụ việc nay lại mang tính chất chính trị. Clemenceau đã chất vấn nội các về vụ việc này; chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Rouvier, người đã thử hoãn lại các phiên thẩm vấn, đã bị lật đổ. Báo chí và dư luận sôi sục chống lại Grévy, người cho rằng mình vô tội và bảo lưu ý kiến của mình. Người ta thấy có một bức biếm họa trên đó Tổng thống Grévy đang khoan khoái bên bàn ăn trong một nhà hàng, mồm ngậm xì gà, nở một nụ cười mỉa mai trong khi con rể của ông ta trả tiền mua một tấm Huân chương bác đầu bội tinh! “Ồi, có một thằng rể mới tai họa làm sao!” đó là tiêu đề một bài hát nhanh chóng trở nên phổ biến.

Một người khác trả lời cho bài hát đó: “Ồi, có một ông bố vợ mới hạnh phúc làm sao!” Bài hát thứ ba kết luận: “Chúng ta hãy ôm hôn nhau đi, ôi con rể quý hóa của ta!” Rất nhanh, dưới mắt công chúng Grévy là người liên quan trong các hoạt động của con rể. Qua Tổng thống, phe Cộng hòa tin rằng người ta đang ám chỉ nền Cộng hòa. Sau khi mong muốn cho sự việc trôi qua, họ muốn rằng vụ việc phải được thảo luận nơi công cộng và Grévy, thủ phạm của việc thiếu cảnh giác gây tác hại đến chế độ phải từ chức.

Jules Grévy từ chức: một trường hợp điển hình cho thấy chức vị Tổng thống thật dễ lung lay

Tổng thống Grévy, người được làm Tổng thống thêm một nhiệm kỳ 7 năm nữa vào năm 1885, không hề muốn rời bỏ cương vị này. Vốn là một luật gia tinh tế, ông tranh luận về việc ông có vô trách nhiệm hay không và không đồng ý từ chức; ông nhấn mạnh với các Nghị sĩ về sự nguy hiểm đã xảy ra trước đây khi một vị Tổng thống bị buộc phải từ chức. Và khi đám đông hát bài hát Tổng thống - kẻ cố vị thì các Nghị viên Cộng hòa tự hỏi làm thế nào để buộc một vị Tổng thống vô trách nhiệm từ chức. Khi Rouvier đã từ chức, Grévy đã tuyên bố ý định kêu gọi một vị Chủ tịch mới của Hội đồng Bộ trưởng. Giải pháp này sẽ cho phép Grévy thực hiện quyền lực của mình và qua đó giữ nguyên quyền lực, điều mà Nghị viện không muốn để xảy ra bằng bất kỳ giá nào.

Như vậy giữa Tổng thống và các nghị sĩ xảy ra một cuộc chạy đua hi hữu trong đó Grévy phát hiện ra rằng mình có tính kiêu ngạo và một sự bướng bỉnh của tuổi già. Ông đã đề nghị một cách không mệt mỏi, hết lần này đến lần khác trao cương vị Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng cho những người lãnh đạo phái Cộng hòa để cứu vãn tình thế. Nhưng những người này đều lần lượt từ chối: Freycinet, Goblet, Brisson, Ribot và thậm chí là cả Clemenceau, người mà Grévy đã dùng thủ đoạn để cắt đứt quyền lực cho đến lúc đó. Nhưng đến khi cả Clemenceau cũng đã từ chối, thì Grévy bèn thử dùng mẹo. Ông cam kết từ chức với hi vọng rằng lời hứa của mình sẽ làm dịu tình hình ở Nghị viện và Nghị viện sẽ chấp nhận việc ông đưa ra một nội các mới. Nhưng Grévy đã lần lừa mãi và ngấm ngấm tìm kiếm sự hỗ trợ từ phía những người bảo thủ vì cả những người cấp tiến và cơ hội chủ nghĩa đều đã chối từ giúp đỡ. Mệt mỏi bởi những lần không giữ lời hứa của vị Tổng thống già, Nghị viện hai Viện đã quyết định vào ngày 1/12/1887 sẽ quyết định không rời nghị viện để đợi Tổng thống nói lời từ chức. Vì vậy, Grévy đành phải rút lui. Vào 6h30 tối, thông điệp từ chức của Tổng thống đã được đọc trước hai Viện. Tổng thống nói đến sự bế tắc của các văn bản pháp lý, thanh minh hùng hồn cho thái độ của mình, một sự chỉ trích nặng nề những người đảm nhiệm việc bức ông phải từ chức:

“Thưa các Quý Ngài Nghị sĩ,

Khi tôi chỉ phải đối đầu với những khó khăn chồng chất trong thời gian gần đây trên con đường của tôi như: báo chí công kích, những người mà nền Cộng hòa kêu gọi phải ở bên tôi thì không thấy đâu, không thể thành lập được nội các,... tôi đã đấu tranh và ở lại ở nơi mà phận sự của tôi gắn bó với nơi ấy. Nhưng khi công luận được soi sáng hơn đã làm tôi hi vọng thành lập được một chính phủ mới, Thượng nghị viện và Hạ nghị viện đã bỏ phiếu cho một nghị quyết kép. Nghị quyết này, dưới dạng một trát đòi vào một giờ cố định để đợi một thông điệp đã được hứa có giá trị như việc thúc nợ Tổng thống của nền Cộng hòa buộc phải rời bỏ quyền lực.

Nghĩa vụ của tôi và quyền lợi của tôi có lẽ là phải chống lại điều ấy nhưng trong hoàn cảnh của chúng ta hiện nay, một cuộc tranh chấp giữa quyền hành pháp và Nghị viện có thể kéo theo những hậu quả làm tôi phải dừng lại. Sự thông thái và lòng ái quốc buộc tôi phải nhượng bộ.

Tôi để lại cho những ai chịu trách nhiệm về một tiền lệ như thế này và những hậu quả mà nó có thể kéo theo. Như vậy, tôi bước xuống mà không hối tiếc nhưng không phải là không buồn về quyền lực mà tôi đã được đưa lên hai lần mà không đòi hỏi phải có quyền lực ấy và ở vị trí đó tôi ý thức được rằng mình đã làm tròn nghĩa vụ của mình. Tôi gửi lời kêu gọi tới nước Pháp!

Nước Pháp nói với tôi rằng trong suốt 9 năm, chính phủ của tôi đã đảm bảo hòa bình, trật tự và tự do cho người; rằng chính phủ của tôi đã làm cho thế giới phải tôn trọng Người; rằng chính

phủ ậy đã làm việc không ngơi nghỉ cho sự phục hồi của nước Pháp và giữa một châu Âu đầy vũ khí thì nước Pháp đã được gìn giữ và hoàn toàn có khả năng bảo vệ danh dự và quyền lợi của mình. Và cuối cùng, trong nội bộ đất nước, chính phủ của tôi đã biết giữ cho nền Cộng hòa đi đúng trên con đường thông thái mà quyền lợi và ý chí của đất nước đã vạch ra.

Nước Pháp nói rằng đổi lại, tôi đã bị buộc rời khỏi cương vị mà niềm tin của nước Pháp đã trao cho tôi. Khi rời bỏ đời sống chính trị, tôi chỉ có một mong muốn: đó là nền Cộng hòa không bị tổn hại bởi những âm mưu chống lại tôi và nước Pháp sẽ hân hoan thoát khỏi những nguy hiểm mà người ta đang đe dọa...”.

Thực ra, các điều kiện của việc Grévy từ chức đã làm thay đổi chiều hướng của nhiệm kỳ Tổng thống. Từ nay, Tổng thống vô trách nhiệm sẽ không được chống đối ý chí của Nghị viện. Chức vị Tổng thống được những nhà lập hiến năm 1875 lập ra như một đối trọng với Nghị viện trong trường hợp cần thiết sẽ chỉ còn là một cơ quan phụ thuộc vào Nghị viện. Vị trí ấy như vậy đã mất một chút cái bóng của quyền lực mà cuộc khủng hoảng ngày 16/5 để lại.



MARIE FRANÇOIS SADI CARNOT
(11/8/1837 – 24/6/1894)

- 5 - SADI CARNOT, HIỆN THÂN CỦA NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA

(3 tháng 12 năm 1887 - 25 tháng 6 năm 1894)

“Hãy bỏ phiếu cho người kém nhất”

Jules Grévy vẫn cố ở lại vị trí Tổng thống trong khi đa số những người theo đảng Cộng hòa muốn gạt bỏ ông. Lí do là ông biết chắc các Nghị sĩ sẽ không đồng ý người sẽ kế nhiệm. Tình trạng này hoàn toàn khác với trước đây, khi đảng Cộng hòa đã biết trước từ lâu rằng ông sẽ kế nhiệm Mac-Mahon. Liệu có phải đảng Cộng hòa thiếu những thủ lĩnh đủ khả năng giữ cương vị lãnh đạo tối cao? Chắc chắn là không! Đã có một nhân vật nổi bật nhất mà ai cũng nói đến, người sẽ tiếp tục chính sách của Grévy, nổi tiếng về nghị lực, quyền lực và trí tuệ. Trong khi chính phủ Cộng hòa bị dư luận kết án là tham nhũng và bất lực thì đây lại là một người hoàn toàn trung thực và có tất cả các phẩm chất cần thiết của một chính khách. Người đó là Jules Ferry ! Nhưng chỉ cần nhắc đến cái tên này thôi là cơn bão phản đối nổi lên; bất kỳ ai cũng đều có một lý do để căm ghét người mà hoàn cảnh áp đặt.

Vậy Ferry đã làm gì để đến nỗi bị phản đối như vậy? Cánh tả nhắc nhở rằng khi làm Tỉnh trưởng Paris thời Công xã, ông đã ra lệnh đàn áp sau cuộc bao vây và từ đó không ngừng chống lại quyền tự chủ của các thành phố. Người ta còn chê trách ông về chính sách thuộc địa, về những cuộc viễn chinh đầy phiêu lưu ở Tunisie và ở Viễn Đông mà từ đó ông được đặt biệt danh là “người Bắc Bộ”. Ông được coi là người đã hướng nước Pháp khỏi ý nghĩ phục thù, người không đội trời chung với “Tướng Phục thù” ; còn những người theo chủ nghĩa cấp tiến thì không tha thứ cho ông vì đã tuyên bố rằng “mối nguy hiểm ở bên cánh tả”. Nếu Ferry ở vị trí Tổng thống, điều đó có nghĩa là cánh cửa đến với quyền lực của Đảng Cấp tiến sẽ bị đóng lại trong 7 năm và lợi ích cá nhân gắn liền với lý do chính trị sẽ chặn con đường đến với chức Tổng thống của tác giả các luật giáo dục. Clemenceau dường như có mặt ở khắp nơi, thậm chí có lúc đã nghĩ đến chuyện giúp Grévy thành lập vào phút cuối một nội các để tránh mối nguy hiểm Ferry. Xung quanh cung điện Bourbon liên tiếp diễn ra những cuộc biểu tình của Đảng Xã hội do Auguste Blanqui đứng đầu. Họ đến để la ó Ferry, kẻ thù của Công xã; rồi đến những cuộc biểu tình của Hội ái quốc, một nhóm nhỏ cực hữu, để thể hiện lòng hận thù đối với nhân vật Cộng hòa, đối thủ của Boulanger. Chính viên Tướng này cũng muốn lợi dụng tình trạng lộn xộn lúc đó và trong một lần đi qua Paris, ông đã có những cuộc tiếp xúc có ích trong bối cảnh tình hình tiến triển thuận lợi.

Đêm ngày 2 rạng ngày 3/12, tức là ngay sau khi Jules Grévy từ chức, là một đêm đầy biến động: biểu tình diễn ra khắp nơi; có tin đồn rằng những người theo Blanqui chuẩn bị khởi nghĩa và một chế độ Công xã mới sẽ được thiết lập nếu Ferry thắng cử. Đảng Cộng hòa lo lắng, không dám dồn phiếu cho Ferry. Ở vòng bầu cử đầu tiên, Quốc hội họp ở Versailles sáng ngày 3/12 đã phân chia số phiếu cho ba người: Ferry, Freycinet , người được coi là ứng cử viên của Đảng Cấp tiến và của phái Boulanger, và ứng cử viên ôn hòa Sadi Carnot. Sau khi vòng bầu cử thứ hai cũng cho kết quả tương tự, Clemenceau cảm nhận được mối nguy hiểm và hoài nghi về một Tổng thống là nhân vật quá nổi bật. Ông đã tìm ra cách loại bỏ Ferry mà vẫn tránh được nguy cơ bỏ trống chức Tổng thống, một tình huống đáng sợ đối với nước Pháp, bằng cách kêu gọi một cách giễu cợt: “Hãy bỏ phiếu cho Carnot, ông ta không có năng lực lắm, nhưng mang dòng máu Cộng hòa”.

Lời kêu gọi này đã có tác dụng, vì ở khía cạnh nào đó là đúng đắn. Nếu tóm tắt lời nói, hoặc ít nhất là suy nghĩ của Clemenceau, thì câu đó trở thành: “Hãy bỏ phiếu cho người kém nhất!”. Bằng cách đó, Ferry và Freycinet thôi ứng cử, và Sadi Carnot trở thành Tổng thống Cộng hòa Pháp với 616 phiếu so với 184 phiếu của viên tư lệnh quân khu Paris, người không phải là ứng cử viên. Giờ đây người ta muốn biết về ứng cử viên mà mình vừa bầu.

“Liệu đây có phải là một nhà thơ Ba Tư không?”

Theo dư luận thì đó là câu hỏi mà người Pháp tự đặt ra cho mình khi nghe tên của Tổng thống mới. Trên thực tế, mặc dù không nổi tiếng lắm, nhưng Sadi Carnot cũng không đến nổi mờ nhạt như đối thủ của ông vẫn nghĩ. Như Clemenceau đã nói, ông mang dòng máu Cộng hòa: ông là cháu nội của Lazare Carnot, “Nhà tổ chức Chiến thắng” thời Cách mạng Pháp. Năm 1848, bố ông, Hippolyte Carnot, đã từng là thành viên Chính phủ lâm thời và được các Nghị sĩ nhiệt tình ủng hộ sau khi thắng cử.

Sadi Carnot tốt nghiệp Trường Đại học Bách khoa, được Chính phủ Vê quốc chỉ định làm tỉnh trưởng Havre. Sau cuộc đình chiến, ông bắt đầu sự nghiệp chính trị của mình. Là một người Cộng hòa hoàn hảo, nhưng theo Clemenceau, ông cũng là một kẻ phản động không kém phần hoàn hảo. Ông đã giữ các vị trí Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ Công chính và tỏ ra rất có năng lực, trong khi những nhân vật nổi tiếng lúc đó đang chia nhau các chức Bộ trưởng các bộ mang tính chất “chính trị”. Ông tỏ ra thanh liêm và Quốc hội rất hài lòng ghi nhận rằng ông đã biết chống lại sức ép của Wilson. Tính trung thực này là một yếu tố không thể bỏ qua, nhưng chắc chắn là không đủ che lấp việc ông không nổi tiếng. Thông qua ví dụ của Jules Grévy, lãnh đạo của Đảng Cộng hòa đã chỉ ra mọi bất lợi khi một nhân vật nổi bật lên làm Tổng thống: do muốn điều khiển nền chính trị của đất nước, nhân vật này sẽ loại bỏ những người lãnh đạo được cho là cạnh tranh với mình và lựa chọn những người kém hơn hoặc dễ sai khiến. Lời đáp lại (và một người như Clemenceau phân biệt điều đó rất nhanh) là nên bầu vào chức Tổng thống một nhân vật ở hàng thứ hai, và như vậy chắc chắn là ám chỉ Sadi Carnot.

“Chỉ cần đi ăn tối ở tiệm mà không ăn trộm bát đĩa mang về là có thể ra ứng cử Tổng thống được hay sao?” Một tờ báo Thiên chúa giáo phản đối nền Cộng hòa đã đưa ra câu hỏi này sau khi Carnot đắc cử. Câu hỏi này tương đối tiêu biểu cho cách mà dư luận chào đón Tổng thống mới. Trung thực, quyết tâm tôn trọng nội dung và tinh thần của Hiến pháp, nhưng khi nền Cộng hòa bị khủng hoảng, Carnot vẫn phải thực hiện trọng trách của mình một cách nghiêm túc, điều mà nền Cộng hòa rất cần trong những năm đó.

Carnot chống lại Boulanger

Thực ra, Carnot được bầu vào lúc cuộc khủng hoảng Boulanger đã lên đến đỉnh điểm. Khi Tướng Boulanger phải nghỉ hưu vào tháng 3/1888, những người không đồng tình (Đảng Cấp tiến, đảng dân tộc chủ nghĩa, phái Quân chủ, phái Bonaparte) vốn ủng hộ ông ta từ lâu, lấy ông ta làm người dẫn đầu chiến dịch chống Đảng Cộng hòa. Bằng cách kết tội những người Cộng hòa tham nhũng, họ đưa Boulanger ra ứng cử ở bất cứ nơi nào có chỗ trống trong Quốc hội. Tính chất biểu quyết trực tiếp của cách làm này quá rõ ràng và người ta đã nghĩ đến một mưu toan đảo chính khi Boulanger thắng cử ở Paris ngày 27/1/1889.

Nhưng viên Tướng này vẫn còn do dự, và Đảng Cộng hòa đã trấn tĩnh lại. Khi cuộc khủng hoảng nội các xảy ra rất không đúng lúc vào đầu tháng 2/1889, Carnot nhận thấy mối nguy hiểm nên không chần chừ tháo chạy mọi việc. Ông gọi một người bạn là Tirard vào Chính phủ và cùng ông này chủ trì các cuộc thương lượng để thành lập nội các, trực tiếp can thiệp để thuyết phục những người còn lưỡng lự rằng nền Cộng hòa cần sự giúp đỡ của họ. Ông đã chọn đúng thời cơ để làm việc cần phải làm: chấp nhận Constans, một người rất khôn khéo, làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Constans nổi tiếng xấu về đạo đức, nhưng với năng lực và đầu óc mưu mẹo của mình, ông ta trở thành người duy nhất có khả năng xóa bỏ nền Cộng hòa của Boulanger. Trên thực tế, Constans đã thành công khi làm cho Boulanger tưởng là sắp bị bắt và do sợ phải xa cách người tình nên đã chọn cách bỏ trốn khỏi nước Pháp, vì thế phong trào do ông ta đứng đầu cũng tan rã.

Panama

Năm 1893, khi những tàn dư cuối cùng của cuộc khủng hoảng Boulanger vừa mới được xóa bỏ thì một vụ tai tiếng lại bao trùm bóng đen lên nền Cộng hòa. Tờ báo Tiếng nói tự do (La libre

parole) do Drumont theo chủ nghĩa bài Do Thái làm giám đốc, tiết lộ rằng giới tài phiệt đã mua phiếu của một số Nghị sĩ để thông qua bộ luật cho phép vay mượn theo lỗ, nhằm cứu một công ty thương mại đang gặp khó khăn, đó là Công ty Kênh đào Panama do Ferdinand de Lesseps thành lập. Việc Công ty này bị phá sản chứng tỏ rằng một số nghị sĩ, Thượng Nghị sĩ, Giám đốc một số tờ báo đã nhận hối lộ từ công ty. Đây là một vụ tai tiếng lớn, liên quan tới 104 Nghị sĩ, trong đó có những thủ lĩnh của phe Cộng hòa chiếm đa số trong Quốc hội. Một làn sóng chống chế độ đại nghị xảy ra dồn dập trong cả nước.

Nhưng nếu như chế độ lại một lần nữa bị lung lay vì một vụ tai tiếng thì lần này ít nhất là người đứng đầu không bị kết tội: Carnot đã giúp nền Cộng hòa tránh được một vụ kiểu Wilson và vào năm 1893, không một ai nghĩ đến chuyện nghi ngờ Tổng thống. Trong những ngày đen tối này, tính cách trung thực của ông là một thế mạnh của nền Cộng hòa. Nếu như dưới thời Tổng thống Carnot, nước Pháp Cộng hòa phải trải qua những thử thách ghê gớm, thì về mặt ngoại giao, nước Pháp lại giành được thắng lợi to lớn, trong đó không thể không nhắc đến vai trò của Tổng thống.

Liên minh Pháp-Nga

Từ khi thua trận năm 1870, nước Pháp bị cô lập hoàn toàn về ngoại giao. Sự cảnh giác của Bismarck đã làm cho Pháp không có đồng minh, còn các cuộc viễn chinh thuộc địa do Quan chưởng ấn khởi xướng đã khiến Pháp bị cô lập khỏi những nước mà nó có thể dựa vào. Việc Pháp chiếm Tunisie đã gây ra làn sóng phản đối Pháp ở Italia, và nước này đã liên kết với Đức và Áo để tạo thành Liên minh ba nước. Sự cạnh tranh giữa Pháp và Anh ở Ai Cập làm cho Anh có thái độ thù địch với Pháp; cuối cùng, nước Nga cũng liên kết với Đức bằng một loạt hiệp ước với mục đích hướng nước Nga khỏi liên minh với Pháp, một liên minh có thể dẫn đến kết quả bao vây Đế chế Đức.

Bismarck từ chức năm 1890 đồng nghĩa với việc từ bỏ chính sách cô lập nước Pháp, một chính sách khôn khéo nhưng khó thực hiện. Hoàng đế Guillaume II từ chối ký tiếp các hiệp định Đức-Nga. Do lo sợ bị cô lập, nước Nga nghĩ tới những liên minh khác để thay thế. Carnot đã nhìn ra cơ hội trong tình thế đó để đưa nước Pháp thoát ra khỏi thế bị cô lập, vì vậy ông đứng ra làm cho Pháp và Nga xích lại gần nhau. Việc này trở nên dễ dàng hơn khi Pháp cho phép bán trái phiếu Nga cho người Pháp. Từ đó, Carnot lựa chọn các Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và chỉ định các Bộ trưởng Bộ Ngoại giao thực hiện liên minh với Nga. Carnot hẳn rất hài lòng vì liên minh mà ông mong muốn dần dần được hình thành: Hạm đội Pháp được mời đến Cronstadt năm 1891 và Hạm đội Nga được mời đến Pháp năm 1893. Năm 1892, một Thỏa ước quân sự Pháp-Nga, bộ phận chính của liên minh tương lai, đã được ký kết. Chính Carnot cũng đóng góp bằng cách tiếp đón rất long trọng ở Điện Élysée Đô đốc Avellan, Đô đốc hạm đội Nga, vào tháng 10/1893. Tháng 3 năm 1894, hai quốc gia này đã phê chuẩn hiệp ước liên minh. Tổng thống Pháp đã có thể tự chúc mừng mình: chính sách mà Bismarck bền bỉ theo đuổi trong suốt 20 năm đã thất bại và giờ đây nước Pháp đã thoát ra khỏi thế bị cô lập.

Ba tháng sau, Tổng thống mất.

Ngày 24/6/1894, Tổng thống mẫu mực bị sát hại

Trong những năm 1890, ở Pháp diễn ra một làn sóng mưu sát của phái vô chính phủ. Với quyết tâm phá hoại xã hội tư sản, chúng thực hiện “tuyên truyền bằng hành động” và gia tăng các hoạt động gây ấn tượng mạnh. Ravachol đã đặt bom trong các tiệm ăn. Tháng 12/1893, Vaillant ném bom vào phòng bán nguyệt của Hạ nghị viện nhưng không gây thương vong. Toà án phản ứng mạnh mẽ và đã kết án tử hình nhiều tên vô chính phủ. Carnot cho rằng đây là những kẻ không thể tu tỉnh được nữa nên từ chối ân xá cho chúng, cụ thể là ông đã không ân xá cho Vaillant. Ngày 24/6/1894, Tổng thống đang trên đường tới Lyon để khai mạc một cuộc triển lãm thì bị một người lao nhanh vào ô tô rồi dùng dao đâm. Kẻ ám sát là một tên vô chính phủ người Italia tên là Caserio, hẳn muốn trả thù cho Vaillant. Sadi Carnot qua đời đêm hôm

đó sau nhiều giờ hấp hối.

Ông để lại hình ảnh một Tổng thống chu đáo, có ảnh hưởng thực sự đến chính sách của nhà nước Pháp, tuy ảnh hưởng đó không phải lúc nào cũng mang tính quyết định, và được yêu mến nhờ những đức tính tốt chứ không phải nhờ vai trò thực tế của ông. Là một nhân vật đại diện hơn là lãnh tụ chính trị, hiện thân của nhà nước hơn là người đứng đầu nhà nước, Carnot là vị Tổng thống mẫu mực trong lòng những người Cộng hòa.



JEAN PAUL PIERRE CASIMIR-PÉRIER
(8/11/1847 - 11/3/1907)

- 6 - CASIMIR-PÉRIER KHÔNG THỂ CHUNG SỐNG

(25 tháng 6 năm 1894 - 15 tháng 1 năm 1895)

Đa số Nghị sĩ muốn bầu một người giống Sadi Carnot. Có thể do vô tình, họ đã lựa chọn một người mà những động thái chính trị gần đây vừa mới đưa lên hàng đầu của tình hình thời sự: đó là Jean Casimir-Périer. Ngày 26/6/1894, thông qua một cuộc bỏ phiếu không mấy nhiệt tình, Quốc hội bầu ông làm Tổng thống 6 tháng sau, ông từ chức. Nhiệm kỳ ngắn ngủi này cho thấy những hạn chế của chức Tổng thống khi người giữ cương vị đó không khéo léo, đồng thời cũng chỉ ra khoảng cách giữa những đòi hỏi của các Nghị sĩ và sự mong đợi của dư luận.

Casimir vùng Anzin, “người bốn mươi triệu”

Hiếm khi một Tổng thống lại gặp nhiều sự thù địch ngay từ khi mới đắc cử như trường hợp của Casimir-Périer. Được bầu ngay sau vụ ám sát do phái vô chính phủ thực hiện, sự kiện cho thấy mức độ lộn xộn của nước Pháp, ông được chọn vì nổi tiếng là người của trật tự và quyền lực. Sự nổi tiếng này không phải là vô căn cứ: Năm 1893, khi còn là Chủ tịch Hội đồng, ông đã cho bỏ phiếu thông qua “đạo luật bãi ổi” chống lại những kẻ vô chính phủ. Bằng những từ ngữ không rõ ràng, đạo luật này cho phép truy tố cả Đảng Xã hội đối lập, bởi vì thực tế mục đích của Đảng này là lật đổ xã hội đang tồn tại. Ngay cả vẻ bề ngoài của ông (các họa sĩ biếm họa thường vẽ ông dưới hình dạng chó bundoc) cũng thể hiện tính cách của một “người của quyền lực”.

Một yếu tố khác chắc chắn cũng đóng vai trò quan trọng: Casimir-Périer tỏ ra không tham danh vọng. Ông có vẻ trốn tránh trách nhiệm, thích thú với vai trò danh dự là Chủ tịch Hạ nghị viện và chỉ chấp nhận một cách miễn cưỡng chức Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng năm 1893. Đảng Cộng hòa cho rằng với ông, sẽ không sợ quyền lực cá nhân. Nếu như tiếng tăm là người của quyền lực làm cho ông không được lòng dư luận lắm thì gia đình và tài sản lại là thế mạnh của ông. Ông nội của Casimir làm Bộ trưởng dưới thời vua Louis-Philippe và nổi tiếng tàn nhẫn khi đàn áp các cuộc biểu tình của quần chúng, đồng thời rất khéo quản lý tài sản của riêng mình. Bố của Casimir làm Bộ trưởng dưới thời Tổng thống Thiers. Ông đến với nền Cộng hòa cùng với phái ủng hộ dòng họ Orléans và tán thành trật tự của những người chiến thắng ở Công xã.

Là người con xứng đáng của một gia đình tư sản giàu có và có uy quyền, Jean Casimir-Périer là một trong những mục tiêu được chú ý nhất của Đảng Xã hội đối lập khi tố cáo sự thông đồng giữa giới kinh doanh và giới quan chức lãnh đạo nhà nước. Đối với họ, ông là “Casimir vùng Anzin”, cổ đông chính của các mỏ ở Anzin, “người bốn mươi triệu” đã làm giàu trên mồ hôi của thợ mỏ, bóc lột họ và đàn áp khi họ dám đòi hỏi. Báo chí chỉ trích dữ dội nhân vật tượng trưng khó chịu này. Nhiều vụ kiện tụng để “lãng nhục Tổng thống” liên tục diễn ra, làm cho uy tín của Casimir-Périer ngày càng giảm sút và tạo cơ hội cho luật sư của các bị cáo kết tội Tổng thống và đảng phái của ông. Khi đứng ra bảo vệ nhà báo Gérault-Richard (người sau đó được cử tri Paris bầu làm Nghị sĩ), Jaurès đã so sánh Điện Élysée dưới thời Casimir-Périer với “một nhà băng cho vay nặng lãi mờ ám, nơi danh dự của nước Cộng hòa Pháp đang hấp hối”.

Ngoài việc bị báo chí công kích mạnh mẽ, Casimir-Périer còn rất bức tức khi các Bộ trưởng cố tình không cho ông biết những biện pháp quan trọng mà họ thực hiện. Nguyên nhân là do ông không thể dựa vào một vị thế chính trị vững chắc như Grévy và cũng không có được uy tín đạo đức như Sadi Carnot. Mặt khác, vì không được lòng dân nên ông không thể phản ứng chống lại tình thế này. Casimir-Périer là Tổng thống đầu tiên bị tách một cách có hệ thống khỏi việc soạn thảo chính sách đối ngoại của Pháp. Đây là một sự đổi mới nguy hiểm trong quá trình tước bỏ dần dần những quyền mà Hiến pháp đã trao cho Tổng thống để chuyển cho các Bộ trưởng có trách nhiệm. Casimir-Périer nhanh chóng hối tiếc vì đã chấp nhận chức Tổng thống

- cương vị này chỉ đem lại cho ông những thất vọng mà thôi. Ông cho là mình sẽ bị ám sát và không đủ sức tiếp tục chịu trách nhiệm tinh thần về một chính sách mà ông không tham gia soạn thảo. Ông quyết tâm từ chức ngay khi có cơ.

Casimir-Périer từ chức: do tính cách hơn là do tình thế bất lực của chức Tổng thống

Tháng 1/1895, trong một cuộc khủng hoảng nội các, Casimir-Périer đột ngột tuyên bố từ chức và gửi đến hai Viện một bức thư nói về nỗi oán giận đối với những nhà báo đã chỉ trích ông, đối với Đảng Xã hội đối lập, cũng như tình trạng bất lực của Tổng thống. “*Do bị tước bỏ mọi phương tiện hành động và kiểm soát, Tổng thống chỉ còn biết lấy sức mạnh tinh thần từ lòng tin của dân tộc, nếu không có sức mạnh đó, Tổng thống không là gì cả. Tôi không nghi ngờ gì về lương tri và sự công bằng của nước Pháp, nhưng người ta đã làm cho dư luận bị lầm lạc... Từ 6 tháng nay diễn ra một chiến dịch vu khống và bôi xấu quân đội, toà án, người đứng đầu nhà nước không quyền hành và quyền tự do gây hận thù trong xã hội đó vẫn tiếp tục được gọi là quyền tự do suy nghĩ. Lòng tôn trọng và mong muốn của tôi đối với đất nước không cho phép tôi chấp nhận rằng người ta có thể lãng mạ những đầy tớ tốt nhất của Tổ quốc và người đại diện cho đất nước trong con mắt người nước ngoài. Tôi không cam chịu so sánh trọng lượng của trách nhiệm tinh thần đang đè nặng lên tôi với tình thế bất lực mà tôi bị dồn vào*”. Cả nước đón nhận tin Casimir-Périer từ chức với thái độ dửng dưng, còn hai Viện thì đánh giá khắt khe sự việc này. Không phải hoàn toàn vô lý khi người ta nhận xét rằng Casimir-Périer đã biết tất cả những hạn chế của chức Tổng thống từ ngày ông được chỉ định. Người ta cũng sẵn sàng so sánh thái độ của Casimir-Périer với thái độ của Sadi Carnot, người đã thực hiện hoàn hảo nhiệm vụ bằng ảnh hưởng tinh thần của mình.

Khi Casimir-Périer từ chức, người ta kết án tình trạng của chức Tổng thống ít hơn kết án tính cách của Tổng thống. Việc từ chức cho thấy rằng Tổng thống không thể đóng vai trò tinh thần mà phải đóng vai trò chủ chốt, Tổng thống phải là người có tính cách, đủ khả năng bỏ qua những sở thích cá nhân, thậm chí cả lòng tự ái để thực hiện các nhiệm vụ của mình vì lợi ích quốc gia và mặc dù có quyền hành, nhưng vẫn nhận lỗi về mình và dành vinh quang cho người khác. Như vậy, Casimir-Périer hoàn toàn không đủ năng lực và việc từ chức là phù hợp với tính cách của ông.



FRANÇOIS FELIX FAURE
(30/1/1841 – 16/2/1899)

- 7 -FE'LIX FAURE, "TỔNG THỐNG MẶT TRỜI"

(15 tháng 1 năm 1895 - 16 tháng 2 năm 1899)

6 tháng sau khi bầu Casimir-Périer làm Tổng thống năm 1894, Quốc hội của cánh hữu lại phải tìm người kế nhiệm. Phe cấp tiến tiếp tục diêm nhiên giới thiệu một ứng cử viên rất ít khả năng trúng cử là Henri Brisson, người đã thua trước Sadi Carnot và Casimir-Périer, vì thế ghế Tổng thống chỉ có thể thuộc về một người ôn hòa có những đảm bảo đối với phe đa số mà lại không gây thù hận như Casimir-Périer. Sự lựa chọn tương đối hẹp vì chỉ có hai ứng cử viên ôn hòa: Waldeck-Rousseau, luật sư vùng Nanté với tính cách lạnh lùng, khô khan, được coi là một chính khách thực sự, và Félix Faure, một doanh nhân ở Havre, dễ mến hơn, nhưng không phải là chính trị gia hàng đầu.

Cuối cùng, Félix Faure có lợi thế hơn khi dự luận cho rằng ông sẽ là một Tổng thống mềm dẻo hơn Waldeck-Rousseau. Trong sự lựa chọn này, có lẽ còn phải nhắc đến vai trò của các đại biểu Thiên chúa giáo ủng hộ nền Cộng hòa, yếu tố quan trọng của phe đa số. Họ không muốn một người theo đạo Tin lành như Waldeck-Rousseau lên làm Tổng thống. Tổng thống mới không được biết đến nhiều vì chưa bao giờ giữ một chức vụ chủ chốt. Là con trai của một thợ thủ công ở Paris, Félix Faure thành công trong kinh doanh và trở thành chủ của một cửa hiệu rất phát đạt ở Havre. Tuy nhiên, khác với Casimir-Périer, ông không được thừa hưởng tài sản từ gia đình mà tự làm ra và giống như Grévy trước đây, ông được cho là mẫu người tiêu biểu của giới tư sản Pháp thế kỷ XIX, coi sự thành đạt trong xã hội là một tiêu chí giá trị tinh thần.

Mặt khác, Félix Faure rất giỏi mị dân. Trong các bài phát biểu của mình, ông ta không bỏ qua một cơ hội nào để nhắc đến gốc gác tầm thường của mình và tuyên bố rất tự hào về nó. Đối với người nghe, chức Tổng thống như là phần thưởng to lớn nhất cho đức tính cần cù lao động, tiết kiệm, nghiêm túc mà sách đạo đức dành cho trẻ em trong nhà trường thường nói đến.

Xa hoa và nghi thức: người kế vị những vị quân vương của Chế độ cũ

Vị trí của Félix Faure trong giới tư sản Havre làm cho ông liên tục có mặt trong các nhiệm kỳ của Quốc hội. Là người đại diện cho phái ôn hòa, ông chưa bao giờ thực sự tỏ rõ quan điểm đối với những vấn đề chính trị lớn nhưng đã thực hiện một cách xuất sắc nhưng hầu như không được ai biết đến các cương vị danh dự không quan trọng: Phó Chủ tịch Hạ viện, Phó Quốc vụ khanh phụ trách Hàng hải, cuối cùng là Bộ trưởng Bộ Thuộc địa. Trước khi từ chức, Casimir-Périer đã nói ý định của mình với Félix Faure và được Félix Faure nhiệt tình ủng hộ với lý do là những quan niệm của Casimir-Périer không thích hợp với thực tế cương vị của ông. Người ta cho rằng nhân vật mang tính trang trí và không hề nổi bật về chính trị này có thể được coi là xứng đáng trở thành người đứng đầu nhà nước. Không còn nghi ngờ gì nữa, quan niệm của Félix Faure có thể thích hợp với cái gọi là chức Tổng thống, bởi vì sau khi khuyên Casimir-Périer từ chức, ông ta vội vã đồng ý kế nhiệm.

Nếu như tất cả các Tổng thống liên tiếp kế nhiệm nhau ở Điện Élysée, kể từ Thiers, đều ít nhiều xem xét khía cạnh chính trị của hành động của mình và cho dù vui vẻ hay không, đều cố gắng sử dụng hành lang mà Hiến pháp đã dành cho họ trong lĩnh vực này, thì ngược lại Félix Faure lại chú trọng đến khía cạnh biểu thị của chức vụ của mình. Trước hết, ông là Tổng thống của những nghi lễ trang trọng quốc gia. Đúng là các cuộc khủng hoảng nội các buộc ông phải đưa ra những lựa chọn chính trị, nhưng ông thể hiện chúng ở mức thấp nhất. Vốn là người ôn hòa, ông tìm cách để giữ bạn bè của mình ở chính quyền, điều này tương đối dễ dàng do có đa số ở các đại hội đồng. Nếu như ông nhiều lần kêu gọi các Chủ tịch Hội đồng thuộc Đảng Cấp tiến thì mục đích luôn luôn là để chứng tỏ họ không có khả năng điều hành. Nhưng Félix Faure không lựa chọn người đứng đầu chính phủ mà đề nghị lãnh đạo của các nhóm chính trị chủ yếu lựa

chọn hộ ông. Các cuộc khủng hoảng đã được giải quyết sau nhiều cuộc tham vấn rộng rãi mà kết quả là bãi bỏ quyền lựa chọn người đứng đầu chính phủ của Tổng thống. Đây là một giai đoạn mới trong việc giảm quyền của Tổng thống, vấn đề này được một Tổng thống quan tâm tới hình thức nhiều hơn tới quyền hành thực tế chấp nhận. Tuy nhiên, sau khi đã giải quyết được các cuộc khủng hoảng, Faure để cho Chủ tịch Hội đồng toàn quyền lãnh đạo công việc nhà nước.

Vai trò thực tế của ông trong chính sách đối ngoại cũng bị giảm sút. Mặc dù phản đối liên minh Pháp-Nga ngay từ khi ký kết nhưng ông lại ủng hộ liên minh này khi hiểu rằng nó được lòng dư luận, tuy ông không để lại dấu ấn ở đây như Sadi Carnot. Trong mọi lĩnh vực, Félix Faure giao cho các Chủ tịch Hội đồng lãnh đạo nước Pháp. Nổi tiếng và tiêu biểu nhất là Méline, người đã vạch ra chính sách theo đúng ý của Félix Faure. Là người bảo vệ giới kinh doanh, bênh vực chủ nghĩa bảo hộ, Méline tìm cách dựa vào các thế lực bảo thủ của nước Pháp những năm cuối thế kỷ XIX để thực hiện chính sách này. Nhưng muốn chinh phục được hai trong số những lực lượng đó là Giáo hội và Quân đội thì cần phải bãi bỏ chính sách chống lại quyền lực của Giáo hội, yếu tố gắn kết những người theo Đảng Cộng hòa vào thời kỳ đầu của chế độ. Méline không hề do dự: để hòa giải với các tín đồ Thiên chúa giáo chấp nhận ủng hộ nền Cộng hòa, do Albert de Mun đứng đầu, ông khuyến khích làm dịu những cuộc tranh luận về tôn giáo, với sự đồng ý của Félix Faure. Và thế là Tổng thống rất hài lòng khi thấy trong chính thể Cộng hòa liên minh của tất cả những người theo Đảng Bảo thủ quan tâm đến việc phát triển đất nước.

Nếu những người khác lãnh đạo thì Félix Faure lại là người rất có tư thế và về mặt này ông không cho phép bất kỳ ai che lấp mình. Félix Faure điển trai, rất chăm chút hình thức, trang phục, qui định nghi thức trong các buổi lễ ở Điện Elysée (người phụ trách lễ tân trở thành nhân vật thân cận của Tổng thống), thích thú với các nghi lễ.

Đối với những người đương thời, ông là “Tổng thống - Mặt trời”, bản thân ông cũng nghĩ mình là người kế nhiệm các Nhà vua Pháp. Liệu ông có dựa vào thông lệ của triều đình Pháp hay không khi giải thích với một Công chúa Nga rằng Tổng thống được phục vụ đầu tiên trong các bữa tiệc ở Elysée là bình thường? Nếu những chuyện này làm người ta buồn cười thì Félix Faure lại biện hộ rằng đó không phải là lòng tự kiêu cá nhân mà là mong muốn thể hiện đất nước một cách xứng đáng. Một vài khía cạnh khác của nhân vật này kém thiện cảm hơn: khi vừa mới đắc cử, ông đã yêu cầu bạn bè không được xưng hô thân mật nữa; nhưng sự thật là đã có một người trong số họ đã nhân dịp này tự cho phép mình ăn nói suông sã lần cuối cùng để cho Tổng thống biết ý kiến của mình đối với thái độ mới của Tổng thống. Trong suốt 4 năm, người dân Pháp thấy Félix Faure trong các cuộc diễu binh, các buổi lễ, các chuyến đi. Chuyến thăm nước Pháp của Sa hoàng Nicolai II và vợ là dịp để phô trương sự xa hoa đặc biệt. Năm tiếp theo, Félix Faure đến thăm Sa hoàng trên một chiếc tuần dương hạm treo cờ riêng của ông, được trang bị một tủ quần áo sang trọng và bằng lòng nhân từ giả tạo pha lẫn sự giản dị hạ cố, ông đã gây được ấn tượng mạnh cho phía chủ nhà. Nói tóm lại, người Pháp thường giễu cợt Tổng thống mà không có ác ý, nhưng rõ ràng là Tổng thống rất được lòng dân. Tuy nhiên, vụ Dreyfus và vai trò của Félix Faure trong vụ việc đó đã làm giảm đáng kể uy tín của ông.

Tổng thống và vụ Dreyfus

Vụ Dreyfus, đối với dân chúng Pháp vào cuối thế kỷ XIX sẽ là một sự vụ không hơn không kém, ban đầu chỉ là một sai lầm bình thường trong xét xử. Năm 1894, một hoạt động gián điệp bị phát hiện và người ta nghi ngờ Đại uý người Do Thái tên là Alfred Dreyfus. Ngay khi biết được mối nghi ngờ này, nhà báo bài Do Thái Edouard Drumont lập tức bắt đầu một chiến dịch báo chí ác liệt nhằm kết tội “tên Do Thái”. Khía cạnh chính trị của vụ việc đã bị lợi dụng dẫn đến việc Dreyfus bị đưa ra xét xử và bị kết án tù khổ sai. Lúc đó, ngoài một vài người thân và bạn bè, ai cũng nghĩ là Dreyfus có tội. Nhưng hành động của Mathieu Dreyfus, anh của Alfred Dreyfus, dần dần làm cho một số người có trách nhiệm phải suy nghĩ lại về một vài cơ sở của vụ việc. Năm 1895, Trung tá Picquart, người phụ trách mới của Cơ quan tình báo thuộc Bộ Tham mưu, lật lại hồ sơ và tìm thấy bằng chứng về nguyên nhân hành động của Dreyfus. Ông

tin rằng kẻ có tội thực sự không phải là Dreyfus mà là Esterhazy, một sĩ quan gốc Hungary, người thường xuyên liên hệ với Đại sứ quán Đức. Từ đó, giới sĩ quan biết được những khuôn khổ mới của vụ việc, nhưng niềm tin chính trị vững chắc của phần lớn sĩ quan và những nhân vật hành chính và chính trị cao cấp làm cho họ vẫn nghĩ kẻ có tội phải là người Do Thái.

Thế là một sự thông đồng im lặng thực sự được dựng lên quanh vụ Dreyfus. Picquart bị chê trách; Bộ trưởng Méline vin vào có vụ việc đã được xét xử để từ chối xem xét lại trường hợp của Dreyfus: uy tín của quân đội, danh dự của toà án trở thành ngôn từ chủ yếu của phái “chống Dreyfus”; Nhân danh lợi ích quốc gia, họ muốn giữ một người vô tội trong nhà tù khổ sai. Phái chống Dreyfus sau đó hầu như đồng tình với phái Bảo thủ đang nắm quyền ở Pháp: các tín đồ Thiên chúa giáo ủng hộ hoặc không ủng hộ nền Cộng hòa đứng ở hàng đầu giữa họ và tờ La Croix (Thập tự), báo của Giáo đoàn Đức Mẹ đồng trinh qui thiên, tổ chức một chiến dịch chống lại Dreyfus và những người bảo vệ anh ta; Bên cạnh đó, Đảng Dân tộc chủ nghĩa thuộc Hội ái quốc, những người không bao giờ hài lòng như Rochefort, phái Bảo hoàng đối địch với nền Cộng hòa, sát cánh với đảng Cộng hòa ôn hòa như Méline, người coi việc bảo vệ trật tự xã hội là trên hết. Người ta nhanh chóng nhận ra rằng Félix Faure có thiện cảm với phái chống Dreyfus. Khi Thượng nghị sĩ vùng Alsace Scheurer-Kestner đến để thuyết phục Tổng thống xem xét lại vụ án, Tổng thống đã trả lời tránh né: “Tính trung lập của tôi là tính trung lập của luật pháp”.

Trung lập giữa công bằng và phủ nhận công bằng! Nhưng liệu có phải Tổng thống không được tự do lựa chọn? Ít nhất thì phe bảo vệ Dreyfus cũng nói bóng gió như vậy. Trên thực tế, xung quanh Félix Faure bao phủ một bóng đen của một vụ bê bối. Năm 1895, Drumont phát hiện ra rằng bố vợ của Tổng thống, vốn là một công chứng viên, đã bị kết tội biển thủ và phải trốn chạy để tránh bị tù khổ sai. Sau đó, Drumont nói có những bí mật khác bị phát hiện nhưng lại không bao giờ tiết lộ chúng; Từ đó, người ta có thể nghĩ rằng Drumont đã đe dọa Tổng thống và đổi lại sự im lặng của ông ta, Tổng thống sẽ phản đối việc xem xét lại vụ án Dreyfus. Chỉ có Jean Jaurès vượt qua được một bước trong bài đăng trên báo Petite République (Nền Cộng hòa nhỏ): “*Tổng thống hãy cẩn thận! Nếu nước Pháp vì tôn trọng bản thân mà quên đi một vài cuộc phiêu lưu của những người thân cận của Tổng thống thì nước Pháp cũng có quyền yêu cầu chính Tổng thống quên chúng đi. Nước Pháp đã sẵn sàng, nếu để chống lại Tổng thống, những kẻ đe dọa muốn đào một số tử thi lên để cùng chôn vào một hố cùng những chuyện buồn này và những người khuấy động chúng. Nhưng nước Pháp muốn Tổng thống không vì sợ mà dính líu vào những việc đã qua, những việc mà chính nước Pháp đã giải thoát cho Tổng thống bằng lựa chọn của mình*”.

Dù sao thì có một việc đã quá rõ ràng: vụ Dreyfus có động chạm đến Félix Faure. Ngày 14/1/1898, trên tờ Aurore (Rạng đông) của Clemenceau, Émile Zola đã gửi một bức thư ngỏ tới Tổng thống dưới nhan đề: “Tôi buộc tội...!” trong đó ông lên án tất cả những người, bằng mưu mô hoặc im lặng, đã cho phép kết án một người vô tội và giữ người đó lại trong tù vì lo lắng đến lợi ích quốc gia. Các Bộ trưởng, các sĩ quan, các thẩm phán quân sự đều bị Émile Zola kết án, và bản thân Tổng thống, người đã không làm gì để ngăn chặn mưu đồ đó, cũng bị liên lụy vì vụ bê bối đó một cách gián tiếp (nhưng bằng lời lẽ rất kính trọng). Zola bị truy tố, nhưng tiếng đồn về sai lầm trong xét xử được chấp nhận một cách có cân nhắc và bắt đầu len lỏi từ giới sĩ quan ra dư luận rộng rãi và uy tín của Félix Faure bắt đầu giảm sút trong công chúng. Một cái chết đột ngột nhưng không tể nhị lắm đã giúp ông tránh mất thanh danh hơn nữa khi ở phe chống Dreyfus, nhưng cũng bộc lộ tính phóng đảng của người luôn muốn tỏ ra là một Tổng thống có uy tín và được tôn trọng.

Cuộc hẹn cuối cùng với bà Stenheil

Là một người điển trai, Félix Faure không ngần ngại tán dương những cuộc chinh phục của mình, còn những người thân cận thì độ lượng chấp nhận những cách cư xử khác biệt của Tổng thống. “Phòng bạc” của Điện Élysée là nơi thường diễn ra những cuộc hẹn hò tình cảm của Tổng thống. Ngày 16/2/1899, tại đây Félix Faure hẹn gặp bà Stenheil, vợ một họa sĩ hạng

xoàng. Lúc đó, Tổng thống đang bị kích động, ông vừa mới tiếp Hoàng thân Monaco. Vừa từ Đức trở về, Hoàng thân đến để khẳng định rằng đích thân Hoàng đế đã nói cho ông biết bằng chứng Dreyfus vô tội và Esterhazy mới là kẻ có tội. Quá bức tức, Tổng thống đã tiếp đón Hoàng thân rất tồi và ông vẫn còn bị sốc vì cái tin không mấy dễ chịu này.

Vào khoảng 6 giờ chiều, Chánh văn phòng Tổng thống và các sĩ quan phục vụ nghe thấy tiếng phụ nữ kêu thất thanh. Họ vội chạy vào Phòng bạc và thấy Tổng thống đang bất động do bị xuất huyết não. Sau 3 giờ hấp hối và không hề tỉnh lại, Félix Faure qua đời. Cái chết của ông làm cho người ta kinh ngạc nhiều hơn thương tiếc. Hoàn cảnh chết của Tổng thống không được công bố nên sự kiện này bị khai thác về mặt chính trị. Drumont, người phát ngôn của phái chống Dreyfus, buộc tội người Do Thái đã gây ra cái chết của Tổng thống, vì Tổng thống phản đối việc xem xét lại vụ án: “Dalila đã làm tay sai cho người Do Thái”. Nhanh chân hơn, thay mặt những người bảo vệ Dreyfus, Clemenceau thở phào lật sang trang mới: *“Sự việc này chỉ làm bớt đi một người ở nước Pháp... Tôi bỏ phiếu cho Loubet”*.

Bốn năm ở cương vị Tổng thống của Félix Faure đã góp phần làm thay đổi bộ mặt của chức Tổng thống ở nền Cộng hòa đệ Tam. Ông là Tổng thống đầu tiên đã tự nguyện từ bỏ vai trò chính trị để chỉ tập trung vào khía cạnh danh dự của chức vụ. Đây là một tiền lệ nguy hiểm bởi vì ông tham gia vào quá trình làm suy giảm tầm quan trọng của chức Tổng thống và đánh mất vai trò đối trọng của Tổng thống trước quyền tuyệt đối ngày càng tăng của Quốc hội: tính phô trương kiểu trẻ con của Félix Faure đã thúc đẩy quá trình suy yếu của quyền hành pháp trước quyền lập pháp.



ÉMILE FRANÇOIS LOUBET
(30/12/1838 - 20/12/1929)

- 8 - ÉMILE LOUBET, ĐỈNH CAO CỦA THỜI KÌ VÀNG SON

(16 tháng 2 năm 1899 - 18 tháng 2 năm 1906)

Một người thuộc phái bảo vệ Dreyfus đặc cử

Émile Loubet sinh năm 1838 ở Marsanne, tỉnh Drôme, trong một gia đình nông dân. Vì học luật nên ông đến với chính trị một cách tự nhiên. Dưới thời Đế chế thứ Hai, tất nhiên là ông ở phe đối lập. Chiến thắng của Đảng Cộng hòa đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp chính trị của ông. Ông thuộc giới trí thức tiểu tư sản, nơi cung cấp cho nền Cộng hòa những cán bộ khung cần thiết. Loubet đã trải qua con đường công danh cổ điển nhất; ông lần lượt là thị trưởng, Ủy viên đại hội đồng, Nghị sĩ rồi Thượng nghị sĩ. Thắng lợi chính trị đã đưa ông đến Paris, nhưng ông vẫn rất gần gũi với các nhân vật quan trọng của tỉnh thuộc giới tiểu tư sản, nơi ông bắt đầu sự nghiệp của mình.

Khác với Félix Faure chỉ nhắc đến nguồn gốc xuất thân tầm thường để tự hào về sự thăng tiến xã hội của mình, Émile Loubet tự cảm thấy là người của nhân dân và thái độ khiêm tốn của ông không bao giờ thay đổi. Đó chính là một tiêu chuẩn tuyệt vời để tiến tới cương vị tối cao: Émile Loubet nằm trong số những người mà tính cách bảo đảm cho sự cẩn trọng trong lãnh đạo chính trị sau này. Sau khi Félix Faure chết, Đảng Cộng hòa quay sang phía ông. Năm 1896, ông được bầu làm Chủ tịch Thượng viện và trở thành nhân vật thứ hai của Nhà nước. Mặc dù ông không bao giờ tỏ rõ thái độ trong vụ Dreyfus, nhưng dư luận biết rằng ông không đồng tình với Bộ tham mưu và các thẩm phán quân sự, và khác với Félix Faure, ông sẽ không cản trở việc xem xét lại bản án. Lẽ ra Loubet có thể được bầu không gặp trở ngại gì nếu như không bị bài báo bất cẩn của Clemenceau làm tổn hại trong con mắt những người chống sự xét lại.

Trên thực tế, lời giới thiệu của Clemenceau hoàn toàn không có liên quan gì: sau khi bị Paul Déroulède, người đứng đầu Hội ái quốc, buộc tội có nhúng tay vào vụ bê bối Panama mặc dù không có chứng cứ gì, Clemenceau thấy sự nghiệp chính trị của mình đã hết. Vì thế, ông hăng hái lao vào vụ Dreyfus nhằm lấy lại uy tín. Đối với rất nhiều người, Clemenceau tỏ ra là thủ lĩnh thực sự của phái bảo vệ Dreyfus và ông ta tin chắc rằng đã đưa Émile Loubet ra làm ứng cử viên của phái này, nhưng việc đó lại vô tình làm tổn hại đến một chính khách mà cho đến lúc đó chưa tỏ rõ thái độ trong vụ việc gai góc này. Lập tức Đảng Dân tộc chủ nghĩa nổi giận chống lại Chủ tịch Thượng nghị viện. Người ta lại bới móc những chuyện cũ: là Chủ tịch Hội đồng khi xảy ra vụ bê bối Panama, Loubet đã làm mọi việc để dập tắt vụ này, thậm chí người ta còn nói rằng ông không còn liêm chính sau vụ này. Để đối lại với Loubet, phái chống xét lại muốn đưa Méline ra làm ứng cử viên vì ông này tham gia nhiều hơn vào các cuộc đấu tranh chính trị, là thủ lĩnh thực sự của phái ôn hòa và kịch liệt phản đối xét lại vụ án Dreyfus. Nhưng những lời buộc tội và âm mưu này không gây được tác động đến các Nghị sĩ.

Cuộc đảo chính của Déroulède, những cú gậy của Christiani: sự khởi đầu không may mắn của một nhiệm kỳ Tổng thống

Ngay sau khi đặc cử, Émile Loubet rời Versailles đi Paris bằng xe lửa. Khi vừa tới ga Saint-Lazare, ông bị đón tiếp bằng một cuộc biểu tình của phái bảo hoàng và những lời la ó: “Panama! Từ chức”, và Tổng thống bước vào Điện Élysée với đám người biểu tình vây quanh. Ông chủ tịch Hội đồng Charles Dupuy vốn phản đối xét lại đã không hề làm gì để ngăn chặn những cuộc biểu tình mà chắc chắn là ông ta dễ dàng đoán trước được. Nhiệm kỳ Tổng thống của Émile Loubet bắt đầu trong hoàn cảnh đáng buồn. Trong khi Tổng thống ở trong Điện Élysée còn đang trấn tĩnh lại sau cuộc bầu cử và những sự kiện tiếp theo nó, thì những người biểu tình lợi dụng tình thế có lợi cho họ. Họ tụ tập quanh bức tượng Jeanne d'Arc để cổ vũ cho thủ lĩnh của mình là Déroulède. Khí thế tăng lên rất nhanh. Say sưa với chiến thắng, Déroulède

mặc sức diễn thuyết. Ngay sau đó, đám người hò hét thúc giục ông ta: “Vào Élysée! Xong vào Élysée!”

Trước mỗi nguy hiểm bị rơi vào tình trạng quá sức do cuộc nổi dậy vốn không được chuẩn bị từ trước, Déroulède tìm cách kéo dài thời gian. Viện có tôn trọng thi hài của Félix Faure nên không thể tiến vào Điện Élysée ngay được, Déroulède hứa sẽ hành động vào ngày diễn ra lễ tang của Tổng thống vừa mất: “Vâng, thưa các bạn, chúng ta có thể vào đó ngay tối nay, nhưng trong đó có một người mới chết! Tôi tôn trọng ông ấy, chính ông ấy chứ không phải kẻ vừa được Quốc hội bầu ra, đối với tôi, hẳn không phải là lãnh tụ thực sự của dân tộc. Chúng ta sẽ tổ chức bầu cử phổ thông. Hẹn thứ Năm! Một nền Cộng hòa khác muốn năm! Đả đảo nền Cộng hòa này!” Trong những ngày tiếp theo, Charles Dupuy, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, vẫn không hành động và ngang nhiên chuẩn bị âm mưu của Déroulède âm mưu này trở nên phức tạp với hành động gay gắt của phái Bảo hoàng. Không được Déroulède coi trọng, những người ủng hộ Công tước Orléans quyết tâm không để ông ta được hưởng lợi từ chiến thắng dự kiến sẽ xảy ra. Déroulède dường như được Tướng Pellieux, cựu Bộ trưởng Chiến tranh, thuộc phái chống Dreyfus, giúp đỡ. Viên Tướng này được giao dẫn đầu đoàn quân trong lễ tang Félix Faure.

Ngày 23/2, ngày diễn ra lễ tang, Déroulède và người của ông ta tập trung ở Quảng trường Dân tộc để đợi đội quân của Pellieux đi ngang qua sau khi rời nghĩa trang Père Lachaise. Nhưng vào phút cuối, Pellieux đã do dự; ông ta để Tướng Roget thay mình. Khi vừa nhìn thấy đoàn quân, Déroulède vội vã chạy về phía ngựa của Roget nhưng Roget đẩy Déroulède ra và cho quân nhanh chóng trở về doanh trại Reuilly. Déroulède hiểu rằng mình đã thất bại. Để không bị biến thành trò cười, ông ta cũng vào doanh trại cùng đoàn quân và yêu cầu quân đội bắt giữ mình. Sau đó, ông ta bị buộc tội âm mưu chống lại nền Cộng hòa. Déroulède được một thẩm phán dễ dãi tha bổng vào tháng 5/1899, nhưng tháng 1/1900, ông ta lại bị Tòa án tối cao xét xử và kết án 10 năm biệt xứ. Mặc dù cuộc đảo chính của Déroulède đã thất bại, nhưng phái Bảo hoàng và dân tộc chủ nghĩa vẫn không nguôi giận và cái tên Émile Loubet vẫn tiếp tục gây thù hận. Phe đối lập này cũng có một kết cục không kém buồn cười so với đội quân của Déroulède, cho dù đã gây lo lắng cho phái Cộng hòa.

Ngày 4/6/1899, Tổng thống đến Trường đua Auteuil để xem cuộc đua ngựa lớn được tổ chức hàng năm. Ông được đón tiếp bằng tiếng hò hét của khoảng 100 người theo phái Bảo hoàng và Dân tộc chủ nghĩa, họ mang hoa cắm chướng trắng ở khuyết áo, tập trung quanh khán đài nơi Tổng thống ngồi. Lực lượng cảnh sát ít ỏi làm cho những kẻ biểu tình thêm liều lĩnh; cuối cùng, một người trong số họ là Nam tước Christiani đã nhảy lên khán đài, xô ngã bà Loubet và dùng gậy đập nhiều lần vào chiếc mũ cao thành của Tổng thống. Christiani bị bắt và bị kết án 4 năm tù, nhưng sau đó nhanh chóng được Loubet ân xá.

Nội các bảo vệ nền Cộng hòa của Waldeck-Rousseau

Không quá lo lắng về âm mưu đảo chính không thành của Déroulède, nhưng nước Pháp nổi giận vì Tổng thống bị lăng nhục qua cái mũ của ông. Một tuần sau, vào ngày diễn ra giải Grand Prix ở Trường đua ngựa Longchamp, những người thuộc phe bảo vệ Dreyfus, Đảng Xã hội và các nghiệp đoàn tổ chức một cuộc biểu tình chống đối. Với hoa tầm xuân đỏ cài ở khuyết áo, hàng nghìn công nhân diễu hành từ Quảng trường Concorde đến Trường đua Longchamp. Lần này thì Chủ tịch Hội đồng đã dùng lực lượng cảnh sát đông đảo để cấm đoán biểu tình có hành động quá đáng. Cuối cùng thì Quốc hội cũng thấy rằng Dupuy không phải là người thích hợp với tình hình lúc đó nên đã bãi nhiệm ông. Sau đó, Loubet tuyên bố ý định thành lập một chính phủ mạnh, đủ khả năng bảo vệ nền Cộng hòa đang bị đe dọa, và sau một loạt tránh né của các thủ lĩnh ôn hòa như Poincaré, người không mấy lo lắng về việc một tương lai đầy hứa hẹn bị tổn hại khi coi trọng những đam mê chính trị, Loubet chỉ định Pierre Waldeck-Rousseau làm Chủ tịch Hội đồng. Waldeck-Rousseau tuyên bố là “một người Cộng hòa ôn hòa, nhưng không phải là người Cộng hòa theo cách ôn hòa”. Ông thành lập một nội các bao gồm những người thuộc tất cả các đảng phái nhưng cùng lo lắng bảo vệ nền Cộng hòa. Bên cạnh Tướng Gallifet nổi tiếng trong vụ đàn áp Công xã, lần đầu tiên có một Bộ trưởng thuộc Đảng Xã hội, đó là

Alexandre Millerand.

Waldeck-Rousseau đưa ra chính sách mà một người như Loubet có thể tán thành: bảo vệ nền Cộng hòa bằng cách thẳng tay đàn áp Đảng Dân tộc chủ nghĩa; đấu tranh chống sự lấn lướt của giới tăng lữ trong lĩnh vực chính trị, nhưng không xử sự theo kiểu bè phái mà đối xử khéo léo với tín ngưỡng của các tín đồ Thiên chúa giáo. Rút cục thì Loubet, một người Cộng hòa xác tín, cũng không thoát ra khỏi vai trò mà Hiến pháp đã qui định cho Tổng thống. Không hơn gì Félix Faure, ông không có ý định lãnh đạo hoạt động chính trị của đất nước và phó thác công việc cho các Chủ tịch Hội đồng được Quốc hội tín tưởng bầu ra. Cũng không khác gì Félix Faure, ông từ bỏ quyền đối với chính sách đối ngoại, quyền mà các Tổng thống đầu tiên ra sức giữ lấy.

Cắt đứt quan hệ với Vatican, xích lại gần nước Anh: những bất ngờ trong chính sách đối ngoại

Loubet tự đề cao tính trung lập chính trị của mình đến mức rất ít can thiệp vào công việc nhà nước, ngay cả khi ông không đồng ý với chính sách đang được theo đuổi. Cuộc bầu cử năm 1902 là một chiến thắng của Đảng Cấp tiến. Do là đại diện của phái Ôn hòa nên Waldeck-Rousseau phải rời khỏi chính quyền. Theo lời khuyên của những người đứng đầu phe đa số, Loubet giao chức Bộ trưởng cho Émile Combes, một Thượng nghị sĩ cấp tiến mà ông không biết rõ lắm. Với “đức cha nhỏ Combes”, người từng là học sinh trường dòng, trở thành bác sĩ rồi sau đó là chính trị gia, chính sách bảo vệ nền Cộng hòa của Waldeck-Rousseau biến thành chính sách chống Giáo hội rõ nét và có kèm theo chủ nghĩa bè phái. Émile Loubet không tán thành chính sách này vì nó muốn loại bỏ các tín đồ Thiên chúa giáo khỏi cộng đồng dân tộc, sau đó phần lớn Đảng Cộng hòa cũng chung ý kiến với ông. Clemenceau, vốn theo Đảng Cấp tiến nhưng chống lại Giáo hội, gọi chính sách của Combes là “dòng Tên lật ngược”, còn Alexandre Millerand phẫn nộ vì chính sách khuyến khích tổ giác của Combes nhằm phát hiện những người Thiên chúa giáo trong bộ máy chính quyền và đặc biệt là trong quân đội, đã coi đó là “hành động ghê tởm”.

Nhưng cũng như phần lớn thành viên của Đảng Cộng hòa, mặc dù trong thâm tâm không đồng ý với chính sách của Combes, nhưng Loubet biết rằng nếu lên án nó trước công luận thì Chính phủ sẽ trở thành mục tiêu của những kẻ phản đối nền Cộng hòa. Vả lại, Tổng thống không nên sử dụng quyền tự do ngôn luận như các Nghị sĩ Clemenceau và Millerand. Nhưng ít nhất thì trong khả năng của mình Tổng thống cũng cố gắng ngăn chặn chính sách của Combes. Và thế là ông cố tìm cách hoãn chuyển thăm của Vua Italia Victor-Emmanuel đến Paris. Loubet biết rằng nếu chuyển thăm này diễn ra thì chính ông sẽ phải tới Roma để đáp lại. Tuy nhiên, các Giáo chủ đều không công nhận Roma thuộc Italia và một hành động kiểu như vậy sẽ bị triều chính Tòa thánh coi là sự xúc phạm đối với Giáo hoàng; quan hệ giữa Pháp và Vatican căng thẳng tới mức có thể bị đổ vỡ vì một vụ rắc rối như vậy. Tuy nhiên, từ năm 1900, chính phủ đã có nhiều nỗ lực đáng kể để tách Italia ra khỏi liên minh Áo-Đức nên ủng hộ chuyển thăm này và Loubet, một Tổng thống không có thực quyền, chỉ còn biết làm theo. Victor-Emmanuel đến Paris và được đón tiếp nồng hậu, Hoàng hậu ôm hôn bà Loubet, và tất nhiên là Tổng thống sẽ phải đến thăm chính thức Roma.

Tháng 4/1904, Loubet đến thăm Roma. Ông được chào đón ở đây, nhưng những kẻ chống lại Giáo hội ở Italia lợi dụng chuyến viếng thăm này của Tổng thống Pháp. Trên các bức tường của Thành phố Vĩnh hằng (Roma — ND), Hội Tam điểm dán những tấm áp-phích ca ngợi Tổng thống và chỉ trích Giáo hoàng. Vụ rắc rối mà Tổng thống lo sợ đã xảy ra. Cả Giáo hoàng Pie X và tổng trưởng ngoại giao, Hồng y giáo chủ Merry del Val đều cố chấp: Văn phòng Tổng trưởng ngoại giao thảo một công hàm phản đối Loubet một cách xúc phạm gửi đến tất cả các cường quốc có đại sứ tại Vatican. Combes phải vào cuộc, triệu hồi Đại sứ Pháp tại Vatican và cắt đứt quan hệ ngoại giao với Vatican. Émile Loubet vốn là người ủng hộ hòa giải nhưng đã trở thành công cụ ngoài ý muốn trong việc cắt đứt quan hệ giữa Pháp và Giáo hoàng. Vai trò của ông tốt đẹp hơn khi làm giảm bớt căng thẳng trong mối quan hệ Pháp-Anh. Vào những năm cuối của thế kỷ XIX, sự đối đầu Pháp-Anh về vấn đề thuộc địa rất gay gắt và đã suýt nữa trở thành xung đột vũ trang khi Pháp và Anh đối mặt nhau ở Soudan. Nhưng từ đó, Bộ trưởng Ngoại giao Pháp

Delcassé đã làm tất cả để hai nước xích lại gần nhau.

Năm 1901, Nhà vua mới của nước Anh là Edouard VII quyết tâm đưa đất nước ra khỏi thế bị cô lập về ngoại giao. Vốn là Thái tử xứ Wales, ông rất quen thuộc với giới thượng lưu Paris và một số chính khách Pháp, trong đó có Loubet. Năm 1903, Nhà vua Anh liên lạc với Loubet và được Loubet mời tới thăm chính thức Paris. Lúc đầu, người dân Pháp đón tiếp ông lạnh nhạt, nhưng bằng sự khéo léo, cởi mở, ông đã lấy được lòng dân chúng và thậm chí còn được hoan hô nhiệt liệt khi kết thúc chuyến thăm. Nếu như Delcassé là người khởi xướng làm thay đổi thái độ của công chúng thì chính Loubet, vốn tán thành mọi điểm trong chính sách của Delcassé, đã làm tất cả để chính sách này đi tới thành công: ông đã triệu tập Chủ tịch Hội đồng thành phố Paris, một trong những thủ lĩnh của Đảng Dân tộc chủ nghĩa, để yêu cầu từ bỏ những cuộc biểu tình mà bạn bè của Déroulède định tổ chức. Thế là tháng 7/1903, khi đến thăm London, Loubet được đông đảo dân chúng đón tiếp nồng hậu và được coi là một người có công làm Pháp và Anh xích lại gần nhau. Tuy nhiên, một vụ rắc rối đã suýt nữa làm chuyến đi bị hủy bỏ: mặc dù Nhà vua Edouard VII yêu cầu nhưng Loubet cương quyết từ chối mặc quần ngắn để dự buổi khiêu vũ của Triều đình ở Điện Buckingham...

Kết thúc nhiệm kỳ 7 năm, bắt đầu thời kỳ nghỉ hưu bình lặng

Mặc dù nhiệm kỳ của ông bắt đầu trong những hoàn cảnh đáng buồn, nhưng Émile Loubet vẫn là một Tổng thống được lòng dân. Tính tình hiền lành của ông đã làm nên điều huyền diệu, sự giản dị không giả dối của ông được đánh giá cao. Những chuyến đi thăm các tỉnh của ông là những thắng lợi vì dân chúng, nhất là người nghèo, tự nguyện đến để chào đón ông. Loubet cũng được các nhân vật quan trọng ở địa phương, các Ủy viên hội đồng thành phố, các Chủ tịch xã ở nông thôn, các ủy viên đại hội đồng xuất thân từ giới tiểu tư sản và tạo nên dư luận ở Pháp trong những năm đầu thế kỷ XX, kính trọng. Ông là người của họ, nhờ họ mà ông được bầu vào Thượng nghị viện, đại diện cho các tập thể địa phương, rồi được giữ chức Chủ tịch Thượng nghị viện, bước đệm để đến với cương vị tối cao. Loubet được lòng dân chủ yếu là do ông biết giữ vai trò Tổng thống bên trên các cuộc đấu tranh chính trị, bởi vì ông chấp nhận để những người khác lãnh đạo đất nước. Ông đã ủng hộ Combes mặc dù không tán thành chính sách của Combes; ông ủng hộ Delcassé vì chính sách đối ngoại của Delcassé hợp với ông, nhưng ông bằng lòng giữ vai trò phụ chứ không tham gia lập chính sách đó, và khi chính phủ Pháp phải hi sinh Delcassé dưới sức ép của Đức, Loubet, vốn bị giới hạn về quyền lực, đã không nói lời nào để bảo vệ Delcassé.

Là người kế nhiệm Félix Faure, Loubet thực ra cũng có cùng quan niệm với ông ta về vai trò Tổng thống, ngay cả khi ông biết đưa thêm lòng tốt vào phong cách của mình: Tổng thống của những nghi lễ trang trọng quốc gia. Émile Loubet bắt đầu một tiền lệ khác: ông là Tổng thống đầu tiên rời khỏi Điện Élysée sau đúng 7 năm của nhiệm kỳ để về nghỉ ngơi yên bình ở làng quê, xa các cuộc đấu tranh chính trị.



CLÉMENT ARMAND FALLIÈRES
(6/11/1841 - 22/6/1931)

- 9 - ARMAND FALLIÈRES, NHÀ HIỀN TRIẾT CỦA ĐIỆN ÉLYSÉE

(18 tháng 2 năm 1906 - 18 tháng 2 năm 1913)

Một Loubet khác

Émile Loubet sẽ kết thúc nhiệm kỳ vào tháng 2/1906 và không có ý định tái cử, vì vậy hai viện họp ở Versailles ngày 17/1 để bầu ra người kế nhiệm ông. Có hai ứng cử viên cạnh tranh nhau: Paul Doumer, Chủ tịch Quốc hội và Armand Fallières, Chủ tịch Thượng nghị viện. Theo logic thì mọi cơ may đều nghiêng về phía Paul Doumer, Đảng viên Đảng Cấp tiến, vì từ năm 1902 thời thế chính trị đã biến Đảng Cấp tiến thành nhóm quan trọng nhất của Quốc hội. Tuy nhiên, điểm yếu của Doumer là tham gia tích cực vào chính trường và chuốc lấy nhiều hiềm khích. Năm 1895, với tư cách là Bộ trưởng Bộ Tài chính, ông đã đề nghị thông qua thuế thu nhập, một yêu sách cũ của Đảng Cấp tiến. Khi nội các mà ông tham gia bị giải tán, ông đồng ý không giữ chức Bộ trưởng Tài chính trong nội các mới của Méline. Bù lại, ông được cử giữ chức Toàn quyền Đông Dương, do đó dự định của ông cũng không thành. Cánh tả phản nản nhiều về Doumer: là người phản đối chính sách của Combes, cũng như nhiều Đảng viên Đảng Cộng hòa khác, ông không ngần ngại công kích Combes và thậm chí bỏ phiếu chống lại ông ta. Vì vậy, không có gì ngạc nhiên khi cánh tả thích nhân vật ôn hòa Armand Fallières hơn kẻ phản bộ cấp tiến này.

Tổng thống có nhiều nét giống với người tiền nhiệm Loubet. Cũng như Loubet, ông là người miền Nam, sinh năm 1842 ở gần Nérac, vùng Lot-et-Garonne. Cũng như Loubet, ông xuất thân từ một gia đình nông thôn nổi lên chậm chạp: ông nội là thợ rèn, bố là lục sự của toà án. Armand Fallières học ở Trường trung học Angoulême, sau đó trở thành luật sư rồi chính trị gia, theo con đường công danh cổ điển của các nhân vật quan trọng trong nền Cộng hòa đệ Tam. Sau ngày 4/9, ông trở thành Thị trưởng của Nérac, sau đó bị Chính phủ của Trật tự Đạo đức bãi chức. Từ đó, sự nghiệp của ông đi lên theo sự lớn mạnh của nền Cộng hòa. Sau cuộc bầu cử ngày 16/5, ông trở thành Đại biểu quốc hội của Nérac và giữ cương vị Bộ trưởng Bộ Giáo dục công, Bộ Lễ, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao. Ông cũng là Chủ tịch Hội đồng trong giai đoạn bản lề ngắn từ tháng 1 đến tháng 2/1883. Từ năm 1890, Fallières là Thượng nghị sĩ; năm 1899, khi Loubet được bầu làm Tổng thống, Fallières kế nhiệm ông vào cương vị Chủ tịch Thượng nghị viện.

Năm 1906, ông lại kế nhiệm Loubet ở Điện Élysée với 449 phiếu của cánh tả, còn Doumer được 371 phiếu của cánh trung dung và cánh hữu.

Truyền thuyết và hiện thực về Armand Fallières

Cũng như một số Tổng thống tiền nhiệm, ông chưa được nhiều người biết tới khi được bầu làm Tổng thống, song “Cha Fallières”, như người Pháp vẫn gọi ông một cách thân mật, nhanh chóng trở thành một nhân vật huyền thoại thật sự. Trên thực tế, chẳng có gì trong nhân cách của vị Tổng thống mới khiến người ta phải tôn kính và ngưỡng mộ. Người dân Pháp dành cho ông những tình cảm khác: chúng được hình thành từ tình cảm triu mến bền chặt dành cho một người mà họ thấy giống với mình. Ông cư xử như một người Pháp trung lưu và đồng bào của ông cũng nhận ra điều đó; vị tân Tổng thống không hề kiêu căng, không một chút kiểu cách. Trong cuộc bầu cử, ông đã đặt điều kiện rằng ông sẽ không thay đổi những thói quen của mình, và trên thực tế, ông thay đổi chúng ở mức ít nhất có thể. Ở Paris, cũng như ở nhà riêng tại Loupillon, miền Nam nước Pháp, ông rất thích tản bộ mà không có bất cứ nghi thức nào. Con người hiền hậu, thẳng thắn, bộ râu quai nón, chiếc cà vạt có chấm tròn, giọng nói truyền cảm nhanh chóng trở nên nổi tiếng. Không kém phần nổi tiếng là những lời nói, có thật hoặc giả định, mà người ta gán cho ông và trong một thời gian dài, người ta cứ tưởng những lời đó

chứng tỏ nguồn gốc nông dân của ông, nhưng sau này mới nhận ra rằng thực ra chúng thể hiện sự tinh tế sâu sắc của Tổng thống. Tuy nhiên, vốn là người trầm tính, có trí tuệ và thậm chí một chút mưu mẹo, Fallières cứ để mặc cho mọi người nói, bởi ông ý thức được rằng nhân vật mà người ta gán cho ông sẽ giúp ông quan sát những người mất cảnh giác. Trên thực tế, Fallières tỏ ra là một người có óc quan sát và ông thực hiện một cách hoàn hảo vai trò của Tổng thống như những người cùng thời vẫn nghĩ.

Ngay từ bài diễn văn nhậm chức, ông đã định nghĩa về chức vụ này. Đó là một trọng tài, làm tròn một chính sách đã được xác định rõ, đó là chính sách của Đảng Cộng hòa, nhưng vì lợi ích của cả đất nước: “Nhằm tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ, tôi kêu gọi tất cả những người Cộng hòa, xin đừng quên rằng nếu tôi lãnh đạo cùng với những người thuộc Đảng của tôi, thì chính là vì lợi ích tối cao của quốc gia, và rằng nhờ có tất cả mọi người, không phân biệt nguồn gốc và niềm tin chính trị, chúng ta mới bảo vệ được tất cả các quyền.”

Nhà hiền triết của Điện Élysée

Fallières thể hiện một trí tuệ hiếm có và một sự tinh tế tuyệt vời. Dưới thời Fallières, kể cả dưới thời Faure hay Loubet, không có chính sách của Điện Élysée. Nhưng Fallières luôn quan tâm sát sao đến đời sống chính trị; các nghị sĩ, viên chức, nhà ngoại giao đều đến trao đổi công việc và xin ý kiến tư vấn của Tổng thống, Tổng thống thường cho họ những lời khuyên sáng suốt hiếm có. Ông cảm nhận được những nguy hiểm ngày càng tăng và đoán trước việc phải đối mặt với cuộc chiến sắp xảy ra bằng việc Poincaré thành lập một hội thống nhất quốc gia sau. Nếu xung đột xảy ra, người ta đề nghị ông gọi vào chính quyền những người cương quyết nhất trong số thủ lĩnh các đảng đối lập, đó là Déroulède của Đảng Dân tộc và Clemenceau của đảng Cộng hòa. Trong khi chờ đợi, không phải những nhân vật mờ nhạt nối tiếp nhau đứng đầu Chính phủ, mà là những nhà lãnh đạo thực sự của chính trường Pháp, những con người có tư tưởng dứt khoát và có khả năng xúc tiến một chính sách nhất quán để thực hiện những tư tưởng đó: Briand, Joseph Caillaux, Georges Clemenceau, mà tất cả các Tổng thống, kể từ Grévy, đều kiên quyết không cho đưa vào bộ máy chính quyền, cuối cùng là Raymond Poincaré, người dùng cương vị này để tiến vào Điện Élysée.

Năm 1913, Fallières từ chối tham gia nhiệm kỳ thứ hai. Sau khi đã thực hiện vai trò Tổng thống khéo léo hơn bất kỳ vị chính khách tiền nhiệm nào, ông muốn nghỉ hưu. Ông lui về Loupillon và hưởng cuộc sống an nhàn nơi thôn dã tới tận 90 tuổi (ông mất năm 1932). Ông để lại cho đời sau câu nói lịch sử cuối cùng, một câu nói hóm hỉnh theo đúng phong cách của ông: “Vị trí không tồi nhưng không tiến lên được nữa”.



1.

RAYMOND POINCARÉ
(20/8/1860 – 15/10/1934)

- 10 - RAYMOND POINCARÉ, TỔNG THỐNG CỦA LIÊN MINH THẦN THÁNH

(18 tháng 2 năm 1913 - 18 tháng 2 năm 1920)

Trong số tất cả các Tổng thống của nền Cộng hòa đệ Tam, không ai giữ một vai trò quan trọng cũng như có hành động gây ra nhiều bàn cãi như Raymond Poincaré. Đó là vì con người này không hề đơn giản. Ông muốn giới thiệu với lịch sử một hình ảnh nào đó về con người và hành động của mình. Không có gì xuất hiện ngẫu nhiên trong con đường công danh của ông: giữ chức vụ tối cao vào một trong những thời điểm tồi tệ nhất của lịch sử nước Pháp, vai trò trong chiến tranh, hay thái độ của ông trong suốt thời kỳ chiến tranh.

Và đặc biệt là con đường công danh của Poincaré không dừng lại khi ông rời Điện Élysée. Thậm chí, chúng tôi còn muốn nói rằng chính từ lúc đó sự nghiệp của ông mới bắt đầu, bởi ông đứng 10 năm ở hàng đầu của chính trường để làm biểu tượng cho một chính sách nào đó. Những lời chỉ trích hay đánh giá về chính sách này không thể không ảnh hưởng đến dư luận về hành động của ông trên cương vị người đứng đầu nhà nước. Vấn đề còn trở nên phức tạp nữa vì rất khó nói đến sự chân thành, thái độ đối với Lịch sử ở con người luôn có ý thức trở thành một nhân vật lịch sử, ở viên luật sư khôn khéo mà sự chính trực điển hình của ông luôn khiến ta tự hỏi: với sự khéo léo tuyệt đỉnh như vậy, liệu ông có quá biện hộ cho chính mình trước lời phán xét của các nhà sử học?

Một tham vọng từ rất xa xưa

Poincaré sinh năm 1860 ở Bar-le-Duc, 10 năm trước khi Đế chế sụp đổ. Ông sẽ không bao giờ quên cảnh quê hương bị quân Phổ chiếm đóng trong suốt 4 năm. Khi học ở Trường trung học Bar, ông tỏ ra là một học sinh xuất sắc, và trong tất cả các giai đoạn của con đường công danh cũng vậy. Là một sinh viên luật giỏi, một luật sư có lương tâm, một chính khách “trung dung” và có phong thái ôn hòa, dường như ông chuẩn bị tiến tới cương vị Tổng thống từ những năm còn trẻ. Con đường chính trị của ông diễn ra thuận buồm xuôi gió tại tỉnh Meuse, nơi những mối quan hệ gia đình giúp công việc của ông luôn suôn sẻ. Ông lần lượt được bầu làm Ủy viên đại hội đồng, Nghị sĩ, rồi Thượng nghị sĩ. Ở Quốc hội, ông chuyên tâm vào các vấn đề kỹ thuật, nhất là vào việc nghiên cứu ngân sách, một chuyên ngành khô khan, vào thời kỳ mà chỉ có tài hùng biện về những chủ đề chính trị lớn mới có thể làm cho một chính khách trở nên nổi tiếng. Nhưng bằng tài năng và sự nghiêm túc, chàng trai Poincaré nhanh chóng tự khẳng định mình. Nếu như Poincaré thận trọng tránh thể hiện thái độ đối với những vấn đề gây chia rẽ nước Pháp (đặc biệt là vụ án Dreyfus) thì ông lại không ngần ngại phát biểu ý kiến để kêu gọi tinh thần đoàn kết của người Pháp và hòa hợp dân tộc. Trong thời kỳ Combes đứng đầu nội các, Poincaré thu mình lại. “Ông ta trốn phát biểu ý kiến”, các đồng nghiệp tại Quốc hội thường mỉa mai khi thấy ông vội vàng cởi chiếc áo luật sư để tham dự một phiên họp của Quốc hội.

Sự kiên nhẫn bền bỉ, sự chuẩn bị chu đáo đến như vậy không thể không được đền bù. Những nguy hiểm ngày càng tăng sẽ giúp Raymond Poincaré đóng vai trò mà ông chờ đợi từ hơn hai mươi năm.

Nguy hiểm ngày càng tăng

Năm 1911, tình hình quốc tế vốn căng thẳng từ vài năm trước đột nhiên trầm trọng thêm. Lo lắng về những hậu quả có thể xảy ra của các mối quan hệ đồng minh của Pháp, từ vài năm nay, Guillaume II (Hoàng đế Đức - ND) liên tục tăng cường các cuộc khiêu khích song đều vô hiệu. Năm 1905, Guillaume II thẳng thắn phản đối ý đồ của Pháp đối với Maroc bằng cách đe dọa gây chiến tranh. Mặc dù dân chúng rất phẫn nộ, song Chính phủ Pháp đã lùi bước để bảo toàn hòa bình bằng cách “hi sinh” vị Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hiếu chiến Théodore Delcassé; hơn nữa,

một năm sau, Hội nghị quốc tế Algésiras giao cho Pháp thiết lập chế độ bảo hộ trên một phần lãnh thổ Maroc kèm theo một số điều kiện. Trên thực tế, người Pháp muốn mở rộng ảnh hưởng của họ ra toàn bộ Maroc. Năm 1911, đáp lại lời kêu gọi của Quốc vương Moulay Hafid đang bị quân nổi dậy vây hãm tại thủ đô Fès, chính phủ Pháp cử đến đó một đội quân viễn chinh nhằm bảo vệ những người châu Âu tại Fès.

Tất nhiên, hành động này hoàn toàn trái ngược với Định ước Algésiras, theo đó ảnh hưởng của Pháp bị giới hạn ở các cảng phía Tây và vùng biên giới phía Đông. Đức cũng không bỏ qua cơ hội can thiệp này: ngày 1/7/1911, chiến hạm “Panther” của Đức tiến vào cảng Agadir.

Nước Đức muốn gì vậy? Đức không nghĩ đến việc xem xét lại kết quả của Hội nghị Algésiras mà chỉ muốn nắm lấy cơ hội để đòi Chính phủ Pháp đền bù một thuộc địa nào đó, nhằm điều chỉnh lại những bất bình đẳng trong “phân chia thế giới” mà Đức cho là bị thua thiệt. Đức cho Pháp biết rằng Đức đồng ý để Pháp mở rộng ảnh hưởng ở Maroc, nhưng để đổi lại Pháp phải nhượng Congo cho Đức. Ở Pháp, dư luận phản đối mọi sự thương lượng mang tính lùi bước. Ý kiến này cũng được nội các và chính bản thân Bộ trưởng Bộ Ngoại giao De Selves ủng hộ. Ngược lại, Chủ tịch Hội đồng, Joseph Caillaux, lại tán thành thương lượng. Đại sứ Pháp tại Berlin, Jules Cambon, cũng đồng ý với quan điểm này. Tháng 11/1911, Caillaux kí hiệp ước rất có lợi cho Pháp, vì Pháp chỉ phải nhượng một phần nhỏ Congo thuộc Pháp, nhưng lại được tự do hành động ở Maroc. Báo Figaro mở đầu phong trào kịch liệt phản đối vị Chủ tịch Hội đồng: “Chúng ta không thể giao phó vận mệnh của nước Pháp vào tay những kẻ vô lại những vậy lâu hơn hơn nữa!”. Tuy nhiên, Quốc hội vẫn phê chuẩn bản Hiệp ước.

Một người yêu nước vùng Lorraine ở cương vị Chủ tịch Hội đồng

Ở Thượng nghị viện, công việc không thuận lợi. Trong thành phần của ủy ban chịu trách nhiệm xem xét Hiệp ước có nhân vật đáng gờm Clemenceau; ủy ban chỉ định Poincaré là báo cáo viên. Lại một lần nữa, Poincaré đóng vai trò hòa giải. Ông tán thành Hiệp ước nhưng lấy làm tiếc rằng Caillaux đã chấp nhận đàm phán do bị sức ép. Tuy nhiên, mặc dù biết rõ những đàm phán bí mật của Caillaux nhưng Poincaré đã tránh đề cập chúng. Thế nhưng Clemenceau đã chỉ ra thái độ của Caillaux và gây ra một vụ tai tiếng. Bị biến thành trò cười, De Selves từ chức, nội các cũng sụp đổ theo.

Nội các của Caillaux sụp đổ khiến chính trường Pháp rơi vào tình trạng rối ren. Vào thời điểm cuộc chiến với Đức có thể nổ ra do không phê chuẩn Hiệp ước, Pháp không hề có một chính sách đối ngoại nào. Người Pháp không đồng lòng nhất trí. Đảng Cấp tiến đã bị suy yếu trong bộ máy chính quyền và trong các cuộc đấu tranh chính trị nên không có đủ uy tín cần thiết để lãnh đạo đất nước trong một cuộc chiến có thể sắp xảy ra. Nước Pháp cần có một “người cha” vừa có uy tín, vừa có năng lực: cái tên Poincaré được tin tưởng và chính Clemenceau, Đảng viên Đảng Cộng hòa lão thành và chống giáo quyền, đã khẳng định điều đó. Khi chỉ định Poincaré, Fallières có lẽ muốn thể hiện ước nguyện của dân tộc đang mong chờ một vị cứu tinh. Trong những điều kiện như vậy, việc bổ nhiệm Poincaré vào chức chủ tịch Hội đồng có ý nghĩa rất quan trọng. Đây không chỉ là một nhân vật ôn hòa thừa kế một loạt cương vị Chủ tịch của phe cấp tiến, mà chính vào thời điểm bị chiến tranh đe dọa, con người có chính sách cứng rắn với Đức đã lên nắm quyền.

Khi để Poincaré đứng đầu Chính phủ, vậy là nước Pháp đã tự lập ra cho mình một thủ lĩnh chiến tranh. Thật vậy dư luận quốc tế nhận thấy rõ nét tính cách này của ông, Poincaré cũng có tiếng là người ghét các cuộc phiêu lưu; nhưng đó không phải là điều người Pháp quan tâm vào năm 1912, và vị tân Tổng thống không quên điều này.

“Tất cả lòng tự tôn của một dân tộc không muốn chiến tranh nhưng không sợ chiến tranh”

Poincaré tiếp tục chú ý đến hình ảnh cá nhân của mình. Đối với cánh tả, ông tỏ ra là một Đảng viên Cộng hòa không nhân nhượng và một người phi tôn giáo chắc chắn. Năm 1912, ông nói với Charles Benoist, một tín đồ Thiên chúa giáo: “Giữa ông và tôi là cả một vấn đề tôn giáo”.

Nhưng ông lại xoa dịu ngay: “Tôi không nghĩ đến việc loại trừ người bạn Charles Benoist và những người Thiên chúa giáo ra khỏi chính thể Cộng hòa”. Đối với cánh hữu, ông đảm bảo xóa bỏ những dự án đáng lo ngại về thuế thu nhập do Caillaux đề xuất. Cuối cùng, khi cánh hữu cho rằng vị Tổng thống mới sẽ là “con tin” của Đảng Cấp tiến, ông cho bỏ phiếu thông qua một dự án cải cách bầu cử, chấm dứt bỏ phiếu theo quận, thay vào đó là giới thiệu theo tỉ lệ, mặc dù Đảng Cấp tiến kịch liệt phản đối dự án này. Bằng cách tấn công “những ao tù của phổ thông đầu phiếu” đã bị Aristide Briand lên án trước đây, ông đã giáng một đòn mạnh vào pháo đài bầu cử của những nhân vật quan trọng trong Đảng Cấp tiến, họ không tha thứ cho ông việc này mặc dù cuộc cải cách không thành công. Tuy nhiên, Poincaré muốn tập trung vào chính sách đối ngoại hơn là vào các vấn đề đối nội. Ông trở thành Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và hiểu rõ công luận đang mong chờ ông ở lĩnh vực này, nên ông sẽ làm tất cả để họ hài lòng. Ông đề nghị Thượng nghị viện thông qua hiệp ước mà Caillaux đã ký, nhưng làm cho mọi người hiểu rằng đó không phải là tác phẩm của ông.

Về phần mình, Poincaré thể hiện rõ quan điểm phản đối mọi chính sách thân Đức và chỉ gắn bó với các đồng minh truyền thống là Nga và Anh. Khi xảy ra một vụ rắc rối nhỏ với Italia (hai tàu thủy của Pháp bị bắt giữ), ông phản ứng bằng một bài phát biểu rất gay gắt. Ông hạn chế quyền tự do hành động của các đại sứ, mặc dù họ không ủng hộ thái độ này. Người bạn thân của ông, Maurice Paléologue, được bổ nhiệm làm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, tự nguyện trở thành công cụ chính cho chính sách này. Poincaré đặc biệt củng cố quan hệ đồng minh với Nga. Tháng 8/1912, ông đến Nga. Khi trở về, nước Pháp chào đón ông như một người chiến thắng. Người Pháp đã tìm được vị chủ tịch Hội đồng mà họ mong đợi. Ông đã nói rất hợp ý họ: “Chúng ta nên giữ kiên nhẫn, sức mạnh và tất cả lòng tự tôn của một dân tộc không muốn chiến tranh nhưng không sợ chiến tranh”. Như vậy, với sự ủng hộ của đại bộ phận công luận, Poincaré chuẩn bị cho cuộc chiến tranh. Cuối năm 1912, ông tuyên bố ra ứng cử chức Tổng thống để kế nhiệm Fallières. Quyết định khá bất ngờ: người đàn ông 52 tuổi này, cho tới lúc đó vẫn luôn tỏ ra giữ ý để chờ cơ hội đảm đương một vai trò xứng đáng, đã quyết định giam mình vào nhà tù mạ vàng Elysée, nhận vai trò trang trọng - không quyền hành chính trị kèm theo trách nhiệm tinh thần cao nhất chẳng?

Làm thế nào để trở thành nguyên thủ quốc gia thực sự?

Poincaré lấy làm tiếc về tình hình bất ổn trong nội các và tin chắc rằng vai trò Chủ tịch Hội đồng của ông sẽ kết thúc với phản ứng bức bối đầu tiên của Quốc hội. Liệu còn có sự đảm bảo ổn định nào tốt hơn việc được bầu cho nhiệm kỳ 7 năm ở vị trí đứng đầu Nhà nước? Do đó, không quyền hành chính trị không phải là không có lợi. Phải biết sử dụng tính ổn định này và làm thế nào trong khi từ ngày 16/5, Nghị viện dần dần tước hết quyền hạn của Tổng thống? Trong một loạt các bài phát biểu, bài báo, bài nói chuyện từ năm 1896 đến 1898, Poincaré đã tố cáo sự bóp méo Hiến pháp này. Thay vì để cho Chính phủ và người đứng đầu hợp pháp của nó là Tổng thống được thực thi quyền lực một cách bình thường, Hiến pháp đã dung túng cho một nền chuyên chính thất thường và ngông cuồng của vài trăm nghị sĩ và để họ cử ra một nhân vật thiếu tính độc đoán đứng đầu Nhà nước.

Poincaré muốn gì đây? Thực thi toàn bộ Hiến pháp, điều này rất khó xác định: liệu ông có nghĩ đến việc đòi lại cho chức Tổng thống toàn bộ quyền lực mà Hiến pháp năm 1875 đã trao cho không? Người ta có thể nghi ngờ điều đó. Vị luật gia này biết rõ sức mạnh của các tiền lệ đã có tác động như thế nào đến luật pháp. Nhưng ta có thể nghĩ rằng ông muốn tận dụng tối đa các điều khoản của Hiến pháp: với tư cách là người bảo lãnh cho các hiệp ước quốc tế, ông đóng vai trò quan trọng trong việc lãnh đạo hoạt động đối ngoại của Pháp vào thời điểm mà đối ngoại đang là yếu tố cơ bản của đời sống chính trị. Tuy nhiên, cần có một điều kiện: chủ tịch Hội đồng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao không được có chính sách riêng. Và Hiến pháp đã cho Tổng thống sự bảo đảm cơ bản, đó là quyền được lựa chọn chủ tịch Hội đồng.

Thông qua việc ứng cử, Poincaré hi vọng đóng vai trò chính trong điều hành công việc bằng cách điều chỉnh việc thực thi Hiến pháp theo hướng có lợi cho sự khôi phục quyền lực của

Tổng thống. Ông chỉ còn chờ được bầu.

Thủ đoạn và tai tiếng: những biến cố của cuộc bầu cử

Poincaré nhanh chóng hối tiếc vì đã để lộ ý định của mình quá sớm. Khối đoàn kết xung quanh ông năm 1911 không chống lại các cuộc luận chiến phản bác ông. Việc ông ứng cử đã vấp phải thái độ thù địch của những người phải từ bỏ tham vọng của mình (như Chủ tịch Quốc hội Paul Deschanel hay Nghị sĩ kì cựu Ribot), của những người có trách cứ cá nhân đối với Poincaré (ví dụ như Joseph Caillaux chỉ trích thái độ của Poincaré trong cuộc khủng hoảng năm 1911 và chính sách hiện nay của Poincaré vì sẽ dẫn tới chiến tranh), của những người phê phán hành động của ông ở cương vị Thủ tướng (mặc dù được Léon Bourgeois, người đứng đầu có uy quyền của Đảng Cấp tiến, đề cử, nhưng đa số Đảng viên Cấp tiến không tha thứ cho ông vì luật bầu cử theo tỉ lệ). Vì vậy, chiến dịch phản đối diễn ra khá mạnh: người ta kết tội Poincaré đang chuẩn bị thiết lập một chế độ độc tài kiểu Boulanger mới và muốn gây chiến. Nhưng nếu như những lí lẽ này tác động mạnh đến các Nghị sĩ cánh tả, thì ngược lại, chúng khiến Poincaré trở thành vị Tổng thống lí tưởng đối với cánh hữu.

Ý thức được mối nguy, Caillaux mở một chiến dịch vận động hành lang thâm hiểm đánh vào đời tư của Poincaré, lĩnh vực mà Poincaré đang muốn lẩn tránh. Năm 1904, Poincaré kết hôn không theo nghi lễ tôn giáo với Henriette Benucci. Trước đó, bà đã li hôn với một người Mỹ không tiếng tăm gì, nhưng người ta đồn đó là một người không đáng tin cậy, sau đó lại trở thành vợ góa của một doanh nhân Pháp. Đám cưới không theo nghi lễ tôn giáo với một phụ nữ đã li dị, đây quả là một lí do đáng để cánh hữu Thiên chúa giáo làm to chuyện! Báo chí liên tục nói bóng nói gió. Hình ảnh của Poincaré bị tổn hại. Cuối cùng, một vụ bê bối chính trị do các đối thủ của ông khéo léo khai thác và một thủ đoạn vào phút chót đã khiến việc ứng cử của ông trở nên vô cùng bi đát.

Vụ bê bối xảy ra là do Millerand, Bộ trưởng Chiến tranh, quyết định gọi Trung tá Paty de Clam, người bị tiếng xấu trong vụ Dreyfus, trở lại quân ngũ. Ngay lập tức, cánh tả nhảy vào vụ này. Đối với Poincaré, mối nguy trở nên rất rõ ràng. Nếu ông bênh vực Millerand, cánh tả sẽ phê phán ông quá dễ dãi đối với những người chống Cộng hòa; nếu ông không tán thành với quyết định của Millerand, cánh hữu sẽ oán trách ông vì không làm dịu tình hình. Tuy nhiên, Poincaré đã làm thất bại ý đồ này, ông không đứng hẳn về bên nào mà “chia tay” Millerand vì một lí do đương nhiên: vị Bộ trưởng đã quyết định mà không báo cho Tổng thống biết. Nhưng Poincaré còn phải vượt qua chướng ngại cuối cùng: được “phái đoàn cánh tả” đưa ra ứng cử, đó là một việc làm của nghị viện nhằm công nhận ứng cử viên là người theo chủ nghĩa Cộng hòa và thế tục, nếu không việc ông được bầu hay không sẽ rất bấp bênh. Thế nhưng, để đối đầu với Poincaré, Clemenceau — “người tạo nên các Tổng thống” — lại đề cử nhân vật cấp tiến trung thực Jules Pams, người sẽ nhận được phiếu bầu của các Nghị sĩ do không bị chú ý lắm và là người từng giữ cương vị Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp trong nội các của Poincaré. Mặc dù Poincaré được Aristide Briand (người dự định sẽ kế nhiệm ông ở vị trí đứng đầu chính phủ) và Léon Bourgeois ủng hộ, song việc bỏ phiếu của phái đoàn diễn ra khá bất lợi. Ở vòng 3, Poincaré chỉ có được 301 phiếu, trong khi Pams được 223 phiếu. Nhưng ông không thể đạt đa số tuyệt đối, vì ngoài ra, còn hơn 100 Nghị sĩ không tham gia bỏ phiếu. Một phái đoàn đề nghị ông nhường bước trước Pams, nhưng Poincaré từ chối bởi ngoài số phiếu của cánh tả, ông biết rằng mình còn có thể có được những lá phiếu của cánh hữu vì họ không giới thiệu ứng cử viên nào.

Ngày 17/1/1913, Poincaré được bầu làm Tổng thống với 483 phiếu, so với 296 phiếu của Pams và 69 phiếu của Đảng viên Đảng Xã hội Vaillant. Vào buổi tối ngày chiến thắng, Raymond Poincaré thấy vô cùng đau khổ. Để trở thành nguyên thủ quốc gia, ông đã phải hi sinh quá nhiều! Đời tư bị phơi bày trên báo chí; những lời kết tội thiếu căn cứ về niềm tin của người theo chế độ Cộng hòa do Đảng Cấp tiến, những người luôn cùng ông bảo vệ nền Cộng hòa từ vụ Dreyfus, tung ra; mất những người bạn thân lâu năm như Millerand và Barthou; từ chối quyết định của Phái đoàn cánh tả; và cuối cùng, thắng cử nhờ lá phiếu của cánh hữu hay của những

kể cơ hội như Briand... Những tờ báo lớn chào đón chiến thắng của ông như chiến thắng của trào lưu chủ nghĩa dân tộc và quân phiệt ra đời ở Pháp từ sau vụ Agadir. Còn những người Thiên chúa giáo lấy làm sung sướng với thắng lợi của ông.

Vài tháng sau, Baudrillart, Hiệu trưởng Học viện Thiên chúa giáo Paris, đã đứng ra tổ chức đám cưới theo nghi lễ tôn giáo cho Tổng thống Cộng hòa Pháp. Sau buổi lễ, Poincaré tuyên bố: “Người đứng đầu một Nhà nước Thiên chúa giáo phải làm gương cho cả đất nước”.

Phải chăng tất cả những nhượng bộ này ít ra cũng giúp Poincaré nắm được vị trí mà ông mong muốn? Trong 4 năm, dường như ông đã giành lại được quyền lực đã mất từ lâu cho chức Tổng thống. Chính cuộc chiến tranh sắp xảy ra luôn đặt ông vào vị trí con người của tình thế. Sau ngày bầu cử, ông tâm sự với Paléologue: “Đêm qua tôi không tài nào nhắm mắt được. Trong đầu tôi chỉ có một suy nghĩ, từ nay tôi phải gánh vác trách nhiệm to lớn trong khi nguyên tắc không quyền hạn theo Hiến pháp lại tước đi quyền tự do hành động của tôi, kết án tôi 7 năm cầm tù và ăn không ngồi rồi”. Nỗi lo sợ này hoàn toàn không phải là giả dối, tuy nhiên Poincaré sẽ không để cái thế chế mà ông là hiện thân làm cho ông bất lực. Được phe đa số quan tâm đến quốc phòng bầu ra, ông quyết định xây dựng chính sách của mình: chuẩn bị cho nước Pháp tham gia vào cuộc chiến tranh mà ông cho rằng không thể tránh được. Theo quan điểm này, khi lựa chọn các Chủ tịch Hội đồng, ông không dùng Briand với tính cách mềm dẻo để đền đáp lại vai trò của ông ta trong cuộc bầu cử Tổng thống, mà chọn chính những người kế nhiệm ông: Barthou, người tán thành chính sách dân tộc chủ nghĩa, rồi Doumergue và Ribot, cuối cùng là Viviani. Tất cả những lựa chọn này được giải thích bằng một yêu cầu bức thiết: cần phải xây dựng và duy trì “luật 3 năm”.

“Hòa bình trên thế giới chỉ có thể được cứu vãn nếu Poincaré rời khỏi Điện Élysée”

Có chuyện gì vậy? Từ năm 1905, thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự là 2 năm. Tình trạng dân số đình trệ ở Pháp khiến số quân mỗi lần gọi đều thấp hơn quân số của quân đội Đức. Trong bối cảnh có chiến tranh tiềm tàng như ở châu Âu từ năm 1911, tình cảnh như vậy khiến lãnh đạo Bộ Quốc phòng, trong đó có Tướng Joffre, rất lo ngại. Từ năm 1912, Bộ tham mưu thuyết phục Hội đồng Bộ trưởng chấp nhận kéo dài thời gian nghĩa vụ quân sự đến ba năm, và tháng 7/1913, được sự tán thành của Tổng thống, Barthou đưa ra luật 3 năm và luật này được cả hai Viện thông qua. Tuy nhiên, Đảng Xã hội cùng với nhiều Đảng viên Đảng Cấp tiến do Joseph Caillaux đứng đầu, và nhiều nhà trí thức liên kết lại với nhau để phản đối bộ luật này. Giữa chính sách do Poincaré đề ra và cánh tả của Quốc hội xuất hiện một hố sâu ngăn cách. Năm 1914 sẽ diễn ra tổng tuyển cử và một trong những chủ đề của đợt vận động bầu cử của cánh tả là phản đối luật 3 năm. Cánh tả đã thắng lớn trong cuộc bầu cử: Đảng Xã hội và Đảng Cấp tiến chiếm đa số ghế và tất cả mọi người đều chờ đợi Caillaux để dàn xếp tái đắc cử và lên nắm quyền.

Đầu tiên, Poincaré định đi đường vòng bằng cách đề cử Ribot, người tán thành luật 3 năm. Nhưng Quốc hội không ưa nhân vật ôn hòa này và thể hiện điều đó bằng cách bãi bỏ chính phủ ngay khi mới được giới thiệu. Thất bại này là một điều sỉ nhục đối với Tổng thống, và Nghị viện càng nhấn mạnh sự việc khi thông qua một chương trình nghị sự bắt đầu bằng câu: “Quốc hội tôn trọng kết quả bầu cử phổ thông và kiên quyết chỉ tin vào một nội các có khả năng tập hợp đa số cánh tả...”. Ngoài ra còn có những lời bình luận thiếu tôn trọng hơn nhưng thực ra rất rõ ràng, ví dụ như lời bình luận của Gustave Hervé, Đảng viên Đảng Xã hội, trong Cuộc chiến xã hội: “Đất nước muốn đi về bên trái, nhưng người thắng cử không xứng đáng của Điện Élysée lại muốn buộc đất nước đi về bên phải”, hay như Caillaux tỏ ra là địch thủ lớn khi bình luận: “Theo tôi, hòa bình trên thế giới chỉ có thể được cứu vãn nếu ông Poincaré rời khỏi Điện Élysée”. Trước phản ứng dữ dội này, đã có lúc Poincaré tự hỏi liệu từ chức có phải là lối thoát duy nhất không. Trước khi đi đến quyết định cực đoan này, ông vẫn muốn thử một cách dựa vào tính không rõ ràng của những tên gọi bề ngoài và niềm tin chính trị. Quốc hội được bầu năm 1914 là một Quốc hội của cánh tả nên Poincaré biết rằng nhiều Nghị sĩ đã tiến hành chiến dịch chống luật 3 năm, bởi vì họ coi đó là một chủ đề tranh cử tuyệt vời trong khi công luận đang phản đối việc kéo dài thời gian đi nghĩa vụ quân sự; nhưng khi đã trúng cử, họ thấy không cần

bãi bỏ luật này ngay vì tình hình thế giới đang căng thẳng.

Chính vì vậy, sau khi Ribot thất bại, ông đã đề cử René Viviani. Đây là một Đảng viên Đảng Xã hội độc lập (“nhất là độc lập với chủ nghĩa xã hội”, như lời một số thành viên Phân nhánh Quốc tế công nhân Pháp SFIO - sau này trở thành Đảng Xã hội) và không ai nghĩ đến việc nghi ngờ tư cách cánh tả của ông; phải chăng những lời tuyên bố âm ỉ chống giáo quyền của ông vẫn chưa đủ để làm yên lòng những người hay bắt bẻ nhất về vấn đề này? Quốc hội dễ dàng phong chức cho ông, thậm chí không thù oán ông vì đã phát biểu rằng chưa cần thay đổi luật nghĩa vụ quân sự. Poincaré thở phào: trong thời điểm hiện tại, luật 3 năm đã được cứu nguy. Ông có thể chuyên tâm vào vấn đề chủ chốt của mình: củng cố các liên minh.

Một người nhiệt tình ủng hộ liên minh Pháp-Nga

Ngay từ khi nắm cương vị Tổng thống, Poincaré tận dụng vai trò đại diện để đi công du nhiều nơi nhằm thắt chặt các quan hệ đồng minh của Pháp. Tháng 6/1913, ông đến London để giải thích với người Anh lý do vì sao phải củng cố Thỏa ước liên minh thân hữu. Chuyến công du thành công rực rỡ và ngay sau đó Vua Georges V tới thăm Paris để đáp lại. Nhưng đồng minh chủ chốt của Pháp vẫn là Nga. Sau khi nhậm chức Tổng thống, Poincaré dành cho Nga mọi sự quan tâm, nhất là tác động vào việc lựa chọn các đại sứ để cử đi Saint-Petersbourg. Đầu tiên ông bổ nhiệm Delcassé vào vị trí then chốt này, nhưng cái tên Delcassé đồng nghĩa với kháng cự dữ dội chống Đức. Khi Delcassé xin về nước, Poincaré đã can thiệp để Maurice Paléologue, một người mà ông tin cẩn, được chỉ định thay thế.

Ngày 28/6/1914, khi đang tham dự lễ trao giải Grand Prix ở Trường đua ngựa Longchamp, Poincaré nhận được tin François-Ferdinand, Thái tử Áo bị ám sát ở Sarajevo (Bosnia). Tổng thống hiểu ngay đây là tin rất nghiêm trọng. Nước Áo, đồng minh của Đức, có thể lợi dụng cơ hội để trả thù nước Serbia bé nhỏ vì quốc gia này đang muốn đòi lại phần lãnh thổ ở Bosnia mới bị Áo-Hung thôn tính. Đây là cơ hội mà Áo tìm kiếm từ lâu; nhưng Serbia là đồng minh của Nga còn Nga lại là đồng minh của Pháp, vì vậy Pháp có nguy cơ bị lôi kéo vào cuộc chiến ở Balkan. Tất nhiên, như đã làm năm 1908, Pháp có thể từ chối tham gia cùng Nga vào một cuộc xung đột trong đó những lợi ích sống còn của Nga không được đặt ra, nhưng cũng như vào năm 1911, Nga có thể tuyên bố không ủng hộ Pháp trong một cuộc chiến có thể bất ngờ xảy ra với Đức... Ngày 16/7, cùng với René Viviani, Poincaré lên thiết giáp hạm France để đến thăm Nga hoàng.

Đây là một trong những giai đoạn bị tranh cãi nhiều nhất trong sự nghiệp của Poincaré. Thực ra, chuyến thăm Nga diễn ra không lâu trước khi chiến tranh nổ ra. Ngày Poincaré rời Nga, Vienne gửi cho Belgrade một bức tối hậu thư không thể chấp nhận được. Trong những ngày tiếp theo, châu Âu sôi sục trong một cơn sốt hoạt động chính trị và quân sự. Các bộ tham mưu náo động, các nhà ngoại giao cố tìm cách ngăn chặn lại chuỗi sự kiện không thể tránh được: London tác động đến Hoàng đế Guillaume II để ông ta hiểu rằng nếu chiến tranh xảy ra, nước Anh sẽ không đứng ở vị trí trung lập. Quá hoảng sợ, Kaiser nghĩ đến đàm phán và khuyên can Áo, mặc dù trước đây ông ta vẫn khuyến khích Áo. Nhưng ngày 30/7, Nga bắt đầu huy động lực lượng quân đội. Từ đó, các đồng minh phản ứng dây chuyền. Ngày 1/8, Đức tuyên chiến với Nga; ngày 3/8, Đức tuyên chiến với Pháp. Câu hỏi đặt ra là Raymond Poincaré đóng vai trò gì trong việc phát động chiến sự và liệu thái độ của Nga hoàng có phải là hệ quả của những đảm bảo mà Poincaré hẳn đã đưa ra trong chuyến thăm Nga? Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, các đối thủ của Poincaré đã dành cho ông lời kết tội khủng khiếp này và đặt cho ông biệt danh “Poincaré-Chiến tranh”.

“Poincaré-Chiến tranh”

Những cuốn hồi ký do Poincaré xuất bản sau khi về hưu là một lời biện hộ dài nhằm bác bỏ luận cứ này. Ông đưa ra vô số bằng chứng về mong muốn hòa bình của mình, khẳng định rằng ông đã cảnh báo Sa hoàng không nên có hành động khinh suất. Ông cũng tự hào vì có tham gia

ý kiến vào quyết định của Bộ trưởng cho rút quân về cách biên giới 10 km chỉ vài ngày trước khi có xung đột, để Pháp không bị qui kết là khiêu khích. Vị luật gia muốn có quyền trong cuộc xung đột đang bắt đầu, hơn nữa ông biết rằng Anh chưa được xác định thái độ, rằng điều quan trọng là không nên làm méch lòng đồng minh tương lai. Nhưng tất cả những điều này không có giá trị nếu người ta cho rằng lời tuyên bố của Poincaré ở Nga đã đẩy Nga đến quyết định nguy hại là huy động lực lượng vì tin chắc rằng Pháp sẽ đi theo sau. Vậy mục đích chuyến công du của Poincaré đến Nga là gì? Trong khi châu Âu như đang sống trên núi lửa thì Tổng thống Pháp lại muốn tin chắc rằng đất nước ông có thể trông cậy vào Nga. Trong những điều kiện như vậy, liệu có thể tin rằng ông đã hết lời khuyên nhủ Nga nên thận trọng, thực chất là xóa bỏ nghi ngờ rằng Pháp quyết tâm dẫn thân vào một cuộc chiến không?

Để đánh giá ý kiến dư luận, chỉ cần liếc qua báo chí thời đó, nhất là tờ *Matin* (Buổi sáng). Ngày 18/7, ngay trước khi Poincaré lên đường, báo này chạy hàng tít: “Tổng thống Poincaré đến Cronstadt vào đúng lúc nước Nga bừng tỉnh” và giải thích rõ bản chất của sự thức tỉnh này: “Trong thời bình, quân đội Nga tăng quân số từ 1.200.000 lên 2.245.000”. Tờ báo này cũng dẫn tin từ báo chí Nga về chuyến thăm của Poincaré. Ví dụ, bài báo được rút ra từ tờ *L'Invalide Russe* (Thương binh Nga): “Nước Nga quân sự vui mừng đón tiếp nước Pháp [...] Nga tin chắc rằng vào thời khắc thử thách, Nga và Pháp sẽ chiến thắng và gặt hái những vinh quang mới. Với các sư đoàn, trung đoàn của Pháp, chúng ta nhất định sẽ chiến thắng, chúng ta muốn chiến thắng, chúng ta chắc chắn chiến thắng và chúng ta chiến thắng với bất kỳ giá nào và bất kỳ ai”. Rõ ràng là bầu không khí ở Nga sôi sục hơn. Quan chức Nga thích thú với tính kiên quyết của Poincaré đến mức không ngần ngại tuyên bố với Sa hoàng: “Một vị vua chuyên chế phải nói như thế chứ!”

Ngoài ra, Poincaré có thói quen viết báo cáo về những cuộc trò chuyện của ông với các chức sắc nước ngoài để trình Hội đồng Bộ trưởng, nhưng tại sao ông lại không viết báo cáo nào về chuyến công du tới Nga? Rõ ràng là nếu Poincaré không chủ động tham gia chiến tranh thì ông cũng không làm gì để ngăn chặn chiến tranh và thái độ của ông, cho dù cố ý hay vô tình, đã khuyến khích Nga có quan điểm cứng rắn. Ngày 30/7, khi Poincaré và Viviani xuống tàu ở nhà ga phía Bắc thì một phái đoàn của Hội ái quốc do Chủ tịch hội Maurice Barrès dẫn đầu đã chờ sẵn ở đó. Tờ *Matin* đã miêu tả cảnh tượng: “Trong nhà ga phía Bắc, sau khi đội kèn chơi xong bài “Aux champs” và sau những lời giới thiệu thường lệ, Poincaré bước lên xe trong im lặng thì bỗng nghe thấy một tiếng hét mạnh mẽ vang lên:

- Nước Pháp muôn năm! Nước Pháp muôn năm!

Dường như ngài Tổng thống không mong chờ một sự đón tiếp như vậy. Sau một lát, ánh mắt ngạc nhiên của ông nhìn bao quát đám đông:

- Nước Pháp muôn năm! Tổ quốc muôn năm! Quân đội muôn năm!

Ngài Tổng thống đã hiểu. Mặt tái đi, ông đứng dậy và chậm rãi chào bằng động tác như người ta chào lá cờ đi qua.

Xe lăn bánh. Dọc theo phố Lafayette, ở Nhà hát lớn, trước Điện Élysée, đâu đâu ông cũng nghe thấy tiếng hô vang khẩu hiệu:

- Nước Pháp muôn năm!

- Nước Nga muôn năm! Nước Anh muôn năm! - những tiếng hô nồng nhiệt vọng lại.

Trên các phố mà đoàn của Tổng thống vừa đi qua, đám đông tràn qua hàng rào cảnh sát, ủa ra đường. Họ nhanh chóng chia thành các nhóm và đi trật tự về phía Nhà hát lớn và các đại lộ, vừa đi vừa hát vang bài “Marseillaise”.

Liên minh thần thánh

Ngay cả khi không muốn có chiến tranh, Poincaré cũng có thể nhận thấy rằng khi chiến tranh đến, nước Pháp tập hợp xung quanh ông như xung quanh biểu tượng của lòng ái quốc. Đứng trước hiểm nguy, mọi tranh cãi giữa các đảng phái đều chấm dứt, Poincaré có thể đóng vai trò mà ông hằng mong ước.

Ngày 4/8/1914 là đỉnh cao trong sự nghiệp của Poincaré. Hôm đó, ông gửi cho Quốc hội và Thượng Nghị viện một bức thông điệp với lời lẽ được các nghị sĩ nhiệt liệt tán thưởng. Bức thông điệp đề cập hai chủ đề ưa thích của Tổng thống: trách nhiệm và mong muốn rằng trước lợi ích quốc gia, các đảng phái chấm dứt đấu đá: “Trong cuộc chiến tranh mới nổ ra, nước Pháp có quyền đối với bản thân mình [...] Đứng trước kẻ thù, tất cả những người con của nước Pháp sẽ anh dũng bảo vệ Tổ quốc, và không gì có thể phá vỡ Liên minh thần thánh của họ, giờ đây họ đang sát cánh bên nhau trong cùng một sự phản nộ chống quân xâm lược và đồng lòng ái quốc”. Liên minh thần thánh mà Poincaré nói tới đã có thực chưa? Có thể là như vậy nếu dựa vào thái độ của Đảng Xã hội cực hữu và phong trào nghiệp đoàn. Quốc tế xã hội lẽ ra phải ngăn chặn việc huy động quân nhưng lại tỏ ra hoàn toàn bất lực, Đảng viên Đảng Xã hội Đức từ chối tố thái độ gây hại cho đất nước họ. Ngày 31/7, nhà tư tưởng lớn của Đảng Xã hội Pháp là Jean Jaurès bị một kẻ kích động ám sát. Cái chết này không gây nhiều rắc rối như Chính phủ vẫn e ngại. Ngày 4/8, trong lễ tang của Jaurès, Tổng thư ký Tổng liên đoàn lao động Léon Jouhaux phát biểu: “Nhân danh các tổ chức nghiệp đoàn, nhân danh tất cả những người lao động đã nhập ngũ và tất cả những người, trong đó có tôi, sẽ lên đường ngày mai, tôi tuyên bố rằng chúng tôi sẽ chiến đấu với quyết tâm đẩy lùi quân xâm lược”. Và “Trận đánh của nghiệp đoàn”, cơ quan của Tổng liên đoàn lao động giải thích rằng trong cuộc xung đột này, nước Pháp là nạn nhân và công nhân phải tham gia vào cuộc chiến tranh vệ quốc chứ không phải cuộc chiến tranh đế quốc. Ngay cả Gustave Hervé, người theo khuynh hướng vô chính phủ từng nổi tiếng với đề xuất “cắm cờ vào đồng phân” và đáp lại lệnh động viên bằng một cuộc tổng khởi nghĩa, cũng hòa theo “dàn hợp xướng”: “Cần phải theo nước Pháp”, ông viết như vậy trên tờ *Guerre sociale* (Chiến tranh xã hội), tờ báo này ngay sau đó được đổi tên thành *La Victoire* (Chiến thắng).

Cuối tháng 8/1914, Liên minh thần thánh thành lập chính phủ, nội các Viviani được cải tổ. Những người có danh tiếng về chính trị không chiến thắng trong cuộc bầu cử năm 1914 đã được mời tham gia vào nội các này: Millerand (trở thành Bộ trưởng Chiến tranh), Briand, Delcassé, Ribot. Ngoài ra còn có hai lãnh đạo của Đảng Xã hội là Marcel Sembat, Tổng biên tập tờ *L'Humanité* (Nhân đạo) và Jules Guesde, người trước đây phản đối kịch liệt sự tham gia của Đảng Xã hội vào chính phủ tư sản. Cuối cùng là Denys-Cochin, một nhân vật cánh hữu theo Thiên chúa giáo. Tất nhiên, cần phải phân tích sắc thái đồng lòng trong Liên minh thần thánh. Một phần của cánh hữu không tham gia chính quyền, còn bên cánh tả, không có mặt hai nhà lãnh đạo cấp tiến chính: Caillaux, vì Poincaré không ưa ông một phần do thù ghét cá nhân, một phần vì ông phản đối chiến tranh và ủng hộ biện pháp đàm phán, và Clemenceau, vì ông này chỉ chấp nhận tham gia nội các với cương vị lãnh đạo.

Từ đó, Clemenceau không ngừng tố cáo cách tiến hành chiến tranh, đồng thời lên án các nhà quân sự và chính trị. Ông cáo giác cả Poincaré, kết tội Tổng thống chỉ nghĩ đến tham vọng cá nhân, và để thỏa mãn tham vọng đó, chỉ mời những kẻ bất tài vào bộ máy chính quyền. Nhưng trên thực tế, cho đến năm 1917, Poincaré có thể đóng vai trò người chủ trì trong việc điều hành các hoạt động. Như vậy, ông dường như đã thực hiện được mục đích của mình: đem lại cho chức Tổng thống một chút quyền lực đã bị tước mất. Nhưng đúng là quyền lực này bị hạn chế nhiều do giới quân sự được hưởng nhiều đặc quyền trong thời kỳ chiến tranh. Và cũng đúng là những kết quả ở tiền tuyến làm cho Tổng thống dần đánh mất đi niềm tin mà dân chúng dành cho ông lúc bắt đầu nhiệm kỳ.

Thất bại quân sự và chuyển thăm tiền tuyến không đúng lúc

Ngay từ những ngày đầu tiên của chiến tranh, rõ ràng là vai trò của chính quyền dân sự trở thành thứ yếu bởi Tổng tư lệnh Joffre mới là ông chủ thực sự của nước Pháp. Poincaré luôn

phần nản vì không nắm được tình hình. Bộ trưởng Chiến tranh Messimy cũng không thể cho ông biết tình hình chiến sự, và người ta còn nghi ngờ rằng chính tổng Tư lệnh cũng không nắm vững các sự kiện. Cuối tháng 8, khi các tin tức được sáng tỏ, cũng là lúc lộ ra tình cảnh bi thảm: các đợt tấn công của Pháp đều thất bại; miền Bắc và miền Đông nước Pháp bị xâm chiếm; Paris đang bị đe dọa. Người ta vội vàng thu xếp tạm nội các, bổ nhiệm Galliéni chỉ huy đội quân Paris, và ngày 2/9, một tháng sau khi tuyên chiến, theo lệnh của Joffre, bộ máy công quyền rời Thủ đô đến Bordeaux. Poincaré không dễ dàng chấp nhận sự ra đi này. Ông e sợ cuộc chạy trốn này sẽ gây ra hậu quả tinh thần là dẫn đến một cuộc cách mạng tại Thủ đô. Tuy nhiên, do tướng Joffre thuyết phục mãi nên ông đã nhượng bộ: “Cuối cùng tôi đã dũng cảm tỏ ra hèn nhát”. Cho tới tận cuối năm, chính phủ, Quốc hội và Tổng thống vẫn ở Bordeaux theo lệnh của Tổng tư lệnh (ông này cảm thấy như vậy được tự do hành động hơn), nhưng họ cố chịu đựng những lời chỉ trích ngày càng mạnh mẽ của công luận. Công luận coi hành động rút lui này là một sự từ chức thực sự của những người có chức quyền. Nhưng ít ra, Poincaré cũng được Joffre cho phép ra thăm mặt trận. Sáng kiến này lẽ ra rất tốt nếu làm cho Tổng thống gần gũi hơn với các chiến sĩ, nhưng do cách ứng xử vụng về của ông nên nó trở thành hồi chuông báo tử cho uy tín của Tổng thống. Đầu tiên, Poincaré gặp rắc rối trong vấn đề trang phục: nên mặc quần áo gì để đi thăm chiến hào? Ông thấy không nên mặc đồng phục sĩ quan, mặc dù ông là Đại úy dự bị. Trong cảnh bùn lầy nơi chiến hào, ông nghĩ sẽ thật nực cười khi mặc lễ phục, khoác áo có đuôi dài, đội mũ cao thành. Thế là ông giải quyết vấn đề nghiêm trọng này bằng cách cải biến một bộ quần áo dân sự theo dáng quần sự khiến binh sĩ vô cùng ngạc nhiên và biến ông thành trò cười. Trong chiếc áo da màu xanh sẫm, cái khuy đến tận cằm, khoác thêm chiếc áo choàng xanh nhạt, đi đôi ghê đên, đầu đội mũ cát-két, Tổng thống trông giống tài xế của một gia đình giàu có, lại thêm thái độ nghiêm trang và đần độn, tất cả tạo ra một ấn tượng rất buồn cười.

Cách ứng xử của Tổng thống liệu có bù trừ cho cách ăn mặc kỳ cục không? Cũng không nốt. Ở nơi đáng lẽ phải là một con người, Poincaré lại muốn trở thành một thiết chế! Ông tuyên bố rằng trong khi thực hiện chức trách Tổng thống Pháp, ông không được quyền suýt vướn và đứng trước những người lính, ông phải tỏ thái độ rất nghiêm khắc, tư thế nghiêm trang, thích im lặng hoặc chỉ nói vài từ hơn là để lộ tình cảm. Dĩ nhiên, mất lòng dân sẽ chỉ là một yếu tố rất nhỏ nếu quân đội luôn thắng trận và có thể hi vọng sắp thắng lớn, nhưng sự thực lại không như thế!

Trên phương diện quân sự, vào tháng 9/1914, chiến thắng trên sông Marne đã cứu Paris, nhưng kể từ cuối năm, sau vài ý định vượt tuyến không thành của quân địch, mặt trận được duy trì ổn định từ biên phía Bắc đến biên giới Thụy Sĩ. Cả hai bên đều cố thủ trong chiến hào kiên cố. Từ cuối năm 1914, Poincaré viết trong nhật ký rằng tình hình có nguy cơ kéo dài vô tận, và thực vậy, mọi ý định chọc thủng tiền tuyến Đức trong năm 1915 đều không thành và gây nhiều thương vong.

Chiến thắng của Clemenceau

Trên phương diện chính trị cũng có tình trạng suy sụp tương tự. Người ta thấy rằng ý tưởng lớn của Poincaré là Liên minh thần thánh, đó thực ra là tập hợp các Đảng viên Đảng Xã hội vào bộ Quốc phòng. Đa số trong Đảng tán thành quan niệm này, nhưng một vài nhà lãnh đạo lại không chấp nhận điều mà họ cho là phản bội lại lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Từ năm 1915, hai thủ lĩnh của nghiệp đoàn, trong đó có viên Tổng thư ký đầy quyền lực của Liên đoàn Kim loại là Alphonse Merrheim, đã đi dự Hội nghị Quốc tế xã hội ở Zimmerwald (Thụy Sĩ). Hội nghị này đã thông qua nguyên tắc của phong trào chống chiến tranh đang diễn ra: “Cuộc chiến này không phải là cuộc chiến của chúng ta”, những người tham dự đã tuyên bố như vậy; nhưng ngay trong phong trào xã hội, Merrheim và Bourderon bị coi là những kẻ phản bội.

Năm 1916, tại Kienthal (Thụy Sĩ), diễn ra một Hội nghị mới với sự tham gia của một đại biểu Đảng Xã hội Pháp. Hội nghị mong muốn một nền hòa bình mà không có sáp nhập hay bồi thường, và từ 1915, các tư tưởng đã phát triển đến mức một nhóm thiểu số tán thành hội nghị Kienthal đã được hình thành trong Phân nhánh Quốc tế công nhân Pháp SFIO. Tại Đại hội Đảng

Xã hội năm 1917, nhóm thiểu số này đã đạt được nhiều tiến bộ đến nỗi để tránh sự chia rẽ trong Đảng, phe đa số đã quyết định không tham gia vào chính phủ của Painlevé, nhưng vẫn tiếp tục thông qua các khoản ngân sách chiến tranh. Trong các đảng, Liên minh thần thánh bị tổn hại nghiêm trọng. Nó không còn tồn tại trên đất nước nữa: đình công lại diễn ra tại các nhà máy sản xuất vũ khí, thất bại và thiếu thốn càng làm gia tăng bất bình đối với các vị Tướng bất tài, đối với chính phủ vì để mặc họ muốn làm gì thì làm và đối với Tổng thống vì sự lạnh lùng mà ai cũng phê phán. Rất nhiều người Pháp đã nhắc lại câu nói cay nghiệt của Clemenceau dành cho Poincaré: “Lẽ ra chúng ta không bao giờ được để một người có trái tim nhồi đầy hồ sơ ở vị trí đứng đầu đất nước”.

Mùa thu năm 1917, tình hình gay go đến mức Tổng thống phải lựa chọn giữa hai lối thoát: mời vào chính quyền một người quyết tâm từ bỏ chính sách mà cho đến lúc đó ông vẫn luôn ca ngợi, và thương lượng với quân địch để ký hiệp ước hòa bình, đó chính là Caillaux, vì Briand đã bị mất uy tín; hoặc chỉ định Georges Clemenceau, người từ năm 1914 luôn tỏ ra mạnh mẽ và được lòng dân, vào cương vị Chủ tịch Hội đồng. Dù sao, vai trò của Poincaré cũng đã thật sự chấm dứt. Chính sách của ông thất bại, do đó những nỗ lực của ông nhằm khôi phục lại quyền lực cho Tổng thống một cách hợp pháp cũng không đem lại kết quả. Ông cam chịu nép mình và trong hai người mà ông ghét như nhau, ông buộc phải chọn người có quan điểm chính trị gần với quan điểm của ông nhất, đó chính là Clemenceau.

Khi bổ nhiệm Clemenceau tháng 11/1917, Poincaré biết rằng ông đã mất mọi hi vọng được giữ vai trò cá nhân. Người đứng đầu mới của chính phủ không thích chia sẻ quyền lực. Các Bộ trưởng đều là bạn bè của ông ta, còn các chính trị gia nổi tiếng bị loại khỏi nội các. Tệ hơn nữa, Hội đồng Bộ trưởng rất ít khi họp, mà đó lại là cơ hội duy nhất để Tổng thống hi vọng có thể nắm được tình hình. Quốc hội cũng chẳng được đối xử tốt hơn. Clemenceau điều hành công việc rất mau lẹ và chỉ báo cáo Quốc hội khi ông muốn. Ông biết rằng với sự ủng hộ của dư luận, ông có thể bỏ qua sự bất bình của các Nghị sĩ. Chính vì sự ủng hộ này mà Clemenceau có thể khoe khoang với Poincaré khi Poincaré phàn nàn là bị xa lánh: “Tôi được lòng dân, còn ông thì không”, người đứng đầu chính phủ tuyên bố thẳng với người đứng đầu nhà nước như vậy. Tuy nhiên, thỉnh thoảng khi cần, Clemenceau lại đặt Poincaré lên trước. Ví dụ như vào tháng 3/1918, khi muốn thuyết phục các đồng minh chấp nhận Nguyên soái Foch là tư lệnh duy nhất, Clemenceau nghĩ rằng uy tín tinh thần của Tổng thống có thể phục vụ cho ý đồ của ông ta. Gần như bị giam trong Điện Élysée, Poincaré có đủ thì giờ để suy ngẫm về những ảo tưởng đã mất: cuộc chiến tranh mà ông chấp nhận liệu có đem lại những kết quả mà ông hi vọng không?

Từ năm 1917, các cường quốc trong Thoả ước liên minh (Pháp, Anh, Nga và Italia) có thêm một đồng minh là Mỹ. Tháng 1/1918, Tổng thống Mỹ Wilson thể hiện các mục đích tham chiến của mình trong tuyên bố “Mười bốn điểm”: hòa bình được thiết lập trên cơ sở pháp luật và công bằng chứ không phải theo ý muốn của các nước thắng trận; áp dụng nguyên tắc dân tộc; không sáp nhập. Theo nguyên tắc dân tộc; chắc chắn vùng Alsace-Lorraine sẽ trở về với Pháp, nhưng nếu các quan điểm của Wilson chiến thắng, Pháp sẽ phải từ bỏ tham vọng sáp nhập vùng Sarre và Rhénanie ở tả ngạn sông Rhin. Một người theo chủ nghĩa dân tộc như Poincaré không dễ gì cam chịu điều đó, nhưng ít ra ông cũng còn một tia hi vọng: đó là một người Pháp, Nguyên soái Foch, đang chỉ huy quân Đồng minh. Quân Pháp đông nhất; khi đã tiến được vào Đức và tiêu diệt hoàn toàn quân Đức, Pháp có thể áp đặt luật của kẻ chiến thắng cho Đức. Để tránh quyết định cực đoan này, ngày 3/10/1918, Đức tuyên bố chấp nhận đàm phán trên cơ sở “Mười bốn điểm”. Biết tin này, Poincaré viết ngay cho Clemenceau một bức thư để cảnh báo việc ngừng chiến sớm, ông cho rằng tuyên bố đình chiến có thể “chặt chân quân đội của chúng ta”. Clemenceau vô cùng tức giận viết:

“Thưa ngài Tổng thống,

Sau ba năm đích thân điều hành chính phủ rất thành công, tôi không chấp nhận việc Ngài tự cho phép mình khuyên nhủ tôi không được chặt chân những người lính của chúng ta. Nếu Ngài không rút lại bức thư được viết cho Lịch sử mà Ngài muốn làm nên, tôi lấy làm vinh hạnh được

gửi tới Ngài đơn xin từ chức của tôi.

Kính thư.

Clemenceau”

Phải vất vả lắm Poincaré mới làm cho vị Chủ tịch Hội đồng hay câu giận bình tĩnh lại. Ông biết rằng đất nước sẽ không tha thứ cho ông nếu người đã là “người Cha chiến thắng” rời vị trí. Sự việc dù bớt dần nhưng cả Poincaré lẫn Clemenceau đều sẽ không quên.

Chuyến đi thắng lợi đến Alsace-Lorraine

Giờ đây niềm vui chiến thắng xóa tan mọi sự ganh đua. Ngày 11/11/1918, Đức đầu hàng. Tại Paris, không khí phấn khởi tràn ngập, nhưng Tổng thống lại phải chịu cay đắng. Quốc hội ra sắc lệnh: “Georges Clemenceau và Nguyên soái Foch rất có công với Tổ quốc”. Clemenceau đã lấy mất của Raymond Poincaré chiếc áo lễ mà ông vẫn mơ ước được mặc. Việc thực thi Hiến pháp, đẩy Tổng thống xuống thành nhân vật thứ yếu và mang tính trang trí, đã chiến thắng mong muốn khôi phục lại Hiến pháp theo đúng nghĩa đen của Poincaré.

Tuy nhiên, Clemenceau không từ chối lời đề nghị của Poincaré: cùng đi tới các tỉnh mới giành lại được. Ngày 7/12/1918, Poincaré và Clemenceau tới Lorraine. Ngày 8/12, tại Metz, Poincaré giao lại chiếc gậy Thống chế của mình cho Pétain, và sau khi ôm hôn Pétain, ông quay sang ôm hôn Clemenceau trong sự hoan hô nhiệt liệt của đám đông. Tại Strasbourg, những tiếng hoan hô vang dội như vậy đã đền đáp cho nỗi oán giận và thu mình của Poincaré. Hơn nữa, sau buổi lễ chính thức, đám đông còn dành cho riêng cho ông sự đón chào nhiệt liệt. Nhưng khi trở về Paris, những nỗi lo lại xuất hiện. “Vấn đề hiện nay là phải đạt được hòa bình”, Clemenceau nói vào tối ngày 11/11; nhưng về cách đạt được hòa bình, quan điểm của Poincaré và Clemenceau hoàn toàn khác nhau.

Một nền hòa bình thỏa hiệp mà Poincaré không mong muốn

Tổng thống nghĩ tới một nền hòa bình sẽ mang lại lợi ích cho nước Pháp, xứng đáng với những hi sinh đã cống hiến. Do chỉ có thể kéo dài chiến tranh đến khi Đức bị đánh bại hoàn toàn, Poincaré đành chấp nhận không sáp nhập vùng tả ngạn sông Rhin, nhưng ít nhất ông cũng gây sức ép với Clemenceau để thương thảo với quân Đồng minh cho Pháp đóng chiếm vùng này. Clemenceau rất phản nộ; còn Wilson từ chối, giận dữ vì thấy Pháp muốn tạo ra một vùng “Alsace-Lorraine” mới ở Đức.

Về phần Thủ tướng Anh Lloyd George, các cố vấn khuyên ông nên ngăn cản các tham vọng của Pháp, quân đội Pháp lúc này đang có mặt ở khắp châu Âu. Mặt khác, Clemenceau không muốn làm sút mẻ mối quan hệ với các đồng minh. Vì vậy, ông chấp nhận một nền hòa bình thỏa hiệp, trong đó Pháp phải hi sinh phần lớn các dự định của mình cho Anh. Pháp sẽ chỉ được tạm chiếm vùng tả ngạn sông Rhin (muộn nhất đến năm 1935 sẽ rút khỏi đây từng phần) - dự kiến Pháp có thể kéo dài chiếm đóng nếu Đức không trả tiền bồi thường chiến tranh. Cuối cùng, trong khi chờ đợi một hội nghị chuẩn bị tổng giải trừ quân bị, Đức phải giải trừ quân bị ngay. Đối lại những nhượng bộ mà Pháp đã dành cho các nước đồng minh, Clemenceau có được sự đảm bảo mà ông cho là quan trọng: Anh và Mỹ cam đoan sẽ đến cứu viện Pháp nếu Pháp bị Đức tấn công một lần nữa. Khi Clemenceau đến thông báo cho Tổng thống những kết quả đạt được, Poincaré đón tiếp ông bằng một sự im lặng lạnh lùng. Ít nhất là trên một phương diện, tính đa nghi của Poincaré đã được chứng minh là có lí. Thượng nghị viện Mỹ từ chối phê chuẩn hiệp ước hòa bình, do đó lời đảm bảo của Wilson dành cho Pháp trở thành vô hiệu. Chính vì thế, Anh tuyên bố rằng lời đảm bảo của họ chỉ có giá trị khi phối hợp với lời đảm bảo của Mỹ, do đó họ bãi bỏ thỏa thuận mà Lloyd George đã đưa ra.

Đối với Poincaré, mọi việc đã hoàn toàn chấm dứt. Ông thất bại tại Điện Élysée nhiệm kỳ Tổng thống kết thúc vào năm 1920 và ông kiên quyết không ra ứng cử cho nhiệm kỳ thứ hai. Ông

đánh giá quá cao chính sách năng động đến mức chấp nhận vai trò của mình từ khi Clemenceau điều hành công việc. Tuy nhiên, cuộc bầu cử năm 1919 đã bầu ra một Quốc hội của cánh hữu, mang đặc tính của cánh hữu nhất kể từ năm 1871, đó là “Viện xanh chân trời”. Quốc hội này nhanh chóng bỏ phiếu tán thành rằng Tổng thống là người có công với Tổ quốc. Trong hoàn cảnh đó, Poincaré rời Điện Élysée ngày 17/2. Quốc hội cho phép ông hài lòng lần cuối cùng khi làm thất vọng Clemenceau, ứng cử viên kế nhiệm ông. Poincaré tâm sự với một người bạn: “Sự nghiệp của tôi đang bắt đầu”.

Tiếp tục hoạt động chính trị sau khi rời Điện Élysée

Mặc dù thất bại tại Điện Élysée và không thực hiện được ý định giành lại quyền lực thực sự cho Tổng thống nhưng Poincaré đã thắng lợi ở một điểm. Đối với người dân Pháp, ông là hiện thân của vị nguyên thủ quốc gia yêu nước, đối thủ của nền hòa bình do Clemenceau đặt ra, không nhân nhượng khi động chạm tới các quyền của nước Pháp. Những khó khăn của hòa bình, những thất vọng mà nền hòa bình đó mang đến cho nước Pháp đã làm cho nhân dân yêu mến ông, điều mà ông đánh mất trong thời kỳ chiến tranh. Trong suốt 10 năm, ông giữ vai trò chủ chốt trên chính trường Pháp và sau khi tạo nên nghịch lý là làm nên sự nghiệp vẻ vang mặc dù toàn thất bại trong một thời gian dài, ông rút lui vì lý do sức khỏe. Không lâu sau khi rời Điện Élysée, ông được bầu lại làm Thượng nghị sĩ của tỉnh Meuse, Chủ tịch Ủy ban bồi thường chiến tranh, và năm 1922, ông lại trở thành Chủ tịch Hội đồng thay Briand (bị Quốc hội hướng cho là thiên về chấp nhận xem xét lại vấn đề bồi thường chiến tranh). Ngược lại, Poincaré là người “thực hiện toàn bộ Hiệp ước Versailles”. Để buộc Đức phải thanh toán các khoản bồi thường, năm 1923, ông quyết định đánh chiếm vùng Ruhr để lấy đó làm vật thế chấp. Dư luận hoan nghênh nhưng người Anh phản nộ và để tỏ thái độ, họ tác động chống lại đồng franc trên thị trường chứng khoán. Ngay sau đó Poincaré phải chấp nhận những cuộc đàm phán mà ông từng từ chối và cam kết rút quân khỏi Ruhr. Đây là thất bại đầu tiên.

Nhưng ít nhất ông cũng cứu được đồng franc nhờ khoản cho vay của ngân hàng Morgan, nhưng đi kèm với nó là quyết định tăng thuế. Để đáp lại, dư luận làm cho cánh hữu thất bại ở cuộc bầu cử năm 1924 và đưa Liên minh cánh tả lên cầm quyền. Đó là thất bại thứ hai. Tuy nhiên, do các ngân hàng lớn làm thất thoát vốn nên Liên minh cánh tả buộc phải từ bỏ việc nắm quyền khi đồng franc gặp nguy hiểm. Một lần nữa người ta lại triệu mời Poincaré, tác giả của “trận Verdun tài chính 1924”. Lần này, ông đã thành công, sự thành công chất chứa đầy hậu quả đối với nước Pháp. Trên bảng tỉ giá, đồng franc lại tăng lên nhanh chóng, và năm 1928, Poincaré giữ đồng franc ổn định chính thức ở mức 1/5 giá trị trước chiến tranh. Ông trở thành vị cứu tinh của nền tài chính Pháp và năm 1929 rời khỏi chính quyền trong ánh hào quang rực rỡ. Thế nhưng, cuộc khủng hoảng thế giới xảy ra lúc đó đã khiến đồng franc bị coi là được định giá quá cao, do đó giá cả ở Pháp cao hơn giá cả của thế giới. Xuất khẩu bị ảnh hưởng mạnh và sự bình ổn đồng franc của Poincaré và giáo lý đồng franc giá trị mạnh mà các nhà lãnh đạo nền kinh tế sau ông vẫn theo đuổi, đã làm cho nước Pháp phải chịu nhiều hậu quả của cuộc khủng hoảng, vào thời điểm cuộc xung đột thế giới lần thứ hai bắt đầu nổ ra.

Đây không phải là một Tổng thống kiểu mẫu?

Liệu ta có thể tổng kết sự nghiệp của Poincaré vào thời điểm ông rời cương vị Tổng thống được không? Ông hi vọng dùng chức Tổng thống để giữ vai trò thực sự, nhưng đã hoàn toàn thất bại. Chính Clemenceau đã chứng minh cho ông thấy rằng trong quá trình hoạt động thông thường của chế độ dân chủ nghị viện, nếu Tổng thống không có quyền hạn dừng mong giữ một vai trò có quyền lực.

Trong thời kì ông còn đương chức, Liên minh thần thánh mà ông từng muốn dựa vào để gây ảnh hưởng đã nhanh chóng sụp đổ. Hình ảnh của ông trong con mắt người đương thời như thế nào? Nhà văn Jean Giraudoux đã cho chúng ta câu trả lời. Trong cuốn tiểu thuyết Bella, ông phác họa một bức chân dung khủng khiếp về Poincaré, được miêu tả qua nhân vật chính khách Rubendart, người mỗi chủ nhật lại khánh thành công trình tưởng niệm lính tử trận và đường

như tin rằng binh sĩ tử trận trong Đại chiến sẽ lui ra xa để tranh cãi về khoản tiền bồi thường chiến tranh! Bất công ư? Có thể, nhưng xung quanh Poincaré còn quá nhiều bí mật, quá nhiều bí ẩn để có thể đánh giá lương tâm và những ý định tốt đẹp của vị Chủ tịch Liên minh thần thánh: ông không phải là vị Tổng thống - kiểu mẫu như ông hằng ao ước.



PAUL EUGENE LOUIS DESCHANEL
(13/2/1855 - 28/4/1922)

- 11 - PAUL DESCHANEL, GIẤC MƠ KHÔNG THÀNH

(18 tháng 2 năm 1920 - 20 tháng 9 năm 1920)

Nhiệm kỳ Tổng thống của Raymond Poincaré kết thúc vào tháng 1/1920 và ông kiên quyết không tiếp tục thêm một nhiệm kỳ nữa. Một cái tên kế nhiệm nổi lên: Clemenceau. 7 năm trước, đây chính là ý kiến của dư luận mặc dù các Nghị sĩ đã bầu Poincaré; người ta có thể nghĩ rằng lần này dư luận sẽ lựa chọn nhân vật được coi là người chiến thắng trong chiến tranh.

Nhưng liệu Clemenceau có chấp nhận chiếc lồng vàng dường như dành cho ông không? Người từng đánh đổ nhiều nội các, kẻ mưu sĩ đã tạo ra biết bao Tổng thống và cũng làm thất bại nhiều hi vọng của Tổng thống, liệu có muốn hành động vì lợi ích của mình không? Ta có thể nghi ngờ điều đó. Chính Clemenceau cũng hoài nghi khả năng ra ứng cử nhưng cuối cùng bạn bè đã thuyết phục được ông. Dù sao, Clemenceau cũng đặt một điều kiện: không tiến hành các cuộc vận động mà ông coi là mất thể diện, không gặp gỡ các Nghị sĩ có thể lực, không chấp nhận mọi sự nhượng bộ mà ít nhất một ứng cử viên phải làm. Chính vì vậy, việc ông ứng cử phải đi theo đường vòng bằng một thông cáo báo chí: “Ngài Clemenceau đã đồng ý để bạn bè đề cử ngài vào cương vị Tổng thống, khi tuyên bố với họ rằng ngài đã sẵn sàng chấp nhận nhiệm kỳ mà Quốc hội giao phó. Như vậy, thay mặt Ngài Clemenceau, những người bạn của Chủ tịch Hội đồng đã quyết định cho in các phiếu bầu và trao chúng cho các Nghị sĩ sẽ tham gia phiên họp toàn thể”.

Quyết định này của Clemenceau đã làm một người bối rối: đó là ngài Chủ tịch Quốc hội Paul Deschanel. Từ đầu thế kỷ, ông luôn chờ đợi thời vận của mình.

Mục tiêu chính trị duy nhất: trở thành Tổng thống.

Không ai có thể nghi ngờ tư cách đảng viên Đảng Cộng hòa của Paul Deschanel: ông đương nhiên thừa hưởng nó từ gia đình. Là con của một người bị đi đày biệt xứ sau vụ đảo chính ngày 2/12/1851, ông ra đời khi bố mẹ ông sống lưu vong ở Bruxelles. Về mặt chính trị, ông tỏ ra là một người Cộng hòa rất ôn hòa, nếu không muốn nói là phản động, nhưng điều đó không có gì quan trọng! Sự ra đời của ông chẳng đã chứng minh một niềm tin Cộng hòa mãnh liệt đó sao? Ở tuổi 23, ông là một thanh niên hấp dẫn, ăn mặc đẹp, khéo ăn nói. Ông tự cho là có tài viết lách và khá thành công với vài tác phẩm về lịch sử; sự nghiệp chính trị của ông cũng tiến triển đồng thời. Sau khi giữ chức Phó tỉnh trưởng, ông được bầu vào Quốc hội với tư cách là đại biểu của tỉnh Eure-et-Loir và của khu vực bầu cử Nogent-le-Rotrou.

Mục đích của con đường công danh này là chức Tổng thống. Chàng trai Deschanel sớm hiểu rằng một chính khách tỏ rõ thái độ trong các cuộc đấu tranh và có tiếng tăm sẽ không thể vươn tới vị trí nguyên thủ quốc gia. Vì vậy, ông thể hiện vừa đủ để mọi người nghĩ rằng ông là một ứng cử viên lí tưởng, chứ không làm mình nổi bật để mọi người e sợ. Vì vậy, con đường công danh của Deschanel diễn ra trong danh dự và từ chối trách nhiệm. Là Nghị sĩ, ông kiên quyết từ chối mọi lời đề nghị giữ chức Thủ tướng vì sợ bị ảnh hưởng. Mặc dù các Tổng thống, trong đó có Loubet và Poincaré, tha thiết khẩn nài song ông vẫn một mực từ chối thành lập chính phủ. Nhưng ông chăm sóc bản thân rất kĩ lưỡng và sự thanh lịch của ông còn nổi tiếng hơn tài ăn nói. Chính ông cho rằng mình rất vụng về khi thực hiện và chỉ đạo công việc, nhưng lại cảm thấy rất thoải mái trên cương vị trọng tài và đại diện. Thực vậy, ông được bầu làm Chủ tịch Quốc hội nhiều lần, và tính công minh, tài hùng biện của ông đã làm hài lòng tất cả các phe phái trong Quốc hội. Tuy nhiên, thái độ khéo léo này được đền đáp hơi muộn. Trong cuộc bầu cử Tổng thống năm 1906, không ai nghĩ đến việc đưa Paul Deschanel lên để thay thế Loubet, và Fallières đã dễ dàng đắc cử. Năm 1913, vì đã có kinh nghiệm nên ông tỏ rõ thái độ sẵn sàng ra ứng cử. Nhưng do dư luận áp đặt và hoàn cảnh lúc đó đòi hỏi phải bầu Raymond Poincaré. Chắc

chấn Deschanel sẽ khó bỏ qua việc này cho Poincaré.

Năm 1920, ông lại ra ứng cử khi Clemenceau có thể sẽ hất cẳng ông. Ông lo sợ lại tái diễn tình trạng như năm 1913 và Quốc hội sẽ chọn người được lòng dư luận. Vậy mà Clemenceau nổi tiếng khắp cả nước, còn Deschanel thì lại ít được biết đến. Nhưng một lần nữa, tình huống này lại có lợi cho người ít thể hiện quan điểm hơn và ít nổi tiếng hơn.

Thất bại của Georges Clemenceau

Nếu như Clemenceau được dư luận ủng hộ thì các Nghị sĩ, những người ủng hộ ông trong các cuộc bỏ phiếu công khai, lại không hề yêu quý ông và thể hiện điều đó trong một cuộc bỏ phiếu kín. Tại sao ư? Hãy để chính Clemenceau giải thích: “Bởi vì khi tôi nói với Quốc hội, tức là tôi nói với đất nước. Các bài phát biểu của tôi luôn vượt lên trên các Nghị sĩ và Thượng nghị sĩ và tôi luôn khiến họ hiểu rằng dù tôi thất bại hay không, cuối cùng chính đất nước sẽ phán xét tôi và phán xét họ”.

Tất cả các chính đảng trong quốc hội đều trách cứ Clemenceau. Đảng Xã hội cánh tả nhớ lại rằng ngày xưa ông ta tự xưng là “viên cảnh sát số 1 của Pháp” và người ta không tha thứ cho hành động tàn nhẫn của ông khi đàn áp phong trào hòa bình trong thời kỳ chiến tranh. Những người cấp tiến thì phàn nàn về tính độc đoán của ông và nhớ lại nội các mà ông đã thành lập trong chiến tranh. Họ e sợ rằng khi trở thành Tổng thống, ông sẽ chỉ thực thi quyền lực cá nhân và mời vào nội các những nhân vật thứ yếu. Về phía cánh hữu, chính sách kinh tế chỉ huy do Clemenceau thực hiện khiến họ rất lo lắng và những người Thiên chúa giáo vốn rất đông đảo ở “Quốc hội của quân đội” nhắc đi nhắc lại câu trả lời của ông khi Nghị sĩ Groussau hỏi ông có đồng ý thiết lập lại quan hệ ngoại giao với Roma không: “Không đời nào!” Ngoài những lí do chính trị này, còn có những vấn đề cá nhân: Clemenceau chưa bao giờ nể nang ai, do đó không thể trông chờ người khác kính nể. Aristide Briand tiến hành chiến dịch phản đối Clemenceau. Ông đi khắp các hành lang Nghị viện, đi từ nhóm này sang nhóm khác để bắn những mũi tên tầm độc vào Clemenceau. Ví dụ, khi gặp Groussau, một trong những người đứng đầu nhóm Thiên chúa giáo, Groussau nói: “Hình như ngài sẽ bỏ phiếu cho Clemenceau. Vậy thì ngài có thể chuẩn bị chờ đợi một đám tang dân sự tồi tệ nhất ở Điện Élysée nhờ phiếu bầu của Ngài và bạn bè Ngài đấy”.

Mặc dù từng nghĩ rằng nên từ bỏ còn hơn lại phải chịu thất bại trước một đối thủ quá nổi tiếng, nhưng trong những điều kiện đó Paul Deschanel đã lấy lại được nghị lực. Sau một vài lưỡng lự, phái Thiên chúa giáo quyết định ủng hộ Deschanel và Hồng y giáo chủ đã phát biểu ý kiến cá nhân (nhưng những lời nói của ông rất có tiếng vang): “Các tín đồ Thiên chúa giáo chúc ông Deschanel thắng cử”. Như vậy, rõ ràng là Clemenceau sẽ thua vì quá coi thường những Nghị sĩ sẽ bầu ra Tổng thống. Ngày 16/1, tại Thượng nghị viện, các nhóm Cộng hòa của Nghị viện tiến hành phiên họp trừ bị truyền thống. Lần đầu tiên, khoảng 30 Nghị sĩ Đảng Xã hội tham gia phiên họp này không phải để chỉ định ứng cử viên theo lựa chọn của họ, mà để làm cho Clemenceau thất bại. Buổi chiều, kết quả được công bố: Deschanel hơn Clemenceau 19 phiếu. Clemenceau không hề nghĩ đến việc tiếp tục đi xa hơn nữa như Poincaré đã làm 7 năm trước đây. “Con hổ” bại trận gửi cho Chủ tịch Quốc hội Léon Bourgeois một bức thư xin rút lui:

“Thưa Ngài Chủ tịch Quốc hội,

Tôi xin mạo muội thông báo với Ngài rằng tôi không cho phép bạn bè đưa tôi ra ứng cử vào chức Tổng thống nữa. Cho dù họ vẫn tiếp tục và giành được đa số phiếu cho tôi, tôi cũng xin từ chối nhiệm kì được giao”.

Vậy là con đường rộng mở cho Deschanel. Ngày 17/1, ông đắc cử Tổng thống tại vòng bầu cử đầu tiên với 734 trong tổng số 888 phiếu bầu. Bài học của cuộc bầu cử này không phải là bài học về chiến thắng của con người ít nổi tiếng này, mà là bài học về thất bại của Georges Clemenceau. Lại một lần nữa, nhân vật mang tính đại diện ở hàng thứ yếu được ưa thích hơn vị chính khách mà người ta sợ rằng không thích “trị vì” mà muốn “điều hành”. Clemenceau chấp

nhận thất bại này một cách khó khăn. Sau cuộc bầu cử, khi Deschanel đến thăm ông lần đầu tiên với tư cách là Tổng thống, Clemenceau nói với những người thân cận: “Hãy nói với ông ấy là tôi không có ở đây”. Sau đó ông rút lui trong cay đắng, từ chối mọi cương vị chính trị.

Những điều kì cục của Tổng thống

Ta có thể nghĩ rằng, sau khi chuẩn bị quá lâu cho nhiệm kì Tổng thống mà ông đạt được vào ngày 17/1, Deschanel sẽ không có những đòi hỏi bất ngờ. Trên thực tế, ông có luận thuyết Tổng thống riêng: ông nghĩ rằng với những quyền lực mà Hiến pháp trao cho, Tổng thống phải thật sự “điều hành” và cho rằng mình phải có ý kiến về hiệp ước hòa bình được ký ở Versailles, bởi theo ông nền hòa bình này không thỏa mãn lợi ích quốc gia. Clemenceau từ chức làm cho chính trường không còn một chính khách độc đoán. Tuy nhiên, phe đa số của Khối Dân tộc chi phối Quốc hội có một thủ lĩnh mà Deschanel phải mời tham gia chính quyền, đó là Alexandre Millerand. Thế nhưng vị tân Chủ tịch Hội đồng không hề thua kém Clemenceau về vấn đề quyền lực và không muốn trao lại cho Tổng thống dù chỉ một phần quyền lực nhỏ nhất của mình. Vì Millerand được phe đa số trong Quốc hội ủng hộ nên Deschanel chỉ còn biết tuân theo và chấp nhận thất vọng đầu tiên này. Nhưng ngay sau đó, bản thân ông cũng không còn khả năng theo đuổi một chính sách nào. Từ trước khi ông đắc cử, những người thân của ông đã biết ông là người dễ bị kích thích và dễ xúc động. Nhưng khi đã đắc cử, mục đích cả đời được toại nguyện, người ta lại có cảm tưởng Tổng thống đang suy sụp và mất hết nghị lực. Mặc dù những người thân cận cố gắng che giấu tình trạng của ông, song rõ ràng Tổng thống đang bị những cơn suy nhược thần kinh giày vò.

Người ta bắt đầu nói xa xôi về “những điều kì cục của Tổng thống” vốn rất khó che giấu khi chúng xảy ra vào lúc ông thực hiện các cuộc giao tế. Đó là những lời phát biểu rời rạc không ăn nhập gì với nhau với một đại biểu địa phương nào đó; hay trong một bữa tiệc, Tổng thống đột nhiên đứng dậy và rời khỏi phòng không một lời giải thích, để mặc khách mời sững sờ. Những người thân cận của Tổng thống luôn luôn phải cảnh giác và họ cũng đã giải thích về các hành động này, tuy nhiên những lời giải thích đó không làm người ta thỏa mãn. Không lâu sau đó, thái độ của Tổng thống làm nước Pháp phải lo sợ. Tháng 5/1920, Deschanel lên tàu hỏa rời Paris đến Montbrison để khánh thành công trình tượng niệm một Thượng nghị sĩ hi sinh ngoài chiến trường. Nhưng khi đến ga Roanne, người ta thấy Tổng thống không còn ở trong toa của ông nữa! Lúc nửa đêm, khi đang nửa tỉnh nửa mê, ông đã nhảy xuống tàu. Thấy ông trong bộ đồ ngủ trên đường ray, một nhân viên đường sắt đã đưa ông về trạm gác chần tàu gần nhất. Deschanel tự giới thiệu nhưng người ta không tin, may sao một bác sĩ đã nhận ra ông và báo ngay cho Phó tỉnh trưởng tỉnh Montargis. Cả nước Pháp náo động: văn phòng Tổng thống và chủ tịch Hội đồng phải cho đăng các thông cáo trong đó đưa ra một cách giải thích hợp lí đối với công chúng cho sự kiện đã xảy ra. Nhưng sự thật nhanh chóng bị lộ tẩy và ngài Tổng thống đáng thương trở thành trò cười.

Millerand khuyên ông nên đi nghỉ một thời gian ở Rambouillet, ở đó ông sẽ đủ minh mẫn để chủ trì các cuộc họp của Hội đồng Bộ trưởng và ký các văn bản chính thức. Mọi người đã bắt đầu hi vọng rằng sau khi được nghỉ ngơi, Tổng thống sẽ bình phục. Nhưng không lâu sau, hi vọng này mất hẳn. Từ tháng 9, các cơn khủng hoảng thần kinh lại bắt đầu. Ngày 10/9, người ta thấy Tổng thống gần như trần truồng, lộ bì bõm trong bể cảnh của lâu đài Rambouillet. Các bác sĩ đề nghị ông nghỉ ngơi hoàn toàn, nhưng cho dù không có thực quyền thì Tổng thống vẫn rất cần thiết để các thể chế chính trị hoạt động bình thường. Ông có thể chỉ định người đứng đầu chính phủ trong trường hợp khủng hoảng và chỉ mình ông có thể làm việc đó không một luật nào có giá trị nếu không được ông ban hành. Vậy là chỉ còn một giải pháp: từ chức. Ngày 21/9, Deschanel buồn rầu thông báo:

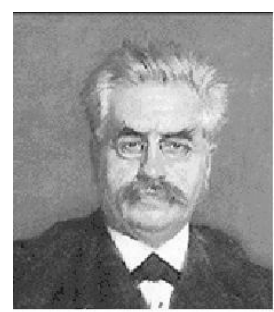
“Tình trạng sức khỏe của tôi không cho phép tôi tiếp tục đảm nhiệm trọng trách mà các vị đã tin tưởng giao cho tôi trong cuộc họp của Quốc hội ngày 17/1 vừa qua.

Vì buộc phải nghỉ ngơi dài ngày nên tôi phải không chậm trễ thông báo với các vị quyết định

của tôi. Đây là một quyết định vô cùng đau đớn đối với tôi, và tôi đau buồn sâu sắc khi phải từ bỏ nhiệm vụ cao cả mà các vị đã cho là tôi xứng đáng thực hiện nó (...)

Với mong muốn hoàn thành một trong những nhiệm vụ đau đớn nhất cũng như cấp thiết nhất, tôi gửi đến văn phòng Thượng nghị viện và văn phòng Quốc hội lá đơn xin từ chức Tổng thống”.

Thế là mặc dù đã chuẩn bị cả đời cho một cuộc bầu cử và thực hiện được khát vọng lớn nhất của mình, nhưng Paul Deschanel chỉ ở cương vị tối cao trong 7 tháng và để lại cho lịch sử không phải hình ảnh của một Tổng thống vĩ đại như ông từng mong muốn mà là hình ảnh của một con người đáng thương đã chiến thắng Clemenceau ngoài sức tưởng tượng, và sau đó lại bị căn bệnh là hậu quả của chiến thắng này hành hạ.



ALEXANDRE MILLERAND
(10/2/1859 - 7/4/1943)

- 12 - ALEXANDRE MILLERAND, HOẶC SỰ HAM MUỐN QUYỀN LỰC

(20 tháng 9 năm 1920 - 11 tháng 6 năm 1924)

Khi tình trạng sức khỏe của Deschanel báo hiệu khả năng ông phải từ chức, thì Alexandre Millerand, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và cũng là lãnh tụ phe đa số, đã sốt sắng tìm một người kế nhiệm Tổng thống trong số những đại diện chính trị lão thành của phe đa số. Tuy nhiên, chắc chắn là phe đa số muốn chính sách cánh hữu của mình được tiếp tục thực hiện, do đó họ thúc giục chính vị Chủ tịch Hội đồng ra ứng cử.

Millerand tỏ rõ thái độ không đồng tình đối với giải pháp này. Ông cảm thấy mình là một người năng động và không mấy thích thú với vai trò thứ yếu tại Điện Élysée. Mặt khác, ông thể hiện rõ ràng quan điểm của mình về chức Tổng thống. Trước đây, trong một diễn văn tranh cử, ông đã khẳng định rằng cần phải trả lại cho Tổng thống quyền giải tán Quốc hội mà Nghị viện đã tước bỏ và khôi phục lại vai trò lãnh tụ thực sự của Tổng thống trong quyền hành pháp. Nhưng để đạt được điều này, theo Millerand, Tổng thống phải không được là con tin của những Thượng nghị sĩ đã bầu mình. Vì vậy, ông chủ trương thành lập một đoàn cử tri mở rộng dành cho các Ủy viên đại hội đồng và các “thành viên của những tập đoàn lớn”, thay cho cuộc bầu cử phổ thông đầu phiếu mà những ký ức từ nền Cộng hòa đệ Nhị không cho phép thực hiện. Người ta nghĩ rằng vào ngày 20/9/1920, Millerand nhượng bộ trước yêu cầu của bè bạn cùng chí hướng và quyết định tham gia ứng cử vào vị trí Tổng thống, một số Nghị sĩ Cộng hòa, đặc biệt là Đảng viên Đảng Cấp tiến, rất lo lắng muốn biết ý đồ của ứng cử viên này đối với vấn đề thể chế. Millerand cho họ thấy rằng ông vẫn tán thành việc xem xét lại Hiến pháp, nhưng việc này chỉ được tiến hành sau một số công việc khẩn cấp hơn, đó là xây dựng lại đất nước bị tàn phá trong chiến tranh. Thế là sau khi mang điều này ra thảo luận tại phiên họp trừu bị các nhóm Cộng hòa của hai Viện, ông đã được bầu làm Tổng thống ngày 23/9/1920 với 695 phiếu, trong khi Delory, ứng cử viên của Đảng Xã hội, chỉ nhận được 69 phiếu.

Cuộc bầu cử thắng lợi nhưng đã xảy ra một nghịch lí: tuyệt đại đa số cánh hữu lại bỏ phiếu cho một trong những nhà lãnh đạo quan trọng nhất của Đảng Xã hội Pháp vào đầu thế kỉ XX.

Một Đảng viên đặc biệt của Đảng Xã hội

Trên thực tế, trong những năm cuối cùng của thế kỉ XIX, Millerand được coi như một trong những niềm hi vọng của Đảng Xã hội, cùng với Jean Jaurès. Tuy nhiên, ông bắt đầu sự nghiệp chính trị của mình chính trong hàng ngũ của Đảng Cấp tiến. Khi còn là một luật sư trẻ, là bạn của Poincaré, ông thường lui tới gặp gỡ giới chính trị gia Paris. Ông nhanh chóng trở thành luật sư chuyên bào chữa trong các vụ án chính trị và cuối cùng đã đi theo hệ tư tưởng của những người được ông bào chữa. Ông phần nộ trước việc các Đảng viên Đảng Xã hội bị đàn áp dã man trong những năm 1890-1893. Năm 1891, khi Chính phủ ra lệnh bắn vào nhóm biểu tình hòa bình tại Fourmies nhân dịp ngày 1/5, ông là luật sư bào chữa cho một trong những lãnh tụ của Đảng Xã hội và ông quyết định chuyển hẳn sang lí tưởng xã hội chủ nghĩa. Khi trở thành đại biểu Quốc hội, ông là một trong những người được lắng nghe nhiều nhất trong số các nhà lãnh đạo của xu hướng này. Nhưng ông không gia nhập bất cứ một đảng nào trong số bốn Đảng Xã hội hướng tới giai cấp công nhân. Là “người theo phái Xã hội độc lập”, gốc tư sản, có sở thích lãnh đạo, ông không có cùng niềm tin học thuyết và cách mạng với các lãnh tụ lớn của Đảng Xã hội như Guesde, Vaillant hay Allemane. Vì vậy, người ta có thể xếp ông, cũng như Jaurès vào thời kì đó, vào hàng ngũ những người bảo hộ cho chủ nghĩa xã hội nhân đạo và lý tưởng chủ nghĩa.

Năm 1896, sau thắng lợi của Đảng Xã hội tại cuộc bầu cử cấp thành phố, Millerand đưa ra cho các nhóm một chương trình chung, gọi là “chương trình Saint-Mandé”, từ đó họ có thể đi đến

thống nhất với nhau. Ở đây, ông có ý định dung hòa chủ nghĩa xã hội và truyền thống của Pháp từ năm 1789, loại bỏ bạo lực như một điều không thích hợp với nền dân chủ, trông chờ thắng lợi của những tư tưởng xã hội trong cuộc bầu cử phổ thông đầu phiếu. Mặc dù được phần lớn các nhà lãnh đạo đón nhận, nhưng chương trình này không thể trở thành một hiến chương thống nhất, bởi vì tác giả của nó ngay sau đó bị mất uy tín do thắng tiến trong sự nghiệp chính trị. Năm 1899, khi Waldeck-Rousseau thành lập nội các bảo vệ nền Cộng hòa, Millerand được đề nghị giữ một chức Bộ trưởng. Ông hỏi ý kiến một vài người bạn, trong đó có Jean Jaurès, và được khuyên nên chấp nhận, với suy nghĩ rằng các Đảng viên Đảng Xã hội có nghĩa vụ bảo vệ nền Cộng hòa và sự có mặt của một đảng viên Đảng Xã hội trong nội các có thể giúp làm cho chính sách của chính phủ nghiêng theo hướng có lợi cho giai cấp công nhân.

Vào lúc đó, rất nhiều nhóm thuộc phe xã hội không phản đối gay gắt việc Millerand tham gia nội các, nhưng ngay sau đó họ được biết rằng trong nội các còn có Hầu tước Galliffet, viên Tướng đã đàn áp Công xã một cách tàn bạo. Ngay lập tức, trong hàng ngũ Đảng Xã hội rộ lên tiếng la ó phản đối và yêu cầu xác định rõ ràng nguyên tắc tham gia vào các chính phủ tư sản. Millerand được Jaurès khéo léo bênh vực, do đó cuối cùng, Đảng Xã hội quyết định coi như Millerand tham gia vào chính phủ với tư cách cá nhân.

Khi Waldeck-Rousseau thôi giữ chức Chủ tịch Hội đồng, Millerand trở lại hàng ngũ Đảng Xã hội nhưng ông có vẻ vẫn thích có mặt trong nội các. Ý kiến của ông ở Quốc hội ngày càng tách rời ý kiến các Đảng viên Xã hội khác; liên đoàn đã khai trừ ông năm 1903. Millerand bắt đầu thắng tiến với tư cách một đại biểu không thuộc phái nào, nhưng luôn ở thế có thể vào nội các, điều này làm ông ngày càng tiến gần cánh hữu. Khoảng thời gian ông ở Đảng Xã hội chỉ còn lại một từ “millerandisme” (chủ nghĩa Millerand), cách nói lái của Đảng Xã hội từ “arrivisme” (người tìm mọi cách để thành đạt) và từ đó, Đảng Xã hội coi ông như một căn bệnh đáng xấu hổ. Millerand nhiều lần giữ chức Bộ trưởng, đặc biệt là Bộ trưởng Bộ Chiến tranh trong nội các thứ hai của Viviani. Ông luôn trung thành ủng hộ Tướng Joffre, do đó bị ảnh hưởng của mặt trái của ông ta. Khi hòa bình lập lại ông giữ chức Ủy viên Chính phủ phụ trách các vùng đã được thu hồi. Trong cuộc bầu cử năm 1919, ông có sáng kiến tập hợp tất cả các đảng đã tham gia vào Liên minh thần thánh vào những danh sách duy nhất.

Như vậy, Khối Cộng hòa quốc gia được hình thành, nhưng Millerand đẩy các liên minh về gần cánh hữu đến nỗi Đảng Cấp tiến sơ hãi và phải rút khỏi Khối Dân tộc. Chỉ còn lại phe trung lập và cánh hữu, Khối Dân tộc đã chiến thắng trong cuộc bầu cử lập pháp: từ nay, người đại biểu cũ của Đảng Xã hội đã trở thành lãnh tụ của phe đa số cánh hữu, và với danh nghĩa này, Millerand bước vào Điện Élysée.

Trường hợp Briand: Tổng thống buộc Chủ tịch Hội đồng phải từ chức

Trong một thông báo gửi hai Viện ngày 25/9, Millerand khẳng định lại quan điểm của mình đối với việc xem xét lại Hiến pháp:

“Bầu cử phổ thông đầu phiếu là giải pháp tốt nhất. Ý chí thể hiện qua lá phiếu của những người đại diện được bầu, cần có quyền hành pháp tự do dưới sự kiểm soát của Quốc hội và quyền tư pháp độc lập để được thực hiện và được tôn trọng.

Việc lẫn lộn các quyền là mằm mống của mọi chuyên chế. Các vị sẽ chọn điều mà các vị sẽ phán xét, cùng với chính phủ, vào thời điểm hợp lý nhất, để thận trọng đưa ra những sửa đổi được mong muốn nhất cho hiến pháp ...”

Nhưng nếu Millerand chấp nhận không thúc đẩy nhanh tiến trình, điều đó không có nghĩa là ông từ bỏ các dự định của mình. Vả lại, ông đã đặt điều kiện trước khi chấp nhận ra ứng cử và đã tuyên bố chỉ ứng cử nếu Nghị viện công nhận quan điểm của ông, theo đó: “Tổng thống không nhất thiết phải là thành viên của một đảng nào đó, nhưng có thể và phải là người của một chính sách đã được phê chuẩn và thực hiện với sự cộng tác chặt chẽ của các Bộ trưởng”. Đây là một sự coi nhẹ nguyên tắc không quyền lực của chức vụ Tổng thống. Nhưng việc các

Nghị sĩ hầu như nhất trí bỏ phiếu tán thành đã làm cho Millerand nghĩ rằng khi lựa chọn ông, Đại hội đồng cũng đã ngầm chấp nhận các ý tưởng của ông. Đúng là trong sự nhất trí này thiếu phiếu bầu của Đảng Xã hội nhưng từ lâu, vị tân Tổng thống đã quen bỏ qua sự chống đối của họ.

Quyết tâm làm cho quan điểm của mình thắng thế trên thực tế đối với các sự việc trước khi việc xét lại Hiến pháp đem lại cho ông quyền làm điều đó, Millerand mời vào chính quyền một trong những người bạn của mình là Georges Leygues, một con người tẻ nhạt, để giữ vững nội các. Như vậy, ông vẫn đứng đầu cơ quan hành pháp thông qua người khác; vả lại, ở điện Élysée ông vẫn tiếp tục chính sách mà ông đã bắt đầu từ khi là còn là chủ tịch Hội đồng. Vì vậy, ông chỉ đạo các cuộc thương lượng để khôi phục lại quan hệ ngoại giao với Tòa thánh. Tuy nhiên, vào đầu năm 1921, khi Georges Leygues mất chức do bị Quốc hội chỉ trích là quá phụ thuộc vào Tổng thống, Millerand buộc phải mời Aristide Briand, một người mà ông không thích nhưng đã góp phần làm cho ông thắng cử.

Các vấn đề về chính sách đối ngoại đã nhanh chóng làm cho người đứng đầu nhà nước đối đầu với người đứng đầu chính phủ. Cũng như phần lớn các Đại biểu Quốc hội, Millerand ủng hộ một chính sách cực kỳ khắc nghiệt đối với Đức, nước bại trận trong cuộc Đại chiến. Đặc biệt, ông muốn Đức phải trả đều đặn những khoản tiền nợ Pháp với danh nghĩa bồi thường chiến tranh. Về phần mình, Briand tỏ ra nhạy cảm hơn với những ý kiến phản đối của các đồng minh cũ Pháp là Anh và Mỹ. Ý thức được rằng nước Pháp đã bị chiến tranh tàn phá, rằng dân số ít không cho phép Pháp tiến hành một chính sách hiếu chiến (ông đã có lần nói: “Tôi lập chính sách về tỉ lệ sinh đẻ”) và là người ủng hộ chân thành hòa bình, Briand mong muốn bảo đảm an ninh cho nước Pháp bằng cách giảm bớt căng thẳng trong quan hệ thù địch với Đức, cùng với sự bảo đảm của Anh và Mỹ.

Briand ý thức được rằng hai mục đích này chỉ có thể đạt được nếu nước Pháp chấp nhận xóa bỏ, hoặc ít nhất là điều chỉnh khoản bồi thường này, mầm mống của mỗi bất hòa giữa Pháp và các cường quốc khác. Tháng 1/1922, Briand gặp Thủ tướng Anh Lloyd George tại Cannes. Mục đích của cuộc gặp là bàn bạc về thái độ đối với nước Nga Xô viết, điều chỉnh khoản bồi thường và sự bảo đảm của Anh trong trường hợp Pháp bị tấn công. Dựa vào các điều khoản của Hiến pháp quy định Tổng thống là người đứng đầu về ngoại giao của nước Pháp, Millerand cảnh báo và đưa ra một vài lời khuyên cho Briand: kiên quyết không nhượng bộ về các khoản bồi thường chiến tranh, chỉ chấp nhận công ước bảo đảm song phương, v.v...

Thậm chí Millerand còn đi xa hơn. Trong lúc Briand vắng mặt, ông họp Hội đồng Bộ trưởng và yêu cầu họ ủng hộ những áp lực của ông lên Chủ tịch Hội đồng. Poincaré, lúc đó là chủ tịch Ủy ban Đối ngoại của Thượng nghị viện, cũng liên tiếp gửi điện cho Briand. Cuối cùng, do quá mệt mỏi, Briand rời khỏi Hội nghị ngày 11/1. Khi về đến Paris, ông được biết từ Le Martin (Buổi sáng) vừa mới tiết lộ bức thư mới nhất mà Millerand gửi cho ông.

Mâu thuẫn với người đứng đầu nhà nước không quyền lực, Briand có thể mưu toan chống lại bằng vũ lực. Nhưng đó không phải là tính cách của Briand. Sau khi đã báo cáo kết quả đàm phán với Quốc hội, ông đã đưa ra lời kết luận này như lời xin từ chức: “Đây là việc mà tôi đã làm. Chúng ta đã đạt được điều này khi tôi rời Cannes. Những người khác sẽ làm tốt hơn tôi”. Sau khi dồn Chủ tịch Hội đồng đến chỗ phải từ chức (sự kiện không được ghi lại trong biên niên sử Tổng thống), Millerand mời vào vị trí đó Poincaré, người tỏ ra phù hợp nhất để dẫn dắt chính sách thực hiện đầy đủ Hiệp ước Versailles. Tháng 1/1923, Poincaré đưa ra một biện pháp táo bạo để buộc Đức phải trả tiền bồi thường chiến tranh. Mặc dù biết có nguy cơ xảy ra bất hòa giữa Pháp với các đồng minh cũ, nhưng Poincaré vẫn quyết định chiếm vùng Ruhr của Đức. Nhưng từ lúc đó, Millerand và Poincaré lại mâu thuẫn với nhau. Được Bộ Tham mưu ủng hộ, Tổng thống coi sự chiếm đóng này như một biện pháp chính trị nhằm bảo đảm an ninh cho nước Pháp và một vật thể chấp mà người ta chỉ có thể trao trả lại khi nhận được những bảo đảm cụ thể. Poincaré, vốn là luật gia, lại chỉ nhìn nhận việc chiếm đóng vùng Ruhr như một phương tiện để buộc Đức phải tôn trọng Hiệp ước Versailles. Vả lại, là người phụ trách chính

trị của nước Pháp, Poincaré không muốn có bất kỳ mâu thuẫn nào với Anh và Mỹ, những nước mà ông cần cả trên bình diện ngoại giao lẫn tài chính để cứu đồng franc khỏi bị trượt giá trên thị trường hối đoái. Do vậy, mặc dù Tổng thống rất thất vọng, nhưng ông vẫn từ chối “khai thác thắng lợi của mình” và chấp nhận nối lại đàm phán với Đức. Không hi vọng sử dụng lại các thủ đoạn đã dùng với Briand để đối xử với Poincaré, Millerand đành phải chấp nhận.

Một lần nữa, ý chí của Tổng thống tỏ ra không đủ mạnh để tác động đến các chính sách khi đối diện với quyền lực của một Chủ tịch Hội đồng được Quốc hội tin tưởng.

Từ năm 1924, chính sách khôi phục lại quyền lực cho Tổng thống bằng sức mạnh mà Millerand cố gắng thực hiện đã thất bại, giống chính sách khôi phục bằng sự mềm dẻo mà Poincaré đã làm vài năm trước đó. Tuy nhiên, Poincaré không hề làm gì để tạo điều kiện cho người kế nhiệm mình thực hiện nhiệm vụ dễ dàng. Là một luật gia rất tôn trọng các văn bản và truyền thống, ông rất e ngại thái độ tự do quá trớn mà Millerand thể hiện đối với một số người, đặc biệt, ông không hề tán thành quan niệm về cương vị Tổng thống của Millerand. Đối với Poincaré, Tổng thống phải là trọng tài đại diện cho quyền lợi quốc gia trong hoạt động của các đảng, là nhân tố thường trực, ổn định, đối lập với phe đa số hay thay đổi thất thường. Ngược lại, Millerand tiếp tục coi mình là lãnh tụ của phe đa số. Đây là một thái độ nguy hiểm vì nó có nguy cơ làm tổn hại thanh danh của Tổng thống không quyền lực và làm cho ông ta không giữ được vị trí Tổng thống trong trường hợp một phe đa số đối lập chiến thắng. Vì vậy, Poincaré nhiều lần phản đối Millerand tham gia chính trường để Millerand thể hiện thái độ ủng hộ và tán thành chính sách của Chủ tịch Hội đồng. Cuộc bầu cử năm 1924 sẽ cho thấy quan điểm này đúng đắn như thế nào.

“Trái với tinh thần của Hiến pháp, Tổng thống Alexandre Millerand đã ủng hộ một chính sách cá nhân...”

Với cuộc bầu cử năm 1924, cánh tả sau thất bại trong cuộc trưng cầu ý kiến cử tri trước đó đã rút ra bài học nên Đảng Cấp tiến và Đảng Xã hội quyết định thống nhất với nhau trong cuộc bỏ phiếu. Và thế là Liên minh cánh tả được hình thành.

Ngược lại, Khối Dân tộc bị yếu đi sau 4 năm nắm quyền và không còn gắn kết như năm 1919 nữa. Người có uy tín nhất trong các vị lãnh đạo của Khối là Poincaré, do đang rất bận với các vấn đề của chính phủ, đã không thể hoặc không muốn đứng đầu chiến dịch tranh cử. Để giải quyết tạm thời khiếm khuyết này, Millerand, vẫn luôn luôn muốn hành động, lại một lần nữa ra khỏi vai trò trọng tài của mình. Từ tháng 10/1923, trong một bài diễn văn gây tiếng vang tại Evreux, ông đã tự khẳng định mình như lãnh tụ của phe đa số. Sau khi bảo vệ trên danh nghĩa cá nhân chính sách được chính phủ Khối Dân tộc tiến hành từ năm 1919, ông đã đưa ra cho Khối một chương trình tranh cử. Nội dung chủ đạo của chương trình này là cải tổ hiến pháp. Ông tuyên bố: “Quyền lập pháp chỉ bao gồm ấn định qui tắc và kiểm soát”, và nói tiếp về “nhu cầu chung muốn giúp chính phủ ổn định hơn”.

Là lãnh tụ phe đa số cánh hữu, Tổng thống chỉ bị mất chức khi Liên minh cánh tả chiến thắng trong cuộc bầu cử tháng 5/1924. Vả lại, Liên minh không muốn bỏ qua thái độ đảng phái của Millerand trong chiến dịch tranh cử. Ngay sau cuộc bầu cử, báo Le Quotidien (hàng ngày), cơ quan ngôn luận của Liên minh cánh tả đã tung ra khẩu hiệu “Các vị trí, tất cả các vị trí và ngay lập tức!”. Và để thể hiện rõ là họ đang nhắm đến Tổng thống, nhóm Cấp tiến-xã hội của Quốc hội đã biểu quyết một bản kiến nghị: “Căn cứ vào việc Tổng thống Alexandre Millerand đã đi ngược lại tinh thần của Hiến pháp khi ủng hộ một chính sách cá nhân; căn cứ vào việc Tổng thống công khai đứng về phía Khối Dân tộc; căn cứ vào việc chính sách của Khối Dân tộc bị cả nước lên án, cho rằng việc ông Millerand còn ở lại Điện Élysée sẽ làm tổn thương ý thức về nền Cộng hòa, sẽ là nguồn gốc của mỗi xung đột không ngừng giữa chính phủ và nguyên thủ quốc gia và sẽ trở thành mối nguy hiểm thường xuyên đối với chính chế độ”.

Nhưng làm thế nào để buộc Tổng thống từ chức? Cách thức trước kia đã được sử dụng để loại

bỏ Grévy giờ đây lại một lần nữa tỏ ra có tác dụng đối với Millerand. Đầu tiên, Millerand triệu tập các vị lãnh đạo của phe đa số mới để yêu cầu họ thành lập nội các. Herriot và Painlevé lần lượt lẩn tránh. Vì vậy, Tổng thống định kêu gọi những thành viên của phe đa số cũ có uy tín khá lớn; nhưng Théodore Steeg, Đảng viên Đảng Cấp tiến và là toàn quyền Algérie, rồi đến Poincaré đều từ chối đi ngược lại các quyết định của cuộc bầu cử phổ thông đầu phiếu. Ở vào tình thế tuyệt vọng, Tổng thống đã nhờ đến François-Marsal, cựu Bộ trưởng Bộ Tài chính trong nội các của Poincaré và là bạn thân của ông. Không ảo tưởng, nhưng ông này chấp nhận mạo hiểm. Tuy nhiên, ông được tiếp đón tại Quốc hội bằng một bản kiến nghị được đa số phiếu tán thành, thể hiện rằng Liên minh từ chối “quan hệ với một nội các mà thành phần của nó chính là sự phủ định các quyền của Nghị viện”.

Millerand chỉ còn cách rút lui. Ngay hôm sau, ông rất đau buồn phải đưa ra một bản tuyên bố trong đó ông tố cáo các lãnh tụ của Liên minh đã vi phạm tinh thần của Hiến pháp: “Họ đã yêu cầu tôi từ chức. Đây là một tiền lệ đáng sợ biến chức Tổng thống thành mục tiêu của các cuộc chiến tranh cử, đưa biểu quyết trực tiếp vào thông lệ chính trị của chúng ta bằng mưu mẹo quanh co, và lấy đi của Hiến pháp yếu tố ổn định và liên tục duy nhất của nó”. Thất bại của Millerand, vẫn trong nền Cộng hòa đệ Tam, đánh dấu thất bại hoàn toàn của những nỗ lực nhằm khôi phục lại vai trò mà Hiến pháp năm 1875 đã trao cho Tổng thống. Nhiệm kỳ ngắn ngủi của ông cũng thể hiện một cách rất ấn tượng sự không tương hợp cơ bản giữa hoạt động của Nghị viện (từ ngày 16/5 năm 1877, Nghị viện trở thành trung tâm quyền lực thông qua chủ tịch Hội đồng, người do Nghị viện bầu ra và có thể bị Nghị viện bãi nhiệm) và mọi ý đồ nhằm khôi phục lại cho nguyên thủ quốc gia những đặc quyền được Hiến pháp năm 1875 công nhận và bị mất sau cuộc khủng hoảng ngày 16/5/1877. Trước Millerand (và sau ông), không một Tổng thống nào dám không tuân thủ “Hiến pháp Grévy”. Ông là người đầu tiên và là nguyên thủ quốc gia duy nhất, cho tới nền Cộng hòa đệ Ngũ, dám bất chấp mô hình đã được nền Cộng hòa nghị viện thiết lập, khi tự khẳng định mình là lãnh tụ đảng tại Điện Élysée, đòi được lãnh đạo phe đa số, tự cho mình là người đứng đầu thực sự của chính phủ, và khẳng định sự cần thiết phải sửa đổi Hiến pháp.

Nếu như ngày nay, người ta nhìn nhận ông như một người báo hiệu cơ chế hoạt động của nền Cộng hòa đệ Ngũ thì thái độ của ông vào năm 1924 lại bị qui là chống lại nền Cộng hòa và sự táo bạo của ông lại làm cho ông gần như phải rút lui khỏi chính trường.



PIERRE-PAUL-HENRI-GASTON DOUMERGUE
(1/8/1863 - 18/6/1937)

- 13 - GASTON DOUMERGUE, TÀI NĂNG HÙNG BIỆN CÁNҺ TẢ ỦNG HỘ ĐƯỜNG LỐI CHÍNH TRỊ CỦA CÁNҺ HỮU

(11 tháng 6 năm 1924 - 13 tháng 6 năm 1931)

Khi đồn Millerand đến chỗ phải từ chức, Liên minh cánh tả chắc chắn đã dự tính thay thế ông trong Điện Élysée bằng một thành viên của phe đa số mới. Họ chỉ định cho chức vụ này Paul Painlevé, người được bầu làm Chủ tịch Quốc hội ngay khi Quốc hội họp, và đã đưa ra ý nghĩa chính trị của việc bầu này như sau: “Các vị đã đưa lên chức vụ cao quý này người được một đảng bầu ra”. Đương nhiên là việc ông bước vào Điện Élysée cũng mang cùng ý nghĩa như vậy: người được Liên minh cánh tả bầu sẽ ngồi vào ghế Tổng thống thay thế người của Khối Dân tộc.

Một tình huống như thế lẽ ra sẽ không có gì nguy hiểm đối với Painlevé nếu như Liên minh thực sự chiếm được đa số tại Quốc hội. Thế nhưng thực tế lại không phải như vậy. Ngay trong Quốc hội, Liên minh chỉ có được đa số phiếu khi có thêm phiếu của nhóm “cánh tả cấp tiến” mà tên gọi không thể gây ảo tưởng: thực tế họ là những người ôn hòa và tuyên bố theo chủ nghĩa cấp tiến chỉ vì quan điểm tôn giáo của mình. Tại Thượng nghị viện, nhóm trung lập chiếm đa số áp đảo, họ kịch liệt chống đối mọi chủ trương liên minh, và như vậy, Painlevé sẽ rất khó được bầu. Chủ tịch Thượng nghị viện Gaston Doumergue không chậm trễ tận dụng tình hình này.

Người miền Nam vui tính

Doumergue sinh ra tại Aigues-Vives, trong một gia đình trồng nho ở vùng Languedoc, miền Nam nước Pháp. Từng làm Thẩm phán tại Đông Dương và sau đó là ở Algérie, năm 1893, ông trở thành Nghị sĩ cấp tiến của vùng Gard. Là một người theo đạo Tin lành, ông nghiêng về cánh tả một cách hoàn toàn tự nhiên. Khuynh hướng cánh tả của người đàn ông miền Nam vui tính mà về tính khí khác xa với mọi quan điểm học thuyết này hiển nhiên không thể ngăn cản ông trở thành bảo thủ về mặt xã hội, tự cảm thấy mình là một người yêu nước và thậm chí là quân phiệt. Ông được Poincaré mời giữ chức Chủ tịch Hội đồng lần đầu tiên vào năm 1913, để duy trì đạo luật ba năm mà Barthou vừa cho thông qua. Tài năng hùng biện thiên về cánh tả cộng với quan điểm chính trị ôn hòa đã mau chóng giúp ông được đề cử và trúng cử vào chức Chủ tịch Thượng nghị viện.

Ngay từ năm 1924, việc Millerand từ chức đã cho Doumergue cơ hội hi vọng. François-Marsal đã không mấy khó khăn để thuyết phục Doumergue rằng sự phân chia số phiếu trong Nghị viện có thể tạo điều kiện để ông giành chiến thắng trước Painlevé. Là Chủ tịch Thượng nghị viện nên đương nhiên là chủ tịch Quốc hội, do đó Doumergue quyết định lùi cuộc họp Quốc hội lại 24 giờ để có thời gian thông báo cho mọi người biết việc mình ra ứng cử. Để tránh tình thế khó xử, ông đã không nói đến việc này trong cuộc họp trừ bị của các nhóm Cộng hòa mà ông e ngại không phải vô cớ rằng thành viên của Liên minh chiếm đa số. Thực vậy, trong cuộc bỏ phiếu ở phiên họp trừ bị, Painlevé nhận được 306 trên tổng số 475 phiếu và Doumergue, khi đó vẫn chưa tuyên bố ra ứng cử, nhận được 149 phiếu. Chủ tịch Thượng nghị viện cảm thấy yên lòng: Nghị viện gồm hơn 800 đại biểu và ông chắc chắn sẽ thu hút được lá phiếu của cánh hữu và phe trung lập vốn thù địch với Liên minh cánh tả đó là chưa tính đến lá phiếu của nhiều nghị sĩ từng phản đối thái độ đảng phái của Millerand, những người này lo ngại Painlevé sẽ theo đuổi một chính sách mang tính đảng phái công khai không kém, có lợi cho Liên minh cánh tả.

Những tính toán trên là đúng. Doumergue không phải là ứng cử viên ở cuộc họp trừ bị nên

không tự cho là phải trung thành với những quyết định của cuộc họp. Ngày 13/6/1924, ông ra ứng cử trước Quốc hội và trở thành Tổng thống với 515 phiếu, trong khi Painlevé chỉ nhận được 309 phiếu.

Một trọng tài thiếu công minh

Ngay sau khi được bầu, vị Tổng thống mới đọc một bài tuyên bố trong đó người ta trích ra một câu cáo buộc chính sách trước đây của Millerand, tuy không gay gắt nhưng cơ bản là chỉ trích quan điểm mới đây của Painlevé khi ông ta được bầu làm Chủ tịch Quốc hội: “Không có ai ngoài tôi sẽ đứng bên trên các đảng phái để làm một trọng tài công minh”. Doumergue đúng là một trọng tài, nhưng chưa công minh. Thật vậy, ông không có khả năng đối đầu với cuộc bầu cử phổ thông bầu phiếu, và nếu như ông có muốn thì trường hợp vừa qua của Millerand cũng sẽ làm cho người ta không còn thích nữa. Nhưng tính cách và tình huống trở thành Tổng thống của ông làm cho ông không được lòng Liên minh cánh tả.

Sau khi đắc cử, ông lại kêu gọi thủ lĩnh của Liên minh cánh tả Edouard Herriot thành lập chính phủ, và trong vòng hai năm, ông dành phần lớn thời gian giữ ghế Chủ tịch Hội đồng cho các lãnh tụ của Liên minh này. Tuy nhiên, trong thời gian chuyển giao giữa nội các của Herriot và của Painlevé, ông đã chỉ định một nhân vật đầy kinh nghiệm của chính trường Pháp mà giờ đây người ta không muốn biết thuộc cánh tả hay cánh hữu nữa, nhưng được Tổng thống hoàn toàn tin tưởng: đó là Aristide Briand. Nhưng cho dù Chủ tịch Hội đồng là Briand, Herriot hay Painlevé, thì chính phủ vẫn phải đương đầu với những khó khăn do cùng một nguyên nhân: tỉ giá đồng franc trên thị trường chứng khoán nước ngoài liên tục giảm. Tuy nhiên, nước Pháp đã tự vươn lên từ những đồng đồ nát của chiến tranh, sản xuất tăng và tất cả các yếu tố của một nền tài chính lành mạnh dường như đang được qui tụ. Nhưng cánh tả đang nắm quyền! Đảng Cấp tiến trong chính phủ kiên quyết từ chối dùng các biện pháp thắt chặt tài chính để ngăn chặn nạn chảy máu tư bản, nhưng lợi ích từ quan điểm tự do tài chính này đã bị phủ nhận vì chính phủ cộng tác với Đảng Xã hội, do đó chủ trương dùng những biện pháp cứng rắn. Chính vì thế, do nhận được sự ủng hộ ngầm của Thống đốc Ngân hàng Pháp, các ngân hàng đã gây sức ép lên chính phủ. Họ hướng khách hàng khỏi những khoản vay của nhà nước và chỉ dành cho chính phủ những khoản vay hạn hẹp. Chính phủ không còn biện pháp nào khác ngoài tăng phát hành tài chính: hậu quả là lạm phát.

Năm 1926, Joseph Caillaux, Bộ trưởng Bộ Tài chính trong nội các của Briand, đã quyết định thực hiện các biện pháp mạnh để giải quyết cuộc khủng hoảng tài chính. Ông đề nghị Quốc hội trao cho mình toàn quyền về tài chính. Đến lúc đó, Chủ tịch Quốc hội Herriot đã phải rời khỏi cương vị của mình để đấu tranh giữ quyền đó cho Nghị viện, kết quả là nội các Briand bị lật đổ. Doumergue nắm lấy cơ hội, đồng thời vận động hành lang khéo léo nhằm vào các Nghị sĩ, để thoát khỏi Liên minh cánh tả. Sau khi Herriot lật đổ chính phủ, Doumergue yêu cầu ông ta thành lập một nội các khác. Biết không thể làm được việc này, vị Chủ tịch Quốc hội định lẩn tránh, nhưng Doumergue muốn chứng tỏ rằng Liên minh cánh tả không có khả năng điều hành chính phủ, nên ông tiếp tục thúc ép, thậm chí còn tới mức nói đến tội phản nghịch. Mặc dù không muốn, Herriot vẫn đành thành lập một nội các Liên minh cánh tả mới, trong lúc đó, đồng franc tiếp tục sụt giá trên các thị trường chứng khoán nước ngoài. Tình hình trở nên rất thê thảm. Herriot định từ chức nhưng Tổng thống muốn trước tiên ông ta phải bị Quốc hội phế truất. Chính phủ chỉ còn mỗi một việc là đề xuất với các Nghị sĩ một biện pháp không thể chấp nhận được đối với họ: bán đi các cánh rừng công. Ngày 21/7/1926, ngày sau ngày thành lập, nội các của Herriot đã bị lật đổ. Doumergue rất hoan hỉ: đây là kết cục của Liên minh cánh tả! Giờ đây, Tổng thống có thể đưa cánh hữu lên nắm quyền, cụ thể là Raymond Poincaré.

Ngay lập tức, tình hình tài chính được hồi phục và Poincaré có thể tự hào với danh hiệu người khôi phục nền tài chính. Ông giữ chức vụ này cho đến cuộc bầu cử năm 1928, cuộc bầu cử phổ thông đầu phiếu thực sự có lợi cho ông. Ngay sau cuộc bầu cử này, Doumergue một lần nữa lại bổ nhiệm Poincaré giữ chức Chủ tịch Hội đồng. Poincaré ở cương vị đó đến năm 1929 thì phải nghỉ hưu vì bệnh tật. Sau khoảng thời gian ngắn với nội các Briand, Doumergue lại bổ nhiệm

các lãnh tu mới của cánh hữu mà ông rất tâm đắc là André Tardieu và Pierre Laval. Như vậy, rõ ràng là Tổng thống đóng vai trò không nhỏ trong thất bại của cánh tả ở giai đoạn 1924-1926, và trong xu hướng nghiêng về cánh hữu của chính trường Pháp năm 1926. Tuy nhiên, do có tài hùng biện và thái độ khéo léo, không ai nghĩ rằng Tổng thống Doumergue thuộc cánh hữu.

Công chúng yêu mến và tôn trọng con người vùng Languedoc tốt tính này, người khiến người ta nhớ đến Tổng thống Fallières và nước Pháp dưới thời của các Ủy ban cấp tiến. Đối với nhân dân, Doumergue là “Gastounet”, một người Pháp trung lưu, thích rượu vang và ăn ngon, gắn bó với nền Cộng hòa nhưng không cuồng tín và nhanh chóng kết thúc nhiệm kỳ, giống như Fallières trước đây, để trở về trang trại Tournefeuille của mình ở miền Nam. Năm 1931, sau khi mãn nhiệm, ông từ chối tái tranh cử.

Những bước đi sai lầm

Ba năm sau, tiếc thay cho danh tiếng của ông, cựu Tổng thống buộc phải từ bỏ cuộc sống nghỉ ngơi an nhàn. Nền Cộng hòa bị lâm nguy. Một loạt các vụ bê bối chính trị, tài chính gây tổn hại đến các nhà lãnh đạo: vụ Stavisky dính líu đến nhiều Nghị sĩ, Quan toà, Bộ trưởng và cả những người thân cận của Chủ tịch Hội đồng Camille Chautemps thuộc Đảng Cấp tiến.

Các đối thủ của nền Cộng hòa tập hợp nhau lại trong các nhóm cực hữu mà phần lớn đã chấp nhận nếu không phải là hệ tư tưởng thì ít nhất cũng là các biện pháp phát-xít. Họ định ngăn cản Edouard Daladier, Chủ tịch mới của Hội đồng thuộc Đảng Cấp tiến, lên nắm quyền. Ngày 06/2/1934, những người biểu tình, với sự ủng hộ của cảnh sát trưởng Paris mới bị cách chức Jean Chiappe, bao vây Cung điện Bourbon, trụ sở của Quốc hội Pháp; lực lượng trật tự đã nổ súng làm một số người chết và bị thương. Daladier vừa giành chiến thắng trong cuộc bỏ phiếu tín nhiệm tại Quốc hội lại phải từ chức. Khi cố gắng tìm kiếm một người đứng đầu chính phủ đủ uy tín để ổn định tình hình, Tổng thống Albert Lebrun đã nghĩ đến Doumergue. Lebrun kiên trì thuyết phục và cuối cùng Doumergue đã chấp nhận. Cựu Tổng thống được công chúng nồng nhiệt chào đón khi ông đến Paris. Ngay sau đó, ông đề xuất một giải pháp lập lại tình hình cho nước Pháp: một cuộc cải tổ nhà nước nhằm tăng thêm quyền lực cho các cơ quan hành pháp. Nhưng ông mất quá nhiều thời gian để thông qua ngân sách, giải quyết các công việc hiện tại và mệt mỏi với hoạt động thường ngày của chính phủ. Cuối cùng, khi ông đưa ra các dự án của mình (những dự án này không mấy độc đáo vì ông lại sử dụng các biện pháp của Millerand về tái áp dụng quyền giải tán) thì đã quá muộn. Doumergue đã khiến cho Nghị viện nổi giận khi công bố rộng rãi các dự án của mình trước khi trình bày với các Nghị sĩ và ông đã để phái Cấp tiến, vừa bị lung lay sau ngày 6/2, có thời gian hồi phục. Phải chăng ông có ý định qua mặt Nghị viện? Người ta có thể nghĩ như vậy vì ông sẵn sàng yêu cầu thông qua trước một phần ngân sách và vì ông không hề che giấu ý định sẽ giải tán Quốc hội. Nhưng các Bộ trưởng thuộc Đảng Cấp tiến từ chức và ông đã phải từ bỏ các dự án của mình.

Hình ảnh cuối cùng của ông để lại trong lịch sử: ông đội một chiếc mũ nôi, trang phục chính của các liên minh, đứng trên ban công khách sạn và đáp lại sự hoan nghênh của những người ủng hộ đường lối cực hữu... Ông trở về trang trại Tournefeuille sau khi bị mất lòng công chúng và phải chịu tiếng tăm không mấy tốt đẹp về lần trở lại chính trường.



PAUL DOUMER
(22/3/1857 – 7/5/1932)

(13 tháng 6 năm 1931 - 6 tháng 5 năm 1932)

Tháng 6/1931, mọi người đều tin chắc rằng người kế nhiệm Gaston Doumergue trong Điện Elysée sẽ là Chủ tịch Thượng nghị viện Paul Doumer. Thật vậy, dường như đã trở thành thông lệ: chủ tịch Thượng nghị viện sẽ được bầu làm Tổng thống, và đến năm 1931, Paul Doumer, người từng thất bại trước Fallières, đã có đủ tất cả các yếu tố cần thiết để chiến thắng trong cuộc bầu cử này.

Paul Doumer là ai? Đó thực sự là một người con của nhân dân. Bố ông là một công nhân lắp đặt đường ray tàu hỏa. Bản thân ông cũng từng học việc trong một xưởng làm huân huy chương ở Montmartre và ông đã kiên trì chăm chỉ theo các lớp học buổi tối để có thể thi tốt nghiệp trung học. Sau đó, ông dạy thử trong một trường phổ thông rồi trở thành giáo viên toán. Từ nghề giáo viên, ông chuyển qua làm nhà báo rồi làm chính trị, được bầu làm Nghị sĩ Đảng Cấp tiến của tỉnh Aisne và sau đó là của tỉnh Yonne, ông chuyên về các vấn đề tài chính. Khi làm Bộ trưởng Bộ Tài chính trong nội các Cấp tiến của Léon Bourgeois thời kỳ 1895-1896, ông từng đề xuất đánh thuế thu nhập, nhưng sau đó lại không bảo vệ dự án của mình khi Méline lên nắm quyền. Sau một thời gian làm toàn quyền Đông Dương, ông trở lại Quốc hội nhưng tách ra khỏi Đảng Cấp tiến bởi ông không tán thành chính sách của Combes. Chúng ta cũng đã biết vì thái độ này mà ông mất lá phiếu của cánh tả vào tay Fallières trong cuộc bầu cử Tổng thống năm 1906.

Năm 1931, mối bất đồng về chính sách của Combes đã lắng xuống, Doumer tiến tới cuộc bầu cử mà không có đối thủ nặng ký nào, nhưng hai ngày trước khi diễn ra cuộc bỏ phiếu, xuất hiện một ứng cử viên mới: Aristide Briand, chính trị gia nổi tiếng nhất thời đó, “người tìm kiếm hòa bình”. Trước đó, chắc chắn người ta đã nói tới việc vị Bộ trưởng Bộ Ngoại giao nổi tiếng này, “người của Genève”, ra ứng cử, nhưng đó chỉ là lời đồn của những người thân cận với Briand. Không muốn đối đầu với vị Bộ trưởng đại diện cho chính sách hòa bình, Doumer đã thử thăm dò ý định của Briand và ông này bác bỏ mọi tham vọng trở thành Tổng thống. Chắc chắn là Briand thực sự mong muốn vẫn giữ chức Bộ trưởng Bộ Ngoại giao để tiếp tục chính sách hòa bình đã gắn liền với tên tuổi của ông. Trong khi việc Doumer thắng cử hầu như chỉ còn là vấn đề thời gian thì những người thân cận với Briand cuối cùng đã thuyết phục được ông thay đổi ý định, vì thế mọi người đều sửng sốt khi biết tin Briand ra ứng cử hai ngày trước cuộc bỏ phiếu. Cuộc bầu cử ngày 13/5/1931 đã diễn ra trong điều kiện đặc biệt lộn xộn. Vốn trông đợi vào chiến thắng, Briand chỉ nhận được 401 phiếu tại vòng bầu cử đầu tiên, trong khi Doumer giành được 442 phiếu. Ngay sau đó, vị Bộ trưởng Bộ Ngoại giao xin rút lui và Doumergue, khi đó vẫn còn là Tổng thống, đã phải cố thuyết phục để Briand không vì thất bại này mà xin từ chức ngay lập tức. Tại vòng thứ hai, Doumer đắc cử với 504 phiếu bầu.

Thời gian trên cương vị Tổng thống của ông quá ngắn ngủi để có thể mang lại hiệu quả. Con người kham khổ này luôn tự cho là không ốm đau gì và chứng tỏ một cường độ làm việc mà không một người phụ tá nào có thể theo kịp. Ông điều hành tới năm 1932 cùng các Chủ tịch Hội đồng đại diện cho phe đa số ở Quốc hội, tức là cánh hữu: Tardieu và Laval thay nhau đứng đầu chính phủ. Doumer không được lòng dân như Tổng thống tiền nhiệm, nhưng lại được công chúng nhìn nhận như một người yêu nước (4 con trai của ông đã hi sinh trong Thế chiến thứ nhất), con người của ý thức và trách nhiệm, tiết kiệm công quỹ nhà nước, hăng say trong công việc. Cuộc bầu cử lập pháp tháng 5/1932 đã làm ông lo lắng. Thật vậy, ngay từ vòng một đã xuất hiện chiều hướng có lợi cho các đảng cánh tả tập hợp trong một liên minh mới. Nhưng Paul Doumer không có đủ thời gian để chứng kiến những điều ông tiên đoán trở thành hiện thực ở vòng hai.

Ngày 6/5/1932, trong khi tham dự buổi bán sách của các nhà văn cựu chiến binh, ông đã bị bắn 5 phát đạn. Một hành động chính trị ư? Không phải! Đó chỉ là hành động của một kẻ bệnh

hoạn người Nga tên là Gorguloff. Hắn muốn gây một tội ác để có cảm giác mạnh và đã tận dụng cơ hội khi Tổng thống từ chối cho phép đoàn cảnh sát đông đúc bảo vệ mình. Paul Doumer đã chết trước khi kịp để lại dấu ấn ở cương vị Tổng thống và lịch sử chỉ ghi rằng ông phải ra đi sớm.



ALBERT LEBRUN
(29/8/1871 - 6/3/1950)

- 15 - ALBERT LEBRUN, KẾT THÚC NHỮNG ẢO TƯỢNG

(10 tháng 5 năm 1932 - 10 tháng 7 năm 1940)

Vụ ám sát Paul Doumer xảy ra vào đúng thời điểm đời sống chính trị nước Pháp đang phải hứng chịu những biến đổi sâu sắc. Cuộc bầu cử đang diễn ra dường như cho thấy rằng Quốc hội của cánh hữu, được bầu năm 1928 dưới thời Poincaré, sẽ bị thay thế bằng một Quốc hội của Liên minh mới trong đó Đảng Cấp tiến và Xã hội chiếm đa số. Theo kế hoạch, vòng hai của cuộc bầu cử lập pháp diễn ra ngay sau ngày Doumer bị ám sát và các nghị sĩ còn đang phân tán trong các khu vực bầu cử. Do đó, Albert Lebrun, với tư cách Chủ tịch Thượng viện phải chủ trì Quốc hội, đã ấn định cuộc bầu cử Tổng thống vào thứ Ba ngày 10/5 để các Nghị sĩ có đủ thời gian trở về Versailles. Hơn nữa, Quốc hội mới được bầu chỉ đi vào hoạt động từ ngày 1/6/1932 nên quyền bầu Tổng thống mới thuộc về Nghị viện cũ. Tình huống rất tế nhị vì những kết quả đầu tiên cho thấy rằng nhiều Nghị sĩ sẽ bị mất ghế. Tình thế này thuận lợi cho người nào ít liên quan đến chính trị nhất, không liên quan đến các cuộc đấu đá vừa qua, không dính líu đến các vấn đề lớn đang diễn ra và không có nguy cơ bị Nghị viện mới bãi bỏ.

Và mọi người đều hướng về Thượng nghị viện, nơi tập trung các nhân vật chấp chính, và hướng về Chủ tịch Thượng nghị viện Albert Lebrun. Không cần bàn luận gì nữa, ông chính là người mà người ta đang cần tìm. Vì cùng quê Lorraine với Poincaré nên Lebrun được người đồng hương này giúp đỡ nhiều trong thời kì khởi nghiệp. Sau khi trở thành Nghị sĩ năm 1900 ở tuổi 29, ông giữ nhiều chức vụ thứ yếu khác nhau trong nội các. Những cương vị không quan trọng ấy đã giúp ông tránh khỏi các cuộc tranh đấu chính trị nhưng lại không làm cho ông nổi tiếng. Ông kế nhiệm chức Chủ tịch Thượng nghị viện của Doumer và từ đó trở thành người nhắm tới chức Tổng thống. Cho tới khi Doumer bị ám sát, ông vẫn hoàn toàn không được công chúng biết đến, còn các Nghị sĩ coi ông như một người cẩn thận, ôn hòa, hơi tẻ nhạt một chút nhưng hoàn toàn trung thực.

Chính vì không có khuyết điểm chứ không phải là nhờ những phẩm chất nổi bật mà Doumer từ vị trí thứ yếu sau nhiều năm đã trở thành Tổng thống. Chắc chắn là để tôn trọng truyền thống và cũng vì nhận thấy thái độ ôn hòa thái quá của vị Chủ tịch Thượng nghị viện nên cánh tả đã đưa ra một ứng cử viên tất yếu là Paul Painlevé; nhưng đó chỉ là một hành động vô ích. Ngày 10/5/1932, Albert Lebrun trở thành Tổng thống thứ 14 và cũng là Tổng thống cuối cùng của nền Cộng hòa đệ Tam. Từ đó, ông được biết đến mà không hề nổi tiếng. Người Pháp không biết gì về con người hoàn toàn đáng kính nhưng lại lu mờ trong công việc này. Ông được lòng dân? Không phải. Ông đóng một vai trò chính trị nào đó? Cũng không phải. Trong số các Tổng thống của nền Cộng hòa đệ Tam, Lebrun là người có ảnh hưởng cá nhân hạn chế nhất; ông không lãnh đạo chính trị, không làm trọng tài, mà hoàn toàn bị động, phụ thuộc vào các lực lượng đa số tiếp nối nhau. Vậy mà nhiệm kì của ông lại trùng hợp với giai đoạn nước Pháp phải chịu cuộc khủng hoảng trầm trọng nhất dưới nền Cộng hòa đệ Tam và không có một chính khách thật sự để đưa đất nước vượt qua khó khăn.

Sự thù địch giả tạo với Mặt trận bình dân

Ngay sau khi Lebrun trúng cử, những triệu chứng đầu tiên của cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng đã xuất hiện. Cuộc khủng hoảng này đã hoành hành trên phần còn lại của thế giới từ năm 1929, nhưng chỉ thực sự lan tới Pháp vào năm 1931.

Tại Pháp, nguyên nhân của cuộc khủng hoảng chủ yếu là do sự bất cân đối giữa giá cả của Pháp và giá cả của thế giới. Trong khi cuộc khủng hoảng làm sụt giá các nguyên liệu, sau đó là giá các sản phẩm nông nghiệp và công nghiệp trên toàn thế giới, thì nước Pháp, vốn sở hữu một đồng tiền mạnh từ khi Raymond Poincaré chính thức bình ổn đồng franc năm 1928, khẳng khái từ

chối phá giá đồng tiền của mình. Do giá cả của Pháp cao hơn hẳn giá của thế giới nên hàng hóa của Pháp hầu như không xuất khẩu được. Nhưng những người cầm quyền như Lebrun và các chủ tịch Hội đồng cánh hữu Flandin và Laval lại không hề biết nguyên nhân của cuộc khủng hoảng. Tất cả họ đều cho rằng “những công chức ăn hại ngân sách” đã gây ra tình trạng này và đưa ra giải pháp giảm lương. Năm 1935, Pierre Laval tiến hành giảm 10% lương công chức. Hậu quả là cuộc khủng hoảng càng trầm trọng hơn do giảm sức mua trên thị trường nội địa, thị trường chủ yếu của hàng hóa Pháp.

Cuộc bầu cử năm 1936 đã đưa Mặt trận bình dân, được tạo nên từ liên minh các đảng và các tổ chức khác nhau thuộc cánh tả, lên cầm quyền. Trong Nghị viện, từ đây đa số ghế thuộc về các Đảng Cấp tiến, Xã hội và Cộng sản. Tình hình này làm Lebrun lo lắng, ông dễ làm việc với các chính khách cánh hữu hơn là với những người thuộc phe đa số mới này. Tổng thống thậm chí đã định từ chức, nhưng ông sớm từ bỏ ý định đó vì nhận thấy rằng nếu ông từ chức, một thành viên thuộc phe đa số của Mặt trận bình dân sẽ được bầu làm Tổng thống, và người này sẽ không biết kìm hãm sự vươn lên của cánh tả như ông. Ông chỉ còn cách chấp nhận và mời vào chính quyền thủ lĩnh của đảng chiếm đa số trong Quốc hội Léon Blum. Lebrun tham gia không chút hứng thú, nhưng cũng không thể chống đối các biện pháp xã hội và chính trị mà chính phủ của Mặt trận bình dân thực hiện ngay trong những tháng đầu tiên. Tổng thống có thể tự hào đã ngăn cản Pháp can thiệp để ủng hộ nước Tây Ban Nha Cộng hòa trong cuộc đấu tranh chống lại cuộc đảo chính quân sự của Tướng Franco, nhưng trên thực tế, nguyên nhân của việc Pháp không can thiệp là do Léon Blum rất cẩn trọng và không muốn kéo nước Pháp vào một cuộc chiến. Quan điểm của Lebrun không hề có chút ảnh hưởng gì.

Tổng thống hoan hỉ nhận thấy những khó khăn đầu tiên của Mặt trận nhân dân, và lấy làm mừng rỡ, không phải là vô cớ, khi thấy Mặt trận bình dân nghiêng về cánh hữu bằng việc thay thế Blum bằng Chautemps. Tháng 3/1938, Chautemps từ chức, một lần nữa Tổng thống trao quyền cho Blum để chứng tỏ rằng thủ lĩnh của Phân nhánh Quốc tế công nhân Pháp (SFIO) không thể thành lập được chính phủ. Tuy vậy, do nhận thức được mối đe dọa ngày càng tăng từ hiểm họa phát xít, Blum đã đề nghị thành lập không phải một nội các của Mặt trận bình dân mà một nội các thống nhất dân tộc để lãnh đạo đất nước chuẩn bị đối mặt với nước Đức quốc xã. Ngoại trừ Paul Reynaud sẽ chấp nhận một thể thức như thế nếu nó tương đối mở rộng cho cánh hữu, còn những lãnh đạo ôn hòa khác, mù quáng vì căm ghét Blum, đã từ chối đề cập vấn đề này nếu lãnh tụ Đảng Xã hội đứng đầu chính phủ. Tổng thống mừng thầm trước diễn biến của tình hình và không làm gì để họ thay đổi ý kiến. Thất bại của Blum đã đánh dấu sự tan rã của Mặt trận bình dân. Tháng 4/1938, nhân vật Cấp tiến Edouard Daladier thành lập một chính phủ mới không có sự tham gia của Đảng Xã hội, mà có phái Ôn hòa. Tổng thống thở phào dễ chịu: Mặt trận bình dân không còn nữa.

Tháng 5/1939, nhiệm kỳ Tổng thống 7 năm của Lebrun mãn hạn. Tình hình thế giới ngày càng trầm trọng và chiến tranh sắp diễn ra.

Chiến tranh, thất bại, đình chiến

Những người thân cận Lebrun cố ngăn cản ông tái ứng cử bằng cách phân tích cho ông thấy rằng ông sẽ là Tổng thống của chiến tranh, nhưng ông có vẻ thích thú với công việc từng làm và quyết định ra ứng cử lần nữa. Tính cách không có gì nổi bật, vai trò chính trị mờ nhạt lại chính là những lợi thế giúp ông trúng cử nhiệm kỳ hai ngày 5/4/1939. Năm tháng sau, chiến tranh bùng nổ.

Khác với Poincaré trong Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, Lebrun bị động trước các sự kiện xảy ra chứ không hề điều khiển chúng. Đầu tiên, Daladier không có hành động gì: đó là “cuộc chiến kỳ cục” từ tháng 9/1939 đến tháng 5/1940 và Lebrun đã không làm gì để đưa ông ta thoát ra khỏi tình trạng bị động. Khi Daladier bị mất chức vào tháng 3/1940, Tổng thống trao quyền điều hành chính phủ cho Paul Reynaud, con người cương quyết hành động mà các Nghị sĩ đã chỉ định.

Kể từ tháng 5/1940, nước Pháp bị xâm chiếm. Tình hình chiến sự thảm bại rất nhanh. Khi Bộ tham mưu tuyên bố không có khả năng bảo vệ Thủ đô, các cơ quan quyền lực nhà nước phải sơ tán. Đó là một cuộc tháo chạy điên loạn, đầu tiên là về Loire, ở đó Tổng thống đã sống một thời gian trong lâu đài Cangé, sau đó là tới Bordeaux, ở đây, theo truyền thống từ năm 1914, Lebrun lấy trụ sở của chính quyền tỉnh làm trụ sở của Tổng thống. Đây chính là lúc cần có một Tổng thống quyết đoán, đủ khả năng lấy lại được bình tĩnh và làm trọng tài! Từ ngày 12/6, chính phủ bị chia làm hai. Ngày hôm đó, Tổng tư lệnh Weygand yêu cầu chính phủ kí một hiệp ước đình chiến bởi ông cho rằng mặt trận nước Pháp đã thất bại. Ông được một số Bộ trưởng trong đó có Thống chế Pétain, Phó chủ tịch Hội đồng, ủng hộ. Nhưng Chủ tịch Hội đồng Paul Reynaud, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Georges Mandel và Phó quốc vụ khanh phụ trách chiến tranh, Tướng De Gaulle, chủ trương tiếp tục chiến đấu thông qua việc chuyển các cơ quan chính quyền sang Bắc Phi và để Tổng tư lệnh kí hiệp ước đầu hàng quân sự tại chỗ mà không có sự tham gia của chính phủ.

Trong nhiều ngày, hai xu hướng trong chính phủ gây chia rẽ sâu sắc, nhưng Lebrun không tỏ thái độ rõ ràng và vào giờ phút bi thảm đó, ông cũng không có ý định đưa ra quan điểm của nguyên thủ quốc gia về số phận của nước Pháp. Trong khi đó, ngày 16/6, Reynaud thông báo trước Hội đồng về bản hiệp định vừa được kí kết giữa đặc phái viên của ông tại London, Tướng De Gaulle, và Thủ tướng Anh Churchill. Bản hiệp định này chủ trương hợp nhất các cơ quan quyền lực Anh-Pháp trong thời gian chiến tranh. Đa số thành viên Hội đồng từ chối ủng hộ Reynaud và lựa chọn hướng yêu cầu Đức đưa ra các điều kiện đình chiến. Tự cảm thấy không thể lãnh đạo chính phủ được nữa, Reynaud đệ đơn từ chức lên Tổng thống Lebrun và khuyên ông nên bổ nhiệm Pétain vào vị trí này vì Pétain đang được đa số Bộ trưởng tin tưởng. Lebrun làm theo và hoan hỉ nhận thấy Thống chế, vốn đang trông chờ lời đề nghị của Tổng thống, đã có sẵn trong túi một danh sách các Bộ trưởng. Trong khi số phận nước Pháp đang ngàn cân treo sợi tóc, Tổng thống lại tự lấy làm sung sướng vì đã dễ dàng giải quyết được cuộc khủng hoảng chính trị nhờ quyết định từ chức của Paul Reynaud. Ngay trong ngày thành lập, nội các mới đã yêu cầu đình chiến. Sau đó, hiệp định đình chiến chính thức được kí ngày 25/6, theo đó một nửa đất nước được giao cho nước Đức phát xít, trong khi nửa còn lại hoàn toàn không nhận được một sự đảm bảo tối thiểu nào về chủ quyền quốc gia. Đây có vẻ là cơ hội tốt cho những thế lực chống đối nền Cộng hòa để thay đổi chế độ. Nhưng vẫn còn một dự án không được triển khai, mặc dù được Tổng thống và Chủ tịch hai Nghị viện là Herriot và Jeanneney ủng hộ.

Dự án này xuất hiện ngay sau yêu cầu đình chiến, theo đó các cơ quan quyền lực sẽ chuyển sang Bắc Phi nhằm tránh sức ép của kẻ thù, trong khi các thành viên chính phủ ủng hộ Pétain sẽ vẫn ở lại Pháp, bởi vì Pétain không muốn đi. Một dự án như thế này có lẽ sẽ làm đảo lộn đột ngột tất cả những ý định chính đáng nhằm thay đổi chế độ, do đó hai người thiết tha nhất với sự thay đổi này là phó quốc vụ khanh Raphaël Alibert và Nghị sĩ Pierre Laval sẽ cùng hợp sức để cản trở chuyển đi. Ngay từ ngày 20/6, Lebrun quyết định bản thân ông cùng các Bộ trưởng và Chủ tịch hai Viện sẽ đến Port-Vendre, từ đó họ sẽ lên tàu đi Algérie, còn các Nghị sĩ sẽ đi từ Verdon bằng tàu Massilia. Trong khi nhiều Nghị sĩ do Laval đứng đầu, không ngừng gây sức ép lên Lebrun thì Alibert giữ chân nguyên thủ quốc gia bằng cách nói dối. Alibert tuyên bố rằng, trái với tin tức mà các cơ quan thông tin đã đưa, quân Đức vẫn chưa vượt qua sông Loire và do đó không việc gì phải vội vã cả. Chính vì vậy, Lebrun quyết định chờ thêm một đêm.

Ngày 21, trong khi các đại diện của nước Pháp đang thảo luận với Đức về hiệp định đình chiến thì Lebrun chuẩn bị thực hiện kế hoạch ra đi của mình. Đúng lúc ấy, Pierre Laval dẫn đầu một đoàn nghị sĩ xuất hiện trước Tổng thống và tuyên bố hết sức quyết liệt:

“Nếu Ngài rời khỏi lãnh thổ nước Pháp, Ngài sẽ không bao giờ được đặt chân trở lại nữa. Vâng, khi người ta biết rằng Ngài đã lựa chọn ra đi vào đúng thời điểm đất nước lâm vào cảnh nguy khốn nhất, tất cả mọi người sẽ đều chỉ nói một từ: đào ngũ... thậm chí còn có một từ nặng nề hơn nữa, đó là phản bội.”

Trước cơn thịnh nộ, Lebrun không biết nói gì, chỉ lặng lẽ cúi đầu. Khi Laval ra về mà không bắt tay ông, chính ông phải vội vã chào vị cựu Chủ tịch Hội đồng. Cuối cùng, Lebrun đã hủy bỏ cuộc ra đi, đồng thời để cho Laval được tự do trở thành nhân vật chính thức biểu tượng cho nền Cộng hòa. Ngày 1/7, các cơ quan chính quyền chuyển đến Vichy. Ngày 10/7, sau nhiều cuộc nói chuyện với các Nghị sĩ làm họ đi từ thấy hấp dẫn đến lo sợ, Pierre Laval đã yêu cầu được Nghị viện, lúc đó đã mất hết tinh thần, thông qua một văn bản để giao đất nước cho Thống chế Pétain: “*Quốc hội trao toàn bộ quyền lực cho Chính phủ, dưới chữ kí và quyền lực của Thống chế Pétain, nhằm ban bố, bằng một hoặc nhiều văn bản, Hiến pháp mới của nhà nước Pháp...*”

Ngay hôm sau đã xuất hiện những Văn bản Hiến pháp, trong đó văn bản đầu tiên được viết theo phong cách các đạo luật thời Quân chủ, phong Thống chế Pétain làm nguyên thủ quốc gia và bãi bỏ điều trong Hiến pháp qui định về bầu cử Tổng thống:

“ Tôi, Philippe Pétain, thống chế Pháp,

Căn cứ vào Hiến pháp ngày 11/7/1940, tuyên bố đảm nhận các chức năng của nguyên thủ quốc gia Pháp. Sau đây, tôi quyết định: điều 2 của Hiến pháp ngày 25/2/1875 bị hủy bỏ”.

Chức Tổng thống không còn nữa. Lebrun không còn phải đi đến chỗ đầu hàng, ông chấp nhận tình hình mới và rời khỏi Vichy trong sự thờ ơ của mọi người. Với cuộc ra đi không vinh quang này, kết cục của thời kì suy tàn kéo dài, lịch sử các Tổng thống của nền Cộng hòa đệ Tam đã chính thức khép lại.



JULES-VINCENT AURIOL
(27/8/1884 - 1/1/1966)

- 16 - VINCENT AURIOL, VỊ TỔNG THỐNG BẤT HẠNH CỦA LỰC LƯỢNG THỨ BA

(16 tháng 1 năm 1947 - 23 tháng 12 năm 1953)

Nền Cộng hòa đệ Tứ: phương thức hoạt động

Xáo trộn lớn của thời Chiếm đóng đã qua, liệu nước Pháp giải phóng có quay trở lại với những thể chế Cộng hòa mà Quốc hội đã bỏ phiếu cho vào quên lãng ngày 10/7/1940 và chưa có Hiến pháp nào khôi phục lại không? Đây là mong ước của hai đảng được hồi sinh sau giải phóng: Đảng Cấp tiến và Đảng Ôn hòa. Nhưng vào năm 1945, hai đảng này chỉ tồn tại trên giấy và không có tiếng nói trong nước.

Người dân Pháp chê trách Đảng Cấp tiến đã không tham gia với tư cách một đảng vào cuộc kháng chiến, mặc dù một vài nhà lãnh đạo có tham gia với tư cách cá nhân; còn đối với Đảng Ôn hòa, bất chấp sự tồn tại của các phong trào kháng chiến và thái độ không thể chê vào đâu được của một số vị lãnh đạo như Louis Marin hoặc Paul Reynaud, nhưng đảng này vẫn nằm trong số những đối tượng bất tín nhiệm như những đảng cánh hữu khác vì bị nghi ngờ đã ủng hộ chính quyền Vichy.

Lực lượng kháng chiến ngay từ đầu đã phản đối sự phục hồi nền Cộng hòa đệ Tam vì sự bất lực của nó là nguyên nhân dẫn đến thất bại. Nhưng ngay từ năm 1945, lực lượng kháng chiến đã bị phân tán: họ không thành lập được một đảng lớn mạnh. Tuy vậy, lực lượng này có thể thu gọn lại trong một người và ba đảng.

Người đó chính là Tướng De Gaulle, người đứng đầu Chính phủ lâm thời. Ông mong muốn có một cơ quan hành pháp vững mạnh và một cơ quan lập pháp chỉ giới hạn trong vai trò của mình, không lấn sang chức năng của chính phủ. Quan niệm này sẽ hạn chế riêng rẽ vai trò của các chính đảng; thế nhưng khi đó có ba đảng lại đang gặp thời và không muốn từ bỏ ưu thế mà họ có được trong lòng dân chúng. Hai trong số ba đảng đó là những đảng cũ được cách tân qua vai trò chủ chốt của họ trong cuộc kháng chiến: đó là Đảng Xã hội SFIO và Đảng Cộng sản. Đảng thứ ba hoàn toàn mới: đó là Phong trào Cộng hòa nhân dân (MRP). Được một nhóm Thiên chúa giáo từng giữ vai trò quan trọng hàng đầu trong phong trào kháng chiến thành lập, đảng này không muốn kế thừa một cách thuần túy và đơn giản đảng Dân chủ nhân dân cũ, một phiên bản của Đảng Dân Chủ Thiên chúa giáo kiểu Pháp. Xuất hiện như một đảng cánh tả, MRP đưa ra một chương trình xã hội táo bạo. Nhưng tính cách của các thủ lĩnh đảng này đã làm cho nó trở thành Đảng Thiên chúa giáo, mặc dù không muốn, và quan điểm ôn hòa đã giúp đảng này giành được lá phiếu bầu của cử tri cánh hữu khi trong cuộc bầu cử đầu tiên sau giải phóng, họ không có những tổ chức chính trị truyền thống.

Tướng De Gaulle và ba đảng lớn thống nhất thay thế nền Cộng hòa đệ Tam bằng nền Cộng hòa đệ Tứ mà họ cho là dân chủ hơn và quan tâm hơn đến số phận của các tầng lớp nhân dân. Cuộc trưng cầu dân ý tổ chức ngày 21/10/1945 để lấy ý kiến người dân Pháp về vấn đề này đã nhận được 96% câu trả lời tán thành. Nhưng hố sâu ngăn cách nhanh chóng xuất hiện giữa người đứng đầu Chính phủ lâm thời và hai đảng cánh tả khi đề cập vấn đề cân bằng quyền lực. Tướng De Gaulle muốn có cơ quan hành pháp mạnh, trong khi Đảng Cộng sản và Xã hội lại thích một chế độ nghị viện trong đó cơ quan hành pháp sẽ bị đặt dưới sự kiểm soát chặt chẽ của cơ quan lập pháp. Vậy mà cuộc bầu cử ngày 21/10/1945 để chỉ định các thành viên trong Hội đồng lập hiến đã dành cho hai Đảng Xã hội và Cộng sản đa số tuyệt đối. Hội đồng lập hiến đã chuẩn bị phương án mà Tướng De Gaulle được biết là theo đó, Tổng thống chỉ là một nhân vật trang trí, không có quyền lực như các Tổng thống ở nền Cộng hòa đệ Tam và không có tác động đến chính phủ. Đó dường như là nguyên nhân cơ bản dẫn đến quyết định từ chức của người đứng đầu Chính phủ lâm thời ngày 20/1/1946. Dự thảo hiến pháp được đưa ra để toàn dân phê

chuẩn, nhưng không thành do Đảng MRP khi đó muốn là “đảng trung thành” với Tướng De Gaulle, đã bị người dân Pháp loại bỏ ngày 5/5/1946.

Hội đồng lập hiến mới được bầu vào tháng 6/1946 đã biến MRP thành đảng số 1 của Pháp. Mặc dù Tướng De Gaulle phản đối, tháng 10/1946 Hiến pháp của nền Cộng hòa đệ Tứ vẫn được thông qua nhờ thỏa thuận giữa Đảng MRP, Đảng Xã hội và Đảng Cộng sản. Hiến pháp mới thiết lập một chế độ nghị viện rất giống với chế độ của nền Cộng hòa đệ Tam, với hai Viện và một Tổng thống. Nhưng quyền lực của Tổng thống rất hạn chế, không chỉ so với Hiến pháp năm 1875 mà còn so với thông lệ được dần dần hình thành từ thời đó.

Cũng như trước đây, Tổng thống được hai Viện bầu ra cho nhiệm kỳ 7 năm và vẫn nắm quyền bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Nhưng khác với thời nền Cộng hòa đệ Tam, sự lựa chọn của Tổng thống chỉ có hiệu lực khi được Quốc hội phê chuẩn. Cũng như vậy, Tổng thống vẫn giữ quyền yêu cầu xem xét lại lần hai các đạo luật đã được bỏ phiếu; cũng như các Tổng thống của nền Cộng hòa đệ Tam, các Tổng thống của nền Cộng hòa đệ Tứ không sử dụng đặc quyền này. Cuối cùng, các Tổng thống có quyền rất quan trọng là quyền giải tán, nhưng với điều kiện hết sức chặt chẽ và hạn chế: trong trường hợp sau 18 tháng đầu tiên của một khóa lập pháp, hai cuộc khủng hoảng nội các diễn ra trong 18 tháng và với điều kiện chính phủ bị tuyệt đại đa số nghị sĩ phủ quyết. Chưa hết, sự giải tán chỉ có thể được Hội đồng Bộ trưởng quyết định sau khi có ý kiến của Chủ tịch Quốc hội. Nếu như Tổng thống ở nền Cộng hòa đệ Tứ bị thua kém quyền lực so với những người tiền nhiệm ở nền Cộng hòa đệ Tam thì bù lại ông lại được giữ thêm một chức vụ danh dự mới, biểu tượng cho thời đại mới trong văn đề chính sách thuộc địa: Tổng thống cũng đồng thời là Chủ tịch Liên hiệp Pháp.

Trong khuôn khổ đã được xác định như vậy, cuộc bầu cử Tổng thống đầu tiên của nền Cộng hòa đệ Tứ đã diễn ra ngày 16/1/1947.

Một người kháng chiến và một Đảng viên Đảng Xã hội ở Điện Élysée

Cho tới mùa thu năm 1946, Đảng MRP vẫn hi vọng Tướng De Gaulle sẽ chấp nhận trở thành Tổng thống đầu tiên của nền Cộng hòa đệ Tứ. Nhưng ông từ chối giữ vị trí chỉ mang tính danh dự thuần túy mà Hiến pháp dành cho Tổng thống; thực ra, dường như có ít khả năng các Nghị sĩ cánh tả bỏ phiếu cho ông.

Trong những điều kiện này, cuộc cạnh tranh diễn ra rất công khai và nhiều tham vọng đã được bộc lộ. Nhưng các đảng nhanh chóng đi đến thỏa thuận chia sẻ các “vị trí chủ chốt”. Đầu tiên, các Đảng Cộng sản, Xã hội và Cấp tiến sẽ bầu Vincent Auriol của Đảng Xã hội làm Chủ tịch Quốc hội, sau đó, vào thời điểm hợp lý, sẽ bầu làm Tổng thống. Khi đó, nhân vật cấp tiến Herriot sẽ thay thế Auriol ở cương vị Chủ tịch Quốc hội, còn đảng viên Đảng Cộng sản Georges Marrane sẽ được bầu vào ghế chủ tịch Hội đồng nhà nước, tên mới của Thượng nghị viện.

Phần đầu của kế hoạch đã diễn ra đúng theo dự tính, Vincent Auriol trở thành Chủ tịch Quốc hội nhờ phiếu bầu của các Đảng Cấp tiến, Xã hội và Cộng sản. Nhưng trong cuộc bầu cử chủ tịch Hội đồng nhà nước, Đảng MRP, nạn nhân của thỏa thuận trên, đã làm hỏng kế hoạch khi đề cử Champetier de Ribes, người đã trúng cử do lợi thế về tuổi tác. Ngày 16/1/1947, MRP muốn tiếp tục hành động khi đưa Champetier de Ribes ra ứng cử cùng Vincent Auriol vào chức Tổng thống nhưng ý định không thành: Vincent Auriol trúng cử ngay từ vòng đầu với 452 phiếu, trong khi Champetier de Ribes chỉ nhận được 252 phiếu. Lần đầu tiên, một Đảng viên Đảng Xã hội giữ chức Tổng thống.

Tổng thống Auriol thực sự khác biệt so với các Tổng thống trước của nền Cộng hòa đệ Tam vì ông là một chính khách thực sự. Sinh ra ở vùng Haute-Garonne, trong một gia đình làm bánh mì, ông theo học ngành luật và triết học ở Toulouse và sớm gia nhập Đảng Xã hội. Là Thị trưởng của Muret, Nghị sĩ của vùng Haute-Garonne năm 1914, ông giữ vị trí quan trọng ở vùng này sau chiến tranh thế giới thứ nhất. Ông tự tỏ ra là người hòa giải, luôn sẵn sàng chuẩn bị hoặc ủng hộ các bản kiến nghị thỏa ước nhằm tránh việc các khuynh hướng chia rẽ trong SFIO

có thể gây tan rã tổ chức này. Hơn nữa, ông còn là một chuyên gia tài chính. Khi giữ chức Chủ tịch Ủy ban tài chính thời Liên minh cánh tả, ông có công thực hiện thành công chương trình tài chính dựa trên ý tưởng của Đảng Xã hội; chương trình đã làm những người nắm giữ vốn hết sức lo lắng và giữ vai trò chủ yếu cho sự ra đời của “bức tường bạc” khiến Herriot bị hạ bệ. Ông từng giữ chức Bộ trưởng Bộ Tài chính của Mặt trận nhân dân, Quốc vụ khanh trong nội các ngắn ngủi của Blum tháng 3-4/1938 và là một trong những lãnh tụ của SFIO. Ngày 10 tháng 7 năm 1940, ông là một trong 80 nghị sĩ đã dũng cảm bỏ phiếu từ chối trao toàn bộ quyền lực cho thống chế Pétain khi Pierre Laval yêu cầu. Vì lý do này, ông bị chính quyền Vichy kết án tù, sau đó quản thúc tại nhà. Nhưng ngay từ giai đoạn này, ông đã khuyến khích các Đảng viên Đảng Xã hội vùng Haute-Garonne hình thành phong trào kháng chiến ở Toulouse với khẩu hiệu “Giải phóng và hợp thành liên bang”. Sau đó, ông thoát khỏi chế độ quản thúc và đến London sát cánh cùng Tướng De Gaulle năm 1943.

Ở Alger, ông lãnh đạo nhóm Xã hội của Hội đồng tham vấn. Trong cuộc bầu cử đầu tiên sau giải phóng, với tư cách là một người tham gia kháng chiến và lãnh tụ của một đảng, ông giành được lá phiếu của đa số cử tri và lần lượt trở thành Chủ tịch hai Hội đồng lập hiến, sau đó trở thành Tổng thống trong những điều kiện đã được nêu ở trên.

Vị Tổng thống đầu tiên của nền Cộng hòa đệ Tứ khá được lòng dân. Người Pháp hài lòng về tính cách giản dị và không ưa hình thức của ông. Chính giọng điệu vui vẻ và thái độ niềm nở của ông giúp ông tạo ấn tượng tốt đẹp trong nhân dân, ông được xếp vào hàng những Tổng thống người miền Nam rất được dân chúng yêu thích như Loubet, Fallières, Doumergue. Để đạt được tình cảm tốt đẹp đó của dân chúng, còn phải kể tới việc Tổng thống giữ được vai trò quan trọng trong hoạt động của thể chế mặc dù Hiến pháp quy định cho ông những quyền hạn rất hạn chế. Thật ra Auriol đã sớm rũ bỏ được những gò bó này. Ngay sau khi thắng cử, ông bổ nhiệm người bạn từ thời thơ ấu là Paul Ramadier, Nghị sĩ Đảng Xã hội, vào chức Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng để có thể thống nhất hành động. Tổng thống cùng chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nhanh chóng đem lại cho nền Cộng hòa đệ Tứ một bộ mặt thật đặc biệt, đưa nó thoát khỏi những tư tưởng không rõ ràng của Phong trào giải phóng. Họ thay thế tính thống nhất dân tộc đã thắng thế khi Vincent Auriol đắc cử và thể hiện qua sự hiện diện của các Bộ trưởng thuộc Đảng Cộng sản trong nội các của Ramadier, bằng “Lực lượng thứ ba”.

“Chủ trì, tuyên bố, đi thăm thú, nói quá nhiều...”

Nước Đức và các đồng minh phát xít đã thảm bại năm 1945, ngay năm sau đó, bắt đầu hình thành sự đối đầu giữa Liên Xô và Mỹ ở các khu vực khác nhau trên thế giới. Bên cạnh sự đối đầu cơ bản này còn có những mâu thuẫn, xung đột giữa các dân tộc thuộc địa và các nước thực dân.

Nước Pháp cũng liên quan tới một cuộc xung đột như vậy. Từ tháng 11/1946, Pháp tham gia vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương chống lại Phong trào dân tộc, trong đó Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò lãnh đạo. Các Bộ trưởng thuộc Đảng Cộng sản của chính phủ Ramadier đã thể hiện sự chán chường, không muốn làm việc với Ramadier vì ông tuyên bố sẵn sàng theo đuổi cuộc chiến tranh này.

Ngày 18/3/1947, Đảng Cộng sản từ chối bỏ phiếu tín nhiệm chính phủ về vấn đề Đông Dương. Ngày 1/5, Đảng Cộng sản tuyên bố bất hợp tác với chính sách kinh tế của chính phủ và nhất là không nhất trí với Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Vì vậy, chủ tịch Hội đồng, người luôn được Tổng thống ủng hộ, đã quyết định bãi nhiệm các Bộ trưởng thuộc Đảng Cộng sản. Khối đoàn kết dân tộc được xây dựng từ thời kì giải phóng đã tan vỡ; từ đây, phe cực tả cộng sản sẽ luôn chống đối các chính phủ của nền Cộng hòa đệ Tứ. Trước đó một vài tuần lễ, đã xuất hiện một nhóm đối lập nguy hiểm khác. Từ khi từ chức, Tướng De Gaulle đã chỉ trích mạnh mẽ nền Cộng hòa này và hi vọng có một hiến pháp mới. Nhưng tháng 3 năm 1947, ông chuyển từ lời nói sang hành động khi trong bài diễn văn tại Bruneval, vùng Normandie, ông thông báo ngày mà “đồng đảo quần chúng đoàn kết với nước Pháp”. Và ngay sau đó, “Liên minh dân tộc Pháp” -

đảng RPF - ra đời. Đảng này đề xướng xây dựng một nhà nước mạnh, một nhà nước lãnh đạo thực sự, trên những đổ nát của “chế độ”. Họ kêu gọi bạo lực, nhắc lại chủ nghĩa Boulanger và các liên minh chống chế độ đại nghị và thừa nhận phong trào mới là sự kế thừa của cái mà người ta có thể gọi là cánh hữu theo biểu quyết toàn dân.

Để chống lại hai lực lượng này, Vincent Auriol và Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng định ra bộ mặt đặc biệt cho nền Cộng hòa đệ Tứ. Giữa phe cực tả cộng sản và các xu hướng biểu quyết toàn dân và cứng rắn của RPF, sẽ là “Lực lượng thứ ba”.

Chính Léon Blum đã đưa ra tên gọi này trong một tuyên bố của nội các vào tháng 11/1947. Lực lượng thứ ba là ai? Đó là những đảng không có chung quan điểm chính trị tích cực, nhưng cùng phản đối hai thái cực, cực tả và cực hữu, cùng gắn bó với nền dân chủ nghị viện, mong muốn đặt châu Âu trong liên minh với Mỹ thông qua việc kí kết hiệp ước thành lập NATO, đồng ý đặt viên gạch đầu tiên trong tiến trình xây dựng liên minh châu Âu bằng việc kí hiệp ước CECA, và trong một thời gian dài cùng nhất trí duy trì chủ quyền của Pháp tại Đông Dương. Ngoài những điểm đồng thuận trên, còn có quá nhiều bất đồng tồn tại giữa các đảng trong Lực lượng thứ ba! Trong các quan niệm về kinh tế, các vấn đề xã hội, vấn đề không tôn giáo và trường học, tồn tại quá nhiều bất đồng giữa các đảng SFIO, Cấp tiến, UDSR, MRP và Độc lập, tất cả tạo nên nhiều bộ mặt khác nhau của Lực lượng thứ ba. Ngoài những bất đồng giữa các đảng nói trên, còn phải nói đến những mâu thuẫn thường xảy ra ngay trong nội bộ các đảng. Ai cũng biết rằng mỗi lãnh tụ đảng đều có xung quanh mình những người ủng hộ và những người này thường phản đối quyết liệt các lãnh tụ đảng có xu hướng khác. Trên một vũ đài chính trị mà sự phức tạp và rắc rối gây nên rất nhiều những thói quen chính trị thời nền Cộng hòa đệ Tam, các phe đã số thường rất mong manh, sẵn sàng thay đổi theo hoàn cảnh và theo các cuộc vận động hành lang. Sự bất ổn đã trở thành đặc điểm chủ yếu. Nó tăng theo vai trò của người đứng đầu, phụ thuộc vào thời gian cầm quyền và tính thường trực, kinh nghiệm về các vấn đề chính trị và kiến thức về các lĩnh vực của người đó. Do tính cách khá mạnh mẽ, Tổng thống sẽ sử dụng khả năng hành động này để thực hiện chính sách của nền Cộng hòa đệ Tứ. Hãy nghe Jacques Fauvet miêu tả thái độ của Tổng thống Auriol: *“Nâng người này, cản người khác, bảo thủ, thường xuyên có những chọn lựa sai lầm, can thiệp bừa bãi vào công việc Nghị viện, thích nỗ lực tìm kiếm thoả hiệp giữa mọi người, giữa các đảng phái, các chương trình, dự án; can thiệp vào các việc công ngoài quyền hạn mà Hiến pháp qui định, tạo nên một chức năng Tổng thống theo ý mình, đôi khi rút lại các hồ sơ quá khó ở chỗ các Bộ trưởng hoặc ném cho họ những thông điệp đầy tính kĩ thuật, làm xáo trộn các viên chức, chủ trì, tuyên bố, đi thăm thú, nói quá nhiều, hiếm khi lắng nghe người khác: đó là nguyên thủ quốc gia: Ngài Auriol”*.

Uy tín bị giảm sút trong các cuộc khủng hoảng nội các

Chỉ cần quan sát những sự lựa chọn của Tổng thống người ta cũng thấy rằng, khi trở thành nguyên thủ quốc gia, Vincent Auriol có vẻ ít mong muốn tạo cho Lực lượng thứ ba một màu sắc quá nổi bật. Thật vậy, người ta nhận thấy rằng sau Paul Ramadier, Tổng thống thường mời vào chính quyền những nhân vật ôn hòa nhất. Đứng đầu chính phủ là những người thuộc Đảng MRP (Robert Schuman hoặc Georges Bidault), Đảng UDSR (René Pleven) hoặc Đảng Cấp tiến (André Marie). Nhưng nhân vật tiêu biểu nhất cho thời kì này không thể là ai khác ngoài Henri Queuille, một trong những người ôn hòa nhất trong số các Nghị sĩ Đảng Cấp tiến, người lấy “chủ nghĩa bất động” làm học thuyết thực sự của chính phủ. Xuất phát từ cánh tả, nền Cộng hòa đệ Tứ rõ ràng đã ngã sang cánh hữu và hoạt động cá nhân của Tổng thống dường như đóng vai trò trong quá trình thay đổi này.

Với thắng lợi của các đảng cánh hữu (Độc lập, MRP, RPF), cuộc bầu cử lập pháp năm 1951 đã nhấn mạnh thêm thay đổi này. Bỏ phiếu đạo luật về trợ giúp giáo dục tự thực thông qua chương trình trợ cấp học phí cho tất cả các học sinh, chính sách cứng rắn đối với phong trào dân tộc tại hai xứ bảo hộ ở Bắc Phi, những khó khăn ngày càng lớn ở Đông Dương, đó là những vấn đề tạo nên bối cảnh chính trị mới. Ngoài ra còn nhiều vấn đề mới nảy sinh: lạm phát tăng mạnh, và nhất là sự chia rẽ của các chính khách và các đảng phái dẫn đến tình trạng gần như

không thể thành lập được chính phủ. Lực lượng thứ ba bị sa lầy vì mâu thuẫn căn bản giữa một bên là Đảng Xã hội ủng hộ chính sách tăng sức ép về thuế, và một bên là Đảng MRP, Cấp tiến và Ôn hòa, phản đối tăng thuế và muốn hạn chế sự can thiệp của nhà nước vào các vấn đề xã hội. Nhận thức được sự bế tắc chính trị này, Vincent Auriol tìm kiếm một phe đa số khác, có cùng quan điểm với ông trong các lựa chọn về kinh tế, tài chính và xã hội, để thay thế. Ông đã đạt được mục đích của mình vào tháng 3/1952 khi bổ nhiệm nhân vật ôn hòa Antoine Pinay làm Thủ tướng và được phe đa số gồm Đảng MRP, Cấp tiến, Ôn hòa và 27 Nghị sĩ thuộc phái De Gaulle ly khai từ RPF. Bằng cách làm tan rã Đảng De Gaulle, Vincent Auriol đã loại trừ được một trong những mối đe dọa đang đè nặng lên nền Cộng hòa đệ Tứ và tạo điều kiện thành lập phe đa số trung-hữu.

Nhưng những khó khăn của Tổng thống chưa phải đã hết. Tháng 5/1953, ông cần hơn một tháng để tìm một Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Các vấn đề đối nội và đối ngoại bị phản đối đến mức Quốc hội lần lượt từ chối trao quyền cho Paul Reynaud thuộc Đảng Ôn hòa, Mendès France thuộc Đảng Cấp tiến, Georges Bidault thuộc Đảng MRP và một nhân vật cấp tiến khác là André Marie. Cuối cùng, phe đa số chán nản trao chức Chủ tịch Hội đồng cho một nhân vật ôn hòa: Joseph Laniel. Cuộc khủng hoảng kéo dài khiến uy tín của Tổng thống bị lung lay dữ dội. Ngoài ra, Tổng thống luôn luôn trong trạng thái sôi sục, cũng tham gia vào mớ hỗn độn khi không ngần ngại nêu ra hai đảng đa số mà ông cho là nguyên nhân chính dẫn tới sự tê liệt của cả hệ thống. Đầu tiên, trong một bản thông báo ông cho biết rằng khi tổng thư ký SFIO là Guy Mollet đã từ chối thành lập nội các, “ông đã yêu cầu Mollet thuyết phục bạn bè của ông ta để họ không cản trở hoạt động của phe đa số và của chính phủ”. Đối với Đảng RPF, một thông báo khác cũng được đưa ra với giọng điệu cũng hết sức rõ ràng. Về phần André Diethelm, Chủ tịch Đảng RPF, Tổng thống cũng cho mọi người thấy “như ông từng làm với Guy Mollet, rằng trong hoàn cảnh hiện tại, không một ai trong số hai người có thể tập hợp quanh đảng và chương trình của họ đa số trong chính phủ, nhưng mặt khác, họ hợp lực chống đối và bắt tay với một nhóm thứ ba làm cho chế độ nghị viện tuyệt đối không thể hoạt động được”. Đằng sau những từ ngữ khó hiểu là sự cáo buộc rõ ràng: những người thuộc Đảng De Gaulle và Xã hội đã tiếp tay cho Đảng Cộng sản làm tê liệt chế độ.

Các chính đảng khó có thể tha thứ cho Vincent Auriol vì những lời buộc tội nặng nề trên. Trong những tháng cuối cùng của nhiệm kỳ, Tổng thống ngày càng bị cô lập, nhất là khi ông không đồng tình với việc chính phủ muốn thành lập Cộng đồng phòng thủ châu Âu (CED), theo mẫu của Cộng đồng Than Thép châu Âu, theo đó, thông qua quân đội chung châu Âu, nước Đức sẽ được tái vũ trang. Những bất đồng chính trị này, cộng với việc dư luận chỉ trích thói quen chính trị của hai đảng làm cho khả năng tái cử của Tổng thống là rất thấp.

Quốc hội phải họp vào cuối năm 1953 và tình hình này đã giải thích cho mức độ cam go của các cuộc đấu đá trong cuộc khủng hoảng mùa xuân. Có thể nói rằng trong thời điểm này, người nào tập hợp được đa số trong Quốc hội đang bị chia rẽ sâu sắc sẽ có cơ hội rất lớn trong cuộc bầu cử Tổng thống. Nhưng Vincent Auriol đã quá mệt mỏi và chán nản trước các cuộc xung đột dữ dội, ông không có ý định tranh cử thêm một nhiệm kỳ nữa, mà có thể chỉ giữ vai trò hòa giải trong trường hợp cần thiết.



RENÉ-JULES-GUSTAVE COTY
(28/3/1882 - 22/11/1962)

- 17 - RENÉ COTY, BUỔI CHIỀU TÀN CỦA MỘT CHẾ ĐỘ

(23 tháng 12 năm 1953 - 8 tháng 1 năm 1959)

13 vòng bỏ phiếu: cuộc bầu cử tượng trưng thể hiện sự suy tàn của chế độ

Quốc hội tháng 12/1953 đã minh chứng rất rõ những chia rẽ chính trị trong nền Cộng hòa đệ Tứ. Trong khi thông lệ dưới thời nền Cộng hòa đệ Tam là trước mỗi cuộc bầu cử, các bên thỏa thuận với nhau để chỉ giới thiệu một hoặc hai ứng cử viên đại diện cho các nhóm đảng phái chính trị lớn thì ở đại hội tháng 12/1953, mỗi đảng đều có một ứng cử viên riêng. Tuy nhiên, chắc chắn là chỉ các đại diện của Lực lượng thứ ba đang hấp hối mới có thể hi vọng chiến thắng. Bốn ứng cử viên có cơ hội khả quan là Edmond Naegelen của Đảng Xã hội, người biết có thể sớm hay muộn trông mong vào phiếu bầu của Đảng Cộng sản; Yvon Delbos của Đảng Cấp tiến, cựu Bộ trưởng dưới thời Mặt trận nhân dân; Georges Bidault của MRP, Chủ tịch cuối cùng của Hội đồng kháng chiến quốc gia bí mật; và cuối cùng là Joseph Laniel của Đảng Độc lập, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Nhân vật này đang giữ chức vụ quan trọng nhất, có khả năng tập hợp đa số, nên có vẻ gặp thuận lợi nhất. Có một số người chỉ trích ông vì đã từng tham gia bỏ phiếu trao toàn quyền cho Thống chế Pétain vào tháng 7/1940, nhưng sau đó Laniel đã sớm tách khỏi chính phủ Vichy, và năm 1943 ông đã đại diện cho phái ôn hòa trong Hội đồng kháng chiến quốc gia.

Đó là chưa kể đến những nhà chiến lược hoạt động trong hậu trường. Tổng thư ký Đảng Cấp tiến Martinaud-Déplat cho rằng nếu Bidault không tham gia tranh cử thì người của Đảng Cấp tiến có nhiều cơ hội trúng cử nhất. Để làm cho nguyên Chủ tịch Hội đồng kháng chiến quốc gia rút lui, ông yêu cầu một số Đảng viên cấp tiến bỏ phiếu cho Laniel ở vòng 1. Về phần mình, Tổng thư ký Trung tâm độc lập quốc gia (CNI) có mối thù riêng với Joseph Laniel nên không muốn vị Chủ tịch Hội đồng thắng cử. Hơn nữa, cả hai bậc thầy chiến lược của Nghị viện này đều đã có những ứng cử viên cho những vòng bỏ phiếu quyết định cuối cùng: đó là Henri Queuille đối với Đảng Cấp tiến và Antoine Pinay đối với Đảng Ôn hòa.

Ngoài ra, ván bài còn một phần bị khuấy đảo bởi cuộc “chiến tranh tôn giáo” giữa các chính khách về vấn đề Cộng đồng phòng thủ châu Âu (CED). Cộng đồng phòng thủ châu Âu được đề xuất năm 1950 và kí kết năm 1952, nhưng còn cần được Nghị viện phê chuẩn. Hiệp ước này sẽ thiết lập một cơ quan quyền lực siêu quốc gia đối với “quân đội châu Âu”, trong đó có cả đội quân của Đức. Đối với những người ủng hộ (các Đảng MRP, UDSR, một bộ phận trong các Đảng Xã hội, Cấp tiến và Ôn hòa), bản hiệp ước này cho phép đạt tới điểm không thể quay trở lại trên con đường xây dựng một châu Âu siêu quốc gia: không thể tưởng tượng được rằng người ta có thể định thiết lập một cơ quan chỉ huy siêu quốc gia trong lĩnh vực cơ bản đối với chủ quyền của một quốc gia như quân đội, trong khi không có một chính phủ siêu quốc gia để hoạch định chiến lược cho quân đội này. Đây cũng chính là nguyên nhân làm cho những người không tán thành CED (gồm Đảng Cộng sản, phái De Gaulle, một bộ phận của các Đảng Xã hội, Cấp tiến và Ôn hòa) phản đối kịch liệt mọi dự định từ bỏ chủ quyền. Vậy mà trong hai ứng cử viên chính tại cuộc bầu cử Tổng thống, thì người thứ nhất là nhân vật ôn hòa Laniel, ủng hộ nhiệt liệt CED, còn người kia là Naegelen, thuộc Đảng Xã hội, lại kịch liệt phản đối CED. Vì thế, những chính trị gia ủng hộ CED tìm mọi cách để ngăn cản Naegelen đạt được ngưỡng qui định 460 phiếu cần thiết để thắng cử, còn những người chống CED cũng thực hiện một chiến lược tương tự để chống lại Laniel. Ngoài cuộc chơi vô cùng phức tạp này, còn có một bất ngờ: Laniel đã đạt được nhiều phiếu bầu hơn cả mong đợi ngay tại vòng đầu, và khi các đối thủ khác yếu đi, ông lại nhận được phiếu bầu của Đảng Ôn hòa, phái De Gaulle và MRP, và không hề có ý định rút lui. Ở vòng bỏ phiếu thứ ba và thứ tư, cuộc cạnh tranh mang dáng dấp của cuộc chiến tay đôi giữa Naegelen, ứng cử viên của cánh tả, và Laniel, ứng cử viên của cánh hữu. Tại các vòng bỏ phiếu tiếp theo, sự chênh lệch phiếu bầu không đáng kể nên không dẫn tới kết quả quyết định. Thái

độ bất bình tăng mạnh, nhiều Nghị sĩ tỏ ra phản nộ trước sự bất lực của nền Cộng hòa trong con mắt người nước ngoài; thậm chí, một số đảng chính trị còn đe dọa đòi khởi đại hội.

Cuối cùng, để tháo gỡ tình huống này, Laniel chấp nhận rút lui tại vòng 11. Khi đó việc chỉ định một Nghị sĩ khác thuộc đảng cánh hữu là hoàn toàn có thể. Và khi đó, Louis Jacquinot định thử vận may, nhưng không thành công vì một nhóm Nghị sĩ ôn hòa đã đề nghị đưa một ứng cử viên trung lập, theo như truyền thống bầu cử cũ của nền Cộng hòa đệ Tam. Người đó có thể là Phó chủ tịch Hội đồng René Coty, hoặc nếu không, theo thông lệ, là Chủ tịch Thượng nghị viện Gaston Monnerville, một người da đen.

Mặc dù trở thành ứng cử viên chính thức cho vòng 12, nhưng Coty không nhận được số phiếu bầu cần thiết. Thật vậy, các Nghị sĩ phái De Gaulle từ chối bỏ phiếu cho Coty vì ông này từng tán thành việc trao toàn quyền cho Thống chế Pétain tháng 7/1940, và sau đó, sau khi thân trọng rời khỏi chính quyền Vichy, ông không hề tham gia kháng chiến. Người ta không thể coi ông là người kháng chiến chỉ qua những cuộc nói chuyện của ông trong thời kì chiếm đóng với những người lập bản hiến pháp tương lai cho nước Pháp giải phóng. Mặc dù vậy, René Coty lại có một lợi thế khác quan trọng khác: vì bị ốm trong lần tranh luận đầu tiên tại Nghị viện về vấn đề CED nên ông chưa tuyên bố chính thức về vấn đề này. Như vậy, do sự mệt mỏi của các cử tri và nhờ tính cách của mình, ông đã được bầu làm Tổng thống tại vòng 13 ngày 23/12/1953.

Vị Tổng thống ngẫu nhiên

Tổng thống mới làm người ta không thể không nhớ đến các Tổng thống theo truyền thống của nền Cộng hòa đệ Tam. Người Pháp nhìn nhận ông không phải như một chính khách mà như một người Pháp trung lưu đã giành được thiện cảm của họ.

René Coty sinh ra ở Havre năm 1882. Ông có một sự nghiệp hoạt động rất kinh điển. Là luật sư, ông từng biện hộ cho một vụ án nổi tiếng, đó là vụ nhà hoạt động công đoàn Jules Durand bị kết tội giết người oan. Dù ông đã không ngăn cản được bản án tử hình, nhưng Tổng thống khi đó là Fallières đã kịp thời giảm án thành chung thân. Khi bản án được hủy bỏ, Durand đã bị tổn thương tinh thần nặng nề, phải vào bệnh viện tâm thần ngay khi ra tù. Ngoài vụ đáng buồn này, sự nghiệp của Coty cũng giống như của nhiều Tổng thống khác. Là Đại biểu quốc hội của Havre, rồi thượng nghị sĩ, ông luôn thể hiện một sự thanh lịch tuyệt vời và tỏ ra rất có năng lực. Ông từng nhiều lần giữ các chức vụ khác nhau trong nội các, nhưng không phải ở hàng đầu, và làm tròn trách nhiệm một cách rất có ý thức và rất khiêm tốn. Tất cả điều đó giúp ông trở thành một con người "hiệu quả" vào thời điểm ông đến với cương vị Tổng thống. Ông không có vẻ quá quan tâm đến việc ứng cử tại vòng 13 và ngạc nhiên khi được công bố trúng cử. Ông thậm chí không mặc bộ trang phục đen cần thiết cho buổi lễ trang trọng được tổ chức sau cuộc bầu cử, mà mặc bộ comlê xanh kẻ sọc khi tiếp nhận văn bản nhậm chức từ tay chủ tịch Quốc hội. Chính sự giản dị đó đã được người Pháp hoan nghênh và Coty chiếm được tình cảm của họ qua sự cảm tình hơn là thần phục, cũng như trường hợp của Loubet trước đây.

Trên phương diện chính trị, Coty thận trọng hơn rất nhiều so với người tiền nhiệm. Ông hay góp ý với các Bộ trưởng, nhưng không bao giờ áp đặt quan điểm của mình như Vincent Auriol. Ông lo ngại sâu sắc về sự tê liệt của các thể chế và trong các bài diễn văn của mình, ông cho thấy cần phải cải tổ nhà nước. Trong khi chờ đợi, vì muốn nước Pháp được lãnh đạo bằng một chính phủ thực sự, nên với sự đồng ý của Quốc hội, ông chỉ định những chính khách có đường lối và quyết tâm thực hiện đường lối đó, chứ không phải những người theo chủ nghĩa bất động. Nhưng mức độ trầm trọng của các vấn đề mà Coty gặp phải không giống với mức độ của các vấn đề của nền Cộng hòa trong nhiệm kỳ 7 năm của Vincent Auriol.

Sa lầy ở Algérie

Đầu tháng 5/1954, nước Pháp bị thất bại nhục nhã ở Đông Dương trong trận Điện Biên Phủ.

Thất bại này đã làm cho nội các Laniel sụp đổ. Coty đã không do dự chỉ định Pierre Mendès France làm Thủ tướng, mặc dù ông này không cùng quan điểm chính trị với Coty, nhưng có giải pháp cho cuộc khủng hoảng Đông Dương: đó là đàm phán. Và quá trình đàm phán đã kết thúc bằng việc ký kết Hiệp định Genève, chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương.

Cũng tương tự như vậy, khi chính phủ của Mendès France đổ, rồi chính phủ tiếp theo của Edgar Faure cũng chung số phận, Coty đã phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch Hội đồng về sử dụng vũ khí cũ của quyền hành pháp vốn không được dùng tới từ cuộc khủng hoảng ngày 16/5/1877: đó là giải tán Quốc hội. Ngày 2/12/1955 tờ “Công báo” (Journal Officiel) đăng tải sắc lệnh giải tán Quốc hội. Nếu người dân bỏ phiếu phê chuẩn nỗ lực này của cơ quan hành pháp nhằm chấm dứt quyền tuyệt đối của cơ quan lập pháp thì rất có thể các thể chế sẽ tìm thấy sự cân bằng mà người ta tìm kiếm vô ích từ năm 1947. Nhưng Đảng Xã hội, nhóm cấp tiến theo phái Mendès, UDSR và một bộ phận của phái De Gaulle trước đây do Chaban-Delmas lãnh đạo, đã liên minh với nhau trong Mặt trận Cộng hòa chống lại Edgar Faure. Cuối cùng, Mặt trận Cộng hòa giành chiến thắng trong cuộc bầu cử năm 1956 và Coty phải đưa ra một lựa chọn chính trị gây ra những hậu quả nặng nề cho tương lai: chỉ định Mendès France hay Guy Mollet để thành lập chính phủ mới. Khi đó, Tổng thống không phải không biết rằng nhiệm vụ chính của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng sẽ là kết thúc cuộc chiến tranh Algérie. Cuộc chiến tranh này nổ ra ngày 1/11/1954 và lan rộng đủ trở thành một vụ bê bối chính trị lớn của nước Pháp. Lựa chọn Pierre Mendès France sau khi Mặt trận Cộng hòa thắng cử có nghĩa là nghiêng về chính sách đàm phán. Nhưng những rối loạn ở Đông Dương vẫn không dịu đi, nên Coty muốn trao quyền cho Guy Mollet. Coty cho rằng dựa trên nền tảng một đảng chính trị vững chắc, Guy Mollet sẽ tìm ra một giải pháp cho cuộc khủng hoảng này. Ngoài ra Guy Mollet còn là thủ lĩnh của Đảng Xã hội SFIO, nhóm Nghị sĩ lớn nhất trong phe đa số ở Quốc hội. Trên thực tế, Guy Mollet được đón tiếp ở Thủ đô Algérie (Algérie) bằng những tiếng la ó và những cuộc biểu tình thể hiện thái độ thù địch của người châu Âu ở đây. Ông phải từ bỏ ý định bổ nhiệm tướng Catroux làm Bộ trưởng-công sứ vì người Pháp ở Algérie coi Catroux như một “lái buôn”, và cử Robert Lacoste giữ chức vụ này. Robert Lacoste ở cương vị này cho tới khi nền Cộng hòa đệ Tứ sụp đổ và nhanh chóng trở thành biểu tượng của đường lối theo đuổi cuộc chiến đến cùng.

Như vậy, chính phủ đầu tiên của nhiệm kỳ lập pháp mới đã đẩy đất nước vào sâu hơn trong cuộc xung đột mà hậu quả nhanh chóng dẫn đến số phận tất yếu của chế độ. Mặc dù các đoàn quân tiếp viện đã được gửi đến, nhưng cơ hội cho giải pháp bằng quân sự ngày càng trở nên mong manh hơn. Ngay cả khi phần lớn những người đứng đầu chính phủ nhận thức được là cần phải đàm phán, cũng không ai dám thực hiện vì lo ngại sự phản kháng của cộng đồng người Pháp ở Algérie, họ luôn nhận được sự ủng hộ của người Pháp ở chính quốc kiên quyết giữ chủ quyền của Pháp và sự hậu thuẫn của quân đội. Guy Mollet, Bourges-Maunoury rồi Félix Gaillard đều lần lượt thất bại trước vấn đề nan giải này. Bốn lãnh tụ chính trị quan trọng đương thời, thành viên của các đảng CNI, Cấp tiến, MRP và phái De Gaulle là Duchet, Morice, Bidault và Soustelle đòi hỏi một “chính phủ cứu quốc” nhằm tránh khả năng nước Pháp từ bỏ Algérie. Người ta bắt đầu nói đến các âm mưu, đến sự phản kháng có thể xảy ra của quân đội, đến sự li khai của Algérie thuộc Pháp. Tất cả các tin đồn này, cộng với xung đột leo thang tại Algérie, đã làm tăng thêm những bất đồng về nhiều mặt và gây chia rẽ giới chính trị gia. Tổng thống hiểu rằng thể chế bị tê liệt và rất lo lắng về mối nguy hiểm đang đe dọa chế độ.

“Hiểm họa đối với tổ quốc và nền Cộng hòa”

Ngày 15/4/1958, nội các của Félix Gaillard từ chức. Kể từ ngày này, Tổng thống, vốn đang rối bời trước mâu thuẫn bùng nổ giữa cánh tả và cánh hữu, đang cố gắng để quên đi những mối oán hận đã qua, để làm yên lòng quân đội và để hòa giải sự đối đầu ngay trong nội bộ một đảng phái, nay lại phải nỗ lực tìm kiếm một người có thể tập hợp được đa số. Sau ba tuần cố gắng không mang lại kết quả, ông nói: “Nếu các nhóm trong Nghị viện không lắng nghe lẫn nhau, phải chăng nên mời Tướng De Gaulle trở lại?”. Và Tổng thống đã thăm dò cựu lãnh tụ của chính

phủ lâm thời.

Cuối cùng, ngày 8/5, Tổng thống chỉ định một trong những thủ lĩnh của MRP, ông Pierre Pflimlin, thành lập nội các mới. Dù đúng hay sai, ở Alger, người ta coi ông là một người ủng hộ chủ trương đàm phán, ủng hộ “quan điểm của Mandès là từ bỏ Algérie”, như Alain de Sérigny, một trong những thủ lĩnh của người Pháp ở Algérie được lắng nghe nhất, đã viết. Ngày 13/5, trong khi Pflimlin đang yêu cầu Quốc hội trao quyền thì những người Algérie biểu tình đã chiếm trụ sở của chính phủ toàn quyền ở Alger, nhờ sự tiếp tay của lính dù, và ngay tối hôm đó tuyên bố thành lập một ủy ban cứu quốc Algérie thuộc Pháp do Tướng Massu đứng đầu.

Cuộc đảo chính tại Alger chỉ có thể diễn ra với sự đồng ý ngầm của các quan chức quân đội cao cấp nhất. Phải chăng tướng Massu không trao chức Chủ tịch Ủy ban Cứu quốc cho Tướng Salan, chỉ huy các đội quân Algérie? Nhằm giữ thể diện và tránh tình trạng căng thẳng, chính phủ Pháp đã ra quyết định phong Tướng Salan làm toàn quyền ở Algérie, nhưng quyết định đó không đánh lừa được ai. Đối với Tổng thống Pháp, cuộc bạo loạn ở Alger là hậu quả của sự thất bại của các thể chế mà ông vẫn thường cảnh báo. Ông gửi cho quân đội (mà theo Hiến pháp ông là người chỉ huy cao nhất) một thông điệp đầy nhiệt huyết kêu gọi binh lính tuân lệnh, nhưng đã quá muộn. Cuộc binh biến ngày 13/5 đã thay đổi theo chiều hướng không làm nản lòng Tổng thống vì nó dẫn đến việc Pierre Pflimlin từ chức.

Thật vậy, ngay từ ngày 15/5, người ta thấy ở Alger một nhóm người thuộc phái De Gaulle và được Tướng Massu ủng hộ. Đích thân Tướng Salan đã gọi cho Tướng De Gaulle từ trên ban công phủ toàn quyền. Ngày 17, Jacques Soustelle có mặt ở Alger để chỉ huy chiến dịch biến cuộc biểu tình thịnh nộ của người dân đã diễn ra ngày 13 thành một ngày của De Gaulle. Vụ việc được một nhóm người năng động và mạnh mẽ tiến hành nên đã thành công, và Tướng De Gaulle, người đã tránh bày tỏ thái độ tán thành hay phê phán vụ ngày 13/5, trở thành một giải pháp mà mọi con mắt đều đổ dồn vào. Sự thay đổi này không khiến Tổng thống bức tức vì ông cũng đã từng dự tính đến nhưng ông tránh từ bỏ vai trò hợp hiến của mình và vì nước Pháp đang có một chính phủ, chính phủ của Pflimlin, nên ông không thăm dò, cũng không chỉ định Tướng De Gaulle. Tuy nhiên, các lãnh tụ chính trị chính, đặc biệt là Guy Mollet và Pflimlin, bắt đầu đàm phán với Tướng De Gaulle nhằm đạt được sự bảo đảm về hình thức chế độ trong tương lai, vì cũng như 12 năm về trước, vị Tướng này từ chối cộng tác với các thể chế mà ông luôn chỉ trích và hơn nữa các thể chế này lại vừa mới tỏ ra bất lực. Ngày 27/5, sau một cuộc tranh luận không đạt kết quả với Pflimlin, De Gaulle đã đi nước bài quyết định khi tuyên bố rằng ông đã “bắt đầu quá trình hợp thức cần thiết để thành lập một chính phủ Cộng hòa”. Pierre Pflimlin chỉ còn cách từ chức.

Ngay lập tức, Tổng thống bổ nhiệm De Gaulle làm Chủ tịch Hội đồng. Tổng thống vừa mới từ bỏ thái độ trung lập chính trị của mình và gửi tới Nghị viện một bức thư giải thích quyết định này. Ông trình bày tại sao “trong mỗi nguy hiểm đối với tổ quốc và nền Cộng hòa”, ông quyết định đứng về phía “con người nổi bật nhất nước Pháp, người mà, vào thời điểm đen tối nhất trong lịch sử chúng ta, đã lãnh đạo chúng ta giành lại tự do, và người đã giành được sự đồng lòng của cả dân tộc, đã từ chối chế độ chuyên chế để xây dựng nền Cộng hòa”. Tổng thống còn gửi kèm theo lời đe dọa rằng trong trường hợp Quốc hội từ chối trao quyền thành lập chính phủ cho Tướng De Gaulle, ông sẽ từ chức.

Ngày 1/6/1958, Quốc hội bỏ phiếu thông qua quyết định trao quyền thành lập nội các. Quyết định này dẫn tới sự ra đời của nền Cộng hòa đệ Ngũ tháng 9/1958 và sự rút lui của Tổng thống Coty sau 5 năm cầm quyền, ngày 8/1/1959.

Cho dù nhận thấy những khiếm khuyết của chế độ, vị Tổng thống thứ hai, cũng là Tổng thống cuối cùng của nền Cộng hòa đệ Tứ, đã tỏ ra bất lực trong việc thuyết phục chế độ khắc phục những khiếm khuyết đó và phải chấp nhận sự thay đổi đột ngột. Bức thư mà ông gửi tới hai Viện ngày 29/5 là sự can thiệp trực tiếp nhất của ông đến chính trường Pháp. Sự can thiệp đó nhằm mục đích thuyết phục chế độ nên “tự sát” để tránh khỏi bị “ám sát”. Mặc dù bối cảnh

hoàn toàn khác, nhưng người ta không thể không so sánh tình thế của tháng 5/1958 với tình thế hồi tháng 7/1940.

Khi bị đe dọa từ bên ngoài, nền Cộng hòa phó thác sứ mệnh thay đổi các thể chế mà nó tỏ ra không thể điều hành hoặc quản lý được nữa cho một người. Và trong cả hai trường hợp, nguyên thủ quốc gia, người phải bảo vệ chế độ, đều lần tránh trách nhiệm bảo vệ đó bằng cách giữ im lặng trong trường hợp thứ nhất, tán thành thay đổi trong trường hợp thứ hai. Nhưng rất may cho con người trung thực như Tổng thống Coty vì những hậu quả của vụ ngày 13/5 đã dẫn đến một hình mẫu nhà nước Cộng hòa mới.

NỀN QUÂN CHỦ CỘNG HÒA

(TỪ NĂM 1958)

Trận động đất chính trị tháng 5 - 6 năm 1958, chấm dứt nền Cộng hòa đệ Tứ sau 12 năm tồn tại, đã đồng thời lật trang sử thể chế mới của nước Pháp được viết từ ngày 16/5/1877. Thất bại Algérie ngày 13/5/1958 xuất hiện sau này như một sự kiện ngày mùng 6/2 từng thành công vì những phần tử cốt cán giành lại chính phủ Trung ương trên thực tế đã áp đặt một cuộc cải cách thể chế sâu rộng bằng cách tạo ra một quyền lực mạnh, quyền lực duy nhất theo họ có khả năng duy trì chủ quyền của Pháp ở Algérie. Nhưng kết quả của nó lại là một cuộc cách mạng kiểu Copernic trong hệ thống chính trị Pháp và sự thay đổi hoàn toàn bản chất của nền Cộng hòa và vai trò của Tổng thống trong đó.

Logic của thói quen Cộng hòa sinh ra từ sau các cuộc đấu tranh cuối thế kỷ XIX cho thấy rằng trong lòng các thể chế, sự chế ngự thuộc về những đại biểu dân cử có chủ quyền, tập hợp trong một Quốc hội. Kể từ đó, điều quan trọng là quyền hành pháp phải bị kiểm soát chặt chẽ, không ngừng gọi lại tính bấp bênh của cơ quan này vì có thể bị các nghị sỹ lật đổ bất cứ lúc nào. Sự phụ thuộc này của cơ quan hành pháp, hoàn toàn khác với một sự rối loạn thể chế, mà ngược lại, được coi là sự bảo đảm cho tự do và các quyền của công dân trước một quyền lực luôn có thể bị lạm dụng bởi những đặc quyền. Đồng thời, trọng tâm của cơ quan hành pháp không thể là một vị Tổng thống, theo Hiến pháp là không phải chịu trách nhiệm và không thể dưng tẩm, mà phải là một vị Chủ tịch Hội đồng (Thủ tướng) chịu mọi trách nhiệm hành pháp và như vậy, vị này có thể bị lật đổ. Logic này có tính đến việc tước đi dần dần các quyền của Tổng thống, mà minh chứng điển hình là Felix Faure, Emile Loubet hay Armand Fallieres, người mà Casimir-Perier hay Alexandre Millerand chống lại một cách tuyệt vọng, và cả Raymond Poincare nữa, dù đã thận trọng hơn rất nhiều. Vậy mà chính nhờ một lần thay đổi hoàn toàn cấu trúc thể chế này, người ta đã được chứng kiến Charles De Gaulle tạo ra nền Cộng hòa đệ Ngũ. Bên cạnh sự bất cân bằng về quyền lực xuất phát từ quyền tuyệt đối của Quốc hội và sự phụ thuộc của cơ quan hành pháp, chế độ mới đã thêm vào sự bất cân bằng theo chiều ngược lại bằng cách thiết lập quyền tuyệt đối của nhánh hành pháp, trực tiếp do Tổng thống điều hành đồng thời là người đại diện cho quốc gia và người lập ra chính sách của chính phủ; và sự phụ thuộc của nhánh lập pháp bằng việc giám các cuộc bỏ phiếu thông qua luật cùng với một loạt các điều luật chặt chẽ cấm áp dụng các cơ chế giám sát mà văn bản Hiến pháp đã thừa nhận về mặt lý thuyết. Tướng De Gaulle đã thiết lập một nền quân chủ Cộng hòa thực sự dựa trên sự hợp pháp hóa bằng cuộc bỏ phiếu phổ thông. Và hơn cả văn bản Hiến pháp, việc thực thi quyền lực mà ông tiến hành đã tăng cường tính quân chủ trong nền Cộng hòa đệ Ngũ, qua đó thiết lập một truyền thống quyền cá nhân, tất nhiên là mang tính tạm thời, nhưng gần như không giới hạn trong suốt nhiệm kỳ Tổng thống.

Vậy mà nền Cộng hòa Tổng thống này lại được củng cố bằng thái độ của những người kế nhiệm Tướng De Gaulle, trong đó một vài người đã chỉ trích gay gắt phong cách nắm quyền của ông, nhưng một khi được vào Điện Élysée, họ lại nhắm mắt lao vào các thể chế mà nhân vật lịch sử này đã thêu dệt nên. Thực vậy, từ năm 1958 đến năm 1986, đã phát triển một cách hiểu mới về thể chế của nền Cộng hòa đệ Ngũ, coi Tổng thống Pháp là người điều hành thế giới các nền dân chủ tự do có quyền lực vô biên, tình hình này được chấp nhận và thông qua bởi những người mà trong quá khứ và trong thói quen chính trị lại khác biệt sâu sắc với những người của Tướng De Gaulle; đó đương nhiên là Georges Pompidou, và cả Valéry Giscard d'Estaing nữa, người thuộc vào trường phái ôn hòa, hay người của Đảng Xã hội François Mitterrand, từng coi những điều Tổng thống đã làm là “cuộc đảo chính vĩnh cửu”.

Khác với những gì đã diễn ra dưới các nền Cộng hòa trước, khi chế độ và các thể chế có mục tiêu là chỉ trích một cách hệ thống từ các trường phái chính trị lớn, từ sau năm 1981 không một lực lượng chính trị đáng kể nào xem xét lại những nét chính của bản Hiến pháp của nền Cộng hòa đệ Ngũ. Lần đầu tiên kể từ cuộc Cách mạng Pháp, một sự đồng thuận gần như hoàn toàn đã được thiết lập xung quanh các thể chế. Vì thế, người ta chỉ có thể chò vờ rằng từ đầu thế kỷ XXI, các thể chế này vẫn y như từ khi chúng sinh ra. Về mặt này, thời kỳ được mở ra từ năm 1986 đánh dấu một bước ngoặt không thể phủ nhận. Bằng cách chấp nhận ở lại Điện Élysée sau thất bại của cánh tả trong cuộc bầu cử lập pháp năm này, và kêu gọi đích danh Jacques Chirac tham gia quyền lực trong vai trò một vị Thủ tướng của cánh hữu, vốn là khuôn mặt của lãnh đạo đa số sau các cuộc bầu cử, Tổng thống thuộc Đảng Xã hội François Mitterrand đã cắt đứt với tư tưởng mà Tướng De Gaulle từng truyền bá, dù không hề vi phạm các quy tắc của thể chế. Lần chung sống chính trị đầu tiên đã mở ra từ đây, kéo theo việc giảm các quyền của Tổng thống xuống còn một quyền tối cao trong các vấn đề đối nội và quốc phòng (tuy nhiên, việc thực thi quyền này lại thuộc vào phạm vi hoạt động của Chính phủ) và chuyển sang cho Thủ tướng quyền lực thực tế trong lĩnh vực chính trị đối nội.

Hai năm sau cuộc bầu cử Tổng thống năm 1988, lần chung sống chính trị này có thể được hiểu như một liệu pháp tạm thời trước khi mọi việc trở lại bình thường, tức là khi có sự trùng hợp giữa đa số của Tổng thống với đa số trong nghị viện, vốn là quy luật từ năm 1958. Nhưng lần chung sống chính trị thứ hai trong những năm 1993-1995 và đặc biệt là lần thứ ba vào năm 1997-2002, lần này Tổng thống Jacques Chirac - người lên án chủ nghĩa De Gaulle - chấp nhận, đã có xu hướng biến hiện tượng này thành chuẩn mực và, vì thế có xu hướng đặt cuộc bầu cử Tổng thống và Nghị viện ngang hàng nhau. Cuộc cách mạng năm 2001 giảm đối nhiệm kỳ Tổng thống từ 7 năm xuống còn 5 năm đã có hiệu lực ngay từ năm 2002 và có mục tiêu là đẩy nhiệm kỳ lập pháp và Tổng thống trùng với nhau, với chủ định là loại bỏ thói quen chung sống chính trị, nhưng chẳng có gì cho thấy cử tri sẽ đi theo hướng đó. Nói cách khác, thực tế cho thấy cuộc bầu cử vào Điện Élysée không phải là một tờ khống chỉ đối với người được bầu với thời hạn nhiệm kỳ của mình, mà là một sự trao quyền có thể bị lật đổ vào mỗi kỳ bầu cử. Nền dân chủ thông qua bầu cử và đại diện như vậy đã lấy lại được các quyền của mình bằng một con đường không thể ngờ tới, và đầu thế kỷ XXI, hình ảnh Tổng thống đã nằm trong khuôn khổ hình học biến thiên, tùy theo từng thời kỳ khuôn khổ này kế thừa Charles de Gaulle hoặc Jules Grévy.



CHARLES ANDRÉ JOSEPH MARIE DE GAULLE
(22/11/1890 – 9/11/1970)

- 18 - CHARLES DE GAULLE, KHẲNG ĐỊNH VAI TRÒ TỔNG THỐNG

(8 tháng 1 năm 1959 - 28 tháng 4 năm 1969)

Người mà các sự kiện tháng 5/1958 đã đưa lên nắm quyền, người mà các “cuộc trưng cầu dân ý” với đa số tuyệt đối đã khẳng định 10 năm cầm quyền, ông là ai? Đối với đa số dân chúng Pháp, trước hết, đó là người đã biết hội tụ xung quanh mình sự thống nhất dân tộc trong thời kỳ kháng chiến, người được hi vọng là khi lên nắm quyền sẽ cứu cuộc kháng chiến này thoát khỏi nguy cơ trở thành một cuộc nội chiến. Các chính trị gia cánh hữu, những người có thể được hưởng lợi nhiều nhất từ cuộc đảo chính của người Algérie, đã chấp nhận việc ông lãnh đạo nước Pháp bởi họ nghĩ rằng uy tín của ông có thể giúp duy trì chủ quyền của Pháp tại Algérie, chính sách mà họ trông chờ ở người từng sáng lập ra Đảng RPF năm 1947, đảng theo trường phái dân tộc nhất trong số các đảng phái ở Pháp.

Cánh tả cũng chấp nhận ông, trừ những người Cộng sản và Xã hội cánh tả, những người vẫn mãi kịch liệt chống đối ông. Trừ những ngoại lệ hiếm hoi này, cánh tả và trung đều nhớ rằng năm 1945, ông không định áp đặt chế độ độc tài và vào thời đó, ông thậm chí còn thể hiện những mối quan tâm xã hội. Các đảng phái này mong chờ ông sẽ xây dựng một hàng rào chống lại các nguy cơ lật đổ của phe cực tả ở Alger. Vì không hiểu sâu sắc thế nào là Tướng De Gaulle vào năm 1958, nên người ta dựa vào thời quá khứ của ông, một quá khứ thực sự khác thường.

Một sĩ quan có những suy nghĩ phản nghịch

Charles De Gaulle sinh ra là để cho sự kiện ngày 18/6/1940. Sinh ra tại Lille năm 1890, ông là học trò của trường Saint-Cyr, là một chiến binh dũng cảm và thiếu may mắn (đã bị thương và bị cầm tù) trong Chiến tranh thế giới lần thứ nhất. Sau đó tiến vào hàng ngũ thân cận của Thống chế Pétain và có lúc đã trở thành người được Thống chế che chở, ông có một sự nghiệp quân sự rất cổ điển. Mãi đến năm 1932, con người ông mới tạo được một diện mạo mới, khi ông bắt đầu trở thành người chỉ trích gay gắt và cay độc các học thuyết quân sự đương thời, một “người bất khuất” theo cách nói khéo léo của Jean Lacouture, một trong số những người viết tiểu sử của ông.

Sự bất khuất này trước tiên thể hiện ở mức độ của những quan niệm chiến lược. Trong khi phần lớn các lãnh đạo quân sự lớn, như Thống chế Pétain chẳng hạn, vẫn còn rút ra các bài học từ cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất và do đó, vẫn có chủ trương đề cao phòng ngự hơn là tấn công, thì De Gaulle đã bình thản khẳng định đây là những quan niệm lạc hậu. Ông mô tả tương lai trong hai cuốn sách ông xuất bản năm 1930 và 1934, Lưỡi kiếm và Hướng tới quân đội chuyên nghiệp. Trong các tác phẩm này, ông đã phác họa quân đội của chiến tranh trong tương lai, chủ yếu gồm các trang thiết bị tự động hoá, trước tiên là xe tăng và sau đó là máy bay. “Đội tinh nhuệ” này sẽ buộc phải do những người lính chuyên nghiệp điều khiển. Đặc biệt, đây chính là điểm khiến khái niệm này mang tính cách mạng, đó là xe tăng và máy bay sẽ phải tạo thành các đơn vị độc lập có khả năng thực hiện các cuộc đột phá phòng tuyến đối phương, các đơn vị truyền thống tràn vào các lỗ hổng do xe tăng và máy bay tạo ra, sau đó sẽ có nhiệm vụ mở rộng và bố trí lại. Tại Pháp, các quan niệm này đã không hề được chấp nhận.

Đại tá De Gaulle đã thu hút được một số chính trị gia bị cô lập như Paul Reynaud và một số Nghị sĩ cánh tả, nhưng các lãnh đạo trong Bộ tham mưu lại coi đó là những điều vớ vẩn và các đời Bộ trưởng Chiến tranh nối tiếp nhau không chịu chú ý đến các quan điểm đó. Tuy nhiên, vào tháng 3/1940, sự sụp đổ của nội các Daladier đã biến Paul Reynaud thành người đứng đầu chính phủ. Đại tá De Gaulle, người không được giữ trọng trách vì các quan chức quân đội phản đối, nay đã trở thành Cố vấn quân sự của Chủ tịch Hội đồng. Nhưng đã muộn, ngày 10/5/1940, Đức bắt đầu tấn công vào phía Tây và 10 ngày sau đó, nước Pháp tỏ ra tuyệt vọng và đầu hàng.

Thời của Charles De Gaulle đã đến.

Ngày 18/6

Ngày 5/6, bất chấp sự phản đối của Bộ tham mưu, Paul Reynaud đã cải tổ nội các, cách chức Bộ trưởng Chiến tranh Édouard Daladier, người giành được niềm tin của giới chức quân sự. Đích thân ông đã tập trung mọi sức mạnh về quốc phòng và chỉ định Tướng De Gaulle làm Thứ trưởng Chiến tranh. De Gaulle sau đó đã chứng tỏ là người ủng hộ mạnh mẽ nhất chính sách theo đuổi chiến tranh đến cùng do Thủ tướng đề xuất. Chính vì thế ông đã trở thành người đại diện cho Paul Reynaud ở London bên cạnh Winston Churchill và vào lúc các lãnh đạo quân sự chủ trương đình chiến, ông đã moi được của Churchill bản Dự án liên minh Anh - Pháp và ngăn cản dự định đình chiến. Ông trở lại Pháp với niềm tin là đã thành công trong việc duy trì tình trạng chiến tranh ở Pháp. Ngày 16/6, khi vừa cập bến, ông hay tin Paul Reynaud từ chức, Pétain thành lập nội các mới và tuyên bố đình chiến. Ông liền trở lại London và Churchill cho phép ông sử dụng đài BBC để đáp lại diễn văn của Thống chế Pétain đọc ngày 18/6 tuyên bố đình chiến (*"Hôm nay, tôi rất đau lòng phải nói với các bạn rằng cần phải chấm dứt chiến tranh"*). Cùng ngày, ông đã đưa ra lời kêu gọi kháng chiến: *"Các lãnh đạo suốt nhiều năm nay đứng đầu các lực lượng quân đội Pháp đã thành lập một Chính phủ. Chính phủ này mượn cớ quân đội Pháp thất bại đã liên kết với kẻ thù để dừng cuộc chiến này [...]. Nhưng phải chăng lời cuối cùng đã được nói ra? Phải chăng chúng ta đã chính thức thất bại? Không [...] Nước Pháp không đơn độc! [...] Cuộc chiến này không thể được giải quyết ở chiến trường Pháp. Đây là một cuộc chiến tranh thế giới [...] Tôi, Tướng De Gaulle, hiện đang ở London, kêu gọi các sĩ quan và binh lính Pháp đang sống trên lãnh thổ Anh [...], các kỹ sư và công nhân lành nghề trong các nhà máy sản xuất vũ khí [...] hãy hợp tác với tôi. Dù chuyện gì xảy đến đi nữa, ngọn lửa kháng chiến Pháp cũng không thể bị dập tắt và sẽ không bao giờ tắt [...]"*.

Lãnh đạo Kháng chiến và Chính phủ lâm thời

Kể từ đó, hoàn cảnh đã biến một người bất khuất thành một người lãnh đạo đất nước. Tuy nhiên, cũng phải ghi nhận cách mà một nhóm nhỏ ban đầu chỉ là tổ chức Nước Pháp Tự do (France Libre) đã tôn mình thành một lãnh đạo Chính phủ lâm thời của nước Pháp giải phóng và không biết thối chí.

Tại London, tháng 6/1940, đúng là Tướng De Gaulle đã có thể tin vào sự ủng hộ của Churchill, nhưng chủ yếu là để tuyên truyền chống đình chiến trên đài phát thanh London. Song ông cũng đã tập hợp được một nhóm nhỏ những người tình nguyện sau này trở thành nòng cốt của Lực lượng quân đội Pháp Tự do, và đã giành được vùng đất cơ bản nhờ liên kết với các thuộc địa của AEF. Nhưng ông phải chú ý đến sự phản đối của Mỹ dưới thời Tổng thống Roosevelt vốn coi ông là một người đầy tham vọng nên không chịu chấp nhận ông là một Thủ tướng Pháp tị nạn, và tính đến sự phản đối, dù có nhẹ hơn, của người Anh, vốn không muốn phá vỡ đoàn kết với Mỹ.

Phản đối kép này ngày càng trở nên mạnh hơn khi Tướng De Gaulle quyết không nhân nhượng để chủ quyền của Pháp ở các vùng thuộc địa bị xem xét lại, đã dẫn tới một cuộc khủng hoảng trầm trọng cuối năm 1942. Mỹ giải phóng Bắc Phi và đưa các lãnh đạo mà họ cho là tiêu biểu hơn và mềm dẻo hơn De Gaulle lên nắm quyền. Đầu tiên là Đô đốc Darlan, một người bỏ hàng ngũ để đi theo Vichy. Rồi sau khi Chính phủ ở Vichy sụp đổ tháng 12/1942, là Tướng Giraud, cũng là một người rất gần gũi với chế độ của Thống chế Pétain. Để minh chứng cho sự tiêu biểu của mình, Tướng De Gaulle đã thúc đẩy các cuộc đàm phán với các phong trào Kháng chiến trong nước được khởi động bấy lâu với hi vọng họ thừa nhận quyền lực của ông. Nhưng các phong trào này chỉ chấp nhận liên kết nếu đổi lại là các đảm bảo về chính trị mà Christian Pineau đến London tìm kiếm vào tháng 3/1942. Vì thế Tướng De Gaulle đã chấp nhận một chương trình dân chủ hàm chứa các quan tâm xã hội và hứa ngay sau ngày Giải phóng "sẽ trao lại tiếng nói cho nhân dân".

Thế là Hội đồng Quốc gia Kháng chiến được thành lập với các đại diện của phong trào kháng chiến lớn và các đảng phái chính trị chủ chốt. Ngay trong phiên họp đầu tiên, Hội đồng này đã yêu cầu hình thành một chính phủ lâm thời do Tướng De Gaulle đứng đầu. De Gaulle đã đến Alger và lập Ủy ban Giải phóng Quốc gia Pháp (CFLN) mà ông và Tướng Giraud là đồng Chủ tịch. Dần dần, Tướng Giraud cũng bị loại. Ngay trước khi quân đồng minh đổ bộ, De Gaulle, lúc đó là Chủ tịch duy nhất, đã biến CFLN thành Chính phủ lâm thời. Bất chấp sự phản đối của quân đồng minh vì muốn một chế độ chiếm đóng quân sự trong thời gian chờ bầu cử tự do, Chính phủ Lâm thời được nhân dân ủng hộ đã nắm tình hình ngay khi quân đồng minh đổ bộ và lôi kéo được sự gia nhập của các phong trào kháng chiến khác và các chính quyền địa phương được hình thành sau ngày Giải phóng.

“Vượt cạn”

Tướng De Gaulle bắt đầu được tôn sùng từ ngày 26/4/1944, ngày mà tại một Paris trong không khí hoan hỉ, ông bước trên đại lộ Champs Élysées. Nhưng khi ông lên nắm quyền, lập tức khó khăn bắt đầu. Người ta đã chứng kiến ông bất đồng như thế nào với các đảng phái chính trị về thể thức của nền Cộng hòa đệ Tứ, nhất là khi ông mơ ước một quyền hành pháp mạnh, trong đó nhân vật chính phải là Tổng thống, người đứng đầu nhà nước, người khởi xướng Chính phủ. Việc ông từ chức tháng 1/1946 chỉ là kết quả của sự bất lực khi cố gắng đề cao quan điểm này trước các đảng phái chính trị vốn gắn bó với quan điểm quyền lập pháp là tối cao và chủ trương một “chế độ đại nghị”.

12 năm trôi qua thực sự là một chuyến “vượt cạn” đối với những người ủng hộ De Gaulle. Dù đã rời Paris để lui về sống trong ngôi nhà của mình ở Colombey-les-deux-Églises nhưng De Gaulle vẫn chú tâm theo dõi những biến cố chính trị của nền Cộng hòa đệ Tứ và tiếp tục gợi ý cho một nhóm những người trung thành khát khao hành động. Những khó khăn của nền Cộng hòa, sự chia cắt giữa Đông và Tây, sự nổi dậy của cộng sản, nước Pháp bị đặt dưới sự giám sát của các đồng minh Anh - Mỹ và sự bất lực tương đối của các chính phủ ngăn ngày... tất cả đã khiến ông tin rằng thời của ông lại đang đến.

Vài tháng sau khi lui từ tháng 1/1946, Tướng De Gaulle quay trở lại chính trường và gây một tiếng vang lớn. Ở Bayeux, ngày 18/6/1946, trong một bài diễn văn nổi tiếng, ông chủ trương cải cách Hiến pháp theo hướng tăng quyền cho cơ quan hành pháp. Một chiến dịch thực sự đã diễn ra sau đó với những cột mốc là các bài diễn văn ở Épinal và Bruneval, và kết thúc ngày 7/4/1947 bằng bài diễn văn ở Strasbourg tuyên bố thành lập Đảng Tập hợp dân tộc Pháp. Đảng mới này khiến các đảng khác lúc đó rất lo lắng, các nhà Cộng sản từng tuyên cáo chống lại “kẻ độc tài tập toan” đã gạt hái được thành công ngay lập tức. Các cuộc bầu cử Hội đồng địa phương tháng 10/1947 đã đem lại cho họ 40% số phiếu. Nhưng chiến thắng bầu cử này có được trong bối cảnh cuộc chiến tranh lạnh bắt đầu nên không bền vững. Tỷ lệ số phiếu ủng hộ họ đã giảm dần sau mỗi lần bầu cử tiếp theo và cuộc bầu cử lập pháp năm 1951 không đem lại cho họ đa số áp đảo để Chủ tịch đảng trở lại nắm quyền.

Thời cơ đã bị bỏ lỡ và những người ủng hộ De Gaulle trong Nghị viện nhanh chóng chia rẽ. Còn rất ít người chấp nhận sống trong sự cô lập, giữa một Nghị viện luôn mời họ hành động và đối lại là tặng cho họ những lá phiếu để có chân trong chính phủ. Từ tháng 3/1952, một vài trong số họ, theo xu hướng ôn hòa hơn, đã rời RPF để bỏ phiếu cho Antoine Pinay ra ứng cử. Năm 1953, sự chia rẽ ngày càng lớn, tạo thành ngày càng nhiều nhóm nghị sĩ nhỏ, và họ đã bỏ phiếu cho René Mayer, rồi đến Joseph Laniel ra ứng cử.

Vì thế, năm 1953, Tướng De Gaulle đã rời RPF và quay trở lại Colombey. Từ nay không còn lệ thuộc vào các phong trào của mình, các Nghị sĩ từng ủng hộ De Gaulle đã chia rẽ: một số người trở lại cánh hữu trước đây; một số khác thành lập đảng Cộng hòa-Xã hội và tiếp tục dựa vào De Gaulle (ông không bảo trợ cho đảng này nữa), nhưng đã tham gia vào các hoạt động của Nghị viện. Một phần trong số họ ủng hộ chính phủ của Pierre Mendès France, người đã đưa Jacques Soustelle - một người ủng hộ De Gaulle - làm Toàn quyền ở Algérie, và đi theo Jacques Chaban

- Delmas chiếm đa số của Đảng Mặt trận Cộng hòa, đảng mới ra đời sau cuộc bầu cử năm 1956. Các sự kiện ngày 13/5/1958, hoạt động cuồng nhiệt của một số người ủng hộ De Gaulle, sự tê liệt của các thể chế, đã đưa “người cô độc ở Colombey” này trở lại chính trường. Trong những ngày khủng hoảng này, ông có thái độ khó hiểu giúp ông nắm được chính quyền nhờ sự ủng hộ của gần như tất cả các lực lượng đối lập nhau, một số người thấy ông là vị cứu tinh của Algérie thuộc Pháp, những người khác coi ông là thành lũy bảo vệ pháp chế Cộng hòa.

Tư tưởng Quân chủ

Mục tiêu đầu tiên của tân Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng là “xây dựng lại Nhà nước”, điều mà nhiều người vẫn không tin. Ngay từ ngày 31/5/1958, ông đã họp lãnh đạo các đảng đoàn trong Nghị viện tại Toà nhà Lapérouse (trừ những người Cộng sản vì đã từ chối tới dự) và vạch ra những đường hướng cải cách Hiến pháp của mình trước khi nhậm chức. Ông đặc biệt nhấn mạnh tới sự cần thiết phải bầu ra một Tổng thống theo đa số, không áp dụng hình thức bầu phổ thông đầu phiếu do các đảng phái phản đối kịch liệt. Tuy nhiên, nhậm chức ngày 1/6, ngày hôm sau ông đã nắm toàn bộ quyền lực mà ông có trong suốt 6 tháng, và ngày 3/6, một đạo luật đã giao cho ông nhiệm vụ sửa đổi Hiến pháp - nhưng với một số điều kiện. Điểm chính trong thỏa thuận này là bản Hiến pháp tương lai sẽ phải đảm bảo sự cân bằng về quyền lực, theo đề nghị của De Gaulle, (nghĩa là chấm dứt quyền lực tối cao của Nghị viện), nhưng giữ chế độ đại nghị như đòi hỏi của các lãnh đạo các đảng phái của nền Cộng hòa đệ Tứ, (tức là Chính phủ phải chịu trách nhiệm trước Quốc hội).

Một ủy ban luật gia do Michel Debré đứng đầu chịu trách nhiệm triển khai thỏa thuận này trong mùa hè năm 1958. Dự án tiền khả thi của thỏa thuận sẽ do chính Tướng De Gaulle và hai Quốc vụ khanh từ nền Cộng hòa đệ Tứ là Guy Mollet và Pierre Pflimlin chỉnh sửa, sau đó được trình lên Hội đồng Tư vấn Hiến pháp mà Paul Reynaud làm Chủ tịch và gồm các thành viên của Quốc hội của nền Cộng hòa đệ Tứ. Về vấn đề cân bằng quyền lực, chủ yếu các quan điểm của Tướng De Gaulle được thể hiện trong bài diễn văn ở Bayeux đã thắng thế. Tuy nhiên, sự trợ giúp của Michel Debré tỏ ra hết sức quan trọng. Vả lại, một tài liệu của ông trong thời kháng chiến đã làm sáng tỏ những quan điểm hiến pháp của De Gaulle. Tháng 1/1944, các luật gia thời Kháng chiến, tập họp trong Ủy ban nghiên cứu chung, chuẩn bị các thiết chế cho nền Cộng hòa tương lai. Trong số nhiều dự án khác nhau mà họ xem xét, có một dự án của Jacquier và Bruère, bút danh của Michel Debré và Emmanuel Monick. Với mong muốn “thiết lập một nền dân chủ cường tráng, có khả năng trao lại cho nhân dân Pháp ý nghĩa về trách nhiệm của mình”, bản dự án này đã khẳng định: chính sự thiếu vắng một người đứng đầu nhà nước theo đúng nghĩa đã gây ra những nỗi đau cho nước Pháp năm 1940. Do thiếu một ông hoàng kế nhiệm vừa ý mình nên họ chủ trương bầu ra một “ông hoàng Cộng hòa” với nhiệm kỳ 12 năm (bằng với thời gian trung bình tại vị của các đức vua kiểu cha truyền con nối). Người này phải nhận được sự ủng hộ của đa số cử tri “gồm các Nghị sĩ, các đại diện nghiệp đoàn, đại diện các đại hội đồng, hội đồng địa phương, có thể cả đại diện của trường đại học và của toà án”. Người này sẽ có trách nhiệm điều hành Chính phủ trong khi Nghị viện bị giới hạn ở vai trò lập pháp và ngân sách. Người ta thấy đây là tư tưởng của một chế độ quân chủ tạm thời, chủ yếu dựa trên sự ủng hộ của các đảng phái hoặc các chuyên gia mang tính đại diện nhất của tổ quốc. Được sửa đổi theo mong muốn của các đảng phái tham gia soạn thảo, Hiến pháp năm 1958 có lẽ đã chịu ảnh hưởng của các đề xuất này.

Người đứng đầu nhà nước được chỉ định, nhưng không phải với nhiệm kỳ 12 năm, mà chỉ 7 năm có quyền tái cử như dưới nền Cộng hòa đệ Tam và đệ Tứ. Đoàn cử tri rộng hơn so với nền Cộng hòa đệ Tam, nhưng khía cạnh nghiệp đoàn trong dự án của Pacquier - Bruère đã bị hủy: đoàn cử tri chỉ gồm các đại biểu dân cử, các Nghị sĩ, thành viên các đại hội đồng và thành viên các hội đồng ở lãnh thổ hải ngoại, đại biểu các hội đồng địa phương với số lượng không giống nhau tùy theo số dân từng xã. Khoảng 80.000 người đã tham gia cuộc bầu cử Tổng thống đầu tiên của nền Cộng hòa đệ Ngũ vào tháng 12/1958. Cần phải thấy rằng sự lựa chọn của các đại cử tri, dù đã được mở rộng, vẫn biến Tổng thống thành người được những người có địa vị bầu ra, giống như thời nền Cộng hòa đệ Tam và đệ Tứ (và có thể còn hơn thế vì các vùng nông thôn

chiếm ưu thế về số lượng trong đoàn cử tri).

Các quyền của Tổng thống cũng được tăng lên đáng kể. Đó là quyền bổ nhiệm Thủ tướng và các Bộ trưởng theo đề nghị của Thủ tướng, không cần Quốc hội phê chuẩn. Đây là bước đầu tiên và quan trọng của quá trình phát triển, biến Thủ tướng thành người được Tổng thống bổ nhiệm, chứ không phải do Nghị viện bầu như dưới hai nền Cộng hòa trước; nhờ đó, cơ quan hành pháp thoát một phần khỏi áp lực của cơ quan lập pháp. Trong những điều kiện này, không có gì ngạc nhiên khi một số văn bản của cơ quan lập pháp có hiệu lực mà không cần được Thủ tướng ký. Nhưng đặc biệt, ngoài những quyền mà những người tiền nhiệm cũng có, (ví dụ như quyền yêu cầu thảo luận lại các luật) Tổng thống mới còn được tăng thêm một số quyền. Trước tiên, đó là quyền giải tán Quốc hội (điều 12 của Hiến pháp) mà không phải chịu bất kỳ hạn chế nào từng được áp dụng để giới hạn việc sử dụng quyền này dưới nền Cộng hòa đệ Tam và đệ Tứ. Tiếp theo, đó là khả năng yêu cầu tổ chức trưng cầu dân ý một số dự án luật, theo đề nghị của chính phủ, đây chính là phương tiện để Tổng thống bày tỏ trực tiếp kêu gọi cả nước (điều 11). Cuối cùng, (điều 16), là có những quyền đặc biệt "khi các thiết chế của nền Cộng hòa, sự độc lập của Tổ quốc, sự toàn vẹn của lãnh thổ hoặc việc thực thi các cam kết quốc tế bị đe dọa nghiêm trọng và trực tiếp, và khi hoạt động bình thường của các cơ quan công quyền Hiến định bị ngắt quãng".

Tăng quyền hành pháp cho người đứng đầu Nhà nước đồng nghĩa với việc hạn chế quyền của Nghị viện. Trên thực tế, mặc dù về lý thuyết vẫn theo chế độ đại nghị, nhưng một loạt các biện pháp can thiệp nhằm ngăn chặn sự quay trở lại thể chế Quốc hội tối cao, và nguy cơ bị giải tán đè nặng trên đầu Quốc hội nếu cơ quan này đình bỏ phiếu bất tín nhiệm Chính phủ. Như vậy, các đặc quyền của Nghị viện chỉ còn là bỏ phiếu thông qua luật và ngân sách dưới sự kiểm soát của Chính phủ. Từ khi Hiến pháp năm 1958 có hiệu lực, những điều khoản mới này đã biến Tổng thống thành bộ phận chủ đạo trong hệ thống Hiến pháp của Pháp. Nhưng vị trí của Tổng thống trong các thiết chế còn rõ ràng hơn nữa qua những hành động vượt Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp.

Thực thi quyền Tổng thống

Lịch sử về các Tổng thống đã cho chúng ta thấy rằng bản thân nội dung Hiến pháp không quan trọng bằng tinh thần áp dụng Hiến pháp. Được Hiến pháp năm 1875 trao cho những quyền rất rộng, nhưng trên thực tế, các vị Tổng thống của nền Cộng hòa đệ Tam lại để tuột khỏi tay những quyền này. Trong khi đó, được trao những quyền rất quan trọng, vị Tổng thống đầu tiên của nền Cộng hòa đệ Ngũ lại không ngừng làm cho chúng được tăng lên.

Ngày 21/12/1958 đã diễn ra vòng một cuộc bầu cử Tổng thống đầu tiên theo thể thức mới. Tướng De Gaulle chỉ phải đối đầu với 2 ứng cử viên mang tính hình thức: Georges Marrane do Đảng Cộng sản giới thiệu và Linh mục của xã Châtelet, đại diện của Đảng Liên minh các lực lượng dân chủ, một tập hợp lũng củng những người cánh tả. Trên tổng số 79.470 số phiếu hợp lệ, De Gaulle được 62394 phiếu thuận, chiếm 78,5%, trong khi đối thủ lớn nhất của ông cũng chỉ được 10354 và đối thủ còn lại là 6772 phiếu. Tính cách đặc biệt của tân Tổng thống cùng những thử thách thảm hại mà nước Pháp đã trải qua đã góp phần củng cố quyền lực cho ông.

Tổng thống bổ nhiệm Michel Debré, một con người nổi tiếng tận tâm với Tổng thống, làm Thủ tướng. Vì vậy hiển nhiên là qui định trong Hiến pháp, theo đó Thủ tướng quyết định và điều hành chính sách quốc gia, không còn ý nghĩa gì: Thủ tướng chỉ là người cộng sự thân cận nhất của Tổng thống, người lựa chọn những định hướng lớn. Nghị viện sẽ phản ứng bằng cách đe dọa chính phủ chẳng? UNR, một đảng mới thành lập dựa vào người đứng đầu nhà nước, chỉ giành được 206 trên tổng số 576 ghế trong Quốc hội mới được bầu. Còn các đảng phái chính trị khác, hi vọng ở Tướng De Gaulle một giải pháp cho cuộc xung đột Algérie, cũng chỉ có 10 ghế đối lập cương quyết trong Quốc hội, đó là các nghị sĩ thuộc Đảng Cộng sản. Cuộc xung đột Algérie vì thế đã cho thấy vai trò ngày càng lớn của Tổng thống De Gaulle, người đã nhanh chóng vượt qua các giới hạn của Hiến pháp. Ông khiến mọi người sớm hiểu rằng (và mãi sau

này một số Nghị sĩ vẫn bức tức về điều đó) vụ việc ở Algérie vượt ra ngoài thẩm quyền bình thường của Chính phủ, rơi vào “lĩnh vực dành riêng” của Tổng thống, mà Hiến pháp đương nhiên không có khoản nào đề cập. Nhưng chừng nào các đảng phái khác nhau còn có thể nghĩ rằng việc hình thành lĩnh vực dành riêng này đúng với những gì họ muốn thì chừng đó sẽ chẳng ai nghĩ tới việc phản nản.

Tổng thống đã dần hoàn thiện chính sách về Algérie theo hướng một cuộc đàm phán dẫn tới độc lập cho vùng thuộc địa này. Các bài diễn văn, những lần xuất hiện trên truyền hình đã liên tục được thực hiện trong các giai đoạn của tiến trình này. Tháng 9/1959, khái niệm “tự quyết” lần đầu tiên được đề cập; tháng 6/1960, những cuộc nói chuyện đầu tiên với “phiến quân” đã diễn ra, đó là cuộc đàm phán ở Melun (thuộc vùng Ile de France). Tháng 5/1961, những cuộc đối thoại mới, sâu hơn, đã diễn ra ở Évian (Pháp). Tháng 3/1962, lần cuối cùng và cũng ở Évian, là hòa bình. Nhưng những diễn biến này không phải không gặp trở ngại. Tại Quốc hội, các đảng cánh hữu trong Quốc hội đã đánh mất đa số. Ở Alger, các công dân châu Âu đã dựng nên những hàng rào chắn trên đường phố vào tháng 1/1960. Bốn lãnh đạo chính của quân đội Pháp là Tướng Salan, Tướng Challe (cả hai đều từng là tổng tư lệnh ở Algérie), tướng Jouhaud và tướng Zeller, tiến hành ra một cuộc đảo chính quân đội ngày 22/4/1961. Thất bại của cuộc đảo chính đã tạo điều kiện cho sự ra đời Tổ chức Vũ trang Bí mật, một tổ chức khủng bố tập hợp các phần tử quá khích ở Algérie thuộc Pháp, có mục đích ngăn cản sự độc lập của Algérie bằng một loạt các cuộc tấn công, khi Algérie độc lập, họ trả thù bằng cách ám sát Tướng De Gaulle. De Gaulle đã là mục tiêu của 2 vụ ám sát, một lần ở Pont-sur-Seine ngày 8/9/1961, và lần thứ hai vào ngày 22/8/1962 ở Petit-Clamart.

Tất cả những việc trên đã càng củng cố thêm các quyền của Tổng thống. Để kết thúc chiến tranh, không ai dám ra tranh cử kể nhiệm ông. Ông đã sử dụng rộng rãi quyền tổ chức trưng cầu dân ý, trước tiên là để biết ý kiến người dân về khái niệm khá mù mờ liên quan đến quyền tự quyết, làm nổi lên đây đó các vụ lộn xộn, và sau đó vào tháng 4/1962 để nhận được sự ủng hộ của nhân dân đối với các Thỏa thuận Évian. Người Pháp đã đồng ý với cách quản lý “lĩnh vực dành riêng”. Trên thực tế, bằng cách thông qua sự hạn chế ảnh hưởng của cơ quan hành pháp, người Pháp đã củng cố thêm tính tổng thể trong chính sách của mình. Các Nghị sĩ cũng không phản ứng khác; sau vụ “đảo chính của các vị Tướng”, họ đã trao cho Tổng thống các đặc quyền ghi trong điều 16. Làm sao họ có thể không đồng ý khi Tổng thống có quyền giải tán Quốc hội mà từ nay trở đi ông có toàn quyền sử dụng và biến đất nước thành quan toà giữa ông và Nghị viện.

Chiến tranh Algérie kết thúc đã chứng tỏ rằng ngay cả khi không có những hoàn cảnh đặc biệt xảy ra lúc đó, chế độ sẽ đi theo hướng thiết lập một “chế độ quân chủ Cộng hòa” và tạm thời mà Michel Debré đã từng nói.

Cuộc cách mạng phổ thông đầu phiếu

Khi cuộc chiến Algérie sắp kết thúc, Michel Debré, người đã điều khiển cuộc chiến này theo đúng thời hạn mong muốn của Tổng thống dù trong lòng không phải không cảm thấy giằng xé, đã đệ đơn từ chức và cũng theo yêu cầu của Tổng thống. Tướng De Gaulle đã nhanh chóng thay thế ông Debré bằng Georges Pompidou. Quyết định này đã khiến Nghị viện xì xào: Pompidou không phải và chưa bao giờ là một Nghị sĩ. Ông là Giám đốc Ngân hàng Rothschild, những chức vụ chính trước khi leo lên vị trí mà từ nay ông sẽ nắm giữ là Chủ tịch văn phòng của Tướng De Gaulle và mới đây, ông đã thực hiện thành công nhiệm vụ bí mật trước khi mở các vòng đàm phán với FLN của Algérie. Chính vì vậy, việc sự chọn nhân vật này là để biến Thủ tướng, người chịu trách nhiệm về chính sách của Chính phủ, thành một người được ủy thác thuần túy của Tổng thống. Nhưng mùa hè năm 1962, sau vụ ám sát ở Petit-Clamart, một tin mới bắt đầu bị lọt ra ngoài khiến Nghị viện vô cùng ngạc nhiên: Tướng De Gaulle có ý định thay đổi Hiến pháp để bầu người đứng đầu nhà nước theo hình thức phổ thông đầu phiếu. Trước sự phản đối của tất cả các đảng phái đối với sửa đổi này vì sợ rằng, giống như dưới nền Cộng hòa đệ Nhị, nó sẽ mở ra một con đường tới chế độ độc tài quân sự, mạnh tới mức bất chấp mọi qui định của

Hiến pháp, ngày 12/9, Tướng De Gaulle đã quyết định đem ra trưng cầu dân ý một dự luật mà không trình Nghị viện trước. Đó là một cuộc kiểm tra sức mạnh.

Được cựu Nghị sĩ Paul Reynaud dẫn đầu, đa số của Quốc hội đã đáp lại bằng việc bỏ phiếu bất tín nhiệm ngày 5/10/1962 (tính đến nay, đây là cuộc bỏ phiếu duy nhất trong lịch sử của nền Cộng hòa đệ Ngũ) để lật đổ Chính phủ Pompidou. Tổng thống ngay lập tức có lời đáp: Quốc hội bị giải tán và Chính phủ được duy trì để giải quyết nhanh các công việc thông thường. Vì vậy, cuộc trưng cầu dân ý ngày 28/12/1962 và cuộc bầu cử lập pháp các ngày 18-25/11 có mục đích là dùng nhân dân giải quyết cuộc tranh luận không lối thoát từ năm 1958. Với việc ủng hộ Tướng De Gaulle, người Pháp đã tán thành thể chế của nền Cộng hòa đệ Ngũ như ông thai nghén: Tổng thống không chỉ là người đứng đầu nhà nước mà còn là người đứng đầu chính phủ thực sự, Thủ tướng chỉ là người đứng đầu Bộ tham mưu. Còn nếu cho rằng Tướng De Gaulle sai lầm thì người Pháp sẽ biểu lộ mong muốn quay trở lại quan niệm của Paul Reynaud, theo đó chủ quyền quốc gia nằm trong tay Quốc hội, cơ quan được dân bầu theo hình thức phổ thông đầu phiếu.

Thách thức này lớn đến nỗi Tướng De Gaulle phải đặt lên bàn cân một trọng lực mới là việc ông có thể sẽ từ chức. Bởi ông thấy tất cả các đảng phái chính trị từ tả sang hữu (trừ Đảng UNR) đều chống lại ông, các ý kiến của các nhà lập pháp trong Tham chính Viện và Hội đồng Hiến pháp cũng cho rằng hình thức sửa đổi Hiến pháp là vi hiến, rằng việc này phải được trình Nghị viện trước khi đưa ra trưng cầu dân ý. Dường như bị cô lập, song Tướng De Gaulle thực sự lại liên tục chiến thắng. Ngày 28/11/1962, 62,25% cử tri đã thông qua sửa đổi Hiến pháp, biến người đứng đầu nhà nước thành “người của toàn dân” và đương nhiên tăng thêm quyền cho ông so với các Nghị sĩ: mỗi nghị sĩ chỉ đại diện cho cử tri ở khu vực bầu cử của họ.

Dựa vào chiến thắng trong cuộc trưng cầu dân ý, ông đã yêu cầu nhân dân khẳng định lại điều này bằng cách bầu những người cương quyết ủng hộ chính sách của ông. Các cuộc bầu cử tháng 11/1962 đã đem đến câu trả lời mà ông mong đợi: đa số mới gồm UNR và bộ phận những người Độc lập do Valéry Giscard d'Estaing đứng đầu ủng hộ chính sách De Gaulle.

Có thể coi mùa thu năm 1962 là dấu mốc quan trọng trong bước phát triển của chế độ hướng tới nền Quân chủ tạm thời mà một trong số những người sau này trở thành nhà tiên tri của chủ nghĩa De Gaulle đã tuyên bố ngay sau thời kỳ Chiếm đóng. Năm 1958, Tổng thống vẫn rất gần với Tổng thống của nền Cộng hòa đệ Tam. Hiến pháp biến ông thành người trọng tài quốc gia, chấp nhận trao cho Tổng thống các phương tiện để đóng vai trò này và qua đó khẳng định quyền lực của mình.

Năm 1962, Hiến pháp sửa đổi qui định bầu cử theo hình thức phổ thông đầu phiếu đã làm thay đổi ý nghĩa của thể chế Tổng thống. Được nhân dân Pháp bầu ra nên Tổng thống đặt quyền chịu trách nhiệm trước quốc gia của mình đối diện với quyền này của Quốc hội. Ông trở thành một nhà Quân chủ Cộng hòa vì quyền tối cao của nhân dân đã thay thế cho quyền Thánh thượng (droit divin, một học thuyết về vương quyền thế kỉ XVII, theo đó vua được Chúa trực tiếp tấn phong). Việc thực hiện các quyền của Tổng thống cũng đi theo hướng này. “Lĩnh vực dành riêng” không ngừng mở rộng, làm hạn chế nội các chính phủ trong vai trò tư vấn và hành pháp; những lĩnh vực chính trong đời sống quốc gia trở thành bộ phận thường trực trong nội các: quốc phòng, đối ngoại và đôi khi là các vấn đề kinh tế. Trên thực tế, một vấn đề sẽ rơi vào lĩnh vực dành riêng khi nó trở thành một sự kiện nổi bật trong hoạt động của nhà nước và ra khỏi lĩnh vực này khi nó không còn nổi bật nữa để thuộc vào lĩnh vực của các công việc thông thường, công việc của Chính phủ. Sự can thiệp trực tiếp của Tổng thống vào các vấn đề chính trị quan trọng thông qua trưng cầu dân ý, các cuộc họp báo hoặc các bài diễn văn trên đài phát thanh truyền hình chứng tỏ rằng Điện Élysée đang làm ra chính sách của nước Pháp.

Nhờ các điều khoản mới trong Hiến pháp và hơn thế là việc áp dụng chúng, nhờ bối cảnh chính trị khiến toàn bộ các cơ quan công quyền (đa số trong Nghị viện, Thủ tướng và nội các) đều hoàn toàn ủng hộ ông, Tổng thống De Gaulle đã có những quyền rất rộng mà chưa bao giờ một

người đứng đầu nền Cộng hòa nào ở Pháp có được. Việc còn lại mà De Gaulle phải làm là thông qua trưng cầu dân ý kêu gọi nhân dân trao cho ông quyền đặc biệt mà từ nay ông được hưởng, phê chuẩn nền quân chủ tạm thời mà ông nắm. Đó là mục đích mà người đứng đầu nhà nước xác định cho cuộc bầu cử Tổng thống năm 1965, cuộc bầu cử đầu tiên kể từ năm 1848 được diễn ra dưới hình thức phổ thông đầu phiếu.

1965: một chiến thắng trong bầu cử, chứ không phải là chiến thắng trong cuộc trưng cầu

Không ai nghi ngờ rằng sau chiến thắng vang dội các cuộc trưng cầu năm 1962, Charles De Gaulle nghĩ đến một nhiệm kỳ thứ hai vào năm 1965 trong những điều kiện hoàn toàn khác với nhiệm kỳ đầu vì từ nay ông không phải là một người được những người có địa vị bầu ra như năm 1958 mà là do toàn dân bầu. Nhất là khi các đảng phái chính trị, bàng hoàng sau thất bại kép mà họ phải chịu từ cuộc trưng cầu dân ý và cuộc bầu cử lập pháp nên quay sang chống lại cách thức bầu Tổng thống mới, có vẻ không muốn tham gia tích cực vào cuộc bầu cử này. Điểm đặc biệt là sáng kiến duy nhất của phe đối lập trong lĩnh vực này là sáng kiến của tuần báo L'Express. Tờ báo này đã tung ra một ý định về một ứng cử viên đối lập vào năm 1963, một ông X... bí hiểm, theo mô tả thì dần dần lộ ra danh tính là Gaston Defferre, Thị trưởng thuộc Đảng Xã hội của Marseille. Sau khi đã chiếm được lòng dư luận trong suốt gần 2 năm, giành được cảm tình của các câu lạc bộ có khuynh hướng xã hội chủ nghĩa và một phần của SFIO, năm 1965, sáng kiến này đã vấp phải sự phản đối của Tổng thư ký SFIO Guy Mollet và của Tổng thư ký MRP Joseph Fontanet về việc hình thành một "đại" Liên hiệp Dân chủ Xã hội, hội tụ SFIO và các đảng trung tâm đối lập và làm hậu thuẫn cho ứng cử viên Defferre. Bỗng nhiên, ông này từ chối ra tranh cử. Tuy nhiên, sáng kiến này nhấn mạnh sự cần thiết của việc hình thành một đảng phái chính trị dân chủ có khả năng đối chọi với UNR và ủng hộ một ứng cử viên khác với De Gaulle.

Trên thực tế, mùa thu năm 1965, không có gì xảy ra, và các tuyên bố tranh cử hết sức phân tán. Ngoài luật sư Tixier Vignancour, đại diện cho phe cực hữu, và Marcihacy, Thượng nghị sĩ của Charente được "Thỏa thuận quốc gia tự do" lựa chọn, còn có một ứng cử viên khác tuyên bố ra tranh cử ngày 16/9 là một công dân độc lập, ông Barbu. Ba ứng cử viên tỏ ra tiêu biểu thực sự là: François Mitterrand, tuyên bố ra tranh cử vào ngày 9/9 và liên tục nhận được sự ủng hộ của tất cả các đảng phái chính trị cánh tả, Đảng Xã hội SFIO, Đảng Xã hội cấp tiến, đảng Cộng sản, PSU, Thỏa ước các Thể chế Cộng hòa (gồm các câu lạc bộ cánh tả); Jean Lecanuet, Chủ tịch MRP, được đảng này và Trung tâm Quốc gia các nhà độc lập ủng hộ; và cuối cùng là Tướng De Gaulle, tuyên bố ra tranh cử ngày 4/10 với một bài diễn văn có thể tóm tắt bằng câu: "Tôi hoặc sự lộn xộn". Trên thực tế, Tổng thống không do dự tiên đoán trong trường hợp ông thất bại, "không ai có thể nghi ngờ rằng nước Cộng hòa mới sẽ nhanh chóng biến mất và nước Pháp sẽ phải chịu, lần này thì không gì có thể cứu vãn được, một sự lộn xộn về nhà nước còn tệ hại hơn lộn xộn mà trước kia nước Pháp đã phải nếm trải".

Đối với người Pháp, chiến dịch tranh cử lần này lớn chưa từng thấy. Nó được đánh dấu bằng sự tham gia ồ ạt của truyền hình, mỗi ứng cử viên lần lượt xuất hiện trên màn hình và các đối thủ của Tướng De Gaulle đã tận dụng tuổi trẻ của họ (49 và 45 tuổi) để chống lại ông, vị Tổng thống mãn nhiệm (75 tuổi). Mặt khác, trong chiến dịch này, các cuộc thăm dò liên tục được tổ chức, lần đầu tiên nói rõ theo từng giai đoạn tình hình của các ứng cử viên chính như thế nào theo ý định bỏ phiếu. Về điểm này, chiến dịch tranh cử luôn khiến mọi người ngạc nhiên tới độ. Trong khi Tướng De Gaulle được coi là người chiến thắng dễ dàng ngay từ vòng đầu, thì gần tới ngày bỏ phiếu, người ta lại nhận thấy sự sụt giảm các ý định bầu cho ông, sự ủng hộ gia tăng theo tỷ lệ nghịch dành cho các đối thủ của ông là François Mitterrand (từ 22% lên 27%) định bầu, và Jean Lecanuet, người đã có một chiến dịch tranh cử lạ lùng trên truyền hình (tăng từ 5% lên 20%). Bước đột phá này của Jean Lecanuet trong lòng cử tri trung hữu và cánh hữu, vốn đến lúc đó vẫn ủng hộ Tướng De Gaulle, làm cho De Gaulle chỉ giành được 43% ý định bỏ phiếu ngay trước bầu cử. Trước sự ngạc nhiên của tất cả mọi người, Tướng De Gaulle đã không

có được số phiếu cần thiết để chiến thắng ngay từ vòng. Đêm 5/12, kết quả đã cho thấy Tướng De Gaulle đứng đầu với 43,71% số phiếu - François Mitterrand, Jean Lecanuet, Tixier-Vignancour, Marcellin và Barbu lần lượt giành được 32,30%, 15,85%, 5,27%, 1,73% và 1,16%.

Trong cuộc bầu cử ngày 19/12, luật bầu cử qui định rằng chỉ 2 ứng cử viên có số phiếu phổ thông cao nhất được vào vòng 2. François Mitterrand tuyên bố không phải là “ứng cử viên duy nhất của cánh tả” mà là “ứng cử viên của những người Cộng hòa” đối đầu với Tướng De Gaulle. Cuối cùng, Tướng De Gaulle đã chiến thắng với 54,50% số phiếu, đối thủ của ông được 45,40%.

Tướng De Gaulle đã có được sự thừa nhận của nhân dân mà ông muốn, nhưng không dễ dàng như người ta tưởng. Thể thức chính trị mới đã thúc đẩy sự thống nhất của cánh tả mà người ta cho là đang hấp hối, và cánh tả đã thực sự phục hồi. Trong khi người đứng đầu nhà nước có vẻ đang đạt được mục đích và vượt qua thử thách với một quyền lực được củng cố thì cuộc bỏ phiếu lại cho thấy rằng các hoàn cảnh đặc biệt của cuộc chiến Algérie đã qua, cuộc tranh luận chính trị đang trở lại, và trong cuộc tranh luận này, chủ nghĩa De Gaulle tỏ ra yếu thế. Xét ở một góc độ nào đó, cuộc bầu cử Tổng thống đầu tiên theo hình thức phổ thông đầu phiếu đã phản bội những hi vọng của Charles De Gaulle. Ông muốn một cuộc trưng cầu biểu ông thành “người của đất nước”. Ông đã giành được một chiến thắng với đa số dân Pháp bầu chọn chứ không phải thiểu số. Trên thực tế, hơn 3 năm sau chiến thắng này, Tướng De Gaulle đã rời chính trường khi chưa hoàn thành nhiệm kỳ II của mình, do bị rơi vào một cuộc khủng hoảng được dự báo từ lâu. Sau đây là ba giai đoạn liên tiếp đánh dấu diễn biến của cuộc khủng hoảng này trong nhiệm kỳ II của ông, cuộc khủng hoảng đã lật đổ nhà kiến tạo nền Cộng hòa đệ Ngũ.

1967: thời của những thử thách

Trước cuộc bầu cử năm 1965, những bất bình bắt nguồn trước tiên từ những lựa chọn chính sách đối ngoại, thể hiện một sự đoạn tuyệt với chính sách mà một số thành viên trong đa số mong muốn. Những người này đã từng ủng hộ Tướng De Gaulle, đặc biệt là cánh hữu tự do và thân châu Âu, và các thành viên của MRP. Thế nhưng các tuyên bố cắt ngून của Tổng thống đã khiến ông mất đi sự ủng hộ này. Tướng De Gaulle đã giữ khoảng cách với việc hội nhập châu Âu và chọn một châu Âu hợp bang, “châu Âu của các tổ quốc”, nên đã theo đuổi một chính sách tạo nên từ tối hậu thư và mệnh lệnh. Cũng chính vì thế, trước sự thất vọng của những người “ưa châu Âu”, ông hai lần phản đối sự gia nhập của nước Anh vào Thị trường chung. Tương tự, Tướng De Gaulle đã từ chối mọi sự lệ thuộc vào Mỹ và rời khỏi chính sách Đại Tây Dương mà Pháp đã từng theo đuổi đến năm 1958. Mong muốn khẳng định sự độc lập quốc gia của ông đã khiến ông xây dựng một “lực lượng đánh trả” hạt nhân tự chủ, quyết định rút Pháp khỏi Tổ chức Quân sự Bắc Đại Tây Dương NATO, phản đối Mỹ trong chính sách đối với Viễn Đông (Trung Quốc, Việt Nam) cũng như chính chủ trương sách tiền tệ (đòi Pháp triệt để dự trữ vàng thay đô la). Chính sách độc lập quốc gia ngờ vực và mang màu sắc dân tộc chủ nghĩa này đã không làm hài lòng các nhà Độc lập, Xã hội, Cấp tiến, MRP, những người nhìn chung ưa hội nhập châu Âu và Đại Tây Dương.

Một nguyên nhân khác gây bất bình theo một chiều hướng rất khác, đó là chính sách kinh tế và xã hội mà chính phủ theo đuổi từ năm 1963. Năm 1958, nền Cộng hòa đệ Ngũ mới khai sinh đã làm trong sạch tình hình tài chính của Pháp. Nhưng đến năm 1963, dường như các tác động của chính sách trong sạch hóa này đã không còn và nước Pháp đứng trước nguy cơ lạm phát quay trở lại. Trong những điều kiện này, theo gợi ý của Bộ trưởng Bộ Kinh tế và Tài chính Valéry Giscard d'Estaing, một bước ngoặt quyết định đã được áp dụng: chính quyền quay lưng lại với học thuyết duy ý chí về kinh tế và xã hội, thể hiện kinh tế chỉ huy và kế hoạch hóa, để tiến hành lựa chọn chính sách tự do. Từ nay, những học thuyết chính thống chiến thắng với kế hoạch bình ổn năm 1963: một sự cân bằng nghiêm ngặt về ngân sách được duy trì bằng việc tăng thu giảm chi. Ngoài ra, để ngăn chặn lạm phát, người ta ưu tiên tác động đến lương, một mức trần hằng năm là 4% đã được ấn định cho việc tăng lương. Chính sách hết sức tự do này đã gây bức xúc cho không chỉ người lao động mà cả các ông chủ nhỏ và khu vực nông thôn,

những người bị ảnh hưởng bởi các biện pháp giảm lạm phát. Những bất bình này, mà vì thế Tướng De Gaulle không được bầu ngay từ vòng đầu trong cuộc bầu cử năm 1965, còn được thể hiện rõ hơn trong cuộc bầu cử lập pháp năm 1967.

Trên nhiều phương diện, cuộc bầu cử lập pháp này giống như phần tiếp theo của cuộc bầu cử Tổng thống, một kiểu “vòng 3”. Rút ra bài học từ việc không đạt được đa số cần thiết, Đảng UNR của Tướng De Gaulle định cởi mở với cánh tả bằng việc đón nhận những người ủng hộ De Gaulle theo cánh tả trong Liên minh Dân chủ Lao động (UDT) và mong muốn này được thể hiện ở cấp độ chính phủ bằng việc hai nhân vật theo trường phái De Gaulle cấp tiến xuất hiện trong các ghế Bộ trưởng, đó là Jean-Marcel Jeanneney và Edgar Faure, cùng lúc với việc loại Valéry Giscard d'Estaing, người phải trả giá cho các hậu quả chính trị của “Kế hoạch bình ổn” năm 1963. Về phe đối lập, sự tập hợp do tình thế xung quanh François Mitterrand và Jean Lecanuet hướng tới việc thành lập các đảng phái chính trị lâu bền. Các nhà Cấp tiến, Xã hội và các thành viên của các câu lạc bộ đã tập hợp nhau lại dưới ngọn cờ của Liên hiệp Cánh tả Dân chủ và Xã hội (FGDS), dù liên hiệp hỗn hợp này chưa qui tụ được PSU và Pierre Mendès France. Về phần mình, những người ủng hộ Jean Lecanuet, được gọi là “những người trung tâm đối lập”, đã thành lập Trung tâm Dân chủ, hội tụ MRP, những người Độc lập và một số thành viên trung-tả. Đúng là cuộc bầu cử vòng 1 ngày 5/3/1967 đã khẳng định lại ưu thế của chủ nghĩa De Gaulle với 37,8% số phiếu phổ thông. Đảng đối lập duy nhất giành chiến thắng, chủ yếu trong các vùng có công nhân bị tác động của sự suy thoái, là Đảng Cộng sản (22,5%). Nhưng cánh tả phi cộng sản vẫn bền vững (18,7%) trong khi Trung tâm Dân chủ bị thất bại rõ rệt (12,8%). Kết quả này lẽ ra đã có thể củng cố thêm sức mạnh cho De Gaulle nếu vòng 2 không bị đánh dấu bởi một trùng phạt tương đối của tất cả các phe đối lập (kể cả những người trung tâm) chống lại phe De Gaulle. Ngày 12/3, đa số đã giành được chiến thắng sát sao (245/487 ghế) trước những người đối lập thuộc cánh tả và hữu nhờ vào những lá phiếu hải ngoại. Nền Cộng hòa đệ Ngũ suýt phải chứng kiến cơn ác mộng thể chế: đa số của Tổng thống và đa số của Nghị viện không thuộc cùng một phe, điều sẽ dẫn tới khủng hoảng chế độ. Dù sao, chế độ cũng đã bị suy yếu sau các cuộc bầu cử lập pháp và tối hôm diễn ra vòng bỏ phiếu thứ hai, Pierre Mendès France đã có thể tiên đoán rằng cơ quan lập pháp sẽ không thể hoạt động đến hết nhiệm kỳ. Sự suy yếu đi của chế độ đương nhiên trước hết là sự suy yếu của Tổng thống. Đối với ông, thời gian thử thách mới chỉ bắt đầu.

Chưa kịp rút ra bài học từ cuộc bầu cử lập pháp năm 1967, Tướng De Gaulle, người mà nhờ ông chính quyền được hợp pháp hóa qua cuộc bầu cử Tổng thống chứ không phải là qua cuộc bầu cử lập pháp, đã áp dụng một chính sách cứng rắn hơn bằng cách tăng các hành động để chứng tỏ rằng ông không hề muốn bị ràng buộc bởi một cuộc thăm dò chỉ dành để bầu ra các nhà lập pháp. Về chính sách đối ngoại, ông bất chấp niềm tin của đa số dân Pháp bằng cách kịch liệt phản đối nhà nước Israel vào năm 1967 sau “cuộc chiến 6 ngày” và tuyên bố ủng hộ sự độc lập của Québec trong một chuyến công du Canada. Trong lĩnh vực đối nội, ông vẫn giữ lại các vị trí Bộ trưởng đã thất bại sau bầu cử, Maurice Couve de Murville (Bộ Ngoại giao) và Pierre Messmer (Quân đội). Cuối cùng, ông từ chối mọi dự án đàm phán về lương, điều kiện làm việc, giờ làm... mà các nghiệp đoàn đề nghị, đồng thời quyết định dùng mệnh lệnh để quản lý chính sách kinh tế và xã hội. Sự không hài lòng của toàn thể xã hội Pháp trước chính sách của Tổng thống được thể hiện hết sức bất ngờ trong cuộc khủng hoảng năm 1968.

Năm 1968

Trước khi trở thành một cuộc khủng hoảng chính trị, đây là một cuộc khủng hoảng văn minh. Cuộc khủng hoảng này xuất phát từ tấm gương của xã hội là Trường Đại học Tổng hợp, ở đó nó biểu hiện một cách tập thể như một sự phản đối hoạt động của các khoa, hơn thế, nó còn như sự chối bỏ hoàn toàn xã hội tiêu thụ, xã hội văn minh chạy theo lợi nhuận và năng suất, như sự chối bỏ mọi ràng buộc đối với con người. Từ các khoa, đám đông sôi sục đổ xuống đường phố sau khi các trường đại học bị đóng cửa. Các đêm từ 3 đến 10/5 là những đêm nổi dậy của khu

phổ La-tinh. Ban đầu nghi ngờ phong trào mà họ không tạo ra và không thể kiểm soát, nhưng đến giữa tháng 5, các nghiệp đoàn và đảng phái cánh tả đã hòa theo phong trào của sinh viên. Họ càng có lý để làm việc này vì từ ngày 15/5, phong trào đã nhân rộng ra thành một cuộc khủng hoảng xã hội trầm trọng khiến nước Pháp bị tê liệt bởi một loạt các cuộc đình công chiếm giữ các nhà máy. Thế nhưng trong bối cảnh nhà nước dường như đang bị tan rã, thì Tổng thống vẫn bị động một cách kì lạ, ông bị rối bời bởi một phong trào mà ông không lường trước được và không kiểm soát được, nó cũng vượt qua tầm kiểm soát của cả bộ máy chính trị Pháp. Trong thời gian đầu, dường như ông chờ phong trào này tự sụp đổ và không để ý tới nó: ông cho là không cần thiết phải hoãn chuyến đi Rumani, và chỉ đến khi cuộc khủng hoảng trở nên trầm trọng ông mới quyết định rút ngắn chuyến đi này. Song, bài diễn văn khi đó ông nói với người dân Pháp đề nghị trưng cầu dân ý vào tháng 6 về sự tham gia của dân chúng vào cơ quan nhà nước dường như quá xa vời với họ, tới mức ông không nhận được hưởng ứng nào.

Chính Thủ tướng Georges Pompidou, người vừa từ Afghanistan trở về sau chuyến công du chính thức, đã cứu vãn được tình hình. Để chấm dứt cơn suy thoái, ông đã quyết định mở các cuộc thảo luận với các nghiệp đoàn, và đến ngày 27/5 thì ký kết được Thỏa thuận Grenelle chấp nhận tăng lương cho công nhân. Cuộc khủng hoảng lại nổi lên vào cuối tháng 5 có vẻ sẽ giết chết chế độ. Trên cơ sở chối bỏ Thỏa thuận Grenelle, các đảng phái chính trị cánh tả đã công khai tự cho là người kế thừa của chủ nghĩa De Gaulle vốn đang bị đe dọa. Ngày 28/5, François Mitterrand đề xuất một danh sách chính phủ lâm thời do Pierre Mendès France điều hành, còn các nhà Cộng sản lại đưa ra khái niệm “Chính phủ nhân dân”. Quyền lực dường như bị bỏ trống. Trong khi những tin đồn từ chức nổi lên trong chính giới, người ta lại thông báo Tướng De Gaulle biến mất vào ngày 29/5. Mọi người không biết ông đã rút về Colombey-les-deux-Églises hay đã trốn ra nước ngoài.

Trên thực tế, Tổng thống đã gặp các lãnh đạo quân sự của Pháp tại Đức để bảo đảm mình có được sự trung thành của quân đội. Ngày 30/5, ra khỏi chiếc vỏ sò của mình, ông nắm lại mọi thứ trong tay và một lần nữa lật lại tình hình. Trong một bài diễn văn đầy cương quyết, ông đã bác bỏ mọi ý định từ chức và tuyên bố ông sẽ giữ lại Thủ tướng Georges Pompidou, giải tán Quốc hội, khiến các đảng phái ngay lập tức quay lại hoạt động truyền thống của mình là chuẩn bị cho cuộc tổng tuyển cử. Tối hôm đó, lời kêu gọi hành động dân sự đã mở đường cho một cuộc biểu tình của hàng trăm ngàn người ủng hộ De Gaulle trên quảng trường Champs-Élysées, phá vỡ thế độc quyền của phe cực tả trên các đường phố.

Một chiến thắng hào huyền

Tháng 6 là tháng của niềm tự hào và chiến thắng cuối cùng của chế độ. Lo sợ trước những triển vọng cách mạng từ cuộc khủng hoảng tháng 5, cử tri đã bỏ phiếu cho đa số vào các ngày 23-30/6/1968. Đa số nhận được 10 triệu phiếu và 3/4 số ghế trong Quốc hội: với 294/485 ghế, phe De Gaulle đã có đa số tuyệt đối mà thậm chí không cần tới những lá phiếu của liên minh Cộng hòa-Độc lập. Phe đối lập Cộng sản, Xã hội và trung hữu đã mất một số lượng rất lớn phiếu bầu và ghế trong Quốc hội.

Tướng De Gaulle có thể cho rằng ông đã chiến thắng và đã đẩy lùi được cuộc khủng hoảng chế độ. Song, chiến thắng của ông rất mong manh. Đa số áp đảo sau bầu cử đã mang đến cho nền Cộng hòa đệ Ngũ một “Quốc hội khó thấy”, bảo thủ hơn và phản cách mạng hơn De Gaulle. Tướng De Gaulle đã nhanh chóng cảm thấy những hạn chế của chiến thắng này sau khi “Cơn lốc tháng 5” qua đi, ông có ý định tái thiết đất nước. Để làm điều này, ông cho là cần phải thay đổi bộ máy cầm quyền và trước sự ngạc nhiên của mọi người, ông đã thay Thủ tướng Georges Pompidou, người có công đáng kể trong việc giải quyết cuộc khủng hoảng vừa qua, bằng Maurice Couve de Murville. Trên thực tế, dường như Tổng thống muốn khẳng định lại quyền lực của mình bằng cách tách biệt khỏi một người đã chinh phục được lòng dân, người xuất hiện như người đứng đầu đa số và người mà các Nghị sĩ được bầu hồi tháng 6 cảm thấy rất gần bó. Tuy nhiên, ông đã giảm nhẹ việc cách chức Thủ tướng bằng những lời ca ngợi và tuyên bố sự thay thế này là “để dành cho nền Cộng hòa”. Người ta đồn rằng Georges Pompidou sẽ biết

khéo léo tận dụng cơ hội để nhanh chóng làm cho mọi người biết, trong một chuyến thăm Roma tháng 1/1969, rằng ông ấy sẽ ra tranh cử Tổng thống khi thời cơ đến. Dù người đứng đầu nhà nước rất cau trước những lời đồn này, song rõ ràng là chủ nghĩa De Gaulle từ nay có thể dựa trên một người kế nhiệm đã được chỉ định và người đã chứng tỏ khả năng của mình. Nhưng trong khi chờ đợi, tất cả các mối quan tâm của Tướng De Gaulle đều hướng tới một chính sách mới mà ông muốn ưu tiên và trong đó ông sẽ tìm ra câu trả lời cho cuộc khủng hoảng tháng 5. Mấu chốt của chính sách này là một cuộc cải cách cơ cấu cho phép người dân Pháp tham gia các công việc điều hành. Tuy nhiên, ông đã nhanh chóng gặp phải sự phản đối của đa số bảo thủ sau cuộc bầu cử tháng 6. Lĩnh vực đầu tiên trong kế hoạch cải cách là trường đại học vốn chỉ còn là một đồng đồ nát và các cơ chế cũ của nó tỏ ra không còn phù hợp nữa. Edgar Faure đã chuẩn bị một đạo luật định hướng giáo dục đại học dựa trên tính đa ngành và tự quản lý. Được bầu vào Quốc hội tháng 10/1969, nhưng sau đó bà đã khiến nhiều Nghị sĩ do dự vì họ cho rằng bà quá cấp tiến và khiến một số giáo viên đại học cảm thấy khó chịu vì bị tước đi một số đặc quyền.

Quan trọng hơn trong tư tưởng của Tướng De Gaulle là sự cần thiết phải khôi phục tính hợp pháp của mình bằng một cuộc trưng cầu dân ý. Chủ đề trưng cầu sẽ là vấn đề tổ chức vùng và tính đại diện của các hoạt động xã hội nghề nghiệp. Ông đã giao cho Bộ trưởng Jean-Marcel Jeanneney chuẩn bị một dự luật nhằm trao cho các vùng qui chế đơn vị hành chính địa phương được phân quyền và thành lập các hội đồng vùng bao gồm các Nghị sĩ, đại biểu của các Hội đồng địa phương và trung ương và thành viên do các tổ chức xã hội nghề nghiệp tiêu biểu chỉ định. Cuối cùng, ở trung ương, Hội đồng Kinh tế và Xã hội và Thượng nghị viện đã được thay thế bằng một Thượng nghị viện tư vấn gồm các Thượng nghị sĩ do các đại biểu của các đơn vị hành chính địa phương bầu và các Thượng nghị sĩ do các tổ chức kinh tế, xã hội và văn hóa chỉ định. Vì vậy toàn bộ dự án này đã dẫn tới việc sửa đổi Hiến pháp.

Năm 1969: sự từ chối của nhân dân

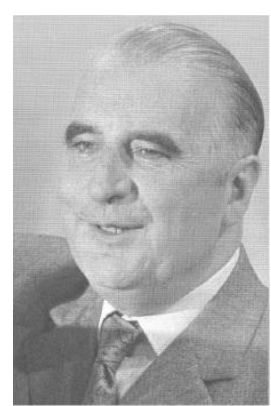
Như những lần trước, cuộc trưng cầu dân ý nhằm vào hai mục tiêu: trả lời câu hỏi đặt ra cho người Pháp và củng cố niềm tin của họ đối với người đứng đầu nhà nước. Vậy mà ở cả hai điểm này, kết cục của cuộc khủng hoảng năm 1968 đã gây ra rất nhiều bất bình chống lại Tướng De Gaulle. Bất bình của giới kinh tế cho rằng lạm phát gia tăng do Thỏa thuận Grenelle đã dẫn tới sự phá giá của đồng franc và họ vấp phải sự từ chối cương quyết của Tổng thống; bất bình của các nghiệp đoàn vì họ muốn đạt được những thỏa thuận mới về lương nhưng không nhận được sự đồng ý của Tổng thống; cuối cùng là bất bình của nhiều thành viên phe của đa số Bảo thủ đặc cử hồi tháng 6, cho rằng lời đáp cải cách mà Tướng De Gaulle muốn đưa ra cho cuộc khủng hoảng năm ngoái là không thỏa đáng và họ càng sẵn sàng tuyên bố chống lại Tổng thống khi biết rằng sự ra đi của ông sẽ không gây ra khoảng trống quyền lực, mà thế vào đó có thể sẽ là Georges Pompidou.

Những bất bình của cả cánh hữu chiếm đa số lẫn của cả cánh tả khiến Tướng De Gaulle rất lo lắng, đến nỗi ngày 10/4, ông công khai tuyên bố sẽ rút lui nếu câu trả lời của người Pháp trong cuộc trưng cầu là “Không”. Lần này, cánh hữu đã có giải pháp thay thế. Người ta đã nhanh chóng thấy bằng chứng: Chủ tịch Thượng nghị viện thuộc phe trung tâm Alain Poher chủ trương nói “Không” trong cuộc trưng cầu và tập hợp xung quanh ông rất nhiều nhân vật ôn hòa có ảnh hưởng lớn. Nghiêm trọng hơn đối với Tướng De Gaulle, lãnh đạo đảng Cộng hòa Độc lập Valéry Giscard d'Estaing, liên minh với đa số trong Quốc hội từ năm 1962, đã chinh phục được phe đối lập với hầu hết các Nghị sĩ theo xu hướng này. Sự việc đã rất nghiêm trọng và để lại những hậu quả nặng nề: tham gia vào hai lực lượng đối lập thuộc cánh tả và trung hữu theo Jean Lecanuet từ nay còn có lực lượng đối lập cánh hữu từng có đóng góp quan trọng cho đa số từ năm 1958. Sự xáo trộn này dường như quyết định kết quả trưng cầu. Ngày 27/4/1969, 53,2% người dân Pháp (tức 11.945.000 người) trả lời “Không” trong cuộc trưng cầu, 46,7% (tức 10.512.000 người, trả lời “Đồng ý”. Trưa ngày 28/4/1969, Tướng De Gaulle chấm dứt việc

thực hiện các quyền hạn Tổng thống và lui về khu nhà riêng ở Boisserie và chỉ ra khỏi nhà khi đi du lịch riêng (sang Ai Len hoặc Tây Ban Nha), không tiếp các chính khách đang tại vị, chỉ tiếp một vài người trung thành đã rời khỏi chính trường, và giam mình trong sự im lặng. Ông đột ngột qua đời ngày 9/11/1970.

Trong 10 năm, Tướng De Gaulle đã thiết lập ra một chế độ mà ông đã có đủ thời gian để nhào nặn theo ý muốn của mình. Với ông, cơ quan hành pháp, nằm hoàn toàn trong tay Tổng thống, đã trở thành cơ quan được ưu tiên hơn cả trong các thể chế của Pháp. Có nhiều quyền hơn bất cứ vị Tổng thống nào ở thế giới phương Tây, bổ nhiệm và giải tán Chính phủ và Thủ tướng bất kỳ lúc nào, có thể giải tán Quốc hội, có đặc quyền hỏi ý kiến trực tiếp người dân qua trưng cầu dân ý, ông thực sự là một “nhà quân chủ Cộng hòa” mà Michel Debré mong đợi trong thời kháng chiến, như đã miêu tả trong bài diễn văn của mình ở Bayeux. Tuy nhiên, “tác phẩm hiến pháp” của Tướng De Gaulle cũng có một giới hạn và một điểm yếu. Giới hạn (cũng là cái bảo vệ cho các nguyên tắc dân chủ) là Tổng thống phải chịu trách nhiệm trước nhân dân, những người đã bầu cho ông. Và sự kiểm tra trách nhiệm này không chỉ diễn ra khi hết nhiệm kỳ 7 năm bằng cuộc tổng tuyển cử. Nó phải được thực hiện định kỳ và trong trường hợp không còn được đa số nhân dân tín nhiệm nữa thì Tổng thống sẽ phải chấp nhận là kế ước ngầm gắn ông với nhân dân đã chấm dứt. Đây là điều mà Charles De Gaulle đã làm vào tháng 4/1969. Điểm yếu là nếu việc thực hiện Hiến pháp mà Tướng De Gaulle áp dụng khẳng định vị trí hàng đầu của Tổng thống trong các thiết chế thì chính bản Hiến pháp này lại không hề đề cập đến điểm này. Hiến pháp vẫn cho rằng Chính phủ quyết định và điều hành chính sách của quốc gia chứ không phải là Tổng thống và Chính phủ phải chịu trách nhiệm trước Quốc hội.

Vì vậy, rõ ràng là ngày mà Quốc hội có đa số khác với đa số của Tổng thống thì khó tránh khỏi nguy cơ của một cuộc khủng hoảng chế độ. Chính lưỡi gươm Damoclès, từ năm 1958, đã treo lơ lửng trên đầu “tác phẩm hiến pháp” của Tướng De Gaulle.



GEORGES JEAN RAYMOND POMPIDOU
(8/7/1911 – 2/4/1974)

- 19 - GEORGES POMPIDOU, HAY SỰ KẾ THỪA BỊ NGẮT QUẪNG

(15 tháng 6 năm 1969 - 2 tháng 4 năm 1974)

Người kế thừa chinh phục tài sản thừa kế

Sự từ chức bất ngờ của Tướng De Gaulle đã tạo cơ hội áp dụng thủ tục kế thừa mà các thể chế của nền Cộng hòa đệ Ngũ đã dự liệu. Trong khi Chính phủ của Couvé de Murville vẫn tại vị để quản lý nhà nước và tổ chức bầu cử Tổng thống thì Chủ tịch Thượng nghị viện Alain Poher, một trong những đối thủ của Tướng De Gaulle vào tháng 4/1969, đã lên giữ chức quyền Tổng thống. Nhưng việc lớn nhất, đương nhiên là cuộc bầu cử Tổng thống mới để tìm người kế nhiệm Tướng De Gaulle. Về điểm này, nhiều khả năng Georges Pompidou, người từ tháng 1/1969 đã thể hiện ý định trở thành người kế thừa hàng đầu sự nghiệp của Tướng De Gaulle, sẽ ra tranh cử. Ông đã khẳng định lại điều này ngày 29/4, ngay lập tức đặt chiến dịch tranh cử của mình dưới khẩu hiệu kép là kế thừa (với lời hứa nhằm vào cả người theo De Gaulle và các cử tri ủng hộ Đảng Bảo thủ đã số được thừa nhận trong thái độ của ông về sự kiện tháng 5/1968) và thay đổi, hướng thẳng tới những người Ôn hòa đã bỏ rơi De Gaulle vào tháng 4/1969, hoặc những người Ôn hòa đã đánh bại De Gaulle. Chiến lược này gặt hái được thành công bởi ứng cử viên có thể có được sự liên kết của Valéry Giscard d'Estaing (người đã có lúc nghĩ tới việc ra tranh cử), với những người thuộc Đảng Cộng hòa Độc lập và của một số người thuộc trường phái ôn hòa đã rời khỏi phe đối lập như các ông Duhamel, Pleven và Fontanet.

Trước ứng cử viên có nhiều khả năng thắng cử nhất này, cánh tả từng đe dọa Tướng De Gaulle năm 1965 dường như bị chia rẽ và bất lực: Đảng Xã hội đề cử Gaston Defferre, người tuyên bố nếu đắc cử, ông sẽ chọn Pierre Mendès France làm Thủ tướng; Đảng Cộng sản tung Jacques Duclos lên vũ đài; còn PSU đưa Michel Rocard, và những người theo chủ nghĩa Trotsky của Liên đoàn Cộng sản thì chọn Alain Krivine. Trên thực tế, chính phe Ôn hòa đối lập sau đó mang đến nguy hiểm thực sự đối với Georges Pompidou. Sau cuộc trưng cầu dân ý và chức danh Quyền Tổng thống đã khiến dư luận biết đến Alain Poher, người đã nhanh chóng nhận được sự mến mộ lớn và khiến người ta buộc phải nhớ đến những vị Tổng thống ở miền Nam trong nền Cộng hòa đệ Tam, đó là Loubet, Fallières hay Doumergue. Rốt cuộc, trước cả khi tự mình tuyên bố, Alain Poher có được một vị trí rất vững chắc trong các cuộc thăm dò, gần sát số ý kiến dành cho Georges Pompidou. Sau ông không chỉ có những người thuộc phe đối lập ôn hòa hay phe De Gaulle ôn hòa, mà còn một phần đáng kể cánh tả ngoài Đảng Cộng sản đã quyết định bỏ phiếu thuận ngay trong vòng đầu vì nhanh chóng nhận ra rằng cánh tả không có bất kỳ cơ hội nào để giành chiến thắng. Tuy nhiên, tuyên bố ra ứng cử của Alain Poher đã khiến số người dự định bầu cho ông giảm hẳn, việc ông cần phải xác định rõ các khái niệm chính trị đã khiến ông bị tách khỏi một số cử tri cánh tả, những người dường như đã chuyển số phiếu của mình cho ứng cử viên Đảng Cộng sản Jacques Duclos, vì một chiến dịch tranh cử chắc chắn và giản dị hơn. Vòng bầu cử đầu tiên ngày 1/6/1969 chỉ khẳng định lại một điều dường như đã chắc chắn về chiến thắng của Georges Pompidou, người đã vượt qua mọi đối thủ với số phiếu 43,9% (Alain Poher nhận được 23,4%, Jacques Duclos 21,5%, Gaston Defferre 5,1%, Michel Rocard 3,7% và Alain Krivine 1,1%).

Kết quả của vòng bầu cử đầu tiên khiến người ta có thể đoán trước được kết quả của vòng 2 giữa hai ứng cử viên Georges Pompidou và Alain Poher. Làm sao Alain Poher có thể mơ tưởng đến chiến thắng trong khi cánh tả ngoài Cộng sản đã bị sụp đổ hoàn toàn còn Đảng Cộng sản định tẩy chay cuộc bầu cử? Và chẳng có gì ngạc nhiên khi ngày 15/6/1969, Georges Pompidou đắc cử Tổng thống với 57,8% số phiếu ủng hộ (tức 10.700.000 phiếu) còn Alain Poher chỉ có 42,2% (tức 7.900.000 phiếu).

Một sự nghiệp chính trị kỳ lạ

Cuộc bầu cử đưa Georges Pompidou lên kế nhiệm Tướng De Gaulle đã đem đến cho ông một sự nghiệp sáng chói dù rằng không gì bảo đảm đưa ông đến với dinh Tổng thống.

Sinh ngày 5/7/1911 ở Montboudif, thuộc Cantal, bước sang tuổi 58 khi nhậm chức Tổng thống, Georges Pompidou dường như đã không hề nghĩ nhiều tới một sự nghiệp chính trị. Xuất thân trong một gia đình giáo viên, học trường Đại học Sư phạm năm 1931, ngành Văn học, cho tới tận năm 1944, ông vẫn là một giáo viên, mà không đóng vai trò gì trong chủ nghĩa De Gaulle thời chiến. Tháng 1/1944, ông làm việc trong văn phòng của Tướng De Gaulle, giúp việc cho Bộ trưởng Bộ Thông tin. Sự ra đi của Tướng De Gaulle đã đưa Georges Pompidou vào Tham chính Viện và làm việc ở đó cho tới năm 1954, sau đó chuyển đi giữ các chức vụ lãnh đạo cao ở Ngân hàng Rothschild. Từ năm 1946-1958, ông liên tục giữ các mối quan hệ mật thiết với Tướng De Gaulle, người mà ông ngầm là một trong những công sự mật thiết, nhưng chưa bao giờ đảm trách vị trí chính trị quan trọng. Là Chánh văn phòng của De Gaulle vào tháng 9/1958, ông trở thành cố vấn chính của De Gaulle khi ông này trở thành Tổng thống, và hoàn thành những nhiệm vụ trọng yếu cho De Gaulle. Vì thế chắc chắn việc ông được chỉ định làm người đứng đầu Chính phủ vào tháng 4/1962, khi vẫn là một người không được ai biết tới và chưa từng đảm nhiệm một vị trí chính trị, chẳng khác nào một thách thức đối với Quốc hội. Sự thiếu kinh nghiệm của tân Thủ tướng đã nhanh chóng bị phản đối kịch liệt. Thật vậy, để thể hiện sự không đồng ý với chính sách cải cách hiến pháp liên quan đến bầu cử Tổng thống theo hình thức phổ thông đầu phiếu, các đại biểu quốc hội đã lần đầu tiên (và duy nhất) dưới nền Cộng hòa đệ Ngũ, lật đổ ông. Chiến thắng trong bầu cử của những người theo chủ nghĩa De Gaulle vào tháng 11 đã khẳng định lại vị trí của ông và ông đã giành được một kỷ lục về tuổi thọ của Chính phủ với 6 năm trong cương vị Thủ tướng. 6 năm đủ để ông tích lũy những kinh nghiệm còn thiếu và trở thành người lãnh đạo được tôn trọng của đa số: ông xuất hiện như một người điều hành cuộc chơi thực sự vào năm 1968, thậm chí là một đối thủ mạnh của Tướng De Gaulle. Được chờ đợi suốt một năm trời và nhận được sự ủng hộ nhiều người theo phái De Gaulle lo lắng về sự trường tồn của chế độ, việc Georges Pompidou lên nắm quyền không chỉ đánh dấu một sự nghiệp xán lạn. Nó dường như còn đem tới cho đa số một thủ lĩnh mới đầy năng lực, nhiệt huyết và cởi mở. Việc ông còn phải làm, ở cương vị tối cao mà ông đã đạt đến, là khẳng định những hi vọng vào các phẩm chất của một chính khách.

Trên thực tế, rất khó đánh giá nhiệm kỳ Tổng thống của Georges Pompidou một cách tổng thể, nhất là khi nhiệm kỳ này lại được chia thành hai giai đoạn khác nhau.

Pompidou - nhà cải cách

Tân Tổng thống muốn đặt nhiệm kỳ của mình dưới lời hứa kếp là sự kế thừa và sự cởi mở, đúng với đường lối chiến dịch tranh cử của ông. Sự nối tiếp được đảm bảo bởi chính sự xuất hiện của ông ở cương vị người đứng đầu nhà nước, cũng như bởi ưu thế của những người theo De Gaulle được bầu năm 1968 trong Quốc hội (Hạ nghị viện). Sự kế thừa này còn được củng cố bởi thực tế là hàng ngũ chính trị theo trường phái De Gaulle vẫn là nền tảng quyền lực nhà nước. Còn sự cởi mở được thể hiện chủ yếu hướng tới những người ôn hòa và các đảng liên minh Ôn hòa theo trường phái De Gaulle, điều này khiến thể chế tôn trọng Nghị viện hơn, tập trung vào các vấn đề xã hội, tỏ ra tự do và rộng mở với châu Âu.

Có thể thấy hai mối quan tâm này trong cấu tạo bộ máy chính phủ đầu tiên, cũng như trong chính sách mà chính phủ này thực hiện với sự đồng ý của Tổng thống. Thiện chí kế thừa tất dẫn tới sự hiện diện một người theo chủ nghĩa De Gaulle nổi tiếng với những tước hiệu kháng chiến cao quý trong cương vị Thủ tướng: Jacques Chaban-Delmas. Nhưng con người theo chủ nghĩa De Gaulle này cũng là một người nổi tiếng tự do, một vị Chủ tịch Quốc hội gần như không thể bãi miễn từ năm 1958 và có xu hướng trung-tả, minh chứng là sự xuất hiện trước đây của ông trong Đảng Cấp tiến. Tương tự, sự xuất hiện của nhiều người theo chủ nghĩa De Gaulle chính hiệu (Michel Debré, Maurice Schumann, Olivier Guichard) cho thấy những người theo

chủ nghĩa De Gaulle vẫn giữ những chức vụ quan trọng. Nhưng bên cạnh họ, người ta thấy Valéry Giscard d'Estaing xuất hiện trở lại, người đã từng chủ trương nói “Không” trong cuộc trưng cầu tháng 4, và ba nhà lãnh đạo ôn hòa đã liên minh với Georges Pompidou: Duhamel, Fontanet và Pleven. Trong chính sách mà chính phủ mới theo đuổi cũng có một sự kết hợp thông minh tương tự, chính phủ này đã khéo léo pha trộn di sản của Tướng De Gaulle với những cách tân về hình thức và nội dung.

Chính bởi vậy, nếu cũng như dưới thời Tướng De Gaulle, Tổng thống là trung tâm các quyền lực cơ bản và xét cho cùng thì là trung tâm duy nhất của mọi quyết định thực sự, Chính phủ, mà đứng đầu là một trong số những người hiểu về hoạt động của Nghị viện nhất, lại thể hiện một sự tôn trọng về hình thức đối với Nghị viện (kể cả phe đối lập), vốn đã quá quen với việc bị Tướng De Gaulle đối xử thô bạo. Thủ tướng cố gắng làm cho các Nghị sĩ hiểu được các đường lối chính trong chính sách của mình và các tuyên bố của ông về chính sách chung là những sự kiện gây chú ý. Thậm chí, khi chính giới bất đồng với chính sách của Chính phủ, Thủ tướng còn cam kết chịu trách nhiệm trước Quốc hội (tháng 5/1972). Các quan hệ với phe đối lập hết căng thẳng và trở nên dễ chịu. Trong lĩnh vực kinh tế, việc ông Valéry Giscard d'Estaing quay trở lại chính trường đã đánh dấu một sự cởi mở hơn với các khu vực tự do và trở lại với các học thuyết chính thống trong kinh tế và tài chính. Chính phủ, theo mong muốn của giới tài chính, đã hạ giá đồng franc ít nhất là 12,5% vào tháng 8/1969 và dựa trên những nền tảng mới, Valéry Giscard d'Estaing đã nhanh chóng biến sự thiết lập cân bằng ngân sách, không chấp nhận thâm thủng ngân sách thành giáo điều trong chính sách kinh tế của ông. Cuối cùng, trong lĩnh vực quan hệ quốc tế, nếu Tổng thống Pompidou và chính phủ của ông vẫn trung thành với những định hướng lớn của Tướng De Gaulle về sự độc lập quốc gia và từ chối liên minh với Mỹ, thì sự cởi mở được thể hiện bằng một phong cách không quá thẳng và cứng nhắc như trước. Thay vì một chính sách ngờ vực, Tổng thống Pompidou thích áp dụng chính sách hòa hợp đối với tất cả các cường quốc và chính sách độc lập thể hiện rõ trong việc xây dựng quan hệ bằng hữu với Mỹ cũng như Liên bang Xô Viết. Cuối cùng, bằng cách làm thỏa mãn những người ôn hòa và trung hữu mà ông liên minh, ông đã tạo thêm một xung lực mới trong chính sách châu Âu. Ông bỏ quyền phủ quyết của Pháp đối với đơn gia nhập của nước Anh vào Thị trường chung và chấp nhận mở các cuộc đàm phán về việc mở rộng thị trường này. Và trước sự hài lòng của nông dân Pháp, ông đã khởi động lại chính sách nông nghiệp chung.

Nếu như chính sách đối ngoại này mang dấu ấn không thể phủ nhận của Tổng thống Pompidou, người luôn coi đó là “lĩnh vực riêng” của mình, thì một phần lớn chính sách đối nội rõ ràng là của Thủ tướng Jacques Chaban-Delmas, nhà kiến tạo chủ đề “xã hội mới”. Chịu trách nhiệm thực hiện mong muốn rộng mở trong sự tiếp nối do Tổng thống Pompidou vạch ra, tân Thủ tướng đã không chỉ đơn thuần áp dụng các suy nghĩ của người đứng đầu nhà nước; ông còn đưa ra một cách hiểu rất rộng đối với những ý tưởng của Tổng thống, biến nó thành công cụ của một “dự án lớn” nằm trong đường hướng của Tướng De Gaulle sau năm 1968: “xã hội mới”.

Được xác định trong bài diễn văn - chương trình của Thủ tướng đọc trước Quốc hội ngày 16/9/1969, dự án “xã hội mới” nhằm trả lời cho các vấn đề mà cuộc khủng hoảng tháng 5/1968 đặt ra: Thủ tướng muốn thông tin tốt hơn tới các công dân của mình, tư duy lại vai trò của nhà nước, hiện đại hóa nền kinh tế, thay đổi các cấu trúc xã hội. Lấy tư tưởng Kennedy để đưa ra cho nước Pháp các mục tiêu mà ông xác định, Jacques Chaban-Delmas thuyết phục các Nghị sĩ và rộng hơn nữa là dư luận, thấy được quyết tâm của ông về chủ nghĩa tự do, về hiện đại hóa, đối thoại và cải cách. Tuy nhiên, người ta có thể nghi ngờ làm sao đa số được bầu năm 1968 có thể ủng hộ một chương trình mang tính cải cách đến thế. Về mặt này, cần phải thừa nhận tính thuyết phục trong lập luận của François Mitterrand khi ông bác lại Thủ tướng: “Khi tôi nhìn ông, tôi không nghi ngờ sự thành thực của ông, nhưng khi tôi nhìn vào đa số ủng hộ ông, tôi lại nghi ngờ khả năng thành công của ông”.

Tuy nhiên, trong 3 năm sau đó, với sự ủng hộ của Tổng thống, Jacques Chaban-Delmas đã nỗ lực thực hiện “xã hội mới”. Do xung quanh là một đội ngũ được tuyển chọn trong số những công sự cũ của Pierre Mendès France, Thủ tướng đã tiến hành tự do hóa đài phát thanh-truyền hình, đảm bảo chế độ tự chủ cho lĩnh vực này, chủ yếu bằng việc hủy bỏ Bộ Thông tin và tạo ra các cơ quan thông tin tự chủ. Khôi phục dự án đã chết yểu của Tướng De Gaulle năm 1969, ông đã thực hiện cải cách vùng, nhưng đúng là không gần với một cuộc cải cách nào ở Thượng nghị viện và với các cách thức rụt rè hơn cải cách năm 1969.

Ngược lại, ông cố gắng tiến hành công nghiệp hóa mạnh mẽ để trả lại cho các doanh nghiệp của Pháp tính cạnh tranh của mình: Chính phủ khuyến khích hiện đại hóa, tập trung hóa và nỗ lực thúc đẩy xuất khẩu. Cuối cùng, sự thay đổi các cấu trúc xã hội đã diễn ra thông qua một loạt các cải cách lớn: một chế độ mới về các thỏa ước tập thể, đàm phán về các hợp đồng phát triển trong các doanh nghiệp nhà nước và đặc biệt là hai giải pháp cơ bản: hình thành mức lương tối thiểu (SMIC) vào năm 1970 dựa trên cơ sở những tiến bộ về tăng trưởng kinh tế chứ không còn dựa vào “mức sống tối thiểu” và “chính sách thỏa thuận” nhằm gắn kết các nghiệp đoàn với mọi giải pháp xã hội mà Chính phủ lựa chọn. Cần phải thêm vào tác phẩm của Chính phủ Chaban-Delmas việc ông ghi thêm vào danh sách các mối quan tâm của các cơ quan công quyền một vài trong số các yêu sách về chất lượng được đưa ra năm 1968, như yêu sách về bảo vệ môi trường sống mà vì thế Bộ Bảo vệ thiên nhiên và môi trường đã ra đời.

Kết quả tích cực không thể phủ nhận vốn giúp nhiệm kỳ Tổng thống mới nổi lên như nhiệm kỳ hiện đại hóa nước Pháp và nỗ lực thích ứng với những thay đổi trong tâm lý phát lộ trong sự kiện tháng 5/1968, lại khiến ngày càng nhiều người quan tâm. Jacques Chaban-Delmas là vị Thủ tướng được lòng dân nhất kể từ đầu nền Cộng hòa đệ Ngũ. Mỗi cuộc bầu cử liên tiếp (bầu cử lập pháp một phần, bầu cử cấp tỉnh, thành phố, bầu cử Thượng nghị viện) đều được đánh dấu bằng những thành công mới của đa số. Nhưng những thành công này chắc chắn cũng có mặt trái của nó. Một trong số những mặt trái lớn nhất là trong tư tưởng của một bộ phận dân chúng đã xuất hiện sự xem xét lại vị trí tối thượng của Tổng thống. “Xã hội mới” nổi lên như một chính sách của Điện Matignon và người Pháp có xu hướng coi đó là công lao của Thủ tướng. Các thể chế liệu có phát triển theo hướng tiến tới một “chính thể tay đôi”, một chính quyền lưỡng thủ, trong đó vai trò của Tổng thống sẽ bị giới hạn ở các định hướng lớn và trong chính sách đối ngoại, còn trong lĩnh vực đối nội, Thủ tướng đảm trách sẽ có một phạm vi tự chủ rất lớn?

Đối chiếu với Hiến pháp, cách hiểu này không nằm trong tinh thần của các thể chế của nền Cộng hòa đệ Ngũ và khiến Georges Pompidou khó chịu. Hơn nữa, đa số Bảo thủ trong Quốc hội lại thể hiện sự khó chịu ngày càng gia tăng trước chính sách “thiên tả” của Thủ tướng.

Trên thực tế, từ năm 1969, Tổng thống Pompidou và Thủ tướng của ông đã phải đương đầu với những bất bình trong nội bộ đa số. Ba nhóm đã thể hiện sự ngờ vực ít nhiều đối với chính quyền mới. Trước tiên là những người theo chủ nghĩa De Gaulle, theo họ, sự cởi mở mà Tổng thống Pompidou mong muốn giống với sự phản bội các mục tiêu của chủ nghĩa De Gaulle. Đó là trường hợp một số người theo De Gaulle thuộc cánh tả trong Đảng UDT ngay lập tức từ chối đi theo Georges Pompidou, như Louis Vallon. Đó cũng là trường hợp một số Nghị sĩ, để bảo vệ các nền tảng trong tư tưởng De Gaulle trước sự lạc hướng có thể có của Tổng thống, đã tạo ra hội ái hữu “Hiện diện và hành động của chủ nghĩa De Gaulle”. Đành rằng đây là nơi gặp gỡ và suy ngẫm hơn là một tổ chức đối lập, nhưng một số thành viên của nó đã không do dự cắt đứt với đa số bằng việc ra khỏi Đảng UDR. Trong số họ có các nhân vật hàng đầu như anh vợ của Tướng De Gaulle là Jacques Vendroux và các cựu Bộ trưởng Christian Fouchet và Jean-Marcel Jeanneney.

Xu hướng thứ hai hoàn toàn khác là trường hợp của một số lượng lớn các Nghị sĩ bảo thủ được bầu chọn trong hàng ngũ đảng của De Gaulle năm 1968. Những người này, trung thành với Tổng thống, tấn công vào chính sách mà họ cho là quá cải cách của Jacques Chaban-Delmas. Họ phản đối các biện pháp tự do, phản nộ với chủ nghĩa khoan hòa của chính phủ đối với

phong trào cực tả và đặc biệt đổ trách nhiệm cho Bộ trưởng Bộ Giáo dục quốc gia Edgar Faure, người mà họ cho là thủ phạm vì bằng luật định hướng giáo dục đại học, ông đã trao các trường đại học vào tay những người cực tả và cộng sản. Được các Ủy ban Quốc phòng của nền Cộng hòa thể hiện, sự phản đối này đối với Thủ tướng đã được Tổng thư ký UDR René Romasini khẳng định. Các tuyên bố của ông đã cho thấy khá rõ sự nghi ngờ của ông đối với chính phủ và thể hiện sự không hài lòng của một bộ phận người theo De Gaulle.

Mối lo ngại thứ ba của chính phủ liên quan đến thái độ của những người Cộng hòa - Độc lập, đại diện cho cánh hữu tự do trong đa số. Thể hiện các tham vọng của người đứng đầu của họ là Valéry Giscard d'Estaing- người cố gắng tạo ra cho mình hình ảnh có lợi để một ngày nào đó có thể ra tranh cử Tổng thống - những người Cộng hòa - Độc lập điều khiển một cuộc chơi khó khăn: bằng việc không ngăn ngại đứng vào hàng ngũ của Tổng thống Pompidou, họ muốn giữ khoảng cách với Chính phủ và cả với các đồng minh thuộc Đảng UDR. Trong lĩnh vực này, sự chia sẻ nhiệm vụ được đặt ra. Là thành viên lỗi lạc của chính phủ, Valéry Giscard d'Estaing tăng cường các cam kết trung thành; còn người bạn của ông là Michel Poniatowski, Tổng thư ký đảng Cộng hòa - Độc lập, chịu trách nhiệm nêu ra các do dự của các bạn của ông đối với chính phủ và sự phản đối của ông đối với UDR.

Pompidou - một người bảo thủ

Đến năm 1971, những sự chống đối khác nhau này không quan trọng lắm, đến nỗi thành công của phe cầm quyền là điều hiển nhiên. Nhưng khi những khó khăn nảy sinh, Georges Pompidou tỏ ra nhạy cảm với ý kiến của những người truy vấn Thủ tướng của ông đến mức sự nổi tiếng của Thủ tướng đã khiến ông lo lắng khi nó làm giảm quyền lực của ông.

Trước tiên, kể từ mùa hè năm 1971, một loạt các vụ tai tiếng chính trị-tài chính đã làm vấy bẩn các thành viên của đa số, những người bị tố cáo là đã dùng ảnh hưởng chính trị của mình để bảo lãnh cho các vụ làm ăn đáng ngờ. Chính Thủ tướng là mục tiêu của một chiến dịch báo chí nhằm tố cáo ông sử dụng luật pháp để trốn thuế. Trong bài tiết lộ về những vụ tai tiếng này trước công chúng, nhiều người thấy có bàn tay của những người cộng sự của Valéry Giscard d'Estaing trong Bộ Kinh tế và Tài chính, những người muốn sử dụng các “phi vụ” này vào mục đích chính trị nhằm tấn công các thành viên của UDR. Thêm vào những vụ tai tiếng này là thất bại do chính Tổng thống gây ra. Mong muốn thoát khỏi thất bại và lấy lại thể chủ động, Georges Pompidou đã quyết định tổ chức trưng cầu dân ý vào tháng 5/1972. Theo tinh thần của De Gaulle về các thể chế, đây là cách làm mới lại tính hợp pháp toàn dân của người đứng đầu nhà nước. Chủ đề được chọn có vẻ khá khôn khéo: đề nghị người Pháp thông qua việc mở rộng Thị trường chung đến Anh, Ai Len, Đan Mạch và Na Uy. Vậy mà trong khi những người theo De Gaulle buộc phải theo Tổng thống chắc chắn sẽ kết hợp với những người ôn hòa và Cộng hòa - Độc lập bỏ phiếu thuận qua đó thắt chặt liên kết của đa số, những người theo Đảng Xã hội và Đảng Cộng sản lại chia rẽ đến mức không gì có thể cứu vãn: những người Xã hội hướng về châu Âu, còn những người Cộng sản thì chống lại châu Âu.

Hai sự kiện xảy đến đã phá vỡ các tính toán của Georges Pompidou: khẩu hiệu tẩy chay của các nhà Xã hội, không muốn bảo trợ cho chính quyền đa số thông qua lá phiếu thuận; dư luận Pháp không mấy mặn mà với quá trình xây dựng châu Âu. Hai hiện tượng này đã kết hợp cùng nhau tác động lên kết quả trưng cầu ngày 23/4/1969: 46,6% cử tri không đi bỏ phiếu và bỏ phiếu trắng đã lấy đi mọi ý nghĩa của 67,7% phiếu thuận. Thất bại cá nhân này của Tổng thống lại đi kèm với một thắng lợi chiến thuật của Jacques Chaban-Delmas. Muốn gạt bỏ cảm giác vai trò của chính phủ bị suy yếu, Thủ tướng đã đề nghị Quốc hội bỏ phiếu tín nhiệm ngày 24/5/1972, bất chấp sự do dự của Georges Pompidou. Kết quả là Thủ tướng đã nhận được sự ủng hộ lớn từ Quốc hội: 386 phiếu thuận, 96 phiếu chống! Vì thế, viễn cảnh về một chính thể tay đôi hiện rõ, điều mà không một người đứng đầu nhà nước nào theo phái De Gaulle có thể chấp nhận. Ngày 5/7/1972, Jacques Chaban-Delmas đã đệ đơn từ chức và được “chấp nhận”. Nhưng Tổng thống muốn nắm lại tình hình và làm việc này theo hướng bảo thủ và chắc chắn đối với Georges Pompidou, đây là cách để làm chủ lại tình hình chính trị và khẳng định quyền lực của mình

trước cuộc bầu cử sẽ diễn ra năm 1973, và người ta đã chẳng phải đợi lâu để thấy bằng chứng. Trước tiên là sự lựa chọn Thủ tướng mới, ít có khả năng xuất hiện như một người độc lập với Tổng thống và có phẩm chất làm yên lòng cả những người theo De Gaulle truyền thống lẫn những người bảo thủ. Kín đáo, không hoa mỹ, có kỷ luật, đầy truyền thống quân đội và coi phục vụ nhà nước như một nhiệm vụ, Pierre Messmer rõ ràng không có tham vọng cá nhân và không tự coi mình là một chính khách. Là người thúc đẩy Hội ái hữu "Hiện diện và hành động của chủ nghĩa De Gaulle", sự xuất hiện của ông ở Điện Matignon chắc chắn sẽ làm yên lòng những người trung thành của Tướng De Gaulle đối với những chủ định kế thừa của Georges Pompidou. Cuối cùng, những người Bảo thủ của đa số, kể cả những người Ôn hòa hay Cải cách, rõ ràng không có gì để nghi ngờ người đàn ông qui củ này. Từ nay trở đi, rõ ràng Georges Pompidou chắc chắn là người chủ duy nhất trong cuộc chơi chính trị. Những luật chơi mới đã nhanh chóng lộ diện và cho phép đánh giá sự thay đổi Thủ tướng tháng 7/1972 là một bước ngoặt bảo thủ. Trước tiên, Nghị viện được sắp xếp từ năm 1969 hoàn toàn tách biệt khỏi chính quyền mới. Việc cách chức Jacques Chaban-Delmas một vài tuần sau khi ông đã đạt được đa số trong Quốc hội cho thấy đây là trường hợp hiếm hoi. Hơn nữa, người đứng đầu nhà nước không cho là cần phải triệu tập Thủ tướng để thông báo về những thay đổi diễn ra ở chóp bu của chính phủ. Trong kỳ trở lại làm việc đầu mùa thu, Pierre Messmer đã xem nhẹ việc đưa tuyên bố của ông về chính sách cho các Nghị sĩ bỏ phiếu biểu quyết.

Bên cạnh mong muốn giảm vai trò của Nghị viện còn có việc xem xét lại vấn đề tự do hóa thông tin. Đài phát thanh - truyền hình đã mất chủ quyền mà trước đây họ có và phải đón nhận một Giám đốc mới là Arthur Conte, cựu Nghị sĩ Đảng Xã hội đã chuyển sang phe đa số và được coi là một người thân cận với Pompidou. Các cơ quan tự chủ về thông tin đã bị giải thể và các thành viên tự do nhất trong nhóm nhà báo và các nhà cải cách đã bị loại. Các dịch vụ thông tin đã thuộc vào quyền quản lý của Ủy ban quốc gia về chức năng công cộng. Trên thực tế, mọi thứ đều diễn ra như thể Tổng thống, khi đã khôi phục được đa số ủng hộ, đã quyết định xóa bỏ sự mập mờ đang bao phủ về những dự định thực sự của chính quyền. Giữa hai khái niệm sự kế thừa và cởi mở mà Georges Pompidou và Jacques Chaban-Delmas cùng cố gắng tôn vinh, cái thứ nhất được khẳng định, còn cái thứ hai bị bỏ rơi. Đứng đầu một đa số trung hữu dựa trên những người theo De Gaulle, Georges Pompidou thực ra muốn cử tri truyền thống của đa số siết chặt hàng ngũ hướng tới cuộc bầu cử năm 1973.

Như vậy là lần đầu tiên kể từ năm 1958 (nếu không kể bất ngờ của cuộc bầu cử năm 1967), cánh tả đã trở thành một mối nguy hiểm thực sự đối với chính quyền. Từ năm 1971, Đảng Xã hội đã tự cải tổ bằng cách chọn người đứng đầu mới là François Mitterrand, ứng cử viên duy nhất của cánh tả năm 1965. Mặt khác, đảng mới cải tổ này đã xuất hiện như một đảng năng động luôn thu hút thêm người gia nhập và có thể thu hút cả cử tri. Hơn nữa, trong mùa hè năm 1972, đảng này đã ký với Đảng Cộng sản một chương trình điều hành chung, biến lời khẳng định của đa số cho là không thể có 2 đảng liên minh cầm quyền thành lỗi thời. Đây chắc chắn là lý do khiến Pompidou quyết định tự mình theo dõi công tác chuẩn bị bầu cử. Để tránh những trận đấu gần như định mệnh giữa 3 thành phần của đa số, chính ông đã tiến hành những vụ phân xử cần thiết giữa nhiều đảng phái khác nhau về việc phân bổ ghế, đưa cho những người đồng minh trung hữu và những người Cộng hòa - Độc lập số đơn vị bầu cử đủ để họ không cảm thấy bị đè bẹp bởi sự vượt trội của những người theo De Gaulle. Cuối cùng, ông đưa ra lời kêu gọi các nhà trung-tả đối lập, mời họ tham gia vào đa số để đánh bại cánh tả.

Chiến lược này có vẻ mang lại nhiều thành công. Cuộc bầu cử ngày 4 và 11/3/1973 là một chiến thắng không thể chối cãi đối với đảng chiếm đa số: với hơn 9 triệu phiếu (chiếm 38% số phiếu phổ thông hợp lệ), đa số đã chiến thắng rõ rệt và đảm bảo một sự vượt trội về số ghế: 278/490 ghế (trong đó 183 ghế của UDR, 55 ghế của những người Cộng hòa - Độc lập và hơn 100 ghế của những người trung-hữu). Tuy nhiên, dù đa số chiến thắng nhưng lại không thể bỏ qua sự trỗi dậy của cánh tả (Đảng Cộng sản đã có hơn 5 triệu phiếu, những người Xã hội và cấp tiến cánh tả gần bằng nhau), ngay cả khi sự trỗi dậy này thể hiện qua số ghế trong Quốc hội

không rõ ràng vì hệ thống đa số: 73 Nghị sĩ Cộng sản, 102 Nghị sĩ Xã hội và Cấp tiến cánh tả. Cứu được đa số, lại nắm được đa số trong tay và đưa đa số trở lại những quan điểm của cánh hữu, nơi nó bền vững nhất, Tổng thống Pompidou kể từ nay dường như có thể khắc ghi dấu ấn của mình trong nhiệm kỳ 7 năm. Vậy mà vài tháng sau người ta lại chứng kiến một nghịch lý rất lạ: Tổng thống không ngừng tăng cường quyền lực của mình nhưng dường như chẳng để làm gì cả.

7 năm bị ngất quăng

Ngay sau chiến thắng trong bầu cử, Tổng thống dường như muốn tự mình lãnh đạo chính phủ thông qua Thủ tướng. Nếu Pierre Messmer được đưa trở lại chức vụ thì chắc chắn danh sách các Bộ trưởng được lập tại Điện Élysée. Thường thì đây là những người thân cận của Tổng thống: Michel Jobert vào Bộ Ngoại giao, Maurice Druon vào Bộ Văn hoá. Việc ông Michel Poniatowski, bạn của Valéry Giscard d'Estaing, bước vào chính phủ trong cương vị Bộ trưởng Bộ Y tế có thể ít được hiểu là một thiện chí mở rộng hơn là kết quả của mong muốn bó buộc thói quen chỉ trích của UDR trong sự im lặng. Vả lại, các Bộ trưởng của Chính phủ này sẵn lòng giữ tiếng nói mạnh mẽ để thể hiện thiện chí hành động của mình. Nhưng trên thực tế, rõ ràng là Điện Élysée điều hành mọi thứ. Cũng như Tướng De Gaulle, Georges Pompidou không bằng lòng với việc chỉ quyết định các lựa chọn lớn và xử lý các vấn đề cơ bản trong lĩnh vực dành riêng; từ nay, toàn bộ hoạt động chính trị của Pháp dường như đều nằm trong lĩnh vực dành riêng. Không một quyết định nào, không một sự chỉ định nào có hiệu lực trước khi được Tổng thống thông qua và Tổng thống định qui định đến từng chi tiết nhỏ nhất liên quan đến cuộc sống của người Pháp.

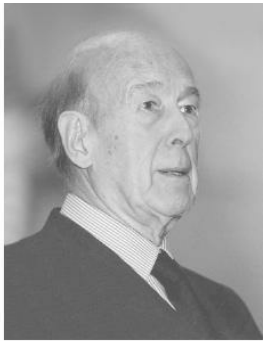
Một quyền lực rộng đến thế phải đi đôi với tính hiệu quả của nó. Vậy mà, điều ngược lại đã xảy ra. Chính phủ, bị Élysée bỏ rơi, tỏ ra bất ổn trước các sự kiện do chờ đợi Tổng thống giải quyết và không dám hành động chừng nào quyết định còn chưa được đưa ra. Hậu quả của sự thiếu vắng người điều hành tạo ra cho đời sống chính trị Pháp một hình ảnh do dự và lộn xộn. Minh chứng là cuộc khủng hoảng xã hội rất trầm trọng xuất phát từ sự phá sản của doanh nghiệp Lip, bị công nhân chiếm đóng vận hành lại nhà máy; Chính phủ không đưa ra được một thái độ rõ ràng. Tương tự, bất chấp sự phản đối quyết liệt của Michel Jobert đối với Mỹ, Pháp không có những cuộc tranh luận quốc tế lớn. Sự thụ động này, nghiêm trọng trong thời bình dưới một chế độ mà quyền lực tập trung vào tay Tổng thống, đã trở thành thảm kịch vào mùa thu năm 1973: cuộc chiến Kippour làm giá dầu tăng, đẩy phương Tây vào một cuộc khủng hoảng kinh tế, lạm phát kéo dài. Vậy mà, cả ở đây cũng không, Tổng thống đã không can thiệp và chính phủ thì hài lòng với việc áp dụng các biện pháp tình thế. Sự liên kết của chính phủ không củng cố lại sự thiếu vắng người lãnh đạo chính trị lắm. Đối với mọi vấn đề của thời đại, các Bộ trưởng lại có những tuyên bố trái ngược nhau, dù đó là vụ việc Lip hay sự hạn chế vận tốc trên quốc lộ.

Sự vắng bóng đáng ngạc nhiên này của một người đứng đầu nhà nước muốn tập trung mọi quyền lực vào tay mình được giải thích bằng một lý do mà chính giới luôn truyền miệng nhau bất chấp dấu hiệu bí mật, rồi lại bị rò rỉ ra các phương tiện thông tin đại chúng và đến tai công chúng: Tổng thống bị bệnh nặng. Những lời cải chính của Điện Élysée viện dẫn “bệnh cúm tái phát” để giải thích cho những lần hoãn gặp gỡ và hoãn các chuyến đi không đánh lừa được ai. Những lần xuất hiện cuối cùng trước công chúng của Tổng thống cho thấy ông là một người đã kiệt sức, ngoại hình thay đổi, rõ ràng không đủ sức khoẻ để đảm nhiệm các quyền mà ông có. Trong những điều kiện này, thực tế quyền lực nằm trong tay của những người cố vấn của ông là Pierre Juillet và Marie-France Garaud, những người khởi xướng thực sự của nền chính trị Pháp, chứ không phải là nằm trong tay Tổng thống, người được phổ thông đầu phiếu bầu chọn. Thế là nền chính trị Pháp đã phải chứng kiến một không khí cáo chung của quyền lực trị vì, các đảng phái chính trị sục sôi chuẩn bị cho sự kế nhiệm Tổng thống. Rõ ràng nhất đối với UDR, đảng đã tổ chức họp tại Nantes vào tháng 11/1973 và rút khỏi Điện Élysée và điện Matignon, các cuộc thăm dò liên tục cho thấy sự bất bình của người dân Pháp trước cuộc khủng hoảng kinh tế. Đặt lên hàng đầu những chủ đề truyền thống của De Gaulle đã bị Tổng thống bỏ rơi, như sự tham gia của quần chúng, phong trào được tổ chức xung quanh Tổng thư ký Alexandre

Sanguinetti mang lại một chiến thắng cho cựu Thủ tướng Jacques Chaban-Delmas, người thực sự được phong làm người kế nhiệm tiềm năng của Pompidou và là người mà các cuộc thăm dò trước bầu cử cho thấy sự ủng hộ tăng lên liên tục. Về phần mình, những người Cộng hòa - Độc lập lại chỉ trích chính sách của chính phủ mà Valéry Giscard d'Estaing vẫn là thành viên và sự quảng bá mà ông duy trì xung quanh các hành động và việc làm của ông đã biến ông thành một ứng cử viên tiềm năng vào Điện Élysée.

Để ngăn cản sự tan rã này, ngày 27/2, Điện Élysée quyết định cải tổ nội các. Việc này ít ý nghĩa đến nỗi ai cũng phải nghi ngờ về tầm ảnh hưởng thực sự của quyết định này. Tuy nhiên, đã có một chỉ định quan trọng: chuyển Jacques Chirac từ Bộ Nông nghiệp sang làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Jacques Chirac xuất hiện như một người của Tổng thống theo phe Pompidou hơn là De Gaulle, vì tuổi tác của mình (chính nhờ Tổng thống mà ông này đã thăng tiến nhanh chóng), và là người mà ở cương vị mới, sẽ chịu trách nhiệm điều hành các cuộc bầu cử sau này.

Sau chuyến công du Nga tháng 3/1974 mà qua đó người ta biết đến trình trạng kiệt sức của Georges Pompidou, ông đã mất ngày 2/4 mà không kịp thể hiện hết khả năng. Nhưng với ông, thể chế Tổng thống cũng đã tiếp tục được tăng cường, quyền lực của Tổng thống đã mở rộng ra mọi lĩnh vực trong đời sống chính trị và bó hẹp thêm quyền chủ động của Chính phủ và Nghị viện. Tóm lại, các ý định mở cửa của Tổng thống và kết cục của các ý định này cho thấy rằng các thể chế của nền Cộng hòa đệ Ngũ tự đẩy mình vào con đường quân chủ không hợp với việc duy trì một quyền lực thật của Thủ tướng, cũng như với vai trò của Nghị viện.



VALÉRY MARIE RENÉ GISCARD D'ESTAING
(1/2/1928)

- 20 - VALÉRY GISCARD D'ESTAING, NHÀ QUÂN CHỦ TỰ DO

(19 tháng 5 năm 1974 - 10 tháng 5 năm 1981)

Chia rẽ trong đa số

Cái chết đột ngột của Georges Pompidou đã lần thứ hai đưa Chủ tịch Thượng nghị viện Alain Poher vào Điện Élysée làm Quyền Tổng thống. Trong những ngày sau khi Tổng thống qua đời, nổi lên các ứng cử viên kế nhiệm ông: ở cánh tả, François Mitterrand, Bí thư thứ nhất của Đảng Xã hội, được các đảng tham gia Chương trình chung gồm Đảng Xã hội, Cộng sản và Cấp tiến cánh tả đề cử; còn 3 ứng cử viên khác thuộc phe cực tả: những người theo Trotsky như Alain Krivine và Arlette Laguiller và một nhà sinh thái học, Giáo sư René Dumont.

Về phe đa số, một bộ phận kín tiếng đóng vai những ứng cử viên chính. Jacques Chaban-Delmas muốn buộc các đối thủ tiềm năng của mình rút lui khi ông tuyên bố ra ứng cử từ ngày 4/4, trước khi tang lễ của Georges Pompidou kết thúc; ông nhận được sự ủng hộ của UDR và những người Ôn hòa liên minh với đa số. Sự vội vàng này bị các đối thủ của ông cho là bất lịch sự, nhưng đã không ngăn cản các thành viên khác trong đa số thể hiện ý định ra tranh cử của mình, như Edgar Faure và Christian Foucher, những người sau vài ngày đã phải rút lui. Nhưng ngày 8/4, người tuyên bố ra tranh cử đáng gờm nhất đối với cựu Thủ tướng đã xuất hiện, đó là Valéry Giscard d'Estaing, Bộ trưởng Bộ Tài chính, người cũng đã từ lâu chuẩn bị cho thời điểm này. Logic của nền Cộng hòa đệ Ngũ và lực lượng UDR muốn rằng Jacques Chaban-Delmas được bầu dễ dàng, nhưng rất nhiều sự kiện xảy ra chống lại ông. Trước tiên là mối hận của các cố vấn của Georges Pompidou đối với ông, những người luôn tìm cách cản đường ông vào Điện Élysée. Chính vì thế mà ngày 9/4, họ xúi Thủ tướng Pierre Messmer ra tranh cử, người đề xuất đa số hợp nhất ủng hộ mình. Sự từ chối của Jacques Chaban-Delmas, khiến Thủ tướng trở thành người chia rẽ đa số, Valéry Giscard d'Estaing đã phê phán thái độ của cựu Thủ tướng. Đã thế, những người thân cận của cố Tổng thống làm theo sáng kiến của Jacques Chirac đưa ra lời "Kêu gọi" và đã có chữ ký của 43 nhân vật theo De Gaulle (ngay sau đó là 55 nhân vật), gồm các Bộ trưởng, các Nghị sĩ, ủng hộ một ứng cử viên duy nhất của đa số. Văn bản này thực chất là một lời từ chối việc Chaban-Delmas ra ứng cử và gián tiếp kêu gọi Valéry Giscard d'Estaing ra tranh cử. Thứ hai, cần phải nhắc tới sự từ chối của các nhân vật bảo thủ trong phe cải cách đã in dấu trong chính phủ của Chaban-Delmas. Một nhóm nhỏ trong số họ đã tập hợp xung quanh ứng cử viên là một thành viên khác của phe đa số, Thị trưởng thành phố Tours, Jean Royer. Cuối cùng, dường như trong lòng đa số, sự cân bằng lực lượng có xu hướng thiên về phía Valéry Giscard d'Estaing. Ông không chỉ nhận được sự ủng hộ của cánh hữu tự do, điều có thể thấy rõ trong con người ông, mà còn nhận được sự ủng hộ của một bộ phận Đảng UDR, đứng đầu là Jacques Chirac, người kéo theo mình những người từng ủng hộ Pompidou, và hơn nữa là sự ủng hộ của Liên minh Trung tâm Dân chủ của Jean Lecanuet.

Về phần mình, Jacques Chaban-Delmas chỉ có thể dựa vào một bộ phận trong đảng của ông. Sự bất cân bằng này càng lớn hơn bởi cách sử dụng khó tin các cuộc thăm dò được thực hiện trong chiến dịch tranh cử. Những cuộc thăm dò đầu tiên cho thấy những ý định bầu cho Valéry Giscard d'Estaing và Jacques Chaban-Delmas là ngang nhau, nhưng Valéry Giscard d'Estaing được coi là người có khả năng đánh bại François Mitterrand ở vòng hai. Bên cạnh các cuộc thăm dò này còn có tác động của chiến dịch tranh cử khôn khéo của Valéry Giscard d'Estaing và những lời bóng gió của một số người thân cận của ông đồn thổi về những tai tiếng xung quanh Jacques Chaban-Delmas. Hai sự kiện cùng lúc đã dẫn tới sự sụt giảm nhanh chóng về số người ủng hộ cựu Thủ tướng trong những cuộc thăm dò nhằm biến Valéry Giscard d'Estaing thành người đứng đầu phe đa số ngay trước bầu cử, điều mà ban đầu ông không hề có. Dự đoán

này được khẳng định trong cuộc bỏ phiếu vòng ngày 5/5, đánh dấu sự đột khởi của cánh tả, cho phép François Mitterrand có khả năng thắng cử. Trên thực tế, ông đã đạt được 43,4% số phiếu ủng hộ, trong khi Valéry Giscard d'Estaing chỉ được 33%, còn Jacques Chaban-Delmas, Jean Royer và Arlette Laguiller lần lượt được 14,6%, 3,2% và 1,3%.

Hai tuần sau, sau đợt vận động rất đông cử tri (tỷ lệ không bỏ phiếu chỉ là 12%), Valéry Giscard d'Estaing đã có một chiến thắng đầy thuyết phục, với 50,8% số phiếu ủng hộ, trước François Mitterrand (49,2%), tạo ra một khoảng cách thực là 350.000 phiếu ở chính quốc và trở thành vị Tổng thống thứ 20 của nước Cộng hòa Pháp và nền Cộng hòa đệ Ngũ.

Một người được dành sẵn địa vị

Khác với Georges Pompidou, mọi thứ đã được định trước để Valéry Giscard d'Estaing trở thành Tổng thống nước Cộng hòa. Các năng tiên đã nghiêng đầu trên chiếc nôi của người đàn ông có mọi thứ này, đại diện điển hình của giới quý tộc thương nhân giàu có mà những người thừa kế sẽ giành quyền lực chính trị.

Là con trai của Edmond Giscard d'Estaing, một doanh nhân giàu có và là gương mặt đáng nể trong các Hội đồng quản trị của các doanh nghiệp lớn, Valérie Giscard d'Estaing sinh năm 1926 ở Coblenz (Đức), nơi cha ông khi đó đang giữ các chức vụ Giám đốc tài chính ở cao ủy của Pháp ở Rhénanie. Không chỉ đầy đủ của cải vật chất, Valéry Giscard d'Estaing còn thành công trong mọi việc nhờ vào trí thông minh của mình. Đỗ tú tài năm 15 tuổi, sinh viên trường Đại học Bách khoa và Đại học Hành chính Quốc gia, ông đã vào Thanh tra tài chính, đầu tiên làm trợ lý năm 1952, sau đó là thanh tra tài chính năm 1954. Trước vị công chức cấp cao sáng chói này, cánh cửa Nội các nhanh chóng mở ra và chỉ trong vòng vài tháng ông đã trở thành Phó giám đốc của Văn phòng Bộ trưởng của Edgar Faure khi bà làm Bộ trưởng Bộ Kinh tế và Tài chính trong Chính phủ của Mendès France. Nhưng Valéry Giscard d'Estaing lại bị chính trị lôi cuốn. Ở lĩnh vực này cũng vậy, ông chỉ cần đào sâu vốn thừa kế của mình. Là cháu của Jacques Bardoux, từng là Đại biểu quốc hội và Thượng nghị sĩ vùng Puy-de-Dôme, khi đó là Chủ tịch Liên minh những người độc lập cấp tiến trong Thượng viện, ông đã ra tranh cử tháng 1/1956 tại quận của ông nội mình sống và được bầu làm đại biểu quốc hội năm 30 tuổi. Việc Tướng De Gaulle, người mà ông đi theo, lên nắm quyền đã biến ông thành một Bộ trưởng. Là Thứ trưởng Tài chính trong nội các do Michel Debré thành lập tháng 1/1959, đến năm 1962 ông đã trở thành Bộ trưởng Bộ Tài chính và giữ chức vụ này đến năm 1966. Sau đó bị Tướng De Gaulle tách khỏi chính trị vì bị qui trách nhiệm trong việc gây ra tình trạng thiếu phiếu (vì Kế hoạch bình ổn mà ông đưa ra năm 1963), ông tập trung khai thông một con đường chính trị cho mình trong lòng đa số, nhưng bên ngoài chủ nghĩa De Gaulle.

Ông đã được bầu giữ chức Chủ tịch Liên đoàn Cộng hòa - Độc lập, như vậy khẳng định ý định tập hợp xung quanh ông một gia đình những người Ôn hòa trong đa số và lao vào một cuộc chỉ trích gay gắt thái độ của Tướng De Gaulle. Sau chuyến đi Québec của De Gaulle năm 1967 và lời kêu gọi "Québec tự do muôn năm!" của ông, Valéry Giscard d'Estaing đã phản đối không thương tiếc "sự thực hiện đơn độc của chính quyền". Hành động chuyển hướng sang phe đối lập này đã có kết quả vào năm 1969, khi ông chủ trương nói "Không" trong cuộc trưng cầu dân ý tháng 4 khiến Tướng De Gaulle phải ra đi. Ngay từ ngày này, ông đã gia nhập phe Georges Pompidou một cách khách quan, phe mà ông đã gắn bó ngay khi G.Pompidou tuyên bố ra tranh cử. Chiến thắng của G.Pompidou đã khiến Valéry Giscard d'Estaing trở thành vị Bộ trưởng Bộ Kinh tế và Tài chính không thể bãi miễn của tân Tổng thống. Vả lại, cuộc vận động bảo thủ của Tổng thống dường như đã gắn ông với Bộ trưởng Bộ Tài chính đến nỗi ông đã xa cách với Jacques Chaban-Delmas và nhiều lần báo chí đã nói đến khả năng Valéry Giscard d'Estaing sẽ bước vào Điện Matignon. Cái chết của Georges Pompidou đã ngăn cản sự hiện thực hóa của lời tiên đoán này, nhưng trong hồ sơ ra tranh cử Tổng thống của mình, Valéry Giscard d'Estaing đã có một vài chức vụ khiến ông có nhiều khả năng kế nhiệm Georges Pompidou hơn. Vả lại, người ta đã thấy rằng chính bè phái của những người thân cận và những cộng sự của G.Pompidou (các cố vấn của ông, Marie-France Garaud và Pierre Juillet, cả Jacques Chirac)

đóng vai trò quyết định trong thất bại của Jacques Chaban-Delmas và thành công của Valéry Giscard d'Estaing. Như vậy, đó chính là một người kế tục bước vào Điện Élysée tháng 5/1974. Nhưng liệu có phải vì thế mà đây là một chính thể quý tộc? Báo chí cũng đã mỉa mai về dòng máu quý tộc xâm chiếm Valéry Giscard d'Estaing và việc ông xuất hiện như một người thừa kế. Vào năm 1922, chú của Tổng thống đương nhiệm đã “phục dựng” dòng họ d'Estaing để ghép vào tên của Giscard, tức là ông đã mua nó, còn gia đình d'Estaing không có người thừa kế mang cái tên này nữa. Sự kiêu căng đã cho phép một gia đình doanh nhân tôn vinh một dòng họ quý tộc cũ, điều này chẳng thêm vào cũng chẳng làm mất đi những gì dành cho những người mang dòng họ này. Tương tự như vậy, người ta cũng ngạc nhiên khi thấy Tổng thống cố gắng tỏ ra rằng vợ ông, cũng như chính ông, là hậu duệ của Vua Louis XV (ngoài giá thú) và người ta cũng mỉa mai về nghi lễ xã giao gần như quân chủ mà ông nghĩ ra ở Điện Élysée.

Đó là những giai thoại và sẽ là quá đáng nếu nhấn thêm vào tính phù phiếm của chúng. Dòng họ quân chủ hay cái danh quý tộc cũng không quan trọng, ông chủ của Điện Élysée, kể từ năm 1958, là một ông hoàng có được tính hợp pháp từ quần chúng tối cao. Và Valéry Giscard d'Estaing càng trở nên thuyết phục hơn bởi ông muốn đặt nhiệm kỳ Tổng thống 7 năm của mình trong chế độ tự do.

Điều hành như thế nào?

Tình hình mà Tổng thống Giscard d'Estaing gặp phải khi bước vào Điện Élysée chưa từng được thấy trong lịch sử của nền Cộng hòa đệ Ngũ. Trước tiên là bởi vì tình hình các nền kinh tế phương Tây suy thoái, càng bị trầm trọng thêm bởi cuộc khủng hoảng dầu lửa, trong khi từ năm 1958, nền Cộng hòa đệ Ngũ sống trong giai đoạn có thời cơ lớn, hành động của nền Cộng hòa này chủ yếu là nhằm phân chia các thành quả của một sự tăng trưởng liên tục. Vả lại, Valérie Giscard d'Estaing đã chiến thắng trong cuộc bầu cử tháng 5/1974 chủ yếu bằng cách áp dụng kinh nghiệm có được khi ông đứng đầu Bộ Kinh tế Pháp và bằng cách khiến cử tri lo lắng về các hậu quả của việc cánh tả lên cầm quyền. Vậy mà thật nghịch lý khi Tổng thống mới được bầu tỏ ra kém hơn tất cả các vị Tổng thống trước của nền Cộng hòa đệ Ngũ trong việc đương đầu với tình hình. Khác với những người tiền nhiệm, ông đã được bầu với tỷ lệ phiếu sát sao và không thể không biết rằng một nửa dân Pháp nói “Không” với ông và đứng về phía đối thủ. Ngay cả khi đối thủ của ông tình nguyện chấp nhận trò chơi dân chủ và không định truy vấn chiến thắng của ông thì quyền lực của Tổng thống vẫn bị yếu. Hơn nữa, tân Tổng thống không có đa số trong Quốc hội. Ông thực sự chỉ có thể trông chờ vào chưa đầy 100 Nghị sĩ Cộng hòa - Độc lập và những người ôn hòa, và chỉ có thể lãnh đạo với sự đồng ý của Đảng UDR. Vậy mà trong đảng này, chiến dịch tranh cử đã để lại dấu ấn. Khi những người theo chủ nghĩa De Gaulle đã phải ngậm đắng để vượt khỏi tay chức Tổng thống mà họ đã tạo dựng nhiều nhân vật quan trọng theo chủ nghĩa De Gaulle không thể tha thứ cho Jacques Chirac những người đã đi theo ông phá tan cơ hội của Jacques Chaban-Delmas mang lại chiến thắng cho Valéry Giscard d'Estaing. Chắc chắn rằng Tổng thống có thể giải tán Quốc hội để giành lại đa số ghế, nhưng nếu tính đến các nghị sĩ cánh tả, nguy cơ tạo điều kiện cho một chiến thắng của phe đối lập có thể rất lớn, khiến đất nước trở nên không thể điều hành nổi.

Vì rất nhiều ràng buộc như vậy, trong 2 năm, Tổng thống đã áp dụng một chính sách rõ ràng là vì bất buộc chứ không phải do lựa chọn. Hai dòng sức mạnh của ông là trung hòa phong trào De Gaulle và mong muốn “thay đổi” sao cho gắn kết bộ phận cử tri cánh tả nhạy cảm với thái độ cải cách mà Tổng thống muốn chứng tỏ.

Jacques Chirac tấn công thành trì De Gaulle

Cách tốt nhất đối với Tổng thống để ngăn cản phong trào De Gaulle từng làm ông tê liệt là đánh vào sự bất đồng trong các thành viên để buộc những người này dù muốn hay không phải tuân theo luật đa số. Nội dung chính của quyết định này là bổ nhiệm Jacques Chirac làm người đứng

đầu chính phủ. Việc này đã xảy ra ngày 27/5/1974. Bằng cách chỉ định một người theo chủ nghĩa De Gaulle, dù Chirac đã có nhiều mối thù oán, Tổng thống khẳng định thiện chí trung thành với đa số xung quanh ông và ngăn cản mọi dự định của những người ủng hộ chuyển sang phe đối lập. Rốt cuộc, bên cạnh Jacques Chirac đã có 4 người theo chủ nghĩa De Gaulle, trong khi chỉ có 3 người Cộng hòa - Độc lập, 4 người Ôn hòa và 3 chuyên viên, thân cận với Tổng thống. Tuy nhiên, có thể nhận thấy 3 người theo chủ nghĩa De Gaulle này không phải là những lãnh đạo hàng đầu của phong trào bởi các nhân vật quan trọng theo phong trào De Gaulle đã bị loại. Bù lại, những người tỏ ra không khoan nhượng với phong trào De Gaulle đã bước vào hàng ngũ chính phủ: như Michel Poniatowski, giữ chức Quốc vụ khanh, nhưng trên thực tế lại đóng vai trò của một Phó Thủ tướng, càng mạnh hơn khi không ai lại không biết rằng ông là cố vấn tin cậy của tân Tổng thống; Jean Lecanuet và Jean-Jacques Servan-Schreiber, Tổng chương lý, thuộc Đảng UDR. Thêm vào đó là François Giroud, người trong quá trình tranh cử đã mĩa mai không thương tiếc sự hỗn loạn của những người theo phong trào De Gaulle. Vì vậy, chính phủ này trở thành một lời khiêu khích thực sự đối với những người theo De Gaulle truyền thống. Nhưng những người này lưỡng lự phát động sự cắt đứt mà nó có thể dẫn tới một sự giải tán, cũng trong điều kiện đó, nhiều nghị sĩ không biết rằng họ gây nguy hiểm cho chiếc ghế của mình. Cuộc bầu cử vào mùa thu năm 1974 cho thấy qui mô của sức mạnh của Đảng Xã hội trong nước đã biến triển vọng này trở nên không thể xảy ra. Đặc biệt là những người bảo vệ truyền thống De Gaulle, từ năm 1958, trong mọi trường hợp vị trí tối cao của Tổng thống trong các thể chế, lại ở vào những vị trí rất khó cản trở Tổng thống bằng phản ứng của đảng hoặc hành động nghị trường. Kết quả là sự rối loạn của các nhà lãnh đạo mà sau này Jacques Chirac tận dụng để chiếm phong trào và tách biệt nó khỏi ảnh hưởng của những người theo De Gaulle lịch sử. Jacques Chirac đã đạt được mục đích của mình nhờ sự trợ giúp của Tổng bí thư UDR Alexandre Sanguinetti, người mà sau khi ủng hộ Jacques Chaban-Delmas và giúp đỡ Michel Debré và Olivier Guichard chiếm chức Bí thư của UDR đã đột ngột đổi phe.

Ngày 14/9, Alexandre Sanguinetti đột ngột tuyên bố từ chức Tổng bí thư của Đảng UDR, vị trí mà Jacques Chirac ra tranh cử. Bất chấp sự phản đối của các những người theo chủ nghĩa De Gaulle nói tới việc ra khỏi phong trào, UDR- Đảng mà Thủ tướng đã nắm trong tay- đã không còn là một mối nguy hiểm tức thời đối với Tổng thống nữa. Những người theo phong trào De Gaulle đã bị trung hòa. Tổng thống đã có các phương tiện để thúc đẩy sự thay đổi này, ít ra là ông không truy vấn những nguyên tắc chính của phong trào De Gaulle.

Một Tổng thống biểu diễn?

“Các vị sẽ ngạc nhiên bởi qui mô và tốc độ của những thay đổi”, Valéry Giscard d’Estaing đã tuyên bố như vậy trong lời kêu gọi đầu tiên tới người Pháp trên truyền hình. Và trong bài phát biểu đọc trong lễ tuyên thệ, ông không do dự tiên đoán: “Kể từ hôm nay, một kỷ nguyên mới của nền chính trị Pháp bắt đầu”.

Trên thực tế, tân Tổng thống đã cố gắng tạo ra cho mình một hình ảnh hiện đại và thoải mái tương phản với sự nghiêm khắc hơi điệu đà vốn là qui tắc ở Điện Élysée dưới thời những Tổng thống trước. Ông đã liên tục tạo ra các cử chỉ ấn tượng: đi bộ đến quảng trường Champs-Élysée; tới mộ các chiến sĩ vô danh; trả lại cho ngày lễ Quốc khánh 14/7 nét đặc trưng ban đầu của nó bằng cách tổ chức duyệt binh trên các khu phố bình dân; thay đổi nhịp điệu của bài quốc ca để xóa đi mọi nét chiến tranh và trước công phần của một bộ phận công luận, ông đã đích thân vào tù thăm những người bị giam giữ ngay sau các cuộc nổi dậy mà họ kích động. Tuy nhiên, ông thật vô lý khi hạn chế sự thay đổi của các cuộc biểu tình này, những cuộc biểu tình ca ngợi người này và chọc tức người khác. Những quyết định cơ bản đã được đưa ra mà hậu quả của nó tác động rất lớn lên xã hội Pháp: tuổi vị thành viên và tuổi bầu cử đã giảm xuống 18 bất chấp những nguy cơ chính trị có thể gây ra đối với đa số khi mà giới trẻ tham gia ồ ạt vào cuộc sống đất nước; một chức Tổng trưởng dành cho phụ nữ đã được tạo ra tháng 7/1974; sau các cuộc bàn luận hăng hái mà chính Bộ trưởng Bộ Y tế Simone Veil chủ trì, một đạo luật hợp pháp hóa hành động phá thai đã được thông qua; tương tự, ly dị cũng được tự do hóa. Các biện pháp xã hội mang tâm vóc không nhỏ đã được áp dụng để tránh gánh nặng khủng

hoảng rơi lên đầu những người khó khăn nhất: đảm bảo nguồn sống cho người thất nghiệp trong 1 năm, tăng đáng kể lương tối thiểu cho người già, các biện pháp xã hội có lợi cho người tàn tật, xây dựng một chính sách cho lao động nhập cư.

Những cố gắng không thể phủ nhận này cũng đặt ra nhiều câu hỏi mà lời giải của chúng không hề dễ. Chính phủ dường như phản ứng một cách riêng rẽ từng vấn đề mà không nhìn vào toàn cục.

Jacques Chirac ra đi

Các đối thủ đã trách ông là không tính đến sự chuyển đổi theo chiều sâu của toàn bộ xã hội và hài lòng với những cải cách chỉ tác động tới truyền thống và tập quán mà không tấn công trực tiếp vào những bất bình đẳng, những bất công gây bất bình nhất, những vi phạm bức xúc nhất. Trên thực tế, người ta nhận thấy rằng không một kế hoạch cải cách lớn nào được đưa ra trong lĩnh vực xã hội, các thể chế và chính sách đối ngoại (trừ quyết định bầu Nghị viện châu Âu theo hình thức phổ thông đầu phiếu). Các cuộc cải cách xã hội rất dè dặt và yếu ớt, thậm chí còn bị bỏ lửng, như cải cách doanh nghiệp được nêu trong báo cáo Sudreau năm 1975, dự kiến một sửa đổi quan trọng về những mối quan hệ giữa giới chủ doanh nghiệp và người làm công. Người ta nhanh chóng nhận thấy Tổng thống đã không tiến hành tất cả những cải cách mà ông muốn, dù mong muốn của ông là có thật. Sự hăng say của ông đã nhanh chóng giảm xuống để nhường chỗ cho những lo lắng chính trị xuất phát từ sự hẹp hòi của đa số mà ông dựa vào.

Từ mùa thu năm 1974, vấn đề lớn mà tân Tổng thống phải trải qua là việc duy trì sức mạnh của Đảng Xã hội. Nổi lên lần đầu tiên trong cuộc bầu cử Tổng thống năm 1974, Đảng Xã hội đã được kích thích bởi cuộc bầu cử này và nhờ đó có bước phát triển mạnh. Cuộc bầu cử mùa thu năm 1974 đã cho thấy sự bùng nổ của làn sóng xã hội mà cuộc bầu cử cấp vùng tháng 3/1976 đã khẳng định, cánh tả có thể giành được 51,8% số phiếu. Sự đột khởi này được xác nhận bằng các cuộc thăm dò liên quan đến ý định bầu cử của người Pháp luôn dành chiến thắng cho cánh tả với 52-53%, trong đó 28-30% dành riêng cho những người theo Đảng Xã hội. Bài học rất rõ ràng: những người theo Đảng Xã hội và các đối tác của họ đã biến thành đa số vô hình trong nước Pháp. Nếu không có gì bất ngờ, cuộc bầu cử lập pháp sẽ khẳng định lại những dấu hiệu này. Một lần nữa, cuộc khủng hoảng thể chế lại hiện hình, chính vì vậy Tổng thống rất sợ bầu cử trước thời hạn. Nhưng năm 1978, Quốc hội đã hết nhiệm kỳ bình thường, không thể tránh bài kiểm tra này được nữa. Vậy mà trong bối cảnh này, Tổng thống không thể dựa vào một đa số hợp nhất. Những người Cộng hòa-Độc lập, Ôn hòa và Cấp tiến ở Valois đương nhiên ủng hộ ông, nhưng cử tri của họ trên cả nước lại rất hạn chế, nhất là khi ba Đảng này lại từ chối sáp nhập vì sợ mất bản sắc. Những người theo De Gaulle đúng là đã bị Jacques Chirac làm cho ôn hòa hơn nhưng vì đã biết áp đặt quyền lực của mình nên nhân vật này không hề muốn Đảng của mình, đảng lớn nhất trong Quốc hội, ra phục vụ Tổng thống mà không được nhận lại cái gì. Và Thủ tướng cũng không vui về gì khi nhận thấy rằng sự đột khởi của Đảng Xã hội sẽ khiến Tổng thống nghĩ đến những lời kêu gọi đảng của François Mitterrand gia nhập đa số, hơn là gọi trong ông thiện chí đấu đá với họ. Trên thực tế, những người theo De Gaulle nghi ngờ phải trả giá cho hành động xích lại gần đảng trung tâm của những người theo Giscard d'Estaing và Xã hội, những người sẽ loại bỏ trong phe đối lập và đã bắt đầu tìm cách giải tán phong trào của họ, một viễn cảnh mà theo một số người sẽ là ý đồ lớn của Tổng thống.

Sau cuộc bầu cử cấp vùng năm 1976, bất đồng đã nảy sinh giữa Tổng thống và Thủ tướng. Tổng thống cho rằng cần phải đợi và chính sách cải cách sẽ kết thúc tốt đẹp bằng việc thu hút những người theo Đảng Xã hội vào đa số; còn Thủ tướng thì cho rằng chế độ có thể mất tất cả khi để cho làn sóng Xã hội lớn mạnh và nghi ngờ rằng Đảng này sẽ không để cho những dây cương của đa số tròng vào cổ mình. Ông chủ trương bầu cử trước thời hạn và kịch liệt tấn công chống Đảng Xã hội. Tháng 7 năm 1976, trước khả năng quan điểm của mình không thể thắng thế, Jacques Chirac đã từ chức Thủ tướng; việc này chỉ được chính thức chấp nhận vào tháng 7. Cũng giống như Jacques Chaban-Delmas đối đầu với Georges Pompidou trước đây, Jacques Chirac hiểu rằng chính thể hai đầu là điều không thể dưới nền Cộng hòa đệ Ngũ, rằng logic của

thể chế không cho phép Thủ tướng là ai khác ngoài Tổng tham mưu của Tổng thống. Valéry Giscard d'Estaing chỉ còn cách đi tìm Pierre Messmer của mình. Đó là giáo sư Raymond Barre, chịu trách nhiệm thực thi chế độ quân chủ tự do đúng như Tổng thống quan niệm.

Bài học kinh tế của Raymond Barre

Việc bất ngờ chỉ định Raymond Barre có ý nghĩa rất mạnh đối với diễn tiến của nhiệm kỳ 7 năm của Valéry Giscard d'Estaing. Từ sau thất bại năm 1974, Raymond Barre rất gần bó với Jacques Chirac và những người theo phong trào De Gaulle, đến nỗi đôi khi ông có thể xuất hiện như một tù nhân của những người này, những người làm chủ đa số của ông trong Quốc hội.

Bằng cách thay thế một chính khách hàng đầu như Jacques Chirac bằng Raymond Barre, người mà dư luận chưa hề nghe tên, Tổng thống đã chấp nhận rủi ro và tự đứng ra đảm bảo. Nguy cơ, đó là phong trào De Gaulle, ra khỏi phe cầm quyền, tham gia vào một phe đối lập tiềm ẩn khiến mọi chính phủ đều không thể hoạt động. Nhưng Valéry Giscard d'Estaing trông cậy vào cả chủ nghĩa chính thống của nhiều Nghị sĩ và những cử tri theo De Gaulle, những người vốn quen với việc cúi đầu trước Tổng thống, và cả nỗi e ngại về khả năng chiến thắng của cánh tả trong trường hợp giải tán Quốc hội. Sự đảm bảo nằm trong chính nhân cách của Raymond Barre. Là một Giáo sư kinh tế chính trị, từng làm Phó chủ tịch Công đồng châu Âu, Bộ trưởng Ngoại thương trong Chính phủ của Jacques Chirac, Raymond Barre là một chuyên gia kỹ thuật hơn là một chính trị gia. Vả lại, ông không che giấu thực tế là ông coi thường các trò chơi chính trị và tự gán cho mình nhiệm vụ duy nhất là vực dậy nền kinh tế Pháp. Không có khuynh hướng chính trị, ông đã chứng minh điều đó khi đưa ra rất nhiều tuyên bố gay gắt, chẳng cần phải e ngại làm cho dư luận bị sốc, chọc tức các Nghị sĩ bằng những tuyên bố kiểu thông thái rởm của một chuyên gia kinh tế, tin vào sự chính xác trong các ý định của ông và coi thường tất cả những ai dám chứng tỏ cho ông thấy rằng thực tế dường như đang chống lại các phân tích của ông. Kết quả là ngay khi lên cầm quyền, ông trở thành người không được lòng dân nhất trong số các Thủ tướng của nền Cộng hòa đệ Ngũ, chính sự không được lòng dân này đã cứu Tổng thống vì sự bất bình của người Pháp đang hướng vào Raymond Barre. Hiển nhiên là Raymond Barre không có tham vọng cá nhân, ít bận tâm về suy nghĩ của dư luận về mình và trong những điều kiện này, không thể tự phong mình là đối thủ của Valéry Giscard d'Estaing. Thực tế thì hành Hiến pháp cho thấy sự không được lòng dân này chính là sự đảm bảo để ông được cầm quyền trong thời gian dài. Tuy nhiên, đa số Tổng thống cũng cần phải chấp nhận việc chỉ định một người không học qua trường lớp chính trị nhưng ủng hộ Tổng thống và việc này xảy ra vài tháng trước các cuộc bầu cử lập pháp dự kiến diễn ra mùa xuân năm 1978. Tương tự, để trung hòa những phần tử khác nhau trong đa số, Valéry Giscard d'Estaing đã bao bọc Raymond Barre bằng những quân sự chính trị bằng cách cho 3 lãnh đạo của đa số làm Quốc vụ khanh: Olivier Guichard (UDR), Michel Poniatowski (Cộng hòa-Độc lập), Jean Lecanuet (trung tâm). Nhưng sự xuất hiện của những vị lãnh đạo này trong những vị trí chủ chốt cũng không khiến người ta ảo tưởng. Nhiệm vụ mà Tổng thống giao cho chính phủ mới là tạo ra sự tăng trưởng kinh tế hiệu quả trước cuộc bầu cử lập pháp. Ý định ưu tiên này đã lộ ra trong những phẩm chất mà Valéry Giscard d'Estaing gán cho Thủ tướng, người được coi là “nhà kinh tế giỏi nhất nước Pháp”. Trên thực tế, Thủ tướng cũng đã nhanh chóng đưa ra “Kế hoạch Barre” với mục tiêu là thích nghi nền kinh tế Pháp với các điều kiện của thị trường thế giới để đảm bảo cho nó một sức cạnh tranh, tạo xung lực mạnh mẽ cho xuất khẩu và kết quả là tạo thêm nhiều việc làm. Mục tiêu đầu tiên đề ra là đấu tranh chống lạm phát để phục hồi sức cạnh tranh của các doanh nghiệp. Để làm được điều này, Kế hoạch Barre dự kiến kiểm chế giá trong vòng 3 tháng và phong tỏa biểu thuế công cho tới tháng 7/1977, trong khi lương được đóng khung rất chặt: những khoản lương cao nhất bị ngừng chi trả trong khi những khoản thu nhập lớn nhất bị đánh thuế rất cao; đối với các thu nhập khác, theo qui định duy trì nghiêm ngặt sức mua.

Chính sách mới này đã được tăng cường trong những tháng sau đó, xung quanh 2 trục: ưu tiên kinh tế hơn chính trị và lựa chọn một chủ nghĩa tự do mà mọi sự phát triển của kinh tế Pháp

đường như đều lên án. Tháng 3/1978, một cuộc cải tổ nội các đã giải thoát Thủ tướng khỏi sự giám hộ của các lãnh đạo các đảng mà ông đã phải chịu trong thời gian qua, nhất là khi sự giám hộ này được thể hiện bằng những cuộc khẩu chiến không ngừng giữa những thành phần khác nhau trong đa số: Jean Lecanuet, Michel Poniatowski, Olivier Guichard rời chính phủ, để lại cho Raymond Barre một quyền lực đầy đủ và toàn vẹn.

Thủ tướng đã nhanh chóng sử dụng quyền lực này: đầu tiên bằng cách chứng tỏ rằng ông hoàn toàn có khả năng thực hiện nó trong khi vẫn coi thường “chính sách lấu cá”, như thể hiện trong cuộc tranh luận trên truyền hình với François Mitterrand trước cuộc bầu cử lập pháp năm 1978, cuộc tranh luận mà ông đã xuất hiện như lãnh đạo của đa số; sau đó là bằng cách thực thi, ngay sau khi thắng cử, chính sách tự do mà ông rõ ràng ưa thích. Thực tế, thay đổi trong Chính phủ diễn ra sau đó được đánh dấu bằng sự xuất hiện ở Bộ Tài chính ông René Monory, một người theo chủ nghĩa tự do chắc chắn, người sau này thực hành chính sách kinh tế theo sáng kiến của Raymond Barre, chính sách cũng được Tổng thống thông qua. Dựa trên các quan niệm cổ điển của thế kỷ XIX, chính sách này nhằm bảo vệ các doanh nghiệp chỉ có thể tồn tại nhờ sự trợ giúp của nhà nước (mà Thủ tướng thường gọi là những “con vịt què”), đồng thời, giải thoát cho những doanh nghiệp khác khỏi sự gò bó mà chính sách kiểm soát giá và đóng khung tín dụng tạo ra, đồng thời, giảm nhẹ trong chừng mực có thể các khoản đóng góp xã hội mà các doanh nghiệp này phải chịu (chủ yếu dành cho người lao động), cuối cùng là thu hút tiết kiệm dành cho đầu tư công nghiệp trực tiếp. Năm 1978, trong vài tháng, ông đã triển khai một chính sách tự do kiểu mới mà đất nước chưa từng trải qua từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, và minh chứng cho mong muốn của Tổng thống là tận dụng bối cảnh có lợi mà ông có sau cuộc bầu cử năm 1978 để đoạn tuyệt gần như vĩnh viễn những biện pháp kinh tế chỉ huy mà các chủ doanh nghiệp than phiền. Những biện pháp này gọi lại một cách đau đớn, đối với họ cũng như đối với Tổng thống, những cách thức của chủ nghĩa xã hội.

Chính sách mới này có nét đặc trưng là từ chối ưu tiên cho chương trình việc làm, vấn đề này được coi là hậu quả của tình hình kinh tế. Đây chính là nguyên nhân khiến thất nghiệp tăng nhanh. Từ ngưỡng 1,5 triệu người trong năm 1980 lên đến 2 triệu người thất nghiệp. Đây là cái giá mà Tổng thống và Chính phủ của ông chấp nhận phải trả để vực dậy nền kinh tế Pháp mà trong thời gian sau đó sẽ giúp tìm lại được công ăn việc làm. Sự gia tăng tỷ lệ thất nghiệp chắc chắn có thể gây nguy hiểm đến sự nghiệp chính trị của Tổng thống nếu không có hai yếu tố hiệu chỉnh mang tính quyết định: trợ cấp thất nghiệp, làm cho nạn thất nghiệp có thể chịu đựng được về mặt xã hội; một tình hình chính trị có lợi vì chủ nghĩa De Gaulle bị gạt ra ngoài lề và cảnh tả chia rẽ. Tổng thống đã rảnh tay hành động, vì không có giải pháp thay thế đáng tin.

Jacques Chirac chuyển sang phe đối lập, công khai chống lại Tổng thống

Những điều kiện từ chức của Jacques Chirac năm 1976 đã khiến người ta nghĩ rằng phong trào De Gaulle, mà Thủ tướng đã một thời trung hòa vì lợi ích của Tổng thống, sẽ rất có thể tạo thành một sự chống đối nội bộ, đe dọa tình đoàn kết của đa số. Cắt đứt với truyền thống xóa dấu vết một cách im lặng của các Thủ tướng dưới nền Cộng hòa đệ Ngũ, trên thực tế Jacques Chirac đã không do dự mà công khai tuyên bố rằng sự ra đi của ông là do ông không có các phương tiện cần thiết để hoàn thành hiệu quả nhiệm vụ của mình và tố cáo Tổng thống can thiệp thái quá vào chính phủ. Tái đắc cử Nghị sĩ của vùng Corrèze tháng 11/1976, ông nhanh chóng cố gắng tổ chức lại UDR để biến nó thành công cụ hiệu quả trong trận chiến chính trị mà ông định tiến hành. Tháng 12/1976, đảng này đã chuyển thành Đảng “Tập hợp vì nền Cộng hòa” (RPR) và ông trở thành Chủ tịch toàn quyền. Kể từ đó, mục đích của ông đã nhân đôi: làm cho RPR trở thành lực lượng chính của đa số bằng cách bám rễ ra khắp cả nước và tăng số cử tri; xuất hiện như một lực lượng thay thế bằng cách nhấn mạnh đến những điểm khác biệt giữa phong trào De Gaulle và chủ nghĩa Giscard d’Estaing.

Trong nhiều chuyến đi và diễn văn, Chủ tịch đảng RPR đã lao vào một cuộc chiến ngôn từ, trước tiên là chống lại Raymond Barre và chính sách của chính phủ của ông, sau đó là tấn công thẳng vào bản thân Tổng thống, nghi ngờ tư cách điều hành đất nước của ông và tố cáo ông

theo chủ nghĩa khoan hòa và độ lượng thái quá đối với phe đối lập cánh tả. Chống lại phe đối lập, Jacques Chirac, người muốn xuất hiện như ngọn giáo của đa số, đã nổi giận. Chủ nghĩa tích cực này có vẻ sẽ mang lại thành công. Trong cuộc bầu cử cấp Tỉnh năm 1977, Tổng thống đã thúc đẩy người bạn của mình là Michel d'Ornano ra tranh cử chức Thị trưởng Paris, Jacques Chirac đã không ngần ngại thách thức ông này bằng cách cũng tuyên bố ra tranh cử và cuối cùng đã chiến thắng với một khoảng cách khá xa trước người của Tổng thống. Năm 1978, sau một chiến dịch tranh cử mạnh mẽ, Chủ tịch RPR hài lòng với việc xuất hiện như người chiến thắng chính trong cuộc bầu cử lập pháp, kìm hãm sự nổi dậy của cánh tả và giữ cho đảng của ông ở vị trí ưu thế trong đa số với 150 ghế trên tổng số 289 Nghị sĩ đa số.

Nhưng nếu Jacques Chirac đã thành công trong việc rèn rũa một công cụ cho quyền lực chính trị của ông thì logic thể chế của nền Cộng hòa đệ Ngũ lại hạn chế khả năng ông sử dụng sức mạnh này. Sự phản đối của ông đối với Tổng thống không vượt qua được sân khấu hùng biện, ngay cả khi trên mặt trận này, ngôn từ ngày càng mạnh bạo tuần này qua tuần khác, tới mức Chủ tịch RPR đã đưa ra một bài diễn văn phản đối thẳng thừng. Đồng thời, những người theo chủ nghĩa De Gaulle không dám rút ra bài học từ những phân tích của mình bằng cách hòa những lá phiếu của mình với phe đối lập để lật đổ Chính phủ bằng một cuộc bỏ phiếu bất tín nhiệm. Họ đã dừng lại trên con đường này bởi thực tế là cử tri của họ, vì đặc biệt nghi ngờ liên minh xã hội-cộng sản, vẫn gắn bó với thể thượng phong của Tổng thống và không chấp nhận việc RPR chuyển sang phe đối lập. Mặt khác, nhiều Nghị sĩ lo ngại không được tái đắc cử nếu họ xuất hiện như người phải chịu trách nhiệm cho một cuộc khủng hoảng thể chế. Cuối cùng, nhiều người theo phong trào De Gaulle, trong thâm tâm chống lại Chirac, như Olivier Guichard hay Jacques Chaban-Delmas, lại xích gần với Valéry Giscard d'Estaing, tỉ lệ thuận với việc Jacques Chirac tách xa họ và dường như đã sẵn sàng để quay lại chống Chủ tịch RPR. Sự tê liệt buộc Đảng theo De Gaulle vào thế bị động và những cuộc tấn công bằng ngôn từ của vị lãnh đạo Đảng này đã lên đến đỉnh điểm vào cuối năm 1978 đầu năm 1979. Tổng thống đã quyết định cuộc bầu cử theo hình thức phổ thông đầu phiếu để chọn thành viên Nghị viện châu Âu sẽ diễn ra ở Pháp. Tháng 6/1979, Jacques Chirac từ giường bệnh của mình (ông bị tai nạn xe hơi) đã đưa ra lời "kêu gọi Cochín", trong đó ông không ngần ngại tố cáo "đảng của người nước ngoài", ám chỉ Tổng thống, hi sinh Tổ quốc cho điều không tưởng châu Âu và điều này sẽ "thực hiện với một giọng điệu hòa bình và thuyết phục". Những lời lẽ thái quá này, cùng với thực tế là RPR giới thiệu các ứng cử viên cho một hội đồng mà họ còn tranh cãi về tính đại diện, tính hợp pháp và quyền lực của nó, là nguyên nhân của kết quả tầm thường mà đảng này nhận được trong cuộc bầu cử châu Âu. RPR chỉ có gần 16% số phiếu ủng hộ, khiến đảng này trở thành một lực lượng chính trị mất sức mạnh.

Thất bại này và sự không hài lòng của cử tri Đảng RPR cũng như nhiều Nghị sĩ trước thái độ của Jacques Chirac đã khiến ông phải thay đổi cách ứng xử. Ông tách ra khỏi những cố vấn cũ của Pompidou là Marie France Garaud và Pierre Juillet, những người đã làm theo ứng xử của ông từ năm 1974, và giữ khoảng cách với RPR bằng cách chỉ định vào chức Tổng bí thư một nhân vật chính trị quan trọng, có khả năng diễn thuyết dưới danh nghĩa của Đảng, Bernard Pons, ngay sau đó lánh đi một cách bí mật: ông định lùi lại và lên cao để tự tạo mình thành một nhân vật phù hợp hơn với chức năng Tổng thống. Ngày 3/2/1981, Jacques Chirac tuyên bố ra tranh cử, với những ngôn từ cho thấy một chiến dịch tranh cử không khoan nhượng chống lại Tổng thống. Valéry Giscard d'Estaing hiểu rằng một người từng là đồng minh với mình năm 1974 đã nổi lên chống lại mình. Mỗi bất hòa này mà các tác động của nó có thể là thảm họa đối với ông đã được xoa dịu bằng sự chia rẽ của các đối thủ cánh tả.

Năm 1978: Bất ngờ may mắn của cuộc bầu cử lập pháp

Sau chiến thắng của Valéry Giscard d'Estaing, sự đột khởi của cánh tả tạo ra một mối nguy hiểm thực sự đối với chế độ. Cuộc bầu cử lập pháp một phần, cuộc bầu cử cấp Vùng năm 1976, cuộc bầu cử cấp Thành phố năm 1977 đều chứng tỏ một hiện tượng: cánh tả đang chiếm đa số

trong cả nước. Nhận định này đi kèm với một yếu tố có giá trị liên thông: sự vượt trội của cánh tả trên thực tế là sự vượt lên của Đảng Xã hội, Đảng hưởng lợi chính từ chiến lược liên minh cánh tả, trong khi đó, đảng Cộng sản vẫn ổn định: là lực lượng hàng đầu của phe đối lập năm 1973, từ nay Đảng này có thể bị đẩy xuống vị trí thứ hai. Trong những điều kiện này, kịch bản có nhiều khả năng xảy ra nhất đối với cuộc bầu cử lập pháp năm 1978 là một chiến thắng của cánh tả với một tỷ lệ đại diện cao của Đảng Xã hội và sự đóng góp của các Nghị sĩ Cộng sản, nhưng bị giảm xuống vai trò thứ yếu trong liên minh tương lai bằng đầu phiếu phổ thông. Tình hình này nhanh chóng khiến Đảng Cộng sản không thể chịu đựng. Trong mùa hè năm 1977, Đảng này đã thay đổi chiến lược và bắt đầu tấn công đột ngột vào đối tác Xã hội của mình. Chiến lược lật đổ được dành cho mùa thu bằng thất bại của các cuộc đàm phán về việc thực hiện chương trình chung của chính phủ, chương trình đem tới cho Đảng Cộng sản những lập luận mới để tố cáo những người Xã hội “chuyển hướng sang cánh hữu”. Mùa thu năm 1977, rõ ràng chỉ cần một thay đổi chiến lược bất ngờ của đảng Cộng sản, liên minh cánh tả đã biến mất trong nháy mắt. Đối với Tổng thống, tình hình này là một phép màu. Trong khi rõ ràng là đa số sẽ chiến thắng giòn giã và mùa xuân năm 1978, các chuyên gia về khoa học chính trị cũng đã nghĩ về một hoàn cảnh chưa từng có dưới thời Cộng hòa đệ Ngũ, mâu thuẫn giữa đa số trong Nghị viện và đa số của Tổng thống, tình hình mới này đã đem lại hi vọng cho một đa số đang bị rối loạn.

Trên thực tế, cuộc bầu cử lập pháp năm 1978 khẳng định rằng Tổng thống tìm thấy trong mối bất hòa của cánh tả một lợi thế cho phép ông đảm bảo thời gian còn lại trong nhiệm kỳ 7 năm của mình. Nếu trong vòng đầu, những tiến bộ của cánh tả đem đến cho họ 49,8% số phiếu (trong khi đa số chỉ giành được 46,6%), thì các tác động của cuộc luận chiến từ năm 1977 mà Đảng Cộng sản khơi mào đã kết thúc bằng một thất bại tương đối rõ về số ghế: cánh tả chỉ nhận được 201/491 (86 Cộng sản, 104 Xã hội, 10 cấp tiến cánh tả) còn đa số duy trì vị trí của mình với 290 ghế (trong đó 150 của RPR và 137 của UDF - Liên minh vì nền dân chủ Pháp, tập hợp những người theo Giscard d'Estaing, Cộng hòa, trung tâm, cấp tiến và những đảng khác). Sự chia rẽ của cánh tả dường như kéo dài tới tận cuộc bầu cử Tổng thống năm 1981. Trên thực tế, không chấp nhận chơi trò ứng cử viên duy nhất ở vòng đầu như năm 1965 và 1974, ngay từ năm 1978, Đảng Cộng sản tuyên bố ý định chọn ứng cử viên của mình cho cuộc bầu cử năm 1981.

Tháng 10/1980, Georges Marchais, Tổng bí thư Đảng Cộng sản Pháp, được chỉ định làm ứng cử viên Tổng thống. Chiến dịch chống Đảng Xã hội mà ông khởi xướng có thể nhanh chóng tỏ ra là một bảo đảm cho Tổng thống. Vả lại, ngay cả khi Georges Marchais rút lui trong vòng hai nhường chỗ cho ứng cử viên Đảng Xã hội François Mitterrand, nhiều cử tri Đảng Cộng sản vẫn từ chối bỏ phiếu cho một người đàn ông từ 3 năm nay bị lên án là người ủng hộ cánh hữu. Nhất là khi ngay trong lòng Đảng Xã hội, từ Đại hội ở Metz năm 1979, đã xuất hiện những khác biệt trong tính toán giữa những người theo tư tưởng Jacobin và trung tâm, vốn là những người ủng hộ François Mitterrand, với những người theo văn hóa của “cánh tả thứ hai” mà Michel Rocard là người đại diện. Vậy mà tháng 10/1980, từ tòa thị chính Conflans Sainte-Honorine của mình, Michel Rocard tuyên bố ông là “ứng cử viên tham gia dự tuyển” trong lòng Đảng Xã hội, lập tức khiêu khích đối thủ của ông là Jean-Pierre Chevènement lên sàn đấu. Chắc chắn việc François Mitterrand được chính thức chỉ định bởi những cơ quan lãnh đạo của đảng Xã hội đã làm xuất hiện những đối thủ cạnh tranh khác, nhưng ứng cử viên Xã hội này bắt đầu chiến dịch với bất lợi về tuổi tác, những thất bại liên tiếp và sự lên án nội bộ mà ông là mục tiêu trong lòng chính đảng của ông. Không gian chính trị của ông càng hẹp lại khi phe cực tả đưa ra hai đối thủ là Huguette Bouchardeau của đảng PSU và Arlette Laguiller của đảng Lutte Ouvrière (Đấu tranh Công nhân) của những người theo Trosky.

Nếu sự dư thừa ứng cử viên cánh tả này có thể có lợi cho Tổng thống thì chính ông lại phải thừa nhận rằng ông không có một sự ủng hộ nào từ cánh hữu. Ứng cử viên Jacques Chirac, tuyên bố ra tranh cử ngày 3/1/1981, không hề gây ngạc nhiên. Nhưng người ta cũng thấy xuất

hiện một ứng cử viên bất ngờ và rất được những người theo chủ nghĩa De Gaulle ủng hộ là Michel Debré, trong khi những thù oán trong lòng phe đa số đã dẫn tới sự đăng đàn của bà Marie-France Garaud, cựu Cố vấn của Georges Pompidou và Jacques Chirac, chính bà đã phát động những tinh thần chống Giscard d'Estaing mạnh mẽ và coi việc cựu Thủ tướng không đủ khả năng để chống lại Tổng thống mãn nhiệm một cách hiệu quả là chuyện đương nhiên.

Năm 1981: Những cuộc thanh toán chính trị và sự chán nản của dư luận

Chiến dịch tranh cử lần này rất khó khăn đối với Tổng thống sắp mãn nhiệm, người phải bảo vệ một bản báo cáo nợ đọng nặng nề do khủng hoảng kinh tế tái hiện và nạn thất nghiệp gia tăng, ông còn là mục tiêu tấn công của tất cả các đối thủ, nhất là Jacques Chirac, người không che giấu hi vọng xuất hiện ở vòng hai. Nếu đúng là Valéry Giscard d'Estaing, người gần như chắc chắn sẽ được bầu lại cho đến thời điểm đó thì vào tháng 2/1981, đã phải chứng kiến vị trí của mình bị xói mòn vì khá nhiều cử tri không đi bỏ phiếu, thì trong cuộc chiến khó phân thắng bại này, François Mitterrand, người từ chối luận chiến với Đảng Cộng sản, lại áp đặt thành công hình ảnh "lực lượng điềm tĩnh" mà ông coi là khẩu hiệu tranh cử của mình. Diễn tiến này, một vài tuần trước vẫn là điều không tưởng, đã được khẳng định lại vào ngày 26/4 bằng kết quả của vòng đầu. Valéry Giscard d'Estaing làm không tốt bằng năm 1974, dù ông ở vị trí đầu với 27,8% số phiếu. Ông sẽ phải đương đầu với François Mitterrand ở vòng hai - người với 26% số phiếu đã đạt được một kỷ lục tuyệt vời, có khả năng chiến thắng nếu số phiếu dành cho những ứng cử viên khác ở cánh tả và cực tả chuyển sang. Về phần những đối thủ cánh tả hoặc cánh hữu, họ đã bị đặt ra ngoài cuộc chơi lá phiếu của cử tri Pháp: Georges Marchais với 15,4%, đưa Đảng Cộng sản về với số phiếu ủng hộ hồi trước Chiến tranh thế giới thứ hai, còn Jacques Chirac chỉ được 18%, đây được coi thất bại không thể bàn cãi.

Như vậy, mọi thứ phụ thuộc vào những hành động rút đơn ứng cử ở vòng hai. Vậy mà nếu François Mitterrand được hưởng sự ủng hộ của các thành viên khác của cánh tả và cực tả khuyên cử tri chuyển lá phiếu của họ cho ông thì cánh hữu lại không được như vậy. Michel Debré đợi ngày 5/5 để rút lui, nhường cho Tổng thống mãn nhiệm. Marie-France Garaud lại từ chối và kêu gọi bỏ phiếu chống. Về phần mình, Jacques Chirac tạo ra một sự mập mờ rất có hại cho Valéry Giscard d'Estaing. Sau khi đã khẳng định rằng nếu cá nhân ông có ý định bỏ phiếu cho Valéry Giscard d'Estaing, ông cũng để cử tri của ông tự do lựa chọn, cuối cùng, ngày 6/5, ông lại kêu gọi người Pháp cản đường François Mitterrand. Sự ủng hộ chậm trễ và có phần miên cưỡng này sau những tấn công dữ dội, nhiều lần vượt qua giới hạn cạnh tranh hợp pháp để mạo hiểm lao vào mảnh đất của một phe gần như đối lập, đã không đánh lừa được ai. Nó không thể cho phép người ta bỏ qua mâu thuẫn của Chủ tịch RPR trong việc thực hiện hành động mà ông chính thức chủ trương. Sau cuộc đọ sức tay đôi trên truyền hình ngày 5/5 mà lợi thế đã chuyển về ứng cử viên Xã hội, vòng bỏ phiếu thứ hai diễn ra ngày 10/5 đã chứng kiến, trước sự ngạc nhiên của dư luận nhưng giới quan sát chính trị không ngạc nhiên, Valéry Giscard d'Estaing phải khuất phục với 47,8% số phiếu trước đối thủ Đảng Xã hội của ông, người nhận được 52,2% phiếu ủng hộ. Chắc chắn có thể giải thích thất bại của Tổng thống mãn nhiệm trước hết là do khủng hoảng kinh tế kéo dài và nạn thất nghiệp trầm trọng. Nhưng hai sự kiện khác cũng đóng vai trò quan trọng: lần đầu tiên từ năm 1958, phản ứng về tính hợp pháp khiến tất cả những người ủng hộ nền Cộng hòa đệ Ngũ tập hợp lại sau thủ lĩnh đảng của họ (ít nhất là trong vòng hai) đã tỏ ra không có hiệu lực. Thứ hai, nhân cách của Tổng thống mãn nhiệm, sau khi đã thu hút cử tri năm 1974 bằng sự trẻ trung và năng động của mình, nay đã mờ đi mãi mãi. Sự xuất hiện liên tục của ông trên truyền hình trong những chương trình không có liên hệ gì với chức năng của ông đã làm dư luận khó hiểu. Sự từ chối tính trang trọng đã được hiểu như một sự giả dối kiểu cách của một người đàn ông luôn tin vào đẳng cấp cao của mình, rồi những lời đồn thổi, thường không có cơ sở, đã phá dù đó là những tham vọng quân chủ, hay lễ nghi xã giao chủ đạo trong cuộc sống hàng ngày của ông, nghi thức được dựng nên xung quanh ông hay những món quà đắt giá mà có lẽ ông đã nhận, đã phá hỏng hình ảnh của ông.

Việc thay thế ông bằng một người từ lâu phản đối chủ nghĩa De Gaulle và cánh hữu như

François Mitterrand là một sự đảo lộn lớn mà cử tri đã đưa vào chế độ của nền Cộng hòa đệ Ngũ. Chương trình truyền hình trong đó Valéry Giscard d'Estaing nói lời tạm biệt tới người dân Pháp đã tạo ra một hình ảnh mang tính biểu trưng, cho chiếc ghế trống mà ông vừa đứng lên. Hình ảnh sau đó đã bị nhiệm kỳ 7 năm kế tiếp bắt đầu từ tháng 5/1981 làm lu mờ.



FRANÇOIS MAURICE ADRIEN MARIE MITTERRAND
(26/10/1916 - 8/1/1996)

- 21 - FRANCOIS MITTERRAND, NHÀ QUÂN CHỦ XÃ HỘI

(21 tháng 5 năm 1981 - 17 tháng 5 năm 1995)

Đến nay, người ta vẫn thấy khó tưởng tượng nổi những biến động đã đưa François Mitterrand lên cương vị Tổng thống ngày 10/5/1981. Đối với một nền Cộng hòa đệ Ngũ ra đời trong cánh hữu, cơ hồ đã qui kết cánh tả Pháp là một phe đối lập không lối thoát và không có tương lai, sự xuất hiện của một ứng cử viên Xã hội, chủ một dự án xã hội chủ trương “cắt đứt với chủ nghĩa tư bản” ở Điện Élysée đã mang một hình thái cách mạng. Sự mệt mỏi của cánh hữu là lời đáp cho sự vui sướng tột độ và bất ngờ của cánh tả. Cảm xúc rất lớn trong giới tài chính và sự sụp đổ của thị trường chứng khoán khiến việc niêm yết giá bị dừng lại. Giới ngoại giao cũng không kém phần phân vân.

Tuy nhiên, các biểu tượng cho thời gian đầu của nhiệm kỳ 7 năm mà François Mitterrand mong muốn lại mang tính dân chủ và nhân đạo hơn là tính cách mạng như một số người mong muốn và một số khác nghi ngờ. Ngoài những nghi thức gia nhập truyền thống ở Điện Élysée, Khải hoàn môn và Toà thị chính Paris, tân Tổng thống đã tạo ra cái mới bằng việc đến thăm Điện Panthéon để đặt một bông hồng (biểu tượng của chủ nghĩa xã hội dân chủ) trên mộ của Jean Jaurès, Jean Moulin và Victor Schoelcher, như vậy là đặt nhiệm kỳ 7 năm sắp tới của ông dưới 3 nguồn cảm hứng là chủ nghĩa xã hội nhân đạo, kháng chiến và xóa bỏ chế độ nô lệ. Đó là bởi vì người đàn ông bước vào Điện Élysée vào tháng 5/1981 này không giống lắm với bức chân dung truyền thống của những người máy móc thường thấy của các nhà lãnh đạo Xã hội.

Từ Vichy đến UDSR

François Mitterrand trong quá khứ là một chính trị gia chuyên nghiệp hơn là một nhà hùng biện nổi tiếng kiểu Jaurès hay một nhà thuyết lý về chủ nghĩa xã hội như Léon Blum. Sinh ra trong gia đình rõ ràng thiên hữu, được nhận một nền giáo dục bảo thủ trong một môi trường Thiên Chúa giáo, tháng 12/1941, sau khi trốn khỏi một trại tù binh, ông bị bắt giữ đó sau thất bại của Pháp năm 1940, ông đã tham gia vào chính quyền Vichy. Đầu chiến tranh, ông là một người trung thành theo thống chế, tức là một người theo chủ nghĩa dân tộc cánh hữu tìm ra các khả năng thực hiện cho các tư tưởng của Cách mạng dân tộc. Tuy nhiên, ông thể hiện rõ sự phản đối chủ nghĩa hợp tác và nhìn thấy trong chính sách của Vichy một cách trì hoãn chờ thời cơ bằng việc trông chờ kết cục của cuộc xung đột Đức-Nga. Hơn nữa, khác với những người ủng hộ Vichy, François Mitterrand không phải là một người bài Do Thái, thậm chí qui chế của người Do Thái năm 1940 và 1941 dường như cũng không làm ông bối rối nhiều lắm, giống như phần lớn dư luận.

Đối với nhà yêu nước này, việc chuyển sang hàng ngũ kháng chiến kể từ mùa hè năm 1943 là một chuyển hướng khó khăn. Là lãnh đạo của một phong trào tù nhân phản kháng, sự nhạy cảm của ông đã kéo ông xích lại gần hơn với Tướng Giraud, một sĩ quan truyền thống gần với những tư tưởng của Vichy nhưng lại chống Đức, hơn là với Charles De Gaulle, người mà ông luôn ngờ vực. Tuy nhiên, việc Giraud bị gạt ra khỏi chính trường đã khiến ông tự đặt mình, dù còn nhiều lưỡng lự, vào con đường của Tướng De Gaulle, người mà ông gặp ở Alger tháng 12/1943. Nhưng ông vẫn luôn thấy ghê tởm với hành động lên án Vichy. Sự trung thành với những cam kết thời trẻ này giải thích cho việc ông muốn đặt một bó hoa lên mộ của Thống chế Pétain cho đến khi công luận buộc ông không được làm như vậy và việc ông nhất quyết không chịu thừa nhận trách nhiệm của nhà nước Pháp trong vụ ngược đãi người Do Thái trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai.

Chắc chắn là phần còn lại trong sự nghiệp của ông được đánh dấu bằng một sự chuyển hướng vĩnh viễn sang cánh tả. Ngay sau khi chiến tranh kết thúc, ông đã thuộc về đảng trung tâm và

cấp tiến mang tên Liên minh Dân chủ Xã hội của Kháng chiến, một đảng bản lẻ nhỏ nhưng có nhiều Bộ trưởng và những người có thể trở thành Bộ trưởng, hơn là những ý tưởng độc đáo. Dần dần, ông trở thành một gương mặt thủ lĩnh bên cánh tả của UDSR, do sự phản đối của ông đối với chính sách vũ lực trong những vùng thuộc địa, cũng như do việc ông tham gia Chính phủ của Pierre Mendès France với cương vị Bộ trưởng Nội vụ trong những năm 1954-1955. Sự phản đối quyết liệt của ông trước việc Tướng De Gaulle trở lại cầm quyền nhờ cuộc bạo động của người Algérie ngày 13/5/1958 đã đặt ông vào phe những người Cộng hòa có niềm tin vững chắc, nhưng dường như lại làm tổn hại đến tương lai chính trị của ông. Ông đã mất ghế Nghị sĩ và bị cô lập hoàn toàn. Các nhóm ly khai Xã hội chống lại De Gaulle, tạo thành Đảng Xã hội tự chủ năm 1958, đã từ chối cho ông gia nhập, cho rằng những niềm tin của ông không rõ ràng, vì một lý do mập mờ. Ông chỉ giữ lại được xung quanh mình một vài người trung thành. Vậy mà, nghịch lý là chính sự cô lập này đã tạo cho ông một cơ hội trở lại hàng đầu trên sân khấu chính trị.

Một chủ nghĩa xã hội tạm thời?

Năm 1965, khi cuộc bầu cử Tổng thống đầu tiên diễn ra dưới hình thức phổ thông đầu phiếu, các lãnh đạo cánh tả có quan điểm chống lại cuộc cải cách này đã không thể ra ứng cử một cách rời rạc. Họ cũng không muốn tạo điều kiện cho một trong số những đối thủ của họ ngay trong nội bộ đảng: về mặt này, những cố gắng của Guy Mollet, Tổng thư ký Đảng Xã hội SFIO, nhằm đánh bại ứng cử viên Gaston Defferre là những dấu hiệu rõ ràng. Hơn nữa, mọi thứ đều khiến người ta nghĩ rằng De Gaulle sẽ ra ứng cử và ông sẽ chiến thắng ngay từ vòng đầu. Trong những điều kiện này, tuyên bố ra tranh cử của François Mitterrand (người đã chấp nhận lời phán quyết của cuộc trưng cầu dân ý năm 1962 về việc dân sẽ trực tiếp bầu Tổng thống) đã được đón nhận nồng nhiệt.

Là ứng cử viên duy nhất của cánh tả, được tất cả các Đảng phái đại diện cho cánh tả ủng hộ, từ Đảng Cộng sản đến Đảng Cấp tiến, François Mitterrand đã về thứ hai trong vòng đầu, sau Tướng De Gaulle - người bất ngờ không đạt được số phiếu cần thiết - và thu hút 45 % số phiếu ủng hộ trong vòng hai. Cùng lúc này, ông cũng có được một sự hợp pháp mà những người bảo trợ cho ông đã tin chắc vào sức mạnh của nó.

Ngay lập tức, François Mitterrand đã cố gắng tận dụng những lợi ích chính trị của hoàn cảnh này. Bằng cách tự phong mình làm người lãnh đạo đương nhiên của một cánh tả thống nhất, trước tiên ông muốn tập hợp các lực lượng đã ủng hộ ông, thu phục các Đảng Cấp tiến, xã hội và các câu lạc bộ cánh tả vào một Liên đoàn cánh tả dân chủ và xã hội (FGDS) mà ông được bầu làm Chủ tịch. Việc ông từ chối ra tranh cử năm 1969, sau khi Tướng De Gaulle từ chức, với lý do cánh tả thiếu thống nhất, đã càng có lợi cho ông bởi vì kết quả thảm bại của ứng cử viên Xã hội Gaston Defferre (5% số phiếu) đã gây ra một cuộc khủng hoảng của Đảng Xã hội SFIO.

Năm 1971, tại Đại hội Epinay-sur-Seine, nơi Công ước Các thể chế Cộng hòa (liên hiệp các câu lạc bộ mà ông lãnh đạo) gia nhập Đảng Xã hội mới, ông đã được bầu làm Thư ký thứ nhất của Đảng nhờ một liên minh với phong trào CERES do Jean-Pierre Chevènement đứng đầu, người lúc đó tuyên bố theo chủ nghĩa Marx, và những liên hiệp lớn của SFIO cũ: liên hiệp phương Bắc do Pierre Mauroy đứng đầu và liên hiệp Bouches-du-Rhône do Gaston Defferre làm Chủ tịch. Việc François Mitterrand được bầu làm người đứng đầu Đảng Xã hội đã mở ra một giai đoạn mới. Trong các vấn đề về học thuyết, là tâm điểm của các cuộc bàn luận hằng ngày của những người Xã hội lúc đó bởi mọi quan điểm đều được đánh giá theo học thuyết Marx, François Mitterrand vẫn giữ ưu tiên cho việc chinh phục quyền lực với một chiến lược phục vụ dự án này, liên minh với Đảng Cộng sản (lúc đó chiếm 18-20% sự ủng hộ của cử tri) nhưng bằng cách ấn định mục tiêu là sự "tái cân bằng" của cánh tả để chủ nghĩa xã hội không còn xuất hiện như một lực lượng phụ đơn thuần.

Không có lý do nào để nghĩ rằng việc François Mitterrand chuyển sang Đảng Xã hội không phải là thành thực. Đơn giản đây không phải là một sự gia nhập theo kiểu giáo lý vào chủ nghĩa

Marx mà từ lâu ở Pháp người ta đã dùng làm điểm qui chiếu đến chủ nghĩa xã hội, mà đây là một quan điểm mập mờ hơn rất nhiều về một sự “cắt đứt với chủ nghĩa tư bản”, hàm ý rằng theo logic, lợi nhuận chỉ thuộc về những chủ tư bản lớn, sự can thiệp của nhà nước duy trì một hệ thống quản lý xã hội có tính đến lợi ích của toàn thể dân chúng. Dự luận Pháp rõ ràng nhảy cảm với dự án này bởi chỉ cần thêm vài trăm ngàn phiếu là đủ để François Mitterrand kế nhiệm Georges Pompidou vào năm 1974.

Trên thực tế, sự thất bại quá nhanh của Georges Pompidou đã báo hiệu sự gia tăng sức mạnh, đạt đến tột điểm trong cuộc bầu cử năm 1981.

Vì thế, người bước vào Điện Élysée tháng 5/1981 và ở đó suốt 14 năm (ông là vị Tổng thống duy nhất đã hoàn thành 2 nhiệm kỳ 7 năm liên tiếp) hoàn toàn không phải là một người giáo điều. Hành trình chính trị của ông, hành trình đã cho phép ông trải qua nhiều vị trí từ cánh hữu sang cánh tả, đã giúp ông tránh khỏi mọi tư tưởng bè phái. Sự hiểu biết sâu sắc của ông về cánh hữu và chủ nghĩa Vichy, kinh nghiệm của ông về các giới hạn và những trò chơi Nghị viện trong nền Cộng hòa đệ Tứ giúp ông hiểu những thái độ rất khác với thái độ mà ông thể hiện sau này. Bằng kinh nghiệm sống của mình, ông dường như đã chắt lọc ra được một sự thông thái hơi ngờ vực, cho phép ông đánh giá các cuộc tranh luận chính trị một cách khách quan và đôi khi mỉa mai. Sự khôn khéo của ông trong chính trị, điều đã khiến ông được gọi là “Florentin”, đã biến ông thành một người khéo léo nguy hiểm. Tổng thể đối lập này đã biến chính khách chuyên nghiệp này thành một trong những vị Tổng thống đặc biệt nhất mà nước Pháp từng biết đến. Ông đã dùng những khả năng khác thường của mình thực hiện hai dự án liên tiếp: một là xây dựng ở Pháp một mô hình mới về chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn đầu; sau đó là trở thành vị Tổng thống biết hòa giải người Pháp với chính họ, cuối cùng tạo ra sự đồng thuận giữa các phe cánh mà ông đã lần lượt tham gia để đưa nước Pháp thống nhất đi trên con đường xây dựng châu Âu, điều mà dưới con mắt của ông, chính là tương lai.

Thuyết ý chí xã hội

Việc François Mitterrand lên cầm quyền đã đặt ra vấn đề về tương lai của thể chế Tổng thống, ngay khi các nhà Xã hội được gọi vào chính phủ. Ngày 21/5, François Mitterrand chỉ định Thủ tướng là Nghị sĩ - thị trưởng thành phố Lille, Pierre Mauroy, người chắc chắn đại diện tốt nhất cho truyền thống Cộng hòa xã hội của những thành phố lớn miền Bắc. Chính phủ gồm những Bộ trưởng thuộc Đảng Xã hội với một sự cởi mở yếu ớt với những người cấp tiến cánh tả và Michel Jobert, người không thể xếp vào cánh nào, từng là Bộ trưởng Ngoại giao của Georges Pompidou. Quyết định giải tán Quốc hội được bầu từ năm 1978 đã dẫn tới một đợt sóng thần Xã hội bởi, với 285 Nghị sĩ, mình Đảng Xã hội đã có đủ đa số tuyệt đối. Vậy mà cánh tả trong tổng thể của nó đã không ngừng lên án tính cá nhân của chế độ mà Tướng De Gaulle đã khởi xướng và, trong một bài văn đả kích trào phúng nổi tiếng mang tên Đảo chính liên tục (1964), chính François Mitterrand đã đả kích việc thực thi quyền lực của De Gaulle. Đối với cánh tả, người kế thừa truyền thống Cộng hòa của nền Cộng hòa đệ Tam và đệ Tứ, chính Nghị viện là đại diện hợp pháp duy nhất của chủ quyền quốc gia.

Tuy vậy, liệu những người lên nắm quyền năm 1981 có từ chối sử dụng các phương tiện hành động mà Hiến pháp của nền Cộng hòa đệ Ngũ đã trao cho cơ quan hành pháp? Việc thành lập Chính phủ, giải tán Quốc hội chứng tỏ rõ ràng rằng đó không phải là chủ định của họ. Trên thực tế, đối với tân Tổng thống, việc xem xét lại nền Cộng hòa đệ Ngũ sẽ không còn là vấn đề nữa. Thật nghịch lý hết sức khi François Mitterrand trở thành vị Tổng thống đã củng cố một thể chế mà từ lâu ông phản đối các đặc tính cũng như việc thực thi nó.

Lần đầu tiên trong lịch sử, cánh tả Pháp phải đối mặt với một thách thức nguy hiểm. Trong khi những kinh nghiệm nắm quyền của người đi trước (trong các năm 1924-1926, 1936-1938, 1946-1951 hay 1956-1958) đã kết thúc bằng sự thất bại mà cánh tả qui cho “Bức tường bạc”, bạo lực của các đối thủ, sự nhút nhát của các đồng minh khi liên kết với phe đối lập, các thể chế của nền Cộng hòa đệ Ngũ lại để cho ông tự do hành động để thực hiện chương trình của mình

trong suốt một khóa Quốc hội.

Vậy mà, ngay buổi tối đặc cử ngày 10 tháng 5/1981, François Mitterrand đã giành chiến thắng của mình với sự trả thù của những người lao động chống lại sức mạnh của đồng tiền. Với tuyên bố “đa số chính trị của nước Pháp cuối cùng đã gặp đa số xã hội”, tân Tổng thống đã đặt mình ngược lại với mọi sự phân tích của các nhà quan sát bấy lâu đều cho thấy tính sít sao của những lá phiếu của cánh hữu hoặc cánh tả. Nhưng ông đã truyền đi một thông điệp chính trị: đó là đã đến lúc phải thực hiện chương trình “cắt đứt với chủ nghĩa tư bản”, thiết lập sự “thay đổi” được mong chờ từ năm 1974. Ông muốn xúc tiến một mô hình xã hội mới, không giống với mô hình của chủ nghĩa cộng sản quan liêu đã nhượng cả tự do, cũng không giống với mô hình dân chủ xã hội vốn chấp nhận chủ nghĩa tư bản.

Trên thực tế, sự thay đổi diễn ra thông qua việc thực hiện một loạt các cải cách cấu trúc nhằm hiện đại hóa xã hội Pháp. Về mặt hành chính, đây là quá trình gắn liền các trung tâm quyết định của nhân dân bằng cách thay nhà nước Jacobin kiểu cũ bằng một chính sách phân quyền mà tất cả các quốc gia láng giềng đã thực hiện từ lâu. Do Bộ trưởng Nội vụ và Phân quyền Gaston Defferre chuẩn bị, cuộc cải cách này thực chất là biến các quan chức dân cử của địa phương (Thị trưởng, Chủ tịch hội đồng tỉnh, Chủ tịch hội đồng vùng) thành những người chịu trách nhiệm hành pháp của các cơ quan này. Vì thế, các quyền của tỉnh trưởng bị giảm xuống còn điều hành các cơ quan của nhà nước trong tỉnh mình. Một chính sách y tế mới đã được quyết định nhằm chấm dứt sự tồn tại song song lĩnh vực tư và công trong các bệnh viện bằng cách cấm những người có địa vị trong ngành y đón tiếp và điều trị bệnh nhân riêng của mình tại các bệnh viện công. Về pháp luật, chú trọng nhân bản hóa việc thi hành án hình sự bằng xóa bỏ án tử hình, mà Robert Badinter đã đệ trình và được thông qua, cũng như hủy các khu cấm thất chặt an ninh trong nhà tù, giảm các án hình sự và xóa bỏ luật “An ninh và tự do” từng được thông qua dưới nhiệm kỳ Tổng thống trước. Bộ trưởng Lao động Jean Auroux đã thuyết phục Nghị viện thông qua một loạt các điều luật trao cho người làm công ăn lương (thực tế là trao cho công đoàn) nhiều quyền lợi hơn trong doanh nghiệp. Bộ trưởng Giáo dục quốc gia Alain Savary tiến hành những sửa đổi quan trọng trong hệ thống giáo dục của Pháp: thay đổi nhiệm vụ và cấu tạo của trường đại học; giáo dục phổ thông cũng như tổ chức các trường phổ thông cơ sở và trung học cơ sở cũng đã trở thành chủ đề được suy nghĩ rất sâu; cuối cùng, các cuộc đàm phán đã được tiến hành với những người đại diện cho giáo dục tư nhân (gần như toàn bộ các cơ sở giáo dục kể từ đó đều ký hợp đồng với Nhà nước) để tạo ra một dịch vụ công rộng lớn, thống nhất và vô thần của Giáo dục quốc gia.

Bên cạnh đó, thông qua Chính phủ của Thủ tướng Pierre Mauroy, tân Tổng thống đã cho triển khai một chính sách chống khủng hoảng, việc này đòi hỏi cải cách cơ cấu và không thể không nhắc tới cuộc cải cách năm 1936 mà Mặt trận bình dân đã làm đó là vận hành lại bộ máy kinh tế thông qua tiêu dùng bằng cách tăng sức mua của người dân Pháp. Cơ cấu của chính sách này ngược lại hoàn toàn với cơ cấu dưới thời nhiệm kỳ Tổng thống trước mà Thủ tướng Raymond Barre theo đuổi. Tổng thống mới chủ trương một chính sách khôi phục duy ý chí bằng phân phối sức mua. Vì thế tín dụng được thả lỏng, lãi suất giảm. Lương tối thiểu (SMIC) và các mức lương thấp đã được nâng lên. Để chống lại thất nghiệp, nhiều ưu đãi đã được trao cho các doanh nghiệp tuyển dụng lao động. Cuối cùng, thời gian làm việc mỗi tuần theo luật định đã giảm từ 40 giờ xuống còn 39 giờ, giai đoạn đầu của một quá trình kết thúc bằng tuần làm việc 35 giờ.

Chủ nghĩa duy ý chí này không thể tách rời khỏi những biện pháp được thực hiện để đặt vào tay Nhà nước những lĩnh vực chìa khóa quyết định toàn bộ nền kinh tế, theo hướng bổ sung cho các giải pháp quốc hữu hóa năm 1944-1946 (ngân hàng tiền gửi, các lĩnh vực năng lượng và vận tải). Năm 1981, năm tập đoàn công nghiệp lớn đã nhập vào Nhà nước, những tập đoàn này, nhờ tính cạnh tranh và sự hùng mạnh, là những đại diện trong các lĩnh vực sản xuất chiến lược (Tổng công ty Điện lực, Công ty Saint-Gobain, Pechiney-Ugine-Kuhlmann, Rhône-Poulenc,

Thomson Brandt), các ngân hàng thương mại có những khoản tiền gửi vượt quá 1 tỉ franc (tổng số 36 ngân hàng, chiếm 95% các khoản tiền gửi quốc gia) và hai công ty tài chính (Paribas và Suez).

Không chỉ dừng lại ở quá trình kế hoạch hóa, nhằm tìm lại được một sức trẻ mới, mà người ta còn đặt ra câu hỏi liệu có cần triển khai một dự án mới về sự phát triển có tổ chức, hay đưa Bộ trưởng Kế hoạch Michel Rocard vào thế bất lợi, lãnh đạo “cánh hữu thứ hai” và là đối thủ của Tổng thống trong một dự án “hiện đại hóa” đối lập với “chủ nghĩa cũ rích” của François Mitterrand. Dù một kế hoạch tạm thời trong 2 năm (1982-1983) được tiến hành dưới danh nghĩa quá độ nhưng một kế hoạch thứ IX cho cả giai đoạn 1984-1988 đã ra đời nhằm triển khai dự án xã hội.

Nhưng trước rất xa thời hạn đó, kế hoạch này đã bị xem xét lại một phần.

Năm 1983: khai tử cho ảo tưởng xã hội

Các cuộc cải cách thể chế, được đón nhận nồng nhiệt trong vài tháng đầu thuận buồm xuôi gió, đã nhanh chóng khiến dư luận nổi nóng. Bên cạnh những người cho rằng những thay đổi người ta đã hứa hẹn được thực hiện quá chậm chạp và ít tác động đến cuộc sống của họ, còn vô số những người khác bất bình khi thấy hoàn cảnh bị đảo lộn. Trên đường phố, hàng loạt đoàn biểu tình chống đối nối tiếp nhau: thương gia, nhà công nghiệp tố cáo thuế khóa ngày một thêm nặng nề, còn công chức thì than phiền về sự gia tăng sức ép về thuế và quyền lực của họ bị hạn chế sau khi ra đời luật Auroux, các bác sĩ phản đối những thay đổi trong hệ thống y tế, giáo viên đại học đồng lòng chống lại các dự án Savary, những người ủng hộ trường tư thục thì nghi ngờ quá trình quốc hữu hóa gia tăng, còn sinh viên lo lắng về cải cách đại học...

Nếu bất bình của dư luận kích thích sự phục hồi của phe đối lập bị đè bẹp sau thất bại năm 1981, nhưng đang chuẩn bị cho một cuộc “chinh phục lại” thì cuộc chinh phục này lại không gây ra một kết cục chính trị tức thời đối với Tổng thống. Chính thất bại về kinh tế là một cú trời giáng vào dự án của François Mitterrand. Chương trình chống lại khủng hoảng trong một nền kinh tế mở hướng tới thương mại toàn cầu dựa trên giả thiết về một sự phục hồi kinh tế quốc tế. Vậy mà nước Pháp một mình theo đuổi sự phục hồi rất đắt giá này, càng đắt hơn khi nó lại đi kèm với những cải cách xã hội tốn kém, trong khi các nước công nghiệp lớn khác vẫn trung thành với một chính sách thắt chặt tín dụng và tiêu dùng. Chính sách ngược đời này, dù dẫn đến một sự ổn định tỷ lệ thất nghiệp xung quanh con số 2 triệu người xin việc, nhưng nó đã làm cho vị thế quốc tế của Pháp bị suy yếu. Do bị áp thuế cao nên các doanh nghiệp Pháp trở nên kém cạnh tranh, cán cân thương mại bị thâm thủng đáng kể, thâm hụt ngoại thương và thâm hụt ngân sách kết hợp gây ra sự mất giá của đồng franc, sự việc càng trầm trọng thêm do sự tăng giá liên tục của đồng đô la. Thất bại đã lộ rõ qua ba lần đồng phờ- rã phá giá liên tiếp vào mùa thu năm 1981, tháng 6/1982 và tháng 3/1983.

Mỗi một trong các giai đoạn này là một bước thụt lùi trong việc thực hiện dự án xã hội. Dần dần, dưới ảnh hưởng của Bộ trưởng Kinh tế và Tài chính Jacques Delors và của Thủ tướng Pierre Mauroy, ưu tiên đã được dành cho việc tái lập những cân bằng lớn chứ không còn cho các mục tiêu xã hội nhằm tăng mức sống và cho đấu tranh chống lạm phát. Chính sách cứng rắn được thiết lập dẫn tới sự phong tỏa giá và lương và gia tăng áp thuế đối với các thu nhập cao phục hồi cán cân thương mại, hạn chế thâm thủng ngân sách, giảm thuế cho doanh nghiệp đã trở thành những khẩu hiệu mới. Cuộc khủng hoảng lớn đã diễn ra vào tháng 3/1983. Những mối đe dọa đối với đồng tiền đã khiến Tổng thống, dưới sức ép của các đối tác châu Âu, phải chọn giữa hai khả năng: duy trì dự án kinh tế và xã hội của các nhà Xã hội với cái giá là nước Pháp phải rút khỏi khối tiền tệ và các quy định của Cộng đồng châu Âu, hoặc là phải chấp nhận các nguyên tắc của châu Âu buộc Pháp phải bỏ rơi dự án duy lý mà nhờ nó François Mitterrand đã đắc cử. Cách thứ nhất được Bộ trưởng Công nghiệp và Nghiên cứu Jean-Pierre Chevènement ủng hộ, cách thứ hai được Thủ tướng Pierre Mauroy và Bộ trưởng Kinh tế và Tài chính Jacques Delors đồng tình. Sau vài ngày căng thẳng, Tổng thống đã ra quyết định: giữa dự

án xã hội và châu Âu, ông chọn châu Âu.

Nhiều người, bắt đầu từ Jacques Delors, cho rằng ngày nay cách hiểu sự kiện này cần phải được xem xét lại và đằng sau những tuyên bố chính trị về việc “cắt đứt với chủ nghĩa tư bản”, François Mitterrand trên thực tế chưa bao giờ có một ý định dù nhỏ nhất là cắt đứt với nền kinh tế thị trường. Trong những điều kiện này, nhiều biện pháp khác nhau được thông qua năm 1981 đã có một ý nghĩa khác: các dự án quốc hữu hóa có lẽ chỉ nhằm mục đích thu hồi vốn của những doanh nghiệp không có khả năng, vì thiếu đầu tư, hoặc là để đương đầu với cạnh tranh quốc tế - quyền tự chủ lớn trong quản lý dành cho các tổng giám đốc là bằng chứng rõ ràng cho thấy đây không phải là một quá trình quốc hữu hóa. Chính sách vực dậy nền kinh tế bằng tiêu dùng chỉ có thể thành công trong trường hợp nền kinh tế thế giới hồi phục, nếu không, cần phải quay ngược trở lại. Cuối cùng, tấn bi kịch và sự do dự bề ngoài vào tháng 3/1983 có lẽ chỉ là một màn kịch để những người theo cánh tả chấp nhận quyết định này.

Trên thực tế, các tác động lên bản báo cáo của Tổng thống và tương lai của chủ nghĩa xã hội Pháp là rất lớn. Chấp nhận những ràng buộc châu Âu, François Mitterrand đã khẳng định rõ sự lựa chọn nền kinh tế thị trường của mình. Tức là ông thừa nhận (bất chấp những lời phủ nhận quan điểm này) rằng chính sách mà ông theo đuổi từ tháng 5/1981, hay ít nhất là hình ảnh về chính sách mà chính quyền đã tạo ra, dù chủ ý hay không, đều là sai lầm. Đồng thời, ông chấp nhận rằng sự can thiệp của Nhà nước chỉ có thể nằm ngoài tiến trình kinh tế - xã hội: mặt xã hội chỉ có thể là một hệ quả của kinh tế và chính quyền cố gắng khắc phục những tác động bi thảm nhất của một cuộc khủng hoảng mà không thực sự tác động lên nó; còn về thất nghiệp, trước hết cần một biện pháp xử lý mang tính kinh tế. Bước ngoặt lớn này sẽ được đảm bảo bởi các Thủ tướng Xã hội kế nhiệm sau này. Sau Pierre Mauroy năm 1983-1984, Laurent Fabius năm 1984-1986 và Michel Rocard những năm 1988-1991 đều hành động theo nguyên tắc này. Đồng franc mạnh, những cân bằng lớn, hiện đại hóa nền kinh tế kể từ đó là phần không thể thiếu trong các bài diễn văn của các nhà Xã hội cầm quyền. Vì vậy người ta có thể chấp nhận rằng một trong những mặt (chứ không phải những khiếm khuyết nhỏ) của bản báo cáo của François Mitterrand là làm cho họ chấp nhận, với cái giá là một kinh nghiệm cay đắng, sự không hiệu quả của nền kinh tế chỉ đạo và gắn họ vào nguyên tắc của nền kinh tế tự do. Làm như vậy, năm 1983, ông đã giáng một đòn chí mạng vào cái từng là bản sắc của chủ nghĩa xã hội Pháp từ một thế kỷ nay - niềm tin vào một một giải pháp thay thế qui luật lợi nhuận, vào một nền kinh tế thịnh vượng do nhà nước kiểm soát để đảm bảo công bằng xã hội và thực hiện công bằng về điều kiện sống vì lợi ích chung.

Vậy mà Tổng thống đã không tìm cách mở ra một chân trời mới cho chủ nghĩa xã hội Pháp hoặc nếu ông đã định như thế thì ông cũng không đạt được. Người ta nhận thấy rằng trên thực tế từ năm 1983-1995, giai đoạn thứ hai của nhiệm kỳ 7 năm của Tổng thống François Mitterrand được đánh dấu bằng khẩu hiệu thống nhất dân tộc và bài diễn văn Cộng hòa.

Một Tổng thống theo truyền thống Cộng hòa

Ngày 24/6/1984, hơn một triệu người biểu tình đã đổ xuống đường phố Paris để bác bỏ những dự án giáo dục quốc gia của chính phủ nhằm nhập trường tư thục vào một hệ thống lớn hơn nhất và vô thần. Rút ra bài học từ sự từ chối này, Tổng thống đã chấp nhận đơn từ chức của Bộ trưởng Alain Savary và Thủ tướng Pierre Mauroy. Ông chỉ định vào vị trí Thủ tướng một trong những người thân cận với mình là Laurent Fabius, trong khi các nhà cộng sản rời khỏi chính phủ vốn không coi cuộc chiến chống thất nghiệp là mục tiêu hàng đầu nữa. Tân Thủ tướng đã chính thức hóa đường hướng được bắt đầu từ tháng 3/1983 bằng cách ấn định chương trình “hiện đại hóa nước Pháp và tập hợp người dân Pháp”. Về nhiệm vụ thứ nhất, cần phải tiến hành xây dựng lại thể cân bằng trong khuôn khổ thị trường, giúp nước Pháp có thể dành ưu tiên cho đấu tranh chống lạm phát, tăng năng suất và giá trị đồng tiền. Laurent Fabius luôn ca ngợi về lợi nhuận và khả năng sinh lời của doanh nghiệp. Trên thực tế, các kết quả đạt được trong hướng đi mới này cũng rất ngoạn mục: lạm phát giảm mạnh ngay từ năm 1984 và tiếp tục giảm trong các năm 1985-1986. Thị trường chứng khoán phát triển năng động; các qui

định về giá cả và sự kiểm soát của ngân hàng dần được nói lỏng, ngân sách được đánh dấu bằng sự tăng thu của nhà nước. Trong lĩnh vực quốc doanh, nhiều cuộc tái cơ cấu lớn đã được thực hiện và một khuôn khổ nghiêm ngặt về tiền lương đã được áp dụng. Nhưng chính sách này phải đối mặt với cái giá là tỷ lệ thất nghiệp gia tăng: hơn 3 triệu người không có việc làm cuối nhiệm kỳ đầu của Tổng thống. Giải pháp cụ thể duy nhất được Chính phủ của Michel Rocard áp dụng năm 1988 để đương đầu với tình trạng này là lập ra hình thức trợ cấp thu nhập tối thiểu (RMI).

Không đáp ứng được mọi mong đợi, chính sách mang đậm màu sắc tự do và quay lưng lại với các lựa chọn năm 1981 này gây bất bình trong một bộ phận cử tri cánh tả và sự không hài lòng của các nghiệp đoàn, nhưng đối với Tổng thống và Chính phủ của ông, nó cũng đáng giá bởi tạo ra một sự ủng hộ lớn hơn trong các cuộc thăm dò, một phần do biện pháp thứ hai trong hành động của chính quyền, sau này đã trở thành chủ đề mà François Mitterrand định huy động người dân Pháp: “tập hợp” họ. Việc thực hiện đường lối chính trị này phải đi kèm với việc rút lại một đề xuất sửa đổi hiến pháp theo hướng cho phép mở trưng cầu dân ý về các vấn đề xã hội, điều mà Thượng nghị viện phản đối; đường lối này giải thích cho các qui định hòa giải mà Thủ tướng đề xuất để áp dụng một đạo luật về báo chí nhằm vào những hoạt động tập trung hóa trong lĩnh vực này, nhất là của nhóm Hersant, phát ngôn viên của phe đối lập; đường lối này đặc biệt dựa trên việc tân Bộ trưởng Giáo dục quốc gia Jean-Pierre Chevènement bỏ rơi dự án Savary để nhường chỗ cho “các biện pháp đơn giản và thực tế” đánh dấu sự trở lại quá khứ. Tóm lại, đã đến lúc cần phải ôn hòa hơn. Vì thế, Tổng thống tìm lại được một cương vị gần hơn với vị trí của “truyền thống Cộng hòa”.

Sáng kiến chung sống chính trị

Đó là bởi vì tất cả các cuộc thăm dò đều cho thấy thất bại thảm hại của cánh tả trong cuộc bầu cử lập pháp dự kiến diễn ra năm 1986, điều làm sống lại bối cảnh khủng hoảng thể chế mang hai đặc điểm, Nghị viện và Tổng thống, của Hiến pháp năm 1958. Từ khi thiết lập thể chế (với một số ý nghĩa cho giai đoạn chuyển tiếp 1958-1962), đã có một sự trùng hợp tương đối giữa đa số lập pháp và đa số của Tổng thống, nhưng cũng không ngăn được những bất đồng khi thông qua các quyết định, thậm chí là vẫn có căng thẳng. Nhưng cuộc bỏ phiếu năm 1986 lại mở ra một tình hình hoàn toàn mới: sự đối đầu, chưa từng thấy, giữa một đa số cánh hữu trong Nghị viện và một Tổng thống thuộc cánh tả. Nếu việc này xảy ra, phải chăng một trong hai quyền lực sẽ thủ tiêu quyền lực kia? Mặc dù François Mitterrand cho biết ông sẽ không ngồi yên, nhưng nguy cơ quyền lực của Tổng thống bị suy yếu là rất lớn. Chính nguy cơ này đã khiến cựu Thủ tướng Raymond Barre từ chối mọi ý tưởng “chung sống chính trị” có nguy cơ đặt dấu chấm hết cho cái mà dưới con mắt của ông, chính là điểm cốt yếu của nền Cộng hòa đệ Ngũ, và khiến ông chủ trương gây sức ép đối với đa số mới của Tổng thống để buộc Tổng thống phải từ chức. Vì cho rằng khó có thể nài xin những lá phiếu của cử tri để mở ra một cuộc khủng hoảng thể chế và ý thức được rằng François Mitterrand có những vũ khí pháp lý cũng như quyết tâm cần thiết để làm thất bại tính toán này, Jacques Chirac và RPR chủ trương một chiến lược khác: dựa vào điều 20 của Hiến pháp qui định trong đó “Chính phủ quyết định và điều hành chính sách của quốc gia” để hạn chế Tổng thống trong những chức năng đại diện và cho phép Thủ tướng tương lai, vị trí mà Jacques Chirac ra ứng cử, có thể dựa vào bản tổng kết của mình để chiến thắng trong cuộc bầu cử Tổng thống năm 1988. Điều này về sau đã làm Tổng thống mất đi vai trò “nền tảng” thể chế mà Charles De Gaulle đã coi là nguyên tắc chủ đạo của Hiến pháp.

Vậy mà bất chấp một sự thay đổi của phương thức bầu cử, nhấn mạnh vào đại diện tỷ lệ (với nguy cơ trao cho phe cực hữu, phe đã có những bước tiến vượt bậc trong nhiều cuộc bỏ phiếu từ năm 1983, một sự hợp pháp Nghị viện), chính liên minh RPR-UDF đã chiến thắng tháng 3/1986. Vì vậy, François Mitterrand chỉ định Jacques Chirac làm Thủ tướng và để ông thành lập chính phủ theo ý muốn và chỉ can thiệp vào việc lựa chọn Bộ trưởng Ngoại giao và Quốc phòng, mà ông coi là lĩnh vực thuộc thẩm quyền của mình. Dựa theo bối cảnh chung sống chính trị, ông đã tạo ra một định nghĩa mới về chức năng Tổng thống. Nói đúng ra là bằng cách tự coi mình là người tập hợp người dân Pháp, ngay từ năm 1984, ông đã thử nghiệm nhân vật

mới của mình, như một người bảo vệ chính cho các lợi ích của quốc gia, một người cha của dân tộc chỉ quan tâm đến lợi ích công, trước một vị Thủ tướng định kiến, nóng tính và bè phái.

Đầu tiên, ông từ chối bó buộc mình trong vai trò thuần túy mang tính đại diện mà Thủ tướng định giam ông, dựa vào Hiến pháp và các văn bản pháp luật và pháp qui để khẳng định quyền của mình trong lĩnh vực chính sách đối ngoại và quốc phòng. Những tính toán của Jacques Chirac nhằm đóng vai trò hàng đầu trong lĩnh vực này đã thất bại, dù đó là quyết định huy động quân sự (chính Điện Élysée đã quyết định can thiệp vào Tchad năm 1986) hay luật chương trình hóa quân đội hoặc về tính đại diện của Pháp trong các hội thảo quốc tế lớn mà François Mitterrand được công nhận là trưởng đoàn duy nhất của Pháp.

Tiếp theo, François Mitterrand đã dùng Thủ tướng làm đòn bẩy cho mình. Ngoài ra, ông còn lợi dụng tính hung hăng quá đỗi tự do của Thủ tướng và mong muốn trả thù của cánh hữu thể hiện chủ nghĩa độc đoán ở mọi khía cạnh với mong muốn của cánh tả năm 1981, để việc xem xét lại các quyết định của cánh tả trong nhiều lĩnh vực. Mất thế chủ động trong chính sách đối nội, ông không bỏ lỡ một cơ hội nào để thể hiện sự khác biệt của mình. Trước một Thủ tướng được ông tạo dựng hình ảnh là một người ủng hộ mình, trong khi chính Thủ tướng cũng muốn là người của toàn dân Pháp, là nhà vô địch của những người giàu chống lại người nghèo (chẳng phải ông đã bỏ thuế đánh vào những gia tài lớn và bỏ giấy phép hành chính tuyến dụng đó sao?), là người bảo vệ một quan điểm tinh hoa của xã hội (ông đã gây ra một cuộc nổi dậy của sinh viên chống lại những biện pháp mà ông định sử dụng trong trường đại học), bản thân ông cũng tỏ ra là một người bảo vệ công tâm cho tập thể. Quan điểm này đã khiến ông không ủng hộ các biện pháp không được lòng dân nhất khi Thủ tướng định áp đặt chúng bằng các quyết định của mình, mà tôn trọng Hiến pháp bằng cách ký quyết định ban hành khi chúng được Nghị viện thông qua. Bù lại, ông kìm chế việc thể hiện công khai những bảo lưu của mình đối với việc áp dụng cứng nhắc hình thức bỏ phiếu cả gói, hoặc điều 49-3 của Hiến pháp, theo đó một văn bản được thông qua nếu không có bất kỳ kiến nghị bất tín nhiệm nào được thông qua để ngăn cản việc thông qua văn bản. Ông cũng không ngần ngại nghi ngờ tính hợp hiến của một số văn bản, khiến các Nghị sĩ Xã hội phải đưa các văn bản này ra Tòa án Hiến pháp. Đến mức, cuối cùng Tổng thống đã đóng vai trò của người phát ngôn của người dân Pháp. Vì vậy, xuất hiện tình trạng chưa từng có: một Tổng thống từng đưa phe đối lập vào ngay chính cơ quan hành pháp lại từ chối các đề nghị bổ nhiệm, đòi bồi thường cho những nhân vật bị cách chức, chỉ trích hoạt động của nhiều cơ quan như Ủy ban quốc gia về Thông tin và các quyền tự do, thậm chí không ngần ngại quyết định chống chính phủ khi giữa ông và Chính phủ có những rạn nứt.

Tình hình này đã làm cho Tổng thống ngày thêm nổi tiếng, trong khi quyền lực của Thủ tướng thì bị suy yếu. Cuối năm 1986, dư luận đã thể hiện sự phần nộ gia tăng đối với đa số được bầu vài tháng trước đó. Đến nỗi, năm 1988, khi hai bên đối đầu nhau trong cuộc bầu cử Tổng thống, François Mitterrand, người từng rất được ủng hộ trong các cuộc thăm dò từ năm 1987, đã chiến thắng một cách dễ dàng với 54% số phiếu trước Thủ tướng, người chỉ nhận được 46% sự ủng hộ.

Nền Cộng hòa, biểu ngữ chính trị

Bảy năm sau, người dân Pháp đã bầu một François Mitterrand hoàn toàn khác với François Mitterrand của năm 1981. Chiến dịch tranh cử của ông với chủ đề “nước Pháp thống nhất”, lời hứa của ông về một sự cởi mở với những người thuộc đảng phái giữa, đã khẳng định lại rằng Tổng thống, đảm bảo hình ảnh mà ông đã có từ năm 1984 và được củng cố trong quá trình chung sống chính trị, muốn đại diện cho sự đồng thuận quốc gia và những dự án lớn cho thế kỷ XXI. Việc sau khi đắc cử ông đã chỉ định Thủ tướng thuộc Đảng Xã hội Michel Rocard, người đại diện cho một đường hướng cải cách ngay trong nội bộ Đảng của ông, cùng với sự xuất hiện của hai người thuộc đảng phái giữa trong Chính phủ và những cuộc đàm phán mà ông đã mở ra với phái giữa dân chủ và xã hội là minh chứng cho mong muốn hòa hợp của ông. Tương tự, sau khi giải tán Quốc hội (vì thái độ ngập ngừng của những người theo đảng phái giữa trong việc thay

đổi chiến tuyến), lời cảnh báo đáng ngạc nhiên mà ông gửi đến cho cử tri để họ dè chừng chống lại việc giao quyền lực vào tay một đảng duy nhất. Về điểm này, cuộc bầu cử tháng 6/1988 chỉ đem đến cho những người xã hội một đa số tương đối, buộc Thủ tướng phải tính đến ý muốn của những người phái giữa hoặc những người cộng sản.

Nhưng làm thế nào để có được sự đồng thuận quốc gia mà François Mitterrand muốn và việc đó là để làm gì? Trên thực tế, việc từ bỏ dự án xã hội năm 1981, cộng với sự tan rã của hệ thống cộng sản, dường như đã chống lại mọi chương trình dựa trên chủ nghĩa can thiệp quá mức của Nhà nước. Vì vậy, vấn đề không phải là một sự liên kết đơn thuần với chủ nghĩa tự do, mà giai đoạn cầm quyền của Chính phủ Jacques Chirac năm 1986-1988 đã chứng tỏ rằng dư luận Pháp, vốn khó bảo trước những cám dỗ của các chính sách của Margaret Thatcher hoặc của Ronald Reagan, đã đồng loạt bác bỏ. Sự từ chối kép này đã cho ra đời khẩu hiệu của cuộc bầu cử Tổng thống năm 1988 là “không quốc hữu hoá, cũng chẳng tư nhân hoá”. Nhưng vì từ “không, chẳng” này không có sức huy động lắm nên người ta thấy sự xuất hiện trở lại của một hình mẫu mà sự đột khởi của chủ nghĩa Marx trong những năm 1950 và những năm sau đó dường như đã không đánh giá cao: mô hình của một dự án Cộng hòa. Các chủ đề truyền thống về nền Cộng hòa, về tư tưởng Cộng hòa, về thỏa thuận Cộng hòa đã trở lại trong nội dung diễn văn của Tổng thống cũng như trong diễn văn của các lãnh đạo Xã hội. Mang dấu ấn của thời đại, Jean-Pierre Chevènement, mới hôm qua còn là người chiến thắng trong Đảng Xã hội của một cánh tả theo Marx gần với Đảng Cộng sản, ít nhất là về mặt lý luận, nay đã chuyển CERES của ông thành “chủ nghĩa Xã hội và Cộng hòa”.

Đứng đầu chính phủ năm 1988-1991, Michel Rocard đã áp dụng đường hướng mới này vào nhiệm kỳ hai của mình. Trong 3 năm, ông đã điều hành một chính sách xã hội cải cách và đồng thuận, tấn công vào những vấn đề cốt lõi của xã hội và đề xuất những giải pháp không phải để xử lý trong ngắn hạn, tức thời mà chủ yếu tấn công vào các nguyên nhân sâu xa của những khó khăn biểu lộ ra bên ngoài. Thật vậy, để giải quyết vấn đề tái diễn về chi tiêu xã hội, ông nhấn mạnh đến sự đóng góp xã hội mở rộng đánh vào toàn bộ thu nhập, chứ không chỉ đánh vào lương. Trước đòi hỏi của công nhân viên chức, ông đã trả lời bằng một kế hoạch cải tổ doanh nghiệp công và một cải cách hoạt động của các cơ quan công quyền... Bảo đảm phát triển kinh tế, chính sách của ông lấy lại những đường hướng chủ đạo của chính sách được phác họa từ năm 1984-1986, loại bỏ những cuộc tranh luận lớn về hệ tư tưởng và tìm kiếm sự đồng thuận lớn trong các vấn đề xã hội quan trọng nằm ngoài các phân chia chính kiến truyền thống. Định hướng này đã đem đến cho Thủ tướng sự hài lòng của những người trung tâm và một tiếng tăm đáng kể trong công chúng. Nhưng “phương pháp Rocard” lại gây ra bức tức gay gắt trong nội bộ Đảng Xã hội, một số lãnh đạo của đảng này lo ngại phải chứng kiến hình ảnh của mình bị lu mờ.

Trên thực tế, chắc chắn tồn tại một khả năng đạt được sự đồng thuận xung quanh tư tưởng Cộng hòa (không chỉ trung thành với một chế độ mà không ai phản đối, mà còn phải gia nhập vào một hệ thống giá trị toàn cầu), sự gia nhập này nhận được ủng hộ rất cao trong lòng xã hội Pháp, từ cánh hữu sang cánh tả. Đảng cánh hữu chính trước kia nay được gọi là Đảng Cộng hòa và một trong những lãnh đạo chủ chốt của RPR là Philippe Séguin không ngừng nói tới sự cần thiết phải xây dựng “thỏa thuận Cộng hòa”. Vậy mà Tổng thống muốn biến chính tính thống nhất trong tư tưởng Cộng hòa này thành chủ đề chính trong hành động chính trị của ông.

Cuối cùng, mong muốn hiệp ý này có thể chủ yếu được dựa trên kinh nghiệm của sự chung sống chính trị đầu tiên. Cuộc chung sống này đã để lộ ra một khung cảnh chính trị mới, biến các nhiệm kỳ của François Mitterrand thành một bước ngoặt chính trị lớn. Lần đầu tiên trong nền văn hóa chính trị Pháp vốn được đánh dấu từ Cách mạng (1789) bởi sự đối đầu không thể giàn hòa giữa hai phe, mỗi bên mang trong mình những cái nhìn đối lập về xã hội, người ta lại vẫn thấy có những khu vực thống nhất lớn giữa cánh hữu và cánh tả, liên quan chủ yếu đến chính sách đối nội và các vấn đề quốc phòng.

Trong các lĩnh vực khác, những bất đồng từ đó trở về sau chủ yếu liên quan đến phương thức

quản lý một xã hội, vốn không ai còn xem lại các nền tảng của nó nữa, hơn là những đối lập giữa “các dự án xã hội” khác nhau mà cho tới lúc đó vẫn là chủ đề chính của cuộc tranh cãi chính trị. Kinh nghiệm thứ hai của cuộc chung sống chính trị, giữa François Mitterrand với Édouard Balladur trong những năm 1993-1995, đã làm sáng tỏ thực tế mà bài diễn văn chính trị định giấu giếm chỉ vì lý do dễ thấy là muốn duy trì bản sắc của các lực lượng chính trị đối lập. Trên thực tế, việc làm sáng tỏ đã diễn ra bản chất của chủ nghĩa xã hội Pháp trong năm 1983-1984 và những đan xen quyền lực xảy ra sau đó cho thấy các cuộc tranh luận chính trị tập trung vào các phương tiện chứ không vào mục đích hành động của Chính phủ.

Vậy mà, nếu như có một lĩnh vực tạo thành sự đồng thuận và biểu thị ý tưởng lớn của nhiệm kỳ hai của François Mitterrand thì đó lại là chính sách châu Âu. Từ các cuộc họp đến các cuộc thảo luận, bộ đôi Pháp-Đức gồm Thủ tướng Đức thuộc Đảng Dân chủ cơ đốc giáo và Tổng thống Pháp thuộc Đảng Xã hội (bản sao của bộ đôi trước kia do Tổng thống Giscard d'Estaing và thủ tướng Xã hội Schmid lập nên) tạo thành động lực tạo điều kiện cho những tiến bộ chính của một châu Âu thống nhất.

Nhưng họa vô đơn chí. Một mặt, công cuộc xây dựng châu Âu không chỉ phụ thuộc vào ý muốn của một số ít chính khách, dù là những người có thể lực. Việc đẩy mạnh công cuộc xây dựng châu Âu mà Tổng thống Mitterrand mong muốn đã gặp phải ý muốn ngược lại của một số nước vốn coi Liên minh châu Âu như một câu lạc bộ để tranh luận với những mối liên hệ rất lỏng lẻo hơn là một thực thể đang hình thành. Do Vương quốc Anh dẫn đầu, những nước này đã tạo thành một lực cản hữu hiệu. Một vật cản lớn khác, việc mở rộng ra 15 thành viên đã làm tăng thêm trở ngại và khó khăn. Mặt khác, ý tưởng về châu Âu, nếu như không gây ra phản đối thực sự ở Pháp chừng nào người ta vẫn chỉ dừng lại ở cấp độ ý tưởng chung chung và ở tuyên bố về các nguyên tắc chính, thì cũng chưa bao giờ tạo được hứng thú thực sự. Ngay khi những vấn đề cụ thể được xem xét và công cuộc kiến tạo châu Âu đòi hỏi những ràng buộc có thể ảnh hưởng đến cuộc sống hằng ngày của các công dân, lo lắng đã chiến thắng sự thờ ơ và có thể biến thành sự chống đối. François Mitterrand đã rút ra được kinh nghiệm trong khi tìm cách huy động người dân Pháp bằng đề nghị năm 1992 về một cuộc trưng cầu dân ý phê chuẩn Hiệp ước Maastricht, tạo ra Liên minh châu Âu. Nếu cuộc trưng cầu này nhận được sự đồng ý của Jacques Chirac, người ý thức rằng một chính khách muốn điều hành đất nước thì không thể chống lại châu Âu, thì nó lại vấp phải sự phản đối kịch liệt do hai lãnh đạo RPR là Philippe Séguin và Charles Pasqua phát động. Kết quả là Hiệp ước Maastricht đã được phê chuẩn với số phiếu cực kỳ sát sao. Tương tự, nỗi e sợ phải chứng kiến cảnh sự thống nhất nước Đức kéo đối tác này ra khỏi quỹ đạo châu Âu và tạo cho Đức một sức mạnh chính trị biến quốc gia này thành nước thống trị châu lục đã giải thích những do dự của François Mitterrand trong việc thông qua bản Hiệp ước cũng như trong việc tham gia phong trào, qua đó thể hiện tình cảm kín đáo của nhiều người Pháp thuộc cánh tả cũng như cánh hữu, trước sự tái sinh của một nước Đức về nguyên tắc được đánh giá sẽ lên nắm quyền bá chủ.

Vì vậy, chắc chắn là chủ đề “nước Pháp thống nhất” đã đáp ứng đúng sự mong đợi của người Pháp, những người đã chán các cuộc tranh luận về hệ tư tưởng xung quanh những nhà nước lý tưởng.

Nhưng chủ đề thống nhất này được ủng hộ quá rộng rãi để có thể tạo thành một bản sắc rõ nét của cánh tả mà dưới danh nghĩa đó Tổng thống đã lên nắm quyền. Cuối hai nhiệm kỳ của François Mitterrand, năm 1995, cánh tả đã phải chịu sức nặng của một cuộc khủng hoảng không thể đẩy lùi. Ít nhất các quyền lực của Tổng thống đã tạo ra một cơ sở lịch sử có ý nghĩa, giống với cái mà chủ nghĩa De Gaulle đã tạo ra cho những người kế thừa mình.

Một Hoàng đế chuyên chế?

Sau 14 năm cầm quyền, con người của François Mitterrand vẫn tiếp tục làm người Pháp si mê.

Ông được ca ngợi như nhà vô địch của một cánh tả chiến thắng vào năm 1981, hai năm sau đó lại bị chê bai như người làm đảo lộn xã hội Pháp dưới danh nghĩa một chủ nghĩa bè phái chính trị, rồi ông lại chiến thắng trong các cuộc bỏ phiếu năm 1986 và bị buộc phải chung sống chính trị với đối thủ chính của mình. Năm 1988, sự tôn trọng của tất cả mọi người xung quanh ông đã giúp ông tái đắc cử một cách đầy ngạc nhiên. Trở thành biểu tượng của sự đồng thuận dân tộc, François Mitterrand nằm trong số các quan chức lãnh đạo của liên minh phản đối cuộc chinh phục Kuwait của Iraq trong cuộc chiến vùng Vịnh 3 tháng đầu năm 1991, đẩy mức độ được lòng dân của ông và Thủ tướng Michel Rocard lên tới tột bậc. Nhưng đúng lúc giai đoạn này sắp kết thúc thì Tổng thống đã vướng vào một loạt các vụ xì-căng-đan liên quan đến những người thân cận của ông và nhiều lãnh đạo của Đảng Xã hội, đảng mà ông vẫn tiếp tục lãnh đạo, trong khi đó chính phủ đã bị mất tín nhiệm về chính trị bởi nạn thất nghiệp tăng nhanh. Còn hai năm nữa mới hết nhiệm kỳ nhưng ông đã thấy hồi kết của nhiệm kỳ 7 năm của mình bị chìm trong bóng tối bởi thất bại thảm hại của Đảng Xã hội trong cuộc bầu cử lập pháp năm 1993 (18% số phiếu và khoảng 60 người được bầu) buộc ông phải chung sống chính trị lần thứ hai.

Cũng như năm 1986, François Mitterrand đã chỉ định Thủ tướng là người mà Jacques Chirac, vì không muốn đùa giỡn một lần nữa với số phận Tổng thống của mình bằng một kinh nghiệm của chính phủ, đã chỉ định vì mục đích này: Édouard Balladur. Vậy mà, khác với mọi dự tính lần chung sống chính trị năm 1993-1995 không hề có xung đột. Sự tôn trọng và hiểu biết lẫn nhau giữa Tổng thống cánh tả và Thủ tướng cánh hữu khiến dư luận coi Thủ tướng là người kế nhiệm mà Tổng thống mong muốn, buộc ông phải công khai nhắc lại rằng họ không thuộc cùng một gia đình chính trị. Sự thiện chí của mỗi người trong số các nhân vật chính của cơ quan hành pháp trong việc tôn trọng đầy đủ đặc quyền của người kia cố gắng của cả hai để tránh tình trạng những khác biệt sẽ kết thúc bằng các cuộc khủng hoảng và giải quyết chúng bằng đàm phán đã tỏ rõ phong cách mới trong đời sống chính trị Pháp.

Vào lúc mà người Pháp nhất trí cho rằng vị Tổng thống khác thường này, trở nên vĩ đại bởi cuộc đấu tranh xứng đáng và bí mật của ông chống lại căn bệnh ung thư (mà người ta chỉ biết được biết sau khi ông chết là ông đã bị mắc bệnh ngay từ đầu nhiệm kỳ thứ nhất), người thấu hiểu tầm quan trọng của chức vụ của mình, đã rất xứng đáng với Tổ quốc, thì những điều tâm sự của ông với người viết tiểu sử của mình về những năm tháng tuổi trẻ đã làm mờ đi bức chân dung vĩ đại đang được dựng nên. Người ta bỗng thấy xuất hiện trên sân khấu những sự kiện chưa được biết đến hoặc đã bị lãng quên, về nguồn gốc cánh hữu của ông, quá khứ ủng hộ Vichy của ông, sự vô cảm của ông trước những đạo luật loại trừ chống Do Thái và tình bạn lâu đời của ông với René Bousquet, Tổng bí thư của chính quyền Vichy dưới thời Chiếm đóng. Một việc rất có ý nghĩa là chính Đảng Cộng sản dường như đã quá vội vàng chứng kiến sự hoàn tất nhiệm kỳ 7 năm. Lionel Jospin, ứng cử viên của Đảng này trong cuộc bầu cử Tổng thống năm 1995, có vẻ sợ hãi hơn là hi vọng vào một sự ủng hộ của Tổng thống keo kiệt dành cho ông sau này.

Đó là bởi vì nhiệm kỳ Tổng thống của François Mitterrand cũng thể hiện tính quân chủ như những người tiền nhiệm. Ông tỏ ra xa cách sau khi đắc cử và những năm tháng tại vị bó buộc ông trong một thái độ thứ bậc tạo ra một bức tường ngăn cách giữa ông và các công dân. Được hưởng một quyền lực rộng hơn đa số các lãnh đạo của các nền dân phương Tây, ông đã sử dụng quyền này không dè dặt khi đảng của ông chiếm đa số trong Quốc hội. Từ đó, chế độ quân chủ Cộng hòa đã trở nên gần như tuyệt đối, được bố trí trên những vị trí nhà nước cao nhất, mở rộng ra các doanh nghiệp nhà nước lớn và các doanh nghiệp quốc doanh, khả năng tự quyết làm và bỏ việc gì. Một quyền lực như thế đương nhiên tạo ra đối nghịch, hiện tượng xu nịnh. Trên thực tế, François Mitterrand được bao bọc xung quanh một đội khăng khít gồm những người trung thành về chính trị liên kết với ông vào những dịp khác nhau, những người đã xây dựng Hiến chương các Thể chế Cộng hòa như Louis Mermaz, những người đã từng tham gia Liên đoàn Cánh tả Dân chủ và Xã hội, như Roland Dumas, người sau này trở thành Bộ trưởng Ngoại giao, rồi những chuyên gia trong một lĩnh vực đặc biệt nào đó như Jack Lang - Bộ trưởng Văn hóa không thể bãi miễn, sau đó là Bộ trưởng Giáo dục quốc gia. Thêm vào đó là những

người bạn ngoài đời của ông, như luật sư Georges Kiejmann, người sau này cũng trở thành Bộ trưởng, hay Edith Cresson, người mà François Mitterrand chọn làm nữ Thủ tướng đầu tiên, và cả doanh nhân Bernard Tapie mà tài phả trò và cách cư xử khôn khéo đã giúp ông trở thành Thị trưởng.

Trong những điều kiện như thế, người ta nhận thấy rằng trừ thời kỳ chung sống chính trị, vai trò của Thủ tướng, người đứng đầu Chính phủ, người mà theo điều 20 của Hiến pháp, “quyết định và điều hành chính sách quốc gia”, bị hạn chế nhiều nhất. Nếu Pierre Mauroy có vẻ biết bảo vệ quan điểm của mình và phản đối Tổng thống mỗi khi có dịp, và nếu Laurent Fabius luôn nhất trí với Tổng thống và thân thiết đến nỗi người ta không thể nói đến căng thẳng giữa họ, thì những Thủ tướng kế tiếp nhau trong nhiệm kỳ hai của Tổng thống lại phải chịu đựng những tác động nặng nề của vai trò của Tổng thống. Đặc biệt là Michel Rocard, người dường như được mời đến Điện Matignon nhằm làm sụt giảm niềm tin của công chúng đối với ông hơn là để tìm cách điều hành đất nước một cách hiệu quả, đã phải gặp những khó khăn trong việc điều hành một ê kíp của Chính phủ vẫn coi ông là thiếu sót. Trong 3 năm ở Matignon, từ 1988 đến 1991, ngoài phe đối lập cánh hữu, ông còn phải đương đầu với sự phản đối ngầm ngấm của Tổng thống, người rất nóng lòng loại bỏ một đối thủ cũ vốn luôn cố gắng trung thành và được lòng dân. Nhưng một Thủ tướng mà báo chí hằng ngày nhắc đến việc ông không làm hài lòng Tổng thống và luôn tự hỏi về thời điểm sẽ bị sa thải thì thử hỏi có thể có quyền lực gì? François Mitterrand đã đi xa tới mức trở thành người phát ngôn của sự bất bình của các bộ phận dư luận trước chính sách của chính phủ, và như vậy đã lãnh lấy một vai trò bất ngờ là lãnh đạo phe đối lập chống lại vị Thủ tướng mà chính ông đã bầu ra. Trong hoàn cảnh như vậy, sự thù ghét cá nhân và ý muốn gạt ra ngoài lề một con người mà nhiều quan sát viên coi là có thể trở thành ứng cử viên của Đảng Xã hội trong cuộc bầu cử Tổng thống năm 1995 dường như đã xâm chiếm mọi suy nghĩ của ông hơn là lo lắng cho lợi ích của dân chúng.

Sự kế nhiệm của Michel Rocard, người cuối cùng cũng bị sa thải mà không quá bận tâm cứu vớt thể diện trong tháng 5/991, cũng nằm trong logic đó. Bằng việc chỉ định Thủ tướng Édith Cresson, người từ lâu là thành viên trong phong trào của ông, Tổng thống hi vọng làm dư luận hài lòng, trong khi ông dựa vào sự nổi tiếng năng động và quyền lực của một ông chủ mới của Matignon mà những người Xã hội mong muốn sau yêu cầu phải quản lý nghiêm túc nhằm gây bất ngờ, nhưng không có gì khác thường, mà Michel Rocard đã áp cho họ. Vậy mà rất nhanh, thực tế đã từ chối những hi vọng này. Sự khinh miệt không cần giấu giếm của Édith Cresson đối với hàng ngũ chính trị, quan chức quản lý hành chính cấp cao và các lãnh đạo Đảng của bà, một thứ ngôn ngữ trực tiếp khiến dư luận và chính giới phải sốc, một sự mạnh mẽ trong quyết định đối lập hoàn toàn với sự tìm kiếm thỏa thuận của Michel Rocard, một cách làm việc bất chấp mọi thực tế hành chính, và thẩm quyền lớn dành cho các cố vấn trực tiếp, đã khiến bà chỉ trong vài tuần để tuột mất toàn bộ giới hành chính và chính trị, các Bộ trưởng, các lãnh đạo và cả các Nghị sĩ Đảng Xã hội. Trong hệ thống thể chế của nền Cộng hòa đệ Ngũ, chắc chắn bà đã có thể vượt qua những phản đối tập thể này nếu bà giành được sự ủng hộ của công chúng. Vậy mà chẳng mấy chốc bà đã vượt mọi kỷ lục không được lòng dân mà một Thủ tướng dưới nền Cộng hòa đệ Ngũ từng “đạt được”. Tháng 3/1992, 10 tháng sau khi bà được chỉ định, chỉ 19% người Pháp tuyên bố hài lòng với chính sách của bà trong khi 59% tỏ ra bất bình (cả trong cánh tả và cánh hữu). Rõ ràng là vào lúc này, chỉ sự ủng hộ của Tổng thống mới giúp bà tiếp tục giữ chức Thủ tướng mà hầu như đa số người dân Pháp và chính giới phản đối, sự ủng hộ này chủ yếu là để không bị mất thể diện khi thể hiện công khai rằng năm 1991, Tổng thống đã sa thải một vị Thủ tướng có năng lực và được lòng dân để thay thế bằng một nhân vật vụng về và bị phản đối. Tuy nhiên, thất bại nặng nề của cánh tả trong các cuộc bầu cử cấp vùng và cấp vào tháng 3/1992 buộc François Mitterrand phải đưa ra quyết định khó nhọc. Ngày 2/4/1992, Édith Cresson rời chức Thủ tướng, chưa đầy 11 tháng kể từ khi được bổ nhiệm.

Thay thế bà là Pierre Bérégovoy, một người rất thân với Tổng thống, một cộng sự của Tổng thống trong một thời gian dài và chắc là sẽ không kém trung thành trong phục vụ. Cố gắng vực

lại tình hình đang rất đáng thất vọng của cánh tả trong dư luận trước cuộc bầu cử năm 1993, chính ông cũng thể hiện suy nghĩ rằng quyền lực Thủ tướng của ông đang bị đe dọa bởi sự tồn tại của một nhóm thân cận với Tổng thống mà ông không nằm trong số đó. Ông đã không thể ngăn cản được thảm họa của cuộc bầu cử lập pháp tháng 3 năm 1993, mà bị coi là người chịu trách nhiệm, cộng với những nghi ngờ từ một khoản cho vay không lấy lãi mà một doanh nhân dành cho ông, ông đã phải tự tử.

Tuy nhiên, dường như chẳng có gì đáng ngờ về việc quyền lực Tổng thống quân chủ của François Mitterrand trong những năm 1988-1993 đã đóng một vai trò không thể phủ nhận gây ra thất bại của cánh tả trong nhiệm kỳ hai của ông và cuộc chung sống chính trị lần thứ hai năm 1993.

Vậy mà, những gì đúng đối với chính phủ cũng có thể áp dụng với Đảng Xã hội. Được bầu làm Tổng thống năm 1981, François Mitterrand đã nhường lại vị trí lãnh đạo cho Lionel Jospin, người trở thành Bí thư thứ nhất. Ngay từ đó, thông qua các tướng lĩnh, ông không ngừng nắm bắt tình hình, đồng thời cố gắng biến nó thành một công cụ để bảo vệ chính sách của ông. Từ năm 1981 đến 1984, ông đã phải chú ý đến sự cạnh tranh của các sĩ quan và các cán bộ rời xa quyền lực từ gần một phần tư thế kỷ, những người mà sự nóng lòng của họ đã thể hiện một cách ồn ào trong Đại hội Valence vào tháng 11 năm 1981 bằng những lời lẽ cực đoan. Ý thức được rằng sự thay đổi phương hướng chính trị trong những năm 1983-1984, khó được các nhà Xã hội chấp nhận, không thể được tiếp tục nếu phải đối diện với một đảng quá mạnh ở Nghị viện, ông khuyên cử tri không nên bỏ phiếu đồng loạt cho ông vào năm 1988, và người ta đã thấy điều này. Đặc biệt, ông định đồng thời đảm bảo kiểm soát Đảng và đặt Laurent Fabius, người có vẻ có lợi cho ông, vào chức Bí thư thứ nhất của Đảng Xã hội, vị trí mà Lionel Jospin đã từ bỏ để trở thành Bộ trưởng Giáo dục thay cho Michel Rocard. Nước cờ này đã thất bại vào năm 1988, các đối thủ của Laurent Fabius và sự kiểm soát quá nghiêm khắc của Tổng thống đối với đảng cuối cùng đã buộc phải đưa cựu Thủ tướng Pierre Mauroy lên vị trí này.

Nhưng hai năm sau đó, tại Đại hội Rennes năm 1990, đòn tấn công đầu tiên là một cuộc chiến sống còn thực sự giữa “những con voi”, tức là các lãnh đạo các phong trào của Đảng Xã hội, để kiểm soát Đảng. Phong trào cũ của François Mitterrand bị phá vỡ thành những nhóm ủng hộ Laurent Fabius, gồm toàn người của Tổng thống và đề cử ứng cử viên chính thức vào Điện Élysée, và những nhóm ủng hộ Lionel Jospin, nhóm mà sự độc lập về suy nghĩ của họ đã che giấu sự thèm muốn đối với Điện Élysée. Hậu quả của tình hình này rất lớn. Nếu Laurent Fabius thất bại trong ý định gạt Pierre Mauroy ra thì Đảng Xã hội có vẻ lại phân tán thành những phong trào đối đầu, thậm chí thù địch, và sự ủng hộ của công chúng đối với họ đã giảm đi rất nhiều. Một cuộc chiến tương tàn trong đó sự can thiệp của Điện Élysée dù không công khai nhưng có thật, đã chuyển vào lòng Đảng Xã hội. Laurent Fabius, rốt cuộc được bầu làm Bí thư thứ nhất năm 1992, đã bị loại sau thất bại trong cuộc bầu cử năm 1993 trước Michel Rocard, người trên thực tế trở thành ứng cử viên Tổng thống khả dĩ vào năm 1995. Điện Élysée sắp đặt ai vào vị trí thích hợp: Michel Rocard đã đứng đầu danh sách của Đảng Xã hội trong các cuộc bầu cử châu Âu năm 1994, François Mitterrand động viên Bernard Tapie đưa ra một danh sách cạnh tranh mang tên “nghị lực cấp tiến” được tạo thành từ Phong trào cấp tiến cánh tả. Với kết quả có thể đoán trước là sự chia sẻ số phiếu của cánh tả cho hai danh sách chỉ cho phép Michel Rocard đạt được kết quả thảm họa là 14,5% số phiếu, bị danh sách của Bernard Tapie bám sát theo sau với 12%.

Laurent Fabius chỉ còn phải trả thù việc người ta đã loại ông ra năm trước bằng cách biến Michel Rocard thành phe thiểu số trong Hội đồng quốc gia của Đảng Xã hội vào tháng 6 năm 1994 và bằng cách đưa Henri Emmanuelli lên đứng đầu Đảng Xã hội.

Kết thúc các cuộc đấu tranh huynh đệ tương tàn trong đó trách nhiệm của Tổng thống không thể phủ nhận là hàng loạt các thất bại trong bầu cử của Đảng này, thất bại trong cuộc bầu cử

năm 1993, bầu cử châu Âu năm 1994, đó là chưa kể tới thất bại trong cuộc bầu cử Tổng thống năm 1995 vì Michel Rocard từ chức đồng nghĩa với việc Đảng Xã hội không còn ứng cử viên.

Mất thiêng

Lên năm quyền tháng 5 năm 1981, mang theo vàng hào quang đại thắng của cánh tả dưới nền Cộng hòa đệ Ngũ, là người nghĩ ra một dự án xã hội táo bạo và canh tân, người biện hộ của cuộc cải cách thực tiễn thể chế bị tố cáo là một “đảo chính liên tục”, François Mitterrand rời khỏi Điện Élysée năm 1995 trong một không khí ảm đạm và nghi hoặc lan rộng, để lại quyền lực cho một cánh hữu mà ông không ngừng chiến đấu chống lại. Dự án xã hội lớn năm 1981 đã thất bại, dù nhiều cuộc cải cách được khơi mào thời gian đó đã góp phần xây dựng nên một khuôn mặt mới cho xã hội Pháp, từ việc phân quyền cho địa phương đến việc hủy án tử hình. Trong cuộc phiêu lưu, chủ nghĩa xã hội Pháp đã đánh mất bản chất truyền thống và Michel Rocard đã có thể định nghĩa Đảng vào năm 1995 như một “đồng đồ nát”; nhưng lần đầu tiên ông phải đối đầu lâu dài với những thực tế của chính phủ và đã tạo được một văn hóa điều hành làm tăng độ tin cậy quản lý.

Kinh nghiệm ở Điện Élysée của François Mitterrand đã củng cố hơn là chỉnh lại sự lệch lạc quân chủ của hệ thống nền Cộng hòa đệ Ngũ và những hành động xu nịnh đã làm mưa làm gió trong một thời gian dài. Tuy nhiên, hai lần phải chung sống chính trị đã thay đổi bản chất quyền Tổng thống bằng cách xác định lại tầm quan trọng của cuộc bầu cử lập pháp và chỉ ra rằng pháp chúng từ nay về sau có thể hủy nhiệm kỳ mà họ đã trao cho Tổng thống trong 7 năm và giảm vai trò của ông xuống là một nhân chứng bị động trong chính sách đối ngoại. Cuối cùng, sự lãnh đạo của cánh tả đã không phải là chiến thắng về tinh thần báo trước, bởi thời kỳ này đã chứa trong nó nhiều vụ tai tiếng ở cả hai phe. Sự lộ diện dần dần của nhiều khuôn mặt khác nhau của Tổng thống đã để lại một vị đắng cho hàng triệu cử tri, những người có cảm giác bị lừa gạt.

Vượt trên những đánh giá về giá trị của con người và hành động của Tổng thống, điều còn lại là hai nhiệm kỳ Tổng thống của François Mitterrand đối với lịch sử là một giai đoạn cốt yếu thích nghi với thời đại, nói cách khác đó là giai đoạn hiện đại hoá, làm sáng tỏ sự tiếp nối với hai nhiệm kỳ trước: cơ cấu lại nền kinh tế, đấu tranh chống lạm phát, cải cách phong tục, phù hợp chính sách đối ngoại với các phương tiện của Pháp, theo đuổi công cuộc xây dựng châu Âu. Nhưng việc hiện đại hóa cũng động chạm đến chính phong cách của đời sống chính trị: các cuộc chung sống chính trị đã làm nảy sinh thói quen đồng thuận, làm thay đổi sâu sắc một truyền thống chính trị cho đến lúc đó vẫn dựa trên sự phản đối không khoan nhượng giữa các luồng tư tưởng đối nghịch. Chính thể chế Tổng thống, bị cử tri phủ nhận hai lần thông qua các cuộc bầu cử cho hai nhiệm kỳ, đã bị mất thiêng và vì thế bị đặt dưới sự kiểm soát của công dân, nhưng không vì thế mà gây ra một cuộc khủng hoảng thể chế. Chính vì vậy, kinh nghiệm của François Mitterrand đòi hỏi một cách hiểu mới về thể chế Tổng thống dưới nền Cộng hòa đệ Ngũ. Một cách hiểu sẽ được củng cố bởi nhiệm kỳ 7 năm tiếp theo.



JACQUES RENE CHIRAC
(29/11/1932)

- 22 - JACQUES CHIRAC: NGƯỜI CUỐI CÙNG CỦA NHIỆM KỲ 7 NĂM

(17 tháng 5 năm 1995 - 5 năm 2002)

Cuộc bầu cử vị tất năm 1995

Hiếm có cuộc bầu cử Tổng thống nào lại bất ngờ hơn cuộc bầu cử đã diễn ra tháng 4-5 năm 1995. Cho đến mùa hè năm 1994, dường như mọi chuyện đã an bài và dư luận đã chuẩn bị cho một sự đổi đầu tả-hữu truyền thống với hai ứng cử viên được ủng hộ ngang ngửa trong các cuộc thăm dò, Édouard Balladur, đại diện cho Đảng RPR, và Michel Rocard, của Đảng Xã hội. Được Jacques Chirac ủy thác công việc quản lý chính phủ năm 1993 trong khi chờ đợi bản thân ông tạo ra thay đổi thực sự bằng việc ra ứng cử Tổng thống năm 1995, Édouard Balladur đã thoát khỏi cái bóng của người bảo trợ của mình. Ông muốn điều hành nước Pháp và dư luận thấy lại trong con người ông những phẩm chất của một chính khách mà họ đã dành cho Raymond Barre: một tinh thần độc lập khá mạnh với bộ máy chính trị; từ chối mọi biện pháp mị dân; lo lắng cho lợi ích chung, và cả “một người biết nói thẳng nói thật”, đã từng từ chối ru ngủ dư luận trong những niềm hi vọng viển vông. Và đặc biệt là ông biết chấp nhận tình huống chung sống chính trị, biểu lộ thái độ lịch sự và ôn hòa trong quan hệ với François Mitterrand.

Thật vậy, những cuộc thăm dò cho thấy bộ phận dân chúng ủng hộ Thủ tướng rất đông: 73% vào tháng 4 năm 1993, hơn 60% cho đến cuối năm đó và sau một lần hạ thấp khá rõ, lại tăng lên vào quý II năm 1994. Vào lúc này, và không cần Thủ tướng bề ngoài phải tỏ ra cổ vũ phong trào, các nhà báo và chính khách vẫn nói tới ông như ứng cử viên sáng giá nhất cho cánh hữu trong cuộc bầu cử Tổng thống. Các cuộc thăm dò ý kiến cũng biến ông thành người chiến thắng trong vòng hai. Một vị trí chính trị như ông mong muốn nhưng khiến ông trở thành đối thủ tiềm năng của “người bạn 30 năm” của ông - Jacques Chirac. Édouard Balladur cũng định buộc các Bộ trưởng của mình không được nói đến cuộc bỏ phiếu năm 1995 hơn 3 tháng trước khi nó diễn ra, nhưng không thành công. Điều này không ngăn được một số Bộ trưởng ôn hòa như Simone Veil hay François Léotard, thậm chí cả các thành viên của RPR, như Nicolas Sarkozy hay Charles Pasqua, thúc giục Thủ tướng ra tranh cử. Phản ứng không thể tránh khỏi: Alain Juppé, Bộ trưởng Ngoại giao và Tổng thư ký của RPR, đã quyết định công khai ủng hộ Jacques Chirac và, ngay từ tháng 6 năm 1993, Philippe Séguin, khi đó là Chủ tịch Quốc hội, đòi “đảo ngược hoàn toàn các giá trị và lựa chọn của chính phủ”. Nhưng một vài tuần trước khi diễn ra cuộc bầu cử, dường như không có gì chống lại bước tiến vững chắc của Édouard Balladur vào Điện Élysée, kể cả cuộc chiến huynh đệ tương tàn trong nội bộ Đảng RPR.

Điều này càng đúng khi mà ở cánh tả, những cuộc khủng hoảng liên quan đến những đổi đầu giữa các phong trào và những tham vọng cạnh tranh của những “con voi” tuyên bố cuộc bầu cử như một cuộc chạy đua xuống đáy vực thẳm. Michel Rocard, người được các cơ quan của Đảng Xã hội - đảng đã bầu ông làm Bí thư thứ nhất sau thất bại của cuộc bầu cử lập pháp năm 1993 - đặt vào vị trí ứng cử viên tiềm năng, đã vấp phải ác cảm của François Mitterrand, người đã khiến ông chỉ có được một số phiếu rất thấp bằng cách đưa ông vào một danh sách cạnh tranh mà đứng đầu là Bernard Tapie trong cuộc bầu cử châu Âu năm 1994, điều này khiến ông trở thành thiểu số trong Hội đồng quốc gia của Đảng Xã hội. Các cơ hội trở thành Tổng thống của ông đã tan biến, nhất là khi từ đó chính các đối thủ của ông thuộc phong trào của Laurent Fabius nắm quyền điều hành Đảng và chọn người đứng đầu của Đảng là Bí thư thứ nhất Henri Emmanuelli.

Toàn bộ đơn ứng cử của Laurent Fabius đã bị loại, vì lý do chia rẽ nội bộ của Đảng và vì những lời tố cáo chống lại ông khi ông là Thủ tướng (vụ máu nhiễm bệnh đã khiến ông bị ra Tòa án Tối cao), những người Xã hội đang tìm kiếm một ứng cử viên đáng tin hơn cho năm 1995. Họ đã chuyển niềm tin của mình vào cựu Bộ trưởng Kinh tế và Tài chính Jacques Delors, người đã

đứng ngoài những chia rẽ nội bộ Đảng và mang một hình ảnh chính khách hiệu quả và có trách nhiệm khi là lãnh đạo Ủy ban châu Âu. Trong nhiều tháng liền, các cuộc thăm dò rất ủng hộ ông đã làm sống lại niềm hi vọng cho những người Xã hội và những gian lận trong vòng hai thăm chí còn biến ông thành người chiến thắng trước Thủ tướng. Nhưng Jacques Delors đã quyết định, cuối tháng 12 năm 1994, không ra ứng cử. Trong những ngày đầu năm 1995, năm diễn ra bầu cử, những người Xã hội đã không có ứng cử viên nào, cả chính thức lẫn không chính thức.

Lỗ hổng này đã được lấp đầy vào đầu tháng 1 bởi quyết định ra ứng cử bất ngờ của Lionel Jospin, Bí thư thứ nhất của Đảng Xã hội từ năm 1981 đến năm 1988. Ông đã quyết định rút khỏi chính trường sau thất bại năm 1993. Việc ông tuyên bố bước lên sàn đấu đã không gây được cảm tình với François Mitterrand và làm thất bại các dự án của những người thân cận Laurent Fabius, người không hề lo lắng khi chứng kiến một cựu đối thủ của mình trong Đại hội Rennes nhận được sự ủng hộ của quần chúng mà chiến dịch tranh cử Tổng thống mang lại. Các lãnh đạo của phong trào Fabius định sử dụng ảnh hưởng của mình đối với ban lãnh đạo Đảng Xã hội để ngăn cản các dự án của ứng cử viên vừa tuyên bố, nhưng họ buộc phải chấp nhận đề xuất của Lionel Jospin là để các thành viên trong đảng chỉ định ứng cử viên, chứ không phải là ban lãnh đạo chỉ định. Ngoài ra, để Lionel Jospin bị thất bại, họ đã quyết đặt ông đối lập với Bí thư thứ nhất Henri Emmanuelli, người có thể gây khó dễ cho cựu Thủ tướng, chứ không phải cựu Bộ trưởng Văn hóa và Giáo dục Jack Lang vốn sẽ coi đó là một vị đắng. Nhưng cuộc bỏ phiếu của các thành viên trong đảng, diễn ra vào tháng 2, mới là quyết định cuối cùng: bằng một đa số rất lớn, họ đã đề cử Lionel Jospin. Từ đầu tháng 3, Lionel Jospin đã phát động một chiến dịch tranh cử ban đầu còn dè dặt, nhưng dần dần được khẳng định, tạo nên sự hồi sinh của một phong trào xã hội thăng tiến theo các cuộc thăm dò, làm cho sự xuất hiện của cánh tả trong vòng hai trở nên huyền hoặc nữa.

Lúc này, bối cảnh chính trị đã hoàn toàn bị đảo lộn trong cánh hữu so với tình hình đầu năm 1995. Không còn nghi ngờ gì nữa, do lo sợ bị loại bởi ứng cử viên gần như chính thức Édouard Balladur, và cũng bởi khả năng xuất hiện của Valéry Giscard d'Estaing, Raymond Barre và Philippe de Villiers, đầu tháng 11/1994 Jacques Chirac đã quyết định bước lên vũ đài chính trị để không xuất hiện trong vai trò người chia rẽ cánh hữu nếu tuyên bố tranh cử sau tất cả những người khác. Nhưng lúc này, hồ sơ tranh cử của ông dường như có nhiều khả năng thất bại khi so sánh với sự nổi tiếng của Thủ tướng. Đành rằng, trong nội bộ RPR, ông nhận được sự ủng hộ của Alain Jupé và Jacques Toubon, và trong số những người theo Valéry Giscard d'Estaing, ông được sự ủng hộ của Hervé de Charette và Alain Madelin, những người theo trường phái tự do, nhưng qui chế Bộ trưởng đã ngăn cản những người này tuyên bố quá thẳng thắn. Nhận được sự ủng hộ của Jean-Louis Debré, Bernard Pons và Chủ tịch Quốc hội Philippe Séguin, người hợp với vai trò đối lập với Édouard Balladur hơn là ủng hộ Chính phủ, Jacques Chirac đã nỗ lực tiến hành một chiến dịch tranh cử đáng thất vọng: đầu tháng 1 năm 1995, các cuộc thăm dò đã dành cho ông 17% số phiếu trong khi Édouard Balladur được 29%, cuối tháng 1, ông được 18%, Édouard Balladur 32%, đầu tháng 2 là 17,5% và 28%. Kể từ đó mọi thứ bắt đầu đảo lộn.

Jacques Chirac, chịu ảnh hưởng của Philippe Séguin, người chủ trương quay lại “chủ nghĩa De Gaulle được lòng dân”, đã ra thể hiện tranh cử như một ứng cử viên của nhân dân chống lại tầng lớp quý tộc và những người ưu tú, và chiếm vị trí bị bỏ trống bởi một cánh tả đang rối bời vì những chia rẽ nội bộ. Thắng thừng tố cáo những người cầm quyền sau đối thủ của ông (nhóm mà ông hình như đã quên là mình đang muốn kéo vào Chính phủ), ông tố cáo họ là đã bằng lòng với sự suy thoái của quốc gia, với bất công xã hội, với sự thống trị của các trò chơi tài chính, và đề xuất cho đất nước một chương trình cắt đứt với chủ nghĩa bảo thủ xung quanh: xây dựng lại an ninh ở các vùng ngoại ô trong 6 tháng, và trong lĩnh vực kinh tế, một “chính sách khác” sẽ dẫn tới một hành động duy ý chí chống lại thất nghiệp. Cùng lúc đó, (và không phải là không hợp lý), dưới ảnh hưởng của Alain Madelin, ông chủ trương một con đường tự do hơn trong lĩnh vực kinh tế, hứa hẹn chuyển vào ngân sách nhà nước một phần quan trọng của trách nhiệm lương bổng của các doanh nghiệp vừa và nhỏ để cho phép họ tuyển người, trong khi sự tăng thu từ thuế như mong đợi sẽ cho phép bù lại thâm hụt và một cuộc cải cách về thuế

sẽ đảm bảo nguồn tài chính cho an sinh xã hội. Bài diễn văn chống đối này đã đồng thời biến Thủ tướng do Chủ tịch RPR đề cử thành một người bảo thủ, quá chuẩn mực, thụ động, luôn cố định trong một cách “suy nghĩ duy nhất”, gắn bó với một chủ nghĩa tự do đã lỗi thời.

Các cố gắng của Édouard Balladur và những người bạn của ông nhằm làm sáng tỏ những mâu thuẫn và tính không thực tế của các đề xuất của Chủ tịch RPR, mà họ cho là việc thực hiện sẽ đe dọa đến sự ổn định của đồng tiền, đều vô ích. Đà tiến trong các cuộc thăm dò đối với Édouard Balladur đã giảm và, ngay từ những ngày đầu tiên của tháng 3, tình hình đã bị đảo ngược, Jacques Chirac chiếm ưu thế (giành được 24% trong khi đối thủ của ông chỉ được 20%). Mặc dù nhờ sự tăng cường trong quá trình tranh cử, Jacques Chirac đã tránh được thất bại nhưng không phải vì thế mà sự chuyển hướng của dư luận lại không có lợi cho đối thủ của ông, và giữa ứng cử viên có vẻ bằng lòng với một trật tự tự nhiên (tăng trưởng chững lại, duy trì một tỷ lệ thất nghiệp cao) và ứng cử viên chứng tỏ một chủ nghĩa năng động đầy hứa hẹn và một chủ nghĩa duy ý chí được khẳng định là để thoát khỏi sự đơn điệu và buồn tẻ, sự thích thú của cử tri cánh hữu (và một bộ phận cử tri cánh tả) đã rõ ràng thiên về người thứ hai. Đến nỗi cuộc đo sức tay đôi Balladur - Rocard hay Balladur - Delors mà người Pháp chờ đợi, đã bị thay thế bằng một cuộc đối đầu giữa Chirac - Jospin vào tháng 4, hoàn toàn trái ngược với mọi mong đợi.

Vòng đầu tiên diễn ra ngày 23 tháng 4 năm 1995 chứa đựng một ngạc nhiên khác. Trước sự ngạc nhiên chung, chính ứng cử viên Xã hội Lionel Jospin đã về nhất với 23,3% số phiếu, thể hiện sự bền vững của cử tri cánh tả, vượt qua các cuộc khủng hoảng đã tác động lên Đảng Xã hội. Jacques Chirac chỉ nhận được một tỷ lệ đáng thất vọng với hơn 20% số phiếu và cho thấy không có một cơn sóng thần nào có lợi cho ông. Về thứ ba với 18,5%, Édouard Balladur không thực sự bị bỏ xa lắm: cử tri cánh hữu trong nghị viện trên thực tế đã bị cắt làm đôi. Còn 15% số phiếu dành cho ứng cử viên cực hữu Jean-Marie Le Pen, tạo thành một nguồn dự trữ phiếu mà đương nhiên sau này sẽ chuyển sang cho Jacques Chirac. Bất chấp những cố gắng của Lionel Jospin để nhấn mạnh sự năng động của cánh tả mà ông đã tạo ra được xung quanh mình, Jacques Chirac đã đắc cử Tổng thống ngày 7 tháng 5 với số phiếu 52,63% trước 47,37% của Lionel Jospin.

Ông chỉ còn phải chứng tỏ rằng sau khi chinh phục được quyền lực sau hai thất bại, năm 1981 và 1988, ông đã có trong tay những khả năng cần thiết để điều hành một đất nước mà ông biết cách quyền rũ.

Một kiểu chính khách mới

Người đàn ông bước vào Điện Élysée tháng 5 năm 1995 này là người đại diện đích thực cho một thế hệ chính khách mới mà chủ nghĩa De Gaulle đã làm xuất hiện trong nước Pháp nửa sau thế kỷ XX. Ông không bước vào chính trường bằng tấm bình phong là những niềm tin vững chắc, thông qua con đường kỹ thuật bằng các năng lực nghề nghiệp. Những lựa chọn thời trẻ của ông đã hướng ông tới cánh tả nhiều hơn và ông cảm thấy gần gũi với một chủ nghĩa xã hội không rõ nét không phải là kiểu quan liêu của SFIO. Trong một thời gian rất ngắn, ông cũng bị Đảng Cộng sản cuốn hút, và cũng như nhiều bạn bè cùng trang lứa hồi trẻ, ông đã ký vào Bản kêu gọi Stockholm nhằm chống lại chiến tranh hạt nhân do sáng kiến của Tổ chức cộng sản Phong trào Hòa bình, định biến văn bản này thành một phương tiện gây sức ép đòi Chính phủ Pháp cắt đứt quan hệ của Pháp với Đại Tây Dương.

Nhưng lời giải thích nằm ở chỗ khác. Học chuyên ngành Khoa học-Chính trị, ông vào Trường đại học Hành chính Quốc gia (ENA). Tại đây, ông đã theo chương trình đào tạo các lãnh đạo cấp cao giúp họ bước vào chính trường qua sự sàng lọc ở các văn phòng Bộ trưởng. Làm kiểm toán viên, sau là kiểm toán ở Tòa Kiểm toán, năm 1962, ông tham gia Nội các của Thủ tướng Georges Pompidou, người tin rằng ông là nhân vật năng động và hiệu quả, đôi khi hơi lộn xộn. Phi chính trị mỗi khi liên quan đến các công việc hành chính, hoạt động của ông trong Nội các phục vụ Thủ tướng bị thay đổi bản chất khi ông dùng nó một cách hăng hái trong các dự án chính trị của mình. Theo đề nghị của Georges Pompidou, ông chấp nhận tấn công vào những

mảnh đất cánh tả ở Limousin, vì chính quyền De Gaulle. Vì vậy, năm 1964, ông đã được chỉ định làm thành viên của CODER của Limousin, chịu trách nhiệm phát triển kinh tế vùng này, nhiệm vụ này trở nên đơn giản do sự gần gũi của ông với các quan chức đứng đầu Nhà nước và cho phép ông hướng tới các chức vụ dân cử, trong một vùng mà những người có địa vị cao định nắm thứ quyền lực có khuynh hướng ủng hộ một chính quyền đảm bảo cho họ những lợi ích từ sự trung thành của họ.

Chính vì không giống với các công chức khác khi bước vào chính trường nên Jacques Chirac sẵn sàng theo đuổi tiến trình truyền thống của nước Cộng hòa đại nghị, thể hiện đức tin của ông, mối quan hệ trực tiếp của ông với người dân, mối quan tâm của ông đối với những vấn đề hằng ngày và các phẩm chất của một người “cấp quận” khá bất ngờ. Trước tiên, ông được bầu làm Đại biểu hội đồng thành phố Sainte-Féréole ở Corrèze năm 1965, hai năm sau đó trở thành nghị sĩ của nền Cộng hòa đệ Ngũ ở khu vực bầu cử Ussel (khu vực của tiến sĩ Queuille, nhân vật biểu trưng của các nền Cộng hòa đệ Tam và đệ Tứ). Ông gắn bó với địa phương tại Corrèze bằng cách trở thành Đại biểu hội đồng cấp vùng năm 1968, rồi hai năm sau trở thành Chủ tịch Hội đồng vùng.

Bước vào chính trường nhờ đặc ân và sự bảo trợ của Thủ tướng, người được bầu làm Tổng thống năm 1969, dưới chiếc gậy chỉ bảo của người bảo trợ ông, Jacques Chirac, vượt qua một cách khó nhọc các cấp bậc từ vị trí kỹ thuật viên chính trị cho đến tột đỉnh của nhà nước. Vị nghị sĩ của Corrèze này có đặc điểm là trên thực tế không bao giờ đại diện cho tỉnh của mình ở Quốc hội, bởi vì ông thường xuyên giữ các chức vụ Bộ trưởng. Là Bộ trưởng Các vấn đề xã hội chịu trách nhiệm về công ăn việc làm trong chính phủ của Pompidou tháng 4 năm 1967, là Bộ trưởng Kinh tế Tài chính sau lần cải tổ nội các ngày 1 tháng 6 năm 1968, và sau khi Georges Pompidou từ chức, ông vẫn làm việc trong chính phủ của Couve de Murville được thành lập vào tháng 7. Ông là gương mặt đại diện gần như chính thức cho cựu Thủ tướng. Georges Pompidou được bầu vào Điện Élysée, Jacques Chirac củng cố vị trí của mình. Trước tiên là Bộ trưởng Kinh tế và Tài chính, dưới Chính phủ của Valéry Giscard d'Estaing, từ năm 1971 ông bước vào những bộ mang tính chính trị hơn. Ở cương vị Bộ trưởng Quan hệ với Nghị viện (cơ quan mà chưa bao giờ ông dự họp), ông tỏ ra không thích vị trí đòi hỏi sự khéo léo và tài ngoại giao này lắm. Sau đó, ông cảm thấy thoải mái hơn khi ở Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi ông được bổ nhiệm năm 1972 và ông thể hiện hết khả năng của mình khi ở Bộ Nội vụ mà Georges Pompidou đã chỉ định ông vào tháng 3/1974.

Chính từ chức vụ chiến lược này mà Jacques Chirac, bị các cố vấn của Tổng thống là Marie-France Garaud và Pierre Juillet thúc đẩy, toan tính những âm mưu làm thất bại việc tranh cử vào Điện Élysée của Jacques Chaban-Delmas vào mùa xuân năm 1974. Một giai đoạn mới trong sự nghiệp chính trị của ông đã mở ra. Là Thủ tướng của Tổng thống Valéry Giscard d'Estaing, ông đã chiếm Đảng UDR của De Gaulle vào tháng 12/1974 bằng sự táo bạo và tích cực của mình, và biến đảng này thành công cụ cho các tham vọng chính trị của mình. Nhận thấy ảnh hưởng yếu ớt của mình đối chính sách của Chính phủ, ông đã từ chức bất ngờ khỏi vị trí Thủ tướng tháng 8/1976, làm biến đổi sâu sắc UDR, Đảng mà ông đã loại ra hoặc hạn chế ảnh hưởng của những người theo trường phái De Gaulle trước khi biến đảng này thành Đảng Tập hợp vì nền Cộng hòa (RPR) vào tháng 12 cùng năm.

Từ đó, sự nghiệp của ông đã hòa vào cuộc tìm kiếm bền bỉ vị trí đứng đầu Điện Élysée và ý muốn duy trì chống lại mọi ý định chiếm đoạt RPR, Đảng mà ông ấn định mục tiêu gần như duy nhất là giúp ông trở thành Tổng thống. Thất bại liên tiếp vào năm 1981 (sự đối đầu hằn thù của ông đối với Valéry Giscard d'Estaing đóng vai trò lớn trong thất bại của ông này và trong sự kiện cánh tả lên cầm quyền) và thất bại năm 1988 (bất chấp vị trí Thủ tướng của mình, ông đã không thực sự làm được cái việc là gây lo lắng cho một François Mitterrand tin chắc vào khả năng tái cử của mình) đã gây ra các xáo trộn trong lòng đảng theo chủ nghĩa De Gaulle. Mỗi giai đoạn đều cho thấy sự mất kiên nhẫn của những người đồng đảng bị thất bại luôn nghi ngờ khả năng lãnh đạo của vị thủ lĩnh của họ: sự nghi ngờ đã khiến các lãnh đạo của phong trào này nghĩ tới việc thay đổi người đứng đầu cánh hữu nói chung và người đứng đầu RPR nói riêng.

Vì vậy, Jacques Chirac phải chấp nhận nhượng bộ một phe đối lập tiềm tàng ngay bên trong Đảng của mình, trong đó nổi bật là Philippe Séguin - người đòi một sự hoạt động dân chủ hơn của RPR - hay những nghị sĩ trẻ như Michel Noir, Alain Devaquet hay Alain Cargnon. Năm 1990, một nhóm thực sự đã được tổ chức xung quanh Charles Pasqua và Philippe Séguin, tập hợp lại với nhau nhờ tư tưởng chống châu Âu. Đến năm 1993, RPR đã bị chao đảo sau một cuộc tranh cãi nội bộ, một tranh cãi dù liên quan đến cá nhân Jacques Chirac, nhưng lại công kích mạnh mẽ những người thể hiện chính sách của ông như Bernard Pons hay Alain Juppé. Đành rằng trong một đảng phái chính thống, những sự phản kháng sẽ nhanh chóng đạt đến giới hạn, và Jacques Chirac luôn thành công trong việc giảm những giới hạn này xuống theo thời gian bằng cách chấm dứt các nhượng bộ mà trước đó ông đã tạm thời chấp nhận. Nhưng quyền lực đã rơi vào tay một đảng phái đang khủng hoảng cực độ vào năm 1993, chủ yếu là vì lý do Đảng Xã hội bị mất uy tín, hơn là vì sức hấp dẫn của chính mình.

Người ta đã chứng kiến cách mà Jacques Chirac, bị kinh nghiệm năm 1986-1988 dạy cho một bài học, đưa Édouard Balladur lên cầm quyền trước khi ra ứng cử chống lại ông này, phản đối chính sách mà các Bộ trưởng cánh hữu tiến hành năm 1993-1996 với sự hậu thuẫn của các nghị sĩ trong đa số mới, trong đó có RPR. Sau thất bại của Édouard Balladur ở vòng đầu, những người ủng hộ ông đã tỉnh ngộ và cho rằng họ đã chọn một Tổng thống thích hợp, nhưng chắc chắn không phải một ứng cử viên đúng. Sau vài tháng nắm quyền của Tổng thống Chirac, người Pháp tự hỏi liệu có cần phải áp dụng hình thức chống lại với người đã đắc cử năm 1995 hay không.

Thử thách quyền lực

Ngay sau khi Jacques Chirac trúng cử một cách thuyết phục vào Điện Élysée, bắt đầu xuất hiện nghi ngờ lớn nhất về các xu hướng của bảy năm tới. Người Pháp, như chúng ta đã thấy, muốn gạt bỏ các nhà Xã hội hơn là chọn cánh hữu, và người ta nhận thấy rằng tân Tổng thống không có được bất kỳ thuận lợi nào sau khi đắc cử. Hơn nữa, dư luận lại nghi ngờ về cách Tổng thống thực hiện những lời hứa tranh cử của mình liên quan đến việc giảm bất bình đẳng xã hội bởi cùng một lúc, dưới ảnh hưởng của Philippe Séguin, ông định theo đuổi một “chính sách khác”, duy lý hơn, để chống lại nạn thất nghiệp, và dưới ảnh hưởng của Alain Madelin, ông lại định thúc đẩy chủ nghĩa tự do bằng cách giảm thuế doanh nghiệp và giảm sức ép về thuế.

Việc lựa chọn Thủ tướng được cho là dấu hiệu rõ nhất cho các ý định của Tổng thống. Vậy mà, việc chỉ định một người trung thành là Alain Juppé, người có sự lạnh lùng mang tính chủ trương kỹ thuật cầm quyền không gợi được hứng thú, cho thấy rõ ràng là ê kíp mới không thực sự nghĩ tới việc cắt đứt với chính sách của Édouard Balladur. Quyết định của Philippe Séguin không tham gia chính phủ và giữ nguyên chức Chủ tịch Quốc hội đã khẳng định lại cách hiểu này. Nhưng như thế không có nghĩa là dẫn thân vào con đường tự do cực đoan mà Alain Madelin ca tụng, người được đặt vào vị trí đứng đầu một bộ rất lớn là Bộ Kinh tế và Tài chính. Tháng 8 năm 1995, Alain Madelin đã gây náo động lớn khi tuyên bố ý định tấn công vào những lợi ích mà các công chức và nhân viên các tổ chức công được hưởng, ông đã nhanh chóng bị Thủ tướng cách chức không úp mở. Nói đúng ra, không ai có khả năng xác định được đường hướng chính trị của chính phủ quá công kênh gồm 42 thành viên được Alain Juppé bổ nhiệm vào tháng 5. Bao gồm tất cả các xu hướng của cánh hữu, cánh ủng hộ Jacques Chirac, cộng thêm một số đồng minh già của vòng bầu cử đầu tiên (như François Bayrou hay Philippe Douste-Blazy), nhưng cơ cấu của chính phủ này bại bao gồm cả những người trung thành với lãnh đạo RPR, Jacques Toubon, Alain Madelin, Hervé de Charrette, Bernard Pons, Charles Millon, Jean Louis Debré. Thế vào đó có 12 phụ nữ (những người nhanh chóng bị gọi là “váy ngắn”). Ngược lại, tất cả các lãnh đạo ủng hộ Édouard Balladur đều bị gạt ra, dù họ là người của UDF như François Léotard hay Simone Veil của RPR, Charles Pasqua và Nicolas Sarkozy. Trên thực tế, cuộc bầu cử cấp thành phố, bị hoãn đến tháng 6 năm 1995, đang đến gần, sau đó là giai đoạn nghỉ hè khiến Thủ tướng hoãn mọi quyết định đến mùa thu.

Tháng 9/1995, để trừng phạt sự lưỡng lự của Chính phủ gây ra cảm giác làm việc theo lối tài tử

vì những tuyên bố không đúng lúc và mâu thuẫn của một số Bộ trưởng, Alain Juppé đã tiến hành cải tổ nội các mà điểm đặc biệt được dư luận chú ý đến là việc gạt ra 8 trong số 12 nữ Bộ trưởng “váy ngắn” được bổ nhiệm hồi tháng 5. Đặc biệt, quyền lực mới đã hé lộ. Quay lưng lại với những lời hứa tranh cử, Jacques Chirac đã dùng lại chính sách của Édouard Balladur (mà ông đã từng khinh miệt). Coi các đòi hỏi của toàn cầu hóa và đặc biệt là các tiêu chí đồng nhất của hiệp ước Maastricht về việc cho ra đời đồng tiền chung châu Âu ngày 1 tháng 1 năm 1999 là ưu tiên tuyệt đối, Tổng thống đã đặt mục tiêu chính cho Chính phủ không phải là giảm bất bình đẳng xã hội mà là đấu tranh chống lại thâm hụt ngân sách. Rõ ràng vấn đề không còn là giảm thuế như đã được cam kết để tạo động lực cho tiêu dùng và đầu tư, mà ngược lại, là tăng thuế: tăng VAT, đánh thêm 10% vào thuế liên kết tài sản, tăng thêm thuế công ty... Việc phải làm là bổ sung thêm 50 tỷ vào ngân sách nhà nước. Trước kia khi còn là ứng cử viên, Chirac chủ trương tăng lương, nay ông lại đóng băng các khoản trợ cấp cho cán bộ. Ngược lại với lời hứa của ông, Chính phủ của ông đã tuyên bố một chính sách thuế an sinh mới để lấp đầy chỗ thâm hụt, nhiều nghị định đã ra đời để Chính phủ kiểm soát hệ thống an sinh xã hội và giảm chi tiêu cho y tế. Tương tự như vậy, chính phủ quyết định tẩn công vào tiền lương hưu của công chức và các chế độ hưu trí đặc biệt của các nhân viên ngành dịch vụ công.

Kế hoạch tài chính hà khắc này đã có kết quả là vào tháng 12 năm 1995, một làn sóng tổng động viên nhân viên nhà nước lớn chưa từng có kể từ năm 1986 : đình công, biểu tình, diễu hành liên tiếp cho đến cuối tháng, làm tê liệt một phần các thành phố và nền kinh tế đất nước. Đa số người dân đồng tình với hành động của những người bãi công, nhìn thấy trong phong trào này nỗi cay đắng tập thể của người làm công trước sự hi sinh không được đền đáp mà chính quyền đòi hỏi. Đối với chính quyền, cái giá phải trả về chính trị là rất đắt. Nếu như khi lên nắm quyền, 59% người dân Pháp đã tin tưởng vào Jacques Chirac và 63% tin vào Alain Juppé, thì đến cuối năm đó, tình hình đã đảo ngược, chỉ 27% người Pháp thuận theo Jacques Chirac, 58% chống, trong khi Alain Juppé với 20% thuận và 68% chống, đã tiến gần tới những kỷ lục nguy hiểm về việc không được lòng dân mà Édith Cresson đã lập năm 1992. Đây là sự phản đối sâu sắc nhất đến từ giới trẻ và giới bình dân vốn là những người bảo đảm cho thành công của Jacques Chirac tháng 5 năm 1995.

Vậy mà về cơ bản, vì những lý do nêu trên, chính sách mà chính phủ theo đuổi, bị nghi ngờ vào năm 1996, đã dẫn đến sự mất lòng tin hàng loạt trong dư luận và những lời chỉ trích của phe đa số. Ngoài Alain Madelin, người chỉ trích Chính phủ không dám thực hiện mạnh dạn một chính sách tự do và “lưng lơ con cá vàng”, Charles Pasqua thì mỉa mai Thủ tướng là “lãnh đạo Nội các tuyệt vời của Jacques Chirac”, và RPR là “chiếc kèn lệnh hoan hô” hay “trung đoàn số 1 của những kẻ đánh giầy”. Trong tình thế khó khăn này, những giải pháp thay thế được áp dụng cho ngân sách năm 1988 cho thấy nước Pháp không thể đạt được những tiêu chí giảm thâm hụt công mà Hiệp ước Maastricht đặt ra. Chính vì vậy, cần phải tính đến việc tăng cường chính sách khắc khổ cho năm 1997. Việc này khiến cánh hữu chắc chắn bị thất bại nghiêm trọng trong các cuộc bầu cử lập pháp sau đó.

Tin vào những cuộc thăm dò theo đó trong trường hợp bầu cử trước thời hạn, cánh hữu có thể chiến thắng nhờ đa số phiếu của phe cực hữu chuyển sang cho đảng mình, Thủ tướng đã thuyết phục Jacques Chirac tiến hành giải tán Quốc hội trước khi các tác động của chính sách khắc khổ tạo ra các kết quả bầu cử thảm hại. Việc này xảy ra ngày 21 tháng 4 năm 1997, bất chấp phản đối của Chủ tịch Quốc hội Philippe Séguin. Được sử dụng nhằm tránh một thất bại của cánh hữu trong bầu cử, nhưng ngược lại, giải pháp giải tán Quốc hội chỉ làm cho thất bại này đến nhanh hơn.

Chung sống chính trị trở thành thông lệ

Một kịch bản bi thảm đã diễn ra đối với êkíp cầm quyền mùa xuân năm 1997. Trong khi Jacques Chirac hình dung rằng bài toán bầu cử sẽ giúp củng cố hàng ngũ của đa số, thì ngược lại, cuộc bầu cử này đã làm gia tăng những lời chỉ trích công khai hoặc không công khai chống lại Alain Juppé và chính sách của ông. Alain Madelin tiến hành chiến dịch tranh cử cá nhân về

chủ đề tự do hóa (bác bỏ những thận trọng của Thủ tướng). Philippe Séguin trở thành nhà vô địch của chủ nghĩa duy lý chống lại những nguy cơ chệch hướng tự do. Về phần mình, Charles Pasqua nhấn mạnh đến sự kém cỏi trong chiến dịch tranh cử của Alain Juppé. Trên thực tế, Alain Juppé nhanh chóng bị dẫn vào ngõ cụt. Không thể công khai tuyên bố tăng cường chính sách khắc khổ, nếu không muốn tự sát về chính trị, nên ông càng không thể giữ những lời hứa phục hồi kinh tế mà ông biết không thể thực hiện được. Vì vậy, ông chỉ còn cách khẳng định lại rằng ông sẽ kiên trì con đường từ năm 1995, khi mà 64% người Pháp đánh giá tiêu cực bản báo cáo 2 năm đầu nhiệm kỳ Tổng thống của Jacques Chirac. Vì vậy, phe đối lập cánh tả thấy mở ra trước mắt mình một đại lộ, Lionel Jospin hướng chiến dịch tranh cử của mình vào sự quốc hữu hóa do một phe phái chính trị thực hiện, làm xuất hiện trở lại một chủ đề rất cũ “Nhà nước RPR”, chủ đề nhận được những hưởng ứng mạnh mẽ trong đảng trung tâm và trong nội bộ UDF. Về phần mình, chuyên gia kinh tế học của Đảng Xã hội Dominique Strauss-Kahn đã khuấy động mối đe dọa về một bước ngoặt tự do cực đoan. Bất chấp điều đó, đến tận trước ngày bầu cử, các tổ chức thăm dò dư luận vẫn dự báo cánh hữu sẽ chiến thắng.

Vì vậy, các kết quả trong vòng đầu, ngày 25 tháng 5, tạo ra một sự ngạc nhiên lớn. Không chỉ cánh hữu đã bị đánh bại đau đớn, chỉ tập hợp được 36% số phiếu - kết quả tệ nhất của họ kể từ năm 1958, trong khi Mặt trận Quốc gia được hơn 15% số phiếu trở thành trọng tài trong 133 đơn vị bầu cử -, mà cánh tả, thu được một thành công rõ nét với 44,28% số phiếu, dường như còn đang trên đường giành thêm ghế trong vòng hai. Sự hốt hoảng đã xâm chiếm Điện Élysée trong khi cánh hữu biến Alain Juppé thành kẻ bung xung của thảm kịch này. Dưới sức ép của các lãnh đạo của mình, Tổng thống đã yêu cầu Thủ tướng tuyên bố sẽ từ chức nếu đa số chiến thắng. Mặt khác, Tổng thống quyết định giao việc điều hành chiến dịch tranh cử vòng hai cho hai người khởi xướng của mình năm 1995, vốn đã rời khỏi chính trường từ đó, là Philippe Séguin và Alain Madelin, những người có các chính sách hoàn toàn đối lập. Trong khi cánh tả mỉa mai họ là “hệ thống toa móc kỳ cục”, thì Tổng thống lại tạo ra một sự khó đoán trước về cách lựa chọn Thủ tướng tương lai, người ta đồn rằng đó có thể là Philippe Séguin hoặc Édouard Balladur, điều này ít nhất cũng tạo ra một sự do dự lớn về đường hướng của Chính phủ tương lai. Ngày 1 tháng 6, chính cử tri đã giải quyết tình thế tiến thoái lưỡng nan này: bằng việc trao 319 ghế cho cánh tả và 257 ghế cho cánh hữu, họ đã ngầm chỉ định Lionel Jospin làm Thủ tướng. Đây cũng là lựa chọn mà Tổng thống phê chuẩn bằng việc chính thức bổ nhiệm Lionel Jospin ngày 2 tháng 6. Và từ nay, Jacques Chirac phải điều hành đất nước cùng với một chính phủ của “cánh tả số nhiều” bao gồm những người Xã hội, một số người Cộng sản và các đại diện (với số lượng hạn chế) của phe cấp tiến cánh tả, của Phong trào Công dân và Đảng Xanh.

Vì thế, một cuộc chung sống chính trị nữa lại bắt đầu, nhưng khác cơ bản với những lần trước. Năm 1986 và 1993, một Tổng thống Xã hội, sau khi đã đánh bại kinh nghiệm nổi tiếng về quyền lực cá nhân của Tướng De Gaulle, đã chấp nhận chung sống với một Thủ tướng cánh hữu, bằng việc tuân theo quyết định của hòm phiếu và nấp sau các điều khoản của Hiến pháp thừa nhận chế độ đại nghị và Chính phủ có quyền quyết định và điều hành chính sách quốc gia. Năm 1997, lãnh đạo đảng, người tuyên bố kế thừa tự nhiên chủ nghĩa De Gaulle, đã chấp nhận là các thể chế thiết lập trên thực tế một chính thể tay đôi ở nhánh quyền hành pháp. Đúng là bằng cách cực lực lên án chính sách của Tổng thống Giscard d'Estaing trong các năm 1976-1981 và đứng ở vị trí giới hạn cuối cùng để chuyển sang phe đối lập, Jacques Chirac đã đập những cú đầu tiên vào ưu thế vượt trội của Tổng thống mà Tướng De Gaulle đã khẳng định mạnh mẽ. Bằng cách chấp nhận trở thành Thủ tướng của một Tổng thống cánh tả vào năm 1986 và bằng cách cố gắng (vô ích) hạn chế Tổng thống ở những chức năng thuần túy mang tính đại diện, ông kiên trì ý đồ biến Thủ tướng thành lãnh đạo duy nhất của nhánh hành pháp, nói cách khác là vứt bỏ những điểm chính của công trình thể chế của Tướng De Gaulle. Trở thành Tổng thống, ông đã lặp lại cách hành xử của François Mitterrand khi chấp nhận rằng lá phiếu của nhân dân đã áp cho ông một vị Thủ tướng mà ông không lựa chọn.

Có một điểm khác biệt quan trọng khác nữa giữa những lần chung sống chính trị. Năm 1986-1988 và 1993-1995, cử tri được hỏi ý kiến trong một cuộc bầu cử lập pháp đã không tán thành

sự lựa chọn mà họ đã đưa ra 5 năm trước đó, khi họ lựa chọn Tổng thống. Trong tư tưởng của Tướng De Gaulle, không thể có điểm nào chung giữa cuộc bầu cử Tổng thống, sự lựa chọn trọng đại một chính sách cho bảy năm, và một cuộc bầu cử lập pháp mà dưới con mắt của ông, chỉ liên quan đến những vấn đề thứ yếu trong quản lý. Có lẽ ông đã từ chối cuộc bầu cử lập pháp áp đặt cho ông một vị Thủ tướng mà ông đã không chọn. Nhưng François Mitterrand lại có một văn hóa chính trị khác, và trong viễn cảnh đó, ông có thể chính đáng cho rằng sự chung sống chính trị đã mở ra một thời kỳ chuyển tiếp hai năm trước khi người dân một lần nữa được hỏi ý kiến trong cuộc bầu cử Tổng thống.

Năm 1997, không có vấn đề gì về giai đoạn chuyển tiếp bởi Quốc hội đã được bầu trong năm năm và nhiệm kỳ này kết thúc vào năm 2002, trùng khớp với nhiệm kỳ của Tổng thống. Trừ phi định một lần nữa giải tán Quốc hội mà kinh nghiệm năm 1997 đã chỉ ra rằng việc này sẽ rất mạo hiểm và tình trạng chia rẽ của cánh hữu sau thất bại của họ dù sao trước mắt sẽ là điều không thể, Jacques Chirac phải chấp nhận rằng giai đoạn hoạt động trong nhiệm kỳ bảy năm của ông đã giảm xuống còn hai năm 1995-1997 (giai đoạn mà người ta đã thấy rằng 64% người Pháp cho là tồi tệ), 5 năm còn lại buộc ông chỉ đóng vai trò biểu tượng, trừ lĩnh vực đối ngoại và quốc phòng, những lĩnh vực mà quyền tuyệt đối của ông không bị xem xét lại. Và đó cũng là giai đoạn năm năm mà Lionel Jospin ấn định chương trình của mình bằng việc trình tuyên bố của Chính phủ trước Quốc hội.

Khác biệt cuối cùng, lần chung sống chính trị mới này đã thay đổi bản chất của quyền lực Tổng thống. Năm 1986 và 1993, người ta đã nghĩ rằng đây là những mưu mẹo tạm thời, một dạng sai lệch trong lá phiếu vì muốn phủ nhận một Tổng thống Xã hội mà tính hợp pháp của việc đứng đầu nền Cộng hòa đệ Ngũ đã không được chấp nhận hoàn toàn, nhưng việc ông đắc cử có thể đoán trước vào năm 1988 và 1995 đã đưa mọi việc trở lại bình thường, tức là sự trùng hợp giữa màu sắc chính trị của Tổng thống và của đa số trong Quốc hội. Với việc chung sống chính trị trong năm năm bắt đầu từ 1997, sự chung sống chính trị này có xu hướng trở thành qui luật, vì trong 16 năm 1986-2002, thì chín năm đã phải chứng kiến chính thể tay đôi ở vị trí đứng đầu nhà nước và chỉ chưa đầy bảy năm có sự đồng nhất giữa đa số của Tổng thống và đa số lập pháp.

Mọi việc diễn ra như thể chung sống chính trị đã thể hiện sự mong muốn của công luận Pháp là không giao toàn bộ quyền lực cho một đảng duy nhất và buộc cánh tả và hữu vào một thói quen thỏa thuận trong quản lý việc công.

Jacques Chirac ứng cử viên

Những tháng đầu của Chính phủ Jospin xét cho cùng là một ổ mìn thực sự đối với hoạt động của Tổng thống. Trên thực tế, mọi thứ diễn ra như thể êkíp mới đã thành công không mấy khó khăn ở những chỗ mà Jacques Chirac và Alain Juppé đã thất bại thảm hại năm 1995-1997. Có một cách giải thích căn bản kết quả đáng ngạc nhiên này: việc thoát khỏi cuộc đại khủng hoảng thế giới, được mong đợi từ hơn 20 năm nay, lại diễn ra đúng vào 6 tháng cuối năm 1997, bất chấp một số thăng trầm nhất thời, cho phép tìm lại tỷ lệ tăng trưởng cao, đạt được một mức giảm thất nghiệp đáng kể và liên tục (2 triệu người thất nghiệp năm 2001 trong khi năm 1997 là 3 triệu) và từ đó, có thể xoa tan không khí bi quan và mất lòng tin đã từng làm cho tiêu dùng và đầu tư chững lại. Hơn nữa, việc đẩy lùi nạn thất nghiệp đã được tăng cường bởi chính sách duy ý chí của Chính phủ kích thích tạo thêm việc làm và áp đặt việc giảm giờ làm, một trong những lời hứa tranh cử của ông, bất chấp thái độ do dự của cánh hữu và giới chủ cũng như những khó khăn trong việc thực hiện việc này. Về mặt xã hội, cánh tả theo đuổi chính sách Nhà nước bảo hộ bằng cách cho thông qua các luật chống sa thải và tạo ra hình thức bảo hiểm y tế phổ cập, mở rộng đối tượng được hưởng bảo hiểm xã hội tới mọi người, kể cả những người không có công việc.

Vậy mà, chính sách xã hội mà cánh hữu cho là không thể thực hiện được ngay lập tức vì lý do cần phải đạt được các tiêu chí đồng nhất của Hiệp ước Maastricht, dường như không hề ảnh

hưởng chút nào đến việc thực hiện này. Bộ trưởng Tài chính Dominique Strauss-Kahn tiến hành giảm thâm hụt công, một công việc cần phải làm nhưng không được ông cố gắng. Tăng thu ngân sách đã cho phép khôi phục các tài khoản của bảo hiểm xã hội và đạt được mức cân bằng vào năm 2000. Ngân sách quốc gia dồi dào trở lại khiến Chính phủ thuộc Đảng Xã hội đi vào một trong những chủ đề được cánh hữu ưa chuộng bằng cách tuyên bố vào năm 2000 một kế hoạch giảm thuế dài hạn.

Những kết quả ngoạn mục này cho phép Lionel Jospin có được một sự ủng hộ lớn của dân chúng: trong các cuộc thăm dò, ông đạt được một mức độ tín nhiệm liên tục cao. Cũng vậy, từ năm 1997, các quan sát viên chính trị cũng thấy ở ông một ứng cử viên tương lai cho cánh tả trong cuộc bầu cử Tổng thống dù chính ông không công nhận điều này, mà muốn giới hạn tham vọng của mình ở việc điều hành đất nước đến năm 2002. Khách quan mà nói thì dù thế nào chăng nữa vị trí của ông cũng đã biến ông thành đối thủ tiềm năng của Jacques Chirac, người mà không ai nghi ngờ sẽ ra tái cử Tổng thống vào năm 2002.

Trên thực tế, Jacques Chirac đã chọn cách cho rằng các cuộc bầu cử lập pháp từng là việc của các đảng phái chính trị và rằng thất bại của Đảng của ông không ảnh hưởng gì tới tính hợp pháp của chính ông có được vào năm 1995. Thật vậy, cảnh giác để không lãnh đạo nào thuộc hàng ngũ của mình tranh chấp với mình trong việc điều hành, như chúng ta đã thấy, từ nay ông dành tất cả cố gắng để chuẩn bị cho sự tái đắc cử của mình. Mục tiêu đầu của ông là làm cho mọi người quên đi cách quản lý việc công của ông trong những năm 1995-1997 và thực hiện một cuộc chung sống chính trị hòa bình với Thủ tướng vì việc này phải diễn ra trong 5 năm.

Vì vậy, người ta thấy trong thời gian đương nhiệm, ông liên tục dựa theo tính hòa giải như cuộc chung sống chính trị giữa Édouard Balladur và François Mitterrand năm 1993-1995, điều đã giúp hai vị lãnh đạo này rất được lòng dân chúng Pháp, và dựa vào bài học điều hành của François Mitterrand năm 1986-1988, bảo đảm cho ông tái đắc cử khi ra tranh cử như người đảm bảo cho những lợi ích lớn của quốc gia trước một Thủ tướng bất ổn vì những khó khăn chính trị thường ngày. Biểu hiện của thái độ đầu tiên là những quan hệ xã giao giữa Jacques Chirac và Lionel Jospin, tỏ ra hợp tác hiệu quả trong việc điều hành đất nước, nói chung một giọng khi ra nước ngoài và khai thông những không gian đồng thuận lớn không mấy khó khăn, dù là về vấn đề đối ngoại, kinh tế, hay các định hướng xã hội. Các kết quả của chính sách này đã được thể hiện ngay lập tức: sự nổi tiếng của Jacques Chirac tăng dần từ hồ sơ mà nó bị chìm trong đó, và gộp vào, mặc dù có đôi lúc trời sục nhẹ, với đường tăng về sự nổi tiếng cũng rất cao của Thủ tướng. Bài học kép được rút ra: một mặt, người Pháp rất đồng tình với việc chung sống chính trị; mặt khác, sự hài lòng mà họ thể hiện về thái độ của Jacques Chirac, trong khi ông không có những quyền cơ bản của Tổng thống, dường như cho thấy họ thích một Tổng thống trọng tài hơn là một Tổng thống thủ lĩnh đảng, điều mà bấy lâu người ta cũng đã nhận thấy.

Vậy mà tình huống này không tất yếu ảnh hưởng tích cực đến ứng cử viên tương lai Chirac, bởi vào năm 2002 người Pháp sẽ lựa chọn một đường hướng và một chương trình chính trị trong khi người đứng đầu nhà nước vừa mãn nhiệm lại không có một bản báo cáo hấp dẫn dành cho họ. Chính bởi vậy, cuộc chung sống chính trị hòa bình của ông cũng chính là việc thực hiện một hòa bình có vũ trang với Lionel Jospin. Đến lượt ông ra tranh cử như một người đảm bảo cho các lợi ích lớn của quốc gia, chăm lo cho tương lai của người Pháp, ông hầu như chờ những lỗi nhỏ nhất của Thủ tướng để công khai tỏ ra hơn Thủ tướng. Vì vậy, có một cách hiểu thứ hai về cuộc chung sống chính trị dựa trên những lời giết người, những lời nhận xét chua chát, một sự ganh đua thể hiện lòng thương người của những quan chức cao nhất của Nhà nước khi xảy ra các thảm kịch quốc gia hoặc quốc tế. Thận trọng trong những năm đầu, sự đối đầu này đã dần dần trở nên gay gắt khi các cuộc bầu cử năm 2002 đến gần. Cuộc bầu cử đã đạt được một kỷ lục trong đối thoại truyền thống với báo giới ngày 14 tháng 7 năm 2001, hôm đó, dù từ chối khẩu chiến, Tổng thống đã đưa ra một bản luận tội thực sự chống lại hành động của Chính phủ.

Không còn nghi ngờ gì nữa, Jacques Chirac có thể chấm dứt thời kỳ chung sống chính trị bằng

cách giải tán Quốc hội, việc mà ông là người duy nhất có quyền làm, và yêu cầu cử tri chọn một trong hai, hoặc ông hoặc Thủ tướng của ông. Nhưng mặt khác, bản thân thời kỳ năm 1997 đòi hỏi phải thận trọng, hai sự kiện chính can ngăn ông. Đầu tiên là mối bất hòa cố hữu trong nội bộ cánh hữu đứng trước một "cánh tả đa số" mà càng thẳng ngày càng nhiều, nhưng Lionel Jospin lại thành công trong việc duy trì trật tự của cuộc chiến và có thể thắng thế bằng một bản tổng kết không thể xem thường. Nhất là khi kết quả hỏi ý kiến cử tri không hề cho thấy cuộc đấu bất lợi cho phe đối lập: trong cuộc bầu cử châu Âu tháng 6 năm 1999, cánh hữu chỉ giành được 35% số phiếu (trong đó 13% dành cho danh sách của RPR - UDF) và trong cuộc bầu cử cấp thành phố năm 2001, nếu phe đa số có thể thắng thế nhờ chiến thắng ở khoảng 40 thành phố lớn thì họ lại thất bại tại chính hai sân sau của mình là Paris và Lyon. Thêm vào đó là yếu tố bấp bênh về cá nhân đối với Tổng thống. Ông trở thành đối tượng của các cuộc điều tra tư pháp liên tiếp liên quan đến những nghi ngờ về công việc mờ ám, nghi ngờ về việc hình thành một hệ thống tài chính của các đảng phái bằng tiền hoa hồng bí ẩn do các doanh nghiệp cung cấp đổi lại việc tham gia vào thị trường công, thậm chí cả nghi ngờ về việc sử dụng tiền công vào mục đích tư. Đành rằng ông đã được hưởng qui chế miễn trừ trong thời gian tại nhiệm mà Hội đồng Hiến pháp năm 1999 thừa nhận và Tòa án Tối cao đã khẳng định lại năm 2001, và đa số vẫn tránh sử dụng lập luận này trong các cuộc tranh luận trước bầu cử. Nhưng không ai biết tác động mà những lời tố cáo này có thể gây ra khi chúng được nhắc đi nhắc lại trong một cuộc tranh luận bầu cử.

Còn nữa, trong viễn cảnh ứng cử vào chức Tổng thống, Jacques Chirac phải cạy nhờ vào Đảng RPR, đảng từ năm 1976 đã có thiên chức phục vụ cho các tham vọng của ông. Vậy mà, sau thất bại vào năm 1988, việc giải tán bất thành năm 1997 đã gây ra một cuộc phản đối tập thể chống lại Tổng thống, nhưng chủ yếu là chống lại Alain Juppé. Bất chấp các cố gắng của Jacques Chirac nhằm giữ cho Alain Juppé chức Chủ tịch RPR, Alain Juppé vẫn bị loại bởi sự tấn công kết hợp của Philippe Séguin, Édouard Balladur và Nicolas Sarkozy.

Tháng 7 năm 1997, bất chấp mong muốn của Tổng thống, Philippe Séguin trên thực tế đã được bầu làm Chủ tịch RPR với 80% người tham gia hội nghị. Nhưng rất nhanh, ông này đã nhận ra rằng mình bị lừa: nếu những người ủng hộ chấp nhận cho ông điều hành đảng của De Gaulle, thì lãnh đạo thực sự của họ lại là chủ Điện Élysée. Trong khi lãnh đạo mới của RPR ngay từ năm 1998 đã đòi Tổng thống công khai đứng đầu phe đối lập bằng cách thực hiện chung sống chính trị xung đột với Thủ tướng thì Jacques Chirac vẫn muốn tiếp tục trong con đường mà ông đã vạch ra. Cổ tình bỏ rơi Philippe Séguin, ông liên tục dành cho cựu Thủ tướng Alain Juppé những cử chỉ thân thiện, giải quyết mâu thuẫn liên quan đến việc kế nhiệm chức Thị trưởng Paris giữa hai người phó của mình là Jean Tibéri và Jacques Toubon, mà không cần quan tâm đến Lãnh đạo RPR, và cuối cùng ra lệnh cho các Nghị sĩ RPR phải bỏ phiếu thông qua một văn bản của Chính phủ chấp nhận từ bỏ chủ quyền quốc gia trở nên cần thiết để chuyển sang đồng tiền chung châu Âu, trong khi nhóm Nghị sĩ của đảng theo De Gaulle trước đó đã quyết định từ chối văn bản này theo lời kêu gọi của Philippe Séguin. Tố cáo Điện Élysée đã hi sinh lợi ích của RPR để Jacques Chirac được tái cử bằng cách chung sống chính trị ôn hòa, Philippe Séguin đã ý thức được rằng ông không thể điều hành đảng mà Jacques Chirac tạo ra chống lại ý muốn của chính ông. Quyết định đứng đầu một danh sách duy nhất của phe đối lập RPR - UDF trong cuộc bầu cử châu Âu năm 1999, ông thấy nổi lên một danh sách chống lại ông gồm những người "đòi chủ quyền" đứng đầu là Charles Pasqua, người đã ra khỏi RPR và Philippe de Villiers, và một danh sách đảng trung tâm do François Bayrou đứng đầu. Về phần mình, Jacques Chirac khẳng định rằng ông sẽ coi cử tri của cả ba danh sách này là những người ủng hộ đa số của Tổng thống, không hề có phân biệt. Quá bất bình, Philippe Séguin đã từ chức tháng 4 năm 1999. Sau ông, Nicolas Sarkozy, người giữ chức Chủ tịch lâm thời RPR, cũng trải qua kinh nghiệm là không thể điều hành đảng này nếu không có lòng tin của Tổng thống: ông chịu khuất phục trước một mệnh lệnh của Tổng thống cho ông biết rằng Tổng thống không muốn ông ra ứng cử chức Chủ tịch đảng.

Tuy nhiên, một phần lớn cán bộ, các Nghị sĩ và các thành viên nòng cốt của Đảng đều cho rằng tương lai của RPR sẽ phải giữ khoảng cách với Tổng thống. Người ta đã có bằng chứng vào mùa thu năm 1999 khi cuộc bỏ phiếu của các thành viên Đảng đã đưa Michèle Alliot-Marie lên lãnh đạo RPR, bà là một Nghị sĩ - Thị trưởng của Saint-Jean de Luz, làm thất bại ứng cử viên chính thức của Điện Élysée là Jean-Paul Delevoye. Tân chủ tịch cho biết bà muốn “tự chủ và độc lập” so với Tổng thống. Tuy nhiên, rất nhanh, trong năm 2000, Đảng RPR đã tập hợp sau Jacques Chirac, thắt chặt hàng ngũ cho cuộc bầu cử Tổng thống năm 2002. Ngoài ra, vào năm 2001, người ta còn được chứng kiến một màn kịch lý thú về một cuộc chiến với những mặt trận bị đảo ngược khi một số nhân vật cánh hữu cũng như cánh tả (từ Raymond Barre đến Michel Rocard và Valéry Giscard d'Estaing) đề nghị đảo thứ tự các cuộc bầu cử lập pháp và Tổng thống, để cuộc bầu cử Tổng thống diễn ra trước, trong khi nhiệm kỳ của Quốc hội kết thúc trước ngày dự định diễn ra bầu cử Tổng thống. Chính phủ đã đồng ý với đề nghị này và người ta thấy những người Xã hội và UDF theo François Bayrou đã ủng hộ bà nhân danh logic của các thiết chế De Gaulle, trong khi RPR lại chống lại bà! Bởi lẽ lập luận của Jacques Chirac là sự sụp đổ của phe cực hữu có thể giúp cho cánh hữu trong Nghị viện chiến thắng trong cuộc bầu cử lập pháp năm 2002 và thất bại có thể có của Đảng ông sẽ gạt Lionel Jospin ra ngoài cuộc chơi trong cuộc bầu cử Tổng thống diễn ra sau đó, trong khi các cơ hội chiến thắng của Thủ tướng là có thực nếu cuộc bầu cử Tổng thống diễn ra trước cuộc bầu cử lập pháp. Trong trường hợp đó, chính đa số trong Nghị viện có quyền quyết định và sẽ tuyên bố ủng hộ sự đảo ngược lịch bầu cử.

Ngược lại, chính bằng cách thỏa thuận, Tổng thống và Thủ tướng đã yêu cầu Nghị viện thông qua, sau đó đưa ra trưng cầu dân ý, một sửa đổi Hiến pháp giảm nhiệm kỳ Tổng thống từ bảy năm xuống còn năm năm, sửa đổi đã được cử tri thông qua tháng 9 năm 2000 dù tỷ lệ không đi bỏ phiếu là 70% số người đăng ký. Vì vậy, nhiệm kỳ bảy năm kết thúc vào năm 2002 sẽ là nhiệm kỳ cuối cùng trong lịch sử. Từ nay trở đi, nhiệm kỳ năm năm của Tổng thống sẽ khớp với nhiệm kỳ của Quốc hội được bầu cùng một thời gian (trừ phi Quốc hội bị giải tán). Điều này dẫn tới một kết quả, theo những người đề xướng cải cách, là tránh được sự chung sống chính trị lộn xộn đi lộn lại, ngầm khẳng định rằng người Pháp sẽ trao đa số cho người mà ngay trước đó họ đã chọn làm Tổng thống. Nhưng lịch sử đã chứng minh đầy đủ rằng các phán đoán của các nhà lý luận hiến pháp có thể bị bác bỏ...

Kết luận. NĂM 2002, NỀN CỘNG HÒA ĐỆ LỤC?

Tổng thống để làm gì? Câu hỏi này liên tục trở lại và khác với các nước phát triển khác trong thế giới phương Tây, người Pháp vẫn không có một câu trả lời thuyết phục trong khi năm nền Cộng hòa đã ra đời kế tiếp nhau từ thế kỷ XIX.

Người ta đã chứng kiến trong thời gian đầu, tuyên bố chủ quyền quốc gia thay thế cho quyền quân chủ đã dẫn đến kết luận là, dù được mang một cái tên mới, nhưng không ai thay được đức vua, người có một nhiệm kỳ không vĩnh viễn: chủ quyền nằm hoàn toàn trong cuộc họp của đội ngũ các nhà lập pháp dân cử, những người lãnh đạo cơ quan hành pháp phải giới hạn ở việc thi hành luật. Khái niệm cực đoan về tư tưởng Cộng hòa mà kinh nghiệm cho thấy vẫn còn nhược điểm: kết quả là sự mất trật tự, vô chính phủ, hơn nữa lại vào một thời kỳ mà tình trạng xã hội không cho phép một sự tham gia thực sự của công dân (trừ một số ít những người ưu tú) vào việc đảm bảo chủ quyền của tập thể mà họ được cho là những người thực hiện.

Với nền Cộng hòa đệ Nhị và thời gian đầu của nền Cộng hòa đệ Tam, đảng đối lập đã lên cầm quyền. Người ta chấp nhận suy nghĩ cho rằng một công dân có thể đứng đầu cơ quan hành pháp và thi hành những quyền lực chính trong một giai đoạn ngắn; nói cách khác, người này có thể có được những đặc quyền của một nhà quân chủ. Nhưng nói về quân chủ, dù chỉ tạm thời, tức là nói đến chức năng kép, về nguyên tắc mâu thuẫn nhau: một chức năng đại diện, theo đó Tổng thống là người đại diện cho tổ quốc và có quyền miễn trừ, không phải chịu trách nhiệm; một chức năng đứng đầu cơ quan hành pháp, cơ quan mà truyền thống Cộng hòa đòi hỏi Tổng thống bị kiểm soát. Để thoát khỏi mâu thuẫn này, các nhà lập hiến năm 1848 đã tách biệt quyền hành pháp mà Tổng thống có với quyền lập pháp, được giao cho các nghị sĩ, cả hai quyền này đều do dân bầu ra bằng những lá phiếu phổ thông. Nhưng họ đã không tiên liệu được bất cứ thủ tục nào cho phép giải quyết xung đột giữa hai cơ quan này, cả hai đều hợp pháp và mang tính đại diện, giải pháp chỉ có thể nằm ở bạo lực, điều này đã xảy ra vào ngày 2/9/1851. Chính bởi vậy, những việc mà Quốc hội được bầu năm 1871 đã thực hiện, sau khi tự thoát khỏi sự điều hành của vị Tổng thống độc tài nhưng lâm thời là Adolphe Thiers, đã nhấn mạnh sự tách biệt giữa chức năng điều hành của một Tổng thống - nhà quân chủ trong tương lai, đại diện cho tổ quốc - với một Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng do Tổng thống chỉ định và phụ thuộc vào Tổng thống, nhưng chịu trách nhiệm trước các nghị sĩ về hoạt động mà Tổng thống điều hành. Người thay thế này, là người chịu trách nhiệm và có thể bị bãi miễn, không được nói tới trong các luật sửa đổi Hiến pháp năm 1875, cho thấy chính Tổng thống là người mà dưới con mắt các nhà lập hiến, đứng đầu cơ quan hành pháp.

Vậy mà cuộc xung đột ngày 16/5 và kết cục của nó, có lợi cho những người Cộng hòa, đã không thể hiện đúng mong đợi của các nhà lập pháp năm 1875. Bằng việc tuyên bố, ý định không bao giờ xung đột với cơ quan đại diện cho nhân dân, khi bước vào Điện Élysée tháng 1 năm 1879, Jules Grévy đã công khai tách biệt chức năng kép của Tổng thống. Ông vẫn là người đảm bảo cho những lợi ích lớn, đặc biệt là đại diện cho tổ quốc trong các vấn đề đối ngoại và quốc phòng. Nhưng ông lại trao cho Chủ tịch Hội đồng, người mà ông chỉ định và phải chịu trách nhiệm trước Quốc hội, vai trò làm chủ cơ quan hành pháp, nói cách khác là điều hành chính sách của nước Pháp. Vậy mà người ta lại thấy rằng sự chia tách chức năng Tổng thống xuất phát từ một cuộc cách mạng gần như liên tiếp dưới nền Cộng hòa đệ Tam và đệ Tứ, dẫn tới việc giảm vĩnh viễn chức năng Tổng thống, ông thậm chí còn mất đi cái cốt yếu trong các đặc quyền về lĩnh vực ngoại giao và quân sự, chỉ còn đóng một vai trò thuần túy danh dự, và phụ thuộc vào Chủ tịch Hội đồng, người chủ thực sự của quyền hành pháp, vào đa số trong Hội đồng Nghị sĩ (hay Quốc hội dưới thời nền Cộng hòa đệ Tứ) mà sự nghiệp chính trị của ông phải phụ thuộc vào.

Chính cuộc cách mạng mà ông cho là nguy hại này là cái mà Charles De Gaulle muốn chấm dứt

bằng việc đề xuất, từ năm 1946 trong bài diễn văn ở Bayeux của mình, một sự cải tổ quyền hành pháp, theo đó, không truy vấn trách nhiệm của Chính phủ trước Hạ viện - cơ sở của chế độ nghị viện - trao cho Tổng thống chức năng kép là đại diện cho tổ quốc và lãnh đạo quyền hành pháp, Thủ tướng chỉ đóng vai trò là người thay thế Tổng thống trong việc chịu trách nhiệm, giống như dưới thời Mac-Mahon, chứ không phải là trong các chức năng của người đứng đầu cơ quan hành pháp. Tuy nhiên, hệ thống chính trị mà ông thiết lập năm 1958, được bổ sung bằng lần sửa đổi quan trọng năm 1962 theo đó, Tổng thống do dân trực tiếp bầu ra, đã đưa cán cân đến cực điểm. Đây đúng là một nền quân chủ Cộng hòa, được ra đời dưới sự che chở của Tướng De Gaulle, mà tất cả những người kế nhiệm ông sau này luôn cố gắng duy trì. Tổng thống, được ủng hộ của đa số trong Quốc hội, không chỉ là một người đại diện cho tổ quốc, mà còn là một người có quyền lực gần như tuyệt đối trong suốt nhiệm kỳ của mình, vì thể tính chất đại nghị của chế độ (cho phép các Nghị sĩ không tán thành Tổng thống bằng cách lật đổ Chính phủ thông qua một cuộc bỏ phiếu bất tín nhiệm) chỉ là một yếu tố hình thức. Bị gò bó từ mọi hướng bằng những qui định hạn chế khả năng đưa ra sáng kiến, Quốc hội biết rằng cuộc bỏ phiếu bất tín nhiệm sẽ dẫn tới việc bị Tổng thống giải tán ngay lập tức. Việc Quốc hội chỉ thông qua một cuộc bỏ phiếu duy nhất như thế vào năm thứ 44 của nền Cộng hòa đệ Ngũ (chống lại Chính phủ của Georges Pompidou vào mùa thu năm 1962) cho thấy đối trọng quyền lực của Nghị viện chỉ là một điều viễn tưởng thuần túy.

Bù đắp cho sự thiếu vắng đối trọng quyền lực trước một quyền lực Tổng thống gần như vô hạn (Thượng viện chỉ có một vai trò thứ yếu, trừ trường hợp sửa đổi hiến pháp, và Hội đồng Hiến pháp chỉ có một chức năng kiểm tra tính hợp hiến của các đạo luật), thực tiễn chung sống chính trị xảy ra từ năm 1986 và có xu hướng được thể chế hóa trong thời gian từ 1986-2002. Bởi Nghị viện không còn thực sự đóng vai trò đối trọng quyền lực, như dưới nền Cộng hòa đệ Tam và đệ Tứ, nên lá phiếu của người dân trong các cuộc bầu cử lập pháp chống lại việc đa số ủng hộ Tổng thống đã dẫn tới việc Tổng thống phải bổ nhiệm một Thủ tướng thuộc phe đối lập. Nói cách khác, đối trọng quyền lực được thiết lập ngay trong lòng cơ quan hành pháp.

Không có bất cứ điều gì cho thấy cuộc cách mạng này là tất yếu. François Mitterrand trong những năm 1986-1988 và 1993-1995, Jacques Chirac trong năm 1997, như Charles De Gaulle đã làm, lẽ ra đã có thể cho nghĩ như sau mà không trái với các qui định của pháp luật: một cuộc bầu cử lập pháp không hề công bằng về chất lượng cũng như về độ xứng đáng so với cuộc bầu cử Tổng thống và đó không phải là cách đặt lại vấn đề về tính hợp pháp mà họ đã có được từ lá phiếu của người dân. Việc chỉ định một nhân vật phi chính trị làm Thủ tướng, đặt đa số trước thách thức phải tổ chức cuộc bỏ phiếu bất tín nhiệm với nguy cơ một lần nữa giải tán Quốc hội và nhờ đến vai trò trọng tài của người dân, chắc chắn là việc này phù hợp hơn với tinh thần, nếu không muốn nói là với từng câu chữ, trong Hiến pháp năm 1958, và có lẽ là để duy trì tính tối cao của Tổng thống. Nhưng François Mitterrand và Jacques Chirac đã nghĩ khác, dù là có lý hay không, và đã chấp nhận chung sống chính trị và việc chia một phần chức năng điều hành của mình, giữa một vai trò đại diện cho quốc gia, trong cả các vấn đề đối ngoại và quốc phòng, như đầu nền Cộng hòa đệ Tam, và một vai trò điều hành cơ quan hành pháp, vai trò được trao cho một vị Thủ tướng có đa số trong Quốc hội. Xét về nhiều mặt, cuộc bầu cử Quốc hội vào năm 2000 đã xác nhận lại quan niệm mới này về chức năng Tổng thống, theo đó cuộc bầu cử Tổng thống và bầu cử lập pháp có tầm quan trọng như nhau, dẫn tới việc làm nổi bật tầm quan trọng tương đương của Tổng thống và Thủ tướng. Như vậy, người ta đang tiến dần tới điều đã từng là mối lo ngại thường trực của các vị Tổng thống dưới nền Cộng hòa đệ Ngũ từ năm 1958, nguy cơ chính thể hai đầu, những cuộc xung đột lớn trong tương lai, trừ trường hợp tư tưởng chung sống chính trị dẫn tới việc chia sẻ có hiệu quả các đặc quyền Tổng thống - điều này đồng nghĩa với việc giảm quyền của một trong hai nhân vật chủ chốt của cơ quan hành pháp.

Phải chăng từ năm 1986, nước Pháp đang dần dần chuyển từ nền Cộng hòa đệ Ngũ sang nền Cộng hòa đệ Lục mà không hay biết, như nhiều nhà quan sát vẫn nghĩ? Câu trả lời đầu tiên nằm ở một nhận xét đã được lịch sử chứng minh: không một chế độ nào trong một giai đoạn nhất định trong nước Pháp đương đại là không thể xâm phạm trong suốt thời gian nó tồn tại, và đối với hệ thống dân chủ, không hề bất thường khi các thể chế chuyển hướng theo nhu cầu, theo

những khát khao và mong muốn của xã hội, được thể hiện qua những lá phiếu phổ thông. Thứ hai, Hiến pháp năm 1958 đặt ra đồng thời hai cách hiểu mà không loại trừ cách nào: một cách hiểu của Tổng thống, mà De Gaulle và những người kế nhiệm ông đã thắng thế, và một cách hiểu của Nghị viện, phù hợp với chính đặc trưng của một nền Cộng hòa đệ Ngũ là đề cao quyền hành pháp, dẫn tới ba cuộc chung sống chính trị từ năm 1986 đến 2002. Chính hai cách hiểu này và sự mềm dẻo mà nó tạo ra đã cho phép nền Cộng hòa đệ Ngũ thoát khỏi những cuộc khủng hoảng thể chế mà các cuộc bầu cử năm 1986, 1993, 1997 đã có thể gây ra. Cuối cùng, cách người dân Pháp đánh giá rất tích cực kinh nghiệm chung sống chính trị liệu có không gây trở lại cho quan niệm Cộng hòa truyền thống của các Tổng thống - trọng tài, tách biệt khỏi những cuộc tranh cãi tầm thường của cách chính trị gia, và cả mong muốn mới được chứng kiến các lãnh đạo hành pháp điều hành đất nước thực sự bằng một chính sách thỏa thuận về những nét chính? Vị Tổng thống đắc cử năm 2002 sẽ không thể là người của một nền Cộng hòa đệ Lục huyền thoại mà là một người của nền Cộng hòa đệ Ngũ dày dặn và cân bằng.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>